TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Địa lý kinh tế (208102) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Trang Thị Huy Nhất (288)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	12162077	NGUYỄN QUỐC HẢI	AN	30/08/94	DH12GI															
2	12124004	LÊ VĂN	BÌNH	13/05/94	DH12QL															
3	12162078	TRỊNH HOÀNG	BỬU	19/11/94	DH12GI															
4	12124153	HUỲNH TUẤN	DŨNG	16/01/94	DH12QL															
5	12124147	PHẠM ANH	DUY	08/01/94	DH12QL															
6	12162013	LÊ THỊ HUỲNH	DUYÊN	21/09/94	DH12GI															
7	12124162	ĐOÀN THỊ TRÀ	GIANG	22/12/93	DH12QL															
8	12162017	ĐẶNG THỊ NGÂN	HÀ	11/03/94	DH12GI															
9	11143050	NGUYỄN THỊ THANH	HẰNG	30/11/93	DH11QL															
10	11135010	ĐÀO DUY	HOÀNG	08/09/93	DH11TB															
11	12124028	NGUYỄN VĂN	HOÀNG	29/01/93	DH12QL															
12	12162023	NGUYỄN VĂN	HÙNG	10/05/93	DH12GI															
13	09124029	LÊ	HUY	03/02/90	DH09QL															
14	12124181	NGUYỄN QUỐC	HUY	24/05/92	DH12QL															
15	12162019	PHẠM ĐÌNH GIA	HUY	16/06/94	DH12GI															
16	12162022	NGUYỄN NGỌC	HUYỀN	12/01/94	DH12GI															
17	12124189	NGUYỄN THỊ DIỄM	HƯƠNG	09/08/93	DH12QL															
18	12124198	PHAN THÀNH	KHƯƠNG	18/10/94	DH12QL															
19	12162048	ĐINH THỊ THÚY	KIỀU	27/04/94	DH12GI															
20	12162030	VÕ THỊ THANH	LAM	28/12/94	DH12GI															
21	12124040	ĐOÀN THỊ	LAN	25/09/94	DH12QL															
22	12124202	ĐỖ THỊ	LINH	20/07/94	DH12QL															
23	12124406	LA THỊ	LINH	16/03/93	DH12QL															
24	12124045	TRẦN CHÍ	LINH	30/01/94	DH12QL															
25	12124213	DƯƠNG THÀNH	LONG	12/02/93	DH12QL															
26	12124215	PHẠM NGỌC	LỘC	27/03/94	DH12QL															
27	12162060	NGUYỄN THU	MINH	19/06/94	DH12GI															
28	12162042	VƯƠNG HUỆ	MINH	01/01/94	DH12GI															
29	12124229	NGUYỄN THỊ DIỄM	MY	18/06/94	DH12QL															
30	12124240	HUỲNH NHƯ	NGỌC	18/12/94	DH12QL															
31	12162062	ĐỖ NGUYỄN KHÔI	NGUYÊN	01/11/94	DH12GI															
32	10124130	VÕ TẤN	NGUYÊN	16/03/91	DH10QL															
33	12120302	VÕ VĂN	NGUYÊN	11/08/91	DH12KM															
34	12124245	NGUYỄN THỊ ÁNH	NGUYỆT	16/02/94	DH12QL															
35	12162084	HUỲNH ĐOÀN TRỌNG	NHÂN	19/06/94	DH12GI															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Địa lý kinh tế (208102) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Trang Thị Huy Nhất (288)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	12162001	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	02/09/93	DH12GI															
37	12124257	NGUYỄN MINH	NHỰT	19/10/94	DH12QL															
38	12162082	ĐOÀN THỊ KIM	PHỤNG	25/03/94	DH12GI															
39	12162031	LƯƠNG THỊ	PHƯƠNG	03/11/94	DH12GI															
40	12124268	ĐỖ MINH	QUANG	12/06/94	DH12QL															
41	12124269	LÊ VÕ HOÀNG TUẤN	QUÂN	25/05/94	DH12QL															
42	12162014	NGUYỄN HOÀNG	SANG	12/05/94	DH12GI															
43	12162072	NGUYỄN THỊ MINH	TÂM	16/04/94	DH12GI															
44	12124075	NGUYỄN THANH	TÂN	01/06/94	DH12QL															
45	12124281	NGUYỄN THIÊN	THANH	17/01/94	DH12QL															
46	11120119	NGUYỄN THỊ	THẢO	05/06/93	DH11KT															
47	12124288	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	12/11/93	DH12QL															
48	12124295	NGUYỄN THỊ	THÊ	24/07/94	DH12QL															
49	12333238	HỒ HOÀNG	THIỆN	02/11/94	CD12CQ															
50	12124080	NGUYỄN XUÂN	THỊNH	04/04/93	DH12QL															
51	12162058	NGUYỄN THỊ NHƯ	THƠ	01/02/94	DH12GI															
52	10135100	NGÔ THỊ	THU	29/07/91	DH10TB															
53	12124301	LÊ TRÍ	THUẬN	04/03/93	DH12QL															
54	12124302	LƯU THỊ MỘNG	THUỲ	13/04/94	DH12QL															
55	12162066	PHẠM NGUYỄN ANH	THƯ	15/10/94	DH12GI															
56	12162036	TRỊNH NGỌC ANH	THƯ	06/04/94	DH12GI															
57	12124315	NGỌ NGỌC	TÒAN	16/01/93	DH12QL															
58	12162028	ĐINH THỊ BẢO	TRÂM	03/03/94	DH12GI															
59	12124093	HÀ NGUYỄN BÍCH	TRÂM	06/03/94	DH12QL															
60	12124326	LƯU NGỌC HUYỀN	TRÂN	08/02/94	DH12QL															
61	12162008	HUỲNH THỊ MỸ	TRINH	20/10/94	DH12GI															
62	12162052	NGÔ THỊ TUYẾT	TRINH	18/06/94	DH12GI															
63	11120025	ĐOÀN BẢO	TRƯỜNG	15/07/93	DH11KT															
64	12124104	NGUYỄN THỊ THẢO	UYÊN	09/02/94	DH12QL															
65	12124105	CAO TƯỜNG	VI	29/04/94	DH12QL															
66	11120055	LÂM THỊ	VĨNH	/ /92	DH11KT															
67	12124356	PHẠM HOÀNG PHƯƠNG	VY	04/12/94	DH12QL															
68	12162076	LÊ THANH	XUÂN	27/08/94	DH12GI															
69	12162069	NGUYỄN THỊ BẢO	XUYÊN	21/01/94	DH12GI															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Địa lý kinh tế (208102) - Nhóm 03 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Trang Thị Huy Nhất (288)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	12120319	HOÀNG QUỲNH	ANH	04/01/94	DH12KT															
2	12124127	HUỲNH	ANH	27/09/94	DH12QL															
3	12124130	LÊ THỊ VÂN	ANH	03/07/94	DH12QL															
4	12124133	THÁI THỊ VÂN	ANH	07/07/94	DH12QL															
5	12162007	LÊ THỊ NGỌC	ÁNH	04/05/94	DH12GI															
6	12162018	NGÔ THỊ NGỌC	ÁNH	15/10/94	DH12GI															
7	12124137	ĐÀO NGỌC THANH	BÌNH	22/11/94	DH12QL															
8	12120047	NGUYỄN LƯU	BÌNH	25/11/94	DH12KT															
9	12120609	LÊ THỊ KIM	CƯƠNG	17/01/94	DH12KT															
10	12120369	LÊ TẤN	CƯỜNG	02/08/94	DH12KT															
11	12162085	NGUYỄN THỊ	DIỆU	20/07/94	DH12GI															
12	12120029	LÝ THANH	DUY	13/01/94	DH12KT															
13	11120067	NGUYỄN ĐÌNH	DUY	10/10/93	DH11KT															
14	12124010	PHẠM TIẾN	DUY	08/09/94	DH12QL															
15	12124150	NGUYỄN THỊ LÊ	DUYÊN	21/07/94	DH12QL															
16	12162088	TRẦN THỊ MỸ	DUYÊN	04/04/94	DH12GI															
17	12120058	NGUYỄN VIÊN THÁI	DƯƠNG	02/04/94	DH12KT															
18	12124014	NGUYỄN QUỐC THÀNH	ĐẠT	27/11/94	DH12QL															
19	12124111	LÊ NGỌC	ĐỨC	28/07/94	DH12QL															
20	12120547	NGUYỄN MINH	ĐỨC	12/08/94	DH12KT															
21	12124016	MAI VĂN	EM	20/04/94	DH12QL															
22	12162047	ĐỖ THỊ KHÁNH	HÀ	12/08/94	DH12GI															
23	12124168	PHẠM THỊ HỒNG	HẠNH	15/01/93	DH12QL															
24	12124022	LÂM THOẠI	HẰNG	20/02/93	DH12QL															
25	12162050	PHAN THỊ THANH	HẰNG	19/09/94	DH12GI															
26	12120257	LÊ THỊ DIỆU	HẬU	27/04/94	DH12KT															
27	11120070	ĐẶNG NGỌC	HIỆP	02/09/93	DH11KT															
28	12124027	PHAN THỊ	HOÀI	10/06/94	DH12QL															
29	12120262	ĐOÀN THỊ	HOAN	01/10/94	DH12KT															
30	12333089	MÃ NHƯ	HOÀNG	27/01/94	CD12CQ															
31	12124186	CHÂU THANH	HÙNG	09/11/94	DH12QL															
32	11120064	NGUYỄN VIỆT	HÙNG	20/05/93	DH11KT															
33	12120074	HOÀNG	HUY	20/08/94	DH12KT															
34	12124180	LÊ SỸ	HUY	19/05/93	DH12QL															
35	12124031	VƯƠNG ĐÌNH	HUY	01/01/94	DH12QL															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Địa lý kinh tế (208102) - Nhóm 03 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Trang Thị Huy Nhất (288)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	12120513	LÊ THỊ MỸ	HUYỀN	11/02/94	DH12KT															
37	12120033	ĐẶNG THỊ MỸ	HƯƠNG	06/01/94	DH12KT															
38	12120532	TRẦN HOÀNG	KHANG	19/06/93	DH12KT															
39	12162021	NGUYỄN TRỌNG	KHIÊM	23/10/94	DH12GI															
40	12120381	NGUYỄN THỊ NHƯ	KHUYẾN	18/12/94	DH12KT															
41	12120543	NGUYỄN TÙNG	LÂM	19/01/94	DH12KT															
42	12124200	LÊ THANH	LIÊM	21/10/94	DH12QL															
43	12120086	NGUYỄN THỊ NGỌC	LINH	20/04/94	DH12KT															
44	12124044	PHAN THỊ HOÀNG	LINH	11/03/94	DH12QL															
45	12120193	TRƯƠNG THỊ MỸ	LINH	24/05/93	DH12KT															
46	12120420	NGUYỄN THỊ PHƯỢNG	LOAN	31/01/94	DH12KT															
47	12124214	HUỲNH MINH HOÀNG	LONG	31/10/94	DH12QL															
48	12120327	LÊ ĐÌNH PHI	LONG	28/02/94	DH12KT															
49	12120174	DƯƠNG HUY HOÀNG	LỘC	19/07/94	DH12KT															
50	12162081	NGUYỄN THỊ NGỌC	MAI	05/07/94	DH12GI															
51	12124227	HUỲNH QUỐC	MINH	05/11/93	DH12QL															
52	11120010	NGUYỄN VĂN	NAM	24/12/92	DH11KT															
53	12124232	ĐỖ THỊ	NGA	01/02/94	DH12QL															
54	12120212	NGUYỄN THỊ	NGA	29/12/94	DH12KT															
55	11120022	NGÔ THỊ THU	NGÂN	10/03/93	DH11KT															
56	12120354	TRẦN THỊ	NGÂN	28/10/94	DH12KT															
57	12124236	TRƯƠNG THỊ THẢO	NGÂN	14/02/94	DH12QL															
58	12120449	NGUYỄN HOÀNG BẢO	NGỌC	24/03/94	DH12KT															
59	12124249	VÕ LÊ TUYẾT	NHI	31/01/94	DH12QL															
60	12162057	TRẦN THỊ PHƯƠNG	NHUNG	18/01/94	DH12GI															
61	12120620	TRƯƠNG HỒNG	NHƯ	09/07/94	DH12KT															
62	10135080	NGÔ THỊ KIỀU	OANH	08/01/91	DH10TB															
63	12124058	PHẠM THỊ TRÚC	OANH	25/08/94	DH12QL															
64	12124265	NGUYỄN THỊ HỒNG	PHƯƠNG	29/11/94	DH12QL															
65	12120015	VŨ HÀ	PHƯƠNG	06/08/94	DH12KT															
66	12120426	PHẠM THỊ KIM	PHƯỢNG	01/01/93	DH12KT															
67	12333422	TRIỆU THỊ MỸ	PHƯỢNG	01/10/93	CD12CQ															
68	12124067	LÊ VĂN	QUÂN	02/06/93	DH12QL															
69	12124068	NGÔ PHÚ	QUÍ	21/07/93	DH12QL															
70	12120452	NGUYỄN THỊ KIM	SA	06/09/94	DH12KT															
71	10124163	TRƯƠNG HOÀNG	SANG	27/01/92	DH10QL															
72	12162064	NGUYỄN VĂN	SÁNG	04/03/94	DH12GI															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Địa lý kinh tế (208102) - Nhóm 03 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Trang Thị Huy Nhất (288)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	12120431	BÙI CÔNG	SƠN	27/06/94	DH12KT															
74	12124074	LÊ THỊ KIỀU	TÂM	16/04/94	DH12QL															
75	12124393	NGUYỄN THỊ	TÂM	16/10/94	DH12QL															
76	11120122	TRẦN THỊ THANH THA	TÂM	25/08/93	DH11KT															
77	12124278	PHAN MINH	TÂN	05/04/94	DH12QL															
78	12124076	NGUYỄN MINH	TẤN	20/11/92	DH12QL															
79	12124282	NGUYỄN VŨ GIANG	THANH	22/08/94	DH12QL															
80	12124077	NGUYỄN TRUNG	THÀNH	12/09/94	DH12QL															
81	12120489	NGUYỄN THỊ THU	THẢO	09/03/94	DH12KT															
82	12124294	TRẦN SÁCH	THẮNG	02/09/94	DH12QL															
83	12120530	HỒ THỊ	THỂ	28/03/94	DH12KT															
84	12124081	HỒ THỊ KIM	THOA	27/05/94	DH12QL															
85	12120483	NGUYỄN ĐỨC	THUẬT	08/09/94	DH12KT															
86	12120605	HUỲNH KIM	THƯ	12/01/94	DH12KT															
87	12124306	NGUYỄN THỊ ANH	THƯ	03/03/94	DH12QL															
88	12124313	VÕ THỊ CẨM	TIÊN	13/03/94	DH12QL															
89	12124084	ĐỖ PHÁT	TIẾN	09/09/93	DH12QL															
90	12124087	NGUYỄN THỊ THU	TRANG	29/07/93	DH12QL															
91	12124322	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	01/06/92	DH12QL															
92	12124090	TRẦN NGỌC THIÊN	TRANG	01/01/94	DH12QL															
93	12120576	NGUYỄN HOÀNG	TRÂM	21/06/94	DH12KM															
94	12120568	NGUYỄN HOÀNG	TRÍ	31/12/94	DH12KT															
95	11120050	PHẠM MINH	TRÍ	17/10/93	DH11KT															
96	10124222	TRẦN BẢO	TRIỂN	14/01/92	DH10QL															
97	12120152	LÊ MINH	TRIẾT	13/03/94	DH12KT															
98	11120093	ĐOÀN VIỆT	TRINH	03/01/93	DH11KT															
99	12162075	HUỲNH THANH	TRÚC	13/11/93	DH12GI															
100	12124099	NGUYỄN VĂN	TRƯỜNG	07/09/94	DH12QL															
101	12124342	HỒ HUỲNH CẨM	TÚ	07/07/94	DH12QL															
102	12124103	NGUYỄN HUỲNH CẨM	TÚ	24/08/94	DH12QL															
103	12124101	NGUYỄN THANH	TUẤN	09/12/94	DH12QL															
104	11120101	TRẦN HOÀNG ANH	TUẤN	09/10/93	DH11KT															
105	12124344	NGUYỄN THỊ THẢO	UYÊN	03/02/94	DH12QL															
106	12120572	TIẾT THANH	VÂN	19/12/94	DH12KT															
107	12124347	TRẦN THANH	VÂN	16/12/94	DH12QL															
108	12120241	TSẦN LÂM	YẾN	10/03/93	DH12KT															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Địa lý kinh tế (208102) - Nhóm 04 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Trang Thị Huy Nhất (288)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	12124001	PHẠM VŨ HÀ	AN	12/01/94	DH12QL															
2	12120041	THÁI THANH THÚY	AN	04/04/93	DH12KT															
3	12124126	ĐỖ THỊ QUẾ	ANH	15/05/94	DH12QL															
4	12120325	HUỲNH THỊ TRÂM	ANH	18/11/94	DH12KT															
5	12124128	LÊ QUỐC	ANH	07/03/94	DH12QL															
6	12120001	HỒ THỊ	ÁNH	11/04/94	DH12KT															
7	12120181	HUỲNH THỊ	BÉ	10/03/94	DH12KT															
8	12124003	LÊ THANH	BÌNH	10/10/94	DH12QL															
9	12124005	BẠCH THỊ	CHI	27/04/94	DH12QL															
10	12120397	LÊ THỊ	CHUNG	25/03/93	DH12KT															
11	12124371	NGUYỄN VIỆT	CƯỜNG	10/08/93	DH12QL															
12	12120546	PHẠM THÚY	DÂNG	10/09/93	DH12KT															
13	12120053	NGUYỄN THỊ THU	DUNG	17/09/94	DH12KT															
14	12124146	LÊ NGỌC	DUY	07/04/93	DH12QL															
15	12162070	NÔNG THỊ	ĐỊNH	07/09/93	DH12GI															
16	12124160	NGUYỄN NGỌC	ĐỨC	12/03/93	DH12QL															
17	12120002	NGUYỄN VĂN	ĐỨC	25/10/94	DH12KT															
18	10134901	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	/ /	DH12QL															
19	12124018	DƯƠNG MINH	HẢI	30/09/92	DH12QL															
20	10134902	BÙI HỮU	HẠNH	/ /	DH12QL															
21	12120384	HOÀNG THỊ THÚY	HẰNG	15/09/94	DH12KT															
22	11120031	NGUYỄN THỊ THU	HIỀN	01/01/92	DH11KT															
23	12120072	LÝ THỊ	HOA	24/04/94	DH12KT															
24	12120336	PHAN THỊ BÍCH	HOA	02/01/94	DH12KT															
25	12120407	VÕ THỊ	HOA	06/08/94	DH12KT															
26	12120468	BÙI XUÂN	HÒA	18/04/94	DH12KT															
27	12124029	LÊ HẢI	HÒA	09/09/94	DH12QL															
28	12124177	LỤC HUY	HOÀNG	09/04/94	DH12QL															
29	12120005	TRẦN VIẾT	HUY	01/12/94	DH12KT															
30	12124033	ĐẶNG THỊ THU	HUYỀN	28/10/94	DH12QL															
31	12124035	PHẠM DUY	HƯNG	28/02/94	DH12QL															
32	12120284	TRẦN	HƯNG	16/10/94	DH12KT															
33	12162027	ĐẶNG THỊ	HƯƠNG	11/09/94	DH12GI															
34	12124038	NGUYỄN HOÀNG	KHẢI	11/07/94	DH12QL															
35	12120351	LÊ THỊ NHƯ	LIÊN	14/01/94	DH12KT															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Địa lý kinh tế (208102) - Nhóm 04 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Trang Thị Huy Nhất (288)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	12120191	LÊ THỊ MỘNG	LINH	26/02/94	DH12KT															
37	12124042	LÊ THỊ THÙY	LINH	17/06/94	DH12QL															
38	12120603	NGUYỄN THỊ NGỌC	LINH	15/05/94	DH12KT															
39	12124116	NGUYỄN THỊ THÚY	LINH	29/10/94	DH12QL															
40	12124209	TRẦN THỤY THÙY	LINH	02/11/94	DH12QL															
41	12120553	NGUYỄN THỊ KIM	LOAN	25/04/94	DH12KT															
42	12124047	PHẠM ĐÌNH	LỘC	05/01/94	DH12QL															
43	12122172	TRẦN MINH	LUÂN	06/09/94	DH12TC															
44	12124217	HÀ THỊ	LUYẾN	29/08/94	DH12QL															
45	10124111	VÕ ĐỨC	MẾN	03/05/92	DH10QL															
46	12124053	MAI ĐÌNH	NAM	10/10/93	DH12QL															
47	12120349	LÊ THỊ	NGA	05/05/94	DH12KT															
48	12120380	NGUYỄN THỊ THANH	NGA	18/01/94	DH12KT															
49	12120034	TRẦN THỊ	NGA	17/02/94	DH12KT															
50	12120447	CAO CHÍ	NGHĨA	11/09/94	DH12KT															
51	12120411	ĐỖ THỊ	NGỌC	28/03/94	DH12KT															
52	12124054	TRẦN THỊ ÁNH	NGỌC	22/02/94	DH12QL															
53	12120195	LÊ THỊ	NGUYÊN	06/08/94	DH12KT															
54	12120103	LÝ KIM	NGUYÊN	04/09/94	DH12KT															
55	12120221	THỊ	NHÀNH	19/09/92	DH12KT															
56	11120089	NGUYỄN HIỀN	NHÂN	/ /92	DH11KT															
57	12120290	NGUYỄN THỊ Ý	NHI	06/01/94	DH12KT															
58	12120196	PHẠM THỊ TUYẾT	NHI	19/06/94	DH12KT															
59	12120244	NGÔ THỊ MỸ	NHUNG	18/06/94	DH12KT															
60	12124380	ĐỖ QUỲNH	NHƯ	14/01/94	DH12QL															
61	12162025	NGUYỄN HUỲNH	NHƯ	15/09/94	DH12GI															
62	12333090	NGUYỄN THỊ QUỲNH	NHƯ	28/01/93	CD12CQ															
63	10121003	PHÙNG XUÂN	NHƯỢNG	10/11/91	DH10PT															
64	12120110	LÊ THỊ	NỮ	12/08/94	DH12KT															
65	12124059	HUỲNH TẤN	PHÁT	16/04/94	DH12QL															
66	12120559	NGUYỄN THỊ KIM	PHỤNG	25/04/94	DH12KT															
67	12120117	TRẦN THỊ THANH	PHƯƠNG	22/07/94	DH12KT															
68	12124066	NGUYỄN THỊ	PHƯỢNG	11/05/94	DH12QL															
69	12120294	NGUYỄN THỊ XUYÊN	QUÝ	11/12/94	DH12KT															
70	12120462	LÊ THẢO	QUYÊN	08/09/94	DH12KT															
71	12120412	NGUYỄN THỊ THÙY	SANG	10/05/94	DH12KT															
72	12120018	VÒNG ĐÌNH	SANG	28/10/94	DH12KT															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Địa lý kinh tế (208102) - Nhóm 04 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Trang Thị Huy Nhất (288)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	12124271	PHAN THỊ	SỈNH	04/09/93	DH12QL															
74	12124274	PHẠM THÁI	SƠN	19/10/94	DH12QL															
75	12124072	NGUYỄN XUÂN	SƯỚNG	28/05/94	DH12QL															
76	12124121	ĐẶNG THỊ THU	TÀI	07/12/94	DH12QL															
77	12124073	LÊ CHÂU	TÂM	27/02/94	DH12QL															
78	12124394	NGUYỄN THỊ	TÂM	18/06/94	DH12QL															
79	12162051	NGUYỄN TRUNG	THÀNH	27/11/93	DH12GI															
80	12120127	PHAN THỊ THANH	THẢO	08/02/94	DH12KT															
81	12120562	NINH THỊ	THẮM	10/12/93	DH12KT															
82	12124078	ĐOÀN NGỌC	THẮNG	29/04/93	DH12QL															
83	12124296	TĂNG THỊ THANH	THI	02/02/94	DH12QL															
84	12124297	LÂM QUANG	THỊNH	10/08/94	DH12QL															
85	12120385	ĐẶNG THỊ	THU	20/02/93	DH12KT															
86	12124300	HUỲNH THỊ MỘNG	THU	27/06/94	DH12QL															
87	11120016	NGŨ NỮ YẾN	THU	06/06/91	DH11KT															
88	12124385	NGUYỄN PHƯƠNG	THUỲ	10/09/94	DH12QL															
89	12120515	BÙI THỊ	THỦY	23/11/94	DH12KM															
90	12120608	NGÔ THỊ	THÚY	12/05/94	DH12KT															
91	12120132	NGUYỄN THỊ THANH	THUÝ	17/01/94	DH12KT															
92	10135105	NGUYỄN PHẠM ANH	THƯ	06/06/92	DH10TB															
93	11121010	NGUYỄN THỊ THƯƠNG	THƯƠNG	09/06/92	DH11KT															
94	12124311	PHAN THÙY	TIÊN	01/11/94	DH12QL															
95	12124318	LÊ THỊ DIỆU	TRANG	08/08/93	DH12QL															
96	12124325	LÊ THỊ HUYỀN	TRÂN	20/10/94	DH12QL															
97	12333455	LÊ THỊ THANH	TRÚC	20/07/94	CD12CQ															
98	12120026	LÊ THANH	TRUNG	29/05/94	DH12KT															
99	12124337	LÊ THỊ	TUYỀN	03/03/94	DH12QL															
100	12162068	LÊ THỊ MINH	TUYẾT	28/09/94	DH12GI															
101	12120207	NGUYỄN THỊ	VÂN	02/02/94	DH12KT															
102	12120163	TRỊNH BÍCH	VÂN	01/04/94	DH12KT															
103	12124349	NGUYỄN TRẦN THỊ MẪ	VINH	04/01/94	DH12QL															
104	12120179	ĐỖ THỊ	VUI	05/05/94	DH12KT															
105	12120386	NGUYỄN THỊ	VƯƠNG	22/05/94	DH12KT															
106	12124355	NGUYỄN THỊ NGỌC	VY	30/04/94	DH12QL															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Địa lý kinh tế (208102) - Nhóm 05 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Trang Thị Huy Nhất (288)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	11121011	BÙI HỮU	ÁI	06/10/92	DH11KT															
2	12162035	NGUYỄN LÝ	BẰNG	14/08/94	DH12GI															
3	13124059	NGUYỄN THỊ HỒNG	ĐÀO	04/01/95	DH13QL															
4	13124061	DƯƠNG TIẾN	ĐẠT	13/07/95	DH13QL															
5	13124062	LÊ NGUYỄN PHÁT	ĐẠT	09/10/95	DH13QL															
6	13124064	PHẠM VĂN	ĐẠT	23/07/95	DH13QL															
7	13124066	VÕ CÔNG	ĐOAN	27/11/94	DH13QL															
8	13124067	PHÙNG VĂN	ĐOÀN	06/06/95	DH13QL															
9	13124068	LƯƠNG QUỲNH	ĐỨC	22/12/95	DH13QL															
10	13124073	PHẠM THỊ HƯƠNG	GIANG	30/05/94	DH13QL															
11	13124072	PHAN LÊ HOÀNG	GIANG	02/05/95	DH13QL															
12	13124074	TRẦN THỊ THÙY	GIANG	26/04/95	DH13QL															
13	13124075	TRẦN THỊ NGỌC	GIÀU	09/09/93	DH13QL															
14	13124077	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	07/09/95	DH13QL															
15	13124078	NGUYỄN THÚY	HÀ	09/03/95	DH13QL															
16	13124084	TRỊNH HỒNG	HẢI	02/08/95	DH13QL															
17	13124085	BÙI THỊ HỒNG	HẠNH	06/10/95	DH13QL															
18	13124087	LƯƠNG HỒNG	HẠNH	02/08/95	DH13QL															
19	13124088	TẠ THỊ MỸ	HẠNH	08/03/95	DH13QL															
20	13124082	MAI GIA	HÀO	19/12/94	DH13QL															
21	13124089	DƯƠNG THÚY	HẰNG	11/07/94	DH13QL															
22	13124091	TRẦN PHẠM THÚY	HẰNG	22/08/95	DH13QL															
23	13124092	VÕ THỊ THU	HẰNG	12/06/95	DH13QL															
24	13124094	NGUYỄN HOÀNG	HÂN	09/01/94	DH13QL															
25	13124097	PHẠM THỊ NGỌC	HÂN	22/09/94	DH13QL															
26	13124100	NGUYỄN THỊ	HẬU	24/02/95	DH13QL															
27	13124103	NGÔ THỊ THU	HIỀN	16/06/95	DH13QL															
28	13124104	NGUYỄN THANH	HIỀN	08/03/95	DH13QL															
29	13124107	NGUYỄN THỊ NGỌC	HIỀN	20/10/95	DH13QL															
30	13124109	TỪ THỊ DIỆU	HIỀN	06/06/94	DH13QL															
31	13124110	VÕ THỊ DIỆU	HIỀN	04/05/95	DH13QL															
32	13124112	NGUYỄN THÁI	HIẾU	22/04/95	DH13QL															
33	13124113	NGUYỄN THỊ	HIẾU	15/04/95	DH13QL															
34	13124114	TRẦN MINH	HIẾU	15/06/95	DH13QL															
35	13124115	TRƯƠNG THỊ	HIẾU	01/08/95	DH13QL															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Địa lý kinh tế (208102) - Nhóm 05 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Trang Thị Huy Nhất (288)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	13124116	HUỲNH NGỌC	HOA	08/12/95	DH13QL															
37	13124118	TRẦN THỊ	HOA	22/05/95	DH13QL															
38	13124124	NGUYỄN QUỐC	HÒA	15/05/93	DH13QL															
39	13124125	BÙI THANH	HỒNG	26/11/94	DH13QL															
40	13124131	MAI THỊ	HUỆ	10/10/95	DH13QL															
41	13124143	LÊ QUỐC	HÙNG	22/07/95	DH13QL															
42	13124144	NGUYỄN VĂN	HÙNG	20/10/95	DH13QL															
43	13124145	PHẠM VĂN	HÙNG	24/08/94	DH13QL															
44	13124136	NGUYỄN QUỐC	HUY	23/05/90	DH13QL															
45	13124138	TRẦN NGỌC QUỐC	HUY	18/09/95	DH13QL															
46	13124139	HUỲNH THỊ NGỌC	HUYỀN	16/11/95	DH13QL															
47	13124142	LÊ ĐẠI	HUYNH	08/04/95	DH13QL															
48	13124149	NGUYỄN TẤN	HƯNG	16/04/95	DH13QL															
49	13124150	HỒ NGỌC KIM	HƯƠNG	22/12/95	DH13QL															
50	13124151	NGUYỄN THỊ DÁNG	HƯƠNG	26/04/95	DH13QL															
51	13124153	BÙI THANH	HƯỜNG	17/09/95	DH13QL															
52	13124159	NGUYỄN QUANG	KHẢI	14/05/95	DH13QL															
53	13124160	LÊ HỒNG	KHÁNH	21/07/94	DH13QL															
54	13124164	PHAN VŨ ĐĂNG	KHOA	02/03/95	DH13QL															
55	13124167	HỒ TUẤN	KIỆT	07/11/95	DH13QL															
56	13124169	LÊ HOÀNG ANH	KIỆT	24/01/95	DH13QL															
57	13124166	TRẦN THỊ MỘNG	KIỀU	07/10/95	DH13QL															
58	13124173	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	LAM	14/12/95	DH13QL															
59	13124174	VĂN THỊ	LAN	20/06/95	DH13QL															
60	13124177	PHẠM NGỌC	LÂM	12/11/95	DH13QL															
61	13124178	NGUYỄN THỊ MỸ	LỆ	24/03/95	DH13QL															
62	13124179	ĐÀO THỊ TRÚC	LINH	28/01/95	DH13QL															
63	13124180	ĐỖ HỒNG	LINH	27/02/95	DH13QL															
64	13124181	HỒ HỮU LƯU	LINH	24/09/95	DH13QL															
65	13124182	HUỲNH THỊ PHƯƠNG	LINH	03/02/95	DH13QL															
66	13124183	HUỲNH THỊ THÚY	LINH	10/03/95	DH13QL															
67	13124184	LÊ THỊ THÙY	LINH	20/11/94	DH13QL															
68	13124186	NGUYỄN TRẦN VIỆT	LINH	23/03/95	DH13QL															
69	13124187	NGUYỄN VĂN	LINH	07/10/95	DH13QL															
70	13124191	TRẦN LÊ THẢO	LINH	11/04/95	DH13QL															
71	13124194	TRƯƠNG ĐOÀN HUỲNH	LONG	15/09/95	DH13QL															
72	13124195	ĐINH THÀNH	LỘC	10/05/95	DH13QL															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Địa lý kinh tế (208102) - Nhóm 05 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Trang Thị Huy Nhất (288)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	13124196	TRẦN BỬU	LỘC	20/12/95	DH13QL															
74	13124199	PHẠM TOÀN	LỢI	20/03/95	DH13QL															
75	13124200	TẠ THÀNH	LỢI	23/03/95	DH13QL															
76	13124201	TRẦN THỊ	LỢI	30/05/95	DH13QL															
77	13124203	PHAN THỊ	LỤA	/ /95	DH13QL															
78	13124205	NGUYỄN THỊ CAM	LY	01/01/95	DH13QL															
79	13124206	NGUYỄN THỊ HỒNG	LY	06/11/95	DH13QL															
80	13124207	NGUYỄN THỊ TRÚC	LY	28/09/95	DH13QL															
81	13124209	BÙI NGỌC	MAI	08/01/95	DH13QL															
82	13124210	CHU THỊ NGỌC	MAI	01/01/95	DH13QL															
83	13124215	DOÃN TIẾN	MINH	19/12/95	DH13QL															
84	13124216	NGUYỄN KHÁNH	MINH	26/09/95	DH13QL															
85	13124219	NGUYỄN THỊ DIỄM	MY	16/07/95	DH13QL															
86	13124220	NÔNG NGUYỄN ÁI	MY	21/12/95	DH13QL															
87	13124224	TRẦN SƠN	NAM	06/09/94	DH13QL															
88	13124225	DƯƠNG THANH	NGA	06/01/94	DH13QL															
89	13124226	ĐẶNG THỊ TUYẾT	NGA	08/10/95	DH13QL															
90	13124229	PHẠM THỊ KIM	NGÂN	27/09/95	DH13QL															
91	13124230	TĂNG THỊ THÙY	NGÂN	25/04/95	DH13QL															
92	13124231	TRƯƠNG THỊ KIM	NGÂN	22/10/95	DH13QL															
93	13124233	LÊ HỮU	NGHĨA	09/06/94	DH13QL															
94	13124235	TRẦN THỊ	NGHĨA	10/03/94	DH13QL															
95	13124236	VÕ ÁI	NGHĨA	12/09/94	DH13QL															
96	13124237	DƯƠNG BẢO	NGỌC	25/03/95	DH13QL															
97	13124238	ĐẶNG THỊ BẢO	NGỌC	10/07/95	DH13QL															
98	13124242	NGUYỄN HOÀNG	NGỌC	26/01/95	DH13QL															
99	13124244	NGUYỄN THỊ HỒNG	NGỌC	13/01/95	DH13QL															
100	13124245	NGUYỄN THỊ KIM	NGỌC	26/10/95	DH13QL															
101	13124247	LƯU THỊ KIM	NGÔN	12/11/95	DH13QL															
102	13124249	ĐẶNG BẢO	NGUYÊN	26/04/94	DH13QL															
103	12124243	LÝ THÁI	NGUYÊN	04/10/94	DH12QL															
104	13124251	ĐẶNG NHƯ	NGUYỆT	12/02/95	DH13QL															
105	13124256	NGUYỄN THÀNH	NHÂN	08/11/95	DH13QL															
106	13124259	NGUYỄN HỒNG	NHẬT	26/11/95	DH13QL															
107	13124260	TRẦN NGUYỄN MINH	NHẬT	29/04/94	DH13QL															
108	13124262	LÊ THỊ THẢO	NHI	08/05/95	DH13QL															
109	12124119	TRƯƠNG THỊ MỸ	SANG	16/06/94	DH12QL															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Địa lý kinh tế (208102) - Nhóm 05 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Trang Thị Huy Nhất (288)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
110	12162038	LÂM THANH	SÂM	03/02/93	DH12GI															
111	12120126	NGUYỄN THỊ THU	THẢO	10/02/92	DH12KT															
112	12162073	NGUYỄN NGỌC MINH	TIẾN	15/02/94	DH12GI															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Địa lý kinh tế (208102) - Nhóm 06 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Trang Thị Huy Nhất (288)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	13124002	LÊ THỊ BÌNH	AN	30/11/95	DH13QL															
2	13124014	TRẦN ĐỨC	ANH	29/05/95	DH13QL															
3	13124016	TRẦN THỊ KIM	ANH	18/07/95	DH13QL															
4	13124025	DƯƠNG HỒ TRUNG	BẢO	04/03/92	DH13QL															
5	12120238	TRẦN NHỊT	BẨU	15/11/94	DH12KT															
6	13124030	NGUYỄN THỊ TRÚC	CẦM	10/08/93	DH13QL															
7	12120334	HỨA MINH	CHÁNH	25/06/94	DH12KT															
8	13124038	NGUYỄN THỊ	DIỂM	25/10/95	DH13QL															
9	13124041	TRẦN MỸ	DIỆN	01/01/95	DH13QL															
10	13124051	TRẦN THỊ MỸ	DUYÊN	06/01/95	DH13QL															
11	13124053	LÊ THỊ ÁNH	DƯƠNG	24/01/95	DH13QL															
12	13124063	NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	06/04/95	DH13QL															
13	13124069	NGUYỄN HỮU	ĐỨC	15/03/95	DH13QL															
14	13124071	NGUYỄN THỊ	GIANG	27/06/95	DH13QL															
15	13124076	NGUYỄN THỊ KIM	GIÁP	10/02/94	DH13QL															
16	13124546	EÍNH TH?	H?NG	13/04/94	DH13QL															
17	13124079	PHẠM HOÀNG	HÀ	11/09/95	DH13QL															
18	13124086	LÊ NGỌC	HẠNH	04/09/95	DH13QL															
19	12124021	TRẦN THỊ KIM	HẠNH	09/05/94	DH12QL															
20	13124081	DƯƠNG HỒNG	HÀO	10/08/95	DH13QL															
21	13124090	PHẠM THỊ MỸ	HẰNG	28/07/95	DH13QL															
22	13124096	NGUYỄN NGỌC	HÂN	24/04/95	DH13QL															
23	13124098	ĐỖ KIM	HẬU	08/03/94	DH13QL															
24	13124102	HUỲNH NGỌC	HIỀN	18/10/95	DH13QL															
25	13124105	NGUYỄN THỊ	HIỀN	24/04/95	DH13QL															
26	13124111	HOÀNG LÊ TRUNG	HIẾU	28/02/95	DH13QL															
27	13124117	NGUYỄN THỊ	HOA	14/12/95	DH13QL															
28	13124127	NGUYỄN LÊ KHÁNH	HỒNG	08/03/95	DH13QL															
29	13124128	NGUYỄN THỊ	HỒNG	15/10/95	DH13QL															
30	13124129	NGUYỄN THỊ	HỒNG	14/06/95	DH13QL															
31	13124130	BÙI THỊ	HUỆ	10/11/95	DH13QL															
32	12120280	ĐẶNG THỊ HỒNG	HUỆ	09/04/94	DH12KT															
33	13124132	NGUYỄN THỊ ÁNH	HUỆ	16/10/95	DH13QL															
34	13124133	NGUYỄN THỊ MỸ	HUỆ	26/08/95	DH13QL															
35	13124146	TRẦN DUY	HÙNG	12/08/94	DH13QL															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Địa lý kinh tế (208102) - Nhóm 06 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Trang Thị Huy Nhất (288)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	13124134	NGUYỄN HOÀNG	HUY	19/12/95	DH13QL															
37	13124135	NGUYỄN QUỐC	HUY	20/10/94	DH13QL															
38	13124147	LANG THẾ	HƯNG	12/12/95	DH13QL															
39	13124148	NGUYỄN PHƯỚC	HƯNG	20/02/95	DH13QL															
40	13124154	PHẠM THỊ NGỌC	HƯỜNG	12/01/95	DH13QL															
41	13124155	HÀ TRỌNG	HỮU	08/12/95	DH13QL															
42	13124161	LÊ ĐĂNG	KHOA	14/08/95	DH13QL															
43	13124163	NGUYỄN TRƯỜNG ANH	KHOA	12/07/95	DH13QL															
44	13124549	DOANH É?C	KHU	03/08/93	DH13QL															
45	13124168	LÊ HOÀNG	KIỆT	16/05/95	DH13QL															
46	13124170	NGUYỄN VŨ	KIỆT	07/10/94	DH13QL															
47	13124175	NGUYỄN THỊ ÁI	LÂM	12/03/94	DH13QL															
48	13124552	LINH TH?	LI?U	09/09/94	DH13QL															
49	13124189	PHAN THỊ MAI	LINH	21/12/95	DH13QL															
50	13124551	LỤ TH?	LIỜM	21/12/94	DH13QL															
51	12124211	MAI NGỌC	LOAN	12/10/94	DH12QL															
52	13124192	PHAN THỊ NGỌC	LOAN	25/11/95	DH13QL															
53	13124554	PHUONG TH? NG?C	LOAN	01/07/93	DH13QL															
54	13124193	TRẦN THỊ	LOAN	25/10/95	DH13QL															
55	13124197	TRƯƠNG BẢO	LỘC	10/09/95	DH13QL															
56	13124198	VÕ BỬU	LỘC	24/06/95	DH13QL															
57	13124202	CAO THÀNH	LUÂN	02/07/94	DH13QL															
58	13124204	NGUYỄN NGỌC	LƯU	10/01/95	DH13QL															
59	12124222	ĐOÀN THỊ TUYẾT	MAI	14/06/94	DH12QL															
60	13124212	HỨA THỊ	MAY	08/09/95	DH13QL															
61	13124213	NGUYỄN KIM	MẾN	02/03/95	DH13QL															
62	13124214	HỒ THỊ MI	MI	10/10/95	DH13QL															
63	13124218	TỪ ANH	MINH	12/06/95	DH13QL															
64	13124221	NGUYỄN KHÁNH	MỸ	10/05/95	DH13QL															
65	13124222	NGUYỄN THỊ	MỴ	05/01/95	DH13QL															
66	13124223	PHẠM HỮU	NAM	14/08/95	DH13QL															
67	13124227	CHÂU THỊ KIM	NGÂN	01/03/95	DH13QL															
68	13124228	PHẠM HOÀNG KIỀU	NGÂN	20/06/95	DH13QL															
69	13124232	TRƯƠNG THỊ KIM	NGÂN	18/12/95	DH13QL															
70	13124234	NGUYỄN THÀNH	NGHĨA	07/03/95	DH13QL															
71	13124239	LÊ NỮ BÍCH	NGỌC	26/04/95	DH13QL															
72	13124240	LÊ THẾ	NGỌC	18/01/95	DH13QL															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Địa lý kinh tế (208102) - Nhóm 06 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Trang Thị Huy Nhất (288)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	13124241	NGÔ THỊ BÍCH	NGỌC	15/07/94	DH13QL															
74	12162046	NGUYỄN ĐÌNH	NGỌC	19/10/93	DH12GI															
75	13124257	PHẠM PHƯỚC	NHÂN	05/03/95	DH13QL															
76	13124258	VÕ HOÀNG	NHÂN	01/02/95	DH13QL															
77	13124268	CAO VĂN	NHỦ	15/08/94	DH13QL															
78	13124265	HOÀNG NHI HỒNG	NHUNG	26/07/94	DH13QL															
79	13124267	NGUYỄN THỊ CẨM	NHUNG	20/07/95	DH13QL															
80	13124269	HUỲNH YÊN	NHƯ	18/01/95	DH13QL															
81	13124270	LÊ TRẦN QUỲNH	NHƯ	03/09/95	DH13QL															
82	13124271	NGUYỄN HUỲNH	NHƯ	13/10/95	DH13QL															
83	13124272	NGUYỄN THỊ QUỲNH	NHƯ	11/08/95	DH13QL															
84	13124273	NGUYỄN THỊ TRÚC	NHƯ	25/10/95	DH13QL															
85	13124277	TRẦN THỊ TUYẾT	NỮ	18/10/95	DH13QL															
86	13124275	NGUYỄN THỊ TUYẾT	NƯƠNG	20/07/95	DH13QL															
87	13124278	ĐỖ THỊ NGỌC	OANH	01/04/95	DH13QL															
88	13124279	NGUYỄN THỊNH	PHÁT	07/12/95	DH13QL															
89	13124280	LÊ THỊ YẾN	PHI	/ /95	DH13QL															
90	13124281	TRẦN HỮU	PHONG	06/01/95	DH13QL															
91	13124282	CAO THỊ THANH	PHÚC	10/11/95	DH13QL															
92	13124283	NGÔ HỒNG	PHÚC	05/01/95	DH13QL															
93	13124284	TRẦN HỮU	PHÚC	22/03/95	DH13QL															
94	13124285	TRỊNH HỒNG	PHÚC	15/03/95	DH13QL															
95	13124286	HỒ THỊ KIM	PHỤNG	12/10/95	DH13QL															
96	13124288	TRẦN THỊ	PHỤNG	15/02/95	DH13QL															
97	13124296	DIỆP MINH	PHƯỚC	06/08/94	DH13QL															
98	13124290	ĐINH THỊ KIM	PHƯƠNG	07/05/95	DH13QL															
99	13124291	LÊ THẾ	PHƯƠNG	14/04/94	DH13QL															
100	13124292	MAI THỊ	PHƯƠNG	01/09/95	DH13QL															
101	13124293	TRẦN NHẬT ANH	PHƯƠNG	01/02/95	DH13QL															
102	13124294	TRẦN THỊ HOÀI	PHƯƠNG	28/02/95	DH13QL															
103	13124295	TRƯƠNG HỒNG	PHƯƠNG	10/10/95	DH13QL															
104	13124298	TRẦN VIỆT	QUANG	28/03/94	DH13QL															
105	13124299	TRẦN MINH	QUÂN	04/04/95	DH13QL															
106	13124302	NGUYỄN VĂN	QUỐC	01/01/95	DH13QL															
107	13124303	HUỲNH THỊ KIM	QUY	20/10/95	DH13QL															
108	13124309	NGUYỄN THỊ NGỌC	QUÝ	25/05/94	DH13QL															
109	13124310	PHẠM CÔNG	QUÝ	01/03/94	DH13QL															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Địa lý kinh tế (208102) - Nhóm 06 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Trang Thị Huy Nhất (288)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
110	13124304	ĐỖ THỊ THẢO	QUYÊN	14/05/95	DH13QL															
111	13124305	THÁI THỊ	QUYÊN	13/10/95	DH13QL															
112	13124306	PHẠM VĂN NHÂN	QUYỀN	01/01/95	DH13QL															
113	13124307	HỒ THỊ XUÂN	QUỲNH	27/08/95	DH13QL															
114	13124308	NGUYỄN THỊ NHƯ	QUỲNH	05/06/95	DH13QL															
115	13124311	NGUYỄN TẤN	SANG	14/10/95	DH13QL															
116	13124312	TRẦN VĂN	SANG	23/03/94	DH13QL															
117	13124315	NGUYỄN THANH	SƠN	22/12/95	DH13QL															
118	13124316	TÔ ĐÌNH	SƠN	22/06/95	DH13QL															
119	13124317	VÕ MINH	SƠN	09/11/95	DH13QL															
120	13124320	PHẠM QUỐC	SỰ	28/02/95	DH13QL															
121	13124318	HUỲNH THỊ TUYẾT	SƯƠNG	30/01/95	DH13QL															
122	13124319	NGUYỄN THỊ THẢO	SƯƠNG	04/06/95	DH13QL															
123	13124321	ĐINH VĂN	SỸ	04/08/95	DH13QL															
124	13124323	LƯU ĐỨC THIÊN	TÀI	18/04/95	DH13QL															
125	13124324	LƯU THỊ KIÊN	TÂM	04/07/95	DH13QL															
126	13124325	NGUYỄN CẢNH	TÂM	27/05/95	DH13QL															
127	13124326	NGUYỄN ĐÌNH	TÂM	06/01/93	DH13QL															
128	13124327	NGUYỄN THẾ	TÂM	20/04/95	DH13QL															
129	13124329	TRẦN THỊ MINH	TÂM	01/05/95	DH13QL															
130	13124330	NGUYỄN VĂN	TÂN	01/04/93	DH13QL															
131	13124331	VĂN KHÁNH	TÂN	16/11/95	DH13QL															
132	13124341	LÊ THANH	THẢ	06/09/95	DH13QL															
133	13124358	NGUYỄN HOÀNG QUỐC	THÁI	02/07/95	DH13QL															
134	13124359	NGUYỄN LÊ HỒNG	THÁI	08/09/95	DH13QL															
135	13124360	THỦY NGỌC	THÁI	18/02/94	DH13QL															
136	13124333	HỒ THỊ TỐ	THANH	11/08/95	DH13QL															
137	13124334	LAI YẾN	THANH	30/01/95	DH13QL															
138	13124335	NGUYỄN THỊ THU	THANH	06/10/95	DH13QL															
139	13124337	TRẦN CHÍ	THANH	23/05/95	DH13QL															
140	13124339	TRẦN THỊ MỸ	THANH	27/12/95	DH13QL															
141	13124340	PHẠM CÔNG	THÀNH	04/08/95	DH13QL															
142	13124344	ĐOÀN THỊ	THẢO	10/02/95	DH13QL															
143	13124345	HỒ THỊ THANH	THẢO	18/01/95	DH13QL															
144	13124346	HUỲNH THỊ THANH	THẢO	12/08/94	DH13QL															
145	13124347	LƯƠNG HỒNG	THẢO	03/08/95	DH13QL															
146	13124348	MAI THỊ THU	THẢO	10/06/95	DH13QL															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Địa lý kinh tế (208102) - Nhóm 06 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Trang Thị Huy Nhất (288)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
147	13124349	NGUYỄN DƯƠNG THANH	THẢO	26/01/95	DH13QL															
148	13124352	NGUYỄN THỊ NHƯ	THẢO	24/10/95	DH13QL															
149	13124353	NGUYỄN THU	THẢO	03/06/95	DH13QL															
150	13124354	TRẦN THỊ THANH	THẢO	08/11/95	DH13QL															
151	13124355	TRẦN THỊ THU	THẢO	30/07/95	DH13QL															
152	13124357	VŨ THỊ PHƯƠNG	THẢO	05/04/95	DH13QL															
153	13124361	NGUYỄN THỊ HỒNG	THẮM	27/07/95	DH13QL															
154	13124362	ĐẶNG QUANG	THẮNG	04/01/95	DH13QL															
155	13124363	HUỲNH MINH	THẮNG	12/01/95	DH13QL															
156	13124364	LIÊU	THI	08/09/94	DH13QL															
157	13124367	PHAN QUANG	THI	22/08/95	DH13QL															
158	13124368	TRẦN THỊ MAI	THI	05/11/95	DH13QL															
159	13124369	NGÔ THỪA	THIỆN	01/05/95	DH13QL															
160	13124370	HỒ ĐẮC MINH	THỊNH	18/04/95	DH13QL															
161	13124372	LÊ MINH	THU	17/11/95	DH13QL															
162	13124373	LÊ THỊ NGỌC	THU	03/12/95	DH13QL															
163	13124374	NGÔ THỊ CẨM	THU	17/02/95	DH13QL															
164	13124376	TRẦN MAI	THU	09/10/95	DH13QL															
165	13124377	CAO THANH	THUẤN	09/08/95	DH13QL															
166	13124378	BÙI QUANG	THUẬN	13/06/95	DH13QL															
167	13124379	LƯU ĐỨC	THUẬN	25/09/95	DH13QL															
168	13124380	PHAN LĨ GIA	THUẬN	30/06/95	DH13QL															
169	13124381	TRẦN MINH	THUẬN	08/08/94	DH13QL															
170	13124386	PHAN THỊ	THÙY	20/12/95	DH13QL															
171	13124388	NGUYỄN THỊ NHƯ	THỦY	01/01/95	DH13QL															
172	13124389	ĐẶNG THỊ THANH	THÚY	16/05/95	DH13QL															
173	13124390	NGUYỄN NGỌC	THÚY	20/03/95	DH13QL															
174	13124383	NGUYỄN THỊ	THÚY	05/08/95	DH13QL															
175	13124384	VŨ THỊ	THÚY	22/04/95	DH13QL															
176	13124385	KHÚC LINH	THỤY	14/11/95	DH13QL															
177	13124393	NGUYỄN VŨ MINH	THƯ	26/03/95	DH13QL															
178	13124394	TÔ NGỌC MINH	THƯ	14/01/95	DH13QL															
179	13124403	PHẠM THỊ THỦY	TIÊN	15/01/95	DH13QL															
180	13124415	TRẦN THỊ	TRANG	08/09/95	DH13QL															
181	13124420	HUỲNH NGỌC	TRÂM	18/06/95	DH13QL															
182	13124431	NGUYỄN THỊ MỸ	TRINH	21/10/95	DH13QL															
183	13124441	LÊ	TRUNG	25/02/94	DH13QL															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Địa lý kinh tế (208102) - Nhóm 06 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Trang Thị Huy Nhất (288)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
184	13124443	NGUYỄN HIẾU	TRUNG	02/04/95	DH13QL															
185	13124455	LÊ HUỲNH	TRƯỚC	28/10/95	DH13QL															
186	13124450	NGUYỄN DUY	TRƯỜNG	30/09/94	DH13QL															
187	13124451	NGUYỄN MINH	TRƯỜNG	25/07/95	DH13QL															
188	13124453	TẠ NHẬT	TRƯỜNG	10/10/95	DH13QL															
189	13124454	VY ĐÌNH	TRƯỜNG	04/04/95	DH13QL															
190	13124466	VÕ THỊ THANH	TUYỀN	02/10/95	DH13QL															
191	12124407	BẾ THỊ KIM	TUYẾN	11/11/93	DH12QL															
192	12124345	TRẦN LÊ HOÀNG	VĂN	21/01/94	DH12QL															
193	13124474	PHAN THỊ AN	VI	04/02/95	DH13QL															
194	13124481	TRẦN HOÀNG	VŨ	24/04/95	DH13QL															
195	13124487	NGUYỄN KHÁNH	VY	06/12/95	DH13QL															
196	13124488	NGUYỄN THANH	VY	25/09/95	DH13QL															
197	13124496	NGUYỄN THỊ KIM	YẾN	29/08/95	DH13QL															
198	12124358	PHẠM THỊ	YẾN	20/12/94	DH12QL															
199	13124497	PHẠM THỤY HOÀNG	YẾN	01/05/95	DH13QL															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Địa lý kinh tế (208102) - Nhóm 07 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Trang Thị Huy Nhất (288)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	13124548	K'BỠN		10/12/93	DH13QL															
2	13124003	MAI THỊ THANH	AN	08/06/95	DH13QL															
3	13124004	NGUYỄN THANH	AN	11/04/95	DH13QL															
4	13124005	PHAN THỊ THÚY	AN	08/11/95	DH13QL															
5	13124006	PHƯƠNG BẢO	AN	26/09/94	DH13QL															
6	13124007	TRẦN THỊ THU	AN	03/02/95	DH13QL															
7	13124008	LÊ TUẤN	ANH	10/10/94	DH13QL															
8	13124011	NGUYỄN TUẤN	ANH	26/02/94	DH13QL															
9	13124012	PHẠM THỊ KIM	ANH	29/09/95	DH13QL															
10	13124017	TRẦN THỊ NGỌC	ANH	20/05/95	DH13QL															
11	13124018	TRẦN TUẤN	ANH	22/10/95	DH13QL															
12	13124019	VŨ MAI NGỌC	ANH	18/05/95	DH13QL															
13	13124020	BÙI THANH	ÁNH	26/11/94	DH13QL															
14	13124021	NGUYỄN THỊ KIM	ÁNH	23/06/95	DH13QL															
15	13124022	TRẦN THỊ NGỌC	ÁNH	04/09/95	DH13QL															
16	13124023	NGUYỄN THỊ HỒNG	ÂN	20/08/95	DH13QL															
17	13124026	NGUYỄN CHÍ	BẢO	26/11/95	DH13QL															
18	13124027	NGUYỄN NHƯ	BẢO	02/01/94	DH13QL															
19	13124028	PHẠM THÁI	BẢO	07/04/94	DH13QL															
20	13124029	VÕ HOÀI	BÃO	22/09/95	DH13QL															
21	13124544	HOàNG VAN	BỘ	10/12/93	DH13QL															
22	13124031	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	CHI	31/07/95	DH13QL															
23	13124032	THỊ	CHỞ	10/05/94	DH13QL															
24	13124033	NGUYỄN VĂN	CHUNG	17/08/95	DH13QL															
25	13124035	LÊ VINH PHÚ	CƯỜNG	25/05/95	DH13QL															
26	13124036	NGUYỄN VĂN	CƯỜNG	08/11/95	DH13QL															
27	13124037	VÕ TẤN	CƯỜNG	06/02/95	DH13QL															
28	13124039	LÊ THỊ HỒNG	DIỄM	26/11/95	DH13QL															
29	13124040	NGUYỄN THỊ MINH	DIỄM	25/06/95	DH13QL															
30	13124052	NGUYỄN NGỌC	DŨNG	11/09/95	DH13QL															
31	13124044	PHAN QUỐC	DUY	09/12/95	DH13QL															
32	13124045	TRẦN ĐÌNH	DUY	24/04/95	DH13QL															
33	13124047	NGUYỄN THỊ MỸ	DUYÊN	29/11/95	DH13QL															
34	13124048	NGUYỄN THỊ MỸ	DUYÊN	11/01/95	DH13QL															
35	13124049	NGUYỄN THỊ MỸ	DUYÊN	20/09/95	DH13QL															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Địa lý kinh tế (208102) - Nhóm 07 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Trang Thị Huy Nhất (288)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	12124011	PHẠM THỊ MỸ	DUYÊN	12/03/93	DH12QL															
37	13124050	TRẦN THỊ MỸ	DUYÊN	10/03/95	DH13QL															
38	13124054	NGUYỄN THANH	DƯƠNG	18/09/95	DH13QL															
39	13124055	NGUYỄN THÙY	DƯƠNG	20/05/95	DH13QL															
40	13124057	PHAN VĂN	DƯƠNG	05/07/93	DH13QL															
41	13124058	BÙI THỊ ANH	ĐÀO	05/11/95	DH13QL															
42	13124060	VÕ THỊ ANH	ĐÀO	14/03/95	DH13QL															
43	13124119	NGUYỄN VŨ XUÂN	HOÀI	30/10/95	DH13QL															
44	13124122	PHẠM VĂN	HOÀNG	03/04/95	DH13QL															
45	13124120	PHAN HUY	HOÀNG	20/11/95	DH13QL															
46	13124121	PHAN THỊ KIM	HOÀNG	11/01/95	DH13QL															
47	13124123	TRẦN XUÂN	HOÀNG	19/03/95	DH13QL															
48	13124545	TR?N É?C	HOàN	10/12/93	DH13QL															
49	13124547	HOàNG TH?	HUY?N	10/12/93	DH13QL															
50	13124550	L?C THỲY	KI?U	10/12/93	DH13QL															
51	13124553	JO NONG SANG	LINH	10/12/93	DH13QL															
52	12124048	LÊ	LỢI	25/06/94	DH12QL															
53	13124555	H' YIM	MLỤ	10/12/93	DH13QL															
54	13124556	VUONG TH?	TH?M	10/12/93	DH13QL															
55	13124396	NGUYỄN THỊ HOÀI	THƯƠNG	15/04/95	DH13QL															
56	13124397	TẠ VŨ ANH	THƯƠNG	01/09/94	DH13QL															
57	13124398	TRƯƠNG THỊ MỸ	THƯƠNG	27/01/95	DH13QL															
58	13124399	NGUYỄN THỊ THỦY	TIÊN	20/03/93	DH13QL															
59	13124400	NGUYỄN THỤY DIỄM	TIÊN	01/09/95	DH13QL															
60	13124402	PHẠM THỊ THỦY	TIÊN	07/09/95	DH13QL															
61	13124401	PHAN TẠ THỦY	TIÊN	01/06/94	DH13QL															
62	13124404	NGUYỄN THỊ MINH	TIẾN	18/03/94	DH13QL															
63	13124405	TRẦN	TIẾN	21/11/95	DH13QL															
64	13124407	MAI THỊ	TÍM	01/01/95	DH13QL															
65	13124406	BÙI VĂN	TÌNH	10/05/95	DH13QL															
66	13124408	NGUYỄN HỮU	TÍNH	15/03/95	DH13QL															
67	13124409	TRẦN NGỌC	TOÀN	02/04/95	DH13QL															
68	13124410	KIỀU THỊ THÙY	TRANG	31/08/95	DH13QL															
69	13124411	NGUYỄN THỊ KIM	TRANG	24/06/95	DH13QL															
70	13124414	PHẠM THỊ HÀ	TRANG	23/01/95	DH13QL															
71	13124413	PHAN THỊ HUYỀN	TRANG	20/10/95	DH13QL															
72	13124416	TRẦN THỊ HUYỀN	TRANG	05/05/95	DH13QL															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Địa lý kinh tế (208102) - Nhóm 07 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Trang Thị Huy Nhất (288)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	13124417	TRẦN THỊ THU	TRANG	02/02/95	DH13QL															
74	13124418	VÕ ĐÀI	TRANG	10/11/95	DH13QL															
75	13124419	VŨ THÙY	TRANG	15/07/95	DH13QL															
76	13124421	LÊ THỊ BÍCH	TRÂM	28/03/95	DH13QL															
77	13124423	SUNG THỊ MỸ	TRÂM	22/01/95	DH13QL															
78	13124424	TÔ THỊ PHƯỢNG	TRÂM	24/08/95	DH13QL															
79	13124425	TRẦN THỊ MAI	TRÂM	26/11/95	DH13QL															
80	13124426	PHẠM THỊ NGỌC	TRÂM	30/01/95	DH13QL															
81	13124437	NGUYỄN HỮU	TRÍ	21/07/95	DH13QL															
82	13124438	NGUYỄN MINH	TRÍ	22/07/95	DH13QL															
83	13124439	TRẦN TÔ QUANG	TRÍ	15/04/94	DH13QL															
84	13124427	BÙI PHAN HẢI	TRIỀU	30/06/94	DH13QL															
85	13124428	DƯƠNG THỊ ÁI	TRINH	12/01/95	DH13QL															
86	13124430	LÊ THỊ NGỌC	TRINH	10/08/95	DH13QL															
87	13124432	NGUYỄN THỊ NGỌC	TRINH	26/11/95	DH13QL															
88	13124433	TRẦN TÚ	TRINH	18/11/95	DH13QL															
89	13124435	VÕ THỊ MỘNG	TRINH	18/10/95	DH13QL															
90	13124436	VÕ THỊ MỸ	TRINH	30/04/95	DH13QL															
91	13124440	PHAN VĂN	TRỌNG	26/10/95	DH13QL															
92	13124446	LÊ THỊ THANH	TRÚC	15/07/95	DH13QL															
93	13124447	NGUYỄN THANH	TRÚC	06/06/95	DH13QL															
94	13124449	TRẦN THỊ THANH	TRÚC	19/09/94	DH13QL															
95	13124444	NGUYỄN VĂN	TRUNG	08/11/95	DH13QL															
96	13124445	NGUYỄN QUỐC	TRUYỀN	03/09/95	DH13QL															
97	13124452	PHẠM NHẬT	TRƯỜNG	31/01/95	DH13QL															
98	13124468	CÁI THANH	TÚ	17/11/95	DH13QL															
99	13124456	NGÔ MINH	TUẤN	17/04/95	DH13QL															
100	13124457	NGUYỄN HỮU	TUẤN	04/03/95	DH13QL															
101	13124458	NGUYỄN MINH NHẬT	TUẤN	04/01/95	DH13QL															
102	13124459	ĐẶNG TRỌNG	TUỆ	08/08/95	DH13QL															
103	13124467	ĐẶNG HUY	TÙNG	19/02/95	DH13QL															
104	13124460	BÙI THỊ	TUYÊN	19/07/95	DH13QL															
105	13124462	LÊ THỊ KIM	TUYỀN	07/07/95	DH13QL															
106	13124463	LÊ THỊ THU	TUYỀN	08/11/95	DH13QL															
107	13124465	VÕ THỊ THANH	TUYỀN	10/06/95	DH13QL															
108	13124469	NGUYỄN THỊ KIM	TƯ	14/03/95	DH13QL															
109	13124470	VÕ THANH	VĂN	10/11/95	DH13QL															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Địa lý kinh tế (208102) - Nhóm 07 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Trang Thị Huy Nhất (288)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
110	13124471	NGUYỄN BÍCH	VÂN	20/05/95	DH13QL															
111	13124472	TRẦN THỊ	VÂN	12/12/95	DH13QL															
112	13124473	VÕ NGỌC THÙY	VÂN	26/05/95	DH13QL															
113	13124475	TRẦN THỊ BẢO	VI	19/08/95	DH13QL															
114	13124477	NGUYỄN HOÀNG	VINH	15/03/95	DH13QL															
115	13124478	NGUYỄN TRỌNG	VINH	19/06/94	DH13QL															
116	13124479	TRẦN HUỲNH PHÚC	VINH	16/01/95	DH13QL															
117	13124480	NGUYỄN ĐÌNH HOÀNG	VŨ	08/09/95	DH13QL															
118	13124482	ĐINH VĂN	VƯƠNG	10/10/95	DH13QL															
119	13124483	TRẦN VĂN	VƯƠNG	01/04/94	DH13QL															
120	13124484	DƯƠNG THỊ THÚY	VY	23/09/95	DH13QL															
121	13124485	HÀ THỊ THẢO	VY	20/04/95	DH13QL															
122	13124486	HOÀNG THỊ THANH	VY	07/01/95	DH13QL															
123	13124489	TRẦN THỊ	VY	24/07/94	DH13QL															
124	13124490	ĐỖ PHƯỢNG	VỸ	11/05/95	DH13QL															
125	13124491	NGUYỄN THỊ	XUÂN	01/03/95	DH13QL															
126	13124492	VÕ THỊ KIM	XUÂN	22/12/95	DH13QL															
127	13124498	HUỲNH NGỌC NHƯ	Ý	10/08/95	DH13QL															
128	13124499	NGUYỄN NHƯ	Ý	25/06/94	DH13QL															
129	13124501	PHẠM THỊ NHƯ	Ý	22/07/95	DH13QL															
130	13124502	TẠ THỊ NHƯ	Ý	01/11/94	DH13QL															
131	13124493	BẠCH THỊ HOÀNG	YẾN	13/11/95	DH13QL															
132	13124494	MAI THỊ	YẾN	14/07/95	DH13QL															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Kinh tế nông lâm đại cương (208104) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Trần Độc Lập (297)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	12120041	THÁI THANH THÚY	AN	04/04/93	DH12KT															
2	10155049	NGUYỄN THỊ VÂN	ANH	10/03/92	DH10KN															
3	12155032	PHAN QUỐC	ANH	25/09/94	DH12KN															
4	12120001	HỒ THỊ	ÁNH	11/04/94	DH12KT															
5	12155001	ĐÔNG THỊ NGỌC	ẨN	28/03/94	DH12KN															
6	12120238	TRẦN NHỊT	BẨU	15/11/94	DH12KT															
7	12120181	HUỲNH THỊ	BÉ	10/03/94	DH12KT															
8	12155035	CHUNG THỊ THẢO	CHI	05/09/94	DH12KN															
9	12120397	LÊ THỊ	CHUNG	25/03/93	DH12KT															
10	12155037	DƯƠNG VĨNH	DANH	10/02/93	DH12KN															
11	12120052	VÕ THÚY	DIỄM	26/02/94	DH12KT															
12	12155129	HỒ THỊ CẨM	DUNG	08/02/94	DH12KN															
13	12155068	NGUYỄN THANH	DƯƠNG	02/09/94	DH12KN															
14	12155010	TRẦN THỊ	ĐÀO	20/02/94	DH12KN															
15	12155143	NGUYỄN THỊ NGỌC	GIÀU	11/01/92	DH12KN															
16	12120374	VÕ THỊ NGỌC	HẠNH	10/02/94	DH12KT															
17	12155134	NGUYỄN THỊ	HỒNG	15/09/94	DH12KN															
18	12120280	ĐẶNG THỊ HỒNG	HUỆ	09/04/94	DH12KT															
19	12155013	LÝ NGỌC	HUỆ	23/08/94	DH12KN															
20	12155108	NGUYỄN THỊ	HUỆ	06/01/94	DH12KN															
21	12155002	NGUYỄN VĂN	HÙNG	29/04/93	DH12KN															
22	12120005	TRẦN VIẾT	HUY	01/12/94	DH12KT															
23	12120284	TRẦN	HƯNG	16/10/94	DH12KT															
24	12120033	ĐẶNG THỊ MỸ	HƯƠNG	06/01/94	DH12KT															
25	12120006	NGUYỄN THỊ LAN	HƯƠNG	12/07/94	DH12KT															
26	12120220	ĐINH VĂN	LÂM	27/11/91	DH12KT															
27	12120587	ĐẶNG NGỌC	LỆ	01/09/93	DH12KT															
28	12120351	LÊ THỊ NHƯ	LIÊN	14/01/94	DH12KT															
29	12155079	TRẦN THỊ THẢO	LINH	02/10/93	DH12KN															
30	12120193	TRƯƠNG THỊ MỸ	LINH	24/05/93	DH12KT															
31	12155128	MAI THỊ KIM	LOAN	09/03/91	DH12KN															
32	12120553	NGUYỄN THỊ KIM	LOAN	25/04/94	DH12KT															
33	12120327	LÊ ĐÌNH PHI	LONG	28/02/94	DH12KT															
34	12155058	ĐINH THỊ NGỌC	MAI	25/09/94	DH12KN															
35	12120354	TRẦN THỊ	NGÂN	28/10/94	DH12KT															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kinh tế nông lâm đại cương (208104) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Trần Độc Lập (297)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	12155019	VÕ TRỌNG	NGHĨA	01/01/94	DH12KN															
37	12155119	NGUYỄN CHÂU BÍCH	NGỌC	22/02/94	DH12KN															
38	12120449	NGUYỄN HOÀNG BẢO	NGỌC	24/03/94	DH12KT															
39	12120477	NGUYỄN THỊ THANH	NHÃ	03/12/94	DH12KT															
40	11155048	NGUYỄN THỊ LINH	NHÂM	23/02/93	DH11KN															
41	12120316	BIỆN THỊ	NHỚ	01/08/94	DH12KT															
42	12155154	NGUYỄN KIM	NHUNG	19/05/94	DH12KN															
43	11120111	HUỲNH THỊ THẢO	NHƯ	28/10/92	DH11KT															
44	12120620	TRƯƠNG HỒNG	NHƯ	09/07/94	DH12KT															
45	12120110	LÊ THỊ	NỮ	12/08/94	DH12KT															
46	12155052	NGUYỄN THỊ	NỮ	15/08/94	DH12KN															
47	12120460	THÁI THỊ	OANH	20/01/94	DH12KT															
48	12155055	LÊ THỊ	PHÒNG	25/02/94	DH12KN															
49	12120559	NGUYỄN THỊ KIM	PHỤNG	25/04/94	DH12KT															
50	11155031	PHẠM HỒNG	QUÂN	26/10/93	DH11KN															
51	12120522	LÊ THỊ KIM	QUÝ	02/04/94	DH12KT															
52	12120294	NGUYỄN THỊ XUYÊN	QUÝ	11/12/94	DH12KT															
53	12120412	NGUYỄN THỊ THÙY	SANG	10/05/94	DH12KT															
54	12120018	VÒNG ĐÌNH	SANG	28/10/94	DH12KT															
55	12120019	LÊ THỊ BÉ	SÁU	16/03/94	DH12KT															
56	12155124	NGUYỄN HÀ LỆ	TÂM	12/07/94	DH12KN															
57	12120021	PHẠM THỊ	THẢO	17/09/94	DH12KT															
58	12120200	NGUYỄN THỊ	THẮM	07/12/94	DH12KT															
59	12120562	NINH THỊ	THẮM	10/12/93	DH12KT															
60	12120608	NGÔ THỊ	THÚY	12/05/94	DH12KT															
61	12120523	NGUYỄN THỊ	THÚY	02/02/94	DH12KT															
62	12155145	LƯƠNG KIM	THƯ	01/07/94	DH12KN															
63	12120024	LÊ THỊ QUỲNH	TRÂM	24/02/94	DH12KT															
64	11155039	TRIỆU THỊ NGỌC	TRÂM	18/08/93	DH11KN															
65	11155008	VÕ THỊ NGỌC	TRÂM	15/12/93	DH11KN															
66	12155156	NGUYỄN THỊ NGỌC	TRINH	08/06/94	DH12KN															
67	12120298	NGUYỄN THỊ ÁNH	TRÚC	15/02/94	DH12KT															
68	12120501	HOÀNG MINH CẨM	TÚ	23/04/94	DH12KT															
69	12120598	LÊ XUÂN	VĂN	07/11/94	DH12KT															
70	12155159	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	YẾN	/ /94	DH12KN															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Kinh tế nông lâm đại cương (208104) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Trần Độc Lập (297)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	12120319	HOÀNG QUỲNH	ANH	04/01/94	DH12KT															
2	12120325	HUỲNH THỊ TRÂM	ANH	18/11/94	DH12KT															
3	12120047	NGUYỄN LƯU	BÌNH	25/11/94	DH12KT															
4	11155011	NGUYỄN PHÚC	CẢNH	12/06/92	DH11KN															
5	12120168	NGÔ VĂN	CHƯƠNG	20/09/94	DH12KT															
6	12120609	LÊ THỊ KIM	CƯƠNG	17/01/94	DH12KT															
7	12120546	PHẠM THÚY	DÂNG	10/09/93	DH12KT															
8	11155041	VŨ THỊ THÙY	DUNG	10/03/93	DH11KN															
9	12120058	NGUYỄN VIÊN THÁI	DƯƠNG	02/04/94	DH12KT															
10	12120059	TRẦN TIỂU LINH	ĐAN	02/08/94	DH12KT															
11	12155125	TRẦN QUANG	ĐỘ	19/06/94	DH12KN															
12	12120002	NGUYỄN VĂN	ĐỨC	25/10/94	DH12KT															
13	12120384	HOÀNG THỊ THÚY	HẰNG	15/09/94	DH12KT															
14	12120593	NGUYỄN THỊ	HẰNG	30/12/94	DH12KT															
15	12120548	NGÔ THỊ	HIỀN	20/09/94	DH12KT															
16	12120072	LÝ THỊ	HOA	24/04/94	DH12KT															
17	12120336	PHAN THỊ BÍCH	HOA	02/01/94	DH12KT															
18	12120513	LÊ THỊ MỸ	HUYỀN	11/02/94	DH12KT															
19	12155144	ĐẶNG THỊ THU	HƯƠNG	21/02/94	DH12KN															
20	12155149	PHẠM HỒNG	KHANG	17/09/94	DH12KN															
21	12120532	TRẦN HOÀNG	KHANG	19/06/93	DH12KT															
22	12120381	NGUYỄN THỊ NHƯ	KHUYẾN	18/12/94	DH12KT															
23	12120543	NGUYỄN TÙNG	LÂM	19/01/94	DH12KT															
24	12120191	LÊ THỊ MỘNG	LINH	26/02/94	DH12KT															
25	12120086	NGUYỄN THỊ NGỌC	LINH	20/04/94	DH12KT															
26	12155070	NGUYỄN VŨ BẢO	LONG	29/11/90	DH12KN															
27	12120595	LƯƠNG THỊ QUỲNH	MY	14/07/94	DH12KT															
28	12120349	LÊ THỊ	NGA	05/05/94	DH12KT															
29	12120212	NGUYỄN THỊ	NGA	29/12/94	DH12KT															
30	12155018	NGUYỄN THỊ HẰNG	NGA	05/04/92	DH12KN															
31	12120380	NGUYỄN THỊ THANH	NGA	18/01/94	DH12KT															
32	11120129	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	24/02/92	DH11KT															
33	12120447	CAO CHÍ	NGHĨA	11/09/94	DH12KT															
34	12120411	ĐỖ THỊ	NGỌC	28/03/94	DH12KT															
35	11121009	NGUYỄN PHƯỚC NGUYÊ	NGỌC	05/08/93	DH11KT															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kinh tế nông lâm đại cương (208104) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Trần Độc Lập (297)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	12120195	LÊ THỊ	NGUYÊN	06/08/94	DH12KT															
37	12120221	THỊ	NHÀNH	19/09/92	DH12KT															
38	12120290	NGUYỄN THỊ Ý	NHI	06/01/94	DH12KT															
39	11120039	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	17/05/93	DH11KT															
40	12120196	PHẠM THỊ TUYẾT	NHI	19/06/94	DH12KT															
41	12155088	LÊ THỊ HỒNG	NHUNG	07/11/94	DH12KN															
42	12120244	NGÔ THỊ MỸ	NHUNG	18/06/94	DH12KT															
43	11155054	NGUYỄN THỊ KIỀU	OANH	12/05/93	DH11KN															
44	11121025	HOÀNG XUÂN	PHÚC	14/03/93	DH11KT															
45	11155025	CHÂU THỊ KIM	PHỤNG	24/01/93	DH11KN															
46	12120117	TRẦN THỊ THANH	PHƯƠNG	22/07/94	DH12KT															
47	12120015	VŨ HÀ	PHƯƠNG	06/08/94	DH12KT															
48	12120512	ĐẶNG THỊ	QUÝ	06/08/94	DH12KT															
49	12120462	LÊ THẢO	QUYÊN	08/09/94	DH12KT															
50	12120452	NGUYỄN THỊ KIM	SA	06/09/94	DH12KT															
51	12120431	BÙI CÔNG	SƠN	27/06/94	DH12KT															
52	11120012	BÙI VĂN	TÀI	20/05/93	DH11KT															
53	12120217	DƯƠNG THỊ THANH	TÂM	18/01/93	DH12KT															
54	12120126	NGUYỄN THỊ THU	THẢO	10/02/92	DH12KT															
55	12120489	NGUYỄN THỊ THU	THẢO	09/03/94	DH12KT															
56	12120530	HỒ THỊ	THỂ	28/03/94	DH12KT															
57	12120131	LÊ HỮU	THUẬN	04/02/94	DH12KT															
58	12155136	NGUYỄN LÊ MINH	THÙY	15/03/94	DH12KN															
59	12120135	TRẦN THỊ THU	THỦY	16/04/94	DH12KT															
60	11155036	LÊ THỊ	THÚY	07/11/93	DH11KN															
61	12120132	NGUYỄN THỊ THANH	THUÝ	17/01/94	DH12KT															
62	12155122	HUỲNH ANH	THƯ	01/02/94	DH12KN															
63	12120605	HUỲNH KIM	THƯ	12/01/94	DH12KT															
64	12122237	NGUYỄN THỊ MINH	THƯƠNG	08/03/94	DH12TM															
65	12155036	CAO LÊ HOÀNG	THY	05/05/93	DH12KN															
66	12120291	PHẠM TRỌNG	TIẾN	04/10/94	DH12KT															
67	11155016	VÕ THỊ LỢI	TIẾN	17/03/93	DH11KN															
68	12155103	DƯƠNG NGỌC THÙY	TRANG	01/01/94	DH12KN															
69	12120216	NÔNG THỊ	TRANG	28/04/93	DH12KT															
70	12155003	NGÔ VÕ HUYỀN	TRÂM	04/12/94	DH12KN															
71	12120568	NGUYỄN HOÀNG	TRÍ	31/12/94	DH12KT															
72	11120093	ĐOÀN VIỆT	TRINH	03/01/93	DH11KT															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kinh tế nông lâm đại cương (208104) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Trần Độc Lập (297)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	12120032	HUỲNH THẾ	TRUNG	11/07/94	DH12KT															
74	12120026	LÊ THANH	TRUNG	29/05/94	DH12KT															
75	12155090	PHẠM MINH	TUẤN	02/03/94	DH12KN															
76	12120207	NGUYỄN THỊ	VÂN	02/02/94	DH12KT															
77	12120386	NGUYỄN THỊ	VƯƠNG	22/05/94	DH12KT															
78	11155053	HUỲNH LÊ	VY	13/04/93	DH11KN															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Kinh tế vi mô 1 (208109) - Nhóm 03 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Trần Hoài Nam (478)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	12120041	THÁI THANH THÚY	AN	04/04/93	DH12KT															
2	12130046	NGUYỄN DUY	ANH	07/01/94	DH12DT															
3	10130901	LÊ VĂN	BÌNH	/ /	DH12QT															
4	12116002	NGUYỄN THANH	BÌNH	01/11/94	DH12NT															
5	12130048	NGUYỄN THANH	BÌNH	27/06/94	DH12DT															
6	12130049	NGUYỄN THANH	CẢNH	12/04/94	DH12DT															
7	12130365	PHẠM THANH	CƯỜNG	20/03/94	DH12DT															
8	12130310	TRẦN THẾ	CƯỜNG	07/02/94	DH12DT															
9	12155037	DƯƠNG VĨNH	DANH	10/02/93	DH12KN															
10	12120050	CAO THỊ HUỲNH	DAO	30/01/94	DH12KM															
11	12155030	LÊ DƯƠNG	DEN	01/03/94	DH12KN															
12	12363259	TRƯƠNG THỊ LỆ	DIỄM	02/02/94	CD12CA															
13	12363261	NGUYỄN MINH	DUNG	05/09/94	CD12CA															
14	11122060	PHAN THỊ	DUNG	25/02/93	DH11QT															
15	12124152	VÕ CAO KỲ	DUYÊN	25/03/94	DH12QL															
16	12130052	HỒ VĂN NGỌC	ĐAN	17/10/94	DH12DT															
17	11333032	LƯƠNG TRỌNG	ĐẾN	06/01/92	CD11CQ															
18	12130340	HOÀNG VĂN	HẢI	01/04/94	DH12DT															
19	12363164	NGUYỄN THỊ THÚY	HẰNG	25/07/94	CD12CA															
20	12130147	BÙI PHÚ THANH	HIỀN	14/04/93	DH12DT															
21	12124173	TRẦN THỊ THU	HIỀN	13/11/94	DH12QL															
22	12130366	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	14/02/94	DH12DT															
23	11122130	ĐẶNG HỒNG	HUẾ	16/05/93	DH11QT															
24	12116371	PHẠM MINH	HUY	06/01/94	DH12KS															
25	12120075	NGUYỄN THỊ	HUYỀN	13/07/94	DH12KM															
26	11120098	LÊ HOÀNG	KHẢI	15/06/93	DH11KT															
27	09222044	NGUYỄN NHƯ	KHOA	12/09/84	TC09QTTD															
28	12363077	NGUYỄN THỊ	LAN	16/09/94	CD12CA															
29	10122080	CAO VĂN	LÂM	25/11/92	DH10QT															
30	10124272	HUỲNH VŨ BẢO	LINH	01/01/92	DH10QL															
31	11333074	NGUYỄN MINH	LUẬN	01/07/93	CD11CQ															
32	12120267	PHAN THÀNH	LỰC	24/07/94	DH12KM															
33	12130178	NGUYỄN THỊ TRÚC	LY	03/04/94	DH12DT															
34	12120094	LÊ NGUYỄN NGỌC	MẪN	15/07/94	DH12KM															
35	12130312	PHẠM KHÁNH	MINH	04/09/94	DH12DT															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kinh tế vi mô 1 (208109) - Nhóm 03 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Trần Hoài Nam (478)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	12130083	LÊ	MỘNG	16/07/93	DH12DT															
37	10363037	PHẠM THỊ TRÀ	MY	27/07/92	CD10CA															
38	12130086	MAI HOÀNG	NAM	10/01/94	DH12DT															
39	11329083	HỒ NHƯ	NGỌC	19/10/93	CD11CA															
40	12363075	ĐẶNG THỊ THẢO	NGUYÊN	08/07/93	CD12CA															
41	12120012	LÂM THỊ THU	NGUYÊN	04/12/94	DH12KM															
42	12130041	NGUYỄN TRUNG	NGUYÊN	10/02/94	DH12DT															
43	11333185	PHAN THỊ THẢO	NGUYÊN	/ /91	CD11CQ															
44	10122107	NGUYỄN THỊ	NGUYỆT	16/08/92	DH10QT															
45	12130017	ĐẶNG QUỐC	NHÃ	24/06/93	DH12DT															
46	12130018	QUAN TRÍ	NHÂN	16/11/94	DH12DT															
47	12333128	TRẦN ANH	NHÂN	20/04/94	CD12CQ															
48	12120106	BÙI YẾN	NHI	01/10/94	DH12KM															
49	11363051	NGUYỄN THỊ	NHUNG	28/03/93	CD11CA															
50	12363104	NGUYỄN THỊ QUỲNH	NHƯ	16/12/93	CD12CA															
51	12155096	PHẠM HUỲNH	NHƯ	09/04/94	DH12KN															
52	10171077	ĐẶNG HỒNG	NHỰT	19/08/89	DH10KS															
53	12124058	PHẠM THỊ TRÚC	OANH	25/08/94	DH12QL															
54	11124107	NGÔ THIỆU	QUÂN	08/12/93	DH11QL															
55	12124270	NGUYỄN PHƯƠNG	QUYÊN	10/04/94	DH12QL															
56	12363130	HÀM THỊ KIM	SA	03/09/94	CD12CA															
57	12363293	VÕ THỊ	SANG	06/02/93	CD12CA															
58	12130190	TRẦN NGUYỄN MINH	TÂN	16/03/94	DH12DT															
59	12120436	TRẦN THỊ THANH	THANH	30/11/94	DH12KM															
60	12120544	BÙI THỊ HỒNG	THẮM	14/07/93	DH12KM															
61	12116171	THẠCH THỊ SÔ	THI	03/09/94	DH12NT															
62	11333160	VÕ NGỌC HUỲNH	THI	09/08/93	CD11CQ															
63	12124300	HUỲNH THỊ MỘNG	THU	27/06/94	DH12QL															
64	12363195	LÊ THỊ	THÙY	20/07/94	CD12CA															
65	11333126	NGUYỄN THỊ	THÙY	03/04/93	CD11CQ															
66	12130338	ĐỖ THỊ THU	THỦY	243/94	DH12DT															
67	12333348	TRẦN NGỌC	THỦY	05/05/94	CD12CQ															
68	12120303	ĐẶNG THỊ CẨM	TIÊN	10/10/94	DH12KM															
69	12363127	NGUYỄN THỊ THỦY	TIÊN	19/07/94	CD12CA															
70	12120141	TRẦN ĐỨC	TIẾN	07/02/94	DH12KM															
71	11120107	NGUYỄN NGỌC	TÍN	16/02/93	DH11KT															
72	12155138	DIỆP THÙY	TRANG	29/01/94	DH12KN															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kinh tế vi mô 1 (208109) - Nhóm 03 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Trần Hoài Nam (478)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	12124090	TRẦN NGỌC THIÊN	TRANG	01/01/94	DH12QL															
74	12124326	LƯU NGỌC HUYỀN	TRÂN	08/02/94	DH12QL															
75	12155121	LƯ MINH	TRÍ	18/10/94	DH12KN															
76	12124097	NGUYỄN VĂN	TRỌNG	15/02/94	DH12QL															
77	12124100	ĐỖ HOÀNG ANH	TUẤN	04/02/94	DH12QL															
78	12130122	ĐỖ THANH	TÙNG	01/10/94	DH12DT															
79	12124337	LÊ THỊ	TUYỀN	03/03/94	DH12QL															
80	10135136	TRẦN NHƯ	UYÊN	03/11/92	DH10TB															
81	12363144	ĐINH THỊ THÚY	VÂN	01/12/94	CD12CA															
82	12116150	HOÀNG THỊ BÍCH	VÂN	07/06/94	DH12KS															
83	12130179	NGUYỄN THĂNG	VƯƠNG	25/10/94	DH12DT															
84	12124355	NGUYỄN THỊ NGỌC	VY	30/04/94	DH12QL															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Kinh tế vi mô 1 (208109) - Nhóm 04 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Trần Minh Trí (565)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	12130254	NGUYỄN THẾ	ANH	11/10/94	DH12DT															
2	10135148	NGUYỄN TUẤN	ANH	18/06/92	DH10TB															
3	12122099	VŨ CAO TUẤN	ANH	23/12/94	DH12TM															
4	12124004	LÊ VĂN	BÌNH	13/05/94	DH12QL															
5	12120359	NGUYỄN THÁI	BÌNH	20/03/94	DH12KM															
6	12123102	VÕ THỊ MỸ	CHÂU	18/06/94	DH12KE															
7	10143004	ĐOÀN VĂN	CHIẾN	06/03/92	DH10KM															
8	11333212	HOÀNG THỊ	HÀ	27/01/93	CD11CQ															
9	12124166	PHÙNG PHẠM MỸ	HÀ	02/09/94	DH12QL															
10	12333094	DƯƠNG THỊ DIỆU	HIỀN	11/10/94	CD12CQ															
11	12333279	TRẦN THỊ MINH	HIỀN	23/09/94	CD12CQ															
12	12155086	NGUYỄN THỊ	HOÀI	24/05/94	DH12KN															
13	12124028	NGUYỄN VĂN	HOÀNG	29/01/93	DH12QL															
14	12124181	NGUYỄN QUỐC	HUY	24/05/92	DH12QL															
15	12155149	PHẠM HỒNG	KHANG	17/09/94	DH12KN															
16	12363181	PHẠM THỊ LY	LA	20/05/94	CD12CA															
17	11333018	TRƯƠNG THỊ THÚY	LAI	21/07/92	CD11CQ															
18	12363057	PHẠM THÙY	LINH	16/02/94	CD12CA															
19	12124207	QUÁCH DIỆU	LINH	29/03/94	DH12QL															
20	12124213	DƯƠNG THÀNH	LONG	12/02/93	DH12QL															
21	12124234	LÊ THỊ HOÀNG	NGA	06/10/94	DH12QL															
22	12124236	TRƯƠNG THỊ THẢO	NGÂN	14/02/94	DH12QL															
23	11333080	NGUYỄN HỮU	NGHĨA	/ /93	CD11CQ															
24	12124240	HUỲNH NHƯ	NGỌC	18/12/94	DH12QL															
25	12333474	TRƯƠNG THỊ QUỲNH	NHI	27/04/94	CD12CQ															
26	10124143	LÂM QUỲNH	NHƯ	31/10/92	DH10QL															
27	12363341	HUỲNH MỸ	NƯƠNG	/07/94	CD12CA															
28	12333416	TRẦN THANH	PHONG	03/09/94	CD12CQ															
29	12155072	NGUYỄN THỊ	PHƯỢNG	05/01/94	DH12KN															
30	07223085	PHẠM NGỌC	QUANG	05/11/80	TC07KETD															
31	12122213	LÊ NGỌC PHƯƠNG	QUỲNH	09/12/94	DH12TM															
32	12124274	PHẠM THÁI	SƠN	19/10/94	DH12QL															
33	12155150	BÙI HỮU	TÀI	08/06/93	DH12KN															
34	12333223	TRƯƠNG THÀNH	TÀI	20/10/93	CD12CQ															
35	12124074	LÊ THỊ KIỀU	TÂM	16/04/94	DH12QL															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kinh tế vi mô 1 (208109) - Nhóm 04 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Trần Minh Trí (565)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	12124281	NGUYỄN THIÊN	THANH	17/01/94	DH12QL															
37	12124282	NGUYỄN VŨ GIANG	THANH	22/08/94	DH12QL															
38	12123171	PHẠM THỊ PHƯƠNG	THẢO	12/12/93	DH12KE															
39	12363047	TRẦN THỊ THU	THẢO	10/06/94	CD12CA															
40	12363242	VÕ THỊ	THẢO	19/11/94	CD12CA															
41	12130298	PHẠM THỊ NGỌC	THƯ	28/11/94	DH12DT															
42	12130115	NGUYỄN THANH	TÒA	23/12/94	DH12DT															
43	12155103	DƯƠNG NGỌC THÙY	TRANG	01/01/94	DH12KN															
44	12124318	LÊ THỊ DIỆU	TRANG	08/08/93	DH12QL															
45	11143108	NGUYỄN HUYỀN	TRANG	26/05/93	DH11KM															
46	12155078	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRÂN	16/07/93	DH12KN															
47	12333480	CÙ THỊ VIỆT	TRINH	12/07/94	CD12CQ															
48	12155004	NGUYỄN ANH	TUẤN	08/08/92	DH12KN															
49	12363203	TRẦN THỊ PHƯỢNG	TUYẾN	03/02/94	CD12CA															
50	12363148	NGÔ THỊ HẢI	YẾN	12/06/94	CD12CA															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Kinh tế vi mô 1 (208109) - Nhóm 05 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Mai Đình Quý (709)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	13124002	LÊ THỊ BÌNH	AN	30/11/95	DH13QL															
2	13124003	MAI THỊ THANH	AN	08/06/95	DH13QL															
3	13124004	NGUYỄN THANH	AN	11/04/95	DH13QL															
4	13124005	PHAN THỊ THÚY	AN	08/11/95	DH13QL															
5	13124006	PHƯƠNG BẢO	AN	26/09/94	DH13QL															
6	13124007	TRẦN THỊ THU	AN	03/02/95	DH13QL															
7	13124008	LÊ TUẤN	ANH	10/10/94	DH13QL															
8	13124011	NGUYỄN TUẤN	ANH	26/02/94	DH13QL															
9	13124012	PHẠM THỊ KIM	ANH	29/09/95	DH13QL															
10	13124017	TRẦN THỊ NGỌC	ANH	20/05/95	DH13QL															
11	13124018	TRẦN TUẤN	ANH	22/10/95	DH13QL															
12	13124019	VŨ MAI NGỌC	ANH	18/05/95	DH13QL															
13	13124020	BÙI THANH	ÁNH	26/11/94	DH13QL															
14	13124021	NGUYỄN THỊ KIM	ÁNH	23/06/95	DH13QL															
15	13124022	TRẦN THỊ NGỌC	ÁNH	04/09/95	DH13QL															
16	13124026	NGUYỄN CHÍ	BẢO	26/11/95	DH13QL															
17	13124027	NGUYỄN NHƯ	BẢO	02/01/94	DH13QL															
18	13124028	PHẠM THÁI	BẢO	07/04/94	DH13QL															
19	13124029	VÕ HOÀI	BÃO	22/09/95	DH13QL															
20	13124031	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	CHI	31/07/95	DH13QL															
21	13124033	NGUYỄN VĂN	CHUNG	17/08/95	DH13QL															
22	13124035	LÊ VINH PHÚ	CƯỜNG	25/05/95	DH13QL															
23	13124036	NGUYỄN VĂN	CƯỜNG	08/11/95	DH13QL															
24	13124039	LÊ THỊ HỒNG	DIỄM	26/11/95	DH13QL															
25	13124040	NGUYỄN THỊ MINH	DIỄM	25/06/95	DH13QL															
26	13124052	NGUYỄN NGỌC	DŨNG	11/09/95	DH13QL															
27	10124033	TRẦN VĂN	DŨNG	10/02/86	DH10QL															
28	13124044	PHAN QUỐC	DUY	09/12/95	DH13QL															
29	13124045	TRẦN ĐÌNH	DUY	24/04/95	DH13QL															
30	13124047	NGUYỄN THỊ MỸ	DUYÊN	29/11/95	DH13QL															
31	13124048	NGUYỄN THỊ MỸ	DUYÊN	11/01/95	DH13QL															
32	13124049	NGUYỄN THỊ MỸ	DUYÊN	20/09/95	DH13QL															
33	13124050	TRẦN THỊ MỸ	DUYÊN	10/03/95	DH13QL															
34	13124054	NGUYỄN THANH	DƯƠNG	18/09/95	DH13QL															
35	13124055	NGUYỄN THÙY	DƯƠNG	20/05/95	DH13QL															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kinh tế vi mô 1 (208109) - Nhóm 05 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Mai Đình Quý (709)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	13124057	PHAN VĂN	DƯƠNG	05/07/93	DH13QL															
37	13124059	NGUYỄN THỊ HỒNG	ĐÀO	04/01/95	DH13QL															
38	13124061	DƯƠNG TIẾN	ĐẠT	13/07/95	DH13QL															
39	13124062	LÊ NGUYỄN PHÁT	ĐẠT	09/10/95	DH13QL															
40	13124064	PHẠM VĂN	ĐẠT	23/07/95	DH13QL															
41	13124066	VÕ CÔNG	ĐOAN	27/11/94	DH13QL															
42	13124067	PHÙNG VĂN	ĐOÀN	06/06/95	DH13QL															
43	13124068	LƯƠNG QUỲNH	ĐỨC	22/12/95	DH13QL															
44	13124073	PHẠM THỊ HƯƠNG	GIANG	30/05/94	DH13QL															
45	13124072	PHAN LÊ HOÀNG	GIANG	02/05/95	DH13QL															
46	13124074	TRẦN THỊ THÙY	GIANG	26/04/95	DH13QL															
47	13124075	TRẦN THỊ NGỌC	GIÀU	09/09/93	DH13QL															
48	13124077	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	07/09/95	DH13QL															
49	13124078	NGUYỄN THÚY	HÀ	09/03/95	DH13QL															
50	13124084	TRỊNH HỒNG	HẢI	02/08/95	DH13QL															
51	13124085	BÙI THỊ HỒNG	HẠNH	06/10/95	DH13QL															
52	13124087	LƯƠNG HỒNG	HẠNH	02/08/95	DH13QL															
53	13124088	TẠ THỊ MỸ	HẠNH	08/03/95	DH13QL															
54	13124082	MAI GIA	HÀO	19/12/94	DH13QL															
55	13124089	DƯƠNG THÚY	HẰNG	11/07/94	DH13QL															
56	13124091	TRẦN PHẠM THÚY	HẰNG	22/08/95	DH13QL															
57	13124092	VÕ THỊ THU	HẰNG	12/06/95	DH13QL															
58	13124094	NGUYỄN HOÀNG	HÂN	09/01/94	DH13QL															
59	13124097	PHẠM THỊ NGỌC	HÂN	22/09/94	DH13QL															
60	09130112	NGUYỄN ĐĂNG	HẬU	05/12/90	DH09DT															
61	13124100	NGUYỄN THỊ	HẬU	24/02/95	DH13QL															
62	13124103	NGÔ THỊ THU	HIỀN	16/06/95	DH13QL															
63	13124104	NGUYỄN THANH	HIỀN	08/03/95	DH13QL															
64	13124107	NGUYỄN THỊ NGỌC	HIỀN	20/10/95	DH13QL															
65	13124109	TỪ THỊ DIỆU	HIỀN	06/06/94	DH13QL															
66	13124110	VÕ THỊ DIỆU	HIỀN	04/05/95	DH13QL															
67	13124112	NGUYỄN THÁI	HIẾU	22/04/95	DH13QL															
68	13124113	NGUYỄN THỊ	HIẾU	15/04/95	DH13QL															
69	13124114	TRẦN MINH	HIẾU	15/06/95	DH13QL															
70	13124115	TRƯƠNG THỊ	HIẾU	01/08/95	DH13QL															
71	13124116	HUỲNH NGỌC	HOA	08/12/95	DH13QL															
72	13124118	TRẦN THỊ	HOA	22/05/95	DH13QL															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kinh tế vi mô 1 (208109) - Nhóm 05 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Mai Đình Quý (709)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	13124124	NGUYỄN QUỐC	HÒA	15/05/93	DH13QL															
74	13124125	BÙI THANH	HỒNG	26/11/94	DH13QL															
75	13124131	MAI THỊ	HUỆ	10/10/95	DH13QL															
76	13124143	LÊ QUỐC	HÙNG	22/07/95	DH13QL															
77	13124144	NGUYỄN VĂN	HÙNG	20/10/95	DH13QL															
78	13124145	PHẠM VĂN	HÙNG	24/08/94	DH13QL															
79	13124136	NGUYỄN QUỐC	HUY	23/05/90	DH13QL															
80	13124138	TRẦN NGỌC QUỐC	HUY	18/09/95	DH13QL															
81	13124139	HUỲNH THỊ NGỌC	HUYỀN	16/11/95	DH13QL															
82	13124142	LÊ ĐẠI	HUYNH	08/04/95	DH13QL															
83	13124149	NGUYỄN TẤN	HƯNG	16/04/95	DH13QL															
84	13124150	HỒ NGỌC KIM	HƯƠNG	22/12/95	DH13QL															
85	13124151	NGUYỄN THỊ DÁNG	HƯƠNG	26/04/95	DH13QL															
86	13124153	BÙI THANH	HƯỜNG	17/09/95	DH13QL															
87	13124159	NGUYỄN QUANG	KHẢI	14/05/95	DH13QL															
88	13124160	LÊ HỒNG	KHÁNH	21/07/94	DH13QL															
89	13124164	PHAN VŨ ĐĂNG	KHOA	02/03/95	DH13QL															
90	13124167	HỒ TUẤN	KIỆT	07/11/95	DH13QL															
91	13124169	LÊ HOÀNG ANH	KIỆT	24/01/95	DH13QL															
92	13124166	TRẦN THỊ MỘNG	KIỀU	07/10/95	DH13QL															
93	13124173	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	LAM	14/12/95	DH13QL															
94	13124174	VĂN THỊ	LAN	20/06/95	DH13QL															
95	13124177	PHẠM NGỌC	LÂM	12/11/95	DH13QL															
96	13124178	NGUYỄN THỊ MỸ	LỆ	24/03/95	DH13QL															
97	13124179	ĐÀO THỊ TRÚC	LINH	28/01/95	DH13QL															
98	13124180	ĐỖ HỒNG	LINH	27/02/95	DH13QL															
99	13124181	HỒ HỮU LƯU	LINH	24/09/95	DH13QL															
100	13124182	HUỲNH THỊ PHƯƠNG	LINH	03/02/95	DH13QL															
101	13124183	HUỲNH THỊ THÚY	LINH	10/03/95	DH13QL															
102	13124184	LÊ THỊ THÙY	LINH	20/11/94	DH13QL															
103	13124186	NGUYỄN TRẦN VIỆT	LINH	23/03/95	DH13QL															
104	13124187	NGUYỄN VĂN	LINH	07/10/95	DH13QL															
105	13124191	TRẦN LÊ THẢO	LINH	11/04/95	DH13QL															
106	13124194	TRƯƠNG ĐOÀN HUỲNH	LONG	15/09/95	DH13QL															
107	13124195	ĐINH THÀNH	LỘC	10/05/95	DH13QL															
108	13124196	TRẦN BỬU	LỘC	20/12/95	DH13QL															
109	13124199	PHẠM TOÀN	LỢI	20/03/95	DH13QL															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kinh tế vi mô 1 (208109) - Nhóm 05 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Mai Đình Quý (709)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
110	13124200	TẠ THÀNH	LỢI	23/03/95	DH13QL															
111	13124201	TRẦN THỊ	LỢI	30/05/95	DH13QL															
112	13124203	PHAN THỊ	LỤA	/ /95	DH13QL															
113	13124205	NGUYỄN THỊ CAM	LY	01/01/95	DH13QL															
114	13124206	NGUYỄN THỊ HỒNG	LY	06/11/95	DH13QL															
115	13124207	NGUYỄN THỊ TRÚC	LY	28/09/95	DH13QL															
116	13124209	BÙI NGỌC	MAI	08/01/95	DH13QL															
117	13124210	CHU THỊ NGỌC	MAI	01/01/95	DH13QL															
118	13124215	DOÃN TIẾN	MINH	19/12/95	DH13QL															
119	13124216	NGUYỄN KHÁNH	MINH	26/09/95	DH13QL															
120	13124219	NGUYỄN THỊ DIỄM	MY	16/07/95	DH13QL															
121	13124220	NÔNG NGUYỄN ÁI	MY	21/12/95	DH13QL															
122	13124224	TRẦN SƠN	NAM	06/09/94	DH13QL															
123	13124225	DƯƠNG THANH	NGA	06/01/94	DH13QL															
124	13124226	ĐẶNG THỊ TUYẾT	NGA	08/10/95	DH13QL															
125	13124229	PHẠM THỊ KIM	NGÂN	27/09/95	DH13QL															
126	13124230	TĂNG THỊ THÙY	NGÂN	25/04/95	DH13QL															
127	13124231	TRƯƠNG THỊ KIM	NGÂN	22/10/95	DH13QL															
128	13124233	LÊ HỮU	NGHĨA	09/06/94	DH13QL															
129	13124235	TRẦN THỊ	NGHĨA	10/03/94	DH13QL															
130	13124236	VÕ ÁI	NGHĨA	12/09/94	DH13QL															
131	13124237	DƯƠNG BẢO	NGỌC	25/03/95	DH13QL															
132	13124238	ĐẶNG THỊ BẢO	NGỌC	10/07/95	DH13QL															
133	13124242	NGUYỄN HOÀNG	NGỌC	26/01/95	DH13QL															
134	13124244	NGUYỄN THỊ HỒNG	NGỌC	13/01/95	DH13QL															
135	13124245	NGUYỄN THỊ KIM	NGỌC	26/10/95	DH13QL															
136	13124247	LƯU THỊ KIM	NGÔN	12/11/95	DH13QL															
137	13124249	ĐẶNG BẢO	NGUYÊN	26/04/94	DH13QL															
138	13124251	ĐẶNG NHƯ	NGUYỆT	12/02/95	DH13QL															
139	13124256	NGUYỄN THÀNH	NHÂN	08/11/95	DH13QL															
140	13124259	NGUYỄN HỒNG	NHẬT	26/11/95	DH13QL															
141	13124260	TRẦN NGUYỄN MINH	NHẬT	29/04/94	DH13QL															
142	13124262	LÊ THỊ THẢO	NHI	08/05/95	DH13QL															
143	13124265	HOÀNG NHI HỒNG	NHUNG	26/07/94	DH13QL															
144	10124254	HỒ ÁI	VY	29/09/92	DH10QL															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Kinh tế vi mô 1 (208109) - Nhóm 06 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Trần Minh Trí (565)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	13123001	LÊ THỊ TRƯỜNG	AN	27/02/95	DH13KE															
2	13123002	LÊ TUẤN	ANH	17/02/95	DH13KE															
3	13123003	NGUYỄN HOÀNG TÚ	ANH	19/05/95	DH13KE															
4	12130003	NGUYỄN QUANG	ANH	12/02/94	DH12DT															
5	13123004	VÕ THỊ	ANH	20/05/95	DH13KE															
6	13123005	ĐẶNG THỊ	ÁNH	17/09/95	DH13KE															
7	13123007	HÀ THỊ THANH	BÌNH	26/05/95	DH13KE															
8	13123008	PHAN THỊ NGỌC	CẨM	30/11/95	DH13KE															
9	13123009	DƯƠNG THIỆN	CHÂU	09/11/95	DH13KE															
10	13123010	LÂM THỊ	CHẺO	19/11/95	DH13KE															
11	13123011	LÊ KIM	CHI	06/12/95	DH13KE															
12	13123012	TRẦN THỊ KIM	CHI	24/10/94	DH13KE															
13	13123013	NGUYỄN THỊ THÀNH	CÔNG	16/04/95	DH13KE															
14	13123015	LÊ THỊ	DIỄM	15/11/91	DH13KE															
15	13123017	DƯƠNG THỊ	DUNG	25/05/95	DH13KE															
16	13123018	LÂM THỊ	DUNG	07/10/95	DH13KE															
17	13123019	MAI THỊ KIM	DUNG	09/08/95	DH13KE															
18	13123020	NGÔ THỊ PHƯƠNG	DUNG	21/07/91	DH13KE															
19	13123021	NGUYỄN THỊ THÙY	DUNG	07/01/94	DH13KE															
20	13123022	PHẠM THỊ	DUNG	20/10/94	DH13KE															
21	13123024	MAI THỊ MỸ	DUYÊN	07/02/95	DH13KE															
22	13123025	NGUYỄN THỊ HẠNH	DUYÊN	24/12/95	DH13KE															
23	13123026	NGUYỄN THỊ MỸ	DUYÊN	24/11/95	DH13KE															
24	13123027	NGUYỄN THỊ THÙY	DUYÊN	14/07/95	DH13KE															
25	13123028	LÊ XUÂN	DƯƠNG	10/02/90	DH13KE															
26	13123029	NGUYỄN THỊ THÙY	DƯƠNG	16/08/95	DH13KE															
27	13123030	NGUYỄN THỊ THÙY	DƯƠNG	13/05/95	DH13KE															
28	13123031	PHẠM THỊ HỒNG	ĐÀO	15/01/95	DH13KE															
29	13123032	ĐỖ HÀ NHẬT	ĐĂNG	13/11/95	DH13KE															
30	13123034	CAO NGUYỄN THANH	HÀ	27/06/95	DH13KE															
31	13123035	LÊ THỊ THU	HÀ	16/09/95	DH13KE															
32	13123038	LÊ THỊ	HẠNH	16/09/95	DH13KE															
33	13123037	NGUYỄN THỊ	HẢO	02/07/95	DH13KE															
34	13123039	LÊ THÁI	HẰNG	10/03/95	DH13KE															
35	13123040	LÊ THỊ	HẰNG	02/02/95	DH13KE															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kinh tế vi mô 1 (208109) - Nhóm 06 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Trần Minh Trí (565)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	13123042	ĐẶNG BẢO	HÂN	10/09/95	DH13KE															
37	13123044	PHẠM THỊ HỒNG	HÂN	11/03/95	DH13KE															
38	13123046	BÙI THỊ NGỌC	HIỀN	18/05/95	DH13KE															
39	13123048	NGUYỄN THỊ	HIỀN	06/04/95	DH13KE															
40	13123049	LÊ CHÍ	HIẾU	12/01/95	DH13KE															
41	10124059	ĐOÀN MINH	HOÀNG	01/04/92	DH10QL															
42	13123051	PHAN THỊ THANH	HỒNG	12/10/95	DH13KE															
43	13123053	TRÌNH THỊ	HUỆ	10/05/95	DH13KE															
44	08130035	TRƯƠNG NGỌC THANH	HUY	17/05/90	CD10TH															
45	13123054	LÊ THỊ HẠ	HUYỀN	06/04/95	DH13KE															
46	13123055	NGUYỄN VĂN	HƯNG	16/09/95	DH13KE															
47	13123056	CAO THỊ	HƯƠNG	08/01/95	DH13KE															
48	13123057	ĐẶNG THỊ	HƯƠNG	13/12/95	DH13KE															
49	13123058	NGUYỄN HUỲNH THANH	HƯƠNG	19/09/95	DH13KE															
50	13123059	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	18/10/95	DH13KE															
51	13123061	NGUYỄN THỊ THANH	KIỀU	09/08/95	DH13KE															
52	13123062	THI THỊ MỸ	KIỀU	07/11/95	DH13KE															
53	13123063	MAI THỊ HƯƠNG	LAN	22/12/95	DH13KE															
54	13123064	NGUYỄN KIM	LÂN	13/01/94	DH13KE															
55	13123065	TRƯƠNG THỊ	LÂN	10/08/94	DH13KE															
56	13123066	ĐỖ THỊ KIM	LIÊN	01/10/95	DH13KE															
57	13123069	NGUYỄN LÊ ÁI	LINH	16/01/95	DH13KE															
58	13123071	DƯƠNG THỊ THANH	LOAN	27/02/95	DH13KE															
59	13123072	NGUYỄN THỊ PHÚ	LỘC	06/12/94	DH13KE															
60	13123074	NGUYỄN HUỲNH	MAI	10/10/93	DH13KE															
61	13123076	NGUYỄN THỊ TUYẾT	MAI	01/04/95	DH13KE															
62	13123077	PHAN THỊ	MAI	12/01/95	DH13KE															
63	13123078	ĐÀO THỊ THANH	NGA	16/07/95	DH13KE															
64	13123079	HOÀNG THỊ	NGA	14/07/94	DH13KE															
65	13123080	TRẦN THỊ THU	NGA	20/12/95	DH13KE															
66	13123081	VÕ THỊ HỒNG	NGA	01/11/95	DH13KE															
67	13123082	MAI THỊ TUYẾT	NGÂN	10/07/95	DH13KE															
68	13123083	TRỊNH THỊ BÍCH	NGÂN	03/09/95	DH13KE															
69	13123085	TRẦN THỊ	NGHĨA	08/03/95	DH13KE															
70	13123086	CHÂU ĐẠI	NGỌC	14/05/95	DH13KE															
71	13123087	LÊ HỒNG	NGỌC	11/03/93	DH13KE															
72	13123090	PHẠM THỊ	NGỌC	17/07/95	DH13KE															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kinh tế vi mô 1 (208109) - Nhóm 06 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Trần Minh Trí (565)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	13123091	NGUYỄN THỊ HỒNG	NGUYÊN	10/08/95	DH13KE															
74	13123093	NGUYỄN THỊ ÁNH	NGUYỆT	22/04/95	DH13KE															
75	13123094	NGUYỄN THỊ ÁNH	NGUYỆT	19/05/95	DH13KE															
76	13123095	PHAN THỊ	NGUYỆT	04/03/95	DH13KE															
77	13123096	VÕ THANH	NGUYỆT	06/04/95	DH13KE															
78	13123098	TRẦN THỊ THANH	NHÀN	18/11/95	DH13KE															
79	13123097	NGUYỄN THỊ	NHANH	25/10/95	DH13KE															
80	13123099	CAO HỒNG	NHÂN	26/02/95	DH13KE															
81	13123103	TRẦN THỊ KIM	NHỊ	12/12/95	DH13KE															
82	13123104	AN THỊ HỒNG	NHUNG	13/08/91	DH13KE															
83	13123105	BÙI THỊ	NHUNG	25/10/95	DH13KE															
84	13123106	LÊ THỊ TUYẾT	NHUNG	06/11/95	DH13KE															
85	13123107	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	12/09/95	DH13KE															
86	13123108	PHẠM THỊ HỒNG	NHUNG	02/09/95	DH13KE															
87	13123109	TRƯƠNG THỊ HỒNG	NHUNG	21/03/95	DH13KE															
88	13123110	VŨ THỊ HỒNG	NHUNG	10/10/95	DH13KE															
89	13123111	NGUYỄN LÝ QUỲNH	NHƯ	17/01/95	DH13KE															
90	13123113	NGUYỄN THỊ KIM	OANH	17/10/94	DH13KE															
91	13123114	TRẦN THỊ KIM	OANH	20/03/95	DH13KE															
92	13123115	TRƯƠNG THỊ KIM	OANH	23/12/95	DH13KE															
93	13123116	BÙI THỊ HÀ	PHƯƠNG	08/03/95	DH13KE															
94	13123117	ĐẶNG HOÀNG HÀ	PHƯƠNG	09/08/95	DH13KE															
95	13123118	ĐỖ THỊ BÍCH	PHƯƠNG	18/04/95	DH13KE															
96	13123119	HOÀNG THỊ	PHƯƠNG	01/08/91	DH13KE															
97	13123120	HỒ THỊ	PHƯƠNG	10/08/95	DH13KE															
98	13123122	NGUYỄN MINH	PHƯƠNG	17/03/95	DH13KE															
99	13123123	NGUYỄN THỊ MAI	PHƯƠNG	04/04/95	DH13KE															
100	13123125	NGUYỄN THỊ KIM	PHƯỢNG	10/05/91	DH13KE															
101	13123126	TRẦN THỊ KIM	PHƯỢNG	09/12/95	DH13KE															
102	13123131	HỒ THỊ THU	SANG	25/09/95	DH13KE															
103	12124272	NGUYỄN HOÀNG	SƠN	15/01/94	DH12QL															
104	13123132	TRƯƠNG HOÀNG	SƠN	19/01/89	DH13KE															
105	13123133	ĐOÀN KHÁNH	TÂM	08/06/95	DH13KE															
106	12130042	NGUYỄN NGỌC	THẠCH	22/01/94	DH12DT															
107	13123203	K'	THANH	10/12/93	DH13KE															
108	13123135	VÕ THỊ KIM	THANH	13/09/91	DH13KE															
109	13123136	NGUYỄN THỊ HOÀI	THÀNH	06/12/95	DH13KE															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kinh tế vi mô 1 (208109) - Nhóm 06 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Trần Minh Trí (565)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
110	13123137	NGUYỄN TRUNG	THÀNH	25/11/91	DH13KE															
111	13123138	TRẦN HỮU	THÀNH	05/09/95	DH13KE															
112	13123141	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	09/02/94	DH13KE															
113	13123142	PHẠM THU	THẢO	15/05/90	DH13KE															
114	13123143	QUÁCH TRẦN HƯƠNG	THẢO	26/08/95	DH13KE															
115	13123144	HOÀNG THỊ	THẮM	10/10/94	DH13KE															
116	13123145	HỒ THỊ NGỌC	THI	22/08/95	DH13KE															
117	13123146	NGUYỄN THỊ KIM	THOA	23/01/95	DH13KE															
118	13123147	TRẦN THỊ LỆ	THOA	09/04/91	DH13KE															
119	13123148	NGUYỄN NGỌC	THÔNG	17/10/94	DH13KE															
120	13123149	DƯƠNG THỊ	THU	28/07/95	DH13KE															
121	12124082	TRẦN THỊ HOÀI	THU	15/04/93	DH12QL															
122	13123151	HỒ THỊ ÁI	THUY	09/11/95	DH13KE															
123	13123154	NGUYỄN LÝ KIM	THÙY	03/12/92	DH13KE															
124	13123152	CAO THỊ	THỦY	23/03/95	DH13KE															
125	13123155	LÊ NGỌC	THỦY	07/12/95	DH13KE															
126	12333443	LÊ THỊ THU	THỦY	29/12/94	CD12CQ															
127	13123156	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THỦY	09/12/91	DH13KE															
128	10151047	HOÀNG ĐÌNH	TÌNH	21/11/92	DH10DC															
129	13123165	HOÀNG	TRÀ	14/02/94	DH13KE															
130	13123158	ĐỖ HUYỀN	TRANG	09/12/95	DH13KE															
131	13123159	NGÔ THỊ KIỀU	TRANG	05/05/95	DH13KE															
132	13123160	NGUYỄN THỊ HIỀN	TRANG	10/05/95	DH13KE															
133	13123161	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRANG	16/09/95	DH13KE															
134	13123162	NGUYỄN THỊ LINH	TRANG	21/08/95	DH13KE															
135	13123163	NGUYỄN VŨ ĐOAN	TRANG	22/10/95	DH13KE															
136	12120150	VÕ THỊ NGỌC	TRÂM	24/04/94	DH12KM															
137	13123166	LÊ THỊ NGỌC	TRẦM	25/08/95	DH13KE															
138	12124327	NGUYỄN THỊ DIỄM	TRÂN	20/05/93	DH12QL															
139	13123167	NGUYỄN THỊ	TRINH	13/07/95	DH13KE															
140	13123168	NGUYỄN TÚ	TRINH	10/05/95	DH13KE															
141	13123169	NGUYỄN THỊ DIỄM	TRÚC	08/08/95	DH13KE															
142	13123170	TÔ THANH	TRÚC	26/10/95	DH13KE															
143	13123177	CAO NGỌC MINH	TÚ	17/01/95	DH13KE															
144	13123171	LÊ THỊ THANH	TUYỀN	09/12/95	DH13KE															
145	13123174	TRỊNH NHẬT MINH	TUYỀN	13/09/91	DH13KE															
146	13123176	PHẠM THỊ ÁNH	TUYẾT	20/10/95	DH13KE															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kinh tế vi mô 1 (208109) - Nhóm 06 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Trần Minh Trí (565)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
147	13123180	TRỊNH HOÀNG MAI	UYÊN	06/07/95	DH13KE															
148	13123181	VÕ THỊ PHƯƠNG	UYÊN	08/12/94	DH13KE															
149	13123182	HUỲNH THỊ THÚY	VÂN	21/04/95	DH13KE															
150	13123183	NGUYỄN THỊ HỒNG	VÂN	19/02/95	DH13KE															
151	13123184	NGUYỄN THỊ KIM	VÂN	25/01/95	DH13KE															
152	13123185	ĐINH THỊ HỒNG	VƯƠNG	11/09/95	DH13KE															
153	13123188	NGUYỄN THỊ DIỆU	XUÂN	28/11/95	DH13KE															
154	13123189	TRẦN THỊ THANH	XUÂN	16/07/95	DH13KE															
155	13123192	NGUYỄN NHƯ	Ý	30/01/95	DH13KE															
156	13123193	NGUYỄN THỊ NHƯ	Ý	06/08/95	DH13KE															
157	12124361	VÕ THỊ	YẾN	13/06/94	DH12QL															
158	13123190	VÕ THỊ	YẾN	20/06/95	DH13KE															
159	13123191	VÕ THỊ SONG	YẾN	20/01/95	DH13KE															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Kinh tế vi mô 1 (208109) - Nhóm 07 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Trần Minh Trí (565)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	13124548	K'BỠN		10/12/93	DH13QL															
2	13124014	TRẦN ĐỨC	ANH	29/05/95	DH13QL															
3	13124016	TRẦN THỊ KIM	ANH	18/07/95	DH13QL															
4	13124023	NGUYỄN THỊ HỒNG	ÂN	20/08/95	DH13QL															
5	13124025	DƯƠNG HỒ TRUNG	BẢO	04/03/92	DH13QL															
6	13124544	HOàNG VAN	BỘ	10/12/93	DH13QL															
7	13124030	NGUYỄN THỊ TRÚC	CẦM	10/08/93	DH13QL															
8	13124032	THỊ	CHỞ	10/05/94	DH13QL															
9	13124037	VÕ TẤN	CƯỜNG	06/02/95	DH13QL															
10	13124038	NGUYỄN THỊ	DIỂM	25/10/95	DH13QL															
11	13124041	TRẦN MỸ	DIỆN	01/01/95	DH13QL															
12	13124051	TRẦN THỊ MỸ	DUYÊN	06/01/95	DH13QL															
13	13124053	LÊ THỊ ÁNH	DƯƠNG	24/01/95	DH13QL															
14	13124058	BÙI THỊ ANH	ĐÀO	05/11/95	DH13QL															
15	13124060	VÕ THỊ ANH	ĐÀO	14/03/95	DH13QL															
16	13124063	NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	06/04/95	DH13QL															
17	12124111	LÊ NGỌC	ĐỨC	28/07/94	DH12QL															
18	13124069	NGUYỄN HỮU	ĐỨC	15/03/95	DH13QL															
19	13124071	NGUYỄN THỊ	GIANG	27/06/95	DH13QL															
20	13124076	NGUYỄN THỊ KIM	GIÁP	10/02/94	DH13QL															
21	13124546	EÍNH TH?	H?NG	13/04/94	DH13QL															
22	10134901	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	/ /	DH12QL															
23	13124079	PHẠM HOÀNG	HÀ	11/09/95	DH13QL															
24	10134902	BÙI HỮU	HẠNH	/ /	DH12QL															
25	13124086	LÊ NGỌC	HẠNH	04/09/95	DH13QL															
26	13124081	DƯƠNG HỒNG	HÀO	10/08/95	DH13QL															
27	13124090	PHẠM THỊ MỸ	HẰNG	28/07/95	DH13QL															
28	13124096	NGUYỄN NGỌC	HÂN	24/04/95	DH13QL															
29	13124098	ĐỖ KIM	HẬU	08/03/94	DH13QL															
30	13124102	HUỲNH NGỌC	HIỀN	18/10/95	DH13QL															
31	13124105	NGUYỄN THỊ	HIỀN	24/04/95	DH13QL															
32	13124111	HOÀNG LÊ TRUNG	HIẾU	28/02/95	DH13QL															
33	13124117	NGUYỄN THỊ	HOA	14/12/95	DH13QL															
34	13124119	NGUYỄN VŨ XUÂN	HOÀI	30/10/95	DH13QL															
35	13124120	PHAN HUY	HOÀNG	20/11/95	DH13QL															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kinh tế vi mô 1 (208109) - Nhóm 07 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Trần Minh Trí (565)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	13124545	TR?N É?C	HOàN	10/12/93	DH13QL															
37	13124127	NGUYỄN LÊ KHÁNH	HỒNG	08/03/95	DH13QL															
38	13124128	NGUYỄN THỊ	HỒNG	15/10/95	DH13QL															
39	13124129	NGUYỄN THỊ	HỒNG	14/06/95	DH13QL															
40	13124130	BÙI THỊ	HUỆ	10/11/95	DH13QL															
41	13124132	NGUYỄN THỊ ÁNH	HUỆ	16/10/95	DH13QL															
42	13124133	NGUYỄN THỊ MỸ	HUỆ	26/08/95	DH13QL															
43	13124146	TRẦN DUY	HÙNG	12/08/94	DH13QL															
44	13124134	NGUYỄN HOÀNG	HUY	19/12/95	DH13QL															
45	13124135	NGUYỄN QUỐC	HUY	20/10/94	DH13QL															
46	13124547	HOàNG TH?	HUY?N	10/12/93	DH13QL															
47	13124147	LANG THẾ	HƯNG	12/12/95	DH13QL															
48	13124148	NGUYỄN PHƯỚC	HƯNG	20/02/95	DH13QL															
49	13124154	PHẠM THỊ NGỌC	HƯỜNG	12/01/95	DH13QL															
50	13124155	HÀ TRỌNG	HỮU	08/12/95	DH13QL															
51	13124161	LÊ ĐĂNG	KHOA	14/08/95	DH13QL															
52	13124163	NGUYỄN TRƯỜNG ANH	KHOA	12/07/95	DH13QL															
53	12124197	TRẦN ĐĂNG	KHOA	10/08/94	DH12QL															
54	13124549	DOANH É?C	KHU	03/08/93	DH13QL															
55	13124550	L?C THỲY	KI?U	10/12/93	DH13QL															
56	13124168	LÊ HOÀNG	KIỆT	16/05/95	DH13QL															
57	13124170	NGUYỄN VŨ	KIỆT	07/10/94	DH13QL															
58	13124175	NGUYỄN THỊ ÁI	LÂM	12/03/94	DH13QL															
59	13124552	LINH TH?	LI?U	09/09/94	DH13QL															
60	13124553	JO NONG SANG	LINH	10/12/93	DH13QL															
61	13124189	PHAN THỊ MAI	LINH	21/12/95	DH13QL															
62	13124551	LỤ TH?	LIỜM	21/12/94	DH13QL															
63	13124192	PHAN THỊ NGỌC	LOAN	25/11/95	DH13QL															
64	13124554	PHUONG TH? NG?C	LOAN	01/07/93	DH13QL															
65	13124193	TRẦN THỊ	LOAN	25/10/95	DH13QL															
66	13124197	TRƯƠNG BẢO	LỘC	10/09/95	DH13QL															
67	13124198	VÕ BỬU	LỘC	24/06/95	DH13QL															
68	13124202	CAO THÀNH	LUÂN	02/07/94	DH13QL															
69	13124204	NGUYỄN NGỌC	LƯU	10/01/95	DH13QL															
70	13124212	HỨA THỊ	MAY	08/09/95	DH13QL															
71	13124213	NGUYỄN KIM	MẾN	02/03/95	DH13QL															
72	13124214	HỒ THỊ MI	MI	10/10/95	DH13QL															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kinh tế vi mô 1 (208109) - Nhóm 07 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Trần Minh Trí (565)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	12124226	TRẦN THỊ TRÀ	MI	12/01/94	DH12QL															
74	13124218	TỪ ANH	MINH	12/06/95	DH13QL															
75	13124555	H' YIM	MLỤ	10/12/93	DH13QL															
76	13124221	NGUYỄN KHÁNH	MỸ	10/05/95	DH13QL															
77	13124222	NGUYỄN THỊ	MỴ	05/01/95	DH13QL															
78	13124223	PHẠM HỮU	NAM	14/08/95	DH13QL															
79	13124227	CHÂU THỊ KIM	NGÂN	01/03/95	DH13QL															
80	13124228	PHẠM HOÀNG KIỀU	NGÂN	20/06/95	DH13QL															
81	13124232	TRƯƠNG THỊ KIM	NGÂN	18/12/95	DH13QL															
82	13124234	NGUYỄN THÀNH	NGHĨA	07/03/95	DH13QL															
83	13124239	LÊ NỮ BÍCH	NGỌC	26/04/95	DH13QL															
84	13124240	LÊ THẾ	NGỌC	18/01/95	DH13QL															
85	13124241	NGÔ THỊ BÍCH	NGỌC	15/07/94	DH13QL															
86	13124257	PHẠM PHƯỚC	NHÂN	05/03/95	DH13QL															
87	13124258	VÕ HOÀNG	NHÂN	01/02/95	DH13QL															
88	13124272	NGUYỄN THỊ QUỲNH	NHƯ	11/08/95	DH13QL															
89	13124279	NGUYỄN THỊNH	PHÁT	07/12/95	DH13QL															
90	12130244	LÊ QUỐC	PHÚ	01/11/94	DH12DT															
91	13124288	TRẦN THỊ	PHỤNG	15/02/95	DH13QL															
92	13124296	DIỆP MINH	PHƯỚC	06/08/94	DH13QL															
93	13124294	TRẦN THỊ HOÀI	PHƯƠNG	28/02/95	DH13QL															
94	13124298	TRẦN VIỆT	QUANG	28/03/94	DH13QL															
95	13124305	THÁI THỊ	QUYÊN	13/10/95	DH13QL															
96	13124306	PHẠM VĂN NHÂN	QUYỀN	01/01/95	DH13QL															
97	13124315	NGUYỄN THANH	SƠN	22/12/95	DH13QL															
98	13124316	TÔ ĐÌNH	SƠN	22/06/95	DH13QL															
99	13124321	ĐINH VĂN	SỸ	04/08/95	DH13QL															
100	13124323	LƯU ĐỨC THIÊN	TÀI	18/04/95	DH13QL															
101	13124325	NGUYỄN CẢNH	TÂM	27/05/95	DH13QL															
102	13124330	NGUYỄN VĂN	TÂN	01/04/93	DH13QL															
103	13124556	VUONG TH?	TH?M	10/12/93	DH13QL															
104	13124355	TRẦN THỊ THU	THẢO	30/07/95	DH13QL															
105	13124363	HUỲNH MINH	THẮNG	12/01/95	DH13QL															
106	13124364	LIÊU	THI	08/09/94	DH13QL															
107	13124367	PHAN QUANG	THI	22/08/95	DH13QL															
108	13124373	LÊ THỊ NGỌC	THU	03/12/95	DH13QL															
109	13124388	NGUYỄN THỊ NHƯ	THỦY	01/01/95	DH13QL															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kinh tế vi mô 1 (208109) - Nhóm 07 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Trần Minh Trí (565)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
110	13124384	VŨ THỊ	THÚY	22/04/95	DH13QL															
111	13124403	PHẠM THỊ THỦY	TIÊN	15/01/95	DH13QL															
112	13124401	PHAN TẠ THỦY	TIÊN	01/06/94	DH13QL															
113	12124314	PHẠM CHÍ	TÍNH	19/02/94	DH12QL															
114	13124415	TRẦN THỊ	TRANG	08/09/95	DH13QL															
115	13124420	HUỲNH NGỌC	TRÂM	18/06/95	DH13QL															
116	10363121	HOÀNG THỊ THU	TRÂN	15/01/91	CD10CA															
117	13124437	NGUYỄN HỮU	TRÍ	21/07/95	DH13QL															
118	13124438	NGUYỄN MINH	TRÍ	22/07/95	DH13QL															
119	13124439	TRẦN TÔ QUANG	TRÍ	15/04/94	DH13QL															
120	13124431	NGUYỄN THỊ MỸ	TRINH	21/10/95	DH13QL															
121	13124432	NGUYỄN THỊ NGỌC	TRINH	26/11/95	DH13QL															
122	13124433	TRẦN TÚ	TRINH	18/11/95	DH13QL															
123	13124435	VÕ THỊ MỘNG	TRINH	18/10/95	DH13QL															
124	13124436	VÕ THỊ MỸ	TRINH	30/04/95	DH13QL															
125	13124440	PHAN VĂN	TRỌNG	26/10/95	DH13QL															
126	13124446	LÊ THỊ THANH	TRÚC	15/07/95	DH13QL															
127	12333272	NGÔ ĐẶNG THANH	TRÚC	03/05/94	CD12CQ															
128	13124447	NGUYỄN THANH	TRÚC	06/06/95	DH13QL															
129	13124449	TRẦN THỊ THANH	TRÚC	19/09/94	DH13QL															
130	13124441	LÊ	TRUNG	25/02/94	DH13QL															
131	13124443	NGUYỄN HIẾU	TRUNG	02/04/95	DH13QL															
132	13124444	NGUYỄN VĂN	TRUNG	08/11/95	DH13QL															
133	13124445	NGUYỄN QUỐC	TRUYỀN	03/09/95	DH13QL															
134	13124455	LÊ HUỲNH	TRƯỚC	28/10/95	DH13QL															
135	13124450	NGUYỄN DUY	TRƯỜNG	30/09/94	DH13QL															
136	13124451	NGUYỄN MINH	TRƯỜNG	25/07/95	DH13QL															
137	13124452	PHẠM NHẬT	TRƯỜNG	31/01/95	DH13QL															
138	13124453	TẠ NHẬT	TRƯỜNG	10/10/95	DH13QL															
139	13124454	VY ĐÌNH	TRƯỜNG	04/04/95	DH13QL															
140	13124468	CÁI THANH	TÚ	17/11/95	DH13QL															
141	13124456	NGÔ MINH	TUẤN	17/04/95	DH13QL															
142	13124457	NGUYỄN HỮU	TUẤN	04/03/95	DH13QL															
143	13124458	NGUYỄN MINH NHẬT	TUẤN	04/01/95	DH13QL															
144	13124459	ĐẶNG TRỌNG	TUỆ	08/08/95	DH13QL															
145	13124467	ĐẶNG HUY	TÙNG	19/02/95	DH13QL															
146	13124460	BÙI THỊ	TUYÊN	19/07/95	DH13QL															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kinh tế vi mô 1 (208109) - Nhóm 07 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Trần Minh Trí (565)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
147	13124462	LÊ THỊ KIM	TUYỀN	07/07/95	DH13QL															
148	13124463	LÊ THỊ THU	TUYỀN	08/11/95	DH13QL															
149	13124465	VÕ THỊ THANH	TUYỀN	10/06/95	DH13QL															
150	13124466	VÕ THỊ THANH	TUYỀN	02/10/95	DH13QL															
151	13124469	NGUYỄN THỊ KIM	TƯ	14/03/95	DH13QL															
152	13124470	VÕ THANH	VĂN	10/11/95	DH13QL															
153	13124471	NGUYỄN BÍCH	VÂN	20/05/95	DH13QL															
154	13124472	TRẦN THỊ	VÂN	12/12/95	DH13QL															
155	13124473	VÕ NGỌC THÙY	VÂN	26/05/95	DH13QL															
156	13124474	PHAN THỊ AN	VI	04/02/95	DH13QL															
157	13124475	TRẦN THỊ BẢO	VI	19/08/95	DH13QL															
158	13124477	NGUYỄN HOÀNG	VINH	15/03/95	DH13QL															
159	13124478	NGUYỄN TRỌNG	VINH	19/06/94	DH13QL															
160	13124479	TRẦN HUỲNH PHÚC	VINH	16/01/95	DH13QL															
161	13124480	NGUYỄN ĐÌNH HOÀNG	VŨ	08/09/95	DH13QL															
162	13124481	TRẦN HOÀNG	VŨ	24/04/95	DH13QL															
163	13124482	ĐINH VĂN	VƯƠNG	10/10/95	DH13QL															
164	13124483	TRẦN VĂN	VƯƠNG	01/04/94	DH13QL															
165	13124484	DƯƠNG THỊ THÚY	VY	23/09/95	DH13QL															
166	13124485	HÀ THỊ THẢO	VY	20/04/95	DH13QL															
167	13124486	HOÀNG THỊ THANH	VY	07/01/95	DH13QL															
168	13124487	NGUYỄN KHÁNH	VY	06/12/95	DH13QL															
169	13124488	NGUYỄN THANH	VY	25/09/95	DH13QL															
170	13124489	TRẦN THỊ	VY	24/07/94	DH13QL															
171	13124490	ĐỖ PHƯỢNG	VỸ	11/05/95	DH13QL															
172	13124491	NGUYỄN THỊ	XUÂN	01/03/95	DH13QL															
173	13124492	VÕ THỊ KIM	XUÂN	22/12/95	DH13QL															
174	13124498	HUỲNH NGỌC NHƯ	Ý	10/08/95	DH13QL															
175	13124499	NGUYỄN NHƯ	Ý	25/06/94	DH13QL															
176	13124501	PHẠM THỊ NHƯ	Ý	22/07/95	DH13QL															
177	13124502	TẠ THỊ NHƯ	Ý	01/11/94	DH13QL															
178	13124493	BẠCH THỊ HOÀNG	YẾN	13/11/95	DH13QL															
179	13124494	MAI THỊ	YẾN	14/07/95	DH13QL															
180	13124496	NGUYỄN THỊ KIM	YẾN	29/08/95	DH13QL															
181	13124497	PHẠM THỤY HOÀNG	YẾN	01/05/95	DH13QL															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Kinh tế vi mô 1 (208109) - Nhóm 08 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Mai Đình Quý (709)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	13122002	HOÀNG	ANH	21/09/95	DH13QT															
2	13122003	HOÀNG THỊ QUỲNH	ANH	27/10/95	DH13QT															
3	13122236	LƯƠNG	ANH	05/05/95	DH13QT															
4	13122004	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	ANH	02/01/95	DH13QT															
5	13122005	NGUYỄN THỊ	ANH	10/06/95	DH13QT															
6	13122241	NGUYỄN ĐÌNH	BẰNG	06/08/95	DH13QT															
7	13122243	VÕ THỊ	BỔNG	06/04/95	DH13QT															
8	13122244	TRẦN THỊ HỒNG	CHIÊU	10/04/95	DH13QT															
9	13122245	VŨ ĐÌNH VĂN	CHƯƠNG	10/01/95	DH13QT															
10	13122017	NGUYỄN THỊ KIM	CƯƠNG	13/03/95	DH13QT															
11	13122248	NGUYỄN THỊ TUYẾT	DIỆU	28/10/95	DH13QT															
12	13122249	NGUYỄN THỊ LAY	DƠN	03/09/95	DH13QT															
13	13122250	TRẦN THỊ NGỌC	DUNG	23/01/95	DH13QT															
14	13122258	PHAN VĂN	DŨNG	19/09/94	DH13QT															
15	13122030	TRẦN THỊ THÙY	DUYÊN	19/02/95	DH13QT															
16	13122256	VÕ THỊ MỸ	DUYÊN	05/11/94	DH13QT															
17	13122260	VÕ THÀNH	DƯƠNG	24/09/94	DH13QT															
18	13122262	PHÙNG THỊ BÍCH	ĐÀO	10/01/95	DH13QT															
19	13122264	NGUYỄN THỊ	ĐỨC	02/06/95	DH13QT															
20	13122266	CAO THỊ	GIAO	15/02/95	DH13QT															
21	13122269	NGUYỄN THỊ	HÀ	20/08/95	DH13QT															
22	13122272	PHẠM THỊ HẢI	HÀ	24/07/95	DH13QT															
23	13122274	TRẦN THỊ PHƯƠNG	HẠ	07/06/95	DH13QT															
24	13122273	HUỲNH NHƯ	HÀO	05/05/	DH13QT															
25	13122049	PHẠM NGỌC	HẰNG	31/03/95	DH13QT															
26	13122275	TRẦN THỊ	HẰNG	20/01/94	DH13QT															
27	13122276	LÊ THỊ HỒNG	HÂN	30/06/95	DH13QT															
28	13122277	NGUYỄN TRUNG	HẬU	01/05/94	DH13QT															
29	13122050	ĐINH THỊ THU	HIỀN	02/11/94	DH13QT															
30	13122051	LÂM MỸ	HIỀN	08/01/91	DH13QT															
31	13122278	NGUYỄN THỊ	HIỀN	19/02/95	DH13QT															
32	13122279	NGUYỄN THỊ THU	HIỀN	20/06/95	DH13QT															
33	13122288	BÙI TRẦN	HÒA	16/06/95	DH13QT															
34	13122286	ĐOÀN TRUNG	HOÀNG	08/11/94	DH13QT															
35	13122290	VÕ THỊ	HỒNG	29/04/95	DH13QT															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kinh tế vi mô 1 (208109) - Nhóm 08 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Mai Đình Quý (709)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	13122297	LÊ PHI	HÙNG	20/08/94	DH13QT															
37	13122299	NGUYỄN HUY MẠNH	HÙNG	04/01/95	DH13QT															
38	13122295	NGUYỄN THỊ	HUYỀN	16/05/95	DH13QT															
39	13122296	NGUYỄN THỊ NGỌC	HUYỀN	04/09/95	DH13QT															
40	13122300	NGUYỄN NHƯ	HƯNG	14/06/95	DH13QT															
41	13122301	PHAN THẾ	HƯNG	01/11/95	DH13QT															
42	13122303	VŨ THỊ MAI	HƯƠNG	10/11/95	DH13QT															
43	13122065	NGUYỄN THỊ	HƯỜNG	24/08/94	DH13QT															
44	13122304	NGUYỄN THU	HƯỜNG	18/04/95	DH13QT															
45	13122305	NGUYỄN THẾ	HỮU	12/04/95	DH13QT															
46	13122307	NGUYỄN VÕ MẠNH	KHANG	16/09/95	DH13QT															
47	13122308	NGUYỄN TRẦN ĐĂNG	KHOA	08/10/94	DH13QT															
48	13122309	DƯƠNG HOÀNG	KIM	26/12/95	DH13QT															
49	13122311	ĐINH THỊ	LAN	10/02/94	DH13QT															
50	13122313	PHAN THANH	LAN	08/03/95	DH13QT															
51	13122314	NGUYỄN VĂN	LẬP	30/07/95	DH13QT															
52	13122316	LÊ THỊ ÁNH	LỆ	24/05/95	DH13QT															
53	13122455	NGUYỄN THANH	LỊCH	07/03/95	DH13QT															
54	13122319	HỒ SỸ	LINH	18/07/95	DH13QT															
55	13122321	NGUYỄN THỊ MỸ	LINH	10/08/95	DH13QT															
56	13122079	TRẦN GIA	LINH	26/10/95	DH13QT															
57	13122323	NGUYỄN HỮU	LỘC	04/05/94	DH13QT															
58	13122324	BÙI THÀNH	LUÂN	25/07/95	DH13QT															
59	13122085	ĐÀO THỊ TRÚC	LY	28/09/95	DH13QT															
60	13122326	NGUYỄN THỊ TRÚC	LY	24/08/95	DH13QT															
61	13122327	PHAN THỊ LY	LY	15/05/95	DH13QT															
62	13122329	ĐỖ VŨ QUỲNH	MAI	10/07/95	DH13QT															
63	13122330	NGUYỄN NGỌC	MAI	14/12/95	DH13QT															
64	13122334	NGUYỄN HỒNG	MY	03/02/95	DH13QT															
65	13122335	TRẦN THỊ BẢO	NGÂN	30/04/95	DH13QT															
66	13122336	LÊ THỊ Y	NGỌC	16/05/95	DH13QT															
67	13122337	NGUYỄN THỊ YẾN	NGỌC	25/12/95	DH13QT															
68	13122340	LÊ KIM	NGUYÊN	04/10/94	DH13QT															
69	13122343	ĐÀO THỊ	NHÀN	09/10/95	DH13QT															
70	13122344	NGUYỄN THỊ THANH	NHÀN	18/11/95	DH13QT															
71	13122347	ĐÀO THỊ YẾN	NHI	23/03/95	DH13QT															
72	13122349	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	05/04/95	DH13QT															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kinh tế vi mô 1 (208109) - Nhóm 08 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Mai Đình Quý (709)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	13122352	TRẦN ĐẶNG HUỲNH	NHƯ	10/04/95	DH13QT															
74	13122353	NGUYỄN THỊ MỸ	NƯƠNG	10/03/95	DH13QT															
75	13122354	NGUYỄN THỊ KIỀU	OANH	09/07/95	DH13QT															
76	13122355	HUỲNH TẤN	PHÁT	04/08/94	DH13QT															
77	13122363	NGUYỄN HỮU	PHƯỚC	25/04/95	DH13QT															
78	13122361	CHÌU CHÂN	PHƯƠNG	05/02/95	DH13QT															
79	13122364	NGÔ THỊ	PHƯỢNG	14/08/95	DH13QT															
80	13122366	VÕ HOÀNG	QUÂN	05/05/95	DH13QT															
81	13122134	NGUYỄN THỊ BÍCH	QUY	15/01/95	DH13QT															
82	13122367	MAI TRẦN TỐ	QUYÊN	09/07/95	DH13QT															
83	13122368	NGUYỄN HỒ HUY	QUỲNH	28/03/94	DH13QT															
84	13122371	QUÁCH THỊ HỒNG	SƯƠNG	15/01/95	DH13QT															
85	13122141	LAI THANH	TÀI	11/09/94	DH13QT															
86	13122143	NGUYỄN THỊ THANH	TÂM	20/10/95	DH13QT															
87	13122377	PHẠM NGỌC KHÁNH	TÂN	03/01/95	DH13QT															
88	13122145	TÔ NHỰT	TÂN	28/08/95	DH13QT															
89	13122146	VÕ THANH	TÂN	09/10/95	DH13QT															
90	13122378	HUỲNH CAO	TẤN	27/03/95	DH13QT															
91	13122379	NGUYỄN THỊ	THANH	22/08/95	DH13QT															
92	13122380	DƯƠNG HỮU	THÀNH	19/12/95	DH13QT															
93	13122381	NGUYỄN HOÀNG DUY	THÀNH	23/01/95	DH13QT															
94	13122453	HUỲNH NHƯ	THẢO	/ /	DH13QT															
95	13122384	NGUYỄN THỊ THU	THẢO	08/02/95	DH13QT															
96	13122388	BÙI VĂN	THỂ	23/02/94	DH13QT															
97	13122390	NGUYỄN XUÂN	THỂ	19/11/95	DH13QT															
98	13122160	VÕ ĐỨC	THI	11/03/95	DH13QT															
99	13122391	NGUYỄN THIỆN	THIÊN	09/05/95	DH13QT															
100	13122395	HỒ HOÀNG THY	THƠ	27/08/95	DH13QT															
101	13122396	NGUYỄN THỊ CẨM	THU	25/04/95	DH13QT															
102	13122397	LÊ THỊ HOÀI	THUẬN	27/04/95	DH13QT															
103	13122398	NGUYỄN HỮU	THUẬN	21/06/95	DH13QT															
104	13122403	LƯƠNG NGUYỄN ANH	THƯ	01/05/95	DH13QT															
105	13122404	NGUYỄN THẢO TRANG	THƯ	03/05/95	DH13QT															
106	13122405	ĐINH HÀ	THƯƠNG	18/07/95	DH13QT															
107	13122406	HỒ THỊ	THƯƠNG	13/03/94	DH13QT															
108	13122409	TẠ THỊ THỦY	TIÊN	19/02/95	DH13QT															
109	13122180	TRẦN VĂN	TIÊN	10/03/95	DH13QT															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kinh tế vi mô 1 (208109) - Nhóm 08 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Mai Đình Quý (709)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
110	13122410	TRẦN VĂN	TOÁN	05/08/93	DH13QT															
111	13122185	NGUYỄN THỊ THIÊN	TRANG	16/06/95	DH13QT															
112	13122413	PHẠM MINH THU	TRANG	08/06/95	DH13QT															
113	13122414	VÕ MỸ	TRANG	03/05/95	DH13QT															
114	13122417	HUỲNH THỊ MAI	TRÂM	15/04/95	DH13QT															
115	13122418	LÊ HOÀNG	TRÂM	19/02/95	DH13QT															
116	13122421	LƯƠNG THỊ NGỌC	TRÂM	04/04/95	DH13QT															
117	13122422	NGÔ THỊ HỒNG	TRÂM	09/11/95	DH13QT															
118	13122424	PHẠM THỊ NGỌC	TRÂM	11/12/95	DH13QT															
119	13122427	TRẦN THẾ NGỌC	TRÂM	23/04/95	DH13QT															
120	13122426	NGUYỄN HOÀNG MỘNG	TRÂN	19/10/95	DH13QT															
121	13122431	NGUYỄN TRỌNG	TRÍ	14/07/95	DH13QT															
122	13122196	HỒ THỊ PHƯƠNG	TRINH	26/12/95	DH13QT															
123	13122430	NGÔ THỊ TUYẾT	TRINH	20/02/95	DH13QT															
124	13122432	NGUYỄN THỊ THANH	TRÚC	29/10/95	DH13QT															
125	13122433	VĂN THỊ THANH	TRÚC	22/11/95	DH13QT															
126	13122438	NGÔ THANH	TÚ	11/03/95	DH13QT															
127	13122439	NGÔ THANH	TÚ	11/03/95	DH13QT															
128	13122441	TRẦN THỊ CẨM	TÚ	20/12/95	DH13QT															
129	13122435	NGUYỄN THỊ THANH	TUYỀN	28/02/	DH13QT															
130	13122216	VÕ ĐÌNH	TỰ	22/06/92	DH13QT															
131	13122444	VÕ NỮ NGỌC	UYÊN	28/11/95	DH13QT															
132	13122224	PHẠM QUỐC	VIỆT	18/05/95	DH13QT															
133	13122446	NGUYỄN THỊ TƯỜNG	VY	10/06/95	DH13QT															
134	13122448	NGUYỄN THỊ	XINH	26/02/95	DH13QT															
135	13122228	PHAN THỊ	XUÂN	08/06/95	DH13QT															
136	13122233	MAI THỊ NHƯ	Ý	20/09/95	DH13QT															
137	13122234	NGUYỄN HUỲNH NHƯ	Ý	10/06/95	DH13QT															
138	13122229	HỒ THỊ KIM	YÊN	07/01/95	DH13QT															
139	13122230	HỒNG THỊ NGỌC	YẾN	26/03/95	DH13QT															
140	13122232	NGUYỄN THỊ NGUYỆT	YẾN	10/02/95	DH13QT															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Kinh tế vi mô 1 (208109) - Nhóm 09 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Trần Minh Trí (565)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	12333299	LÊ NGỌC	BẢO	23/03/94	CD12CQ															
2	12333318	LÊ DUY	BÌNH	27/08/93	CD12CQ															
3	13124122	PHẠM VĂN	HOÀNG	03/04/95	DH13QL															
4	13124121	PHAN THỊ KIM	HOÀNG	11/01/95	DH13QL															
5	13124123	TRẦN XUÂN	HOÀNG	19/03/95	DH13QL															
6	12120005	TRẦN VIẾT	HUY	01/12/94	DH12KT															
7	13124268	CAO VĂN	NHỦ	15/08/94	DH13QL															
8	13124267	NGUYỄN THỊ CẨM	NHUNG	20/07/95	DH13QL															
9	13124269	HUỲNH YÊN	NHƯ	18/01/95	DH13QL															
10	13124270	LÊ TRẦN QUỲNH	NHƯ	03/09/95	DH13QL															
11	13124271	NGUYỄN HUỲNH	NHƯ	13/10/95	DH13QL															
12	13124273	NGUYỄN THỊ TRÚC	NHƯ	25/10/95	DH13QL															
13	13124277	TRẦN THỊ TUYẾT	NỮ	18/10/95	DH13QL															
14	13124275	NGUYỄN THỊ TUYẾT	NƯƠNG	20/07/95	DH13QL															
15	13124278	ĐỖ THỊ NGỌC	OANH	01/04/95	DH13QL															
16	13124280	LÊ THỊ YẾN	PHI	/ /95	DH13QL															
17	10151087	LÊ THANH	PHONG	08/05/92	DH10DC															
18	13124281	TRẦN HỮU	PHONG	06/01/95	DH13QL															
19	13124282	CAO THỊ THANH	PHÚC	10/11/95	DH13QL															
20	13124283	NGÔ HỒNG	PHÚC	05/01/95	DH13QL															
21	13124284	TRẦN HỮU	PHÚC	22/03/95	DH13QL															
22	13124285	TRỊNH HỒNG	PHÚC	15/03/95	DH13QL															
23	13124286	HỒ THỊ KIM	PHỤNG	12/10/95	DH13QL															
24	13124290	ĐINH THỊ KIM	PHƯƠNG	07/05/95	DH13QL															
25	13124291	LÊ THẾ	PHƯƠNG	14/04/94	DH13QL															
26	13124292	MAI THỊ	PHƯƠNG	01/09/95	DH13QL															
27	13124293	TRẦN NHẬT ANH	PHƯƠNG	01/02/95	DH13QL															
28	13124295	TRƯƠNG HỒNG	PHƯƠNG	10/10/95	DH13QL															
29	13124299	TRẦN MINH	QUÂN	04/04/95	DH13QL															
30	13124302	NGUYỄN VĂN	QUỐC	01/01/95	DH13QL															
31	13124303	HUỲNH THỊ KIM	QUY	20/10/95	DH13QL															
32	13124309	NGUYỄN THỊ NGỌC	QUÝ	25/05/94	DH13QL															
33	13124310	PHẠM CÔNG	QUÝ	01/03/94	DH13QL															
34	13124304	ĐỖ THỊ THẢO	QUYÊN	14/05/95	DH13QL															
35	13124307	HỒ THỊ XUÂN	QUỲNH	27/08/95	DH13QL															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kinh tế vi mô 1 (208109) - Nhóm 09 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Trần Minh Trí (565)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	13124308	NGUYỄN THỊ NHƯ	QUỲNH	05/06/95	DH13QL															
37	13124311	NGUYỄN TẤN	SANG	14/10/95	DH13QL															
38	13124312	TRẦN VĂN	SANG	23/03/94	DH13QL															
39	13124317	VÕ MINH	SƠN	09/11/95	DH13QL															
40	13124320	PHẠM QUỐC	SỰ	28/02/95	DH13QL															
41	13124318	HUỲNH THỊ TUYẾT	SƯƠNG	30/01/95	DH13QL															
42	13124319	NGUYỄN THỊ THẢO	SƯƠNG	04/06/95	DH13QL															
43	13124324	LƯU THỊ KIÊN	TÂM	04/07/95	DH13QL															
44	13124326	NGUYỄN ĐÌNH	TÂM	06/01/93	DH13QL															
45	12120300	NGUYỄN LINH	TÂM	18/05/94	DH12KM															
46	13124327	NGUYỄN THẾ	TÂM	20/04/95	DH13QL															
47	13124329	TRẦN THỊ MINH	TÂM	01/05/95	DH13QL															
48	13124331	VĂN KHÁNH	TÂN	16/11/95	DH13QL															
49	13124341	LÊ THANH	THẢ	06/09/95	DH13QL															
50	13124358	NGUYỄN HOÀNG QUỐC	THÁI	02/07/95	DH13QL															
51	13124359	NGUYỄN LÊ HỒNG	THÁI	08/09/95	DH13QL															
52	13124360	THỦY NGỌC	THÁI	18/02/94	DH13QL															
53	13124333	HỒ THỊ TỐ	THANH	11/08/95	DH13QL															
54	13124334	LAI YẾN	THANH	30/01/95	DH13QL															
55	13124335	NGUYỄN THỊ THU	THANH	06/10/95	DH13QL															
56	13124337	TRẦN CHÍ	THANH	23/05/95	DH13QL															
57	13124339	TRẦN THỊ MỸ	THANH	27/12/95	DH13QL															
58	13124340	PHẠM CÔNG	THÀNH	04/08/95	DH13QL															
59	13124344	ĐOÀN THỊ	THẢO	10/02/95	DH13QL															
60	13124345	HỒ THỊ THANH	THẢO	18/01/95	DH13QL															
61	13124346	HUỲNH THỊ THANH	THẢO	12/08/94	DH13QL															
62	13124347	LƯƠNG HỒNG	THẢO	03/08/95	DH13QL															
63	13124348	MAI THỊ THU	THẢO	10/06/95	DH13QL															
64	13124349	NGUYỄN DƯƠNG THANH	THẢO	26/01/95	DH13QL															
65	13124352	NGUYỄN THỊ NHƯ	THẢO	24/10/95	DH13QL															
66	13124353	NGUYỄN THU	THẢO	03/06/95	DH13QL															
67	13124354	TRẦN THỊ THANH	THẢO	08/11/95	DH13QL															
68	13124357	VŨ THỊ PHƯƠNG	THẢO	05/04/95	DH13QL															
69	13124361	NGUYỄN THỊ HỒNG	THẮM	27/07/95	DH13QL															
70	13124362	ĐẶNG QUANG	THẮNG	04/01/95	DH13QL															
71	13124368	TRẦN THỊ MAI	THI	05/11/95	DH13QL															
72	13124369	NGÔ THỪA	THIỆN	01/05/95	DH13QL															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kinh tế vi mô 1 (208109) - Nhóm 09 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Trần Minh Trí (565)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	13124370	HỒ ĐẮC MINH	THỊNH	18/04/95	DH13QL															
74	13124372	LÊ MINH	THU	17/11/95	DH13QL															
75	13124374	NGÔ THỊ CẨM	THU	17/02/95	DH13QL															
76	13124376	TRẦN MAI	THU	09/10/95	DH13QL															
77	13124377	CAO THANH	THUẤN	09/08/95	DH13QL															
78	13124378	BÙI QUANG	THUẬN	13/06/95	DH13QL															
79	13124379	LƯU ĐỨC	THUẬN	25/09/95	DH13QL															
80	13124380	PHAN LĨ GIA	THUẬN	30/06/95	DH13QL															
81	13124381	TRẦN MINH	THUẬN	08/08/94	DH13QL															
82	13124386	PHAN THỊ	THÙY	20/12/95	DH13QL															
83	13124389	ĐẶNG THỊ THANH	THÚY	16/05/95	DH13QL															
84	13124390	NGUYỄN NGỌC	THÚY	20/03/95	DH13QL															
85	13124383	NGUYỄN THỊ	THÚY	05/08/95	DH13QL															
86	13124385	KHÚC LINH	THỤY	14/11/95	DH13QL															
87	13124393	NGUYỄN VŨ MINH	THƯ	26/03/95	DH13QL															
88	13124394	TÔ NGỌC MINH	THƯ	14/01/95	DH13QL															
89	13124396	NGUYỄN THỊ HOÀI	THƯƠNG	15/04/95	DH13QL															
90	13124397	TẠ VŨ ANH	THƯƠNG	01/09/94	DH13QL															
91	13124398	TRƯƠNG THỊ MỸ	THƯƠNG	27/01/95	DH13QL															
92	13124399	NGUYỄN THỊ THỦY	TIÊN	20/03/93	DH13QL															
93	13124400	NGUYỄN THỤY DIỄM	TIÊN	01/09/95	DH13QL															
94	13124402	PHẠM THỊ THỦY	TIÊN	07/09/95	DH13QL															
95	13124404	NGUYỄN THỊ MINH	TIẾN	18/03/94	DH13QL															
96	13124405	TRẦN	TIẾN	21/11/95	DH13QL															
97	13124407	MAI THỊ	TÍM	01/01/95	DH13QL															
98	13124406	BÙI VĂN	TÌNH	10/05/95	DH13QL															
99	13124408	NGUYỄN HỮU	TÍNH	15/03/95	DH13QL															
100	13124409	TRẦN NGỌC	TOÀN	02/04/95	DH13QL															
101	13124410	KIỀU THỊ THÙY	TRANG	31/08/95	DH13QL															
102	13124411	NGUYỄN THỊ KIM	TRANG	24/06/95	DH13QL															
103	13124414	PHẠM THỊ HÀ	TRANG	23/01/95	DH13QL															
104	13124413	PHAN THỊ HUYỀN	TRANG	20/10/95	DH13QL															
105	13124416	TRẦN THỊ HUYỀN	TRANG	05/05/95	DH13QL															
106	13124417	TRẦN THỊ THU	TRANG	02/02/95	DH13QL															
107	13124418	VÕ ĐÀI	TRANG	10/11/95	DH13QL															
108	13124419	VŨ THÙY	TRANG	15/07/95	DH13QL															
109	13124421	LÊ THỊ BÍCH	TRÂM	28/03/95	DH13QL															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kinh tế vi mô 1 (208109) - Nhóm 09 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Trần Minh Trí (565)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
110	13124423	SUNG THỊ MỸ	TRÂM	22/01/95	DH13QL															
111	13124424	TÔ THỊ PHƯỢNG	TRÂM	24/08/95	DH13QL															
112	13124425	TRẦN THỊ MAI	TRÂM	26/11/95	DH13QL															
113	13124426	PHẠM THỊ NGỌC	TRẦM	30/01/95	DH13QL															
114	13124427	BÙI PHAN HẢI	TRIỀU	30/06/94	DH13QL															
115	13124428	DƯƠNG THỊ ÁI	TRINH	12/01/95	DH13QL															
116	13124430	LÊ THỊ NGỌC	TRINH	10/08/95	DH13QL															
117	07151033	LÊ HỮU	TRỌNG	01/11/89	DH08DC															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Kinh tế vi mô 1 (208109) - Nhóm 11 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Lê Vũ (569)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	12124131	PHẠM KIỀU	ANH	22/06/94	DH12QL															
2	13333680	NGUYỄN THỊ	BẢY	/ /	CD13CQ															
3	13333090	NGUYỄN THỊ KIM	ĐAN	05/01/95	CD13CQ															
4	12123016	NGÔ THỊ	ĐÀO	10/04/94	DH12KE															
5	13333679	TRỊNH VĂN	HẢI	04/02/95	CD13CQ															
6	13333144	PHAN THỊ	HẰNG	13/08/95	CD13CQ															
7	13333165	PHẠM THỊ NGỌC	HOA	11/11/94	CD13CQ															
8	12333156	PHẠM VĂN	HOÀNG	23/07/91	CD12CQ															
9	12333271	TRỊNH DUY	HÙNG	02/09/91	CD12CQ															
10	13333227	TRẦN THỊ BĂNG	KHANH	07/10/95	CD13CQ															
11	13333251	ĐẶNG QUANG	LIÊM	03/06/92	CD13CQ															
12	12130900	LÊ THỊ	LINH	/ /	DH12KE															
13	13333275	VÕ TRẦN PHƯƠNG	LINH	30/12/95	CD13CQ															
14	13333276	HUỲNH THỊ	LOAN	16/06/94	CD13CQ															
15	13333393	LÊ NGUYỄN KIỀU	OANH	06/08/95	CD13CQ															
16	13333396	NGUYỄN TÚ	OANH	11/08/95	CD13CQ															
17	13333397	VÕ KIM	PHA	24/09/95	CD13CQ															
18	13333398	PHẠM NGỌC TUYẾT	PHẤN	30/11/94	CD13CQ															
19	13333403	TRẦN THANH	PHONG	12/10/94	CD13CQ															
20	13333404	LÊ THỊ THU	PHƠ	13/03/95	CD13CQ															
21	13333406	NGUYỄN ĐÌNH	PHÚ	04/04/94	CD13CQ															
22	13333408	NGUYỄN HUỲNH	PHÚC	08/05/95	CD13CQ															
23	13333410	PHẠM VĂN	PHÚC	20/09/95	CD13CQ															
24	13333411	MAI KIM	PHỤNG	18/11/95	CD13CQ															
25	13333412	NGUYỄN KIM	PHỤNG	29/05/94	CD13CQ															
26	13333413	NGUYỄN THỊ	PHỤNG	23/11/95	CD13CQ															
27	13333424	ĐOÀN VĂN	PHƯỚC	29/10/95	CD13CQ															
28	13333414	CHÂU THỊ HỒNG	PHƯƠNG	18/10/95	CD13CQ															
29	13333419	NGUYỄN THỊ THANH	PHƯƠNG	19/11/95	CD13CQ															
30	13333421	PHẠM HỮU	PHƯƠNG	10/02/95	CD13CQ															
31	13333423	TRẦN MINH	PHƯƠNG	19/01/95	CD13CQ															
32	13333439	NGUYỄN THỊ	QUÝ	10/05/95	CD13CQ															
33	13333434	ĐẶNG THỊ TRÚC	QUỲNH	25/08/95	CD13CQ															
34	13333437	PHAN NGUYỄN NHƯ	QUỲNH	15/10/95	CD13CQ															
35	13333438	PHAN THỊ NHƯ	QUỲNH	04/11/95	CD13CQ															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kinh tế vi mô 1 (208109) - Nhóm 11 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Lê Vũ (569)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	13333440	NGÔ THỊ MỸ	SANG	05/04/95	CD13CQ															
37	13333445	VÕ VĂN	SƠN	14/09/94	CD13CQ															
38	13333449	LÊ VĂN	SỰ	13/08/95	CD13CQ															
39	13333450	DƯƠNG QUỐC	TÀI	06/08/95	CD13CQ															
40	13333454	NGUYỄN TẤN	TÀI	27/10/95	CD13CQ															
41	13333459	PHẠM MINH	TÂM	24/04/93	CD13CQ															
42	13333461	VƯƠNG MINH	TÂM	/ /95	CD13CQ															
43	13333464	NGUYỄN VĂN	TÂN	/ /95	CD13CQ															
44	13333467	NGUYỄN QUÝ	TẤN	30/04/93	CD13CQ															
45	13333468	NGUYỄN QUÝ	TẤN	30/04/93	CD13CQ															
46	13333496	HỒ XUÂN	THẠCH	23/04/95	CD13CQ															
47	13333473	TRẦN ĐÌNH	THANH	12/02/95	CD13CQ															
48	13333476	NGUYỄN QUANG	THÀNH	20/09/95	CD13CQ															
49	13333478	HOÀNG THỊ THANH	THẢO	16/07/95	CD13CQ															
50	13333481	LÊ THỊ THANH	THẢO	25/12/95	CD13CQ															
51	13333486	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	05/03/94	CD13CQ															
52	13333487	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	10/03/95	CD13CQ															
53	13333488	NGUYỄN THỊ THANH	THẢO	26/07/95	CD13CQ															
54	13333490	NGUYỄN THỊ THU	THẢO	10/09/95	CD13CQ															
55	13333494	VÕ THỊ BÍCH	THẢO	20/08/95	CD13CQ															
56	12333347	VÕ THỊ THU	THẢO	07/05/93	CD12CQ															
57	13333507	LÊ THỊ	THI	20/07/95	CD13CQ															
58	13333508	NGUYỄN XUÂN	THI	10/02/95	CD13CQ															
59	13333514	NGUYỄN MINH	THÔNG	03/12/95	CD13CQ															
60	13333515	VÕ VĂN	THÔNG	12/05/95	CD13CQ															
61	13333520	NGUYỄN THỊ HOÀI	THU	15/12/95	CD13CQ															
62	13333521	NGUYỄN THỤY MỘNG	THU	01/04/95	CD13CQ															
63	13333523	VỎ CÔNG	THUẬN	25/11/95	CD13CQ															
64	13333524	NGUYỄN THỊ NGỌC	THUY	26/08/95	CD13CQ															
65	13333526	NGUYỄN THỊ NHƯ	THỦY	25/03/95	CD13CQ															
66	13333529	LÊ THỊ	THÚY	12/08/93	CD13CQ															
67	13333534	PHẠM THỊ THU	THÚY	10/11/95	CD13CQ															
68	13333525	TĂNG THỊ PHƯƠNG	THÚY	16/02/94	CD13CQ															
69	13333536	NGUYỄN THỊ ANH	THƯ	20/07/95	CD13CQ															
70	13333539	HUỲNH THỊ CHÂU	THƯƠNG	19/10/95	CD13CQ															
71	13333542	TRẦN THỊ KIỀU	TIÊN	04/03/95	CD13CQ															
72	13333549	TRẦN THỊ THANH	TIẾN	20/06/95	CD13CQ															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kinh tế vi mô 1 (208109) - Nhóm 11 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Lê Vũ (569)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	13333573	TRẦN THANH	TRÀ	15/05/95	CD13CQ															
74	13333556	LÊ THỊ ĐÀI	TRANG	15/10/95	CD13CQ															
75	13333557	LÊ THỊ QUỲNH	TRANG	16/01/95	CD13CQ															
76	13333562	NGUYỄN THỊ MAI	TRANG	25/06/95	CD13CQ															
77	13333563	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	TRANG	25/05/95	CD13CQ															
78	13333565	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	09/04/95	CD13CQ															
79	13333567	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	09/12/94	CD13CQ															
80	12363136	VŨ THỊ THÙY	TRANG	21/10/94	CD12CA															
81	13333578	NGUYỄN THỊ BÍCH	TRÂM	20/04/94	CD13CQ															
82	13333581	VÕ THỊ PHƯƠNG	TRÂM	04/10/95	CD13CQ															
83	12333450	BÙI PHƯƠNG	TRÂN	27/08/93	CD12CQ															
84	13333596	NGUYỄN CAO	TRÍ	15/12/95	CD13CQ															
85	13333600	PHAN THANH	TRÍ	16/10/95	CD13CQ															
86	13333587	HUỲNH THỊ VIỆT	TRINH	30/04/95	CD13CQ															
87	13333588	HUỲNH THỊ VIỆT	TRINH	03/12/95	CD13CQ															
88	13333609	NGUYỄN THỊ THANH	TRÚC	28/02/95	CD13CQ															
89	13333610	TRẦN THỊ THANH	TRÚC	31/12/94	CD13CQ															
90	11363171	NGUYỄN HỒNG	TRƯỜNG	12/11/93	CD11CA															
91	13333612	NGUYỄN NHẬT	TRƯỜNG	26/02/95	CD13CQ															
92	13333631	HOÀNG MINH CẨM	TÚ	03/05/95	CD13CQ															
93	13333615	NGUYỄN ANH	TUẤN	12/12/92	CD13CQ															
94	13333630	HOÀNG TIẾN	TÙNG	02/12/93	CD13CQ															
95	13333620	LÊ THỊ MỘNG	TUYỀN	01/04/95	CD13CQ															
96	13333622	NGUYỄN THỊ NGỌC	TUYỀN	30/10/91	CD13CQ															
97	13333623	ĐẶNG HỒNG	TUYẾN	06/05/95	CD13CQ															
98	13333624	BÙI THỊ ÁNH	TUYẾT	11/04/95	CD13CQ															
99	13333625	HUỲNH THỊ	TUYẾT	12/02/95	CD13CQ															
100	13333628	TRƯƠNG THỊ MỘNG	TUYẾT	22/10/94	CD13CQ															
101	13333629	NGUYỄN THỊ TỨ	TUYỆT	02/10/95	CD13CQ															
102	13333636	TRẦN THỊ TỐ	UYÊN	22/01/95	CD13CQ															
103	13333641	TRẦN THỊ CẨM	VÂN	15/07/94	CD13CQ															
104	13333642	VÕ THỊ HỒNG	VÂN	15/07/93	CD13CQ															
105	13333647	PHẠM QUANG	VINH	19/10/95	CD13CQ															
106	13333645	PHAN DUY	VINH	18/06/94	CD13CQ															
107	13333646	PHAN VĂN	VINH	27/03/95	CD13CQ															
108	13333654	TRẦN NGUYỄN THẢO	VY	10/08/94	CD13CQ															
109	13333657	LÂM TRIỀU	VỸ	04/03/95	CD13CQ															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kinh tế vi mô 1 (208109) - Nhóm 11 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Lê Vũ (569)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
110	13333673	NGUYỄN THỊ NHƯ	Ý	23/09/95	CD13CQ															
111	13333674	NGUYỄN THỊ NHƯ	Ý	21/06/95	CD13CQ															
112	13333675	TRẦN NGỌC NHƯ	Ý	24/03/95	CD13CQ															
113	13333662	CHU THỊ	YẾN	03/09/95	CD13CQ															
114	13333663	KIỀU NGỌC	YẾN	07/06/95	CD13CQ															
115	13333667	PHẠM THỊ HỒNG	YẾN	08/11/95	CD13CQ															
116	13333668	VÕ THỊ KIM	YẾN	25/08/95	CD13CQ															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Kinh tế vi mô 1 (208109) - Nhóm 12 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Lê Vũ (569)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	13122007	NGUYỄN THỊ NHƯ	ÁI	27/07/95	DH13QT															
2	13122006	NGUYỄN THỊ KIM	ANH	26/01/95	DH13QT															
3	13122008	TRƯƠNG THỊ NGỌC	ÁNH	25/08/95	DH13QT															
4	13122009	HỒ KIM	ÂN	05/11/95	DH13QT															
5	13122011	UÔNG VĂN VIỆT	BẮC	03/05/95	DH13QT															
6	13122012	PHẠM QUANG	BÌNH	12/11/95	DH13QT															
7	13122013	LÊ PHƯƠNG QUẾ	CHI	15/05/95	DH13QT															
8	13122014	NGUYỄN HÀ PHƯƠNG	CHI	22/01/95	DH13QT															
9	13122018	LÊ THỊ NGỌC	DIỄM	10/04/90	DH13QT															
10	13122019	VŨ HOÀNG NGỌC	DIỄM	01/01/95	DH13QT															
11	13122021	NGUYỄN TUYẾT THÙY	DIỆU	29/11/95	DH13QT															
12	13122022	PHAN THANH	DIỆU	21/06/95	DH13QT															
13	13122023	PHAN THỊ THÙY	DUNG	31/12/95	DH13QT															
14	13122024	TRẦN	DUY	22/02/95	DH13QT															
15	13122026	LƯƠNG THỊ	DUYÊN	26/05/95	DH13QT															
16	13122028	NGUYỄN THỊ NGỌC	DUYÊN	29/09/95	DH13QT															
17	13122029	PHẠM THỊ NGỌC	DUYÊN	11/09/95	DH13QT															
18	13122031	NGUYỄN THỊ THÙY	DƯƠNG	16/07/95	DH13QT															
19	13122032	NGUYỄN THỊ THÙY	DƯƠNG	01/07/95	DH13QT															
20	13122033	NGUYỄN THỊ THÙY	DƯƠNG	22/08/94	DH13QT															
21	13122034	PHẠM VĂN TÙNG	DƯƠNG	26/02/95	DH13QT															
22	13122038	PHẠM THỊ	ĐƯỢC	10/10/95	DH13QT															
23	13122039	TỪ VÕ HƯƠNG	GIANG	31/03/95	DH13QT															
24	13122041	LÊ CHÍ	HẢI	10/09/94	DH13QT															
25	13122042	PHÚ VĂN	HẢI	20/04/93	DH13QT															
26	13122044	HOÀNG THỊ HỒNG	HẠNH	30/01/95	DH13QT															
27	13122046	VŨ THỊ	HẠNH	15/01/95	DH13QT															
28	13122047	VŨ THỊ MỸ	HẠNH	01/09/95	DH13QT															
29	13122043	THÁI THỊ NHƯ	HẢO	24/10/95	DH13QT															
30	13122048	BÙI THỊ THU	HẰNG	10/04/95	DH13QT															
31	13122052	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	06/09/95	DH13QT															
32	13122053	PHẠM THỊ HỒNG	HIẾU	24/09/95	DH13QT															
33	13122054	HÀ VĂN	HOÀNG	07/08/95	DH13QT															
34	13122057	HỒ THỊ	HUỆ	10/01/95	DH13QT															
35	13122060	ĐỖ NGUYỄN NHƯ	HUYỀN	16/11/95	DH13QT															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kinh tế vi mô 1 (208109) - Nhóm 12 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Lê Vũ (569)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	13122061	NGUYỄN THỊ MỸ	HUYỀN	15/10/95	DH13QT															
37	13122062	BÙI QUỐC	HƯNG	03/01/95	DH13QT															
38	13122063	TRẦN THỊ	HƯƠNG	12/07/95	DH13QT															
39	13122064	TRỊNH THỊ	HƯƠNG	19/07/95	DH13QT															
40	13122066	ĐẶNG AN	KHANG	18/03/95	DH13QT															
41	13122067	HUỲNH LÊ TUẤN	KHANH	01/01/94	DH13QT															
42	13122069	ĐẶNG THỊ	KIỀN	09/07/93	DH13QT															
43	13122070	TRẦN THỦY HOÀNG	LAN	01/05/95	DH13QT															
44	13122071	NGUYỄN THỊ MỸ	LANG	05/08/91	DH13QT															
45	13122073	CHÍ NHỊT	LÀY	16/06/95	DH13QT															
46	13122075	NGÔ HOÀNG PHƯƠNG	LINH	27/05/95	DH13QT															
47	13122076	NGUYỄN BÙI MỸ	LINH	06/04/95	DH13QT															
48	13122077	NGUYỄN THỊ THANH	LINH	10/10/95	DH13QT															
49	13122078	NGUYỄN THỊ TRÚC	LINH	09/07/95	DH13QT															
50	13122082	NGUYỄN THỊ	LOAN	29/04/94	DH13QT															
51	13122086	NGUYỄN THỊ TRÚC	LY	07/08/95	DH13QT															
52	13122088	ĐỖ THỊ	MAI	24/12/95	DH13QT															
53	13122090	NGUYỄN THỊ TRÚC	MAI	23/09/95	DH13QT															
54	13122091	NGUYỄN NGỌC	MÃI	06/06/95	DH13QT															
55	13122092	VÕ LÊ NHẬT	MINH	25/08/95	DH13QT															
56	13122093	TRẦN THỊ THU	MƠ	25/01/95	DH13QT															
57	13122094	HUỲNH NGỌC TRÀ	MY	10/10/95	DH13QT															
58	13122095	PHAN CẨM	MỶ	03/05/95	DH13QT															
59	13122096	HỨA TRIỆU	MỸ	06/04/95	DH13QT															
60	13122097	NGUYỄN THỊ HOA	MỸ	09/12/95	DH13QT															
61	13122098	NGUYỄN THỊ LỆ	MỸ	09/03/95	DH13QT															
62	13122099	HỒ VĂN NGỌC	NAM	15/04/94	DH13QT															
63	13122100	ĐỖ THỊ THIÊN	NGA	02/02/95	DH13QT															
64	13122101	NGUYỄN THỊ THANH	NGÂN	16/09/95	DH13QT															
65	13122102	TRẦN THỊ KIM	NGÂN	06/06/95	DH13QT															
66	13122103	TRẦN THỊ NGỌC	NGÂN	08/06/95	DH13QT															
67	13122105	NGUYỄN THỊ YẾN	NGỌC	17/05/94	DH13QT															
68	13122106	VƯƠNG THỂ	NGỌC	04/12/95	DH13QT															
69	13122107	BÙI TỐ	NGUYÊN	18/08/95	DH13QT															
70	13122108	KIM	NGUYÊN	10/11/95	DH13QT															
71	13122109	LÊ THÁI	NGUYÊN	20/08/95	DH13QT															
72	13122110	NGUYỄN THỊ KIM	NGUYÊN	09/06/95	DH13QT															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kinh tế vi mô 1 (208109) - Nhóm 12 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Lê Vũ (569)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	13122111	AO THỊ MINH	NGUYỆT	29/10/95	DH13QT															
74	13122112	HUỲNH THANH	NHẬT	25/06/95	DH13QT															
75	13122113	NGUYỄN THỊ	NHI	12/11/95	DH13QT															
76	13122115	ĐẶNG THỊ KIM	NHUNG	30/04/95	DH13QT															
77	13122116	LÊ THỊ TUYẾT	NHUNG	28/07/95	DH13QT															
78	13122118	NGUYỄN THỊ HUỲNH	NHƯ	28/12/94	DH13QT															
79	13122120	TRẦN TRỊNH QUỲNH	NHƯ	01/10/95	DH13QT															
80	13122121	ĐỖ THỊ KIM	OANH	26/08/95	DH13QT															
81	13122123	NGUYỄN NGỌC	PHÁT	24/04/95	DH13QT															
82	13122124	TRƯƠNG TẤN	PHÁT	28/07/95	DH13QT															
83	13122125	TRẦN THIÊN	PHÚ	23/08/95	DH13QT															
84	13122126	TẠ HỒNG	PHÚC	15/08/94	DH13QT															
85	13122129	TRẦN HỮU	PHƯỚC	12/12/95	DH13QT															
86	13122127	HUỲNH HUỆ	PHƯƠNG	06/02/95	DH13QT															
87	13122128	TRẦN THỊ ĐÔNG	PHƯƠNG	08/03/94	DH13QT															
88	13122130	NGUYỄN THỊ BÍCH	PHƯỢNG	04/08/95	DH13QT															
89	13122132	HOÀNG MINH	QUÂN	10/09/94	DH13QT															
90	13122133	LƯU HỒNG	QUÂN	03/07/95	DH13QT															
91	13122135	NGUYỄN THỊ HỒNG	QUYÊN	02/06/95	DH13QT															
92	13122136	PHẠM NGUYỄN THẾ	QUYỀN	23/12/93	DH13QT															
93	13122137	HUỲNH ANH	QUỲNH	07/09/95	DH13QT															
94	13122140	THÀNH TÀI NỮ TRÚC	QUỲNH	02/08/95	DH13QT															
95	13122142	NGUYỄN THỊ THANH	TÂM	16/06/95	DH13QT															
96	13122144	NGUYỄN NGỌC	TÂN	12/02/93	DH13QT															
97	13122147	TRẦN ANH	TẤN	24/10/95	DH13QT															
98	13122155	DƯƠNG NGỌC	THẠCH	02/10/95	DH13QT															
99	13122148	DƯƠNG CHÍ	THANH	26/12/95	DH13QT															
100	13122152	NGUYỄN TRẦN PHƯƠNG	THẢO	31/03/95	DH13QT															
101	13122153	TRẦN THỊ NGỌC	THẢO	17/04/95	DH13QT															
102	13122156	LÊ THỊ KIM	THẮM	15/02/91	DH13QT															
103	13122157	PHẠM THỊ NHƯ	THẮM	10/01/95	DH13QT															
104	13122158	CAO HUỲNH	THI	17/09/95	DH13QT															
105	13122159	NGUYỄN THỊ NGỌC	THI	28/03/95	DH13QT															
106	13122161	VÕ THỊ YẾN	THI	22/06/95	DH13QT															
107	13122163	ĐỖ THỊ	THU	05/07/95	DH13QT															
108	13122164	PHẠM THỊ	THU	02/04/95	DH13QT															
109	13122165	PHẠM THỊ LỆ	THU	25/08/95	DH13QT															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kinh tế vi mô 1 (208109) - Nhóm 12 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Lê Vũ (569)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
110	13122166	TRẦN THỊ NGỌC	THUẬN	28/02/95	DH13QT															
111	13122169	NGUYỄN THỊ NHƯ	THÙY	16/02/91	DH13QT															
112	13122170	NÔNG THỊ BÍCH	THÙY	06/08/95	DH13QT															
113	13122167	LÊ THỊ	THỦY	04/02/95	DH13QT															
114	13122168	VÕ NGUYỄN THU	THỦY	11/01/95	DH13QT															
115	13122172	ĐỖ THỊ NGỌC	THÚY	16/01/95	DH13QT															
116	13122175	PHAN THỊ	THƯƠNG	25/07/95	DH13QT															
117	13122176	TRẦN THỊ	THƯỞNG	07/01/95	DH13QT															
118	13122177	TRẦN THỊ MAI	THY	25/04/95	DH13QT															
119	13122178	NGÔ THỊ PHỤNG	TIÊN	15/08/95	DH13QT															
120	13122179	TRẦN THỊ KIỀU	TIÊN	11/07/95	DH13QT															
121	13122182	NGUYỄN CÔNG	TOẠI	13/02/95	DH13QT															
122	13122183	DƯƠNG THỊ THÙY	TRANG	30/07/95	DH13QT															
123	13122184	NGUYỄN THỊ HỒNG	TRANG	07/02/95	DH13QT															
124	13122187	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	28/09/95	DH13QT															
125	13122188	VÕ NGỌC	TRANG	28/06/95	DH13QT															
126	13122193	PHẠM NGỌC THU	TRÂM	05/12/95	DH13QT															
127	13122194	VŨ THỊ NGỌC	TRÂM	09/03/95	DH13QT															
128	13122195	THỚI CÔNG	TRIỀU	15/01/94	DH13QT															
129	13122197	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠN	TRINH	07/11/95	DH13QT															
130	13122198	NGUYỄN TUYẾT	TRINH	07/10/95	DH13QT															
131	13122200	TRẦN PHƯƠNG	TRINH	19/05/95	DH13QT															
132	13122201	TRẦN THỊ TUYẾT	TRINH	20/01/95	DH13QT															
133	13122202	LÊ THỊ THANH	TRÚC	01/07/95	DH13QT															
134	13122215	VÕ THỊ CẨM	TÚ	25/06/95	DH13QT															
135	13122204	CHIÊU QUỐC	TUẤN	28/09/95	DH13QT															
136	13122205	LÊ HOÀNG QUỐC	TUẤN	01/06/95	DH13QT															
137	13122206	LÊ NGỌC	TUẤN	09/02/95	DH13QT															
138	13122207	LÊ VĂN	TUẤN	10/03/95	DH13QT															
139	13122212	CHẾ VĂN	TÙNG	07/02/95	DH13QT															
140	13122213	PHẠM XUÂN	TÙNG	17/08/85	DH13QT															
141	13122209	HÀ THỊ THANH	TUYỀN	05/09/95	DH13QT															
142	13122210	LÊ THỊ	TUYẾT	09/06/95	DH13QT															
143	13122217	NGUYỄN THỊ KIM	UYÊN	30/04/95	DH13QT															
144	13122218	LÊ NGUYỄN THANH	VÂN	24/05/91	DH13QT															
145	13122220	PHẠM THÚY	VÂN	01/01/95	DH13QT															
146	13122222	NGUYỄN VĂN	VIỆT	26/01/95	DH13QT															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kinh tế vi mô 1 (208109) - Nhóm 12 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Lê Vũ (569)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
147	13122226	TRẦN NGUYỄN TƯỜNG	VY	31/07/95	DH13QT															
148	13122227	NGUYỄN VŨ HOÀNG MA	XUÂN	23/01/95	DH13QT															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Kinh tế vi mô 1 (208109) - Nhóm 13 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Trần Minh Trí (565)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	13333002	NGUYỄN THỊ THÚY	AN	21/09/94	CD13CQ															
2	13333003	ĐOÀN THỊ THÙY	ANH	01/04/95	CD13CQ															
3	13333004	LÊ CÔNG TUẤN	ANH	12/02/94	CD13CQ															
4	13333006	NGUYỄN THỊ KIM	ANH	10/12/95	CD13CQ															
5	13333008	NGUYỄN THỊ THÙY	ANH	06/05/95	CD13CQ															
6	13333010	TẠ THỊ MỸ	ANH	18/09/95	CD13CQ															
7	13333012	HÀ THỊ MỸ	ÁNH	10/08/95	CD13CQ															
8	13333014	LÊ THỊ NGỌC	ÁNH	06/03/95	CD13CQ															
9	13333021	NGUYỄN QUANG VŨ	BẢO	29/05/95	CD13CQ															
10	13333023	NÔNG THỊ	BÁY	26/02/94	CD13CQ															
11	13333025	ĐẶNG THỊ	BÉ	15/08/95	CD13CQ															
12	13333027	HUỲNH QUỐC	BÌNH	09/08/95	CD13CQ															
13	13333036	NGUYỄN THỊ BẢO	CHÂU	08/05/95	CD13CQ															
14	13333041	LÊ THỊ MỸ	CHI	10/06/95	CD13CQ															
15	13333046	NGUYỄN THỊ MY	CHỈ	21/03/95	CD13CQ															
16	13333047	LÂM THÀNH	CHUNG	19/12/94	CD13CQ															
17	13333048	HỒ VĂN	CÔNG	02/08/95	CD13CQ															
18	13333050	PHẠM THỊ	CÔNG	20/05/95	CD13CQ															
19	13333059	ĐÀO NGUYỄN HOA	DIỄM	08/10/95	CD13CQ															
20	13333060	NGUYỄN THỊ THU	DIỄN	26/11/95	CD13CQ															
21	13333065	MAI PHƯƠNG	DUNG	04/08/95	CD13CQ															
22	13333068	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	DUNG	06/06/94	CD13CQ															
23	13333070	PHẠM THỊ PHƯƠNG	DUNG	21/12/95	CD13CQ															
24	13333085	NGUYỄN TIẾN	DŨNG	26/06/94	CD13CQ															
25	13333073	NGUYỄN THANH	DUY	09/07/95	CD13CQ															
26	13333074	ĐẶNG THỊ	DUYÊN	03/04/94	CD13CQ															
27	13333081	PHẠM THỊ XUÂN	DUYÊN	09/10/94	CD13CQ															
28	13333087	NGUYỄN VĂN	DƯƠNG	10/05/94	CD13CQ															
29	13333089	VŨ ĐÌNH HỒNG	DƯƠNG	24/05/95	CD13CQ															
30	13333091	HUỲNH THỊ	ĐANG	18/09/95	CD13CQ															
31	13333096	HUỲNH THỊ XUÂN	ĐÀO	25/07/95	CD13CQ															
32	13333098	LÊ HOÀNG	ĐẠT	11/07/95	CD13CQ															
33	13333102	NGUYỄN HỮU	ĐẮC	11/04/95	CD13CQ															
34	13333105	K'	ĐOÀN	23/07/94	CD13CQ															
35	13333106	MAI ĐỖ CHÍ	ĐOẠT	25/06/94	CD13CQ															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kinh tế vi mô 1 (208109) - Nhóm 13 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Trần Minh Trí (565)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	13333107	NGUYỄN HỒNG	ĐỒNG	17/05/95	CD13CQ															
37	13333112	NGUYỄN VĂN	ĐỨC	11/07/95	CD13CQ															
38	13333113	NGUYỄN VĂN	ĐỨC	21/09/95	CD13CQ															
39	13333114	PHẠM MINH	ĐỨC	03/11/95	CD13CQ															
40	13333118	NGUYỄN ÁNH	GIÀU	24/03/94	CD13CQ															
41	13333128	TRẦN THỊ THU	HÀ	12/02/95	CD13CQ															
42	13333131	ĐOÀN TRUNG	HẢI	05/10/94	CD13CQ															
43	13333133	LÊ THỊ	HẢI	15/05/95	CD13CQ															
44	13333134	PHAN THÀNH	HẢI	29/06/95	CD13CQ															
45	13333138	TRẦN THỊ HỒNG	HẠNH	10/03/95	CD13CQ															
46	13333136	TRẦN THỊ THÚY	HẢO	22/04/95	CD13CQ															
47	13333141	LÝ NHẬT	HẰNG	08/01/95	CD13CQ															
48	13333148	NGUYỄN HOÀI	HẬN	19/04/93	CD13CQ															
49	13333150	NGUYỄN THỊ CẨM	HIÊN	03/11/95	CD13CQ															
50	13333151	ĐỖ THỊ THU	HIỀN	24/08/95	CD13CQ															
51	13333152	HUỲNH THỊ KHÁNH	HIỀN	12/08/95	CD13CQ															
52	13333157	TRẦN THỊ THANH	HIỀN	02/11/95	CD13CQ															
53	13333161	CAO THẾ	HIỆP	29/11/95	CD13CQ															
54	13333159	PHAN CÔNG	HIẾU	05/12/95	CD13CQ															
55	13333160	VÕ DANH	HIẾU	04/09/95	CD13CQ															
56	13333174	ĐÀM NGỌC	HÒA	11/09/92	CD13CQ															
57	13333175	ĐOÀN MINH	HÒA	10/02/94	CD13CQ															
58	13333177	TRẦN LÊ THU	HÒA	16/07/94	CD13CQ															
59	13333166	PHAN THỊ ÁI	HOÀI	20/07/94	CD13CQ															
60	13333167	CAO THANH	HOÀNG	04/02/95	CD13CQ															
61	13333168	HÀ VĂN	HOÀNG	10/08/93	CD13CQ															
62	13333180	TRẦN THỊ HOA	HỒNG	02/05/95	CD13CQ															
63	13333181	VÕ THỊ THU	HỒNG	06/08/95	CD13CQ															
64	13333190	NGUYỄN TRẦN ĐỨC	HUY	13/02/93	CD13CQ															
65	13333194	ĐIÊU THỊ	HUYỀN	05/07/95	CD13CQ															
66	13333195	LÊ THỊ MỸ	HUYỀN	10/08/94	CD13CQ															
67	13333196	LÊ THỊ NGỌC	HUYỀN	01/10/95	CD13CQ															
68	13333197	NGUYỄN THỊ THANH	HUYỀN	25/10/95	CD13CQ															
69	13333199	LÊ	HUỲNH	25/05/95	CD13CQ															
70	13333209	NGUYỄN HOÀNG	HƯNG	05/01/95	CD13CQ															
71	13333211	HỒ XUÂN	HƯƠNG	07/01/95	CD13CQ															
72	13333212	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	24/05/94	CD13CQ															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kinh tế vi mô 1 (208109) - Nhóm 13 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Trần Minh Trí (565)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	13333215	THỊ THU	HƯƠNG	27/03/95	CD13CQ															
74	13333218	NGUYỄN THỊ	HƯỜNG	21/01/95	CD13CQ															
75	13333264	PHẠM HÀ	LINH	22/11/93	CD13CQ															
76	13333267	PHẠM THỊ THÙY	LINH	28/02/95	CD13CQ															
77	13333268	TẠ THỊ MỸ	LINH	17/08/95	CD13CQ															
78	13333269	TRẦN NHẬT	LINH	13/05/95	CD13CQ															
79	13333271	TRỊNH THỊ NHẬT	LINH	22/08/94	CD13CQ															
80	13333274	VÕ THỊ KHÁNH	LINH	22/11/94	CD13CQ															
81	13333279	NGUYỄN PHI	LONG	07/07/95	CD13CQ															
82	13333291	NGUYỄN CÔNG	LUẬN	11/08/93	CD13CQ															
83	13333296	NGUYỄN DƯƠNG CAM	LY	21/08/95	CD13CQ															
84	13333297	TRƯƠNG THỊ TRÚC	LY	21/06/94	CD13CQ															
85	13333298	NGUYỄN THỊ	LÝ	29/07/95	CD13CQ															
86	13333299	HUỲNH THỊ TỐ	MAI	10/10/93	CD13CQ															
87	13333302	NGUYỄN THỊ XUÂN	MAI	25/07/95	CD13CQ															
88	13333303	TRẦN THỊ NGỌC	MAI	30/05/94	CD13CQ															
89	13333306	NGUYỄN CÔNG	MINH	18/12/95	CD13CQ															
90	13333308	NGUYỄN ĐÌNH NHẬT	MINH	15/12/95	CD13CQ															
91	13333309	NGUYỄN THANH	MINH	30/09/95	CD13CQ															
92	13333310	NGUYỄN TRƯỜNG	MINH	02/08/95	CD13CQ															
93	13333311	TRẦN HỮU	MINH	18/10/95	CD13CQ															
94	13333315	NGUYỄN NGỌC TRÀ	MY	30/06/95	CD13CQ															
95	13333316	NGUYỄN THỊ DIỄM	MY	25/01/95	CD13CQ															
96	13333317	TRẦN THỊ DIỄM	MY	01/01/95	CD13CQ															
97	13333318	NGUYỄN HOÀNG	NAM	10/08/95	CD13CQ															
98	13333320	TRẦN TỐ	NGA	29/04/95	CD13CQ															
99	13333326	NGUYỄN BẢO	NGÂN	18/10/95	CD13CQ															
100	13333331	TRẦN THỊ BÍCH	NGÂN	21/06/94	CD13CQ															
101	13333332	TRẦN THỊ KIM	NGÂN	24/01/95	CD13CQ															
102	13333333	LÊ HIẾU	NGHĨA	29/12/94	CD13CQ															
103	13333334	NGUYỄN MINH	NGHĨA	13/05/95	CD13CQ															
104	13333335	NGUYỄN VĂN	NGHĨA	16/03/94	CD13CQ															
105	13333336	TRẦN HỒ HỮU	NGHĨA	12/08/95	CD13CQ															
106	13333343	NGUYỄN THỊ NHƯ	NGỌC	04/02/95	CD13CQ															
107	13333344	PHẠM TRẦN KHÁNH	NGỌC	21/08/95	CD13CQ															
108	13333347	VÕ THỊ BÍCH	NGỌC	08/07/95	CD13CQ															
109	13333348	NGUYỄN BÉ	NGUYÊN	21/08/95	CD13CQ															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kinh tế vi mô 1 (208109) - Nhóm 13 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Trần Minh Trí (565)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
110	13333351	LÊ THỊ MINH	NGUYỆT	25/09/95	CD13CQ															
111	13333353	NGUYỄN ĐINH NHƯ	NGUYỆT	12/08/95	CD13CQ															
112	13333354	NGUYỄN THỊ NHƯ	NGUYỆT	24/08/95	CD13CQ															
113	13333360	TRẦN THỊ MỸ	NHÂN	16/10/95	CD13CQ															
114	13333361	TRƯƠNG TRỌNG	NHÂN	14/06/95	CD13CQ															
115	13333362	TRẦN THỊ	NHẪN	16/11/95	CD13CQ															
116	13333366	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	NHI	20/01/95	CD13CQ															
117	13333373	NGUYỄN ĐÌNH	NHUẬN	/ /93	CD13CQ															
118	13333378	NGUYỄN THỊ THÚY	NHUNG	26/06/94	CD13CQ															
119	13333379	TRẦN THỊ CẨM	NHUNG	04/06/95	CD13CQ															
120	13333382	HUỲNH	NHƯ	23/04/94	CD13CQ															
121	13333385	TRỊNH HOÀI	NHƯ	01/01/95	CD13CQ															
122	13333391	NGUYỄN THỊ MỸ	NỮ	10/05/95	CD13CQ															
123	13333388	HUỲNH THỊ TRÚC	NƯƠNG	04/12/95	CD13CQ															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Kinh tế vĩ mô 1 (208110) - Nhóm 03 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Đỗ Minh Hoàng (814)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	12124136	TRẦN LÊ GIA	BẢO	08/10/94	DH12QL															
2	11171123	TRƯƠNG THỊ	CƯỜNG	23/06/93	DH11KS															
3	12363327	ĐẶNG THỊ	DUYÊN	26/06/94	CD12CA															
4	12124150	NGUYỄN THỊ LÊ	DUYÊN	21/07/94	DH12QL															
5	12363339	ĐOÀN KIỀU	GIANG	26/04/94	CD12CA															
6	12120384	HOÀNG THỊ THÚY	HẰNG	15/09/94	DH12KT															
7	12363206	NGUYỄN THỊ MỸ	HẬU	18/10/93	CD12CA															
8	12116370	HỒ THỊ	HIỀN	/ /94	DH12KS															
9	12155127	HỒ THỊ	HIỀN	06/12/94	DH12KN															
10	12124026	ĐẶNG MINH	HIẾU	25/01/94	DH12QL															
11	12124029	LÊ HẢI	HÒA	09/09/94	DH12QL															
12	12363329	TRẦN THỊ	HUỆ	01/10/94	CD12CA															
13	12116371	PHẠM MINH	HUY	06/01/94	DH12KS															
14	12124033	ĐẶNG THỊ THU	HUYỀN	28/10/94	DH12QL															
15	12120006	NGUYỄN THỊ LAN	HƯƠNG	12/07/94	DH12KT															
16	12120390	TRẦN TRÚC	HƯƠNG	16/12/94	DH12KM															
17	12116058	NGÔ TRỌNG	KHẢI	12/11/94	DH12KS															
18	12124196	PHẠM ANH	KHOA	21/05/94	DH12QL															
19	11333074	NGUYỄN MINH	LUẬN	01/07/93	CD11CQ															
20	11171138	HÀ VĂN	NAM	26/02/93	DH11KS															
21	12333218	NGUYỄN THIỆN	NAM	26/08/94	CD12CQ															
22	12120380	NGUYỄN THỊ THANH	NGA	18/01/94	DH12KT															
23	12120411	ĐỖ THỊ	NGỌC	28/03/94	DH12KT															
24	11143248	NGUYỄN NGỌC THẢO	NGUYÊN	28/03/93	DH11KM															
25	12120477	NGUYỄN THỊ THANH	NHÃ	03/12/94	DH12KT															
26	12123162	LÊ THỊ HỒNG	NHUNG	15/06/94	DH12KE															
27	12124252	PHAN THỊ HỒNG	NHUNG	26/01/94	DH12QL															
28	11122131	NGUYỄN THỊ NGỌC	NỮ	01/02/93	DH11QT															
29	10124149	LÊ VĨNH	PHÚ	01/03/92	DH10QL															
30	12116100	HUỲNH THANH	PHƯƠNG	29/01/94	DH12KS															
31	11143086	TRƯƠNG THỊ LIÊN	PHƯƠNG	13/03/93	DH11KM															
32	07223085	PHẠM NGỌC	QUANG	05/11/80	TC07KETD															
33	12120522	LÊ THỊ KIM	QUÝ	02/04/94	DH12KT															
34	12120429	TRẦN THỊ HỒNG	RIÊNG	07/09/94	DH12KM															
35	12124072	NGUYỄN XUÂN	SƯỚNG	28/05/94	DH12QL															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kinh tế vĩ mô 1 (208110) - Nhóm 03 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Đỗ Minh Hoàng (814)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	10124169	PHAN THANH	TÂM	10/03/92	DH10QL															
37	12124292	PHAN DUY	THÁI	18/11/94	DH12QL															
38	12116127	TRẦN VĂN	THẾ	13/12/94	DH12KS															
39	11143171	NGUYỄN HUỲNH	THI	07/10/93	DH11KM															
40	12363156	NGUYỄN THỊ NGỌC	THU	02/09/92	CD12CA															
41	12120523	NGUYỄN THỊ	THÚY	02/02/94	DH12KT															
42	12155122	HUỲNH ANH	THƯ	01/02/94	DH12KN															
43	10135105	NGUYỄN PHẠM ANH	THƯ	06/06/92	DH10TB															
44	11143106	NGÔ NGỌC	TOÀN	17/02/93	DH11KM															
45	11143211	VŨ THỊ MINH	TRANG	16/03/92	DH11KM															
46	12120576	NGUYỄN HOÀNG	TRÂM	21/06/94	DH12KM															
47	10363127	NGUYỄN ANH	TUẤN	06/05/91	CD10CA															
48	12116383	PHẠM THỊ	TUYẾN	20/10/94	DH12KS															
49	12116321	PHẠM TUYẾT	VÂN	04/05/94	DH12KS															
50	12155061	ĐỖ THỊ PHI	YẾN	04/10/94	DH12KN															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Kinh tế vĩ mô 1 (208110) - Nhóm 05 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Trần Hoài Nam (478)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	12123001	NGUYỄN HẠNH	AN	22/03/94	DH12KE															
2	12123098	NGUYỄN THỊ THÚY	AN	04/01/94	DH12KE															
3	11150027	NGUYỄN THỊ MỸ	ANH	04/02/93	DH11TM															
4	12120448	NGUYỄN THỊ NGỌC	ÁNH	13/03/94	DH12KM															
5	12363011	NGUYỄN THỊ NGỌC	ÁNH	08/03/93	CD12CA															
6	11150032	TRƯƠNG GIA	BẢO	22/08/93	DH11TM															
7	12123221	NGUYỄN THỊ MỘNG	CẦM	25/07/94	DH12KE															
8	12363226	PHAN THÚY	CẨM	19/04/94	CD12CA															
9	12120168	NGÔ VĂN	CHƯƠNG	20/09/94	DH12KT															
10	12363313	HUỲNH THỊ THÚY	DIỄM	10/05/94	CD12CA															
11	12124144	NGUYỄN THỊ KIỀU	DIỄM	14/12/94	DH12QL															
12	10127024	NGUYỄN VĂN	DŨNG	15/02/92	CD12CQ															
13	12122115	TRẦN HỮU	DUY	08/11/92	DH12QT															
14	12363021	ĐINH THỊ MỸ	DUYÊN	08/12/94	CD12CA															
15	12363335	VŨ THỊ THÙY	DƯƠNG	23/12/93	CD12CA															
16	12155040	TRẦN THỊ	ĐÀO	10/03/93	DH12KN															
17	12363336	TRẦN THANH	ĐOAN	16/04/94	CD12CA															
18	12123017	NGUYỄN KINH	ĐÔ	27/03/94	DH12KE															
19	11333171	PHAN ĐÌNH HỒNG	ĐỨC	19/08/93	CD11CQ															
20	11143168	LÊ THỊ	HÀ	26/09/93	DH11KM															
21	12123116	NGUYỄN HUỲNH TRÚC	HÀ	30/09/94	DH12KE															
22	12123020	TẠ THỊ	HÀ	04/08/94	DH12KE															
23	09122024	NGUYỄN HOÀNG	HAI	16/12/89	DH09QT															
24	12123118	ĐINH THỊ MỸ	HẠNH	04/07/94	DH12KE															
25	12120283	TRẦN THỊ MỸ	HẠNH	10/07/94	DH12KM															
26	12333180	PHẠM THÀNH	HẢO	19/02/94	CD12CQ															
27	12120252	DƯƠNG THU	HẰNG	16/04/94	DH12KM															
28	12363246	TRẦN THỊ THÚY	HẰNG	18/02/94	CD12CA															
29	12363042	TRƯƠNG THỊ BÍCH	HÂN	08/03/94	CD12CA															
30	12123122	NGUYỄN THỊ DIỆU	HIỀN	26/01/94	DH12KE															
31	11333131	LÝ THÁI	HIỆP	26/07/93	CD11CQ															
32	12123088	HỒ THỊ	HIẾU	01/10/94	DH12KE															
33	12363249	NÔNG THỊ	HIẾU	14/09/94	CD12CA															
34	12123022	ĐỖ KIM	HOA	02/02/94	DH12KE															
35	12123124	NGUYỄN THỊ LỆ	HOA	28/06/94	DH12KE															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kinh tế vĩ mô 1 (208110) - Nhóm 05 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Trần Hoài Nam (478)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	12123125	LÊ MINH	HOÀNG	07/06/94	DH12KE															
37	12363100	ĐỖ XUÂN	HUẤN	01/01/92	CD12CA															
38	12124180	LÊ SỸ	HUY	19/05/93	DH12QL															
39	12123024	TRỊNH ĐỨC	HUY	28/01/94	DH12KE															
40	12120189	BÙI THỊ	HUYỀN	19/11/94	DH12KM															
41	12123025	DƯƠNG THỊ	HUYỀN	05/11/94	DH12KE															
42	11123113	HOÀNG THỊ THU	HUYỀN	22/08/93	DH11KE															
43	11363045	NGÔ THỊ KIM	HUYỀN	08/02/91	CD11CA															
44	12123128	THÔNG THỊ NGỌC	HUYỀN	01/09/94	DH12KE															
45	12120033	ĐẶNG THỊ MỸ	HƯƠNG	06/01/94	DH12KT															
46	12120507	VÕ THỊ DIỄM	HƯƠNG	04/09/94	DH12KM															
47	12123223	TRẦN CHÍ	KHANG	27/10/92	DH12KE															
48	12123130	NGUYỄN THỊ VÂN	KHANH	14/11/94	DH12KE															
49	12122155	NGUYỄN THỊ THUỲ	KHUYÊN	15/03/94	DH12QT															
50	12120008	NGUYỄN THỊ THÚY	KIỀU	01/04/94	DH12KM															
51	12363077	NGUYỄN THỊ	LAN	16/09/94	CD12CA															
52	11363187	VÕ THỊ HƯƠNG	LAN	06/11/93	CD11CA															
53	12123132	HỒ THỊ	LÀNH	15/12/94	DH12KE															
54	12120473	HUỲNH THỊ	LÀNH	23/04/94	DH12KM															
55	12124376	ĐOÀN THỊ	LINH	08/02/94	DH12QL															
56	12363044	ĐOÀN THỊ CẨM	LINH	18/09/94	CD12CA															
57	12124203	LÊ THỊ CẨM	LINH	17/08/94	DH12QL															
58	12123089	NGUYỄN YẾN	LINH	21/12/94	DH12KE															
59	12123138	NGUYỄN TẤN THANH	LỈNH	07/06/94	DH12KE															
60	11363062	LƯU THỊ MỸ	LOAN	02/10/93	CD11CA															
61	12120626	NGUYỄN THỊ KIỀU	LOAN	26/12/94	DH12KM															
62	12120090	TRẦN BẢO	LONG	26/03/93	DH12KM															
63	11333181	PHAN LÊ BẢO	LỘC	01/09/91	CD11CQ															
64	12123140	TRẦN THỊ	LY	06/11/92	DH12KE															
65	12124221	ĐẶNG THỊ THANH	MAI	19/08/93	DH12QL															
66	12124224	NGUYỄN THỊ ÁNH	MAI	23/11/94	DH12QL															
67	08224034	DƯƠNG THANH	MẪN	/10/86	TC08QL															
68	12123145	HUỲNH THỊ ÁNH	MINH	18/09/94	DH12KE															
69	12116076	TRẦN THỊ VÂN	MINH	05/09/94	DH12NT															
70	12116350	LÊ THỊ TRÀ	MY	11/05/94	DH12KS															
71	12120098	PHẠM PHÙNG TIỂU	MY	28/02/94	DH12KM															
72	12123147	DƯƠNG HẰNG	NGA	29/06/94	DH12KE															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kinh tế vĩ mô 1 (208110) - Nhóm 05 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Trần Hoài Nam (478)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	12120212	NGUYỄN THỊ	NGA	29/12/94	DH12KT															
74	12122036	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	05/06/94	DH12QT															
75	12123034	NGUYỄN THỊ THU	NGÂN	09/12/94	DH12KE															
76	12363319	ĐÀM THỊ ÁNH	NGỌC	30/10/94	CD12CA															
77	12363331	PHAN THỊ QUỲNH	NGỌC	16/09/94	CD12CA															
78	12363075	ĐẶNG THỊ THẢO	NGUYÊN	08/07/93	CD12CA															
79	12120556	NGUYỄN THANH THẢO	NGUYÊN	11/12/94	DH12KM															
80	11363080	NGUYỄN THỊ THẢO	NGUYÊN	10/02/93	CD11CA															
81	12123037	NGUYỄN VĂN	NGUYÊN	19/03/94	DH12KE															
82	11333114	ĐINH THỊ	NHÀI	24/04/93	CD11CQ															
83	12123161	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHI	06/02/94	DH12KE															
84	12120558	NGUYỄN TẤT	NHIÊN	28/08/94	DH12KM															
85	12120316	BIỆN THỊ	NHỚ	01/08/94	DH12KT															
86	12124058	PHẠM THỊ TRÚC	OANH	25/08/94	DH12QL															
87	11150087	TÔ YẾN	OANH	19/05/93	DH11TM															
88	11363196	LÊ THỊ MỸ	PHẨM	22/06/93	CD11CA															
89	12123042	PHẠM HỒNG	PHÚC	04/08/94	DH12KE															
90	11363083	THI THỊ MỸ	PHỤNG	05/07/93	CD11CA															
91	12363210	LƯU MINH	PHƯƠNG	26/02/93	CD12CA															
92	12363024	NGUYỄN THỊ	PHƯỢNG	15/12/93	CD12CA															
93	12122048	LIÊU NGỌC	QUÝ	30/06/92	DH12TM															
94	11363147	NGUYỄN THỊ THẢO	QUYÊN	/ /93	CD11CA															
95	12123091	HỒ NHƯ	QUỲNH	20/12/94	DH12KE															
96	12123281	ĐÀNG PHÚ NỮ	SAMAN	20/03/93	DH12KE															
97	12363190	LÊ THỊ	SƯƠNG	10/10/93	CD12CA															
98	12116113	NGUYỄN THÀNH	SƯƠNG	23/07/93	DH12KS															
99	12123168	LỮ HOÀNG MINH	TÂN	22/12/94	DH12KE															
100	12363110	NGUYỄN THÀNH	TÂN	29/06/94	CD12CA															
101	12123255	HUỲNH THỊ HỒNG	THANH	04/04/94	DH12KE															
102	12363296	TÔ HỒNG	THANH	10/03/94	CD12CA															
103	12124283	VƯƠNG LÝ PHƯƠNG	THANH	17/03/94	DH12QL															
104	12363141	ĐỖ HOÀNG NHẬT	THÀNH	20/10/94	CD12CA															
105	12123047	LÊ THỊ HỒNG	THẢO	30/06/94	DH12KE															
106	12123238	LÊ THỊ THU	THẢO	19/02/94	DH12KE															
107	11120014	LƯỜNG THANH	THẢO	20/08/93	DH11KT															
108	12124290	NGUYỄN THỊ THU	THẢO	20/11/94	DH12QL															
109	12124294	TRẦN SÁCH	THẮNG	02/09/94	DH12QL															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kinh tế vĩ mô 1 (208110) - Nhóm 05 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Trần Hoài Nam (478)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
110	11333160	VÕ NGỌC HUỲNH	THI	09/08/93	CD11CQ															
111	12124081	HỒ THỊ KIM	THOA	27/05/94	DH12QL															
112	12123301	TRẦN THỊ KIM	THOA	/ /	DH12KE															
113	11363064	LÊ THỊ MỸ	THU	18/04/93	CD11CA															
114	12363113	LÊ THỊ MỸ	THUẬN	12/10/94	CD12CA															
115	12363173	LÊ THỊ	THÙY	01/06/94	CD12CA															
116	12363217	TRƯƠNG ÁNH	THÙY	25/10/94	CD12CA															
117	11123155	NGUYỄN THỊ KIM	THỦY	13/10/93	DH11KE															
118	12123250	ĐÀO THỊ	THUÝ	23/09/94	DH12KE															
119	11363091	ĐỖ THỊ HỒNG	THÚY	17/07/92	CD11CA															
120	12123175	LÊ THỊ	THUÝ	15/10/94	DH12KE															
121	12123178	NGÔ THANH	THÚY	06/10/94	DH12KE															
122	12120536	NGUYỄN THỊ	THÚY	28/01/94	DH12KM															
123	12122235	NGUYỄN THỊ ANH	THƯ	27/05/94	DH12TM															
124	12124306	NGUYỄN THỊ ANH	THƯ	03/03/94	DH12QL															
125	12122312	CÙ THỊ CẨM	THƯƠNG	29/03/94	DH12QT															
126	12116200	LÂM DƯƠNG HOÀI	THƯƠNG	20/09/94	DH12KS															
127	12363245	ĐỖ PHƯỢNG CẨM	TIÊN	14/08/94	CD12CA															
128	11333202	LƯƠNG THỊ MỸ	TIÊN	08/03/92	CD11CQ															
129	12120251	NGUYỄN TRỊNH	TIỀN	27/12/93	DH12KM															
130	12123186	TRẦN HOÀNG	TIẾN	31/07/94	DH12KE															
131	12123189	BÙI THỊ	TRANG	26/08/94	DH12KE															
132	12123190	ĐINH THÙY	TRANG	08/09/94	DH12KE															
133	12116139	LẠI THỊ MINH	TRANG	01/12/92	DH12NT															
134	12363076	LÊ THỊ	TRANG	21/11/94	CD12CA															
135	12123056	LÊ THỊ CHÂU	TRANG	05/07/94	DH12KE															
136	12124321	NGUYỄN THỊ THU	TRANG	13/06/94	DH12QL															
137	11123161	PHẠM MINH	TRANG	03/11/93	DH11KE															
138	12123299	LÊ NGỌC	TRÂM	26/07/94	DH12KE															
139	11164035	NGUYỄN THỊ NGỌC	TRÂM	/ /93	DH11TC															
140	12363343	NGUYỄN THỊ NGỌC	TRÂM	08/07/94	CD12CA															
141	11363055	VÕ THỊ HƯƠNG	TRẦM	10/08/93	CD11CA															
142	12120623	CAO THỊ BỬU	TRÂN	30/07/93	DH12KM															
143	12363251	NGUYỄN THỊ THU	TRÚC	26/10/94	CD12CA															
144	12120159	ĐẶNG THANH	TÙNG	16/10/94	DH12KM															
145	12363202	NGUYỄN THỊ MỘNG	TUYỀN	22/09/94	CD12CA															
146	12123062	NGUYỄN THỊ MỸ	TUYẾT	20/10/94	DH12KE															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kinh tế vĩ mô 1 (208110) - Nhóm 05 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Trần Hoài Nam (478)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
147	10135137	TRƯƠNG QUỲNH	UYỂN	27/10/92	DH10TB															
148	12123203	ĐỖ THỊ CẨM	VÂN	29/09/94	DH12KE															
149	12122092	NGUYỄN HOÀNG THÚY	VÂN	20/10/94	DH12QT															
150	12363324	NGUYỄN THỊ TUYẾT	VÂN	01/10/94	CD12CA															
151	11363043	NGUYỄN THỊ	VẬN	01/01/93	CD11CA															
152	12116017	LÊ THANH	VI	18/11/94	DH12NT															
153	12123063	NGUYỄN THỊ	VI	08/05/94	DH12KE															
154	12123209	NGUYỄN THỊ THÚY	VY	02/01/94	DH12KE															
155	12122072	PHAN NGỌC	VY	20/10/94	DH12TM															
156	12123065	TRƯƠNG KIM	XUÂN	26/12/93	DH12KE															
157	12123219	VÕ THỊ NHƯ	Ý	22/12/94	DH12KE															
158	12123212	HÀ KIM	YẾN	22/08/94	DH12KE															
159	12123229	NGUYỄN THỊ HẢI	YẾN	20/10/93	DH12KE															
160	12363150	TRẦN THỊ	YẾN	10/10/94	CD12CA															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Kinh tế vĩ mô 1 (208110) - Nhóm 06 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Trần Hoài Nam (478)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	12120038	ĐẶNG XUÂN	AN	01/01/94	DH12KM															
2	12120039	ĐOÀN HOÀNG	AN	02/10/94	DH12KM															
3	12124127	HUỲNH	ANH	27/09/94	DH12QL															
4	12120043	TRẦN THỊ TÚ	ANH	01/08/92	DH12KM															
5	12120392	TRẦN VÂN	ANH	01/11/94	DH12KM															
6	10121010	NGUYỄN PHƯỚC	BẢN	22/04/91	DH10PT															
7	12120218	SÔ Y	BÁO	15/05/93	DH12KT															
8	12120045	ĐỒNG THỊ MỸ	BÌNH	05/02/94	DH12KM															
9	11123072	TÔ THỊ HỒNG	CẨM	01/01/93	DH11KE															
10	12116032	PHẠM MINH	CHÂU	14/11/94	DH12KS															
11	12333034	NGUYỄN VĂN	CHÍ	02/12/94	CD12CQ															
12	11164001	VÕ QUỐC	CÔNG	27/12/93	DH11TC															
13	12124142	TRẦN QUỐC	CƯỜNG	04/02/94	DH12QL															
14	12120050	CAO THỊ HUỲNH	DAO	30/01/94	DH12KM															
15	12120363	HUỲNH THỊ THÚY	DIỄM	02/08/94	DH12KM															
16	12363166	NGUYỄN THỊ	DUNG	22/11/94	CD12CA															
17	12120053	NGUYỄN THỊ THU	DUNG	17/09/94	DH12KT															
18	12120054	PHẠM NGUYỄN CẨM	DUNG	27/08/94	DH12KM															
19	12120184	MAI NGUYỄN PHẨM	DUYÊN	01/07/94	DH12KM															
20	12124152	VÕ CAO KỲ	DUYÊN	25/03/94	DH12QL															
21	12120060	LÔ THỊ	ĐIỆP	05/02/94	DH12KM															
22	11363181	HUỲNH THỊ MỸ	HẠNH	27/08/93	CD11CA															
23	12120374	VÕ THỊ NGỌC	HẠNH	10/02/94	DH12KT															
24	12120064	HUỲNH THỊ THANH	HẰNG	20/10/94	DH12KM															
25	12363162	NGÔ THỊ	HẰNG	25/03/93	CD12CA															
26	12363164	NGUYỄN THỊ THÚY	HẰNG	25/07/94	CD12CA															
27	12120066	DƯƠNG NGỌC BẢO	HÂN	15/08/94	DH12KM															
28	12120612	LÊ NHƯ	HÂN	28/05/94	DH12KM															
29	12120069	TRẦN MỸ	HIỀN	24/03/94	DH12KM															
30	12363170	HUỲNH THỊ	HÒA	14/07/94	CD12CA															
31	12124027	PHAN THỊ	HOÀI	10/06/94	DH12QL															
32	12124373	LÊ ĐẶNG TỐ	HOÀNG	16/10/94	DH12QL															
33	12116055	NGUYỄN VIỆT	HÙNG	10/03/94	DH12NT															
34	10155002	NGUYỄN ĐÌNH	HUY	12/02/92	DH10KN															
35	12120075	NGUYỄN THỊ	HUYỀN	13/07/94	DH12KM															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kinh tế vĩ mô 1 (208110) - Nhóm 06 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Trần Hoài Nam (478)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	12120289	HOÀNG THỊ DIỄM	HƯƠNG	02/05/93	DH12KM															
37	12363169	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	24/05/93	CD12CA															
38	12120079	TỐNG AN	KHANG	25/11/94	DH12KM															
39	12120007	NGÔ NGUYỄN CHÂU	KHANH	22/05/94	DH12KM															
40	12120313	LÊ THỊ MỸ	KIM	20/08/94	DH12KM															
41	12120526	HỒNG THỊ PHƯƠNG	LINH	14/09/94	DH12KM															
42	12120085	LÊ DIỆU TUYẾT	LINH	09/02/94	DH12KM															
43	12363279	LÊ THỊ	LINH	02/09/93	CD12CA															
44	12120030	NGUYỄN THỊ TRÚC	LINH	04/09/94	DH12KT															
45	12120087	TRẦN THỊ NHẠN	LINH	07/04/94	DH12KM															
46	12120192	TRIỆU THỊ YẾN	LINH	11/06/94	DH12KM															
47	12120088	HUỲNH THỊ MỸ	LOAN	27/12/93	DH12KM															
48	12120174	DƯƠNG HUY HOÀNG	LỘC	19/07/94	DH12KT															
49	12122172	TRẦN MINH	LUÂN	06/09/94	DH12TC															
50	12124218	VÕ THỊ NGỌC	LUYẾN	09/03/94	DH12QL															
51	12363236	TIÊU THỊ THANH	LY	29/01/94	CD12CA															
52	12120175	NGUYỄN THỊ THU	LÝ	02/10/94	DH12KM															
53	12120093	PHẠM PHƯƠNG	MAI	25/06/94	DH12KM															
54	12363192	LÊ THỊ HOÀI	MẾN	02/11/94	CD12CA															
55	12122177	TRẦN VĂN	MONG	06/03/92	DH12TM															
56	12120097	NGUYỄN THỊ LỆ	MY	21/07/94	DH12KM															
57	12363103	CHU THỊ	NA	05/01/94	CD12CA															
58	12123148	NGUYỄN HUỲNH BẠCH	NGA	10/09/94	DH12KE															
59	12155018	NGUYỄN THỊ HẰNG	NGA	05/04/92	DH12KN															
60	12120239	NGUYỄN THỊ THÙY	NGOAN	21/07/93	DH12KM															
61	12120627	HOÀNG THỊ ÁNH	NGỌC	28/10/93	DH12KM															
62	12120031	LÊ THỊ MỸ	NGỌC	27/01/93	DH12KM															
63	12116009	NGUYỄN DUY	NHÂN	28/02/94	DH12KS															
64	12124246	NGUYỄN HỮU	NHÂN	29/05/94	DH12QL															
65	12124253	TRẦN THỊ MỸ	NHUNG	05/10/94	DH12QL															
66	11143084	NGUYỄN SO	NI	20/07/93	DH11KM															
67	12363087	ĐỒNG THỊ	NƯƠNG	12/07/94	CD12CA															
68	10333108	HUỲNH AN	PHƯỚC	10/05/91	CD10CQ															
69	12120015	VŨ HÀ	PHƯƠNG	06/08/94	DH12KT															
70	11333026	NÔNG THỊ	PHƯỢNG	18/10/92	CD11CQ															
71	12124276	NGUYỄN HỮU	TÀI	28/11/94	DH12QL															
72	12363340	TRẦN THỊ	TÂM	02/07/94	CD12CA															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kinh tế vĩ mô 1 (208110) - Nhóm 06 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Trần Hoài Nam (478)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	12120125	TRẦN THỊ BĂNG	TÂM	15/12/94	DH12KM															
74	12120285	PHAN NGUYỄN NHỰT	TÂN	01/05/94	DH12KM															
75	12116120	LƯU Ý	THANH	10/06/94	DH12KS															
76	12124282	NGUYỄN VŨ GIANG	THANH	22/08/94	DH12QL															
77	12363084	TRẦN THỊ KIM	THÀNH	10/01/94	CD12CA															
78	12120560	NGUYỄN THỊ	THẢO	06/02/94	DH12KM															
79	12122224	NGUYỄN THỊ	THẢO	19/08/94	DH12TM															
80	12120355	TẠ THỊ THU	THẢO	08/10/94	DH12KM															
81	12120403	TRẦN THỊ	THẢO	10/05/93	DH12KM															
82	12120219	NAY	THIÊN	29/02/92	DH12KT															
83	12116196	LÊ DUY	THIỆN	13/08/94	DH12KS															
84	12120177	BÙI THỊ XUÂN	THU	15/11/94	DH12KM															
85	12120130	TRIỆU THỊ	THU	08/08/94	DH12KM															
86	12120131	LÊ HỮU	THUẬN	04/02/94	DH12KT															
87	12120483	NGUYỄN ĐỨC	THUẬT	08/09/94	DH12KT															
88	12120133	TRẦN THỊ	THUÝ	01/11/94	DH12KM															
89	12363244	NGUYỄN THỊ	THUYÊN	25/01/94	CD12CA															
90	12124305	HUỲNH THỊ MINH	THƯ	21/12/94	DH12QL															
91	12120439	PHAN THỊ MINH	THƯ	26/07/94	DH12KM															
92	12363154	HỒ THỊ HOÀI	THƯƠNG	13/11/94	CD12CA															
93	12120465	LÊ THỊ CẨM	TIÊN	15/09/94	DH12KM															
94	12124313	VÕ THỊ CẨM	TIÊN	13/03/94	DH12QL															
95	12122290	HỒ HỮU	TOÀN	28/02/94	DH12TM															
96	12122245	ĐỖ HUYỀN	TRANG	15/01/94	DH12TM															
97	11333206	LÊ THỊ THÙY	TRANG	19/11/93	CD11CQ															
98	12120145	NGÔ NGỌC HUYỀN	TRANG	02/06/94	DH12KM															
99	12124087	NGUYỄN THỊ THU	TRANG	29/07/93	DH12QL															
100	12120147	THÁI NGUYỄN MINH	TRANG	01/01/94	DH12KM															
101	12120314	TRẦN THỊ NGỌC	TRANG	28/12/93	DH12KM															
102	12120148	VŨ THIÊN	TRANG	12/12/94	DH12KM															
103	12120149	NGUYỄN THÙY THƯƠNG	TRÂM	30/06/94	DH12KM															
104	12122253	TRẦN THỊ BÍCH	TRÂM	27/12/94	DH12TC															
105	12155121	LƯ MINH	TRÍ	18/10/94	DH12KN															
106	12120152	LÊ MINH	TRIẾT	13/03/94	DH12KT															
107	12123059	NGUYỄN HOÀI HƯNG	TRINH	15/07/94	DH12KE															
108	12120153	NGUYỄN THỊ LAN	TRINH	08/08/94	DH12KM															
109	12120457	PHẠM THỊ CẨM	TRINH	20/10/94	DH12KM															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kinh tế vĩ mô 1 (208110) - Nhóm 06 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Trần Hoài Nam (478)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
110	12120155	ĐỖ THÀNH	TRUNG	24/02/94	DH12KM															
111	12333273	NGUYỄN DUY	TRƯỜNG	30/09/94	CD12CQ															
112	12155004	NGUYỄN ANH	TUẤN	08/08/92	DH12KN															
113	12120500	HỒ THỊ THANH	TUYỀN	07/10/94	DH12KM															
114	12363005	PHAN HUỲNH KIM	TUYỀN	01/01/94	CD12CA															
115	12363052	NGUYỄN THỊ KIM	TUYẾN	24/08/94	CD12CA															
116	12363203	TRẦN THỊ PHƯỢNG	TUYẾN	03/02/94	CD12CA															
117	12123082	LƯU THỊ ÁNH	TUYẾT	20/08/93	DH12KE															
118	12120037	NGUYỄN THỊ	TUYẾT	06/06/94	DH12KM															
119	12120161	TRẦN THẾ	VĂN	10/07/94	DH12KM															
120	12363144	ĐINH THỊ THÚY	VÂN	01/12/94	CD12CA															
121	12124347	TRẦN THANH	VÂN	16/12/94	DH12QL															
122	12120458	BẠCH THỊ TƯỜNG	VI	01/10/93	DH12KM															
123	12120180	ĐẶNG THANH	VỦ	19/11/94	DH12KM															
124	12120386	NGUYỄN THỊ	VƯƠNG	22/05/94	DH12KT															
125	12120409	LÊ HOÀNG	YẾN	04/10/94	DH12KM															
126	12124358	PHẠM THỊ	YẾN	20/12/94	DH12QL															
127	12124359	TRẦN THỊ HẢI	YẾN	15/12/94	DH12QL															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Kinh tế vĩ mô 1 (208110) - Nhóm 07 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Đỗ Minh Hoàng (814)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	12120325	HUỲNH THỊ TRÂM	ANH	18/11/94	DH12KT															
2	12124012	TRẦN THỊ MỸ	DUYÊN	17/08/94	DH12QL															
3	11143160	HỒ PHƯỚC	ĐẠI	31/01/93	DH11KM															
4	12120578	TRẦN LỘC	ĐỨC	03/05/94	DH12KM															
5	12124018	DƯƠNG MINH	HẢI	30/09/92	DH12QL															
6	12124170	LÊ THỊ THANH	HẰNG	30/10/94	DH12QL															
7	12120188	NGUYỄN THỊ NGỌC	HIỆP	01/03/94	DH12KM															
8	12120551	HỒ NGUYỄN THANH	HUY	13/03/94	DH12KM															
9	12116182	NGUYỄN TẤN	LÂN	22/10/94	DH12KS															
10	12124210	TỪ THỊ NGỌC	LINH	01/06/94	DH12QL															
11	10124102	LỮ THẾ	LONG	26/08/92	DH10QL															
12	12120618	NGUYỄN TẤN	LỘC	04/05/93	DH12KM															
13	12124219	CHÂU TIẾN	LỰC	28/04/94	DH12QL															
14	12116007	NGUYỄN THỊ THẢO	NGA	28/10/94	DH12NT															
15	12120195	LÊ THỊ	NGUYÊN	06/08/94	DH12KT															
16	12120518	NGUYỄN MINH	NHẬT	13/06/94	DH12KT															
17	12124248	HUỲNH TRẦN YẾN	NHI	31/03/94	DH12QL															
18	12120244	NGÔ THỊ MỸ	NHUNG	18/06/94	DH12KT															
19	12116186	TRƯƠNG TRẦN	NYN	06/06/92	DH12KS															
20	12116024	HOÀNG THỊ	PHƯƠNG	19/08/94	DH12NT															
21	12116168	BÙI TUYẾT	SANG	22/01/94	DH12NT															
22	12116191	NGUYỄN PHÚ	SƠN	03/09/94	DH12NT															
23	12124075	NGUYỄN THANH	TÂN	01/06/94	DH12QL															
24	12120436	TRẦN THỊ THANH	THANH	30/11/94	DH12KM															
25	12116359	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	02/10/93	DH12KS															
26	12116195	NGUYỄN THỊ	THẢO	15/06/94	DH12KS															
27	12120200	NGUYỄN THỊ	THẮM	07/12/94	DH12KT															
28	12116126	DƯƠNG NGỌC	THẬT	05/03/94	DH12NT															
29	10143076	TRẦN THỊ THANH	THỦY	02/12/92	DH10KM															
30	09363213	LÂM THỊ MINH	THƯ	15/02/91	CD09CA															
31	12116142	ĐỖ THỊ NGỌC	TRÂM	25/11/94	DH12KS															
32	12116230	PHẠM HIẾU	TRỌNG	28/08/94	DH12KS															
33	12122260	NGUYỄN THỊ SƠN	TRÚC	20/07/94	DH12QT															
34	12116384	MANG ĐỨC	Ý	05/01/94	DH12KS															
35	12116158	NGUYỄN THỊ	YẾN	19/03/93	DH12KS															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Kinh tế vĩ mô 1 (208110) - Nhóm 08 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Trần Hoài Nam (478)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	12124126	ĐỖ THỊ QUẾ	ANH	15/05/94	DH12QL															
2	12124128	LÊ QUỐC	ANH	07/03/94	DH12QL															
3	12120581	PHẠM THỊ BẢO	ANH	11/09/94	DH12KM															
4	12120498	NGUYỄN TẤN	BẢO	04/06/94	DH12KM															
5	12116366	HUỲNH HẢI	BẰNG	09/02/94	DH12KS															
6	12363003	NGUYỄN THỊ HẢI	CHÂU	17/11/94	CD12CA															
7	12333297	THÁI NGỌC	CHƯƠNG	12/01/88	CD12CQ															
8	12333040	NGUYỄN VĂN	CƯƠNG	28/08/94	CD12CQ															
9	12155075	NGỌC TRIỆU	CƯỜNG	05/01/93	DH12KN															
10	12120243	TRƯƠNG THỊ KIỀU	DIỄM	22/12/93	DH12KM															
11	12120263	LÊ NGỌC	DIỆP	08/01/93	DH12KM															
12	12124149	NGUYỄN MỸ	DUYÊN	26/02/94	DH12QL															
13	12124151	NGUYỄN THỊ MỸ	DUYÊN	24/11/94	DH12QL															
14	12123110	PHẠM THÚY	DUYÊN	11/02/94	DH12KE															
15	12124162	ĐOÀN THỊ TRÀ	GIANG	22/12/93	DH12QL															
16	12124164	TRƯƠNG THỊ CẨM	GIANG	30/03/94	DH12QL															
17	12155143	NGUYỄN THỊ NGỌC	GIÀU	11/01/92	DH12KN															
18	12363028	CHU THÚY	HÀ	04/01/94	CD12CA															
19	12120405	LÊ THỊ MỸ	HẠNH	02/08/94	DH12KM															
20	12120282	NGUYỄN ĐỨC	HÀO	21/09/93	DH12KM															
21	12116019	THÁI TÔN	HẠO	02/06/94	DH12NT															
22	12124169	LÊ NỮ MỸ	HẰNG	15/08/94	DH12QL															
23	12155085	LÊ THỊ	HẰNG	02/08/94	DH12KN															
24	12124171	LÊ THỊ THU	HẰNG	05/12/94	DH12QL															
25	12120187	DƯƠNG THỊ MỸ	HÂN	17/03/94	DH12KM															
26	12363230	LÊ THỊ	HIỀN	02/07/92	CD12CA															
27	12124174	NGÔ THÀNH	HIỆP	27/12/94	DH12QL															
28	12120003	PHẠM CHÍ	HIẾU	16/04/94	DH12KM															
29	12155044	CAO THỊ KIỀU	HOA	13/09/94	DH12KN															
30	12120584	NGUYỄN THỊ	HOÀI	26/11/93	DH12KM															
31	12124178	PHẠM MINH	HÒANG	30/01/94	DH12QL															
32	12155134	NGUYỄN THỊ	HỒNG	15/09/94	DH12KN															
33	12155108	NGUYỄN THỊ	HUỆ	06/01/94	DH12KN															
34	12155144	ĐẶNG THỊ THU	HƯƠNG	21/02/94	DH12KN															
35	11363070	THÁI THỊ	HƯỜNG	03/02/93	CD11CA															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kinh tế vĩ mô 1 (208110) - Nhóm 08 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Trần Hoài Nam (478)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	12120080	NGÔ HỮU	KHIÊM	24/08/93	DH12KM															
37	12120082	NGUYỄN THỊ NGỌC	LA	05/08/94	DH12KM															
38	12124201	TRIỆU QUỐC	LIÊM	29/01/94	DH12QL															
39	12120420	NGUYỄN THỊ PHƯỢNG	LOAN	31/01/94	DH12KT															
40	12124377	LÊ THIỆN	LỘC	18/07/94	DH12QL															
41	12155058	ĐINH THỊ NGỌC	MAI	25/09/94	DH12KN															
42	12120324	ĐẶNG LÊ	MINH	10/12/94	DH12KM															
43	12116078	DƯƠNG THỊ KIM	NGÂN	20/10/93	DH12KS															
44	12123225	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	03/04/94	DH12KE															
45	12120099	PHẠM THỊ HỒNG	NGÂN	17/02/94	DH12KM															
46	12363238	CAO THỊ MINH	NGỌC	13/11/94	CD12CA															
47	12120337	ĐOÀN THỊ HỒNG	NGỌC	26/11/94	DH12KM															
48	12124124	TRẦN ĐĂNG	NGUYÊN	27/10/94	DH12QL															
49	12120338	PHẠM THỊ THANH	NHÀN	05/03/94	DH12KM															
50	12333344	NGÔ THỊ THẢO	NHI	07/02/94	CD12CQ															
51	12155082	TRẦN THỊ HUỲNH	NHƯ	25/07/94	DH12KN															
52	12116095	LỤC VĂN	NHỰT	17/03/94	DH12NT															
53	12124061	NGUYỄN TUẤN	PHONG	01/01/94	DH12QL															
54	12155055	LÊ THỊ	PHÒNG	25/02/94	DH12KN															
55	12120114	TRƯƠNG VĂN	PHÚC	09/08/94	DH12KM															
56	12124263	NGUYỄN THỊ MỸ	PHỤNG	04/04/94	DH12QL															
57	12124065	TẠ THỊ THU	PHƯƠNG	02/09/94	DH12QL															
58	12120121	HỒ THỊ MỸ	QUY	02/08/94	DH12KM															
59	12120122	ĐỖ THỊ HỒNG	SƯƠNG	13/03/94	DH12KM															
60	12363294	LÂM THỊ THẢO	SƯƠNG	11/10/94	CD12CA															
61	12120123	NGUYỄN CÔNG	TÀI	13/05/94	DH12KM															
62	12124393	NGUYỄN THỊ	TÂM	16/10/94	DH12QL															
63	12155022	NGUYỄN THỊ	TÂM	16/04/94	DH12KN															
64	12124278	PHAN MINH	TÂN	05/04/94	DH12QL															
65	12363048	ĐẶNG THỊ MỸ	THẠCH	03/10/94	CD12CA															
66	12124280	CHÂU MINH	THANH	19/02/94	DH12QL															
67	12124285	LÊ TIẾN	THÀNH	08/07/92	DH12QL															
68	12124287	NGUYỄN THỊ BÍCH	THẢO	06/01/94	DH12QL															
69	12120201	PHAN THỊ ANH	THI	19/11/94	DH12KM															
70	12124296	TĂNG THỊ THANH	THI	02/02/94	DH12QL															
71	12124297	LÂM QUANG	THỊNH	10/08/94	DH12QL															
72	12124080	NGUYỄN XUÂN	THỊNH	04/04/93	DH12QL															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kinh tế vĩ mô 1 (208110) - Nhóm 08 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Trần Hoài Nam (478)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	11143101	LÊ ĐAN	THÙY	14/07/91	DH11KM															
74	12120563	PHẠM THỊ NHƯ	THỦY	06/06/94	DH12KM															
75	13124401	PHAN TẠ THỦY	TIÊN	01/06/94	DH13QL															
76	12124084	ĐỖ PHÁT	TIẾN	09/09/93	DH12QL															
77	12123191	HUỲNH THỊ QUỲNH	TRANG	21/06/93	DH12KE															
78	12120143	LÊ THỊ HUYỀN	TRANG	11/03/94	DH12KM															
79	12120622	NGUYỄN THỊ KIỀU	TRANG	28/05/94	DH12KM															
80	12124091	TRƯƠNG THỊ THÙY	TRANG	03/12/94	DH12QL															
81	12124331	ĐỖ MINH	TRÍ	29/05/94	DH12QL															
82	12124103	NGUYỄN HUỲNH CẨM	TÚ	24/08/94	DH12QL															
83	12120156	ĐẶNG QUỐC	TUẤN	29/07/94	DH12KM															
84	12116146	NGUYỄN VĂN	TUẤN	16/04/94	DH12KS															
85	12155008	LÊ THỊ HÀN	TUYÊN	16/09/94	DH12KN															
86	12363039	PHẠM THỊ THU	VÂN	17/08/93	CD12CA															
87	12120506	NGUYỄN THỊ TRÚC	VI	28/07/94	DH12KM															
88	10124248	PHAN THỊ YẾN	VI	13/11/92	DH10QL															
89	12124349	NGUYỄN TRẦN THỊ MẪ	VINH	04/01/94	DH12QL															
90	12124353	VÕ ANH	VŨ	12/12/94	DH12QL															
91	12124356	PHẠM HOÀNG PHƯƠNG	VY	04/12/94	DH12QL															
92	12333325	ĐẠO THỊ ÚT	XUÂN	10/09/92	CD12CQ															
93	12120505	PHAN THỊ THANH	XUÂN	25/05/94	DH12KM															
94	12123067	NGUYỄN MỸ	Ý	07/06/94	DH12KE															
95	12123218	NGUYỄN THỊ NHƯ	Ý	25/11/94	DH12KE															
96	12120165	MAI BÌNH	YÊN	07/05/94	DH12KM															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Kinh tế vĩ mô 1 (208110) - Nhóm 09 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Trần Hoài Nam (478)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	12120319	HOÀNG QUỲNH	ANH	04/01/94	DH12KT															
2	12120249	MAI THỊ TRÂM	ANH	10/06/94	DH12KM															
3	12120246	LÊ THỊ HỒNG	ÁNH	22/08/94	DH12KM															
4	12120238	TRẦN NHỊT	BẨU	15/11/94	DH12KT															
5	12120181	HUỲNH THỊ	BÉ	10/03/94	DH12KT															
6	12120046	NGUYỄN HUY	BÌNH	18/04/94	DH12KM															
7	12120047	NGUYỄN LƯU	BÌNH	25/11/94	DH12KT															
8	12120334	HỨA MINH	CHÁNH	25/06/94	DH12KT															
9	12120254	NGUYỄN THỊ MỸ	CHÂU	23/01/94	DH12KM															
10	11143181	PHAN THỊ	CHÂU	06/02/93	DH11KM															
11	12120361	NGUYỄN THỊ	CHI	19/02/94	DH12KM															
12	12120049	NGUYỄN THỊ KIM	CHI	07/05/94	DH12KM															
13	12116159	TRƯƠNG MỸ	CHI	21/03/93	DH12KS															
14	12120580	ĐỒNG THỊ	CHUNG	14/05/94	DH12KM															
15	12120609	LÊ THỊ KIM	CƯƠNG	17/01/94	DH12KT															
16	12120369	LÊ TẤN	CƯỜNG	02/08/94	DH12KT															
17	12120182	NGUYỄN MAI	CƯỜNG	17/09/94	DH12KM															
18	12120260	PHẠM KHÁNH	DĂN	20/09/94	DH12KM															
19	12120546	PHẠM THÚY	DÂNG	10/09/93	DH12KT															
20	12120052	VÕ THÚY	DIỄM	26/02/94	DH12KT															
21	12120270	NGUYỄN THỊ	DUNG	15/03/94	DH12KM															
22	12120529	TRẦN VŨ NHẬT	DUY	11/03/94	DH12KM															
23	12363155	HOÀNG THỊ MỸ	DUYÊN	06/08/94	CD12CA															
24	12124148	LÊ ĐẶNG THỊ MỸ	DUYÊN	20/02/94	DH12QL															
25	12120056	HUỲNH THỊ THÙY	DƯƠNG	10/07/94	DH12KM															
26	12120281	TRƯƠNG THỊ THÙY	DƯƠNG	01/02/94	DH12KM															
27	12120400	ĐỒNG ĐƠN	ĐỊNH	24/07/94	DH12KM															
28	12120582	LÊ BÁ TRỌNG	ĐỨC	15/09/92	DH12KM															
29	12120401	NGUYỄN QUỐC TRẦN	ĐỨC	15/10/93	DH12KM															
30	12120256	BÙI THỊ THANH	HẰNG	15/05/94	DH12KM															
31	12120259	HÀ THỊ CẨM	HẰNG	06/08/94	DH12KM															
32	12120299	NGUYỄN NGỌC PHƯỢNG	HẰNG	26/12/94	DH12KM															
33	12120293	NGUYỄN HOÀNG THỤC	HÂN	25/11/94	DH12KM															
34	12120583	HOÀNG VĂN	HẬU	06/08/94	DH12KM															
35	12116046	PHAN TRUNG	HẬU	20/09/94	DH12NT															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kinh tế vĩ mô 1 (208110) - Nhóm 09 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Trần Hoài Nam (478)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	12120548	NGÔ THỊ	HIỀN	20/09/94	DH12KT															
37	12120072	LÝ THỊ	HOA	24/04/94	DH12KT															
38	12120336	PHAN THỊ BÍCH	HOA	02/01/94	DH12KT															
39	12120468	BÙI XUÂN	HÒA	18/04/94	DH12KT															
40	12116180	ĐẶNG MỸ	HÒA	12/02/94	DH12KS															
41	12120262	ĐOÀN THỊ	HOAN	01/10/94	DH12KT															
42	11121002	NGUYỄN THÚY	HỒNG	29/03/93	DH11KT															
43	12120613	NGUYỄN LÊ	HUY	25/10/94	DH12KM															
44	12120005	TRẦN VIẾT	HUY	01/12/94	DH12KT															
45	12120076	NGUYỄN THỊ THANH	HUYỀN	07/03/94	DH12KM															
46	12120586	TRẦN LÊ MỸ	HUYỀN	05/08/94	DH12KM															
47	12124034	TRẦN THỊ	HUYỀN	23/01/94	DH12QL															
48	12120261	NGUYỄN THANH	HƯNG	19/02/94	DH12KM															
49	12120284	TRẦN	HƯNG	16/10/94	DH12KT															
50	12120077	NGUYỄN THỊ THU	HƯƠNG	07/05/94	DH12KM															
51	12120381	NGUYỄN THỊ NHƯ	KHUYẾN	18/12/94	DH12KT															
52	12120081	NGUYỄN THẾ	KIỆT	03/12/94	DH12KM															
53	12120083	PHAN THỊ	LÀI	20/09/94	DH12KM															
54	12120543	NGUYỄN TÙNG	LÂM	19/01/94	DH12KT															
55	12120587	ĐẶNG NGỌC	LỆ	01/09/93	DH12KT															
56	12120351	LÊ THỊ NHƯ	LIÊN	14/01/94	DH12KT															
57	12120172	NGUYỄN THỊ NGỌC	LIÊN	28/09/94	DH12KM															
58	12120084	NGUYỄN THỊ THÙY	LIÊN	24/11/94	DH12KM															
59	12120466	TRẦN THỊ KIM	LINH	15/01/94	DH12KM															
60	12120394	VÕ NGỌC TRÚC	LINH	19/03/94	DH12KM															
61	12120553	NGUYỄN THỊ KIM	LOAN	25/04/94	DH12KT															
62	09123082	VÕ THỊ	MAI	17/05/91	DH09KE															
63	12120399	LÊ THỊ NGỌC	MINH	23/12/94	DH12KM															
64	12120096	PHẠM THU	MINH	21/08/94	DH12KM															
65	12120275	TẠ SIÊU	MINH	16/08/93	DH12KM															
66	12120595	LƯƠNG THỊ QUỲNH	MY	14/07/94	DH12KT															
67	12120555	NGUYỄN THỊ DIỄM	MY	02/06/94	DH12KM															
68	12120589	NGUYỄN THỊ THÙY	MỴ	07/02/94	DH12KM															
69	12120590	LÊ THỊ THANH	NA	19/07/94	DH12KM															
70	12120519	KIỀU MINH	NAM	10/11/94	DH12KM															
71	12120010	PHAN HOÀNG	NAM	27/05/94	DH12KM															
72	12116081	NGUYỄN THỊ BÍCH	NGÂN	26/06/94	DH12NT															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kinh tế vĩ mô 1 (208110) - Nhóm 09 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Trần Hoài Nam (478)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	12120102	LÊ THỊ NHƯ	NGỌC	13/10/94	DH12KM															
74	12120459	LÊ THỊ THANH	NGỌC	10/10/94	DH12KM															
75	12120422	NGUYỄN ĐỖ LINH THÀ	NGỌC	31/10/94	DH12KM															
76	12120012	LÂM THỊ THU	NGUYÊN	04/12/94	DH12KM															
77	12120302	VÕ VĂN	NGUYÊN	11/08/91	DH12KM															
78	12120013	BÙI THỊ ÁNH	NGUYỆT	26/12/94	DH12KM															
79	12124245	NGUYỄN THỊ ÁNH	NGUYỆT	16/02/94	DH12QL															
80	12123160	LÊ PHƯƠNG UYỂN	NHI	24/09/94	DH12KE															
81	12116287	LÊ THỊ BẢO	NHI	02/08/94	DH12KS															
82	12120290	NGUYỄN THỊ Ý	NHI	06/01/94	DH12KT															
83	12120416	NGUYỄN YẾN	NHI	04/12/94	DH12KM															
84	12120196	PHẠM THỊ TUYẾT	NHI	19/06/94	DH12KT															
85	12120197	VĂN THỊ THÙY	NHIÊN	30/12/94	DH12KM															
86	12120014	PHAN THỊ MỸ	NHUNG	27/08/94	DH12KM															
87	12120111	LÊ THỊ KIM	OANH	25/08/94	DH12KM															
88	12120460	THÁI THỊ	OANH	20/01/94	DH12KT															
89	12120245	K' ANH	PHÚC	07/10/93	DH12KM															
90	12363292	DƯƠNG KIM	PHỤNG	20/04/94	CD12CA															
91	12120115	MAI THỊ KIM	PHỤNG	19/08/94	DH12KM															
92	12120017	NGUYỄN THỊ	PHƯỢNG	25/06/94	DH12KM															
93	12124066	NGUYỄN THỊ	PHƯỢNG	11/05/94	DH12QL															
94	12120462	LÊ THẢO	QUYÊN	08/09/94	DH12KT															
95	12120018	VÒNG ĐÌNH	SANG	28/10/94	DH12KT															
96	12124120	ĐOÀN THỊ CẨM	SEN	24/05/94	DH12QL															
97	12120035	NGUYỄN NGỌC	SƠN	12/06/94	DH12KM															
98	12120485	LƯƠNG THỊ NGỌC	SƯƠNG	11/05/93	DH12KM															
99	12120304	HUỲNH HỒ THIỆN	TÂM	17/10/94	DH12KM															
100	12120488	TRẦN THỊ THANH	TÂM	02/01/94	DH12KM															
101	12122219	LÊ HOÀNG ANH	THAO	05/10/94	DH12TM															
102	12123046	ĐỒNG THỊ THU	THẢO	20/07/93	DH12KE															
103	12120127	PHAN THỊ THANH	THẢO	08/02/94	DH12KT															
104	12120579	TRƯƠNG THỊ THANH	THẢO	04/11/94	DH12KM															
105	12120562	NINH THỊ	THẮM	10/12/93	DH12KT															
106	12120288	NGUYỄN CHIẾN	THẮNG	20/03/93	DH12KM															
107	12120530	HỒ THỊ	THỂ	28/03/94	DH12KT															
108	12120128	TRƯƠNG NGUYỄN KIM	THOA	06/01/94	DH12KM															
109	12120129	ĐÀO THỊ	THU	02/05/94	DH12KM															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kinh tế vĩ mô 1 (208110) - Nhóm 09 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Trần Hoài Nam (478)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
110	12363129	NGÔ THỊ	THU	26/08/93	CD12CA															
111	12120441	NGUYỄN THỊ	THU	08/08/94	DH12KM															
112	12120434	PHẠM LÃ TRỌNG	THUẬN	11/12/93	DH12KM															
113	12124302	LƯU THỊ MỘNG	THUỲ	13/04/94	DH12QL															
114	12120601	NGUYỄN THỊ MỘNG	THÙY	09/05/94	DH12KM															
115	12120515	BÙI THỊ	THỦY	23/11/94	DH12KM															
116	12120271	NGUYỄN THỊ THANH	THỦY	16/02/94	DH12KM															
117	12120135	TRẦN THỊ THU	THỦY	16/04/94	DH12KT															
118	12120527	LÊ THỊ THANH	THÚY	05/09/94	DH12KM															
119	12120307	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THÚY	10/10/94	DH12KM															
120	12120132	NGUYỄN THỊ THANH	THUÝ	17/01/94	DH12KT															
121	12120604	PHAN THANH	THÚY	22/09/94	DH12KM															
122	12120438	NGUYỄN MINH	THƯ	29/09/94	DH12KM															
123	11121006	PHẠM THỊ	THƯ	18/01/92	DH11KT															
124	12120140	NGUYỄN THỊ THỦY	TIÊN	03/05/94	DH12KM															
125	12120566	TRẦN THỊ CẨM	TIÊN	15/11/94	DH12KM															
126	12120141	TRẦN ĐỨC	TIẾN	07/02/94	DH12KM															
127	11333164	TRẦN VĂN	TIẾN	02/05/93	CD11CQ															
128	12120509	LÊ THỊ	TÌNH	28/02/93	DH12KM															
129	12120204	PHAN VÕ BẢO	TRÂM	31/05/94	DH12KM															
130	11155008	VÕ THỊ NGỌC	TRÂM	15/12/93	DH11KN															
131	12120150	VÕ THỊ NGỌC	TRÂM	24/04/94	DH12KM															
132	12120341	ĐINH THỊ THẢO	TRÂN	28/06/94	DH12KM															
133	12122254	NGUYỄN HỒ BẢO	TRÂN	14/11/94	DH12QT															
134	12120440	VÕ NGỌC	TRÂN	28/10/94	DH12KM															
135	12120534	NGUYỄN PHƯƠNG	TRINH	10/11/94	DH12KM															
136	12124335	NGUYỄN THỊ	TRÚC	21/10/94	DH12QL															
137	12120298	NGUYỄN THỊ ÁNH	TRÚC	15/02/94	DH12KT															
138	12120312	NGUYỄN THỊ THANH	TRÚC	22/09/94	DH12KM															
139	12120028	NGUYỄN THỊ KIM	TUYỀN	07/02/94	DH12KT															
140	12120542	NGUYỄN THỊ THANH	TUYỀN	14/11/94	DH12KM															
141	12120205	TRẦN THỊ THANH	TUYỀN	01/11/94	DH12KM															
142	12120158	HỒ NGỌC	TUYẾN	03/10/93	DH12KM															
143	12120445	BÙI THỊ	TUYẾT	09/02/94	DH12KM															
144	12120206	CHU PHƯƠNG	UYÊN	10/11/94	DH12KM															
145	12116326	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	UYÊN	27/08/93	DH12KS															
146	12120160	TRẦN THỊ THU	UYÊN	18/10/94	DH12KM															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kinh tế vĩ mô 1 (208110) - Nhóm 09 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Trần Hoài Nam (478)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
147	12120598	LÊ XUÂN	VĂN	07/11/94	DH12KT															
148	12116150	HOÀNG THỊ BÍCH	VÂN	07/06/94	DH12KS															
149	12120207	NGUYỄN THỊ	VÂN	02/02/94	DH12KT															
150	12120625	NGUYỄN THỊ CẨM	VÂN	15/09/94	DH12KM															
151	12120572	TIẾT THANH	VÂN	19/12/94	DH12KT															
152	12120163	TRỊNH BÍCH	VÂN	01/04/94	DH12KT															
153	12120456	HÀ THỊ KIỀU	VIÊN	26/01/94	DH12KM															
154	12120453	HUỲNH THÁI NHẬT	VŨ	18/12/93	DH12KM															
155	12120486	PHẠM THIÊN	VŨ	16/10/94	DH12KM															
156	12120179	ĐỖ THỊ	VUI	05/05/94	DH12KT															
157	12120326	ĐÀO THỊ MINH	VY	27/04/94	DH12KM															
158	12120320	ĐẶNG THỊ TUYẾT	XUÂN	20/12/94	DH12KM															
159	12120444	TRẦN THỊ	XUÂN	28/01/94	DH12KM															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Kinh tế vĩ mô 1 (208110) - Nhóm 10 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Trần Hoài Nam (478)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	12363001	HOÀNG THỊ TƯỜNG	ANH	16/03/94	CD12CA															
2	12120365	TRẦN VÂN	ANH	01/05/93	DH12KM															
3	12124134	NGUYỄN THỤY NGỌC	ÁNH	18/03/94	DH12QL															
4	12116001	TẶNG QUẾ	ÂN	28/06/94	DH12KS															
5	10130901	LÊ VĂN	BÌNH	/ /	DH12QT															
6	12124004	LÊ VĂN	BÌNH	13/05/94	DH12QL															
7	12124109	TRẦN NGUYỄN NGÂN	BÌNH	04/02/94	DH12QL															
8	12123009	LƯU KIM	CHI	08/02/94	DH12KE															
9	12122006	LÊ THỊ NGỌC	CÚC	09/02/94	DH12TM															
10	12122084	PHẠM THỊ BẢO	DUNG	15/07/94	DH12QT															
11	12363033	VÕ THỊ KIM	DUNG	09/09/93	CD12CA															
12	12124153	HUỲNH TUẤN	DŨNG	16/01/94	DH12QL															
13	12116041	VŨ HOÀNG THANH	DŨNG	11/04/94	DH12KS															
14	12122117	PHAN BÍCH	DUYÊN	06/11/93	DH12TC															
15	12120247	HUỲNH DŨNG	DƯƠNG	02/09/94	DH12KM															
16	12122011	NGUYỄN HUY	DƯƠNG	21/01/93	DH12TM															
17	12116284	NGUYỄN THỊ NGỌC	GIÀU	08/09/92	DH12KS															
18	12123113	NGUYỄN THỊ NGỌC	GIÀU	26/06/94	DH12KE															
19	12124166	PHÙNG PHẠM MỸ	HÀ	02/09/94	DH12QL															
20	12122129	TRẦN THỊ	HÀ	09/01/94	DH12TM															
21	12363086	VÕ ĐỖ HOA	HẠ	17/05/94	CD12CA															
22	12120464	NGUYỄN THỊ HỒNG	HẢI	11/03/94	DH12KM															
23	12120063	NGUYỄN THỊ	HẠNH	15/07/94	DH12KM															
24	12120269	MAI THỊ KIM	HẰNG	26/04/94	DH12KM															
25	12122133	NGUYỄN THỊ THANH	HẰNG	13/05/94	DH12QT															
26	12120592	ĐẶNG CÔNG	HẬU	04/04/94	DH12KM															
27	12120549	LÊ THỊ	HIỀN	10/03/94	DH12KM															
28	12333279	TRẦN THỊ MINH	HIỀN	23/09/94	CD12CQ															
29	12120407	VÕ THỊ	HOA	06/08/94	DH12KT															
30	12120209	LƯƠNG THỊ	HÒA	10/10/94	DH12KM															
31	12120258	NGUYỄN NHƯ	HOÀNG	12/12/93	DH12KM															
32	12120296	NGUYỄN THANH	HOÀNG	05/04/94	DH12KM															
33	12363035	LÊ THỊ THÚY	HỒNG	16/10/93	CD12CA															
34	12363271	TRƯƠNG KIM	HỒNG	19/10/94	CD12CA															
35	11151044	VŨ VĂN	HUÂN	10/06/93	CD12CQ															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kinh tế vĩ mô 1 (208110) - Nhóm 10 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Trần Hoài Nam (478)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	12363316	ĐẶNG THỊ	HUỆ	16/02/94	CD12CA															
37	11333048	NGUYỄN BÁ	HÙNG	15/05/93	CD11CQ															
38	12124181	NGUYỄN QUỐC	HUY	24/05/92	DH12QL															
39	12120585	NGUYỄN KIM	HUYỀN	26/05/94	DH12KM															
40	12333141	TRẦN VĂN	HƯNG	16/02/94	CD12CQ															
41	12120514	HUỲNH THỊ HUẾ	HƯƠNG	01/05/94	DH12KM															
42	12124189	NGUYỄN THỊ DIỄM	HƯƠNG	09/08/93	DH12QL															
43	12120306	NGUYỄN THỊ QUẾ	HƯƠNG	16/09/94	DH12KM															
44	12363072	VŨ THỊ LAN	HƯƠNG	18/07/93	CD12CA															
45	12120170	PHẠM THỊ THU	HƯỜNG	07/05/94	DH12KM															
46	10155054	VÕ NGUYÊN	KHANG	30/09/91	DH10KN															
47	12363181	PHẠM THỊ LY	LA	20/05/94	CD12CA															
48	12363082	ĐẶNG THỊ THANH	LAM	10/10/94	CD12CA															
49	12120410	NGUYỄN THỊ	LỆ	11/02/94	DH12KM															
50	12123134	HOÀNG VIỆT	LIÊN	23/01/94	DH12KE															
51	12123135	LÊ THỊ NGỌC	LIỀN	31/05/94	DH12KE															
52	12120588	LÊ THỊ BÍCH	LIỄU	09/05/94	DH12KM															
53	12120493	BÙI HUỆ ĐỨC MỸ	LINH	31/10/94	DH12KM															
54	12120603	NGUYỄN THỊ NGỌC	LINH	15/05/94	DH12KT															
55	12363059	ĐẶNG THỊ THANH	LOAN	25/05/94	CD12CA															
56	12120211	TRẦN THỊ	LỢI	04/12/94	DH12KM															
57	12363078	NGUYỄN THỊ	LỤA	23/10/94	CD12CA															
58	12120091	NGUYỄN THỊ LƯU	LUYẾN	21/05/94	DH12KM															
59	11333182	LỮ KIM QUỲNH	MI	31/07/91	CD11CQ															
60	12120476	ĐẶNG THỊ TUYẾT	MINH	15/01/93	DH12KM															
61	12120475	TRẦN NGỌC BÌNH	MINH	18/06/94	DH12KM															
62	12124229	NGUYỄN THỊ DIỄM	MY	18/06/94	DH12QL															
63	12363068	TRẦN THỊ THÚY	MY	19/10/92	CD12CA															
64	12120594	TRƯƠNG THỊ MY	MY	02/12/94	DH12KM															
65	12124053	MAI ĐÌNH	NAM	10/10/93	DH12QL															
66	12120591	NGUYỄN TRẤN	NAM	28/09/94	DH12KM															
67	12120398	NGUYỄN THỊ CHỨC	NĂNG	11/05/93	DH12KM															
68	12120349	LÊ THỊ	NGA	05/05/94	DH12KT															
69	12120377	ĐẶNG THỊ TUYẾT	NGÂN	24/11/93	DH12KT															
70	12120194	LÊ THỊ DIỆU	NGÂN	14/02/94	DH12KM															
71	12123150	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	30/08/94	DH12KE															
72	12120100	VÕ NHẬT KIM	NGÂN	06/12/94	DH12KM															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kinh tế vĩ mô 1 (208110) - Nhóm 10 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Trần Hoài Nam (478)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	12120508	HÀ MINH	NGHI	02/09/94	DH12KM															
74	12124240	HUỲNH NHƯ	NGỌC	18/12/94	DH12QL															
75	12122333	NGUYỄN THỊ	NGỌC	10/01/94	DH12QT															
76	12120103	LÝ KIM	NGUYÊN	04/09/94	DH12KT															
77	12123153	NGUYỄN NGỌC THẢO	NGUYÊN	16/02/94	DH12KE															
78	12363142	PHẠM THỊ HỒNG	NGUYỆT	18/09/93	CD12CA															
79	12120107	NGUYỄN THỊ UYỂN	NHI	03/01/94	DH12KM															
80	12120393	PHẠM VÂN	NHI	08/10/94	DH12KM															
81	12363070	NGUYỄN THỊ	NHUNG	04/08/94	CD12CA															
82	12124380	ĐỖ QUỲNH	NHƯ	14/01/94	DH12QL															
83	11123136	HỒ NGỌC QUỲNH	NHƯ	14/04/93	DH11KE															
84	12120596	LÊ HOÀNG UYỂN	NHƯ	11/09/94	DH12KM															
85	12122039	LÊ THỊ ÁI	NHƯ	10/11/94	DH12TC															
86	12120274	LÊ THỊ QUỲNH	NHƯ	04/06/93	DH12KM															
87	12120108	TRẦN THỊ HUỲNH	NHƯ	12/02/94	DH12KM															
88	12120199	NGUYỄN THỊ	NỞ	20/09/93	DH12KM															
89	12124258	NGUYỄN THỊ	NỮ	12/02/94	DH12QL															
90	12363341	HUỲNH MỸ	NƯƠNG	/07/94	CD12CA															
91	12122040	NGUYỄN TẤN	PHÚ	18/07/94	DH12QT															
92	12120559	NGUYỄN THỊ KIM	PHỤNG	25/04/94	DH12KT															
93	12120118	HỒ THỊ	PHƯỚC	12/11/94	DH12KM															
94	12120482	ĐINH UYÊN	PHƯƠNG	26/10/94	DH12KM															
95	12120116	LẠI VỦ HÀ	PHƯƠNG	03/11/94	DH12KM															
96	12120120	QUÁCH THỊ HỒNG	PHƯỢNG	09/04/94	DH12KM															
97	12124268	ĐỖ MINH	QUANG	12/06/94	DH12QL															
98	12120294	NGUYỄN THỊ XUYÊN	QUÝ	11/12/94	DH12KT															
99	12120451	NGUYỄN LỆ	QUYÊN	01/01/94	DH12KM															
100	12120331	VÕ TRUNG	QUYỀN	24/09/94	DH12KM															
101	12122213	LÊ NGỌC PHƯƠNG	QUỲNH	09/12/94	DH12TM															
102	12122307	NGUYỄN NHƯ	QUỲNH	23/06/94	DH12TC															
103	12363105	TRƯƠNG THỊ	QUỲNH	08/12/93	CD12CA															
104	12124274	PHẠM THÁI	SƠN	19/10/94	DH12QL															
105	12116112	NGUYỄN ĐÀO THU	SƯƠNG	04/08/94	DH12NT															
106	12122308	NGUYỄN THỊ THU	SƯƠNG	10/10/94	DH12TM															
107	12122216	ĐÀO LƯU HỮU	TÀI	14/11/94	DH12QT															
108	12120300	NGUYỄN LINH	TÂM	18/05/94	DH12KM															
109	11333082	VÕ THỊ	TÂM	19/02/93	CD11CQ															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kinh tế vĩ mô 1 (208110) - Nhóm 10 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Trần Hoài Nam (478)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
110	12124281	NGUYỄN THIÊN	THANH	17/01/94	DH12QL															
111	12333294	TRẦN KIÊN	THÀNH	06/01/93	CD12CQ															
112	12120490	ĐẶNG THỊ THU	THẢO	01/09/94	DH12KM															
113	12363344	LƯƠNG THỊ THU	THẢO	18/04/93	CD12CA															
114	12120373	LÝ THU	THẢO	15/11/94	DH12KM															
115	12116025	NGUYỄN ĐẶNG THU	THẢO	18/06/93	DH12KS															
116	12120432	NGUYỄN THỊ THU	THẢO	24/10/94	DH12KM															
117	12123171	PHẠM THỊ PHƯƠNG	THẢO	12/12/93	DH12KE															
118	12120544	BÙI THỊ HỒNG	THẮM	14/07/93	DH12KM															
119	12363243	DƯƠNG THỊ HỒNG	THẮM	07/06/94	CD12CA															
120	12333478	NGUYỄN THỊ	THI	05/05/94	CD12CQ															
121	12120385	ĐẶNG THỊ	THU	20/02/93	DH12KT															
122	12116130	BÙI THỊ BÌNH	THUẬN	07/01/94	DH12KS															
123	12363297	LÊ MINH	THÙY	18/10/93	CD12CA															
124	12363195	LÊ THỊ	THÙY	20/07/94	CD12CA															
125	12363122	NGÔ THỊ BÍCH	THỦY	08/07/93	CD12CA															
126	12120382	TRẦN THỊ THÁI	THỦY	20/12/93	DH12KM															
127	12120136	TRẦN THỊ XUÂN	THỦY	21/09/94	DH12KM															
128	09333153	PHAN THỊ THANH	THÚY	16/06/89	CD09CQ															
129	12363045	NGUYỄN THỊ	THUYÊN	09/05/94	CD12CA															
130	12116266	ĐỖ QUANG	THƯƠNG	10/04/94	DH12KS															
131	12120138	HỒ THỊ	THƯƠNG	26/12/94	DH12KM															
132	12120178	HUỲNH THỊ	THƯƠNG	14/04/94	DH12KM															
133	12363224	NGUYỄN THỊ	THƯƠNG	09/06/94	CD12CA															
134	12120139	TRẦN HOÀI	THƯƠNG	23/10/94	DH12KM															
135	12363298	TRẦN THY	THY	27/09/94	CD12CA															
136	12120303	ĐẶNG THỊ CẨM	TIÊN	10/10/94	DH12KM															
137	12122243	NGUYỄN NGỌC	TIẾN	11/12/94	DH12QT															
138	12363300	TĂNG THỊ THU	TỈNH	10/03/94	CD12CA															
139	12363114	LÊ VĂN	TÍNH	21/02/94	CD12CA															
140	12124315	NGỌ NGỌC	TÒAN	16/01/93	DH12QL															
141	12363333	LÊ THỊ	TRANG	10/09/94	CD12CA															
142	12124320	NGUYỄN THỊ KIM	TRANG	11/12/94	DH12QL															
143	10123194	NGUYỄN THỊ MINH	TRANG	15/09/92	DH10KE															
144	12124325	LÊ THỊ HUYỀN	TRÂN	20/10/94	DH12QL															
145	12122314	ĐINH THỊ NGỌC	TRINH	24/04/94	DH12QT															
146	12363305	NGUYỄN THỊ TỐ	TRINH	21/06/94	CD12CA															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kinh tế vĩ mô 1 (208110) - Nhóm 10 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Trần Hoài Nam (478)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
147	12363306	TRẦN CAO DIỄM	TRINH	21/04/93	CD12CA															
148	12122256	PHẠM HỒNG	TRÌNH	11/09/92	DH12QT															
149	12363307	NGUYỄN THẢO	TRÚC	19/02/93	CD12CA															
150	11363171	NGUYỄN HỒNG	TRƯỜNG	12/11/93	CD11CA															
151	10122183	HUỲNH CAO	TUYÊN	15/09/91	DH10QT															
152	12120162	HỒ THỊ THU	VÂN	13/10/94	DH12KM															
153	12124346	NGUYỄN THỊ BÍCH	VÂN	22/11/94	DH12QL															
154	12116152	TRẦN THỊ CẨM	VÂN	19/02/94	DH12KS															
155	12124105	CAO TƯỜNG	VI	29/04/94	DH12QL															
156	12122266	HOÀNG NGUYÊN	VI	14/10/94	DH12QT															
157	12123210	PHAN THỊ THANH	XUÂN	18/10/93	DH12KE															
158	12363148	NGÔ THỊ HẢI	YẾN	12/06/94	CD12CA															
159	12363149	NGUYỄN THỊ NGỌC	YẾN	19/02/91	CD12CA															
160	12124361	VÕ THỊ	YẾN	13/06/94	DH12QL															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Kinh tế vĩ mô 1 (208110) - Nhóm 11 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Lê Vũ (569)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	12120040	LÊ THỊ THÚY	AN	12/06/94	DH12KM															
2	12120233	LÊ CÔNG BẢO	ANH	09/08/94	DH12KM															
3	12122099	VŨ CAO TUẤN	ANH	23/12/94	DH12TM															
4	12120455	VŨ THỊ LAN	ANH	28/02/93	DH12KM															
5	12120001	HỒ THỊ	ÁNH	11/04/94	DH12KT															
6	10333040	HOÀNG XUÂN	BÁCH	23/06/89	CD10CQ															
7	12120359	NGUYỄN THÁI	BÌNH	20/03/94	DH12KM															
8	12123069	ĐẬU ĐỨC	CHÂU	27/08/94	DH12KE															
9	12124005	BẠCH THỊ	CHI	27/04/94	DH12QL															
10	12124140	NGUYỄN THÀNH	CÔNG	22/12/94	DH12QL															
11	12124007	LÊ CÔNG	CƯỜNG	28/05/94	DH12QL															
12	10333118	LÝ THỊ THU	DIỄM	16/01/92	CD10CQ															
13	11120028	NGUYỄN KHƯƠNG	DUY	21/11/93	DH11KT															
14	12363263	TRẦN THỊ MỸ	DUYÊN	26/08/94	CD12CA															
15	11120085	NGÔ VĂN	DƯƠNG	28/09/86	DH11KT															
16	12122125	TRẦN PHÚC	ĐẠT	14/01/94	DH12TM															
17	12124163	HUỲNH HƯƠNG	GIANG	09/02/94	DH12QL															
18	12363161	THÂN THỊ HỒNG	HẢI	12/11/90	CD12CA															
19	12363207	PHẠM THỊ HỒNG	HẠNH	30/11/94	CD12CA															
20	12333094	DƯƠNG THỊ DIỆU	HIỀN	11/10/94	CD12CQ															
21	12124030	VÕ THỊ	HÒA	26/05/94	DH12QL															
22	12155013	LÝ NGỌC	HUỆ	23/08/94	DH12KN															
23	12155002	NGUYỄN VĂN	HÙNG	29/04/93	DH12KN															
24	12122025	ĐẶNG ĐĂNG	KHOA	10/05/87	DH12TC															
25	12122078	PHAN THỊ MỸ	KIM	24/05/94	DH12QT															
26	12124040	ĐOÀN THỊ	LAN	25/09/94	DH12QL															
27	12120367	NGUYỄN THỊ MỸ	LỆ	05/09/94	DH12KM															
28	12120086	NGUYỄN THỊ NGỌC	LINH	20/04/94	DH12KT															
29	12124206	NGUYỄN THỊ PHƯỢNG	LINH	29/06/94	DH12QL															
30	12155128	MAI THỊ KIM	LOAN	09/03/91	DH12KN															
31	12124216	NGUYỄN THÀNH	LUÂN	02/02/91	DH12QL															
32	12120267	PHAN THÀNH	LỰC	24/07/94	DH12KM															
33	12363234	BÙI THỊ CẨM	LY	28/12/94	CD12CA															
34	12363235	VÕ THỊ	LY	16/02/94	CD12CA															
35	12363058	HOÀNG KIM	NGÂN	26/01/94	CD12CA															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kinh tế vĩ mô 1 (208110) - Nhóm 11 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Lê Vũ (569)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	12363098	HOÀNG THỊ KIM	NGÂN	25/12/94	CD12CA															
37	12120524	PHAN THỊ KIM	NGÂN	14/09/94	DH12KM															
38	12120354	TRẦN THỊ	NGÂN	28/10/94	DH12KT															
39	12120449	NGUYỄN HOÀNG BẢO	NGỌC	24/03/94	DH12KT															
40	12124054	TRẦN THỊ ÁNH	NGỌC	22/02/94	DH12QL															
41	12363092	TRẦN THỊ TUYẾT	NGỌC	24/10/94	CD12CA															
42	12155020	TRẦN THỊ	NGUYỆT	16/04/92	DH12KN															
43	10122118	NGUYỄN SƯ	PHONG	30/01/92	DH10QT															
44	12120426	PHẠM THỊ KIM	PHƯỢNG	01/01/93	DH12KT															
45	10122134	ĐẶNG VĂN	SỰ	01/01/92	DH10QT															
46	12122221	ĐOÀN THỊ XUÂN	THẢO	13/01/94	DH12QT															
47	12363223	LƯƠNG THỊ PHƯƠNG	THẢO	05/01/94	CD12CA															
48	11120119	NGUYỄN THỊ	THẢO	05/06/93	DH11KT															
49	12124288	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	12/11/93	DH12QL															
50	11333113	TRẦN VĂN	THIỆN	20/08/93	CD11CQ															
51	12363043	HOÀNG THỊ THU	THƯƠNG	24/05/94	CD12CA															
52	12124311	PHAN THÙY	TIÊN	01/11/94	DH12QL															
53	12363301	LÊ NGỌC	TRANG	23/12/94	CD12CA															
54	12124322	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	01/06/92	DH12QL															
55	12124323	NGUYỄN TRẦN THANH	TRANG	27/03/94	DH12QL															
56	12120024	LÊ THỊ QUỲNH	TRÂM	24/02/94	DH12KT															
57	12363137	NGUYỄN BẢO	TRÂN	28/09/93	CD12CA															
58	12120151	NGUYỄN PHAN THỊ BẢ	TRÂN	06/09/94	DH12KM															
59	12363232	PHAN THỊ BẢO	TRÂN	20/11/93	CD12CA															
60	11120051	NGUYỄN VĂN	TRUNG	25/06/93	DH11KT															
61	12333354	NGUYỄN ĐẶNG THANH	TRUYỀN	14/11/94	CD12CQ															
62	12120501	HOÀNG MINH CẨM	TÚ	23/04/94	DH12KT															
63	12124336	ĐẶNG THỊ KIM	TUYỀN	06/06/94	DH12QL															
64	12124104	NGUYỄN THỊ THẢO	UYÊN	09/02/94	DH12QL															
65	12123207	LÊ THỊ THANH	VY	08/12/94	DH12KE															
66	11122129	NGUYỄN HÀM	YÊN	06/08/92	DH11QT															
67	12120241	TSẦN LÂM	YẾN	10/03/93	DH12KT															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Kinh tế quốc tế (208115) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Lê Văn Lạng (280)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	11121011	BÙI HỮU	ÁI	06/10/92	DH11KT															
2	12120249	MAI THỊ TRÂM	ANH	10/06/94	DH12KM															
3	10143007	VŨ MẠNH	CƯỜNG	10/05/92	DH10KM															
4	12120050	CAO THỊ HUỲNH	DAO	30/01/94	DH12KM															
5	12120363	HUỲNH THỊ THÚY	DIỄM	02/08/94	DH12KM															
6	11120027	NGUYỄN VĂN	DIỆN	10/01/93	DH11KT															
7	11164014	NGUYỄN THỊ MỸ	DUNG	12/12/92	DH11TC															
8	11120067	NGUYỄN ĐÌNH	DUY	10/10/93	DH11KT															
9	11120099	PHẠM THÀNH	ĐẠT	29/02/92	DH11KT															
10	11120020	NGUYỄN PHÚC	ĐỊNH	28/02/93	DH11KT															
11	11120096	PHAN THỊ BÍCH	HẠNH	10/10/93	DH11KT															
12	12120269	MAI THỊ KIM	HẰNG	26/04/94	DH12KM															
13	12120584	NGUYỄN THỊ	HOÀI	26/11/93	DH12KM															
14	12120258	NGUYỄN NHƯ	HOÀNG	12/12/93	DH12KM															
15	11121002	NGUYỄN THÚY	HỒNG	29/03/93	DH11KT															
16	12120586	TRẦN LÊ MỸ	HUYỀN	05/08/94	DH12KM															
17	11120065	NGUYỄN THỊ	HƯNG	25/02/93	DH11KT															
18	12120514	HUỲNH THỊ HUẾ	HƯƠNG	01/05/94	DH12KM															
19	11120098	LÊ HOÀNG	KHẢI	15/06/93	DH11KT															
20	11120007	KA SĂ HA	KHUY	27/05/91	DH11KT															
21	11120081	MAI VĂN	KỲ	11/12/93	DH11KT															
22	11121018	PHẠM QUANG	LINH	02/03/93	DH11KT															
23	11120088	TRẦN THỊ ÁNH	LOAN	29/09/93	DH11KT															
24	11120069	NGUYỄN TIẾN	LONG	14/02/93	DH11KT															
25	11143221	HOÀNG THỊ	LỤA	12/08/93	DH11KM															
26	11120076	TRẦN SẮC	LƯU	16/11/92	DH11KT															
27	11143236	NGUYỄN THỊ	MAI	12/12/92	DH11KM															
28	12120093	PHẠM PHƯƠNG	MAI	25/06/94	DH12KM															
29	11120133	THÁI THỊ	NA	12/07/91	DH11KT															
30	11120022	NGÔ THỊ THU	NGÂN	10/03/93	DH11KT															
31	12120362	ĐỖ LƯƠNG NHƯ	NGỌC	10/10/94	DH12KM															
32	11120038	TRẦN THỊ MINH	NGỌC	04/09/93	DH11KT															
33	11143078	LƯƠNG TRẦN ĐÀI	NGUYÊN	20/09/93	DH11KM															
34	11120089	NGUYỄN HIỀN	NHÂN	/ /92	DH11KT															
35	11120118	ĐẶNG HỮU	NHƠN	04/06/93	DH11KT															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kinh tế quốc tế (208115) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Lê Văn Lạng (280)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	11120112	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	22/11/93	DH11KT															
37	11120109	NGUYỄN THỊ HUỲNH	NHƯ	02/02/93	DH11KT															
38	11143084	NGUYỄN SO	NI	20/07/93	DH11KM															
39	11121025	HOÀNG XUÂN	PHÚC	14/03/93	DH11KT															
40	11120040	BÙI THỊ THANH	PHƯƠNG	04/05/93	DH11KT															
41	11120095	PHẠM HÀ	PHƯƠNG	05/10/93	DH11KT															
42	11120114	BÙI THỊ	QUYÊN	20/04/91	DH11KT															
43	11120060	TRẦN DUY	SƠN	09/08/92	DH11KT															
44	12120123	NGUYỄN CÔNG	TÀI	13/05/94	DH12KM															
45	11164009	VÕ THỊ MINH	TÂM	01/01/93	DH11TC															
46	11120014	LƯỜNG THANH	THẢO	20/08/93	DH11KT															
47	11120042	NGUYỄN THỊ NGỌC	THẨM	11/08/93	DH11KT															
48	11120044	LÊ VĂN	THIẾT	16/10/92	DH11KT															
49	11120045	HUỲNH THỊ	THOẠI	01/01/93	DH11KT															
50	11120094	NGÔ THỊ	THÚY	11/07/93	DH11KT															
51	12120439	PHAN THỊ MINH	THƯ	26/07/94	DH12KM															
52	12120138	HỒ THỊ	THƯƠNG	26/12/94	DH12KM															
53	12120140	NGUYỄN THỊ THỦY	TIÊN	03/05/94	DH12KM															
54	12120251	NGUYỄN TRỊNH	TIỀN	27/12/93	DH12KM															
55	11120048	NGUYỄN HỮU	TIẾN	09/12/93	DH11KT															
56	12120145	NGÔ NGỌC HUYỀN	TRANG	02/06/94	DH12KM															
57	11120018	VÕ THỊ THU	TRANG	10/08/93	DH11KT															
58	11120093	ĐOÀN VIỆT	TRINH	03/01/93	DH11KT															
59	12120155	ĐỖ THÀNH	TRUNG	24/02/94	DH12KM															
60	11120025	ĐOÀN BẢO	TRƯỜNG	15/07/93	DH11KT															
61	10120053	HUỲNH THỊ CẨM	TÚ	03/05/92	DH10KT															
62	12120161	TRẦN THẾ	VĂN	10/07/94	DH12KM															
63	12120502	TRẦN LÊ	VÂN	09/05/94	DH12KM															
64	12120180	ĐẶNG THANH	VỦ	19/11/94	DH12KM															
65	11143151	PHẠM NHƯ	Ý	15/08/93	DH11KM															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Kinh tế quốc tế (208115) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Lê Văn Lạng (280)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	10121010	NGUYỄN PHƯỚC	BẢN	22/04/91	DH10PT															
2	11120026	LÊ THỊ NGỌC	BÍCH	23/08/93	DH11KT															
3	11120103	NGÔ THỊ THANH	CẨM	25/08/92	DH11KT															
4	10121009	MAI HÙNG	CƯỜNG	19/05/92	DH10PT															
5	11120052	NGUYỄN THỊ ÁI	DIỄM	26/07/93	DH11KT															
6	11120028	NGUYỄN KHƯƠNG	DUY	21/11/93	DH11KT															
7	11120127	TRẦN	DUY	18/08/93	DH11KT															
8	11120003	HUỲNH THỊ MỸ	DUYÊN	24/01/93	DH11KT															
9	11120085	NGÔ VĂN	DƯƠNG	28/09/86	DH11KT															
10	11120078	PHẠM MINH	DƯƠNG	15/03/93	DH11KT															
11	10120010	PHAN TẤN	ĐẠT	09/11/92	DH10KT															
12	11143003	TRẦN HOÀNG LINH	GIANG	25/03/93	DH11KM															
13	11164040	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	17/12/93	DH11TC															
14	11120021	HUỲNH THỊ LỆ	HẰNG	16/11/93	DH11KT															
15	11120030	NGUYỄN THỊ THANH	HẰNG	/ /93	DH11KT															
16	11120004	NGUYỄN THỊ THU	HIỀN	25/11/93	DH11KT															
17	11120062	NGUYỄN LƯU	HOÀNG	20/11/93	DH11KT															
18	11120084	NGUYỄN VIỆT	HÙNG	25/05/93	DH11KT															
19	11120073	NGUYỄN THỊ NGỌC	HUYỀN	08/09/93	DH11KT															
20	10120018	VÕ THỊ KIM	HUYỀN	07/06/92	DH10KT															
21	11120034	ĐOÀN THỊ KỲ	KỲ	30/10/93	DH11KT															
22	11120035	NGÔ THỊ	LAN	04/02/93	DH11KT															
23	11120008	ĐINH VIỆT PHƯƠNG	LINH	24/04/93	DH11KT															
24	11120056	LƯƠNG THỊ	LINH	27/12/92	DH11KT															
25	11143232	PHAN VỦ	LINH	/ /92	DH11KM															
26	11120009	PHẠM QUỲNH	LOAN	26/11/93	DH11KT															
27	11120036	NGUYỄN ĐÌNH	LONG	21/02/93	DH11KT															
28	10120026	TRẦN ANH	LONG	20/08/92	DH10KT															
29	11120082	NGUYỄN THỊ ÁNH	NA	09/08/92	DH11KT															
30	11143237	ĐẶNG THỊ	NGA	10/08/93	DH11KM															
31	11164022	LÊ THỊ NHƯ	NGỌC	31/08/93	DH11TC															
32	11120083	NGUYỄN THỊ THẢO	NGUYÊN	04/09/92	DH11KT															
33	11120102	NGUYỄN THỤY THẢO	NGUYÊN	05/08/93	DH11KT															
34	11120039	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	17/05/93	DH11KT															
35	11120121	HỒ PHẠM CẨM	NHUNG	05/10/93	DH11KT															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kinh tế quốc tế (208115) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Lê Văn Lạng (280)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	11143251	TRẦN THỊ QUỲNH	NHƯ	01/06/92	DH11KM															
37	10121003	PHÙNG XUÂN	NHƯỢNG	10/11/91	DH10PT															
38	11120116	PHẠM THANH	NÚI	16/06/93	DH11KT															
39	10121008	PHẠM HỮU	PHẤN	24/06/86	DH10PT															
40	10120031	NGUYỄN THỊ NHẬT	PHƯƠNG	14/10/92	DH10KT															
41	11120072	NGUYỄN THỊ THU	PHƯƠNG	21/05/93	DH11KT															
42	11120023	PHẠM THỊ THU	PHƯƠNG	14/08/93	DH11KT															
43	11121003	ĐOÀN THỊ KIM	PHƯỢNG	01/08/93	DH11KT															
44	11120011	TRẦN THỊ	PHƯỢNG	08/01/93	DH11KT															
45	11120117	PHAN THANH	SANG	15/09/93	DH11KT															
46	11120024	TRƯƠNG THỊ THÚY	SANG	28/10/92	DH11KT															
47	11120012	BÙI VĂN	TÀI	20/05/93	DH11KT															
48	11164029	TRẦN HOÀNG	THANH	09/10/93	DH11TC															
49	11120119	NGUYỄN THỊ	THẢO	05/06/93	DH11KT															
50	11120086	PHAN THỊ THANH	THẢO	22/12/93	DH11KT															
51	11120053	VÕ THỊ HỒNG	THẮM	12/05/93	DH11KT															
52	11120125	NGUYỄN THỊ	THÂN	04/03/92	DH11KT															
53	11120075	PHẠM ANH	THƠ	13/07/93	DH11KT															
54	11120016	NGŨ NỮ YẾN	THU	06/06/91	DH11KT															
55	11120046	TRƯƠNG THỊ	THU	10/08/93	DH11KT															
56	10120041	TRẦN THỊ	THÚY	24/01/92	DH10KT															
57	11120074	BÙI THỊ MINH	THƯ	05/12/93	DH11KT															
58	11120123	PHẠM THỊ BÍCH	TRÂM	17/07/93	DH11KT															
59	11120100	TÔ THỊ TUYẾT	TRINH	16/07/92	DH11KT															
60	11120113	NGUYỄN THỊ THANH	TRÚC	12/10/93	DH11KT															
61	11120079	PHAN THANH	TRÚC	02/12/93	DH11KT															
62	11120051	NGUYỄN VĂN	TRUNG	25/06/93	DH11KT															
63	11120077	NGUYỄN XUÂN	VIỆT	12/02/93	DH11KT															
64	11120055	LÂM THỊ	VĨNH	/ /92	DH11KT															
65	10120057	LÊ THỊ UYÊN	VY	24/02/92	DH10KT															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Kinh tế phát triển (208116) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 3
CBGD TS. Nguyễn Văn Ngãi (274)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	12120038	ĐẶNG XUÂN	AN	01/01/94	DH12KM															
2	11143147	ĐỖ QUỲNH	ANH	24/05/93	DH11KM															
3	11143001	HUỲNH NHẤT	ANH	07/12/93	DH11KM															
4	11120001	TRẦN THỊ KIM	ANH	12/01/93	DH11KT															
5	11143148	VŨ THỊ NGỌC	ÁNH	20/07/92	DH11KM															
6	11143036	TRẦN QUỐC	BẢO	02/03/93	DH11KM															
7	11143039	VĂN THỊ THÁI	CHI	04/07/93	DH11KM															
8	11143149	CAO THỊ MINH	CHÚC	28/04/93	DH11KM															
9	12120580	ĐỒNG THỊ	CHUNG	14/05/94	DH12KM															
10	11120027	NGUYỄN VĂN	DIỆN	10/01/93	DH11KT															
11	10143016	ĐOÀN VIỆT	DŨNG	04/01/92	DH10KM															
12	11120067	NGUYỄN ĐÌNH	DUY	10/10/93	DH11KT															
13	11143226	LÊ PHAN HUYỀN	DUYÊN	24/04/93	DH11KM															
14	11143185	NGUYỄN THỊ NGỌC	DUYÊN	31/07/93	DH11KM															
15	11143044	NGUYỄN THỊ THÙY	DƯƠNG	14/08/93	DH11KM															
16	11120078	PHẠM MINH	DƯƠNG	15/03/93	DH11KT															
17	11120068	TRẦN XUÂN	ĐẠI	17/06/91	DH11KT															
18	11120099	PHẠM THÀNH	ĐẠT	29/02/92	DH11KT															
19	11120020	NGUYỄN PHÚC	ĐỊNH	28/02/93	DH11KT															
20	12120464	NGUYỄN THỊ HỒNG	HẢI	11/03/94	DH12KM															
21	10120014	NGUYỄN THỊ MỸ	HẠNH	24/08/92	DH10KT															
22	11143162	TRẦN KIM	HẰNG	25/05/93	DH11KM															
23	12120004	NGUYỄN THỊ	HOA	23/08/94	DH12KM															
24	11143009	ĐINH THẾ	HÒA	18/04/92	DH11KM															
25	11143178	TRẦN THỊ MINH	HỒNG	01/06/93	DH11KM															
26	11120005	DƯƠNG THỊ MỸ	HƯƠNG	17/06/93	DH11KT															
27	12120042	LÝ THỊ PHI	KHANH	07/11/94	DH12KM															
28	11120034	ĐOÀN THỊ KỲ	KỲ	30/10/93	DH11KT															
29	11143170	TRẦN THỊ KIM	LIÊN	10/07/92	DH11KM															
30	11143232	PHAN VỦ	LINH	/ /92	DH11KM															
31	11143032	HỒ NGỌC BẢO	LY	14/11/93	DH11KM															
32	11143125	PHẠM THỊ DIỄM	MY	21/03/93	DH11KM															
33	11143126	LƯU NGỌC	MỸ	06/09/92	DH11KM															
34	12120422	NGUYỄN ĐỖ LINH THÀ	NGỌC	31/10/94	DH12KM															
35	11143078	LƯƠNG TRẦN ĐÀI	NGUYÊN	20/09/93	DH11KM															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kinh tế phát triển (208116) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 3
CBGD TS. Nguyễn Văn Ngãi (274)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	11120083	NGUYỄN THỊ THẢO	NGUYÊN	04/09/92	DH11KT															
37	12120199	NGUYỄN THỊ	NỞ	20/09/93	DH12KM															
38	11143177	NGUYỄN THỊ NGỌC	PHƯỢNG	13/06/93	DH11KM															
39	11120114	BÙI THỊ	QUYÊN	20/04/91	DH11KT															
40	12120429	TRẦN THỊ HỒNG	RIÊNG	07/09/94	DH12KM															
41	11143209	NGUYỄN ĐOÀN HỒNG	THANH	14/06/93	DH11KM															
42	11143210	TRẦN THỊ KIM	THANH	09/11/93	DH11KM															
43	11120119	NGUYỄN THỊ	THẢO	05/06/93	DH11KT															
44	11143095	TRẦN NGỌC PHƯƠNG	THẢO	13/12/93	DH11KM															
45	11120042	NGUYỄN THỊ NGỌC	THẨM	11/08/93	DH11KT															
46	11143201	TRẦN THỊ	THỊNH	10/09/93	DH11KM															
47	11143172	TRẦN THANH KIM	THUẬN	15/02/92	DH11KM															
48	11143197	ĐÀO THỊ THU	THỦY	14/05/93	DH11KM															
49	11143247	ĐOÀN THỊ THANH	THÚY	01/01/93	DH11KM															
50	11121017	TRẦN THANH	THÚY	29/01/93	DH11KT															
51	11143203	NGUYỄN THỊ TRANG	THƯ	24/02/93	DH11KM															
52	11143025	NGUYỄN THỊ THỦY	TIÊN	24/03/93	DH11KM															
53	11143111	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	06/09/93	DH11KM															
54	11143204	ĐINH NGỌC BẢO	TRÂM	11/01/93	DH11KM															
55	11143026	NGUYỄN THỊ BẢO	TRÂM	07/10/93	DH11KM															
56	11143027	NGUYỄN TRỌNG	TRÍ	08/05/93	DH11KM															
57	11143228	NGUYỄN THỊ TÚ	TRINH	03/12/92	DH11KM															
58	12120312	NGUYỄN THỊ THANH	TRÚC	22/09/94	DH12KM															
59	11120025	ĐOÀN BẢO	TRƯỜNG	15/07/93	DH11KT															
60	12120156	ĐẶNG QUỐC	TUẤN	29/07/94	DH12KM															
61	11143114	NGUYỄN THỊ THU	TUYỀN	22/10/93	DH11KM															
62	12120162	HỒ THỊ THU	VÂN	13/10/94	DH12KM															
63	11143239	NGUYỄN THỊ	VIỆT	29/03/93	DH11KM															
64	11143222	TRƯƠNG VĂN	VƯƠNG	20/10/93	DH11KM															
65	11143120	PHAN THỊ	YẾN	20/12/93	DH11KM															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Kinh tế vi mô 2 (208122) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD TS. Lê Quang Thông (275)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	12120181	HUỲNH THỊ	BÉ	10/03/94	DH12KT															
2	12122003	TRƯƠNG THỊ KIM	BÍCH	18/06/94	DH12QT															
3	11122057	TRỊNH ĐỨC	CHÂU	01/03/93	DH11QT															
4	12120361	NGUYỄN THỊ	CHI	19/02/94	DH12KM															
5	12120397	LÊ THỊ	CHUNG	25/03/93	DH12KT															
6	12120369	LÊ TẤN	CƯỜNG	02/08/94	DH12KT															
7	12122297	NGUYỄN THỊ THANH	DIỆU	08/01/94	DH12QT															
8	12120529	TRẦN VŨ NHẬT	DUY	11/03/94	DH12KM															
9	12122009	NGUYỄN THỊ THÙY	DUYÊN	07/02/94	DH12QT															
10	12120059	TRẦN TIỂU LINH	ĐAN	02/08/94	DH12KT															
11	11122065	HÀ THỊ HỒNG	ĐÀO	19/07/93	DH11QT															
12	11122066	NGUYỄN THỊ ANH	ĐÀO	12/01/93	DH11QT															
13	12120002	NGUYỄN VĂN	ĐỨC	25/10/94	DH12KT															
14	11143052	BÙI NGỌC	HIỀN	15/01/93	DH11KM															
15	11120070	ĐẶNG NGỌC	HIỆP	02/09/93	DH11KT															
16	12120004	NGUYỄN THỊ	HOA	23/08/94	DH12KM															
17	11122137	ĐẶNG THỊ	HÒA	02/04/93	DH11QT															
18	12120262	ĐOÀN THỊ	HOAN	01/10/94	DH12KT															
19	11120064	NGUYỄN VIỆT	HÙNG	20/05/93	DH11KT															
20	12120513	LÊ THỊ MỸ	HUYỀN	11/02/94	DH12KT															
21	12120042	LÝ THỊ PHI	KHANH	07/11/94	DH12KM															
22	12120210	LÔ THỊ THANH	LÂM	10/08/94	DH12KM															
23	11122020	NGUYỄN THỊ	LÊ	02/10/93	DH11QT															
24	12120466	TRẦN THỊ KIM	LINH	15/01/94	DH12KM															
25	12120193	TRƯƠNG THỊ MỸ	LINH	24/05/93	DH12KT															
26	10120024	LÊ THỊ KIM	LOAN	22/02/92	DH10KT															
27	12120553	NGUYỄN THỊ KIM	LOAN	25/04/94	DH12KT															
28	12120091	NGUYỄN THỊ LƯU	LUYẾN	21/05/94	DH12KM															
29	10120027	HUỲNH THỊ TRÚC	LY	29/10/92	DH10KT															
30	11122084	NGÔ THỊ KIM	MAI	03/08/93	DH11QT															
31	11122091	PHẠM HỒNG	NHẬT	03/04/93	DH11QT															
32	12120620	TRƯƠNG HỒNG	NHƯ	09/07/94	DH12KT															
33	12120110	LÊ THỊ	NỮ	12/08/94	DH12KT															
34	12120114	TRƯƠNG VĂN	PHÚC	09/08/94	DH12KM															
35	11120040	BÙI THỊ THANH	PHƯƠNG	04/05/93	DH11KT															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kinh tế vi mô 2 (208122) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD TS. Lê Quang Thông (275)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	12120117	TRẦN THỊ THANH	PHƯƠNG	22/07/94	DH12KT															
37	12120412	NGUYỄN THỊ THÙY	SANG	10/05/94	DH12KT															
38	12120122	ĐỖ THỊ HỒNG	SƯƠNG	13/03/94	DH12KM															
39	11120122	TRẦN THỊ THANH THA	TÂM	25/08/93	DH11KT															
40	12120489	NGUYỄN THỊ THU	THẢO	09/03/94	DH12KT															
41	12122228	PHẠM THỊ NGỌC	THẮM	04/03/94	DH12QT															
42	12120288	NGUYỄN CHIẾN	THẮNG	20/03/93	DH12KM															
43	11143172	TRẦN THANH KIM	THUẬN	15/02/92	DH11KM															
44	12120202	NGUYỄN THỊ MỘNG	THUÝ	08/06/94	DH12KM															
45	11122036	PHẠM THỊ THU	THÚY	26/11/93	DH11QT															
46	12120605	HUỲNH KIM	THƯ	12/01/94	DH12KT															
47	12120438	NGUYỄN MINH	THƯ	29/09/94	DH12KM															
48	12120291	PHẠM TRỌNG	TIẾN	04/10/94	DH12KT															
49	11143109	NGUYỄN THÁI HỒNG	TRANG	17/08/93	DH11KM															
50	11122118	TRẦN THỊ THẢO	TRANG	05/09/93	DH11QT															
51	11120050	PHẠM MINH	TRÍ	17/10/93	DH11KT															
52	12120153	NGUYỄN THỊ LAN	TRINH	08/08/94	DH12KM															
53	11122132	VÕ THỊ DIỄM	TRINH	19/09/93	DH11QT															
54	12120026	LÊ THANH	TRUNG	29/05/94	DH12KT															
55	10120053	HUỲNH THỊ CẨM	TÚ	03/05/92	DH10KT															
56	11120101	TRẦN HOÀNG ANH	TUẤN	09/10/93	DH11KT															
57	11122124	NGUYỄN THỊ BẢO	UYÊN	21/08/93	DH11QT															
58	11143119	LÊ	VŨ	04/09/92	DH11KM															
59	12122277	PHẠM VĂN	YÊN	08/02/94	DH12QT															
60	12120166	NGUYỄN THỊ HOÀNG	YẾN	28/02/94	DH12KM															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Kinh tế vi mô 2 (208122) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 2
CBGD TS. Lê Quang Thông (275)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	12120040	LÊ THỊ THÚY	AN	12/06/94	DH12KM															
2	12120365	TRẦN VÂN	ANH	01/05/93	DH12KM															
3	12120218	SÔ Y	BÁO	15/05/93	DH12KT															
4	12120029	LÝ THANH	DUY	13/01/94	DH12KT															
5	11120067	NGUYỄN ĐÌNH	DUY	10/10/93	DH11KT															
6	12120265	PHẠM ĐĂNG	DUY	05/10/94	DH12KM															
7	12120183	PHAN VŨ LÊ	DUY	22/05/94	DH12KM															
8	12120058	NGUYỄN VIÊN THÁI	DƯƠNG	02/04/94	DH12KT															
9	11120020	NGUYỄN PHÚC	ĐỊNH	28/02/93	DH11KT															
10	12120464	NGUYỄN THỊ HỒNG	HẢI	11/03/94	DH12KM															
11	11120096	PHAN THỊ BÍCH	HẠNH	10/10/93	DH11KT															
12	12120283	TRẦN THỊ MỸ	HẠNH	10/07/94	DH12KM															
13	12120374	VÕ THỊ NGỌC	HẠNH	10/02/94	DH12KT															
14	12120252	DƯƠNG THU	HẰNG	16/04/94	DH12KM															
15	11143246	PHẠM THANH	HẰNG	14/08/93	DH11KM															
16	11143229	BÙI THU	HƯƠNG	10/07/93	DH11KM															
17	11120098	LÊ HOÀNG	KHẢI	15/06/93	DH11KT															
18	12120007	NGÔ NGUYỄN CHÂU	KHANH	22/05/94	DH12KM															
19	11120032	LÊ ANH	KHOA	11/12/93	DH11KT															
20	12120191	LÊ THỊ MỘNG	LINH	26/02/94	DH12KT															
21	11120076	TRẦN SẮC	LƯU	16/11/92	DH11KT															
22	12120098	PHẠM PHÙNG TIỂU	MY	28/02/94	DH12KM															
23	12120380	NGUYỄN THỊ THANH	NGA	18/01/94	DH12KT															
24	12120034	TRẦN THỊ	NGA	17/02/94	DH12KT															
25	11143073	LƯƠNG TRỌNG	NGHĨA	08/10/93	DH11KM															
26	10122107	NGUYỄN THỊ	NGUYỆT	16/08/92	DH10QT															
27	12120477	NGUYỄN THỊ THANH	NHÃ	03/12/94	DH12KT															
28	12120221	THỊ	NHÀNH	19/09/92	DH12KT															
29	12122192	VÕ CÔNG	NHÂN	23/04/94	DH12QT															
30	10122111	NGÔ THỊ XUÂN	NHI	22/01/92	DH10QT															
31	11120118	ĐẶNG HỬU	NHƠN	04/06/93	DH11KT															
32	11120112	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	22/11/93	DH11KT															
33	11121025	HOÀNG XUÂN	PHÚC	14/03/93	DH11KT															
34	12120559	NGUYỄN THỊ KIM	PHỤNG	25/04/94	DH12KT															
35	11122099	TRẦN THỊ HÀ	PHƯƠNG	25/03/93	DH11QT															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kinh tế vi mô 2 (208122) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 2
CBGD TS. Lê Quang Thông (275)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	12120522	LÊ THỊ KIM	QUÝ	02/04/94	DH12KT															
37	12120294	NGUYỄN THỊ XUYÊN	QUÝ	11/12/94	DH12KT															
38	11143189	LÊ NGỌC	SƠN	09/10/92	DH11KM															
39	11120060	TRẦN DUY	SƠN	09/08/92	DH11KT															
40	11120012	BÙI VĂN	TÀI	20/05/93	DH11KT															
41	12120217	DƯƠNG THỊ THANH	TÂM	18/01/93	DH12KT															
42	10122139	GIÒNG VY	TÂN	23/04/91	DH10QT															
43	11143214	LÊ THỊ HỒNG	THANH	10/02/93	DH11KM															
44	12120321	TRẦN THỊ	THANH	03/07/94	DH12KM															
45	12120323	BÙI NGỌC	THẢO	29/06/94	DH12KM															
46	11120119	NGUYỄN THỊ	THẢO	05/06/93	DH11KT															
47	12120432	NGUYỄN THỊ THU	THẢO	24/10/94	DH12KM															
48	12120355	TẠ THỊ THU	THẢO	08/10/94	DH12KM															
49	11143095	TRẦN NGỌC PHƯƠNG	THẢO	13/12/93	DH11KM															
50	12120219	NAY	THIÊN	29/02/92	DH12KT															
51	11121017	TRẦN THANH	THÚY	29/01/93	DH11KT															
52	12120494	HOÀNG NGUYỄN HOÀI	THƯƠNG	18/09/94	DH12KM															
53	11120107	NGUYỄN NGỌC	TÍN	16/02/93	DH11KT															
54	12120145	NGÔ NGỌC HUYỀN	TRANG	02/06/94	DH12KM															
55	11143174	LÊ THỊ MINH	TRÍ	15/10/93	DH11KM															
56	11120093	ĐOÀN VIỆT	TRINH	03/01/93	DH11KT															
57	11143242	PHẠM THỊ THANH	TRÚC	10/02/93	DH11KM															
58	12120032	HUỲNH THẾ	TRUNG	11/07/94	DH12KT															
59	11122133	NGUYỄN VIỆT	TRUNG	24/05/93	DH11QT															
60	11121022	VÕ THỊ KIM	VI	20/05/93	DH11KT															
61	12120505	PHAN THỊ THANH	XUÂN	25/05/94	DH12KM															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Kinh tế sản xuất nông nghiệp (208126) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Lê Văn Lạng (280)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	11120001	TRẦN THỊ KIM	ANH	12/01/93	DH11KT															
2	11120027	NGUYỄN VĂN	DIỆN	10/01/93	DH11KT															
3	09120070	PHẠM NHẤT	DUY	09/07/91	DH09KT															
4	11120068	TRẦN XUÂN	ĐẠI	17/06/91	DH11KT															
5	10120011	VŨ THỊ	ĐẠT	20/10/92	DH10KT															
6	11120020	NGUYỄN PHÚC	ĐỊNH	28/02/93	DH11KT															
7	10120014	NGUYỄN THỊ MỸ	HẠNH	24/08/92	DH10KT															
8	11120062	NGUYỄN LƯU	HOÀNG	20/11/93	DH11KT															
9	11121018	PHẠM QUANG	LINH	02/03/93	DH11KT															
10	11120088	TRẦN THỊ ÁNH	LOAN	29/09/93	DH11KT															
11	12120212	NGUYỄN THỊ	NGA	29/12/94	DH12KT															
12	11120083	NGUYỄN THỊ THẢO	NGUYÊN	04/09/92	DH11KT															
13	11120102	NGUYỄN THỤY THẢO	NGUYÊN	05/08/93	DH11KT															
14	10120029	VÕ THỊ THANH	NHỊ	01/01/92	DH10KT															
15	11120111	HUỲNH THỊ THẢO	NHƯ	28/10/92	DH11KT															
16	11120109	NGUYỄN THỊ HUỲNH	NHƯ	02/02/93	DH11KT															
17	11120040	BÙI THỊ THANH	PHƯƠNG	04/05/93	DH11KT															
18	11120104	BÙI THỊ TÚY	PHƯỢNG	20/10/92	DH11KT															
19	10120034	ĐẶNG THỊ LÊ	QUYÊN	21/06/92	DH10KT															
20	11120046	TRƯƠNG THỊ	THU	10/08/93	DH11KT															
21	11120094	NGÔ THỊ	THÚY	11/07/93	DH11KT															
22	10120041	TRẦN THỊ	THÚY	24/01/92	DH10KT															
23	11121010	NGUYỄN THỊ THƯƠNG	THƯƠNG	09/06/92	DH11KT															
24	11120107	NGUYỄN NGỌC	TÍN	16/02/93	DH11KT															
25	11120018	VÕ THỊ THU	TRANG	10/08/93	DH11KT															
26	11120123	PHẠM THỊ BÍCH	TRÂM	17/07/93	DH11KT															
27	11120025	ĐOÀN BẢO	TRƯỜNG	15/07/93	DH11KT															
28	11120077	NGUYỄN XUÂN	VIỆT	12/02/93	DH11KT															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Kiến tập thống kê định lượng (208132) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Trần Độc Lập (297)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	12120041	THÁI THANH THÚY	AN	04/04/93	DH12KT															
2	12120319	HOÀNG QUỲNH	ANH	04/01/94	DH12KT															
3	12120325	HUỲNH THỊ TRÂM	ANH	18/11/94	DH12KT															
4	12120001	HỒ THỊ	ÁNH	11/04/94	DH12KT															
5	12120218	SÔ Y	BÁO	15/05/93	DH12KT															
6	12120238	TRẦN NHỊT	BẨU	15/11/94	DH12KT															
7	12120181	HUỲNH THỊ	BÉ	10/03/94	DH12KT															
8	12120047	NGUYỄN LƯU	BÌNH	25/11/94	DH12KT															
9	12120334	HỨA MINH	CHÁNH	25/06/94	DH12KT															
10	12120397	LÊ THỊ	CHUNG	25/03/93	DH12KT															
11	12120168	NGÔ VĂN	CHƯƠNG	20/09/94	DH12KT															
12	12120609	LÊ THỊ KIM	CƯƠNG	17/01/94	DH12KT															
13	12120369	LÊ TẤN	CƯỜNG	02/08/94	DH12KT															
14	12120546	PHẠM THÚY	DÂNG	10/09/93	DH12KT															
15	12120052	VÕ THÚY	DIỄM	26/02/94	DH12KT															
16	12120053	NGUYỄN THỊ THU	DUNG	17/09/94	DH12KT															
17	12120029	LÝ THANH	DUY	13/01/94	DH12KT															
18	12120297	LÊ THỊ MỸ	DUYÊN	07/03/94	DH12KT															
19	12120058	NGUYỄN VIÊN THÁI	DƯƠNG	02/04/94	DH12KT															
20	12120059	TRẦN TIỂU LINH	ĐAN	02/08/94	DH12KT															
21	12120547	NGUYỄN MINH	ĐỨC	12/08/94	DH12KT															
22	12120002	NGUYỄN VĂN	ĐỨC	25/10/94	DH12KT															
23	12120374	VÕ THỊ NGỌC	HẠNH	10/02/94	DH12KT															
24	12120384	HOÀNG THỊ THÚY	HẰNG	15/09/94	DH12KT															
25	12120257	LÊ THỊ DIỆU	HẬU	27/04/94	DH12KT															
26	12120548	NGÔ THỊ	HIỀN	20/09/94	DH12KT															
27	12120336	PHAN THỊ BÍCH	HOA	02/01/94	DH12KT															
28	12120407	VÕ THỊ	HOA	06/08/94	DH12KT															
29	12120280	ĐẶNG THỊ HỒNG	HUỆ	09/04/94	DH12KT															
30	12120074	HOÀNG	HUY	20/08/94	DH12KT															
31	12120005	TRẦN VIẾT	HUY	01/12/94	DH12KT															
32	12120513	LÊ THỊ MỸ	HUYỀN	11/02/94	DH12KT															
33	12120284	TRẦN	HƯNG	16/10/94	DH12KT															
34	12120033	ĐẶNG THỊ MỸ	HƯƠNG	06/01/94	DH12KT															
35	12120006	NGUYỄN THỊ LAN	HƯƠNG	12/07/94	DH12KT															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kiến tập thống kê định lượng (208132) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Trần Độc Lập (297)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	12120532	TRẦN HOÀNG	KHANG	19/06/93	DH12KT															
37	12120381	NGUYỄN THỊ NHƯ	KHUYẾN	18/12/94	DH12KT															
38	12120220	ĐINH VĂN	LÂM	27/11/91	DH12KT															
39	12120543	NGUYỄN TÙNG	LÂM	19/01/94	DH12KT															
40	12120587	ĐẶNG NGỌC	LỆ	01/09/93	DH12KT															
41	12120351	LÊ THỊ NHƯ	LIÊN	14/01/94	DH12KT															
42	12120191	LÊ THỊ MỘNG	LINH	26/02/94	DH12KT															
43	12120086	NGUYỄN THỊ NGỌC	LINH	20/04/94	DH12KT															
44	12120603	NGUYỄN THỊ NGỌC	LINH	15/05/94	DH12KT															
45	12120030	NGUYỄN THỊ TRÚC	LINH	04/09/94	DH12KT															
46	12120193	TRƯƠNG THỊ MỸ	LINH	24/05/93	DH12KT															
47	12120553	NGUYỄN THỊ KIM	LOAN	25/04/94	DH12KT															
48	12120420	NGUYỄN THỊ PHƯỢNG	LOAN	31/01/94	DH12KT															
49	12120327	LÊ ĐÌNH PHI	LONG	28/02/94	DH12KT															
50	12120174	DƯƠNG HUY HOÀNG	LỘC	19/07/94	DH12KT															
51	12120595	LƯƠNG THỊ QUỲNH	MY	14/07/94	DH12KT															
52	12120349	LÊ THỊ	NGA	05/05/94	DH12KT															
53	12120212	NGUYỄN THỊ	NGA	29/12/94	DH12KT															
54	12120380	NGUYỄN THỊ THANH	NGA	18/01/94	DH12KT															
55	12120034	TRẦN THỊ	NGA	17/02/94	DH12KT															
56	12120377	ĐẶNG THỊ TUYẾT	NGÂN	24/11/93	DH12KT															
57	12120354	TRẦN THỊ	NGÂN	28/10/94	DH12KT															
58	12120447	CAO CHÍ	NGHĨA	11/09/94	DH12KT															
59	12120411	ĐỖ THỊ	NGỌC	28/03/94	DH12KT															
60	12120449	NGUYỄN HOÀNG BẢO	NGỌC	24/03/94	DH12KT															
61	12120195	LÊ THỊ	NGUYÊN	06/08/94	DH12KT															
62	12120103	LÝ KIM	NGUYÊN	04/09/94	DH12KT															
63	12120477	NGUYỄN THỊ THANH	NHÃ	03/12/94	DH12KT															
64	12120221	THỊ	NHÀNH	19/09/92	DH12KT															
65	12120518	NGUYỄN MINH	NHẬT	13/06/94	DH12KT															
66	12120290	NGUYỄN THỊ Ý	NHI	06/01/94	DH12KT															
67	12120196	PHẠM THỊ TUYẾT	NHI	19/06/94	DH12KT															
68	12120316	BIỆN THỊ	NHỚ	01/08/94	DH12KT															
69	12120244	NGÔ THỊ MỸ	NHUNG	18/06/94	DH12KT															
70	12120620	TRƯƠNG HỒNG	NHƯ	09/07/94	DH12KT															
71	12120110	LÊ THỊ	NỮ	12/08/94	DH12KT															
72	12120460	THÁI THỊ	OANH	20/01/94	DH12KT															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kiến tập thống kê định lượng (208132) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Trần Độc Lập (297)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	12120559	NGUYỄN THỊ KIM	PHỤNG	25/04/94	DH12KT															
74	12120117	TRẦN THỊ THANH	PHƯƠNG	22/07/94	DH12KT															
75	12120015	VŨ HÀ	PHƯƠNG	06/08/94	DH12KT															
76	12120512	ĐẶNG THỊ	QUÝ	06/08/94	DH12KT															
77	12120522	LÊ THỊ KIM	QUÝ	02/04/94	DH12KT															
78	12120294	NGUYỄN THỊ XUYÊN	QUÝ	11/12/94	DH12KT															
79	12120462	LÊ THẢO	QUYÊN	08/09/94	DH12KT															
80	12120452	NGUYỄN THỊ KIM	SA	06/09/94	DH12KT															
81	12120412	NGUYỄN THỊ THÙY	SANG	10/05/94	DH12KT															
82	12120019	LÊ THỊ BÉ	SÁU	16/03/94	DH12KT															
83	12120431	BÙI CÔNG	SƠN	27/06/94	DH12KT															
84	12120217	DƯƠNG THỊ THANH	TÂM	18/01/93	DH12KT															
85	12120126	NGUYỄN THỊ THU	THẢO	10/02/92	DH12KT															
86	12120489	NGUYỄN THỊ THU	THẢO	09/03/94	DH12KT															
87	12120021	PHẠM THỊ	THẢO	17/09/94	DH12KT															
88	12120127	PHAN THỊ THANH	THẢO	08/02/94	DH12KT															
89	12120200	NGUYỄN THỊ	THẮM	07/12/94	DH12KT															
90	12120562	NINH THỊ	THẮM	10/12/93	DH12KT															
91	12120530	HỒ THỊ	THỂ	28/03/94	DH12KT															
92	12120219	NAY	THIÊN	29/02/92	DH12KT															
93	12120385	ĐẶNG THỊ	THU	20/02/93	DH12KT															
94	12120131	LÊ HỮU	THUẬN	04/02/94	DH12KT															
95	12120483	NGUYỄN ĐỨC	THUẬT	08/09/94	DH12KT															
96	12120135	TRẦN THỊ THU	THỦY	16/04/94	DH12KT															
97	11155036	LÊ THỊ	THÚY	07/11/93	DH11KN															
98	12120608	NGÔ THỊ	THÚY	12/05/94	DH12KT															
99	12120523	NGUYỄN THỊ	THÚY	02/02/94	DH12KT															
100	12120132	NGUYỄN THỊ THANH	THUÝ	17/01/94	DH12KT															
101	12120605	HUỲNH KIM	THƯ	12/01/94	DH12KT															
102	12122237	NGUYỄN THỊ MINH	THƯƠNG	08/03/94	DH12TM															
103	12120291	PHẠM TRỌNG	TIẾN	04/10/94	DH12KT															
104	12120216	NÔNG THỊ	TRANG	28/04/93	DH12KT															
105	12120024	LÊ THỊ QUỲNH	TRÂM	24/02/94	DH12KT															
106	12120568	NGUYỄN HOÀNG	TRÍ	31/12/94	DH12KT															
107	12120152	LÊ MINH	TRIẾT	13/03/94	DH12KT															
108	12120298	NGUYỄN THỊ ÁNH	TRÚC	15/02/94	DH12KT															
109	12120032	HUỲNH THẾ	TRUNG	11/07/94	DH12KT															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kiến tập thống kê định lượng (208132) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Trần Độc Lập (297)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
110	12120026	LÊ THANH	TRUNG	29/05/94	DH12KT															
111	12120501	HOÀNG MINH CẨM	TÚ	23/04/94	DH12KT															
112	12120598	LÊ XUÂN	VĂN	07/11/94	DH12KT															
113	12120207	NGUYỄN THỊ	VÂN	02/02/94	DH12KT															
114	12120572	TIẾT THANH	VÂN	19/12/94	DH12KT															
115	12120163	TRỊNH BÍCH	VÂN	01/04/94	DH12KT															
116	12120179	ĐỖ THỊ	VUI	05/05/94	DH12KT															
117	12120386	NGUYỄN THỊ	VƯƠNG	22/05/94	DH12KT															
118	12120241	TSẦN LÂM	YẾN	10/03/93	DH12KT															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Luật tài chính kế toán (208133) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Ngô Quang Cảnh (T731)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	12363001	HOÀNG THỊ TƯỜNG	ANH	16/03/94	CD12CA															
2	12363011	NGUYỄN THỊ NGỌC	ÁNH	08/03/93	CD12CA															
3	12363007	VŨ THỊ	DUNG	01/10/94	CD12CA															
4	12363335	VŨ THỊ THÙY	DƯƠNG	23/12/93	CD12CA															
5	12123015	NGUYỄN THỊ LAN	ĐÀI	15/09/94	DH12KE															
6	10123046	VŨ THỊ HỒNG	HÀ	03/12/92	DH10KE															
7	12363162	NGÔ THỊ	HẰNG	25/03/93	CD12CA															
8	11123105	VŨ THỊ	HẬU	10/09/92	DH11KE															
9	12363230	LÊ THỊ	HIỀN	02/07/92	CD12CA															
10	07123071	TRẦN THỊ MAI	HOA	01/09/89	DH08KE															
11	12123125	LÊ MINH	HOÀNG	07/06/94	DH12KE															
12	12363316	ĐẶNG THỊ	HUỆ	16/02/94	CD12CA															
13	12363016	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	20/07/94	CD12CA															
14	12363057	PHẠM THÙY	LINH	16/02/94	CD12CA															
15	12363178	ĐẶNG THỊ NGỌC	LOAN	19/07/94	CD12CA															
16	12363059	ĐẶNG THỊ THANH	LOAN	25/05/94	CD12CA															
17	12363159	ĐINH THỊ THANH	LOAN	22/12/94	CD12CA															
18	11363152	TRẦN KIM	LOAN	13/02/93	CD11CA															
19	12363064	HUỲNH THỊ PHƯƠNG	MAI	10/05/93	CD12CA															
20	12363237	BÙI THỊ DIỄM	MY	09/08/93	CD12CA															
21	10123111	VÕ THỊ HỒNG	NGA	12/12/92	DH10KE															
22	12363058	HOÀNG KIM	NGÂN	26/01/94	CD12CA															
23	12123149	HUỲNH HUYỀN	NGÂN	09/10/94	DH12KE															
24	12363238	CAO THỊ MINH	NGỌC	13/11/94	CD12CA															
25	12363102	NGUYỄN THỊ BÍCH	NGỌC	05/12/94	CD12CA															
26	12363092	TRẦN THỊ TUYẾT	NGỌC	24/10/94	CD12CA															
27	12363219	LÊ THỊ SINH	NGỮ	23/07/94	CD12CA															
28	12363079	NGUYỄN KHÁNH	NHI	23/10/94	CD12CA															
29	12363290	VÕ HOÀI BẢO	NHƯ	29/07/94	CD12CA															
30	07223197	LÊ NGỌC	PHÚ	16/01/88	TC07KE															
31	11363134	NGUYỄN THỊ HẠNH	PHƯƠNG	20/09/93	CD11CA															
32	06223583	NGUYỄN THỤY	SĨ	08/04/84	TC06KEDN															
33	12363340	TRẦN THỊ	TÂM	02/07/94	CD12CA															
34	12363025	NGUYỄN THỊ THU	THẢO	16/11/94	CD12CA															
35	12363047	TRẦN THỊ THU	THẢO	10/06/94	CD12CA															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Luật tài chính kế toán (208133) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Ngô Quang Cảnh (T731)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	12363122	NGÔ THỊ BÍCH	THỦY	08/07/93	CD12CA															
37	12123178	NGÔ THANH	THÚY	06/10/94	DH12KE															
38	12363244	NGUYỄN THỊ	THUYÊN	25/01/94	CD12CA															
39	12123054	HUỲNH THỊ MỸ	TIÊN	15/07/94	DH12KE															
40	12363127	NGUYỄN THỊ THỦY	TIÊN	19/07/94	CD12CA															
41	12363108	ĐẶNG THỊ HUYỀN	TRANG	29/10/94	CD12CA															
42	12363333	LÊ THỊ	TRANG	10/09/94	CD12CA															
43	12363343	NGUYỄN THỊ NGỌC	TRÂM	08/07/94	CD12CA															
44	12363198	NGUYỄN THỊ THU	TRÂM	17/10/93	CD12CA															
45	11123166	VŨ THỊ THANH	TRÂM	20/07/93	DH11KE															
46	11363078	TRƯƠNG CAO	TRÍ	01/11/91	CD11CA															
47	12363304	NGUYỄN ĐẶNG PHƯƠNG	TRINH	08/11/94	CD12CA															
48	11120105	TRẦN THỊ VIỆT	TRINH	29/11/93	CD12CA															
49	10123217	PHAN HOÀNG	TÚ	31/05/92	DH10KE															
50	11363167	TRẦN THANH	TUẤN	04/05/93	CD11CA															
51	10363197	TRẦN NGỌC	TUYẾN	20/09/91	CD10CA															
52	12363144	ĐINH THỊ THÚY	VÂN	01/12/94	CD12CA															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Công nghệ BQ và CB rau quả (208199) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Lâm Thanh Hiền (404)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	11155028	NGUYỄN HẢI	BẰNG	07/08/92	DH11KN															
2	11155011	NGUYỄN PHÚC	CẢNH	12/06/92	DH11KN															
3	11155012	TRẦN HỮU	CHÍ	21/01/92	DH11KN															
4	11155001	PHẠM THỊ	CHUNG	30/09/93	DH11KN															
5	11155041	VŨ THỊ THÙY	DUNG	10/03/93	DH11KN															
6	11155002	PHAN ANH	DUY	02/12/93	DH11KN															
7	11155003	BÙI TẤN	ĐẠT	21/06/93	DH11KN															
8	11155013	THÁI THỊ	HÀ	16/02/92	DH11KN															
9	11155018	ĐOÀN THANH	HẢI	16/04/93	DH11KN															
10	11155005	NGUYỄN THỊ	HẠNH	27/06/92	DH11KN															
11	11155042	HUỲNH NGỌC	HUYỀN	06/06/93	DH11KN															
12	11155022	TRẦN THỊ DIỄM	HƯƠNG	06/01/93	DH11KN															
13	11155051	NGUYỄN PHAN HOÀNG	KIM	16/01/93	DH11KN															
14	11155029	TRẦN NGỌC NHẬT	LINH	27/05/93	DH11KN															
15	11155048	NGUYỄN THỊ LINH	NHÂM	23/02/93	DH11KN															
16	11155024	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	14/02/93	DH11KN															
17	11155040	HUỲNH	NHƯ	01/07/93	DH11KN															
18	11155054	NGUYỄN THỊ KIỀU	OANH	12/05/93	DH11KN															
19	11155025	CHÂU THỊ KIM	PHỤNG	24/01/93	DH11KN															
20	11155007	VĂN THỊ	PHƯƠNG	05/03/93	DH11KN															
21	11155031	PHẠM HỒNG	QUÂN	26/10/93	DH11KN															
22	11155010	LÊ THỊ PHƯƠNG	QUYÊN	17/11/93	DH11KN															
23	11155030	NGUYỄN THỊ NGỌC	QUYÊN	04/11/93	DH11KN															
24	11155047	NGUYỄN MINH	TÂM	10/09/93	DH11KN															
25	11155052	VŨ THỊ HẠNH	TÂM	24/11/93	DH11KN															
26	11155023	NGUYỄN THÁI	THÀNH	20/04/93	DH11KN															
27	11155037	ĐINH THỊ PHƯƠNG	THẢO	14/12/92	DH11KN															
28	11155049	VŨ THU	THẢO	27/11/93	DH11KN															
29	11155045	PHAN THỊ	THẮM	21/08/93	DH11KN															
30	11155014	HÀ NGỌC	THỊNH	21/05/92	DH11KN															
31	11155015	NGÔ PHAN VŨ GIA	THUẬN	12/01/93	DH11KN															
32	11155036	LÊ THỊ	THÚY	07/11/93	DH11KN															
33	11155016	VÕ THỊ LỢI	TIẾN	17/03/93	DH11KN															
34	11155039	TRIỆU THỊ NGỌC	TRÂM	18/08/93	DH11KN															
35	11155008	VÕ THỊ NGỌC	TRÂM	15/12/93	DH11KN															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Công nghệ BQ và CB rau quả (208199) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Lâm Thanh Hiền (404)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	11155027	DƯƠNG THỦY	TRÚC	05/07/92	DH11KN															
37	11155009	HUỲNH NHẬT	TRƯỜNG	12/09/92	DH11KN															
38	11155053	HUỲNH LÊ	VY	13/04/93	DH11KN															
39	11155021	ĐINH THỊ	YẾN	06/10/92	DH11KN															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Thống kê ứng dụng (208209) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Tiêu Nguyên Thảo (813)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	11149002	TRƯƠNG THỊ MỸ	ÁI	07/11/93	DH11QM															
2	11157065	HOÀNG TIẾN	ANH	16/05/93	DH11DL															
3	11149085	NGUYỄN HOÀNG	ANH	30/10/93	DH11QM															
4	11157073	VŨ THỊ LAN	ANH	07/07/93	DH11DL															
5	12149006	PHAN VĂN	BẠC	02/02/94	DH12QM															
6	11149003	LÊ THANH	BÌNH	05/07/93	DH11QM															
7	11157076	THÁI DUY	BÌNH	03/09/92	DH11DL															
8	11149100	VÕ THỊ DIỆU	BÌNH	21/09/93	DH11QM															
9	12149008	NGUYỄN THỊ	BỪNG	14/01/94	DH12QM															
10	12149142	ĐÀO CÔNG	CẨN	09/03/94	DH12QM															
11	12125067	HỒ MỸ	CHI	15/10/94	DH12DD															
12	11157082	PHẠM KIM	CHI	27/10/93	DH11DL															
13	11149067	TRẦN THỊ KIM	CHI	30/08/93	DH11QM															
14	12149150	TRẦN QUANG	CỦA	19/08/94	DH12QM															
15	12149152	NGUYỄN VĂN	CƯƠNG	13/12/94	DH12QM															
16	11149136	NGÔ TRUNG	DŨNG	24/03/93	DH11QM															
17	11149137	NGUYỄN VĂN	DŨNG	03/10/93	DH11QM															
18	11157105	ĐOÀN THỊ HỒNG	ĐÀO	28/10/93	DH11DL															
19	11157106	LÊ ANH	ĐÀO	06/11/93	DH11DL															
20	11157118	VŨ THỊ THU	HÀ	28/04/93	DH11DL															
21	11149162	LÊ THÀNH	HẢI	27/04/93	DH11QM															
22	11157121	NGUYỄN VƯƠNG	HẢI	28/11/93	DH11DL															
23	12149205	PHẠM THỊ MỸ	HẠNH	10/12/94	DH12QM															
24	12149209	VÕ THỊ TUYẾT	HÂN	05/06/94	DH12QM															
25	11157133	NGUYỄN THỊ THÁI	HIỀN	01/08/93	DH11DL															
26	12149027	NGUYỄN THANH	HIỆP	28/12/93	DH12QM															
27	12149108	NGUYỄN VĂN	HIẾU	19/10/94	DH12QM															
28	11157450	TRIỆU MINH	HIẾU	01/10/90	DH11DL															
29	11149180	NGÔ THỊ KIM	HOA	05/12/93	DH11QM															
30	12149225	TRẦN THỊ THU	HOÀI	12/11/94	DH12QM															
31	11157013	GIẢNG THỊ THU	HỒNG	20/06/93	DH11DL															
32	12149031	DƯƠNG BÁ	HÙNG	03/05/94	DH12QM															
33	12149238	ĐỖ THỊ NGỌC	HUYỀN	25/10/94	DH12QM															
34	12149242	NGUYỄN THỊ NGỌC	HUYỀN	28/05/94	DH12QM															
35	12149663	LÊ THỊ KHÁNH	HƯƠNG	20/08/94	DH12QM															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Thống kê ứng dụng (208209) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Tiêu Nguyên Thảo (813)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	12149261	NGUYỄN PHÚ	HỮU	25/07/94	DH12QM															
37	12149262	NGUYỄN THỊ	KHÁ	09/04/94	DH12QM															
38	12149552	PHẠM VĂN	KHANH	19/03/94	DH12QM															
39	12149269	LÊ CẢNH ĐĂNG	KHOA	18/09/91	DH12QM															
40	11157165	TRƯƠNG VĂN	KHƯƠNG	06/08/93	DH11DL															
41	12149272	PHẠM TRẦN	KIÊN	19/03/94	DH12QM															
42	12149592	HUỲNH TRIỆU	LÂM	25/08/94	DH12QM															
43	11157176	BÙI THỊ THÙY	LINH	20/01/93	DH11DL															
44	12149281	ĐỖ MAI THÙY	LINH	04/03/94	DH12QM															
45	12149596	HUỲNH THUỲ	LINH	06/03/94	DH12QM															
46	11157179	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	21/11/93	DH11DL															
47	11149221	TRẦN THỊ THÙY	LINH	19/08/93	DH11QM															
48	12149292	NGUYỄN DƯƠNG THANH	LONG	14/08/94	DH12QM															
49	11149228	LÊ ĐỨC	LỢI	15/10/93	DH11QM															
50	11149241	NGỌC THANH	MINH	14/08/92	DH11QM															
51	11149027	PHẠM THỊ LÊ	NA	16/09/93	DH11QM															
52	12149305	NGUYỄN MẬU	NAM	19/10/94	DH12QM															
53	12149686	LƯ THỊ	NẬM	20/11/93	DH12QM															
54	12149310	PHẠM THỊ	NGA	11/08/94	DH12QM															
55	12149309	PHAN THỊ DIỆU	NGA	07/01/94	DH12QM															
56	12149312	PHẠM THỊ HỒNG	NGÂN	22/09/94	DH12QM															
57	12149311	PHAN THỊ TUYẾT	NGÂN	28/02/94	DH12QM															
58	12149316	LÊ VĂN	NGHĨA	20/05/94	DH12QM															
59	11149029	PHẠM HOÀNG TRỌNG	NGHĨA	04/04/93	DH11QM															
60	12149043	LÊ HUỲNH YẾN	NGỌC	29/08/94	DH12QM															
61	12149044	NGUYỄN MINH	NGỌC	13/09/94	DH12QM															
62	11157217	PHẠM THỊ KIM	NGỌC	17/11/93	DH11DL															
63	11149267	NGUYỄN THỊ	NGUYÊN	28/05/93	DH11QM															
64	12149609	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	NHI	19/09/94	DH12QM															
65	12149341	ĐỖ THỊ NGỌC	NHUNG	28/08/94	DH12QM															
66	12149051	PHẠM THỊ CẨM	NHUNG	20/10/94	DH12QM															
67	11149035	VŨ CẨM	NHUNG	28/09/93	DH11QM															
68	11157417	TRẦN THỊ MỸ	NHƯ	02/10/93	DH11DL															
69	11157239	NGUYỄN THỊ KIỀU	OANH	24/08/93	DH11DL															
70	11149036	ĐƯỜNG VĂN	PHÚ	04/11/93	DH11QM															
71	12149362	NGUYỄN BÁ NHƯ	PHƯƠNG	09/06/94	DH12QM															
72	11149504	NGUYỄN THỊ THU	PHƯƠNG	02/12/92	DH11QM															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Thống kê ứng dụng (208209) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Tiêu Nguyên Thảo (813)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	12149367	HUỲNH THỊ HỒNG	PHƯỢNG	14/07/94	DH12QM															
74	11157058	HỒ THỊ NHƯ	QUỲNH	12/01/93	DH11DL															
75	11157423	HỒ THỊ XUÂN	QUỲNH	15/11/93	DH11DL															
76	12149397	NGUYỄN TIẾN	SỸ	03/07/94	DH12QM															
77	11157268	HUỲNH VĂN	TÀI	10/11/93	DH11DL															
78	12149409	NGUYỄN THỊ MỸ	TÂN	23/08/94	DH12QM															
79	12149431	DƯƠNG QUỐC	THÁI	01/02/94	DH12QM															
80	10134900	CAO PHƯƠNG	THẢO	02/04/91	DH11QM															
81	12149424	DƯƠNG THỊ THANH	THẢO	21/11/93	DH12QM															
82	12149069	TRẦN PHƯƠNG	THẢO	02/03/94	DH12QM															
83	11149350	NGUYỄN NHÂM	THÂN	16/01/93	DH11QM															
84	12149443	NGUYỄN VĂN	THIỆN	02/06/93	DH12QM															
85	12149077	NGUYỄN VĂN	THỊNH	08/08/94	DH12QM															
86	12149449	HUỲNH NGỌC KIM	THOẠI	03/07/94	DH12QM															
87	11157031	TĂNG LÊ	THUẦN	27/03/93	DH11DL															
88	11149369	LỤC THỊ THANH	THỦY	26/09/93	DH11QM															
89	11157304	NGUYỄN THỊ YẾN	THY	03/09/93	DH11DL															
90	11157434	LÊ THỊ KIỀU	TIÊN	25/09/93	DH11DL															
91	12149478	LÊ THỊ	TÍNH	14/08/94	DH12QM															
92	12149483	DƯ THÙY	TRANG	03/01/94	DH12QM															
93	11149052	HOA THÙY	TRANG	02/12/93	DH11QM															
94	12149488	NGUYỄN THỊ	TRANG	15/10/94	DH12QM															
95	11157321	PHẠM THỊ	TRANG	/ /93	DH11DL															
96	11157328	TRẦN THỊ NGỌC	TRÂM	22/12/92	DH11DL															
97	12149492	LÊ THỊ NGỌC	TRÂN	05/06/94	DH12QM															
98	10157213	VÕ NGỌC	TRÂN	14/01/91	DH10DL															
99	12149086	VÕ MINH	TRÍ	15/01/94	DH12QM															
100	12149084	CAO ĐẶNG PHƯƠNG	TRINH	04/05/93	DH12QM															
101	12149500	NGUYỄN HỮU	TRỌNG	13/03/94	DH12QM															
102	12149087	NGUYỄN THÀNH	TRUNG	13/07/94	DH12QM															
103	11149410	VÕ TÁ	TRƯỜNG	23/02/93	DH11QM															
104	12149510	CHU MINH	TUẤN	05/07/94	DH12QM															
105	12149512	LƯƠNG	TUẤN	07/04/94	DH12QM															
106	11149419	TRỊNH QUỐC	TUẤN	27/08/93	DH11QM															
107	11157044	NGUYỄN THANH	TUYỀN	12/12/93	DH11DL															
108	12149650	NGUYỄN THỊ	TƯ	25/08/93	DH12QM															
109	11149060	TRẦN THỊ	TƯƠI	26/10/93	DH11QM															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Thống kê ứng dụng (208209) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Tiêu Nguyên Thảo (813)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
110	11157443	TRẦN NGUYÊN	TƯỞNG	12/09/93	DH11DL															
111	12149091	NGUYỄN THỊ	VÂN	05/08/94	DH12QM															
112	12149119	LÊ THỊ	VIỆT	02/03/94	DH12QM															
113	12149563	PHAN NGUYỄN TRƯỜNG	VŨ	25/09/94	DH12QM															
114	12149093	TRẦN ĐĂNG	VŨ	20/09/94	DH12QM															
115	12149120	NGUYỄN THỊ HẠNH	VY	12/04/94	DH12QM															
116	11149539	NGUYỄN Ý	VY	09/09/93	DH11QM															
117	11157368	HỒNG HOA	XINH	13/05/93	DH11DL															
118	12149096	LÂM KIM	YẾN	22/08/94	DH12QM															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Thống kê ứng dụng (208209) - Nhóm 03 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Tiêu Nguyên Thảo (813)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	11149081	BÙI NGỌC	ANH	01/06/92	DH11QM															
2	11149086	NGUYỄN THỊ VÂN	ANH	28/11/93	DH11QM															
3	11149094	NGUYỄN TRỌNG	BIÊN	07/08/92	DH11QM															
4	11149096	LÂM HUY	BÌNH	29/03/93	DH11QM															
5	10149013	PHẠM TUẤN	BÌNH	22/02/92	DH10QM															
6	11149102	TRẦN THỊ SƠN	CA	10/08/92	DH11QM															
7	11149461	BÙI KIM	CHẤN	19/05/93	DH11QM															
8	11149106	PHẠM THỊ KIM	CHI	05/12/93	DH11QM															
9	11149108	VŨ NGUYỄN LỆ	CHI	22/10/93	DH11QM															
10	11149116	ĐÀO THỊ KIM	CÚC	10/07/93	DH11QM															
11	12149012	NGUYỄN THỊ THU	CÚC	/ /94	DH12QM															
12	11149007	NGUYỄN THỊ	DIỄN	02/11/93	DH11QM															
13	11149125	ĐINH THỊ CẨM	DUNG	15/08/93	DH11QM															
14	11149127	TRẦN THỊ THÙY	DUNG	25/09/93	DH11QM															
15	11149132	PHAN NHẬT	DUY	18/03/93	DH11QM															
16	11149134	VÕ NỮ KIM	DUYÊN	09/12/93	DH11QM															
17	11149011	NGUYỄN LINH	DƯƠNG	03/05/93	DH11QM															
18	11157099	NGUYỄN NGỌC THÙY	DƯƠNG	11/02/93	DH11DL															
19	10157041	TRƯƠNG ĐOÀN	ĐỊNH	19/10/90	DH10DL															
20	11149153	CAO THỊ	GÁI	20/10/93	DH11QM															
21	11149158	NGUYỄN THỊ ÚT	GIÀU	16/10/93	DH11QM															
22	11149014	NGUYỄN NA	GIN	06/03/93	DH11QM															
23	11149472	VÕ VĂN	HẠ	27/05/93	DH11QM															
24	11149166	LÊ NGỌC THANH	HẰNG	03/01/93	DH11QM															
25	11149168	NGUYỄN CÔNG	HẬU	24/07/93	DH11QM															
26	11149170	VƯƠNG	HẬU	01/12/93	DH11QM															
27	11149015	ĐOÀN THỊ XUÂN	HIỀN	14/06/93	DH11QM															
28	11149171	HOÀNG LÊ THẢO	HIỀN	15/10/93	DH11QM															
29	10127050	NGUYỄN TRUNG	HIỆP	20/02/91	DH10MT															
30	11149073	VÕ ĐẠI	HIỆP	04/08/93	DH11QM															
31	11149175	NGUYỄN MINH	HIẾU	02/10/93	DH11QM															
32	11149020	NGUYỄN MINH	HOÀNG	30/10/93	DH11QM															
33	11149204	PHAN THANH	HÙNG	16/12/93	DH11QM															
34	11149197	ĐOÀN THỊ LỆ	HUYỀN	19/09/93	DH11QM															
35	11149482	NGUYỄN BÁ	KHẢI	20/07/93	DH11QM															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Thống kê ứng dụng (208209) - Nhóm 03 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Tiêu Nguyên Thảo (813)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	12149110	NGUYỄN MINH	KHIÊM	20/09/94	DH12QM															
37	10127067	LỘC HOÀNG	KHỎE	27/10/92	DH10MT															
38	11157406	ĐỖ THỊ	LAN	17/10/93	DH11DL															
39	10149090	TRANG ĐẶNG NHƯ	LÀNH	14/11/92	DH10QM															
40	10157084	NGUYỄN THỊ	LÉN	16/12/92	DH10DL															
41	11149023	HUỲNH THỊ TRÚC	LINH	12/04/93	DH11QM															
42	11149223	LƯƠNG THỊ	LOAN	26/01/93	DH11QM															
43	11149233	ĐẶNG THÀNH	LUẬT	27/03/93	DH11QM															
44	11149234	LÊ THỊ KIM	LUYẾN	10/03/93	DH11QM															
45	10157101	PHẠM THỊ KHÁNH	LY	08/10/92	DH10DL															
46	11157187	NGUYỄN THỊ	LÝ	16/02/93	DH11DL															
47	11149026	TÔ VĂN	MẪN	01/01/93	DH11QM															
48	11149242	NGUYỄN HOÀNG NHẬT	MINH	30/09/93	DH11QM															
49	11149491	NGUYỄN THỊ QUÝ	MY	14/03/93	DH11QM															
50	11149492	PHAN HOÀNG THANH T	MY	09/07/93	DH11QM															
51	11149071	VŨ ĐÌNH	NĂM	15/07/93	DH11QM															
52	11149494	TRẦN THỊ THÚY	NGÂN	12/03/93	DH11QM															
53	11149030	LÊ THANH	NGỌC	14/12/93	DH11QM															
54	11149264	NGUYỄN HỒ ANH	NGỌC	31/10/93	DH11QM															
55	11149265	PHẠM HỒNG	NGỌC	23/02/93	DH11QM															
56	11127021	TRẦN HOÀNG	NGỌC	29/08/92	DH11MT															
57	11149268	NGUYỄN THỊ THẢO	NGUYÊN	13/06/93	DH11QM															
58	11157222	NGUYỄN TRẦN BẢO	NGUYÊN	02/10/93	DH11DL															
59	11157415	HỒ THỊ ẢNH	NGUYỆT	07/03/93	DH11DL															
60	11149270	TRƯƠNG THỊ THANH	NGUYỆT	18/04/93	DH11QM															
61	11149032	NGUYỄN THỊ THANH	NHÀN	20/08/93	DH11QM															
62	11149033	PHẠM THỊ THANH	NHÀN	01/04/93	DH11QM															
63	11149075	VÕ THỊ	NHẠN	05/08/93	DH11QM															
64	11149277	LÊ THỊ	NHI	16/11/93	DH11QM															
65	11149501	CAO THỊ CẨM	NHƯ	08/10/93	DH11QM															
66	11149284	HUỲNH THỊ CẨM	NHƯ	07/07/93	DH11QM															
67	11157049	TRẦN VŨ TỐ	NHƯ	21/12/93	DH11DL															
68	11148325	NGÔ KIM	NỮ	16/11/93	DH11DD															
69	11149290	PHẠM THỊ	NƯƠNG	16/08/93	DH11QM															
70	11149502	VÕ THỊ NGỌC	OANH	09/03/93	DH11QM															
71	11149037	NGUYỄN THỊ	PHÚC	17/12/93	DH11QM															
72	11149040	NGUYỄN THỊ BÍCH	PHƯỢNG	14/07/93	DH11QM															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Thống kê ứng dụng (208209) - Nhóm 03 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Tiêu Nguyên Thảo (813)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	11149303	TRẦN THỊ	PHƯỢNG	18/05/93	DH11QM															
74	11149304	HỶ CHÂU	QUANG	19/06/93	DH11QM															
75	11112174	NGUYỄN HỮU	QUANG	12/06/93	DH11TY															
76	11149309	ĐINH NGỌC	QUÂN	22/07/93	DH11QM															
77	11149310	NGUYỄN KIM	QUÂN	03/02/93	DH11QM															
78	11149319	NGUYỄN VIẾT	SANG	21/10/92	DH11QM															
79	11149044	NGUYỄN THỊ	SEN	20/01/93	DH11QM															
80	11149045	ĐINH ĐẶNG HOÀNG	SƠN	29/09/93	DH11QM															
81	11149510	NGUYỄN ANH	TÂN	20/04/93	DH11QM															
82	11149330	NGUYỄN THỊ	THANH	10/02/92	DH11QM															
83	11149331	TRẦN THỊ VÂN	THANH	08/07/93	DH11QM															
84	11149337	LÊ THỊ THANH	THẢO	12/11/93	DH11QM															
85	11149338	NGUYỄN THỊ BÍCH	THẢO	08/04/93	DH11QM															
86	11149343	TRẦN VĂN	THẢO	20/04/93	DH11QM															
87	11149520	NGUYỄN VĂN	THẮNG	16/08/92	DH11QM															
88	11149521	VÕ THỊ HỒNG	THÊU	20/05/92	DH11QM															
89	11149354	PHẠM TRỊNH MINH	THIỆN	28/05/93	DH11QM															
90	11157290	NGUYỄN TRƯỜNG	THỊNH	06/06/93	DH11DL															
91	11149522	ĐÀO THỊ KIM	THOA	01/01/93	DH11QM															
92	11149358	LÊ THỊ KIM	THU	01/10/93	DH11QM															
93	11149048	HUỲNH CHÂU NGỌC	THUẬN	21/03/93	DH11QM															
94	11149382	NGUYỄN THANH	TÌNH	16/11/93	DH11QM															
95	11149383	PHAN THANH	TÍNH	10/11/93	DH11QM															
96	11149051	NGUYỄN MINH	TOÀN	19/05/92	DH11QM															
97	11149393	TRẦN VĂN	TRẠM	16/10/92	DH11QM															
98	10149210	DƯƠNG THỊ MỸ	TRANG	10/10/92	DH10QM															
99	11149387	ĐỖ THỊ THÙY	TRANG	10/05/93	DH11QM															
100	11149388	LÃ THỊ HUYỀN	TRANG	10/09/93	DH11QM															
101	11149077	NGUYỄN THỊ THÚY	TRANG	20/03/93	DH11QM															
102	11149054	TẠ KIỀU	TRANG	05/09/93	DH11QM															
103	11149390	TRẦN THỊ	TRANG	02/11/93	DH11QM															
104	11149397	HUỲNH THỊ HUYỀN	TRÂN	23/01/93	DH11QM															
105	11149527	NGUYỄN NHẬT	TRINH	07/12/93	DH11QM															
106	11157040	NGUYỄN THỊ LỆ	TRINH	20/09/93	DH11DL															
107	11149399	NGUYỄN THỊ THÙY	TRINH	28/10/93	DH11QM															
108	11127242	TRẦN ANH	TRUNG	26/06/93	DH11MT															
109	11149533	NGUYỄN THẾ VIỆT	TUẤN	27/12/93	DH11QM															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Thống kê ứng dụng (208209) - Nhóm 03 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Tiêu Nguyên Thảo (813)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
110	11149056	VÕ VĂN	TUẤN	03/10/93	DH11QM															
111	11149589	VÕ CHÍ	TUY	15/12/92	DH11QM															
112	11149535	NGUYỄN THỊ THANH	TUYỂN	16/02/93	DH11QM															
113	11149432	PHẠM THỊ TƯỜNG	VI	31/10/93	DH11QM															
114	11149436	TRẦN ĐÌNH	VINH	15/04/93	DH11QM															
115	11149437	NGUYỄN HUỲNH THANH	VÕ	28/10/93	DH11QM															
116	11149537	LÊ HOÀNG PHONG	VŨ	13/08/93	DH11QM															
117	11149443	NGUYỄN NGỌC THÚY	VY	22/09/93	DH11QM															
118	11149452	LÝ THỊ NHƯ	Ý	26/02/93	DH11QM															
119	11149448	HOÀNG THỊ	YẾN	24/06/93	DH11QM															
120	11149450	PHAN THỊ	YẾN	05/02/92	DH11QM															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Thống kê ứng dụng (208209) - Nhóm 04 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Tiêu Nguyên Thảo (813)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	11149001	NGUYỄN THỊ THU	AN	30/10/93	DH11QM															
2	11149079	NGUYỄN VĂN	AN	17/11/93	DH11QM															
3	12149565	NGUYỄN NGỌC	ANH	10/06/94	DH12QM															
4	12149132	PHẠM THỊ THẢO	ANH	14/06/94	DH12QM															
5	12149133	PHÚ HOÀNG TUẤN	ANH	18/01/94	DH12QM															
6	10122900	TRƯƠNG THỊ KIM	CHI	/ /	DH12QM															
7	12149570	VÕ THÀNH	CÔNG	01/04/94	DH12QM															
8	12149013	CẦM THỊ	DUNG	26/12/93	DH12QM															
9	12149014	NGUYỄN THỊ KIM	DUNG	29/04/94	DH12QM															
10	12149164	VŨ THỊ MỸ	DUYÊN	18/12/94	DH12QM															
11	12149016	ĐINH THỊ THUỲ	DƯƠNG	06/09/94	DH12QM															
12	11157101	VÕ MINH	DƯƠNG	19/08/93	DH11DL															
13	12149172	HUỲNH THỊ HỒNG	ĐÀO	20/04/94	DH12QM															
14	12149173	TRẦN THỊ HỒNG	ĐÀO	08/08/94	DH12QM															
15	12149179	NGUYỄN TẤN	ĐẠT	24/11/94	DH12QM															
16	12149183	HÙYNH LÊ THANH	ĐIỀN	17/11/94	DH12QM															
17	11127079	TRẦN NGUYỄN TIẾN	ĐỨC	31/01/93	DH11MT															
18	10149318	NGÔ THỊ	GIANG	20/12/92	DH10QM															
19	11149159	NGUYỄN THỊ BẢO	HÀ	27/10/93	DH11QM															
20	11149474	ĐẶNG THỊ	HẬU	12/06/93	DH11QM															
21	11127267	NGUYỄN MỸ	HIỀN	10/08/93	DH11MT															
22	12149217	LÊ VĂN	HIẾU	26/03/94	DH12QM															
23	11149017	NGUYỄN VĂN	HIẾU	28/11/93	DH11QM															
24	12127238	NGUYỄN TRẦN THỊ	HOA	13/09/94	DH12MT															
25	11149019	PHẠM VĂN	HÒA	15/10/93	DH11QM															
26	12149230	TRẦN NGỌC	HOÀNG	16/11/93	DH12QM															
27	12149232	NGUYỄN THỊ THU	HỒNG	06/08/94	DH12QM															
28	10157070	HOÀNG THỊ KIM	HUỆ	22/11/92	DH10DL															
29	11149210	ĐÀO DUY	KHẢI	15/08/93	DH11QM															
30	12149553	TRẦN THỊ YÊN	KIỀU	11/11/94	DH12QM															
31	12149278	NGUYỄN TRƯỜNG	LÂN	10/10/94	DH12QM															
32	12149665	TẦN THỊ THANH	LỊCH	10/01/94	DH12QM															
33	12149111	ĐÀO THỊ MỸ	LINH	10/08/94	DH12QM															
34	11127123	LÊ BỘI	LINH	10/03/93	DH11MT															
35	11149218	NGUYỄN TẤN	LINH	07/03/93	DH11QM															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Thống kê ứng dụng (208209) - Nhóm 04 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Tiêu Nguyên Thảo (813)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	12149037	NGUYỄN THỊ HỒNG	LOAN	26/03/94	DH12QM															
37	11149227	ĐOÀN PHÚ	LỘC	01/10/93	DH11QM															
38	12149038	PHẠM THẮNG	LỢI	28/04/94	DH12QM															
39	12149685	TOU PLUI	LỤA	30/04/93	DH12QM															
40	12149300	VŨ THỊ	MỪNG	08/11/94	DH12QM															
41	12149603	ĐINH NGỌC	NAM	14/05/94	DH12QM															
42	12149319	NGUYỄN QUANG	NGHĨA	09/12/94	DH12QM															
43	11149031	NGUYỄN HỒNG BẢO	NGỌC	10/01/93	DH11QM															
44	12149334	PHAN HÒANG	NHÂN	16/02/94	DH12QM															
45	12149112	TRẦN THỊ PHƯƠNG	NHI	20/12/94	DH12QM															
46	11149500	ĐẶNG THỊ KIM	NHỊ	27/11/93	DH11QM															
47	12149050	NGUYỄN THỊ CẨM	NHUNG	15/07/94	DH12QM															
48	12149611	BÙI ĐỖ TƯỜNG	NI	08/08/94	DH12QM															
49	12149350	PHÍ KIỀU	OANH	12/02/94	DH12QM															
50	12149104	TRƯƠNG THỊ HOÀNG	OANH	10/03/94	DH12QM															
51	11157242	TRẦN NGỌC	PHÁT	23/11/93	DH11DL															
52	12149616	HUỲNH THỊ	PHƯỚC	18/02/94	DH12QM															
53	12149055	VÕ TẤN	PHƯỚC	16/04/94	DH12QM															
54	12149614	NGUYỄN THỊ HUỲNH	PHƯƠNG	01/04/94	DH12QM															
55	11146038	VŨ THỊ HÀ	PHƯƠNG	07/04/93	DH11QM															
56	12149368	TRẦN THỊ BÍCH	PHƯỢNG	11/08/94	DH12QM															
57	11149316	TRẦN HỮU	QUÝ	29/07/93	DH11QM															
58	12149619	VÕ XUÂN	QUYỀN	27/07/94	DH12QM															
59	12149386	NGUYỄN UYÊN NGỌC	SANG	22/11/94	DH12QM															
60	12149058	TRẦN KHÁNH	SANG	27/12/94	DH12QM															
61	11149320	VŨ THỊ	SONG	23/04/93	DH11QM															
62	11149328	LƯƠNG THỊ THANH	TÂM	23/08/93	DH11QM															
63	12149401	NGUYỄN THỊ THANH	TÂM	28/02/94	DH12QM															
64	12149404	TRƯƠNG THIỆN	TÂM	10/06/94	DH12QM															
65	11127313	NGUYỄN THANH	TÂN	24/02/93	DH11MT															
66	12149064	HUỲNH THỊ MINH	THANH	24/11/94	DH12QM															
67	11149513	NGUYỄN CHÍ	THANH	19/10/93	DH11QM															
68	12149066	TRẦN THỊ VŨ	THANH	18/02/94	DH12QM															
69	12149417	TRƯƠNG THỊ	THANH	21/05/94	DH12QM															
70	11149455	NGUYỄN HỮU	THÀNH	03/05/92	DH11QM															
71	12149067	BÙI THỊ THANH	THẢO	20/01/94	DH12QM															
72	11149517	ĐOÀN PHƯƠNG	THẢO	26/10/93	DH11QM															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Thống kê ứng dụng (208209) - Nhóm 04 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Tiêu Nguyên Thảo (813)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	12149425	LÊ THỊ	THẢO	01/11/94	DH12QM															
74	12149434	PHẠM CHÍ	THẮNG	12/06/94	DH12QM															
75	12149451	NGUYỄN TRƯỜNG	THỌ	24/04/94	DH12QM															
76	11149357	TRẦN BÁ	THÔNG	31/08/93	DH11QM															
77	12149632	NGUYỄN VÕ ANH	THƠ	27/09/94	DH12QM															
78	12149079	HUỲNH MINH	THUẬN	31/05/94	DH12QM															
79	11149525	LÊ THỊ THU	THÙY	14/05/93	DH11QM															
80	12149633	PHAN THỊ ANH	THÙY	22/09/94	DH12QM															
81	12149634	TRỊNH THU	THỦY	18/08/94	DH12QM															
82	12149463	ĐINH THỊ HỒNG	THÚY	19/11/94	DH12QM															
83	12149457	TRỊNH ĐÌNH	THUYÊN	05/09/94	DH12QM															
84	12149560	THÁI DƯƠNG HOÀI	THƯƠNG	10/06/92	DH12QM															
85	10149205	NGUYỄN CHÍ	TIẾN	24/11/92	DH10QM															
86	12149474	NGUYỄN MINH	TIẾN	19/06/94	DH12QM															
87	12149480	PHAN QUỐC	TOÀN	02/12/94	DH12QM															
88	12149482	CHU THỊ	TRANG	25/11/94	DH12QM															
89	12149081	ĐINH THỊ THẢO	TRANG	08/06/94	DH12QM															
90	11149389	LÊ THỊ HUYỀN	TRANG	18/11/93	DH11QM															
91	12149487	LÊ THỊ PHƯƠNG	TRANG	15/11/94	DH12QM															
92	12149118	LỮ THỊ THÙY	TRANG	10/12/94	DH12QM															
93	11157318	NGUYỄN THỊ QUÝ	TRANG	25/07/93	DH11DL															
94	12149489	PHẠM THỊ THU	TRANG	24/08/94	DH12QM															
95	10157212	HUỲNH THỊ HUYỀN	TRÂN	12/09/92	DH10DL															
96	12149495	DIỆP VIỆT	TRINH	18/06/94	DH12QM															
97	12149496	NGUYỄN NGỌC	TRINH	30/04/94	DH12QM															
98	12149673	HỒ TỐ	TRỌNG	05/09/94	DH12QM															
99	11157340	TRƯƠNG THANH	TRÚC	19/07/93	DH11DL															
100	11149406	LÊ THÀNH	TRUNG	25/06/93	DH11QM															
101	11149530	NGUYỄN THANH	TRUYỀN	01/01/93	DH11QM															
102	10158069	ĐẶNG CẨM	TÚ	28/01/92	DH10SK															
103	11149057	ĐỖ THỊ THANH	TUYỀN	28/12/93	DH11QM															
104	11149426	LÊ THỊ TÚ	UYÊN	04/01/93	DH11QM															
105	11149431	NGUYỄN THỊ HỒNG	VÂN	07/03/93	DH11QM															
106	11149078	PHẠM THỊ THẢO	VÂN	22/09/93	DH11QM															
107	12149530	TRẦN NGỌC	VI	13/04/94	DH12QM															
108	12149106	NGUYỄN ĐẶNG TRÚC	VIÊN	28/07/94	DH12QM															
109	12149536	THÀNH QUỐC	VIỆT	09/03/94	DH12QM															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Thống kê ứng dụng (208209) - Nhóm 04 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Tiêu Nguyên Thảo (813)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
110	12149654	PHẠM VĂN	VŨ	10/04/93	DH12QM															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Kinh tế lượng căn bản (208211) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Trần Anh Kiệt (292)

Nhóm TH 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	12120039	ĐOÀN HOÀNG	AN	02/10/94	DH12KM															
2	12120040	LÊ THỊ THÚY	AN	12/06/94	DH12KM															
3	12120233	LÊ CÔNG BẢO	ANH	09/08/94	DH12KM															
4	10122005	LÊ MINH	ANH	17/11/92	DH10QT															
5	12120043	TRẦN THỊ TÚ	ANH	01/08/92	DH12KM															
6	12120455	VŨ THỊ LAN	ANH	28/02/93	DH12KM															
7	12120246	LÊ THỊ HỒNG	ÁNH	22/08/94	DH12KM															
8	12120448	NGUYỄN THỊ NGỌC	ÁNH	13/03/94	DH12KM															
9	07135080	NGUYỄN HỮU	CHÍ	15/01/88	DH08TB															
10	12120609	LÊ THỊ KIM	CƯƠNG	17/01/94	DH12KT															
11	12120182	NGUYỄN MAI	CƯỜNG	17/09/94	DH12KM															
12	12120050	CAO THỊ HUỲNH	DAO	30/01/94	DH12KM															
13	12120546	PHẠM THÚY	DÂNG	10/09/93	DH12KT															
14	12120480	ĐỖ THỊ BÍCH	DUYÊN	17/02/93	DH12KM															
15	12120281	TRƯƠNG THỊ THÙY	DƯƠNG	01/02/94	DH12KM															
16	12120400	ĐỒNG ĐƠN	ĐỊNH	24/07/94	DH12KM															
17	12120401	NGUYỄN QUỐC TRẦN	ĐỨC	15/10/93	DH12KM															
18	11164015	TRẦN THANH	GIANG	/ /92	DH11TC															
19	12120063	NGUYỄN THỊ	HẠNH	15/07/94	DH12KM															
20	12120282	NGUYỄN ĐỨC	HÀO	21/09/93	DH12KM															
21	12116019	THÁI TÔN	HẠO	02/06/94	DH12NT															
22	12120256	BÙI THỊ THANH	HẰNG	15/05/94	DH12KM															
23	12120252	DƯƠNG THU	HẰNG	16/04/94	DH12KM															
24	12120064	HUỲNH THỊ THANH	HẰNG	20/10/94	DH12KM															
25	12120612	LÊ NHƯ	HÂN	28/05/94	DH12KM															
26	12120293	NGUYỄN HOÀNG THỤC	HÂN	25/11/94	DH12KM															
27	12120069	TRẦN MỸ	HIỀN	24/03/94	DH12KM															
28	12122317	NGUYỄN VĂN	HOÀI	21/11/94	DH12QT															
29	12120613	NGUYỄN LÊ	HUY	25/10/94	DH12KM															
30	12120076	NGUYỄN THỊ THANH	HUYỀN	07/03/94	DH12KM															
31	12120586	TRẦN LÊ MỸ	HUYỀN	05/08/94	DH12KM															
32	12120390	TRẦN TRÚC	HƯƠNG	16/12/94	DH12KM															
33	12116058	NGÔ TRỌNG	KHẢI	12/11/94	DH12KS															
34	12120081	NGUYỄN THẾ	KIỆT	03/12/94	DH12KM															
35	12149553	TRẦN THỊ YÊN	KIỀU	11/11/94	DH12QM															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kinh tế lượng căn bản (208211) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Trần Anh Kiệt (292)

Nhóm TH 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	12120473	HUỲNH THỊ	LÀNH	23/04/94	DH12KM															
37	11143070	NGUYỄN BẢO	LÂM	11/03/93	DH11KM															
38	12149665	TẦN THỊ THANH	LỊCH	10/01/94	DH12QM															
39	12120084	NGUYỄN THỊ THÙY	LIÊN	24/11/94	DH12KM															
40	12155076	NGUYỄN THỊ THÚY	LIỂU	01/01/94	DH12KN															
41	12120466	TRẦN THỊ KIM	LINH	15/01/94	DH12KM															
42	12120394	VÕ NGỌC TRÚC	LINH	19/03/94	DH12KM															
43	10149105	ĐINH VĂN	LUÂN	14/02/92	DH10QM															
44	12120091	NGUYỄN THỊ LƯU	LUYẾN	21/05/94	DH12KM															
45	12120093	PHẠM PHƯƠNG	MAI	25/06/94	DH12KM															
46	12155042	THÂN THANH	MAI	02/01/93	DH12KN															
47	12120324	ĐẶNG LÊ	MINH	10/12/94	DH12KM															
48	10135062	LỤC CAO	MINH	07/10/92	DH10TB															
49	12120275	TẠ SIÊU	MINH	16/08/93	DH12KM															
50	12120555	NGUYỄN THỊ DIỄM	MY	02/06/94	DH12KM															
51	12120097	NGUYỄN THỊ LỆ	MY	21/07/94	DH12KM															
52	12149304	NGUYỄN HOÀI	NAM	16/06/94	DH12QM															
53	12120099	PHẠM THỊ HỒNG	NGÂN	17/02/94	DH12KM															
54	12120524	PHAN THỊ KIM	NGÂN	14/09/94	DH12KM															
55	12120239	NGUYỄN THỊ THÙY	NGOAN	21/07/93	DH12KM															
56	12120338	PHẠM THỊ THANH	NHÀN	05/03/94	DH12KM															
57	12116009	NGUYỄN DUY	NHÂN	28/02/94	DH12KS															
58	12120557	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	24/10/94	DH12KM															
59	12120558	NGUYỄN TẤT	NHIÊN	28/08/94	DH12KM															
60	12120596	LÊ HOÀNG UYỂN	NHƯ	11/09/94	DH12KM															
61	12155082	TRẦN THỊ HUỲNH	NHƯ	25/07/94	DH12KN															
62	12120110	LÊ THỊ	NỮ	12/08/94	DH12KT															
63	11143085	HUỲNH TẤN	PHÚC	14/07/93	DH11KM															
64	12120245	K' ANH	PHÚC	07/10/93	DH12KM															
65	12120115	MAI THỊ KIM	PHỤNG	19/08/94	DH12KM															
66	12149614	NGUYỄN THỊ HUỲNH	PHƯƠNG	01/04/94	DH12QM															
67	11122102	NGUYỄN THỊ NGỌC	QUYÊN	18/11/93	DH11QT															
68	12149058	TRẦN KHÁNH	SANG	27/12/94	DH12QM															
69	12120122	ĐỖ THỊ HỒNG	SƯƠNG	13/03/94	DH12KM															
70	12120304	HUỲNH HỒ THIỆN	TÂM	17/10/94	DH12KM															
71	11143214	LÊ THỊ HỒNG	THANH	10/02/93	DH11KM															
72	12124293	PHAN HOÀN	THẮNG	10/03/94	DH12QL															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kinh tế lượng căn bản (208211) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Trần Anh Kiệt (292)

Nhóm TH 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	10143070	LÊ THỊ BÍCH	THI	19/02/92	DH10KM															
74	12149451	NGUYỄN TRƯỜNG	THỌ	24/04/94	DH12QM															
75	12120129	ĐÀO THỊ	THU	02/05/94	DH12KM															
76	12120563	PHẠM THỊ NHƯ	THỦY	06/06/94	DH12KM															
77	12155036	CAO LÊ HOÀNG	THY	05/05/93	DH12KN															
78	12120303	ĐẶNG THỊ CẨM	TIÊN	10/10/94	DH12KM															
79	12120465	LÊ THỊ CẨM	TIÊN	15/09/94	DH12KM															
80	12149474	NGUYỄN MINH	TIẾN	19/06/94	DH12QM															
81	10135110	TRẦN ANH	TÍN	31/08/92	DH10TB															
82	12149480	PHAN QUỐC	TOÀN	02/12/94	DH12QM															
83	10135112	TRƯƠNG CÔNG NHÂN	TOÀN	01/06/92	DH10TB															
84	11143196	TRẦN THỊ HƯƠNG	TRÀ	21/03/93	DH11KM															
85	12120346	ĐẶNG THỊ HUYỀN	TRANG	25/12/93	DH12KM															
86	12149489	PHẠM THỊ THU	TRANG	24/08/94	DH12QM															
87	12120204	PHAN VÕ BẢO	TRÂM	31/05/94	DH12KM															
88	12120150	VÕ THỊ NGỌC	TRÂM	24/04/94	DH12KM															
89	12120623	CAO THỊ BỬU	TRÂN	30/07/93	DH12KM															
90	12120341	ĐINH THỊ THẢO	TRÂN	28/06/94	DH12KM															
91	12120153	NGUYỄN THỊ LAN	TRINH	08/08/94	DH12KM															
92	12149507	PHẠM XUÂN	TRUNG	08/10/94	DH12QM															
93	12155090	PHẠM MINH	TUẤN	02/03/94	DH12KN															
94	12120158	HỒ NGỌC	TUYẾN	03/10/93	DH12KM															
95	12120206	CHU PHƯƠNG	UYÊN	10/11/94	DH12KM															
96	12116150	HOÀNG THỊ BÍCH	VÂN	07/06/94	DH12KS															
97	12120506	NGUYỄN THỊ TRÚC	VI	28/07/94	DH12KM															
98	12120180	ĐẶNG THANH	VỦ	19/11/94	DH12KM															
99	12149653	NGUYỄN THÀNH	VŨ	28/07/94	DH12QM															
100	12120444	TRẦN THỊ	XUÂN	28/01/94	DH12KM															
101	12120409	LÊ HOÀNG	YẾN	04/10/94	DH12KM															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Kinh tế lượng căn bản (208211) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Lê Công Trứ (281)

Nhóm TH 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	12120038	ĐẶNG XUÂN	AN	01/01/94	DH12KM															
2	12149565	NGUYỄN NGỌC	ANH	10/06/94	DH12QM															
3	10155049	NGUYỄN THỊ VÂN	ANH	10/03/92	DH10KN															
4	12122105	NGUYỄN DUY	BÌNH	08/03/94	DH12TM															
5	12120046	NGUYỄN HUY	BÌNH	18/04/94	DH12KM															
6	12116002	NGUYỄN THANH	BÌNH	01/11/94	DH12NT															
7	12149141	NGUYỄN NGỌC	CANG	26/10/94	DH12QM															
8	12120334	HỨA MINH	CHÁNH	25/06/94	DH12KT															
9	12120396	TRẦN MINH	CHIẾN	27/03/92	DH12KM															
10	12149010	NGUYỄN HỒNG	CHÚC	06/06/94	DH12QM															
11	12155075	NGỌC TRIỆU	CƯỜNG	05/01/93	DH12KN															
12	12155030	LÊ DƯƠNG	DEN	01/03/94	DH12KN															
13	12120363	HUỲNH THỊ THÚY	DIỄM	02/08/94	DH12KM															
14	12120052	VÕ THÚY	DIỄM	26/02/94	DH12KT															
15	12120265	PHẠM ĐĂNG	DUY	05/10/94	DH12KM															
16	12120058	NGUYỄN VIÊN THÁI	DƯƠNG	02/04/94	DH12KT															
17	12155010	TRẦN THỊ	ĐÀO	20/02/94	DH12KN															
18	12155143	NGUYỄN THỊ NGỌC	GIÀU	11/01/92	DH12KN															
19	12122283	TRẦN THỊ THANH	HÀ	25/08/94	DH12QT															
20	12124171	LÊ THỊ THU	HẰNG	05/12/94	DH12QL															
21	12120593	NGUYỄN THỊ	HẰNG	30/12/94	DH12KT															
22	12120583	HOÀNG VĂN	HẬU	06/08/94	DH12KM															
23	12120188	NGUYỄN THỊ NGỌC	HIỆP	01/03/94	DH12KM															
24	12116180	ĐẶNG MỸ	HÒA	12/02/94	DH12KS															
25	12120209	LƯƠNG THỊ	HÒA	10/10/94	DH12KM															
26	12155086	NGUYỄN THỊ	HOÀI	24/05/94	DH12KN															
27	12120262	ĐOÀN THỊ	HOAN	01/10/94	DH12KT															
28	12155134	NGUYỄN THỊ	HỒNG	15/09/94	DH12KN															
29	12155108	NGUYỄN THỊ	HUỆ	06/01/94	DH12KN															
30	12116055	NGUYỄN VIỆT	HÙNG	10/03/94	DH12NT															
31	12120074	HOÀNG	HUY	20/08/94	DH12KT															
32	12122022	LÊ THANH	HUY	30/03/94	DH12QT															
33	12120005	TRẦN VIẾT	HUY	01/12/94	DH12KT															
34	12120261	NGUYỄN THANH	HƯNG	19/02/94	DH12KM															
35	12155144	ĐẶNG THỊ THU	HƯƠNG	21/02/94	DH12KN															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kinh tế lượng căn bản (208211) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Lê Công Trứ (281)

Nhóm TH 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	12120006	NGUYỄN THỊ LAN	HƯƠNG	12/07/94	DH12KT															
37	12120042	LÝ THỊ PHI	KHANH	07/11/94	DH12KM															
38	12124112	PHẠM THỊ NGỌC	KIỀU	06/06/94	DH12QL															
39	11150045	NGUYỄN THỊ NGỌC	LAN	30/08/93	DH11TM															
40	12120210	LÔ THỊ THANH	LÂM	10/08/94	DH12KM															
41	12116182	NGUYỄN TẤN	LÂN	22/10/94	DH12KS															
42	12149034	LÊ THỊ	LỆ	02/12/93	DH12QM															
43	12120211	TRẦN THỊ	LỢI	04/12/94	DH12KM															
44	12120267	PHAN THÀNH	LỰC	24/07/94	DH12KM															
45	12155153	NGUYỄN THỊ HỒNG	MỤI	26/11/94	DH12KN															
46	12116350	LÊ THỊ TRÀ	MY	11/05/94	DH12KS															
47	12120398	NGUYỄN THỊ CHỨC	NĂNG	11/05/93	DH12KM															
48	12116007	NGUYỄN THỊ THẢO	NGA	28/10/94	DH12NT															
49	12120627	HOÀNG THỊ ÁNH	NGỌC	28/10/93	DH12KM															
50	12155083	NGUYỄN THỊ KIM	NGỌC	06/12/94	DH12KN															
51	12124242	VÕ DUY HUỆ	NGỌC	06/09/94	DH12QL															
52	12124247	NGUYỄN THÀNH	NHÂN	26/09/94	DH12QL															
53	12120393	PHẠM VÂN	NHI	08/10/94	DH12KM															
54	12116095	LỤC VĂN	NHỰT	17/03/94	DH12NT															
55	12116024	HOÀNG THỊ	PHƯƠNG	19/08/94	DH12NT															
56	12120429	TRẦN THỊ HỒNG	RIÊNG	07/09/94	DH12KM															
57	12124120	ĐOÀN THỊ CẨM	SEN	24/05/94	DH12QL															
58	12116191	NGUYỄN PHÚ	SƠN	03/09/94	DH12NT															
59	12116113	NGUYỄN THÀNH	SƯƠNG	23/07/93	DH12KS															
60	12124280	CHÂU MINH	THANH	19/02/94	DH12QL															
61	12120436	TRẦN THỊ THANH	THANH	30/11/94	DH12KM															
62	12120373	LÝ THU	THẢO	15/11/94	DH12KM															
63	12116359	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	02/10/93	DH12KS															
64	12120489	NGUYỄN THỊ THU	THẢO	09/03/94	DH12KT															
65	12120127	PHAN THỊ THANH	THẢO	08/02/94	DH12KT															
66	12149430	TRẦN THỊ THẠCH	THẢO	23/12/94	DH12QM															
67	12149434	PHẠM CHÍ	THẮNG	12/06/94	DH12QM															
68	12116127	TRẦN VĂN	THẾ	13/12/94	DH12KS															
69	12120128	TRƯƠNG NGUYỄN KIM	THOA	06/01/94	DH12KM															
70	12120177	BÙI THỊ XUÂN	THU	15/11/94	DH12KM															
71	12116130	BÙI THỊ BÌNH	THUẬN	07/01/94	DH12KS															
72	12120271	NGUYỄN THỊ THANH	THỦY	16/02/94	DH12KM															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kinh tế lượng căn bản (208211) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Lê Công Trứ (281)

Nhóm TH 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	12120382	TRẦN THỊ THÁI	THỦY	20/12/93	DH12KM															
74	10143078	VÕ NGUYÊN	THỦY	21/12/92	DH10KM															
75	12120307	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THÚY	10/10/94	DH12KM															
76	12120605	HUỲNH KIM	THƯ	12/01/94	DH12KT															
77	12122235	NGUYỄN THỊ ANH	THƯ	27/05/94	DH12TM															
78	12120439	PHAN THỊ MINH	THƯ	26/07/94	DH12KM															
79	11143106	NGÔ NGỌC	TOÀN	17/02/93	DH11KM															
80	12122063	HÀ THỊ	TRANG	13/06/94	DH12QT															
81	12149118	LỮ THỊ THÙY	TRANG	10/12/94	DH12QM															
82	12120145	NGÔ NGỌC HUYỀN	TRANG	02/06/94	DH12KM															
83	12120147	THÁI NGUYỄN MINH	TRANG	01/01/94	DH12KM															
84	12155003	NGÔ VÕ HUYỀN	TRÂM	04/12/94	DH12KN															
85	12120440	VÕ NGỌC	TRÂN	28/10/94	DH12KM															
86	12149496	NGUYỄN NGỌC	TRINH	30/04/94	DH12QM															
87	12120312	NGUYỄN THỊ THANH	TRÚC	22/09/94	DH12KM															
88	12120026	LÊ THANH	TRUNG	29/05/94	DH12KT															
89	12120156	ĐẶNG QUỐC	TUẤN	29/07/94	DH12KM															
90	12120159	ĐẶNG THANH	TÙNG	16/10/94	DH12KM															
91	12116326	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	UYÊN	27/08/93	DH12KS															
92	12120207	NGUYỄN THỊ	VÂN	02/02/94	DH12KT															
93	12116017	LÊ THANH	VI	18/11/94	DH12NT															
94	12120486	PHẠM THIÊN	VŨ	16/10/94	DH12KM															
95	12120179	ĐỖ THỊ	VUI	05/05/94	DH12KT															
96	12124355	NGUYỄN THỊ NGỌC	VY	30/04/94	DH12QL															
97	12120320	ĐẶNG THỊ TUYẾT	XUÂN	20/12/94	DH12KM															
98	12149095	TRƯƠNG THỊ MỸ	XUÂN	02/06/94	DH12QM															
99	12116158	NGUYỄN THỊ	YẾN	19/03/93	DH12KS															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Kinh tế lượng căn bản (208211) - Nhóm 03 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Trần Đức Luân (299)

Nhóm TH 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	12120249	MAI THỊ TRÂM	ANH	10/06/94	DH12KM															
2	11150028	TRẦN NGỌC LAN	ANH	25/11/93	DH11TM															
3	11150029	TRẦN PHƯƠNG	ANH	14/12/93	DH11TM															
4	12120392	TRẦN VÂN	ANH	01/11/94	DH12KM															
5	11155011	NGUYỄN PHÚC	CẢNH	12/06/92	DH11KN															
6	12120361	NGUYỄN THỊ	CHI	19/02/94	DH12KM															
7	11150017	NGUYỄN THỊ DIỄM	CHI	10/07/93	DH11TM															
8	12155129	HỒ THỊ CẨM	DUNG	08/02/94	DH12KN															
9	11171002	LÊ THỊ KIM	DUNG	07/12/92	DH11KS															
10	12120053	NGUYỄN THỊ THU	DUNG	17/09/94	DH12KT															
11	10143016	ĐOÀN VIỆT	DŨNG	04/01/92	DH10KM															
12	11150033	TRẦN THỊ THÚY	DUY	19/08/93	DH11TM															
13	11143161	TRƯƠNG VĨNH	DUY	19/07/93	DH11KM															
14	11164039	NGUYỄN TRƯƠNG KỲ	DUYÊN	25/04/93	DH11TC															
15	11150037	LÊ THỊ THU	HÀ	17/09/93	DH11TM															
16	11171130	LÊ THỊ THU	HÀ	26/07/93	DH11KS															
17	12120299	NGUYỄN NGỌC PHƯỢNG	HẰNG	26/12/94	DH12KM															
18	12120187	DƯƠNG THỊ MỸ	HÂN	17/03/94	DH12KM															
19	12120548	NGÔ THỊ	HIỀN	20/09/94	DH12KT															
20	11150085	VÕ THỊ	HIỀN	19/02/93	DH11TM															
21	11120070	ĐẶNG NGỌC	HIỆP	02/09/93	DH11KT															
22	11150042	HUỲNH MINH	HIẾU	21/12/93	DH11TM															
23	11121002	NGUYỄN THÚY	HỒNG	29/03/93	DH11KT															
24	11122076	TRỊNH MINH	HUY	24/11/93	DH11QT															
25	11150043	NGUYỄN NGỌC THANH	HUYỀN	05/08/93	DH11TM															
26	12120080	NGÔ HỮU	KHIÊM	24/08/93	DH12KM															
27	11122016	TRẦN MINH	KHƯƠNG	20/10/87	DH11QT															
28	11122020	NGUYỄN THỊ	LÊ	02/10/93	DH11QT															
29	11150090	HUỲNH NGỌC	LIẾNG	06/09/93	DH11TM															
30	12120085	LÊ DIỆU TUYẾT	LINH	09/02/94	DH12KM															
31	11122082	TRẦN MẠNH	LINH	22/02/93	DH11QT															
32	11122022	TRẦN THÙY	LINH	27/06/93	DH11QT															
33	12120327	LÊ ĐÌNH PHI	LONG	28/02/94	DH12KT															
34	12120092	NGUYỄN HOÀNG DUY	LUYN	10/10/93	DH12KM															
35	11143032	HỒ NGỌC BẢO	LY	14/11/93	DH11KM															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kinh tế lượng căn bản (208211) - Nhóm 03 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Trần Đức Luân (299)

Nhóm TH 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	12120476	ĐẶNG THỊ TUYẾT	MINH	15/01/93	DH12KM															
37	12116076	TRẦN THỊ VÂN	MINH	05/09/94	DH12NT															
38	11120010	NGUYỄN VĂN	NAM	24/12/92	DH11KT															
39	12120010	PHAN HOÀNG	NAM	27/05/94	DH12KM															
40	12124379	DƯƠNG VĂN	NĂM	11/06/93	DH12QL															
41	12122181	LÊ THỊ TUYẾT	NGÂN	17/05/94	DH12TM															
42	12155064	NGUYỄN THỊ XUÂN	NGUYỆN	24/02/93	DH12KN															
43	12120013	BÙI THỊ ÁNH	NGUYỆT	26/12/94	DH12KM															
44	12155020	TRẦN THỊ	NGUYỆT	16/04/92	DH12KN															
45	11150007	ĐỖ TRỌNG	NHÂN	12/10/93	DH11TM															
46	11150054	ĐỖ QUANG	NHẬT	17/03/92	DH11TM															
47	11122094	NGUYỄN THỊ CẨM	NHUNG	02/09/93	DH11QT															
48	11120109	NGUYỄN THỊ HUỲNH	NHƯ	02/02/93	DH11KT															
49	11171108	NGUYỄN VĂN	NHỰT	01/01/91	DH11KS															
50	12155052	NGUYỄN THỊ	NỮ	15/08/94	DH12KN															
51	11150087	TÔ YẾN	OANH	19/05/93	DH11TM															
52	11120104	BÙI THỊ TÚY	PHƯỢNG	20/10/92	DH11KT															
53	12155072	NGUYỄN THỊ	PHƯỢNG	05/01/94	DH12KN															
54	11120114	BÙI THỊ	QUYÊN	20/04/91	DH11KT															
55	11122146	TRẦN THỊ TRÚC	QUỲNH	07/06/92	DH11QT															
56	12155022	NGUYỄN THỊ	TÂM	16/04/94	DH12KN															
57	11143090	NGUYỄN THỊ MINH	TÂM	12/09/93	DH11KM															
58	11120122	TRẦN THỊ THANH THA	TÂM	25/08/93	DH11KT															
59	10149175	BÙI KIM	THÀNH	04/09/91	DH10QM															
60	12120579	TRƯƠNG THỊ THANH	THẢO	04/11/94	DH12KM															
61	12120288	NGUYỄN CHIẾN	THẮNG	20/03/93	DH12KM															
62	11150067	NGUYỄN BẢO	THI	09/11/93	DH11TM															
63	12149452	NGUYỄN THÀNH	THÔNG	29/04/94	DH12QM															
64	12120130	TRIỆU THỊ	THU	08/08/94	DH12KM															
65	12120434	PHẠM LÃ TRỌNG	THUẬN	11/12/93	DH12KM															
66	11122116	HÀ THỊ THANH	THÙY	24/01/93	DH11QT															
67	10122159	ĐINH THỊ THANH	THỦY	02/12/92	DH10QT															
68	11150069	ĐÀO THỊ PHƯƠNG	THÚY	27/08/93	DH11TM															
69	11122053	NGÔ THỊ NGỌC	THÚY	21/08/93	DH11QT															
70	12120536	NGUYỄN THỊ	THÚY	28/01/94	DH12KM															
71	11150070	LÊ NGỌC ANH	THƯ	22/08/93	DH11TM															
72	11122142	TRẦN THỊ HOÀI	THƯƠNG	21/03/93	DH11QT															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kinh tế lượng căn bản (208211) - Nhóm 03 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Trần Đức Luân (299)

Nhóm TH 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	11150072	ĐẶNG THỊ CẨM	TIÊN	17/03/93	DH11TM															
74	11143025	NGUYỄN THỊ THỦY	TIÊN	24/03/93	DH11KM															
75	11150073	PHẠM GIANG THỦY	TIÊN	01/10/93	DH11TM															
76	12120251	NGUYỄN TRỊNH	TIỀN	27/12/93	DH12KM															
77	12120509	LÊ THỊ	TÌNH	28/02/93	DH12KM															
78	12149671	BÙI THỊ HÀ	TRANG	20/01/94	DH12QM															
79	12155138	DIỆP THÙY	TRANG	29/01/94	DH12KN															
80	12155103	DƯƠNG NGỌC THÙY	TRANG	01/01/94	DH12KN															
81	11143131	HỒ KIỀU	TRANG	27/05/93	DH11KM															
82	12120622	NGUYỄN THỊ KIỀU	TRANG	28/05/94	DH12KM															
83	12120350	VŨ THỊ HẢI	TRANG	28/12/94	DH12KM															
84	11122120	ĐẶNG TRẦN THÙY	TRÂM	06/07/93	DH11QT															
85	12120151	NGUYỄN PHAN THỊ BẢ	TRÂN	06/09/94	DH12KM															
86	11150076	TRẦN THỊ BẢO	TRÂN	15/04/93	DH11TM															
87	11150014	LÃ BÍCH	TRI	03/04/93	DH11TM															
88	11120050	PHẠM MINH	TRÍ	17/10/93	DH11KT															
89	11120093	ĐOÀN VIỆT	TRINH	03/01/93	DH11KT															
90	11143143	LÊ THỊ MỸ	TRINH	18/08/93	DH11KM															
91	11150077	DƯƠNG VĂN	TRỌNG	28/02/93	DH11TM															
92	12120155	ĐỖ THÀNH	TRUNG	24/02/94	DH12KM															
93	11143245	KHỔNG MINH	TRUNG	18/03/93	DH11KM															
94	11150025	NGÔ CHÍ	TRUNG	19/05/93	DH11TM															
95	11150078	NGUYỄN BẢO	TRUNG	08/05/93	DH11TM															
96	11150080	NGUYỄN ANH	TUẤN	10/05/93	DH11TM															
97	12120037	NGUYỄN THỊ	TUYẾT	06/06/94	DH12KM															
98	12120598	LÊ XUÂN	VĂN	07/11/94	DH12KT															
99	11150016	NGUYỄN THỊ	VĨ	03/04/93	DH11TM															
100	12120166	NGUYỄN THỊ HOÀNG	YẾN	28/02/94	DH12KM															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Thống kê doanh nghiệp (208213) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Tiêu Nguyên Thảo (813)

Nhóm TH 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	11123072	TÔ THỊ HỒNG	CẨM	01/01/93	DH11KE															
2	11123091	NGUYỄN THỊ KIM	CHUNG	09/11/93	DH11KE															
3	11122003	LÊ TIẾN	DÂNG	20/12/90	DH11QT															
4	11363164	HUỲNH THÚY	DIỄM	21/07/93	CD11CA															
5	11150019	PHAN THỊ	DIỆU	28/04/93	DH11TM															
6	11363017	NGUYỄN VÕ CẨM	DUNG	26/12/93	CD11CA															
7	11122061	VÕ THỊ XUÂN	DUNG	24/08/93	DH11QT															
8	11155041	VŨ THỊ THÙY	DUNG	10/03/93	DH11KN															
9	11155002	PHAN ANH	DUY	02/12/93	DH11KN															
10	11122063	LÊ HOÀNG THỤY MỸ	DUYÊN	17/09/93	DH11QT															
11	12122010	LÊ NGỌC	DƯ	20/11/94	DH12QT															
12	11122005	LÊ VĂN	ĐỨC	28/09/91	DH11QT															
13	10123034	PHAN THỊ	GÁI	25/01/92	DH10KE															
14	12363328	DƯƠNG THỊ	HẰNG	20/01/94	CD12CA															
15	11122050	ĐỒNG THỊ THANH	HẰNG	16/01/93	DH11QT															
16	10363170	NGUYỄN THỊ THANH	HẰNG	20/02/92	CD11CA															
17	11363215	TRẦN THỊ THANH	HẰNG	27/06/93	CD11CA															
18	11363008	LÊ THỊ NGỌC	HÂN	29/06/93	CD11CA															
19	11123173	PHAN THỊ THU	HÂN	02/08/93	DH11KE															
20	11363029	NGUYỄN THỊ THU	HIỀN	02/04/93	CD11CA															
21	11363035	NGUYỄN THỊ QUỲNH	HOA	26/02/93	CD11CA															
22	11122137	ĐẶNG THỊ	HÒA	02/04/93	DH11QT															
23	10122060	TRỊNH XUÂN	HÒA	04/03/92	DH10QT															
24	11123109	PHAN NHƯ	HOÀI	21/09/93	DH11KE															
25	11123110	HÀ THỊ MINH	HOẠT	02/06/93	DH11KE															
26	11363009	NGUYỄN THÚY	HỒNG	17/06/93	CD11CA															
27	11122012	BÙI THỊ MỸ	HƯƠNG	07/07/93	DH11QT															
28	12123130	NGUYỄN THỊ VÂN	KHANH	14/11/94	DH12KE															
29	11363150	NGUYỄN THỊ	LINH	18/06/93	CD11CA															
30	11122021	NGUYỄN THỊ MỸ	LINH	22/10/93	DH11QT															
31	11155029	TRẦN NGỌC NHẬT	LINH	27/05/93	DH11KN															
32	11363168	NGUYỄN THỊ	LƯU	13/12/93	CD11CA															
33	11363087	PHAN THỊ THANH	MAI	08/09/92	CD11CA															
34	11363067	LÊ THỊ	NGA	25/11/93	CD11CA															
35	11150051	NGUYỄN KHÁNH	NGÂN	02/02/93	DH11TM															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Thống kê doanh nghiệp (208213) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Tiêu Nguyên Thảo (813)

Nhóm TH 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	11123067	TRẦN THỊ KIM	NGÂN	24/09/93	DH11KE															
37	11363071	TRẦN THỊ NHƯ	NGOAN	20/09/93	CD11CA															
38	11122087	LƯU THỊ BÍCH	NGỌC	07/02/93	DH11QT															
39	11150094	PHẠM THÁI	NGUYÊN	13/01/93	DH11TM															
40	10122206	BÙI ANH CHÍ	NHÂN	30/05/90	DH10QT															
41	11363130	TRỊNH HỒNG	NHÂN	13/12/93	CD11CA															
42	11123133	NGUYỄN THỊ	NHẬT	02/09/93	DH11KE															
43	11155024	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	14/02/93	DH11KN															
44	11150087	TÔ YẾN	OANH	19/05/93	DH11TM															
45	11363134	NGUYỄN THỊ HẠNH	PHƯƠNG	20/09/93	CD11CA															
46	11122099	TRẦN THỊ HÀ	PHƯƠNG	25/03/93	DH11QT															
47	11363214	HUỲNH THỊ THẢO	QUYÊN	26/09/93	CD11CA															
48	11363147	NGUYỄN THỊ THẢO	QUYÊN	/ /93	CD11CA															
49	11150065	ĐINH THANH	SƠN	24/02/92	DH11TM															
50	12363340	TRẦN THỊ	TÂM	02/07/94	CD12CA															
51	11155052	VŨ THỊ HẠNH	TÂM	24/11/93	DH11KN															
52	12122050	GIẢNG NGỌC PHƯƠNG	TÂN	16/06/94	DH12QT															
53	11122107	TỐNG NGỌC HỒNG	THANH	18/04/93	DH11QT															
54	11122043	TRẦN THỊ	THANH	20/07/93	DH11QT															
55	11155023	NGUYỄN THÁI	THÀNH	20/04/93	DH11KN															
56	10123165	ĐOÀN THỊ NGỌC	THẢO	04/01/92	DH10KE															
57	11150097	HUỲNH THỊ PHƯƠNG	THẢO	05/03/93	DH11TM															
58	11150066	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	05/11/93	DH11TM															
59	11155049	VŨ THU	THẢO	27/11/93	DH11KN															
60	11363158	ĐÀO THỊ HỒNG	THẮM	29/03/93	CD11CA															
61	12363063	NGUYỄN THỊ	THẮM	12/07/93	CD12CA															
62	11155014	HÀ NGỌC	THỊNH	21/05/92	DH11KN															
63	11150011	HOÀNG KIM	THU	05/06/93	DH11TM															
64	11122044	HUỲNH VĂN	THUẬN	19/12/90	DH11QT															
65	11363202	ĐỖ THỊ KIM	THÙY	25/05/93	CD11CA															
66	11122116	HÀ THỊ THANH	THÙY	24/01/93	DH11QT															
67	11123156	PHAN HUỲNH NG MINH	THÚY	16/10/92	DH11KE															
68	11363162	NGUYỄN THỊ NGỌC	THƯƠNG	27/11/93	CD11CA															
69	12123181	NGUYỄN THỊ THANH	THƯƠNG	19/04/94	DH12KE															
70	11123158	BÙI MINH	TIẾN	17/07/93	DH11KE															
71	11122144	NGUYỄN THỊ	TÌNH	16/11/93	DH11QT															
72	11123160	NGUYỄN THỊ NGỌC	TRANG	03/09/93	DH11KE															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Thống kê doanh nghiệp (208213) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Tiêu Nguyên Thảo (813)

Nhóm TH 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	12123058	NGUYỄN THỊ LƯU	TRÂM	15/01/94	DH12KE															
74	11123185	TRƯƠNG THỊ HỒNG	TRẦM	11/01/92	DH11KE															
75	11150088	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRÂN	15/01/92	DH11TM															
76	11363165	THÁI THỊ UYÊN	TRÂN	14/08/92	CD11CA															
77	11363114	LÊ THỊ HỒNG	TRINH	07/04/92	CD11CA															
78	11155027	DƯƠNG THỦY	TRÚC	05/07/92	DH11KN															
79	11150082	HUỲNH THỊ BÍCH	VÂN	06/08/93	DH11TM															
80	11123168	MAI ĐỖ TƯỜNG	VI	01/06/93	DH11KE															
81	11150098	TRẦN THỤY NHƯ	Ý	07/11/93	DH11TM															
82	11155021	ĐINH THỊ	YẾN	06/10/92	DH11KN															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Thống kê doanh nghiệp (208213) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Trần Anh Kiệt (292)

Nhóm TH 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	11155028	NGUYỄN HẢI	BẰNG	07/08/92	DH11KN															
2	12123074	VÕ THỊ SƠN	CA	20/02/94	DH12KE															
3	12123009	LƯU KIM	CHI	08/02/94	DH12KE															
4	12122007	BÙI THỊ	DUNG	15/09/93	DH12QT															
5	12363334	HUỲNH THỊ PHƯƠNG	DUNG	11/09/94	CD12CA															
6	12363033	VÕ THỊ KIM	DUNG	09/09/93	CD12CA															
7	12363007	VŨ THỊ	DUNG	01/10/94	CD12CA															
8	12363314	TRẦN KIM	DŨNG	06/01/94	CD12CA															
9	12363263	TRẦN THỊ MỸ	DUYÊN	26/08/94	CD12CA															
10	10143018	LÊ THANH	DƯƠNG	24/04/92	CD11CA															
11	11122065	HÀ THỊ HỒNG	ĐÀO	19/07/93	DH11QT															
12	12363006	HUỲNH PHÚC	ĐÔNG	19/07/94	CD12CA															
13	12122128	PHẠM THỊ THU	HÀ	17/09/94	DH12TM															
14	12363032	NGUYỄN THỊ HIẾU	HẠNH	25/06/93	CD12CA															
15	12363254	TRƯƠNG THỊ BÍCH	HẢO	19/10/94	CD12CA															
16	12363265	ĐINH KIM	HẰNG	28/07/94	CD12CA															
17	12363267	VÕ THỊ	HẰNG	27/09/93	CD12CA															
18	12363206	NGUYỄN THỊ MỸ	HẬU	18/10/93	CD12CA															
19	12363230	LÊ THỊ	HIỀN	02/07/92	CD12CA															
20	12122141	NGUYỄN THỊ	HOÀ	18/08/94	DH12TM															
21	12363036	VÕ ĐĂNG	HÒA	19/11/94	CD12CA															
22	12122317	NGUYỄN VĂN	HOÀI	21/11/94	DH12QT															
23	12363038	NGÔ THỊ KIM	HỒNG	14/02/94	CD12CA															
24	12122022	LÊ THANH	HUY	30/03/94	DH12QT															
25	12123029	PHẠM THỊ HOÀNG	KIM	03/09/94	DH12KE															
26	12123249	PHAN THỊ PHƯƠNG	LIÊN	09/11/94	DH12KE															
27	12122161	ĐINH THÙY	LINH	09/11/94	DH12TM															
28	12363016	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	20/07/94	CD12CA															
29	12363178	ĐẶNG THỊ NGỌC	LOAN	19/07/94	CD12CA															
30	12363234	BÙI THỊ CẨM	LY	28/12/94	CD12CA															
31	12363318	NGUYỄN NỮ KHÁNH	LY	02/04/94	CD12CA															
32	12363015	BÙI THỊ	LÝ	05/05/92	CD12CA															
33	12363080	VÕ THỊ NGỌC	LÝ	10/02/93	CD12CA															
34	12122175	TRẦN HUỲNH TRÀ	MI	11/08/94	DH12TM															
35	12123149	HUỲNH HUYỀN	NGÂN	09/10/94	DH12KE															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Thống kê doanh nghiệp (208213) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Trần Anh Kiệt (292)

Nhóm TH 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	11363217	NGUYỄN THỊ HỒNG	NGÂN	09/05/93	CD11CA															
37	12123035	PHAN THỊ KIM	NGÂN	21/10/94	DH12KE															
38	12122182	NGUYỄN VĂN	NGHĨA	20/01/94	DH12QT															
39	12122333	NGUYỄN THỊ	NGỌC	10/01/94	DH12QT															
40	12363331	PHAN THỊ QUỲNH	NGỌC	16/09/94	CD12CA															
41	12122184	LÊ ĐẶNG THẢO	NGUYÊN	15/12/94	DH12QT															
42	12122188	NGUYỄN THỊ	NGUYỆT	04/10/94	DH12TM															
43	12363142	PHẠM THỊ HỒNG	NGUYỆT	18/09/93	CD12CA															
44	12363219	LÊ THỊ SINH	NGỮ	23/07/94	CD12CA															
45	12122189	MAI THỊ KIM	NHÃ	26/12/94	DH12QT															
46	11122089	LÊ THỊ THANH	NHÀN	15/07/93	DH11QT															
47	12123161	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHI	06/02/94	DH12KE															
48	11155025	CHÂU THỊ KIM	PHỤNG	24/01/93	DH11KN															
49	12123166	HUỲNH THỊ THẢO	QUYÊN	26/07/94	DH12KE															
50	12363294	LÂM THỊ THẢO	SƯƠNG	11/10/94	CD12CA															
51	12363190	LÊ THỊ	SƯƠNG	10/10/93	CD12CA															
52	11122111	PHẠM QUỐC	THÁI	05/04/93	DH11QT															
53	12123255	HUỲNH THỊ HỒNG	THANH	04/04/94	DH12KE															
54	12122081	NGUYỄN QUANG	THANH	10/01/94	DH12TC															
55	12363296	TÔ HỒNG	THANH	10/03/94	CD12CA															
56	11155037	ĐINH THỊ PHƯƠNG	THẢO	14/12/92	DH11KN															
57	12123169	NGUYỄN THỊ THANH	THẢO	24/10/93	DH12KE															
58	11150068	TRẦN ĐỨC	THỌ	12/10/93	DH11TM															
59	09143900	NGUYỄN THỊ NGỌC	THÔNG	/ /	DH12KE															
60	12122057	HOÀNG THỊ MINH	THUỲ	15/09/94	DH12QT															
61	12363195	LÊ THỊ	THÙY	20/07/94	CD12CA															
62	12363118	BÙI THỊ	THỦY	15/07/94	CD12CA															
63	12123078	MAI THỊ LỆ	THỦY	13/11/94	DH12KEGL															
64	12123250	ĐÀO THỊ	THUÝ	23/09/94	DH12KE															
65	12122238	LÊ THỊ CẨM	TIÊN	29/07/93	DH12QT															
66	12363114	LÊ VĂN	TÍNH	21/02/94	CD12CA															
67	12363136	VŨ THỊ THÙY	TRANG	21/10/94	CD12CA															
68	11122038	TRẦN KHÁNH	TRÂN	08/03/93	DH11QT															
69	11363078	TRƯƠNG CAO	TRÍ	01/11/91	CD11CA															
70	12363123	PHÙNG NGUYỄN MINH	TRIỀU	27/09/93	CD12CA															
71	12363306	TRẦN CAO DIỄM	TRINH	21/04/93	CD12CA															
72	11150077	DƯƠNG VĂN	TRỌNG	28/02/93	DH11TM															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Thống kê doanh nghiệp (208213) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Trần Anh Kiệt (292)

Nhóm TH 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	12363307	NGUYỄN THẢO	TRÚC	19/02/93	CD12CA															
74	11155009	HUỲNH NHẬT	TRƯỜNG	12/09/92	DH11KN															
75	12123256	NGUYỄN CẨM	TÚ	22/11/94	DH12KE															
76	12122068	NGUYỄN MINH	TUẤN	22/04/94	DH12QT															
77	12363202	NGUYỄN THỊ MỘNG	TUYỀN	22/09/94	CD12CA															
78	12122147	TRỊNH THỊ THU	TUYỀN	24/04/94	DH12QT															
79	11123053	LƯU THỊ YẾN	TUYẾT	15/09/93	DH11KE															
80	12122271	CAO KHÁNH	VY	29/04/94	DH12TM															
81	12122320	HOÀNG THỊ	XUYÊN	18/02/94	DH12QT															
82	12363149	NGUYỄN THỊ NGỌC	YẾN	19/02/91	CD12CA															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Thống kê doanh nghiệp (208213) - Nhóm 03 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Tiêu Nguyên Thảo (813)

Nhóm TH 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	12123097	LÊ THỊ HOÀI	AN	14/02/94	DH12KE															
2	12122096	ĐỖ HOÀI	ANH	21/06/94	DH12TM															
3	11123003	NGUYỄN THIÊN	ÂN	14/09/93	DH11KE															
4	11155011	NGUYỄN PHÚC	CẢNH	12/06/92	DH11KN															
5	12123100	NGUYỄN HUỲNH NGỌC	CẨM	28/08/94	DH12KE															
6	11123090	NGUYỄN THỊ LỆ	CHI	19/05/93	DH11KE															
7	11122058	NGUYỄN VŨ DIỄM	CHI	25/01/92	DH11QT															
8	11155012	TRẦN HỮU	CHÍ	21/01/92	DH11KN															
9	11155001	PHẠM THỊ	CHUNG	30/09/93	DH11KN															
10	11164001	VÕ QUỐC	CÔNG	27/12/93	DH11TC															
11	12123084	NGUYỄN THỊ KIM	CÚC	02/10/94	DH12KE															
12	11123172	HUỲNH THỊ	DIỄM	20/08/93	DH11KE															
13	12122076	NGUYỄN THỊ HỒNG	DIỄM	22/12/94	DH12QT															
14	11122060	PHAN THỊ	DUNG	25/02/93	DH11QT															
15	11363018	ĐẶNG THẾ	DŨNG	10/07/93	CD11CA															
16	11164007	NGUYỄN ANH	DUY	04/12/93	DH11TC															
17	11164040	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	17/12/93	DH11TC															
18	11155005	NGUYỄN THỊ	HẠNH	27/06/92	DH11KN															
19	11123098	PHẠM THỊ NHƯ	HẢO	18/12/93	DH11KE															
20	12122013	ĐINH THỊ THANH	HẰNG	31/07/94	DH12TC															
21	11363148	LÊ THỊ	HIỀN	08/06/92	CD11CA															
22	12155044	CAO THỊ KIỀU	HOA	13/09/94	DH12KN															
23	11123112	ĐINH THỊ NGỌC	HUỆ	17/09/93	DH11KE															
24	11122074	HOÀNG THI KIM	HUỆ	01/11/93	DH11QT															
25	11363023	HUỲNH THANH	HÙNG	20/08/93	CD11CA															
26	09123055	PHẠM KHÁNH	HUYỀN	07/12/91	DH09KE															
27	11123015	PHAN THỊ THANH	HUYỀN	29/05/93	DH11KE															
28	11363046	NGUYỄN HỒNG	HUỲNH	05/10/93	CD11CA															
29	11363011	LUYỆN THỊ	HƯƠNG	09/11/93	CD11CA															
30	10363175	NGUYỄN THỊ THU	HƯƠNG	05/12/90	CD10CA															
31	11363186	NGUYỄN THỊ	HƯỜNG	16/07/92	CD11CA															
32	12122024	NGUYỄN BẢO	KHÁNH	22/10/94	DH12TC															
33	11122016	TRẦN MINH	KHƯƠNG	20/10/87	DH11QT															
34	12122027	BÙI MINH	KIỆT	20/10/94	DH12QT															
35	11363056	LÊ THỊ DIỄM	LAN	15/08/93	CD11CA															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Thống kê doanh nghiệp (208213) - Nhóm 03 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Tiêu Nguyên Thảo (813)

Nhóm TH 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	11363050	TRẦN THỊ HOÀI THAN	LANH	20/02/93	CD11CA															
37	11363128	VÕ THỊ MỸ	LỆ	08/04/93	CD11CA															
38	10123089	BÙI THỊ	LIÊM	07/04/92	DH10KE															
39	11150046	PHẠM THỊ KIM	LIÊN	04/08/93	DH11TM															
40	10363032	PHAN THỊ BÍCH	LIÊN	23/07/92	CD10CA															
41	11150047	NGÔ NGỌC KHÁNH	LINH	24/12/93	DH11TM															
42	11363015	NGUYỄN THỊ HỒNG	LINH	15/03/93	CD11CA															
43	10363060	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	10/03/92	CD10CA															
44	12123089	NGUYỄN YẾN	LINH	21/12/94	DH12KE															
45	11164021	PHẠM MỸ	LINH	10/07/93	DH11TC															
46	11122082	TRẦN MẠNH	LINH	22/02/93	DH11QT															
47	11363062	LƯU THỊ MỸ	LOAN	02/10/93	CD11CA															
48	11150048	BÙI TUẤN	LỘC	02/09/93	DH11TM															
49	12123090	ĐINH THỊ	LỘC	26/06/94	DH12KE															
50	11363053	HÀ THỊ MỸ	LỘC	10/10/91	CD11CA															
51	12363282	ĐẶNG THỊ NGỌC	MAI	28/06/94	CD12CA															
52	11363156	TRƯƠNG THỊ NGỌC	MAI	19/06/93	CD11CA															
53	12122108	NGUYỄN THỊ TUYẾT	MINH	01/09/94	DH12TC															
54	12363187	VŨ THỊ	NGA	16/01/94	CD12CA															
55	11159007	HOÀNG HẢI	NGÂN	03/12/93	DH11TC															
56	11363145	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	17/03/92	CD11CA															
57	11122086	NGUYỄN THỊ NGỌC	NGÂN	09/09/93	DH11QT															
58	12122305	TRẦN THỊ	NGUYỆT	30/11/94	DH12TM															
59	11155048	NGUYỄN THỊ LINH	NHÂM	23/02/93	DH11KN															
60	12123158	HỒ THANH	NHẬT	13/07/94	DH12KE															
61	11122092	LÊ THỊ YẾN	NHI	18/01/93	DH11QT															
62	11123134	LÊ THỊ YẾN	NHI	19/01/93	DH11KE															
63	12123041	HUỲNH THỊ MỸ	NHUNG	08/05/93	DH12KE															
64	11123136	HỒ NGỌC QUỲNH	NHƯ	14/04/93	DH11KE															
65	11122139	HUỲNH NGUYỄN QUỲNH	NHƯ	09/12/93	DH11QT															
66	11363131	TRẦN THỊ KIM	OANH	25/03/93	CD11CA															
67	11363196	LÊ THỊ MỸ	PHẨM	22/06/93	CD11CA															
68	12363292	DƯƠNG KIM	PHỤNG	20/04/94	CD12CA															
69	11123037	PHẠM THỊ	PHƯƠNG	04/10/92	DH11KE															
70	12122044	NGUYỄN XUÂN	QUANG	11/06/94	DH12QT															
71	11155031	PHẠM HỒNG	QUÂN	26/10/93	DH11KN															
72	11363028	NGUYỄN THỊ	QUÝ	05/05/93	CD11CA															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Thống kê doanh nghiệp (208213) - Nhóm 03 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Tiêu Nguyên Thảo (813)

Nhóm TH 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	11123253	KHAMMANNIVONG	SIPAPHY	18/08/92	DH11KE															
74	11363219	ĐỖ THỊ THU	SƯƠNG	25/02/92	CD11CA															
75	11123143	NGUYỄN PHÚ	TÂM	27/06/93	DH11KE															
76	10363185	BÙI THỊ	THANH	02/09/90	CD10CA															
77	11363082	NGUYỄN HOÀNG	THANH	11/04/93	CD11CA															
78	11363097	ĐÀO THỊ THU	THẢO	24/06/93	CD11CA															
79	11363002	HOÀNG THỊ NGỌC	THẢO	13/06/93	CD11CA															
80	12123238	LÊ THỊ THU	THẢO	19/02/94	DH12KE															
81	12122225	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	03/01/94	DH12TM															
82	11363100	NGUYỄN THỊ THU	THẢO	01/02/93	CD11CA															
83	11363160	NGUYỄN THỊ THU	THẢO	01/07/92	CD11CA															
84	12363242	VÕ THỊ	THẢO	19/11/94	CD12CA															
85	10123171	VŨ THU	THẢO	19/01/92	DH10KE															
86	12363109	NGUYỄN THỊ MỸ	THẮM	08/08/94	CD12CA															
87	10155008	VŨ MINH	THỌ	08/08/92	DH10KN															
88	12123301	TRẦN THỊ KIM	THOA	/ /	DH12KE															
89	11123046	VÕ THỊ	THOẠI	15/02/93	DH11KE															
90	11123182	NGUYỄN THỊ CẨM	THU	24/10/93	DH11KE															
91	12122056	HUỲNH THỊ THANH	THUẬN	07/01/94	DH12QT															
92	11363224	HỒ THỊ	THÙY	24/02/93	CD11CA															
93	11363109	LÊ THỊ PHƯƠNG	THỦY	12/03/93	CD11CA															
94	11363203	TRẦN THỊ THU	THỦY	18/03/93	CD11CA															
95	12123180	NGUYỄN VÂN ANH	THƯ	05/04/94	DH12KE															
96	11363220	NGÔ ĐOÀN HOÀI	THƯƠNG	09/02/93	CD11CA															
97	12363224	NGUYỄN THỊ	THƯƠNG	09/06/94	CD12CA															
98	12122243	NGUYỄN NGỌC	TIẾN	11/12/94	DH12QT															
99	12123187	VY THỊ	TIN	08/09/94	DH12KE															
100	12122061	NGUYỄN HỮU	TÍN	27/03/94	DH12QT															
101	12363301	LÊ NGỌC	TRANG	23/12/94	CD12CA															
102	11155039	TRIỆU THỊ NGỌC	TRÂM	18/08/93	DH11KN															
103	11155008	VÕ THỊ NGỌC	TRÂM	15/12/93	DH11KN															
104	12363137	NGUYỄN BẢO	TRÂN	28/09/93	CD12CA															
105	12363232	PHAN THỊ BẢO	TRÂN	20/11/93	CD12CA															
106	12123059	NGUYỄN HOÀI HƯNG	TRINH	15/07/94	DH12KE															
107	12122257	TRẦN KỲ	TRUNG	19/10/94	DH12TC															
108	11123084	TRẦN XUÂN	TÙNG	10/11/90	DH11KE															
109	12123062	NGUYỄN THỊ MỸ	TUYẾT	20/10/94	DH12KE															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Thống kê doanh nghiệp (208213) - Nhóm 03 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Tiêu Nguyên Thảo (813)

Nhóm TH 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
110	11122125	HỒ THỊ TUYẾT	VÂN	16/05/93	DH11QT															
111	11363043	NGUYỄN THỊ	VẬN	01/01/93	CD11CA															
112	11122129	NGUYỄN HÀM	YÊN	06/08/92	DH11QT															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Phân tích định lượng trong QL (208222) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Trần Anh Kiệt (292)

Nhóm TH 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	10122005	LÊ MINH	ANH	17/11/92	DH10QT															
2	11173002	LÊ THỊ PHƯƠNG	ANH	09/04/92	DH11KM															
3	10155049	NGUYỄN THỊ VÂN	ANH	10/03/92	DH10KN															
4	11122055	VÕ THỊ NGỌC	ANH	06/12/93	DH11QT															
5	11143148	VŨ THỊ NGỌC	ÁNH	20/07/92	DH11KM															
6	10122015	TRẦN HUỲNH	BÁCH	13/02/92	DH10QT															
7	11122003	LÊ TIẾN	DÂNG	20/12/90	DH11QT															
8	10122025	NGUYỄN THỊ KIỀU	DIỄM	19/10/92	DH10QT															
9	11122060	PHAN THỊ	DUNG	25/02/93	DH11QT															
10	10143016	ĐOÀN VIỆT	DŨNG	04/01/92	DH10KM															
11	11122049	MAN MINH	ĐẢO	20/04/93	DH11QT															
12	10122042	NGUYỄN HOÀNG	GIANG	24/10/91	DH10QT															
13	11122134	HUỲNH THỊ	HẢO	15/02/93	DH11QT															
14	11150039	NGUYỄN THỊ	HẰNG	03/03/93	DH11TM															
15	11122069	NGUYỄN THỊ THÚY	HẰNG	09/05/93	DH11QT															
16	12120066	DƯƠNG NGỌC BẢO	HÂN	15/08/94	DH12KM															
17	11122135	HÀ THỊ HỒNG	HÂN	19/01/93	DH11QT															
18	11122041	TRÀ THỊ MỸ	HIỀN	20/04/93	DH11QT															
19	11122008	NGUYỄN THỊ	HOA	23/02/93	DH11QT															
20	09150035	TRƯƠNG HOÀNG	HOA	14/11/91	DH09TM															
21	10122063	ĐỖ PHƯỚC	HÒA	03/04/92	DH10QT															
22	10122062	NGUYỄN THIỆU	HOÀNG	04/06/92	DH10QT															
23	10150022	NGUYỄN QUỐC	HUY	12/02/92	DH10TM															
24	11122076	TRỊNH MINH	HUY	24/11/93	DH11QT															
25	11122011	ĐÀO ĐẶNG THANH	HUYỀN	15/01/93	DH11QT															
26	11122077	TRỊNH NGUYỄN THU	HUYỀN	03/09/93	DH11QT															
27	10122071	NGUYỄN THỊNH	HƯNG	16/04/92	DH10QT															
28	11122012	BÙI THỊ MỸ	HƯƠNG	07/07/93	DH11QT															
29	11122013	HUỲNH THỊ MỸ	HƯƠNG	24/02/93	DH11QT															
30	10122073	NGUYỄN THỊ KIM	HƯƠNG	15/08/92	DH10QT															
31	09150041	TRẦN DUY	KHA	11/04/91	DH09TM															
32	11122017	NGÔ HƯƠNG	LAN	07/06/93	DH11QT															
33	10122080	CAO VĂN	LÂM	25/11/92	DH10QT															
34	11143170	TRẦN THỊ KIM	LIÊN	10/07/92	DH11KM															
35	11122081	PHẠM HÀ KIM	LINH	17/06/93	DH11QT															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Phân tích định lượng trong QL (208222) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Trần Anh Kiệt (292)

Nhóm TH 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	10120023	ĐINH THỊ KIM	LOAN	01/04/92	DH10KT															
37	11120009	PHẠM QUỲNH	LOAN	26/11/93	DH11KT															
38	11122023	HUỲNH THỊ KIM	LY	16/12/93	DH11QT															
39	10143040	LÊ TRÁC TUẤN	MINH	15/05/91	DH10KM															
40	11150053	ĐÀM THỊ THẢO	NGUYÊN	03/06/93	DH11TM															
41	10122111	NGÔ THỊ XUÂN	NHI	22/01/92	DH10QT															
42	12122193	NGUYỄN THỊ MAI	NHI	26/02/93	DH12QT															
43	11122094	NGUYỄN THỊ CẨM	NHUNG	02/09/93	DH11QT															
44	10143054	ĐOÀN VĂN	PHÚC	06/06/92	DH10KM															
45	11122051	NGUYỄN THỊ TRÚC	QUỲNH	26/07/93	DH11QT															
46	11122146	TRẦN THỊ TRÚC	QUỲNH	07/06/92	DH11QT															
47	11120024	TRƯƠNG THỊ THÚY	SANG	28/10/92	DH11KT															
48	12120035	NGUYỄN NGỌC	SƠN	12/06/94	DH12KM															
49	11122034	NGUYỄN VĂN	THÁI	13/01/93	DH11QT															
50	10120038	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	12/04/91	DH10KT															
51	12120579	TRƯƠNG THỊ THANH	THẢO	04/11/94	DH12KM															
52	10143078	VÕ NGUYÊN	THỦY	21/12/92	DH10KM															
53	11122036	PHẠM THỊ THU	THÚY	26/11/93	DH11QT															
54	11122142	TRẦN THỊ HOÀI	THƯƠNG	21/03/93	DH11QT															
55	11122037	TRẦN VĂN	TÍ	10/09/92	DH11QT															
56	10122164	ĐÀO ĐỨC	TÍN	23/05/92	DH10QT															
57	11122046	LÊ THANH	TỊNH	16/06/93	DH11QT															
58	10155034	NGUYỄN THUẬN	TOÀN	17/08/92	DH10KN															
59	11150074	TRẦN NGỌC MAI	TRANG	21/11/92	DH11TM															
60	11122118	TRẦN THỊ THẢO	TRANG	05/09/93	DH11QT															
61	11122120	ĐẶNG TRẦN THÙY	TRÂM	06/07/93	DH11QT															
62	10143091	LÊ	TRỌNG	08/08/92	DH10KM															
63	10120047	PHAN THANH	TRUNG	23/09/92	DH10KT															
64	10122200	PHAN XUÂN	VI	23/11/90	DH10QT															
65	11121022	VÕ THỊ KIM	VI	20/05/93	DH11KT															
66	10150100	NGUYỄN HOÀN	VỊNH	11/09/92	DH10TM															
67	11122039	LA HOÀNG	VŨ	24/03/93	DH11QT															
68	10143100	TRẦN VĂN	XUÂN	16/02/92	DH10KM															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Phân tích định lượng trong QL (208222) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Trần Anh Kiệt (292)

Nhóm TH 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	11120058	NGUYỄN THỊ	ANH	26/07/93	DH11KT															
2	12120246	LÊ THỊ HỒNG	ÁNH	22/08/94	DH12KM															
3	11155028	NGUYỄN HẢI	BẰNG	07/08/92	DH11KN															
4	10155035	PHAN VĂN	CẢNH	19/02/91	DH10KN															
5	09150008	PHAN HOÀNG THANH T	CHI	22/02/91	DH09TM															
6	12120396	TRẦN MINH	CHIẾN	27/03/92	DH12KM															
7	12120054	PHẠM NGUYỄN CẨM	DUNG	27/08/94	DH12KM															
8	12120480	ĐỖ THỊ BÍCH	DUYÊN	17/02/93	DH12KM															
9	12120281	TRƯƠNG THỊ THÙY	DƯƠNG	01/02/94	DH12KM															
10	12120582	LÊ BÁ TRỌNG	ĐỨC	15/09/92	DH12KM															
11	11120096	PHAN THỊ BÍCH	HẠNH	10/10/93	DH11KT															
12	12120187	DƯƠNG THỊ MỸ	HÂN	17/03/94	DH12KM															
13	12120613	NGUYỄN LÊ	HUY	25/10/94	DH12KM															
14	11120132	TRẦN VIỆT HÙNG	HUY	16/01/93	DH11KT															
15	08150057	DƯƠNG THỊ THIÊN	HƯƠNG	06/09/90	DH08TM															
16	12120390	TRẦN TRÚC	HƯƠNG	16/12/94	DH12KM															
17	12120170	PHẠM THỊ THU	HƯỜNG	07/05/94	DH12KM															
18	12120080	NGÔ HỮU	KHIÊM	24/08/93	DH12KM															
19	11122016	TRẦN MINH	KHƯƠNG	20/10/87	DH11QT															
20	11120034	ĐOÀN THỊ KỲ	KỲ	30/10/93	DH11KT															
21	12120526	HỒNG THỊ PHƯƠNG	LINH	14/09/94	DH12KM															
22	12120466	TRẦN THỊ KIM	LINH	15/01/94	DH12KM															
23	11120069	NGUYỄN TIẾN	LONG	14/02/93	DH11KT															
24	12120091	NGUYỄN THỊ LƯU	LUYẾN	21/05/94	DH12KM															
25	12120093	PHẠM PHƯƠNG	MAI	25/06/94	DH12KM															
26	12120324	ĐẶNG LÊ	MINH	10/12/94	DH12KM															
27	12120555	NGUYỄN THỊ DIỄM	MY	02/06/94	DH12KM															
28	11143126	LƯU NGỌC	MỸ	06/09/92	DH11KM															
29	12120099	PHẠM THỊ HỒNG	NGÂN	17/02/94	DH12KM															
30	12120524	PHAN THỊ KIM	NGÂN	14/09/94	DH12KM															
31	12120337	ĐOÀN THỊ HỒNG	NGỌC	26/11/94	DH12KM															
32	12120459	LÊ THỊ THANH	NGỌC	10/10/94	DH12KM															
33	11122087	LƯU THỊ BÍCH	NGỌC	07/02/93	DH11QT															
34	12120197	VĂN THỊ THÙY	NHIÊN	30/12/94	DH12KM															
35	11122095	NGUYỄN THỊ HUỲNH	NHƯ	19/05/93	DH11QT															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Phân tích định lượng trong QL (208222) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Trần Anh Kiệt (292)

Nhóm TH 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	11143084	NGUYỄN SO	NI	20/07/93	DH11KM															
37	11122096	ĐÀO THỊ HOÀNG	OANH	10/05/93	DH11QT															
38	11120095	PHẠM HÀ	PHƯƠNG	05/10/93	DH11KT															
39	11120114	BÙI THỊ	QUYÊN	20/04/91	DH11KT															
40	11122102	NGUYỄN THỊ NGỌC	QUYÊN	18/11/93	DH11QT															
41	11155030	NGUYỄN THỊ NGỌC	QUYÊN	04/11/93	DH11KN															
42	12120331	VÕ TRUNG	QUYỀN	24/09/94	DH12KM															
43	11122104	NGUYỄN THANH	SANG	05/09/93	DH11QT															
44	11120060	TRẦN DUY	SƠN	09/08/92	DH11KT															
45	10122134	ĐẶNG VĂN	SỰ	01/01/92	DH10QT															
46	12120125	TRẦN THỊ BĂNG	TÂM	15/12/94	DH12KM															
47	12120285	PHAN NGUYỄN NHỰT	TÂN	01/05/94	DH12KM															
48	11120119	NGUYỄN THỊ	THẢO	05/06/93	DH11KT															
49	11150008	HUỲNH THỊ HỒNG	THẮM	18/12/93	DH11TM															
50	12120527	LÊ THỊ THANH	THÚY	05/09/94	DH12KM															
51	10143082	PHẠM THỦY	TIÊN	25/04/92	DH10KM															
52	12120622	NGUYỄN THỊ KIỀU	TRANG	28/05/94	DH12KM															
53	11143111	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	06/09/93	DH11KM															
54	12120350	VŨ THỊ HẢI	TRANG	28/12/94	DH12KM															
55	12120204	PHAN VÕ BẢO	TRÂM	31/05/94	DH12KM															
56	12120151	NGUYỄN PHAN THỊ BẢ	TRÂN	06/09/94	DH12KM															
57	11122038	TRẦN KHÁNH	TRÂN	08/03/93	DH11QT															
58	12120153	NGUYỄN THỊ LAN	TRINH	08/08/94	DH12KM															
59	11143115	HỒ THỊ MINH	TUYẾT	10/07/93	DH11KM															
60	12120037	NGUYỄN THỊ	TUYẾT	06/06/94	DH12KM															
61	12120206	CHU PHƯƠNG	UYÊN	10/11/94	DH12KM															
62	12120458	BẠCH THỊ TƯỜNG	VI	01/10/93	DH12KM															
63	12120506	NGUYỄN THỊ TRÚC	VI	28/07/94	DH12KM															
64	11120055	LÂM THỊ	VĨNH	/ /92	DH11KT															
65	11122129	NGUYỄN HÀM	YÊN	06/08/92	DH11QT															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Kinh tế lượng ứng dụng (208223) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Lê Công Trứ (281)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	11143001	HUỲNH NHẤT	ANH	07/12/93	DH11KM															
2	11143002	LÊ TUẤN	ANH	09/01/93	DH11KM															
3	11120058	NGUYỄN THỊ	ANH	26/07/93	DH11KT															
4	10143004	ĐOÀN VĂN	CHIẾN	06/03/92	DH10KM															
5	10143007	VŨ MẠNH	CƯỜNG	10/05/92	DH10KM															
6	12120247	HUỲNH DŨNG	DƯƠNG	02/09/94	DH12KM															
7	12120056	HUỲNH THỊ THÙY	DƯƠNG	10/07/94	DH12KM															
8	11143031	TRẦN NGỌC	HIỆP	26/12/92	DH11KM															
9	12120258	NGUYỄN NHƯ	HOÀNG	12/12/93	DH12KM															
10	11120132	TRẦN VIỆT HÙNG	HUY	16/01/93	DH11KT															
11	11143011	NÔNG THỊ	HƯỜNG	07/06/92	DH11KM															
12	12120102	LÊ THỊ NHƯ	NGỌC	13/10/94	DH12KM															
13	11143074	NGUYỄN THỊ	NGỌC	17/08/93	DH11KM															
14	12120111	LÊ THỊ KIM	OANH	25/08/94	DH12KM															
15	12120115	MAI THỊ KIM	PHỤNG	19/08/94	DH12KM															
16	10171039	NGUYỄN LÂM	PHƯƠNG	15/02/92	DH10KS															
17	11143021	NGUYỄN THỊ	THẢO	26/07/93	DH11KM															
18	11143095	TRẦN NGỌC PHƯƠNG	THẢO	13/12/93	DH11KM															
19	11120053	VÕ THỊ HỒNG	THẮM	12/05/93	DH11KT															
20	12120136	TRẦN THỊ XUÂN	THỦY	21/09/94	DH12KM															
21	10143078	VÕ NGUYÊN	THỦY	21/12/92	DH10KM															
22	11143024	PHẠM THỊ HỒNG	THÚY	24/12/93	DH11KM															
23	12120139	TRẦN HOÀI	THƯƠNG	23/10/94	DH12KM															
24	12120386	NGUYỄN THỊ	VƯƠNG	22/05/94	DH12KT															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Kinh tế lượng ứng dụng (208223) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Lê Công Trứ (281)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	11143029	LÊ XUÂN	ANH	06/09/93	DH11KM															
2	11143160	HỒ PHƯỚC	ĐẠI	31/01/93	DH11KM															
3	11143168	LÊ THỊ	HÀ	26/09/93	DH11KM															
4	11143005	HÀ THỊ THU	HẬU	28/05/93	DH11KM															
5	12120257	LÊ THỊ DIỆU	HẬU	27/04/94	DH12KT															
6	10121007	ĐẶNG THỊ MỸ	HIỀN	09/07/91	DH10PT															
7	11143212	NGUYỄN THỊ	HIỀN	25/04/93	DH11KM															
8	11143007	LÊ THỊ	HOA	25/03/93	DH11KM															
9	11143057	HOÀNG THỊ	HỒNG	10/02/93	DH11KM															
10	12120306	NGUYỄN THỊ QUẾ	HƯƠNG	16/09/94	DH12KM															
11	11143220	TRẦN NGÔ MỸ	LAN	14/07/89	DH11KM															
12	12116073	LÊ THỊ THANH	MAI	29/11/94	DH12KS															
13	11143236	NGUYỄN THỊ	MAI	12/12/92	DH11KM															
14	11143077	HOÀNG THỊ THU	NGUYÊN	11/12/93	DH11KM															
15	11143082	KHA MINH	NHẬT	09/09/93	DH11KM															
16	11143083	PHẠM THỊ HÀ	NHƯ	03/08/93	DH11KM															
17	11143241	DƯƠNG THỊ THANH	THẢO	04/01/93	DH11KM															
18	11143173	HUỲNH THỊ BÍCH	THẢO	25/08/93	DH11KM															
19	11143097	VÕ THỊ THU	THẢO	07/01/93	DH11KM															
20	12120133	TRẦN THỊ	THUÝ	01/11/94	DH12KM															
21	11143104	ĐINH NGUYỄN HOÀI	THƯƠNG	29/06/93	DH11KM															
22	11143106	NGÔ NGỌC	TOÀN	17/02/93	DH11KM															
23	11143108	NGUYỄN HUYỀN	TRANG	26/05/93	DH11KM															
24	10159005	ĐÀO THỊ KIM	TRING	20/10/92	DH10KM															
25	07120046	ĐÀO QUỐC	TUẤN	08/04/88	DH08KT															
26	11143118	PHẠM THỊ	VÓC	10/09/93	DH11KM															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Kinh tế lượng ứng dụng (208223) - Nhóm 03 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Lê Công Trứ (281)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	11120026	LÊ THỊ NGỌC	BÍCH	23/08/93	DH11KT															
2	11143122	ĐÀO THỊ THANH	CHUNG	14/01/92	DH11KM															
3	11120027	NGUYỄN VĂN	DIỆN	10/01/93	DH11KT															
4	11143042	TRẦN THỊ KIM	DUNG	10/07/93	DH11KM															
5	11120127	TRẦN	DUY	18/08/93	DH11KT															
6	11120078	PHẠM MINH	DƯƠNG	15/03/93	DH11KT															
7	11143048	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	26/12/93	DH11KM															
8	11143004	NGUYỄN THỊ THU	HẰNG	08/05/93	DH11KM															
9	11143055	TRẦN THỊ	HIỀN	19/12/93	DH11KM															
10	11120098	LÊ HOÀNG	KHẢI	15/06/93	DH11KT															
11	11120076	TRẦN SẮC	LƯU	16/11/92	DH11KT															
12	11143234	LÊ THỊ	MY	15/03/93	DH11KM															
13	11120133	THÁI THỊ	NA	12/07/91	DH11KT															
14	11120112	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	22/11/93	DH11KT															
15	10121003	PHÙNG XUÂN	NHƯỢNG	10/11/91	DH10PT															
16	11120023	PHẠM THỊ THU	PHƯƠNG	14/08/93	DH11KT															
17	10171083	PHAN THỊ KIM	PHƯỢNG	10/06/92	DH10KS															
18	11143088	NGUYỄN THẾ	QUYỀN	07/03/92	DH11KM															
19	11143020	NGUYỄN THỊ TRÚC	QUYỀN	06/07/93	DH11KM															
20	12120604	PHAN THANH	THÚY	22/09/94	DH12KM															
21	12120314	TRẦN THỊ NGỌC	TRANG	28/12/93	DH12KM															
22	11120025	ĐOÀN BẢO	TRƯỜNG	15/07/93	DH11KT															
23	11143144	NGUYỄN THỊ KIM	TUYỀN	28/04/93	DH11KM															
24	12120241	TSẦN LÂM	YẾN	10/03/93	DH12KT															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Kinh tế lượng ứng dụng (208223) - Nhóm 05 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Lê Công Trứ (281)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	11120003	HUỲNH THỊ MỸ	DUYÊN	24/01/93	DH11KT															
2	11143185	NGUYỄN THỊ NGỌC	DUYÊN	31/07/93	DH11KM															
3	11120068	TRẦN XUÂN	ĐẠI	17/06/91	DH11KT															
4	11120099	PHẠM THÀNH	ĐẠT	29/02/92	DH11KT															
5	12116019	THÁI TÔN	HẠO	02/06/94	DH12NT															
6	11120021	HUỲNH THỊ LỆ	HẰNG	16/11/93	DH11KT															
7	11120031	NGUYỄN THỊ THU	HIỀN	01/01/92	DH11KT															
8	08155002	BÙI NGỌC	HUÂN	25/10/90	DH08KT															
9	11120007	KA SĂ HA	KHUY	27/05/91	DH11KT															
10	12120473	HUỲNH THỊ	LÀNH	23/04/94	DH12KM															
11	11120008	ĐINH VIỆT PHƯƠNG	LINH	24/04/93	DH11KT															
12	11120090	NGUYỄN THỊ THU	LINH	11/12/92	DH11KT															
13	12120030	NGUYỄN THỊ TRÚC	LINH	04/09/94	DH12KT															
14	12120626	NGUYỄN THỊ KIỀU	LOAN	26/12/94	DH12KM															
15	11120036	NGUYỄN ĐÌNH	LONG	21/02/93	DH11KT															
16	11120069	NGUYỄN TIẾN	LONG	14/02/93	DH11KT															
17	11171053	HOÀNG THỊ THANH	MAI	24/05/93	DH11KS															
18	11120010	NGUYỄN VĂN	NAM	24/12/92	DH11KT															
19	11120022	NGÔ THỊ THU	NGÂN	10/03/93	DH11KT															
20	12120627	HOÀNG THỊ ÁNH	NGỌC	28/10/93	DH12KM															
21	11120038	TRẦN THỊ MINH	NGỌC	04/09/93	DH11KT															
22	11120083	NGUYỄN THỊ THẢO	NGUYÊN	04/09/92	DH11KT															
23	11120102	NGUYỄN THỤY THẢO	NGUYÊN	05/08/93	DH11KT															
24	11120089	NGUYỄN HIỀN	NHÂN	/ /92	DH11KT															
25	11120039	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	17/05/93	DH11KT															
26	11120121	HỒ PHẠM CẨM	NHUNG	05/10/93	DH11KT															
27	11120116	PHẠM THANH	NÚI	16/06/93	DH11KT															
28	11120095	PHẠM HÀ	PHƯƠNG	05/10/93	DH11KT															
29	11120011	TRẦN THỊ	PHƯỢNG	08/01/93	DH11KT															
30	11120117	PHAN THANH	SANG	15/09/93	DH11KT															
31	11120024	TRƯƠNG THỊ THÚY	SANG	28/10/92	DH11KT															
32	11120015	LÊ CÔNG	THẠCH	01/05/93	DH11KT															
33	11120014	LƯỜNG THANH	THẢO	20/08/93	DH11KT															
34	11143093	NGUYỄN NGỌC	THẢO	19/09/93	DH11KM															
35	11120086	PHAN THỊ THANH	THẢO	22/12/93	DH11KT															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kinh tế lượng ứng dụng (208223) - Nhóm 05 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Lê Công Trứ (281)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	11120045	HUỲNH THỊ	THOẠI	01/01/93	DH11KT															
37	11120046	TRƯƠNG THỊ	THU	10/08/93	DH11KT															
38	11121017	TRẦN THANH	THÚY	29/01/93	DH11KT															
39	11120074	BÙI THỊ MINH	THƯ	05/12/93	DH11KT															
40	11121010	NGUYỄN THỊ THƯƠNG	THƯƠNG	09/06/92	DH11KT															
41	10143083	TRẦN VÕ	TÒNG	04/05/92	DH10KM															
42	11120123	PHẠM THỊ BÍCH	TRÂM	17/07/93	DH11KT															
43	11120113	NGUYỄN THỊ THANH	TRÚC	12/10/93	DH11KT															
44	12120312	NGUYỄN THỊ THANH	TRÚC	22/09/94	DH12KM															
45	11120079	PHAN THANH	TRÚC	02/12/93	DH11KT															
46	11143116	LÊ THỊ	TUYẾT	12/01/93	DH11KM															
47	11121022	VÕ THỊ KIM	VI	20/05/93	DH11KT															
48	12120505	PHAN THỊ THANH	XUÂN	25/05/94	DH12KM															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Tin học ứng dụng trong Q.Trị (208225) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Tiêu Nguyên Thảo (813)

Nhóm TH 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	12122003	TRƯƠNG THỊ KIM	BÍCH	18/06/94	DH12QT															
2	12122105	NGUYỄN DUY	BÌNH	08/03/94	DH12TM															
3	12122297	NGUYỄN THỊ THANH	DIỆU	08/01/94	DH12QT															
4	12122112	TRẦN THỊ	DIỆU	07/06/94	DH12TM															
5	12122084	PHẠM THỊ BẢO	DUNG	15/07/94	DH12QT															
6	12122115	TRẦN HỮU	DUY	08/11/92	DH12QT															
7	12122010	LÊ NGỌC	DƯ	20/11/94	DH12QT															
8	12122122	TRẦN THỊ THÙY	DƯƠNG	17/09/94	DH12TM															
9	11122066	NGUYỄN THỊ ANH	ĐÀO	12/01/93	DH11QT															
10	12122123	NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	20/10/94	DH12TM															
11	12122133	NGUYỄN THỊ THANH	HẰNG	13/05/94	DH12QT															
12	10122052	PHAN THỊ THÚY	HẰNG	18/06/92	DH10QT															
13	12122017	PHẠM ĐĂNG	HIỄN	08/08/94	DH12TM															
14	12122020	PHÙNG THỊ TUYẾT	HOA	10/06/94	DH12QT															
15	12122021	LƯU HỮU	HUỆ	01/02/92	DH12QT															
16	12122150	NGUYỄN THỊ THU	HƯƠNG	10/07/94	DH12TM															
17	12122078	PHAN THỊ MỸ	KIM	24/05/94	DH12QT															
18	12122087	NGÔ THÀNH	LỘC	23/04/93	DH12QT															
19	12122032	NGUYỄN DẠ	LÝ	08/05/94	DH12QT															
20	11122084	NGÔ THỊ KIM	MAI	03/08/93	DH11QT															
21	10122093	NGUYỄN HIỂN	MINH	02/05/91	DH10QT															
22	10150048	NGUYỄN NGỌC	NGÂN	02/11/92	DH10TM															
23	12122189	MAI THỊ KIM	NHÃ	26/12/94	DH12QT															
24	12122191	TRẦN THỊ ÁI	NHÂN	25/05/94	DH12TM															
25	12122193	NGUYỄN THỊ MAI	NHI	26/02/93	DH12QT															
26	10150056	TRẦN TUẤN	NHI	22/11/92	DH10TM															
27	12122201	TRƯƠNG THỊ KIỀU	NI	25/04/94	DH12QT															
28	12122044	NGUYỄN XUÂN	QUANG	11/06/94	DH12QT															
29	10150072	NGUYỄN TẤN	SĨ	19/05/92	DH10TM															
30	12122050	GIẢNG NGỌC PHƯƠNG	TÂN	16/06/94	DH12QT															
31	12122052	TRẦN NGỌC DUY	TÂN	29/03/94	DH12QT															
32	11150010	PHẠM THỊ KIM	THOA	15/09/93	DH11TM															
33	11122036	PHẠM THỊ THU	THÚY	26/11/93	DH11QT															
34	12122250	TRẦN THỊ THÙY	TRANG	22/07/94	DH12TM															
35	11150088	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRÂN	15/01/92	DH11TM															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Tin học ứng dụng trong Q.Trị (208225) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Tiêu Nguyên Thảo (813)

Nhóm TH 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	11122132	VÕ THỊ DIỄM	TRINH	19/09/93	DH11QT															
37	11150077	DƯƠNG VĂN	TRỌNG	28/02/93	DH11TM															
38	12122065	HỒ CHÍ	TRUNG	19/06/93	DH12QT															
39	11122125	HỒ THỊ TUYẾT	VÂN	16/05/93	DH11QT															
40	12122070	KIỀU VŨ THÚY	VI	19/11/94	DH12TM															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Kế toán tài chính 3 (208300) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Nguyễn Thị Minh Đức (361)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	10363151	TRẦN PHONG	CHÁNH	29/09/86	CD10CA															
2	11363018	ĐẶNG THẾ	DŨNG	10/07/93	CD11CA															
3	11363003	LÊ THỊ MỸ	DUYÊN	10/11/93	CD11CA															
4	11363101	BÙI VĂN	DƯƠNG	07/09/93	CD11CA															
5	10143018	LÊ THANH	DƯƠNG	24/04/92	CD11CA															
6	11363014	PHẠM THỊ	HÀ	28/10/93	CD11CA															
7	11363072	DƯƠNG THỊ	HẠNH	01/06/93	CD11CA															
8	11123065	TRỊNH HUỲNH MỸ	HẠNH	04/09/93	DH11KE															
9	11363137	ĐÀO THỊ THU	HẢO	10/11/93	CD11CA															
10	11363027	ĐOÀN THỊ	HẰNG	31/05/93	CD11CA															
11	10363170	NGUYỄN THỊ THANH	HẰNG	20/02/92	CD11CA															
12	11363184	VƯƠNG THỊ LỆ	HẰNG	14/04/93	CD11CA															
13	11123105	VŨ THỊ	HẬU	10/09/92	DH11KE															
14	11363031	NG LÊ T NHƯ PHƯƠNG	HIẾU	17/07/93	CD11CA															
15	11123010	PHẠM THỊ	HOA	14/03/92	DH11KE															
16	11363036	TRẦN THỊ PHƯƠNG	HOA	23/03/93	CD11CA															
17	11123109	PHAN NHƯ	HOÀI	21/09/93	DH11KE															
18	11363030	HOÀNG THỊ	HỒNG	10/04/93	CD11CA															
19	11363023	HUỲNH THANH	HÙNG	20/08/93	CD11CA															
20	11363185	LÊ THỊ	HUYỀN	02/09/93	CD11CA															
21	10363044	PHAN THỊ THU	HUYỀN	22/04/92	CD10CA															
22	11363011	LUYỆN THỊ	HƯƠNG	09/11/93	CD11CA															
23	10123078	LÊ THỊ THU	HƯỜNG	05/12/92	DH10KE															
24	11363138	LÊ HUY	KHÔI	20/09/93	CD11CA															
25	11363050	TRẦN THỊ HOÀI THAN	LANH	20/02/93	CD11CA															
26	10363162	PHẠM THỊ	LEN	16/01/92	CD10CA															
27	11363053	HÀ THỊ MỸ	LỘC	10/10/91	CD11CA															
28	11363168	NGUYỄN THỊ	LƯU	13/12/93	CD11CA															
29	11123023	TRỊNH THỊ	LÝ	01/07/93	DH11KE															
30	11363133	NGUYỄN THỊ HUỲNH	MAI	04/11/93	CD11CA															
31	11363156	TRƯƠNG THỊ NGỌC	MAI	19/06/93	CD11CA															
32	10363218	TRẦN THỊ	NA	10/07/92	CD10CA															
33	11363067	LÊ THỊ	NGA	25/11/93	CD11CA															
34	10123115	ĐẶNG KIM	NGÂN	11/11/92	DH10KE															
35	11123075	NGUYỄN BÍCH	NGÂN	07/03/93	DH11KE															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kế toán tài chính 3 (208300) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Nguyễn Thị Minh Đức (361)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	11123067	TRẦN THỊ KIM	NGÂN	24/09/93	DH11KE															
37	11363130	TRỊNH HỒNG	NHÂN	13/12/93	CD11CA															
38	10363160	NGUYỄN THỊ	NHƯ	10/07/92	CD10CA															
39	11363095	HỒ TRÚC	PHƯƠNG	14/05/92	CD11CA															
40	11363134	NGUYỄN THỊ HẠNH	PHƯƠNG	20/09/93	CD11CA															
41	11363028	NGUYỄN THỊ	QUÝ	05/05/93	CD11CA															
42	12363105	TRƯƠNG THỊ	QUỲNH	08/12/93	CD12CA															
43	11363219	ĐỖ THỊ THU	SƯƠNG	25/02/92	CD11CA															
44	11123143	NGUYỄN PHÚ	TÂM	27/06/93	DH11KE															
45	10123163	LÊ THỊ NGỌC	THANH	24/04/92	DH10KE															
46	11363082	NGUYỄN HOÀNG	THANH	11/04/93	CD11CA															
47	11363097	ĐÀO THỊ THU	THẢO	24/06/93	CD11CA															
48	11123146	LÊ THỊ PHƯƠNG	THẢO	29/06/93	DH11KE															
49	11363100	NGUYỄN THỊ THU	THẢO	01/02/93	CD11CA															
50	11363160	NGUYỄN THỊ THU	THẢO	01/07/92	CD11CA															
51	11363085	PHAN THỊ PHƯƠNG	THẢO	09/10/92	CD11CA															
52	11363102	TRẦN THỊ THU	THẢO	12/11/92	CD11CA															
53	11363169	TRƯƠNG THỊ THU	THẢO	21/10/93	CD11CA															
54	11363158	ĐÀO THỊ HỒNG	THẮM	29/03/93	CD11CA															
55	10123175	NGUYỄN THỊ	THÍA	26/11/92	DH10KE															
56	11123149	NGUYỄN THỊ	THIỆU	05/02/93	DH11KE															
57	11363200	LÊ THỊ THU	THƠM	13/04/93	CD11CA															
58	11363107	NGUYỄN VĂN	THUẬN	26/10/93	CD11CA															
59	11363202	ĐỖ THỊ KIM	THÙY	25/05/93	CD11CA															
60	11363224	HỒ THỊ	THÙY	24/02/93	CD11CA															
61	11363089	VŨ THỊ THANH	THÙY	12/12/93	CD11CA															
62	11363203	TRẦN THỊ THU	THỦY	18/03/93	CD11CA															
63	11363220	NGÔ ĐOÀN HOÀI	THƯƠNG	09/02/93	CD11CA															
64	11363162	NGUYỄN THỊ NGỌC	THƯƠNG	27/11/93	CD11CA															
65	11363103	TRẦN HUYỀN	TRANG	25/08/92	CD11CA															
66	11363116	LÊ BẢO	TRÂN	26/04/93	CD11CA															
67	11363165	THÁI THỊ UYÊN	TRÂN	14/08/92	CD11CA															
68	11363170	NGUYỄN THỊ DIỄM	TRINH	12/10/93	CD11CA															
69	11363117	NGUYỄN THỊ THU	TRƯỜNG	26/02/93	CD11CA															
70	11363208	LÊ THỊ CẨM	TÚ	07/09/93	CD11CA															
71	10363119	NGUYỄN THANH	TÚ	28/01/92	CD10CA															
72	10363127	NGUYỄN ANH	TUẤN	06/05/91	CD10CA															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kế toán tài chính 3 (208300) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Nguyễn Thị Minh Đức (361)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	11363124	HOÀNG THỊ HỒNG	VÂN	23/11/92	CD11CA															
74	11363125	NGUYỄN HỒNG	VÂN	12/08/93	CD11CA															
75	11363126	TỐNG THỊ	VÂN	03/09/93	CD11CA															
76	11363043	NGUYỄN THỊ	VẬN	01/01/93	CD11CA															
77	11363084	PHẠM ĐỨC	VINH	13/07/92	CD11CA															
78	11363079	NGUYỄN ĐẶNG NHƯ	Ý	16/08/93	CD11CA															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Kế toán tài chính 3 (208300) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Nguyễn Thị Minh Đức (361)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	10363001	NGUYỄN THỊ PHƯỚC	AN	12/11/92	CD10CA															
2	10123258	HOÀNG TUẤN	ANH	04/07/92	DH10KE															
3	11363177	NGUYỄN THỊ NGỌC	ANH	02/05/91	CD11CA															
4	11123071	HUỲNH THỊ	ÁNH	02/02/93	DH11KE															
5	11363004	TRƯƠNG THỊ	BÍCH	15/06/93	CD11CA															
6	10123015	CHẾNH LÀY	CHÁNH	13/10/92	DH10KE															
7	11363115	NGUYỄN THỊ NGỌC	CHÂU	13/10/93	CD11CA															
8	11363017	NGUYỄN VÕ CẨM	DUNG	26/12/93	CD11CA															
9	11123210	PHẠM THỊ THÙY	DUNG	01/04/93	DH11KE															
10	10363168	HOÀNG THỊ BÉ	HÀ	05/02/92	CD10CA															
11	11363025	NGÔ THỊ	HÀ	03/02/93	CD11CA															
12	10123043	TẠ THỊ	HÀ	24/02/91	DH10KE															
13	11363026	TRẦN THỊ THU	HÀ	29/06/92	CD11CA															
14	11123096	NGÔ THỊ	HẢI	10/06/93	DH11KE															
15	11363180	HUỲNH HIẾU	HẠNH	15/01/92	CD11CA															
16	11363182	HUỲNH THỊ THỦY	HẰNG	12/08/93	CD11CA															
17	10123054	NGUYỄN THỊ	HẰNG	12/06/91	DH10KE															
18	11363215	TRẦN THỊ THANH	HẰNG	27/06/93	CD11CA															
19	11363119	NGUYỄN THỊ	HẬU	30/10/93	CD11CA															
20	11363148	LÊ THỊ	HIỀN	08/06/92	CD11CA															
21	11123107	NGUYỄN THỊ KIM	HIỀN	07/05/92	DH11KE															
22	11363035	NGUYỄN THỊ QUỲNH	HOA	26/02/93	CD11CA															
23	10363173	LÊ THỊ	HÒA	15/05/92	CD10CA															
24	10123066	VŨ THỊ	HOÀI	20/05/91	DH10KE															
25	11123012	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	HỒNG	10/03/93	DH11KE															
26	11363009	NGUYỄN THÚY	HỒNG	17/06/93	CD11CA															
27	11363139	NGUYỄN THỊ	HUỆ	04/08/93	CD11CA															
28	11363045	NGÔ THỊ KIM	HUYỀN	08/02/91	CD11CA															
29	10123072	NGUYỄN THỊ	HUYỀN	25/11/92	DH10KE															
30	10363222	NGUYỄN THỊ	HUYỀN	09/01/91	CD10CA															
31	11363105	NGUYỄN THỊ NGỌC	HUYỀN	19/05/93	CD11CA															
32	11363106	PHẠM THỊ	HUYỀN	16/08/93	CD11CA															
33	11363186	NGUYỄN THỊ	HƯỜNG	16/07/92	CD11CA															
34	11123117	NGUYỄN THANH	LAN	15/04/93	DH11KE															
35	11363187	VÕ THỊ HƯƠNG	LAN	06/11/93	CD11CA															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kế toán tài chính 3 (208300) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Nguyễn Thị Minh Đức (361)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	10363123	MAI MỸ	LỆ	08/05/91	CD10CA															
37	10363059	NGUYỄN THỊ THANH	LIÊM	01/11/92	CD10CA															
38	10123091	NGUYỄN THỊ MỸ	LIÊN	12/04/92	DH10KE															
39	10123094	LÊ NGỌC PHƯƠNG	LINH	26/03/92	DH10KE															
40	11363150	NGUYỄN THỊ	LINH	18/06/93	CD11CA															
41	11363015	NGUYỄN THỊ HỒNG	LINH	15/03/93	CD11CA															
42	10123003	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	16/06/92	DH10KE															
43	11363069	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	19/03/93	CD11CA															
44	11363154	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	19/11/93	CD11CA															
45	11123021	TÔ KHÁNH	LINH	16/08/93	DH11KE															
46	11363118	TRẦN THỊ MỸ	LINH	04/03/93	CD11CA															
47	11363061	NGUYỄN THỊ CẨM	LOAN	03/03/93	CD11CA															
48	11363152	TRẦN KIM	LOAN	13/02/93	CD11CA															
49	11363151	ĐÀO THỊ TRÚC	MAI	08/01/93	CD11CA															
50	11123025	PHAN THỊ	MAI	04/08/92	DH11KE															
51	11363041	ĐOÀN THỊ TRÀ	MY	05/09/93	CD11CA															
52	10363215	LÊ PHẠM TIỂU	MY	03/11/91	CD10CA															
53	10363037	PHẠM THỊ TRÀ	MY	27/07/92	CD10CA															
54	10363069	TRẦN THỊ DIỄM	MY	01/03/92	CD10CA															
55	11363065	NGUYỄN THỊ LỆ	NAM	26/08/93	CD11CA															
56	11363066	HUỲNH THỊ THANH	NGA	29/09/93	CD11CA															
57	11123029	NGUYỄN THY	NGA	04/07/93	DH11KE															
58	10123111	VÕ THỊ HỒNG	NGA	12/12/92	DH10KE															
59	11363217	NGUYỄN THỊ HỒNG	NGÂN	09/05/93	CD11CA															
60	11123127	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	16/05/93	DH11KE															
61	11363071	TRẦN THỊ NHƯ	NGOAN	20/09/93	CD11CA															
62	10363016	LÊ THỊ BÍCH	NGỌC	26/01/92	CD10CA															
63	11363218	NGUYỄN THỊ	NGỌC	26/03/92	CD11CA															
64	10123127	TRẦN THỊ	NGỌC	25/06/91	DH10KE															
65	11363080	NGUYỄN THỊ THẢO	NGUYÊN	10/02/93	CD11CA															
66	11363192	LÊ THỊ THANH	NHÀN	19/05/92	CD11CA															
67	11123135	PHẠM HỒ YẾN	NHI	09/09/93	DH11KE															
68	11363213	PHẠM THỊ HỒNG	NHI	01/01/93	CD11CA															
69	11363077	TRẦN THỊ HẢI	NHIÊN	01/10/93	CD11CA															
70	11363194	NGUYỄN THỊ	NHUNG	11/10/93	CD11CA															
71	10363079	TRẦN THỊ	NHUNG	24/02/92	CD10CA															
72	10123139	LÊ THỊ MỶ	NƯƠNG	31/08/92	DH10KE															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kế toán tài chính 3 (208300) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Nguyễn Thị Minh Đức (361)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	11363131	TRẦN THỊ KIM	OANH	25/03/93	CD11CA															
74	10363212	ĐOÀN THỊ	PHÚC	01/02/92	CD10CA															
75	11363083	THI THỊ MỸ	PHỤNG	05/07/93	CD11CA															
76	10123005	NGUYỄN THỊ BÍCH	PHƯƠNG	19/12/92	DH10KE															
77	08168118	NGUYỄN THỊ HÀ	PHƯƠNG	16/10/90	CD08CA															
78	10123148	TRẦN DUY	PHƯƠNG	01/05/91	DH10KE															
79	10123149	TRƯƠNG THỊ THÚY	PHƯƠNG	27/07/92	DH10KE															
80	11123038	ĐỖ THỊ THÚY	PHƯỢNG	23/05/93	DH11KE															
81	10123153	TẠ HỒNG	PHƯỢNG	22/06/92	DH10KE															
82	11363059	TRẦN THỊ	PHƯỢNG	28/10/93	CD11CA															
83	11123040	NGÔ MINH	QUÂN	17/02/93	DH11KE															
84	10363089	ĐẶNG THỊ	QUÝ	26/06/92	CD10CA															
85	11363214	HUỲNH THỊ THẢO	QUYÊN	26/09/93	CD11CA															
86	11363147	NGUYỄN THỊ THẢO	QUYÊN	/ /93	CD11CA															
87	10123160	NGÔ MINH	SANG	13/03/92	DH10KE															
88	11123043	NGUYỄN THỊ	SOA	28/09/93	DH11KE															
89	10363185	BÙI THỊ	THANH	02/09/90	CD10CA															
90	10363048	NGUYỄN THỊ HỒNG	THANH	16/04/91	CD10CA															
91	11363142	ĐẶNG THỊ PHƯƠNG	THẢO	12/08/93	CD11CA															
92	11123147	PHẠM THỊ THU	THẢO	10/02/92	DH11KE															
93	10363099	VÕ THỊ THU	THẢO	24/06/92	CD10CA															
94	11363086	VÕ THỊ THU	THẢO	05/11/93	CD11CA															
95	10123173	TRƯƠNG THỊ HỒNG	THẮM	19/09/92	DH10KE															
96	11363064	LÊ THỊ MỸ	THU	18/04/93	CD11CA															
97	11123153	PHẠM THỊ MINH	THU	16/11/93	DH11KE															
98	10123183	TỐNG THỊ	THÙY	08/09/92	DH10KE															
99	11363153	HỎA THỊ	THỦY	16/07/92	CD11CA															
100	10123184	NGUYỄN THỊ THANH	THỦY	10/11/92	DH10KE															
101	11123048	LÊ THỊ THƯƠNG	THƯƠNG	06/08/93	DH11KE															
102	11363163	ĐẶNG NGỌC PHƯƠNG	TRANG	05/10/93	CD11CA															
103	10363195	NGÔ THỊ	TRANG	02/11/91	CD10CA															
104	10123260	PHẠM THỊ HUYỀN	TRANG	01/03/92	DH10KE															
105	10123195	PHAN NGỌC THANH	TRANG	05/09/92	DH10KE															
106	11123052	ĐẶNG THỊ HUYỀN	TRINH	/ /93	DH11KE															
107	11363047	NGUYỄN THỊ MỘNG	TRINH	08/03/93	CD11CA															
108	10123215	NGUYỄN QUANG	TÚ	26/06/92	DH10KE															
109	11363175	TRỊNH THỊ CẨM	TUYỀN	18/04/93	CD11CA															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kế toán tài chính 3 (208300) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Nguyễn Thị Minh Đức (361)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
110	11363161	TRƯƠNG THỊ THANH	TUYỀN	31/07/93	CD11CA															
111	11363120	NGUYỄN THỊ	TUYẾT	02/02/93	CD11CA															
112	10123219	NGUYỄN THANH	TƯƠI	29/07/92	DH10KE															
113	10123224	NGUYỄN THỊ BÍCH	VÂN	28/06/92	DH10KE															
114	10123226	NGUYỄN THỊ THÙY	VÂN	29/08/92	DH10KE															
115	11363127	TRƯƠNG THỊ BÍCH	VÂN	20/08/93	CD11CA															
116	11363210	BÙI LÊ TRÚC	VI	09/03/93	CD11CA															
117	11123069	NGUYỄN ÁNH	XUÂN	23/10/93	DH11KE															
118	10363198	HOÀNG THỊ	YẾN	14/09/92	CD10CA															
119	10363147	LÊ THỊ HỒNG	YẾN	08/01/92	CD10CA															
120	11363040	MAI THỊ NGỌC	YẾN	05/06/93	CD11CA															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Kế toán hành chính sự nghiệp (208301) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Lê Văn Hoa (289)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	10123255	PHAN THỊ MỸ	AN	02/02/92	DH10KE															
2	10123258	HOÀNG TUẤN	ANH	04/07/92	DH10KE															
3	11123093	LÂM CHÂU THANH	DUY	04/03/93	DH11KE															
4	11123212	ĐOÀN THỊ MỸ	DUYÊN	25/05/92	DH11KE															
5	10123032	PHẠM THỊ THANH	ĐÀO	09/07/92	DH10KE															
6	11123007	NGUYỄN THỊ NGỌC	ĐẸP	19/10/93	DH11KE															
7	11123009	THÁI THỊ	HẢI	06/07/93	DH11KE															
8	11123100	TẠ NGỌC	HẠNH	28/12/93	DH11KE															
9	11123098	PHẠM THỊ NHƯ	HẢO	18/12/93	DH11KE															
10	11123103	TRẦN DIỆU	HẰNG	22/10/93	DH11KE															
11	11123104	TRƯƠNG THANH	HẬU	01/03/93	DH11KE															
12	10123061	NGUYỄN THỊ HỒNG	HIỀN	02/01/92	DH10KE															
13	11123106	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	HIỀN	27/08/93	DH11KE															
14	11123107	NGUYỄN THỊ KIM	HIỀN	07/05/92	DH11KE															
15	07123071	TRẦN THỊ MAI	HOA	01/09/89	DH08KE															
16	10123069	PHẠM THỊ HIỀN	HÒA	26/01/92	DH10KE															
17	10123066	VŨ THỊ	HOÀI	20/05/91	DH10KE															
18	09363088	TRỊNH THANH	HÙNG	15/11/90	CD09CA															
19	11123113	HOÀNG THỊ THU	HUYỀN	22/08/93	DH11KE															
20	11123114	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	19/03/93	DH11KE															
21	10123079	PHẠM THỊ	HƯỜNG	22/10/92	DH10KE															
22	11123254	PHETVILAY	INTHISN	16/12/93	DH11KE															
23	10123090	ĐINH THỊ THÙY	LIÊN	01/07/92	DH10KE															
24	10123003	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	16/06/92	DH10KE															
25	11123123	TRẦN THỊ MỸ	LOAN	16/09/93	DH11KE															
26	11123074	NGUYỄN THỊ NGỌC	LƯU	11/04/93	DH11KE															
27	11123026	TRẦN THỊ HOA	MAI	20/04/93	DH11KE															
28	10123107	VÕ THỊ TUYẾT	MAI	07/02/91	DH10KE															
29	11123028	ĐỒNG THỊ	NGA	05/01/93	DH11KE															
30	10123112	VÕ THỊ THANH	NGA	02/09/92	DH10KE															
31	10123113	VŨ THỊ	NGA	05/12/92	DH10KE															
32	10123125	PHAN TRIỆU MỸ	NGỌC	29/05/92	DH10KE															
33	10123131	HOÀNG THỊ THANH	NHÀN	15/03/92	DH10KE															
34	11123132	TRẦN THỊ KIM	NHÀN	19/08/93	DH11KE															
35	10123132	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHI	27/07/92	DH10KE															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kế toán hành chính sự nghiệp (208301) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Lê Văn Hoa (289)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	11123031	TRẦN HUỲNH YẾN	NHI	18/03/93	DH11KE															
37	09363148	HỒ HỮU	PHÚC	09/01/90	CD09CA															
38	10123141	NGUYỄN ĐẶNG	PHÚC	22/08/91	DH10KE															
39	11123177	VÕ THỊ DIỄM	PHÚC	16/10/93	DH11KE															
40	10123157	NGUYỄN THỊ CẨM	QUYỀN	23/04/92	DH10KE															
41	11123143	NGUYỄN PHÚ	TÂM	27/06/93	DH11KE															
42	10123165	ĐOÀN THỊ NGỌC	THẢO	04/01/92	DH10KE															
43	10123173	TRƯƠNG THỊ HỒNG	THẮM	19/09/92	DH10KE															
44	11123150	HỒ THỊ	THƠ	12/01/93	DH11KE															
45	11123153	PHẠM THỊ MINH	THU	16/11/93	DH11KE															
46	11123183	QUÁCH MINH	THỦY	27/05/93	DH11KE															
47	10123186	NGUYỄN THỊ	THƯ	03/09/92	DH10KE															
48	10123189	PHẠM THỦY	TIÊN	28/10/92	DH10KE															
49	11123158	BÙI MINH	TIẾN	17/07/93	DH11KE															
50	10123193	CAO THỊ HOÀI	TRANG	25/09/92	DH10KE															
51	11123159	NGUYỄN THỊ MAI	TRANG	19/03/93	DH11KE															
52	11123185	TRƯƠNG THỊ HỒNG	TRẦM	11/01/92	DH11KE															
53	11123051	NGUYỄN THỊ BÍCH	TRÂN	25/10/93	DH11KE															
54	11123068	LÊ NGUYỄN DIỄM	TRINH	04/10/93	DH11KE															
55	11123054	PHẠM THỊ THU	TƯỜNG	17/08/93	DH11KE															
56	10123222	LÊ THỊ	VÂN	15/08/92	DH10KE															
57	09123299	PHẠM THỊ	VINH	16/06/88	DH09KE															
58	11123062	VÕ THỊ TRƯỜNG	XUÂN	31/10/93	DH11KE															
59	11123187	NGUYỄN THÚY	XUYÊN	30/01/93	DH11KE															
60	11123171	NGUYỄN NHƯ	Ý	01/03/92	DH11KE															
61	09363269	KỐNG NGỌC	YẾN	21/07/91	CD09CA															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Kế toán hành chính sự nghiệp (208301) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Lê Văn Hoa (289)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	10123002	ĐẶNG THỊ TUYẾT	AN	26/03/92	DH10KE															
2	12123001	NGUYỄN HẠNH	AN	22/03/94	DH12KE															
3	10123257	ĐỖ NGỌC KIM	ANH	20/02/92	DH10KE															
4	11123001	HOÀNG THỊ KIM	ANH	09/10/92	DH11KE															
5	11123002	TRẦN QUỐC	ANH	08/06/93	DH11KE															
6	11123255	VILAYSON	BOULETH	05/07/89	DH11KE															
7	11123072	TÔ THỊ HỒNG	CẨM	01/01/93	DH11KE															
8	10123015	CHẾNH LÀY	CHÁNH	13/10/92	DH10KE															
9	10123016	NGUYỄN NHẠC TIỂU	CHĂM	02/02/92	DH10KE															
10	11123090	NGUYỄN THỊ LỆ	CHI	19/05/93	DH11KE															
11	11123091	NGUYỄN THỊ KIM	CHUNG	09/11/93	DH11KE															
12	10123023	NGUYỄN THỊ HỒNG	DIỄM	05/05/91	DH10KE															
13	11123073	NGUYỄN THỊ THÚY	DIỄM	30/04/93	DH11KE															
14	10123027	PHẠM THỊ	DỊU	08/03/92	DH10KE															
15	10123028	NGUYỄN THỊ NGỌC	DUNG	17/07/92	DH10KE															
16	11123004	TRƯƠNG KHẮC	DUY	11/08/92	DH11KE															
17	11123005	PHẠM NGUYỄN MỸ	DUYÊN	09/01/93	DH11KE															
18	11123006	NGUYỄN BÌNH	DƯƠNG	18/07/93	DH11KE															
19	10123031	NGUYỄN THỊ THÙY	DƯƠNG	17/06/92	DH10KE															
20	10123034	PHAN THỊ	GÁI	25/01/92	DH10KE															
21	10123039	PHẠM THỊ NGỌC	GIÀU	12/01/92	DH10KE															
22	10123043	TẠ THỊ	HÀ	24/02/91	DH10KE															
23	10123049	ĐỖ THỊ	HẠNH	22/02/92	DH10KE															
24	11123099	NGUYỄN THỊ MỸ	HẠNH	28/04/93	DH11KE															
25	11123065	TRỊNH HUỲNH MỸ	HẠNH	04/09/93	DH11KE															
26	09123034	TRỊNH THỊ MỸ	HẠNH	28/09/91	DH09KE															
27	11123097	ĐOÀN THỊ MỸ	HẢO	08/06/93	DH11KE															
28	11123101	BÙI THỊ	HẰNG	25/09/93	DH11KE															
29	11123102	PHẠM THỊ	HẰNG	08/04/93	DH11KE															
30	10123057	NGUYỄN THỊ NGỌC	HÂN	22/01/92	DH10KE															
31	11123105	VŨ THỊ	HẬU	10/09/92	DH11KE															
32	10123060	CHÂU THỊ THANH	HIỀN	12/06/92	DH10KE															
33	10123062	NGÔ THỊ THÚY	HIẾU	27/10/92	DH10KE															
34	11123010	PHẠM THỊ	HOA	14/03/92	DH11KE															
35	10123065	TRẦN THỊ	HÒA	26/08/92	DH10KE															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kế toán hành chính sự nghiệp (208301) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Lê Văn Hoa (289)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	11123109	PHAN NHƯ	HOÀI	21/09/93	DH11KE															
37	11123110	HÀ THỊ MINH	HOẠT	02/06/93	DH11KE															
38	11123112	ĐINH THỊ NGỌC	HUỆ	17/09/93	DH11KE															
39	10123071	LƯU THỊ	HUYỀN	01/02/92	DH10KE															
40	10123073	NGUYỄN THỊ THU	HUYỀN	20/07/92	DH10KE															
41	11123015	PHAN THỊ THANH	HUYỀN	29/05/93	DH11KE															
42	10123077	PHẠM THỊ	HƯƠNG	08/10/92	DH10KE															
43	11123115	LÊ THỊ HỒNG	KHÁNH	26/03/93	DH11KE															
44	11123018	PHAN THỊ HOA	LÀI	10/11/93	DH11KE															
45	11123116	DƯƠNG THỊ TỐ	LAN	01/12/93	DH11KE															
46	11123117	NGUYỄN THANH	LAN	15/04/93	DH11KE															
47	11123120	NGUYỄN THỊ KIM	LIÊN	16/04/93	DH11KE															
48	11123019	BÙI THỊ MỸ	LINH	19/08/93	DH11KE															
49	10123094	LÊ NGỌC PHƯƠNG	LINH	26/03/92	DH10KE															
50	10123097	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	06/10/92	DH10KE															
51	11123022	NGUYỄN THỊ	LỘC	26/12/93	DH11KE															
52	11123124	NGUYỄN THỊ	LƯƠNG	07/08/92	DH11KE															
53	11123023	TRỊNH THỊ	LÝ	01/07/93	DH11KE															
54	11123024	NGUYỄN THỊ	MAI	19/11/93	DH11KE															
55	11123174	PHẠM THỊ TUYẾT	MAI	13/10/93	DH11KE															
56	11123025	PHAN THỊ	MAI	04/08/92	DH11KE															
57	11123027	TRẦN THỊ	MY	26/11/93	DH11KE															
58	11123066	NGUYỄN HOÀNG	NAM	09/02/93	DH11KE															
59	10123004	NGUYỄN THỊ	NGA	29/08/92	DH10KE															
60	11123075	NGUYỄN BÍCH	NGÂN	07/03/93	DH11KE															
61	11123175	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	26/06/93	DH11KE															
62	11123128	NGUYỄN THỊ NGỌC	NGÂN	19/12/93	DH11KE															
63	12123034	NGUYỄN THỊ THU	NGÂN	09/12/94	DH12KE															
64	11123067	TRẦN THỊ KIM	NGÂN	24/09/93	DH11KE															
65	11123131	PHAN THỊ BÍCH	NGỌC	25/11/93	DH11KE															
66	10123126	TRẦN NGUYỄN MINH	NGỌC	29/08/92	DH10KE															
67	11123133	NGUYỄN THỊ	NHẬT	02/09/93	DH11KE															
68	11123134	LÊ THỊ YẾN	NHI	19/01/93	DH11KE															
69	10123134	NGUYỄN THỊ TUYẾT	NHUNG	23/03/92	DH10KE															
70	11123077	PHẠM THỊ XUÂN	NỮ	10/10/93	DH11KE															
71	10123139	LÊ THỊ MỶ	NƯƠNG	31/08/92	DH10KE															
72	11123033	NGUYỄN KIỀU	OANH	19/03/93	DH11KE															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kế toán hành chính sự nghiệp (208301) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Lê Văn Hoa (289)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	12123164	NGUYỄN THỊ NHƯ	PHÔI	15/04/94	DH12KE															
74	11123034	DƯ THỊ MỸ	PHÚC	24/02/93	DH11KE															
75	10123142	HOÀNG KIM	PHỤNG	30/10/92	DH10KE															
76	11123211	HOÀNG THỊ TUYẾT	PHƯƠNG	09/04/93	DH11KE															
77	08168118	NGUYỄN THỊ HÀ	PHƯƠNG	16/10/90	CD08CA															
78	11123139	NGUYỄN THỊ LỆ	PHƯƠNG	12/02/93	DH11KE															
79	11123140	NGUYỄN THỊ MAI	PHƯƠNG	20/07/93	DH11KE															
80	10123147	PHẠM THỊ NGỌC	PHƯƠNG	22/07/91	DH10KE															
81	10123148	TRẦN DUY	PHƯƠNG	01/05/91	DH10KE															
82	11123038	ĐỖ THỊ THÚY	PHƯỢNG	23/05/93	DH11KE															
83	11123142	NGUYỄN THỊ MAI	QUYÊN	11/12/93	DH11KE															
84	10123156	TRẦN THỊ	QUYÊN	23/09/91	DH10KE															
85	11123041	VÕ THỊ TÚ	QUYÊN	19/03/93	DH11KE															
86	12123091	HỒ NHƯ	QUỲNH	20/12/94	DH12KE															
87	10123162	NGUYỄN LINH	TÂM	18/06/91	DH10KE															
88	10123163	LÊ THỊ NGỌC	THANH	24/04/92	DH10KE															
89	11123145	ĐỖ PHƯƠNG	THẢO	11/12/92	DH11KE															
90	10123167	LÊ THỊ BÍCH	THẢO	17/12/92	DH10KE															
91	12123047	LÊ THỊ HỒNG	THẢO	30/06/94	DH12KE															
92	10123169	TRẦN THỊ THU	THẢO	12/01/92	DH10KE															
93	10123171	VŨ THU	THẢO	19/01/92	DH10KE															
94	11123148	MAI THỊ TÚ	THI	28/12/93	DH11KE															
95	11123149	NGUYỄN THỊ	THIỆU	05/02/93	DH11KE															
96	11123046	VÕ THỊ	THOẠI	15/02/93	DH11KE															
97	11123152	NGUYỄN NGỌC DIỄM	THU	03/01/93	DH11KE															
98	11123182	NGUYỄN THỊ CẨM	THU	24/10/93	DH11KE															
99	11123170	NGUYỄN THỊ DIỆU	THU	23/01/93	DH11KE															
100	10123183	TỐNG THỊ	THÙY	08/09/92	DH10KE															
101	11123154	ĐỖ THỊ CẨM	THÚY	19/04/93	DH11KE															
102	11123156	PHAN HUỲNH NG MINH	THÚY	16/10/92	DH11KE															
103	09363213	LÂM THỊ MINH	THƯ	15/02/91	CD09CA															
104	10123185	LÊ ANH	THƯ	28/10/92	DH10KE															
105	11123184	TRẦN THỊ THU	THƯỜNG	21/06/93	DH11KE															
106	11123049	ĐẶNG XUÂN	TIẾN	11/09/93	DH11KE															
107	11123079	LƯU THỊ	TÌNH	15/05/93	DH11KE															
108	11123050	LÊ THỊ QUỲNH	TRANG	29/08/92	DH11KE															
109	10123194	NGUYỄN THỊ MINH	TRANG	15/09/92	DH10KE															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kế toán hành chính sự nghiệp (208301) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Lê Văn Hoa (289)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
110	11123160	NGUYỄN THỊ NGỌC	TRANG	03/09/93	DH11KE															
111	11123161	PHẠM MINH	TRANG	03/11/93	DH11KE															
112	10123260	PHẠM THỊ HUYỀN	TRANG	01/03/92	DH10KE															
113	11123162	TRẦN THỊ HUYỀN	TRANG	24/01/93	DH11KE															
114	12123058	NGUYỄN THỊ LƯU	TRÂM	15/01/94	DH12KE															
115	11123166	VŨ THỊ THANH	TRÂM	20/07/93	DH11KE															
116	11123186	PHAN THỊ MỸ	TRINH	16/08/93	DH11KE															
117	10123208	NGÔ NGUYỄN NGỌC	TRÚC	03/09/92	DH10KE															
118	10123216	NGUYỄN THỊ CẨM	TÚ	04/10/91	DH10KE															
119	11123084	TRẦN XUÂN	TÙNG	10/11/90	DH11KE															
120	10123212	LÊ THỊ KIM	TUYỀN	10/02/90	DH10KE															
121	11123083	TRƯƠNG THỊ THU	TUYỀN	09/11/93	DH11KE															
122	10123218	NGÔ THỊ	TƯ	08/06/92	DH10KE															
123	10123221	HỒ THỊ KIỀU	VÂN	11/11/91	DH10KE															
124	10123224	NGUYỄN THỊ BÍCH	VÂN	28/06/92	DH10KE															
125	11123056	PHẠM THỊ CẨM	VÂN	01/03/93	DH11KE															
126	11123058	ĐOÀN THỊ NGỌC	VI	24/09/93	DH11KE															
127	11123059	TRẦN NGỌC ĐAN	VI	14/04/93	DH11KE															
128	11123061	LƯU HOÀN	VŨ	17/06/93	DH11KE															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Tài chính công (208305) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Tôn Thất Đào (284)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	11157076	THÁI DUY	BÌNH	03/09/92	DH11DL															
2	12363256	NGUYỄN LÊ HỒNG	CHÂU	15/02/94	CD12CA															
3	12363003	NGUYỄN THỊ HẢI	CHÂU	17/11/94	CD12CA															
4	09223006	LÊ KIM	DỄ	20/11/86	TC09KETD															
5	12363021	ĐINH THỊ MỸ	DUYÊN	08/12/94	CD12CA															
6	11164015	TRẦN THANH	GIANG	/ /92	DH11TC															
7	11149183	ĐỖ HỮU	HOÀNG	18/04/93	DH11QM															
8	09363088	TRỊNH THANH	HÙNG	15/11/90	CD09CA															
9	09223014	CAO THỊ THIÊN	HƯƠNG	12/10/79	TC09KETD															
10	12149110	NGUYỄN MINH	KHIÊM	20/09/94	DH12QM															
11	09223028	HỒNG THIÊN	KHÔI	03/05/84	TC09KETD															
12	12122030	ĐẶNG THỊ TRÚC	LỆ	25/08/94	DH12TC															
13	11363053	HÀ THỊ MỸ	LỘC	10/10/91	CD11CA															
14	10164020	HUỲNH THANH	MAI	02/09/92	DH10TC															
15	10363058	LƯƠNG QUỲNH	MAI	23/10/92	CD10CA															
16	12363219	LÊ THỊ SINH	NGỮ	23/07/94	CD12CA															
17	10123141	NGUYỄN ĐẶNG	PHÚC	22/08/91	DH10KE															
18	09223056	LỤC VƯƠNG	QUẾ	13/03/84	TC09KETD															
19	12149400	LÊ THỊ LINH	TÂM	04/04/94	DH12QM															
20	11149519	VÕ THỊ MINH	THẠNH	09/02/93	DH11QM															
21	12363212	TRẦN THỊ	THỂ	08/02/94	CD12CA															
22	11123150	HỒ THỊ	THƠ	12/01/93	DH11KE															
23	12149634	TRỊNH THU	THỦY	18/08/94	DH12QM															
24	11123156	PHAN HUỲNH NG MINH	THÚY	16/10/92	DH11KE															
25	10123193	CAO THỊ HOÀI	TRANG	25/09/92	DH10KE															
26	11123160	NGUYỄN THỊ NGỌC	TRANG	03/09/93	DH11KE															
27	12363304	NGUYỄN ĐẶNG PHƯƠNG	TRINH	08/11/94	CD12CA															
28	12363203	TRẦN THỊ PHƯỢNG	TUYẾN	03/02/94	CD12CA															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Tài chính công (208305) - Nhóm 04 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Tôn Thất Đào (284)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	12123103	ĐAN CHÂU HẠNH	CHI	05/09/94	DH12KE															
2	11164001	VÕ QUỐC	CÔNG	27/12/93	DH11TC															
3	09123014	LÊ TẤN	DIỆN	30/10/85	DH09KE															
4	12363261	NGUYỄN MINH	DUNG	05/09/94	CD12CA															
5	12363166	NGUYỄN THỊ	DUNG	22/11/94	CD12CA															
6	12363086	VÕ ĐỖ HOA	HẠ	17/05/94	CD12CA															
7	12149197	DƯƠNG VĂN	HẢI	24/06/94	DH12QM															
8	11363027	ĐOÀN THỊ	HẰNG	31/05/93	CD11CA															
9	11123103	TRẦN DIỆU	HẰNG	22/10/93	DH11KE															
10	11123011	NGÂN THỊ KIM	HỒNG	02/04/93	DH11KE															
11	12363271	TRƯƠNG KIM	HỒNG	19/10/94	CD12CA															
12	11123254	PHETVILAY	INTHISN	16/12/93	DH11KE															
13	12363277	NGUYỄN THỊ	LIÊN	29/06/94	CD12CA															
14	12363044	ĐOÀN THỊ CẨM	LINH	18/09/94	CD12CA															
15	12363279	LÊ THỊ	LINH	02/09/93	CD12CA															
16	12363057	PHẠM THÙY	LINH	16/02/94	CD12CA															
17	12363286	NGUYỄN THỊ HỒNG	LOAN	02/04/94	CD12CA															
18	11123074	NGUYỄN THỊ NGỌC	LƯU	11/04/93	DH11KE															
19	12363080	VÕ THỊ NGỌC	LÝ	10/02/93	CD12CA															
20	12363192	LÊ THỊ HOÀI	MẾN	02/11/94	CD12CA															
21	12363103	CHU THỊ	NA	05/01/94	CD12CA															
22	12149328	NGÔ THỊ HỒNG	NGUYÊN	16/09/94	DH12QM															
23	12363290	VÕ HOÀI BẢO	NHƯ	29/07/94	CD12CA															
24	12363210	LƯU MINH	PHƯƠNG	26/02/93	CD12CA															
25	12363048	ĐẶNG THỊ MỸ	THẠCH	03/10/94	CD12CA															
26	12363047	TRẦN THỊ THU	THẢO	10/06/94	CD12CA															
27	12363333	LÊ THỊ	TRANG	10/09/94	CD12CA															
28	12363198	NGUYỄN THỊ THU	TRÂM	17/10/93	CD12CA															
29	11123082	TRẦN THỊ HÀ	TRÂM	09/05/93	DH11KE															
30	10123207	VÕ VIẾT	TRUNG	27/07/92	DH10KE															
31	11164037	NGUYỄN THỊ ÁNH	TUYẾT	25/10/93	DH11TC															
32	11157369	ĐẶNG THỊ	XUÂN	12/07/93	DH11DL															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Kế toán tài chính 1 (208316) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Lê Văn Hoa (289)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	11164013	NGUYỄN THỊ CẨM	ANH	24/07/93	DH11TC															
2	09223001	TRẦN THỊ LỆ	ÁNH	06/08/85	TC09KETD															
3	09223004	NGUYỄN THỊ NGỌC	BÍCH	20/05/90	TC09KETD															
4	11123255	VILAYSON	BOULETH	05/07/89	DH11KE															
5	09223006	LÊ KIM	DỄ	20/11/86	TC09KETD															
6	11123172	HUỲNH THỊ	DIỄM	20/08/93	DH11KE															
7	09223005	NGUYỄN HOÀNG THÚY	DIỄM	24/01/88	TC09KETD															
8	11363017	NGUYỄN VÕ CẨM	DUNG	26/12/93	CD11CA															
9	11363018	ĐẶNG THẾ	DŨNG	10/07/93	CD11CA															
10	11123093	LÂM CHÂU THANH	DUY	04/03/93	DH11KE															
11	11164007	NGUYỄN ANH	DUY	04/12/93	DH11TC															
12	11363003	LÊ THỊ MỸ	DUYÊN	10/11/93	CD11CA															
13	11363026	TRẦN THỊ THU	HÀ	29/06/92	CD11CA															
14	11363180	HUỲNH HIẾU	HẠNH	15/01/92	CD11CA															
15	11363181	HUỲNH THỊ MỸ	HẠNH	27/08/93	CD11CA															
16	09223018	NGUYỄN THỊ	HẠNH	28/03/90	TC09KETD															
17	11123098	PHẠM THỊ NHƯ	HẢO	18/12/93	DH11KE															
18	11363027	ĐOÀN THỊ	HẰNG	31/05/93	CD11CA															
19	11363149	HỒ PHƯƠNG	HẰNG	07/11/92	CD11CA															
20	11363182	HUỲNH THỊ THỦY	HẰNG	12/08/93	CD11CA															
21	10363170	NGUYỄN THỊ THANH	HẰNG	20/02/92	CD11CA															
22	11363119	NGUYỄN THỊ	HẬU	30/10/93	CD11CA															
23	09223021	NGUYỄN THỊ LINH	HIỀN	16/10/85	TC09KETD															
24	11363035	NGUYỄN THỊ QUỲNH	HOA	26/02/93	CD11CA															
25	11363036	TRẦN THỊ PHƯƠNG	HOA	23/03/93	CD11CA															
26	11363037	TRƯƠNG THỊ QUỲNH	HOA	09/12/93	CD11CA															
27	12363170	HUỲNH THỊ	HÒA	14/07/94	CD12CA															
28	10123069	PHẠM THỊ HIỀN	HÒA	26/01/92	DH10KE															
29	09223025	NGUYỄN THỊ KIỀU	HOANH	10/10/81	TC09KETD															
30	11363038	HỒ THỊ KIM	HUYỀN	18/12/92	CD11CA															
31	11363105	NGUYỄN THỊ NGỌC	HUYỀN	19/05/93	CD11CA															
32	11164017	TRẦN NGỌC	HUYỀN	23/09/93	DH11TC															
33	11363046	NGUYỄN HỒNG	HUỲNH	05/10/93	CD11CA															
34	09223014	CAO THỊ THIÊN	HƯƠNG	12/10/79	TC09KETD															
35	10363175	NGUYỄN THỊ THU	HƯƠNG	05/12/90	CD10CA															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kế toán tài chính 1 (208316) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Lê Văn Hoa (289)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	09223016	VŨ THỊ LIÊN	HƯƠNG	12/12/90	TC09KETD															
37	09223031	NGUYỄN THỊ ÁI	LÊ	10/10/82	TC09KETD															
38	12363208	LƯƠNG THỊ MỸ	LINH	07/09/94	CD12CA															
39	09223034	NGUYỄN PHƯƠNG	LINH	21/04/83	TC09KETD															
40	11363150	NGUYỄN THỊ	LINH	18/06/93	CD11CA															
41	10123003	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	16/06/92	DH10KE															
42	11363061	NGUYỄN THỊ CẨM	LOAN	03/03/93	CD11CA															
43	11164041	NGUYỄN THỊ QUỲNH	LOAN	24/09/93	DH11TC															
44	11363053	HÀ THỊ MỸ	LỘC	10/10/91	CD11CA															
45	09223037	NGUYỄN THỊ	LUYẾN	09/10/89	TC09KETD															
46	12363318	NGUYỄN NỮ KHÁNH	LY	02/04/94	CD12CA															
47	11363151	ĐÀO THỊ TRÚC	MAI	08/01/93	CD11CA															
48	11363156	TRƯƠNG THỊ NGỌC	MAI	19/06/93	CD11CA															
49	11123066	NGUYỄN HOÀNG	NAM	09/02/93	DH11KE															
50	11363065	NGUYỄN THỊ LỆ	NAM	26/08/93	CD11CA															
51	09123091	BÙI THỊ NGUYỆT	NGA	29/10/91	DH09KE															
52	11363179	ĐẶNG THÙY	NGÂN	29/06/93	CD11CA															
53	10123116	ĐỖ THỊ THỦY	NGÂN	22/07/92	DH10KE															
54	11363071	TRẦN THỊ NHƯ	NGOAN	20/09/93	CD11CA															
55	11363073	TRỊNH THỊ KIM	NGỌC	04/02/92	CD11CA															
56	09223111	HỒ THỊ THANH	NGUYÊN	08/07/83	TC09KETD															
57	11363192	LÊ THỊ THANH	NHÀN	19/05/92	CD11CA															
58	12123155	TRẦN THANH	NHÀN	27/04/94	DH12KE															
59	11363130	TRỊNH HỒNG	NHÂN	13/12/93	CD11CA															
60	11123134	LÊ THỊ YẾN	NHI	19/01/93	DH11KE															
61	11123176	LƯƠNG THỊ Ý	NHI	08/12/93	DH11KE															
62	11363077	TRẦN THỊ HẢI	NHIÊN	01/10/93	CD11CA															
63	11363051	NGUYỄN THỊ	NHUNG	28/03/93	CD11CA															
64	09223050	NGUYỄN THỊ ÁNH	NHUNG	20/02/88	TC09KETD															
65	11123136	HỒ NGỌC QUỲNH	NHƯ	14/04/93	DH11KE															
66	11363131	TRẦN THỊ KIM	OANH	25/03/93	CD11CA															
67	09223054	NGÔ QUỲNH	PHA	13/11/90	TC09KETD															
68	11164027	TRƯƠNG TẤN	PHÚC	13/05/93	DH11TC															
69	11363134	NGUYỄN THỊ HẠNH	PHƯƠNG	20/09/93	CD11CA															
70	11123037	PHẠM THỊ	PHƯƠNG	04/10/92	DH11KE															
71	11123039	PHAN THỊ BÍCH	PHƯỢNG	19/05/92	DH11KE															
72	10123153	TẠ HỒNG	PHƯỢNG	22/06/92	DH10KE															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kế toán tài chính 1 (208316) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Lê Văn Hoa (289)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	11363028	NGUYỄN THỊ	QUÝ	05/05/93	CD11CA															
74	11123253	KHAMMANNIVONG	SIPAPHY	18/08/92	DH11KE															
75	11363219	ĐỖ THỊ THU	SƯƠNG	25/02/92	CD11CA															
76	11363082	NGUYỄN HOÀNG	THANH	11/04/93	CD11CA															
77	11363097	ĐÀO THỊ THU	THẢO	24/06/93	CD11CA															
78	12363223	LƯƠNG THỊ PHƯƠNG	THẢO	05/01/94	CD12CA															
79	11363160	NGUYỄN THỊ THU	THẢO	01/07/92	CD11CA															
80	12363063	NGUYỄN THỊ	THẮM	12/07/93	CD12CA															
81	09223067	LÊ THỊ	THẮNG	07/01/82	TC09KETD															
82	11123170	NGUYỄN THỊ DIỆU	THU	23/01/93	DH11KE															
83	11363107	NGUYỄN VĂN	THUẬN	26/10/93	CD11CA															
84	11363202	ĐỖ THỊ KIM	THÙY	25/05/93	CD11CA															
85	11363224	HỒ THỊ	THÙY	24/02/93	CD11CA															
86	09223075	LÊ THỊ PHƯƠNG	THÙY	18/10/89	TC09KETD															
87	09223080	NGUYỄN THỊ NGỌC	THÚY	14/10/83	TC09KETD															
88	11363220	NGÔ ĐOÀN HOÀI	THƯƠNG	09/02/93	CD11CA															
89	11164033	PHẠM ĐOÀN MINH	TIÊN	10/05/93	DH11TC															
90	11123158	BÙI MINH	TIẾN	17/07/93	DH11KE															
91	11363206	ĐINH THỊ	TRANG	10/07/90	CD11CA															
92	11123160	NGUYỄN THỊ NGỌC	TRANG	03/09/93	DH11KE															
93	11363221	TẠ THỊ HUYỀN	TRANG	19/11/92	CD11CA															
94	11164034	NGUYỄN NGỌC BẢO	TRÂM	25/10/93	DH11TC															
95	11164035	NGUYỄN THỊ NGỌC	TRÂM	/ /93	DH11TC															
96	11123165	TẠ THỊ NGỌC	TRÂM	20/08/93	DH11KE															
97	11123082	TRẦN THỊ HÀ	TRÂM	09/05/93	DH11KE															
98	11363116	LÊ BẢO	TRÂN	26/04/93	CD11CA															
99	11363047	NGUYỄN THỊ MỘNG	TRINH	08/03/93	CD11CA															
100	11363171	NGUYỄN HỒNG	TRƯỜNG	12/11/93	CD11CA															
101	11363117	NGUYỄN THỊ THU	TRƯỜNG	26/02/93	CD11CA															
102	11363209	VÕ THỊ CẨM	TÚ	06/01/93	CD11CA															
103	11363167	TRẦN THANH	TUẤN	04/05/93	CD11CA															
104	11363143	HUỲNH HỒNG	TUYỀN	20/08/93	CD11CA															
105	11363175	TRỊNH THỊ CẨM	TUYỀN	18/04/93	CD11CA															
106	11363161	TRƯƠNG THỊ THANH	TUYỀN	31/07/93	CD11CA															
107	10363197	TRẦN NGỌC	TUYẾN	20/09/91	CD10CA															
108	11363124	HOÀNG THỊ HỒNG	VÂN	23/11/92	CD11CA															
109	11363043	NGUYỄN THỊ	VẬN	01/01/93	CD11CA															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kế toán tài chính 1 (208316) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Lê Văn Hoa (289)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
110	10123229	NGUYỄN SÔNG	VƯƠNG	04/02/92	DH10KE															
111	09223103	VÕ THỊ MINH	XUYẾN	24/02/87	TC09KETD															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Kế toán tài chính 1 (208316) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Lê Văn Hoa (289)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	11363177	NGUYỄN THỊ NGỌC	ANH	02/05/91	CD11CA															
2	10123007	TRẦN THỊ LAN	ANH	04/02/92	DH10KE															
3	11164006	ĐÀO THỊ	BÌNH	05/08/93	DH11TC															
4	11123072	TÔ THỊ HỒNG	CẨM	01/01/93	DH11KE															
5	10363008	NGUYỄN THỊ	CHUNG	20/10/91	CD10CA															
6	11363164	HUỲNH THÚY	DIỄM	21/07/93	CD11CA															
7	09363040	HUỲNH THỊ MỸ	DIỆU	18/01/91	CD09CA															
8	11123006	NGUYỄN BÌNH	DƯƠNG	18/07/93	DH11KE															
9	10123039	PHẠM THỊ NGỌC	GIÀU	12/01/92	DH10KE															
10	11164040	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	17/12/93	DH11TC															
11	11363014	PHẠM THỊ	HÀ	28/10/93	CD11CA															
12	10123046	VŨ THỊ HỒNG	HÀ	03/12/92	DH10KE															
13	12363161	THÂN THỊ HỒNG	HẢI	12/11/90	CD12CA															
14	10123049	ĐỖ THỊ	HẠNH	22/02/92	DH10KE															
15	11164016	NGUYỄN THỊ	HẠNH	11/08/93	DH11TC															
16	11123101	BÙI THỊ	HẰNG	25/09/93	DH11KE															
17	10123054	NGUYỄN THỊ	HẰNG	12/06/91	DH10KE															
18	11123173	PHAN THỊ THU	HÂN	02/08/93	DH11KE															
19	11123105	VŨ THỊ	HẬU	10/09/92	DH11KE															
20	11363148	LÊ THỊ	HIỀN	08/06/92	CD11CA															
21	10363173	LÊ THỊ	HÒA	15/05/92	CD10CA															
22	11123110	HÀ THỊ MINH	HOẠT	02/06/93	DH11KE															
23	11123011	NGÂN THỊ KIM	HỒNG	02/04/93	DH11KE															
24	11363009	NGUYỄN THÚY	HỒNG	17/06/93	CD11CA															
25	11123013	TRỊNH THỊ	HỒNG	02/07/93	DH11KE															
26	11363045	NGÔ THỊ KIM	HUYỀN	08/02/91	CD11CA															
27	10123075	ĐÀO THỊ THU	HƯƠNG	20/07/92	DH10KE															
28	11123016	VŨ THỊ THU	HƯƠNG	01/04/92	DH11KE															
29	10164014	BẠCH ĐẰNG	KHOA	20/09/92	DH10TC															
30	09223028	HỒNG THIÊN	KHÔI	03/05/84	TC09KETD															
31	11363056	LÊ THỊ DIỄM	LAN	15/08/93	CD11CA															
32	10363162	PHẠM THỊ	LEN	16/01/92	CD10CA															
33	11363188	NGUYỄN THỊ	LÊ	11/03/93	CD11CA															
34	09223033	TRẦN THANH	LIÊM	19/12/84	TC09KETD															
35	10123090	ĐINH THỊ THÙY	LIÊN	01/07/92	DH10KE															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kế toán tài chính 1 (208316) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Lê Văn Hoa (289)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	10363032	PHAN THỊ BÍCH	LIÊN	23/07/92	CD10CA															
37	11363015	NGUYỄN THỊ HỒNG	LINH	15/03/93	CD11CA															
38	11363069	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	19/03/93	CD11CA															
39	11164021	PHẠM MỸ	LINH	10/07/93	DH11TC															
40	11363062	LƯU THỊ MỸ	LOAN	02/10/93	CD11CA															
41	09223113	NGUYỄN THỊ MỸ	LỢI	21/09/86	TC09KETD															
42	11123074	NGUYỄN THỊ NGỌC	LƯU	11/04/93	DH11KE															
43	10123107	VÕ THỊ TUYẾT	MAI	07/02/91	DH10KE															
44	10123112	VÕ THỊ THANH	NGA	02/09/92	DH10KE															
45	11363145	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	17/03/92	CD11CA															
46	11363155	VÕ THỊ THÙY	NGÂN	20/01/93	CD11CA															
47	11123130	ĐỖ THỊ BÍCH	NGỌC	20/02/93	DH11KE															
48	11329083	HỒ NHƯ	NGỌC	19/10/93	CD11CA															
49	09223047	LÊ THỊ ÁNH	NGUYỆT	06/11/88	TC09KETD															
50	11363076	NGUYỄN HỒ VI	NHÃ	23/06/93	CD11CA															
51	11363213	PHẠM THỊ HỒNG	NHI	01/01/93	CD11CA															
52	09223116	HỒ THỊ	OANH	10/09/85	TC09KETD															
53	12363241	TRỊNH THỊ THÚY	OANH	18/04/94	CD12CA															
54	11363196	LÊ THỊ MỸ	PHẨM	22/06/93	CD11CA															
55	10164028	NGUYỄN HOÀNG	PHÚC	17/08/92	DH10TC															
56	10123142	HOÀNG KIM	PHỤNG	30/10/92	DH10KE															
57	11363095	HỒ TRÚC	PHƯƠNG	14/05/92	CD11CA															
58	11123139	NGUYỄN THỊ LỆ	PHƯƠNG	12/02/93	DH11KE															
59	12123237	NGUYỄN THỊ THANH	PHƯƠNG	19/03/94	DH12KE															
60	09223056	LỤC VƯƠNG	QUẾ	13/03/84	TC09KETD															
61	11363147	NGUYỄN THỊ THẢO	QUYÊN	/ /93	CD11CA															
62	11164009	VÕ THỊ MINH	TÂM	01/01/93	DH11TC															
63	09223069	NGÔ THỊ	THANH	15/12/86	TC09KETD															
64	09223071	NGUYỄN THỊ LỆ	THANH	21/12/90	TC09KETD															
65	11164029	TRẦN HOÀNG	THANH	09/10/93	DH11TC															
66	10363095	ĐINH HIẾU	THẢO	13/12/92	CD10CA															
67	11363100	NGUYỄN THỊ THU	THẢO	01/02/93	CD11CA															
68	11123147	PHẠM THỊ THU	THẢO	10/02/92	DH11KE															
69	11164010	SƠN THỊ THANH	THẢO	06/04/93	DH11TC															
70	11363086	VÕ THỊ THU	THẢO	05/11/93	CD11CA															
71	11123046	VÕ THỊ	THOẠI	15/02/93	DH11KE															
72	09143900	NGUYỄN THỊ NGỌC	THÔNG	/ /	DH12KE															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kế toán tài chính 1 (208316) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Lê Văn Hoa (289)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	09223063	PHAN NGỌC	THƠ	10/01/83	TC09KETD															
74	11363064	LÊ THỊ MỸ	THU	18/04/93	CD11CA															
75	12363129	NGÔ THỊ	THU	26/08/93	CD12CA															
76	11123152	NGUYỄN NGỌC DIỄM	THU	03/01/93	DH11KE															
77	12363217	TRƯƠNG ÁNH	THÙY	25/10/94	CD12CA															
78	10363207	CAO THỊ BÍCH	THỦY	16/09/92	CD10CA															
79	09223076	LÊ THỊ	THỦY	07/05/09	TC09KETD															
80	11123155	NGUYỄN THỊ KIM	THỦY	13/10/93	DH11KE															
81	11164030	NGUYỄN THỊ THU	THỦY	28/06/93	DH11TC															
82	11363091	ĐỖ THỊ HỒNG	THÚY	17/07/92	CD11CA															
83	11164043	LÊ THỊ THU	THÚY	06/04/93	DH11TC															
84	11164031	PHẠM LÊ THANH	THÚY	06/07/93	DH11TC															
85	09363213	LÂM THỊ MINH	THƯ	15/02/91	CD09CA															
86	12363224	NGUYỄN THỊ	THƯƠNG	09/06/94	CD12CA															
87	12123185	PHAN THỦY	TIÊN	01/01/94	DH12KE															
88	12363300	TĂNG THỊ THU	TỈNH	10/03/94	CD12CA															
89	11123163	TRẦN THỊ HUYỀN	TRANG	02/09/93	DH11KE															
90	11363207	PHẠM NGỌC	TRÂM	27/08/93	CD11CA															
91	11363055	VÕ THỊ HƯƠNG	TRẦM	10/08/93	CD11CA															
92	12363050	HUỲNH THỊ	TRÍ	15/05/94	CD12CA															
93	11164005	HỒ HÀ HUYỀN	TRINH	16/09/93	DH11TC															
94	11363114	LÊ THỊ HỒNG	TRINH	07/04/92	CD11CA															
95	11363170	NGUYỄN THỊ DIỄM	TRINH	12/10/93	CD11CA															
96	12363306	TRẦN CAO DIỄM	TRINH	21/04/93	CD12CA															
97	12122091	NGUYỄN BỬU	TRUNG	20/11/94	DH12TC															
98	10123215	NGUYỄN QUANG	TÚ	26/06/92	DH10KE															
99	10123261	LÂM NGỌC	TÙNG	30/11/92	DH10KE															
100	12123194	LÝ THỊ THANH	TUYỀN	20/11/94	DH12KE															
101	09363245	VŨ MỘNG	TUYỀN	13/01/91	CD09CA															
102	11164038	NGUYỄN THỊ HỒNG	TUYẾT	02/06/93	DH11TC															
103	11363122	HỒ THỊ THẢO	UYÊN	26/04/93	CD11CA															
104	11123167	NGUYỄN THỊ BÍCH	VÂN	01/06/93	DH11KE															
105	11363210	BÙI LÊ TRÚC	VI	09/03/93	CD11CA															
106	10363135	LÊ QUANG	VINH	25/09/92	CD10CA															
107	11123060	NGUYỄN VĂN	VUI	01/01/92	DH11KE															
108	11363079	NGUYỄN ĐẶNG NHƯ	Ý	16/08/93	CD11CA															
109	09363269	KỐNG NGỌC	YẾN	21/07/91	CD09CA															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kế toán tài chính 1 (208316) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Lê Văn Hoa (289)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
110	10363147	LÊ THỊ HỒNG	YẾN	08/01/92	CD10CA															
111	10123232	PHẠM THỊ	YẾN	15/07/92	DH10KE															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Kế toán tài chính 1 (208316) - Nhóm 03 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Bùi Công Luận (291)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	12123001	NGUYỄN HẠNH	AN	22/03/94	DH12KE															
2	10123257	ĐỖ NGỌC KIM	ANH	20/02/92	DH10KE															
3	12363001	HOÀNG THỊ TƯỜNG	ANH	16/03/94	CD12CA															
4	12123006	HÀ NGỌC	ÁNH	19/11/94	DH12KE															
5	12363151	NGUYỄN HỒ	BẢO	06/09/94	CD12CA															
6	12123221	NGUYỄN THỊ MỘNG	CẦM	25/07/94	DH12KE															
7	12123100	NGUYỄN HUỲNH NGỌC	CẨM	28/08/94	DH12KE															
8	12123008	TRẦN THỊ THANH	CẨM	26/02/94	DH12KE															
9	12123103	ĐAN CHÂU HẠNH	CHI	05/09/94	DH12KE															
10	12363326	HOÀNG THỊ	CÚC	10/06/94	CD12CA															
11	12123107	HUỲNH NGỌC	DIỄM	94/ /	DH12KE															
12	12363313	HUỲNH THỊ THÚY	DIỄM	10/05/94	CD12CA															
13	12123070	PHẠM THỊ DUNG	DINH	02/11/94	DH12KE															
14	12363152	NGUYỄN THỊ	DUNG	20/01/94	CD12CA															
15	12363007	VŨ THỊ	DUNG	01/10/94	CD12CA															
16	12363327	ĐẶNG THỊ	DUYÊN	26/06/94	CD12CA															
17	12363155	HOÀNG THỊ MỸ	DUYÊN	06/08/94	CD12CA															
18	12123017	NGUYỄN KINH	ĐÔ	27/03/94	DH12KE															
19	12123113	NGUYỄN THỊ NGỌC	GIÀU	26/06/94	DH12KE															
20	11363025	NGÔ THỊ	HÀ	03/02/93	CD11CA															
21	12123020	TẠ THỊ	HÀ	04/08/94	DH12KE															
22	12122012	NGUYỄN HUỲNH	HẠ	22/04/94	DH12TC															
23	12363211	PHẠM THỊ MỸ	HẠNH	26/01/94	CD12CA															
24	12363254	TRƯƠNG THỊ BÍCH	HẢO	19/10/94	CD12CA															
25	12363162	NGÔ THỊ	HẰNG	25/03/93	CD12CA															
26	12123071	LÊ THỊ NGỌC	HÂN	01/01/94	DH12KE															
27	12123120	NGUYỄN PHÚC	HẬU	28/08/94	DH12KE															
28	12123086	CAO THỊ	HIỀN	01/06/94	DH12KE															
29	12123122	NGUYỄN THỊ DIỆU	HIỀN	26/01/94	DH12KE															
30	12123123	NGUYỄN XUÂN	HIẾU	30/03/94	DH12KE															
31	12123233	BÙI THỊ ÁNH	HOA	20/02/94	DH12KE															
32	12123022	ĐỖ KIM	HOA	02/02/94	DH12KE															
33	10363122	LÊ THỊ	HOA	09/01/92	CD10CA															
34	12123023	NGUYỄN THỊ KHÁNH	HÒA	05/07/94	DH12KE															
35	12363036	VÕ ĐĂNG	HÒA	19/11/94	CD12CA															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kế toán tài chính 1 (208316) - Nhóm 03 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Bùi Công Luận (291)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	12123222	PHAN THỊ THU	HỒNG	10/05/94	DH12KE															
37	12363329	TRẦN THỊ	HUỆ	01/10/94	CD12CA															
38	12123024	TRỊNH ĐỨC	HUY	28/01/94	DH12KE															
39	12123223	TRẦN CHÍ	KHANG	27/10/92	DH12KE															
40	12123130	NGUYỄN THỊ VÂN	KHANH	14/11/94	DH12KE															
41	12122024	NGUYỄN BẢO	KHÁNH	22/10/94	DH12TC															
42	12363082	ĐẶNG THỊ THANH	LAM	10/10/94	CD12CA															
43	12122030	ĐẶNG THỊ TRÚC	LỆ	25/08/94	DH12TC															
44	12363277	NGUYỄN THỊ	LIÊN	29/06/94	CD12CA															
45	12123135	LÊ THỊ NGỌC	LIỀN	31/05/94	DH12KE															
46	12122163	NGUYỄN THỊ	LINH	21/06/93	DH12TC															
47	12123138	NGUYỄN TẤN THANH	LỈNH	07/06/94	DH12KE															
48	12123032	MAI NGỌC	LONG	15/12/93	DH12KE															
49	12363317	NGUYỄN THỊ	LƯỜNG	27/04/93	CD12CA															
50	10164019	TRƯƠNG BÁ	LƯU	05/09/92	DH10TC															
51	12123141	LÊ TRẦN THIÊN	LÝ	24/11/94	DH12KE															
52	12123143	TRẦN THỊ TUYẾT	MAI	26/03/94	DH12KE															
53	12363068	TRẦN THỊ THÚY	MY	19/10/92	CD12CA															
54	12123148	NGUYỄN HUỲNH BẠCH	NGA	10/09/94	DH12KE															
55	12363187	VŨ THỊ	NGA	16/01/94	CD12CA															
56	12123034	NGUYỄN THỊ THU	NGÂN	09/12/94	DH12KE															
57	12123035	PHAN THỊ KIM	NGÂN	21/10/94	DH12KE															
58	12363238	CAO THỊ MINH	NGỌC	13/11/94	CD12CA															
59	12123153	NGUYỄN NGỌC THẢO	NGUYÊN	16/02/94	DH12KE															
60	12123037	NGUYỄN VĂN	NGUYÊN	19/03/94	DH12KE															
61	12363219	LÊ THỊ SINH	NGỮ	23/07/94	CD12CA															
62	12123161	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHI	06/02/94	DH12KE															
63	12363087	ĐỒNG THỊ	NƯƠNG	12/07/94	CD12CA															
64	12123164	NGUYỄN THỊ NHƯ	PHÔI	15/04/94	DH12KE															
65	12363210	LƯU MINH	PHƯƠNG	26/02/93	CD12CA															
66	12122207	NGUYỄN PHAN ANH	PHƯƠNG	22/01/94	DH12TC															
67	12122209	HUỲNH THỊ NHƯ	PHƯỢNG	06/12/94	DH12TC															
68	12123043	DOÃN ĐÌNH	QUANG	08/03/94	DH12KE															
69	12123091	HỒ NHƯ	QUỲNH	20/12/94	DH12KE															
70	12123167	LÊ THỊ THÚY	QUỲNH	10/01/94	DH12KE															
71	12123281	ĐÀNG PHÚ NỮ	SAMAN	20/03/93	DH12KE															
72	12123044	NGUYỄN ĐÌNH	SƠN	18/11/93	DH12KE															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kế toán tài chính 1 (208316) - Nhóm 03 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Bùi Công Luận (291)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	12123168	LỮ HOÀNG MINH	TÂN	22/12/94	DH12KE															
74	10123163	LÊ THỊ NGỌC	THANH	24/04/92	DH10KE															
75	12122081	NGUYỄN QUANG	THANH	10/01/94	DH12TC															
76	12123093	LÊ THỊ	THẢO	26/03/94	DH12KE															
77	12123047	LÊ THỊ HỒNG	THẢO	30/06/94	DH12KE															
78	12123171	PHẠM THỊ PHƯƠNG	THẢO	12/12/93	DH12KE															
79	12123241	HUỲNH THỊ BÍCH	THI	17/02/94	DH12KE															
80	12122054	LƯU HỮU	THIỆN	10/10/93	DH12TC															
81	12363173	LÊ THỊ	THÙY	01/06/94	CD12CA															
82	12123250	ĐÀO THỊ	THUÝ	23/09/94	DH12KE															
83	12363045	NGUYỄN THỊ	THUYÊN	09/05/94	CD12CA															
84	12363245	ĐỖ PHƯỢNG CẨM	TIÊN	14/08/94	CD12CA															
85	12123186	TRẦN HOÀNG	TIẾN	31/07/94	DH12KE															
86	12123190	ĐINH THÙY	TRANG	08/09/94	DH12KE															
87	12363333	LÊ THỊ	TRANG	10/09/94	CD12CA															
88	12123056	LÊ THỊ CHÂU	TRANG	05/07/94	DH12KE															
89	12122066	TRẦN THẾ	TRUNG	08/12/94	DH12TC															
90	12363214	NGUYỄN HOÀNG ÁNH	TUYẾT	10/12/94	CD12CA															
91	12123196	PHAN THỊ ÁNH	TUYẾT	01/02/94	DH12KE															
92	12363323	TRẦN THỊ	TỨ	24/03/94	CD12CA															
93	12122093	AN THỊ THẢO	VI	20/10/94	DH12TC															
94	10164045	ĐẶNG THỊ	VINH	19/12/91	DH10TC															
95	12123065	TRƯƠNG KIM	XUÂN	26/12/93	DH12KE															
96	12123067	NGUYỄN MỸ	Ý	07/06/94	DH12KE															
97	12123218	NGUYỄN THỊ NHƯ	Ý	25/11/94	DH12KE															
98	12123213	HÀ THỊ HẢI	YẾN	01/04/94	DH12KE															
99	12363149	NGUYỄN THỊ NGỌC	YẾN	19/02/91	CD12CA															
100	12123096	PHAN THỊ NGỌC	YẾN	10/06/94	DH12KE															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Kế toán tài chính 1 (208316) - Nhóm 04 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Bùi Công Luận (291)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	12123005	ĐỒNG THỊ HỒNG	ÁNH	09/05/94	DH12KE															
2	12123074	VÕ THỊ SƠN	CA	20/02/94	DH12KE															
3	12363226	PHAN THÚY	CẨM	19/04/94	CD12CA															
4	12123105	VŨ THỊ KIM	CHI	21/02/93	DH12KE															
5	12123230	PHẠM THỊ NGỌC	CHÍNH	08/06/94	DH12KE															
6	12123084	NGUYỄN THỊ KIM	CÚC	02/10/94	DH12KE															
7	12363312	TRƯƠNG THỊ	DÂN	20/02/94	CD12CA															
8	12123010	NGUYỄN THỊ NGỌC	DIỄM	25/08/94	DH12KE															
9	12363259	TRƯƠNG THỊ LỆ	DIỄM	02/02/94	CD12CA															
10	12363163	VŨ TIẾN	DŨNG	22/08/94	CD12CA															
11	10143018	LÊ THANH	DƯƠNG	24/04/92	CD11CA															
12	12123015	NGUYỄN THỊ LAN	ĐÀI	15/09/94	DH12KE															
13	10123032	PHẠM THỊ THANH	ĐÀO	09/07/92	DH10KE															
14	10123034	PHAN THỊ	GÁI	25/01/92	DH10KE															
15	12123246	CAO THỊ HÀ	GIANG	29/06/94	DH12KE															
16	12363264	VÕ BÙI KIỀU	GIANG	30/09/93	CD12CA															
17	12123117	NGUYỄN THỊ	HÀ	25/02/94	DH12KE															
18	12123118	ĐINH THỊ MỸ	HẠNH	04/07/94	DH12KE															
19	12363328	DƯƠNG THỊ	HẰNG	20/01/94	CD12CA															
20	12123121	TRƯƠNG THỊ	HẬU	02/04/94	DH12KE															
21	12123126	TRẦN NHƯ NGỌC	HỒNG	11/07/93	DH12KE															
22	12363316	ĐẶNG THỊ	HUỆ	16/02/94	CD12CA															
23	12123027	ĐẶNG HỮU	HÙNG	15/08/94	DH12KE															
24	11363023	HUỲNH THANH	HÙNG	20/08/93	CD11CA															
25	12123128	THÔNG THỊ NGỌC	HUYỀN	01/09/94	DH12KE															
26	12363169	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	24/05/93	CD12CA															
27	12363216	NGUYỄN QUỐC	HY	02/03/94	CD12CA															
28	12123072	NEÁNG CUNG BÔ LY	KA	18/12/94	DH12KE															
29	10363040	NGUYỄN THỊ MỸ	KHÁNH	17/09/92	CD10CA															
30	12363174	BÙI NGUYỄN THIÊN	KIM	06/10/94	CD12CA															
31	12123029	PHẠM THỊ HOÀNG	KIM	03/09/94	DH12KE															
32	12123249	PHAN THỊ PHƯƠNG	LIÊN	09/11/94	DH12KE															
33	12130900	LÊ THỊ	LINH	/ /	DH12KE															
34	12363279	LÊ THỊ	LINH	02/09/93	CD12CA															
35	12123089	NGUYỄN YẾN	LINH	21/12/94	DH12KE															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kế toán tài chính 1 (208316) - Nhóm 04 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Bùi Công Luận (291)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	12363057	PHẠM THÙY	LINH	16/02/94	CD12CA															
37	12122167	TỐNG ÁI	LINH	05/04/94	DH12TC															
38	12363059	ĐẶNG THỊ THANH	LOAN	25/05/94	CD12CA															
39	12363159	ĐINH THỊ THANH	LOAN	22/12/94	CD12CA															
40	12123139	NGÔ THỊ PHƯỢNG	LOAN	15/04/94	DH12KE															
41	12363078	NGUYỄN THỊ	LỤA	23/10/94	CD12CA															
42	12363281	TRẦN LÊ PHƯỚC	LY	03/06/93	CD12CA															
43	12363237	BÙI THỊ DIỄM	MY	09/08/93	CD12CA															
44	11159007	HOÀNG HẢI	NGÂN	03/12/93	DH11TC															
45	12363098	HOÀNG THỊ KIM	NGÂN	25/12/94	CD12CA															
46	11363217	NGUYỄN THỊ HỒNG	NGÂN	09/05/93	CD11CA															
47	12123225	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	03/04/94	DH12KE															
48	12363075	ĐẶNG THỊ THẢO	NGUYÊN	08/07/93	CD12CA															
49	12123152	ĐOÀN THỊ THANH	NGUYÊN	10/11/94	DH12KE															
50	12122038	TRẦN THỊ THẢO	NGUYÊN	10/09/94	DH12TC															
51	12363142	PHẠM THỊ HỒNG	NGUYỆT	18/09/93	CD12CA															
52	12123157	MAI HOÀNG	NHÂN	07/11/94	DH12KE															
53	12123158	HỒ THANH	NHẬT	13/07/94	DH12KE															
54	12123160	LÊ PHƯƠNG UYỂN	NHI	24/09/94	DH12KE															
55	10363077	PHAN THỊ Ý	NHI	05/09/92	CD10CA															
56	12123163	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	08/01/94	DH12KE															
57	12122195	ĐẶNG THỊ HUỲNH	NHƯ	01/05/94	DH12TC															
58	12363290	VÕ HOÀI BẢO	NHƯ	29/07/94	CD12CA															
59	12363292	DƯƠNG KIM	PHỤNG	20/04/94	CD12CA															
60	08168118	NGUYỄN THỊ HÀ	PHƯƠNG	16/10/90	CD08CA															
61	10363089	ĐẶNG THỊ	QUÝ	26/06/92	CD10CA															
62	12123238	LÊ THỊ THU	THẢO	19/02/94	DH12KE															
63	10363087	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	23/10/92	CD10CA															
64	12363025	NGUYỄN THỊ THU	THẢO	16/11/94	CD12CA															
65	12363047	TRẦN THỊ THU	THẢO	10/06/94	CD12CA															
66	12363243	DƯƠNG THỊ HỒNG	THẮM	07/06/94	CD12CA															
67	12123172	NGUYỄN CHIẾN	THẮNG	19/08/94	DH12KE															
68	12123257	MAI	THI	16/08/92	DH12KE															
69	12123094	NGUYỄN THỊ TUYẾT	THƠ	22/09/94	DH12KE															
70	12123050	NGUYỄN THỊ CẨM	THU	24/10/94	DH12KE															
71	12363195	LÊ THỊ	THÙY	20/07/94	CD12CA															
72	12363122	NGÔ THỊ BÍCH	THỦY	08/07/93	CD12CA															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kế toán tài chính 1 (208316) - Nhóm 04 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Bùi Công Luận (291)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	12363194	NGÔ THỊ HỒNG MỘNG	THÚY	15/05/94	CD12CA															
74	12123079	PHAN THỊ THANH	THƯƠNG	26/11/94	DH12KE															
75	12122058	BÙI THỊ TRIỀU	TIÊN	07/08/93	DH12TC															
76	12123054	HUỲNH THỊ MỸ	TIÊN	15/07/94	DH12KE															
77	12363114	LÊ VĂN	TÍNH	21/02/94	CD12CA															
78	12363198	NGUYỄN THỊ THU	TRÂM	17/10/93	CD12CA															
79	12363123	PHÙNG NGUYỄN MINH	TRIỀU	27/09/93	CD12CA															
80	12123245	NGUYỄN THỊ	TRINH	10/08/94	DH12KE															
81	12363202	NGUYỄN THỊ MỘNG	TUYỀN	22/09/94	CD12CA															
82	12123195	LÊ THỊ	TUYẾT	28/07/94	DH12KE															
83	12123082	LƯU THỊ ÁNH	TUYẾT	20/08/93	DH12KE															
84	12123062	NGUYỄN THỊ MỸ	TUYẾT	20/10/94	DH12KE															
85	12123203	ĐỖ THỊ CẨM	VÂN	29/09/94	DH12KE															
86	12363324	NGUYỄN THỊ TUYẾT	VÂN	01/10/94	CD12CA															
87	12363039	PHẠM THỊ THU	VÂN	17/08/93	CD12CA															
88	12123204	LÂM TRẦN CẨM	VI	04/01/94	DH12KE															
89	11363084	PHẠM ĐỨC	VINH	13/07/92	CD11CA															
90	10363198	HOÀNG THỊ	YẾN	14/09/92	CD10CA															
91	12123066	NGUYỄN THỊ NGỌC	YẾN	09/11/93	DH12KE															
92	12363150	TRẦN THỊ	YẾN	10/10/94	CD12CA															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Thẩm định giá (208326) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Trịnh Đức Tuấn (283)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	12123068	VŨ THỊ NGỌC	BÍCH	16/10/94	DH12KE															
2	11123091	NGUYỄN THỊ KIM	CHUNG	09/11/93	DH11KE															
3	11123073	NGUYỄN THỊ THÚY	DIỄM	30/04/93	DH11KE															
4	11123004	TRƯƠNG KHẮC	DUY	11/08/92	DH11KE															
5	12123014	NGUYỄN NGỌC KỲ	DUYÊN	18/11/94	DH12KE															
6	11123009	THÁI THỊ	HẢI	06/07/93	DH11KE															
7	11123103	TRẦN DIỆU	HẰNG	22/10/93	DH11KE															
8	12123071	LÊ THỊ NGỌC	HÂN	01/01/94	DH12KE															
9	12122134	HỒ THỊ	HẬU	13/04/93	DH12TM															
10	11123106	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	HIỀN	27/08/93	DH11KE															
11	12122016	TRỊNH THẾ	HIỀN	19/11/94	DH12QT															
12	10123064	NGUYỄN QUỲNH	HOA	28/09/92	DH10KE															
13	12123222	PHAN THỊ THU	HỒNG	10/05/94	DH12KE															
14	12123127	TRẦN THỊ KIM	HUÊ	07/01/94	DH12KE															
15	12123025	DƯƠNG THỊ	HUYỀN	05/11/94	DH12KE															
16	11123113	HOÀNG THỊ THU	HUYỀN	22/08/93	DH11KE															
17	11123114	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	19/03/93	DH11KE															
18	12123028	NGUYỄN HUỲNH	KHUYÊN	20/12/94	DH12KE															
19	12123137	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	LINH	10/11/94	DH12KE															
20	12122167	TỐNG ÁI	LINH	05/04/94	DH12TC															
21	11164041	NGUYỄN THỊ QUỲNH	LOAN	24/09/93	DH11TC															
22	11123123	TRẦN THỊ MỸ	LOAN	16/09/93	DH11KE															
23	12122170	HUỲNH THỊ ĐỨC	LỘC	10/06/94	DH12QT															
24	12122087	NGÔ THÀNH	LỘC	23/04/93	DH12QT															
25	12122173	HOÀNG CÔNG	LỰC	01/07/94	DH12TM															
26	11122084	NGÔ THỊ KIM	MAI	03/08/93	DH11QT															
27	11123024	NGUYỄN THỊ	MAI	19/11/93	DH11KE															
28	11123026	TRẦN THỊ HOA	MAI	20/04/93	DH11KE															
29	12123144	NGUYỄN THỊ	MẾN	30/08/94	DH12KE															
30	12123236	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂU	20/05/94	DH12KE															
31	12122182	NGUYỄN VĂN	NGHĨA	20/01/94	DH12QT															
32	12122184	LÊ ĐẶNG THẢO	NGUYÊN	15/12/94	DH12QT															
33	12123038	TẠ THỊ ÁNH	NGUYỆT	20/12/93	DH12KE															
34	11123176	LƯƠNG THỊ Ý	NHI	08/12/93	DH11KE															
35	12122200	VÕ THỊ NGỌC	NHƯ	15/04/93	DH12QT															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Thẩm định giá (208326) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Trịnh Đức Tuấn (283)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	12122306	NGUYỄN THỊ THÚY	NHY	01/07/94	DH12QT															
37	11123077	PHẠM THỊ XUÂN	NỮ	10/10/93	DH11KE															
38	12123042	PHẠM HỒNG	PHÚC	04/08/94	DH12KE															
39	11123177	VÕ THỊ DIỄM	PHÚC	16/10/93	DH11KE															
40	11123139	NGUYỄN THỊ LỆ	PHƯƠNG	12/02/93	DH11KE															
41	12122210	NGUYỄN THỊ	PHƯỢNG	18/10/94	DH12QT															
42	12123043	DOÃN ĐÌNH	QUANG	08/03/94	DH12KE															
43	11123142	NGUYỄN THỊ MAI	QUYÊN	11/12/93	DH11KE															
44	12122049	NGUYỄN VĂN	SÁU	28/02/91	DH12QT															
45	11123144	NGUYỄN THỊ	TÂM	15/04/93	DH11KE															
46	11164042	NGUYỄN THỊ NGỌC	THIỆU	10/10/93	DH11TC															
47	12123242	TRƯƠNG THỊ ANH	THƠ	12/12/94	DH12KE															
48	12122057	HOÀNG THỊ MINH	THUỲ	15/09/94	DH12QT															
49	11123155	NGUYỄN THỊ KIM	THỦY	13/10/93	DH11KE															
50	11123183	QUÁCH MINH	THỦY	27/05/93	DH11KE															
51	11123154	ĐỖ THỊ CẨM	THÚY	19/04/93	DH11KE															
52	11123156	PHAN HUỲNH NG MINH	THÚY	16/10/92	DH11KE															
53	10123187	NGUYỄN YẾN	THƯ	05/11/92	DH10KE															
54	12123181	NGUYỄN THỊ THANH	THƯƠNG	19/04/94	DH12KE															
55	12123079	PHAN THỊ THANH	THƯƠNG	26/11/94	DH12KE															
56	12123054	HUỲNH THỊ MỸ	TIÊN	15/07/94	DH12KE															
57	12122059	NGUYỄN THỊ KIỀU	TIÊN	01/11/94	DH12QT															
58	12123185	PHAN THỦY	TIÊN	01/01/94	DH12KE															
59	12122242	ĐỖ VIẾT	TIẾN	18/02/94	DH12QT															
60	11123079	LƯU THỊ	TÌNH	15/05/93	DH11KE															
61	12123095	TRẦN THỊ NGHỆ	TÔNG	05/07/94	DH12KE															
62	11123160	NGUYỄN THỊ NGỌC	TRANG	03/09/93	DH11KE															
63	12122254	NGUYỄN HỒ BẢO	TRÂN	14/11/94	DH12QT															
64	11123051	NGUYỄN THỊ BÍCH	TRÂN	25/10/93	DH11KE															
65	11123052	ĐẶNG THỊ HUYỀN	TRINH	/ /93	DH11KE															
66	12122292	NGUYỄN THỊ TUYẾT	TRINH	17/04/94	DH12QT															
67	11150025	NGÔ CHÍ	TRUNG	19/05/93	DH11TM															
68	12122068	NGUYỄN MINH	TUẤN	22/04/94	DH12QT															
69	11123054	PHẠM THỊ THU	TƯỜNG	17/08/93	DH11KE															
70	12122264	NGUYỄN THỊ	VÂN	30/06/94	DH12QT															
71	10122197	NGUYỄN THỊ THANH	VÂN	20/02/92	DH10QT															
72	11123060	NGUYỄN VĂN	VUI	01/01/92	DH11KE															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Thẩm định giá (208326) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Trịnh Đức Tuấn (283)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	12123206	LÊ PHƯƠNG ÁNH	VY	27/04/94	DH12KE															
74	12122275	TRẦN THỊ KIM	XUÂN	08/04/94	DH12QT															
75	12122276	VÕ THỊ BẢO	XUÂN	03/04/94	DH12QT															
76	12123067	NGUYỄN MỸ	Ý	07/06/94	DH12KE															
77	12122279	NGUYỄN THỊ HẢI	YẾN	19/05/94	DH12QT															
78	12123215	NGUYỄN THỊ HẢI	YẾN	28/02/94	DH12KE															
79	12122280	NGUYỄN THỊ KIM	YẾN	05/08/94	DH12QT															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Thẩm định giá (208326) - Nhóm 03 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Trịnh Đức Tuấn (283)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	12123001	NGUYỄN HẠNH	AN	22/03/94	DH12KE															
2	12123098	NGUYỄN THỊ THÚY	AN	04/01/94	DH12KE															
3	12122106	BÙI THỊ	CẨM	02/02/93	DH12TM															
4	12123105	VŨ THỊ KIM	CHI	21/02/93	DH12KE															
5	11164001	VÕ QUỐC	CÔNG	27/12/93	DH11TC															
6	12122083	NGUYỄN VĂN	CƯỜNG	19/09/93	DH12QT															
7	12122297	NGUYỄN THỊ THANH	DIỆU	08/01/94	DH12QT															
8	12123070	PHẠM THỊ DUNG	DINH	02/11/94	DH12KE															
9	11164014	NGUYỄN THỊ MỸ	DUNG	12/12/92	DH11TC															
10	11123005	PHẠM NGUYỄN MỸ	DUYÊN	09/01/93	DH11KE															
11	11123007	NGUYỄN THỊ NGỌC	ĐẸP	19/10/93	DH11KE															
12	11123102	PHẠM THỊ	HẰNG	08/04/93	DH11KE															
13	09124900	PHẠM TRUNG	HIẾU	01/07/91	DH11TM															
14	12123233	BÙI THỊ ÁNH	HOA	20/02/94	DH12KE															
15	12122143	NGUYỄN ĐỨC	HUY	01/04/94	DH12TC															
16	12122085	NGUYỄN QUANG	HUY	19/05/94	DH12TC															
17	12123130	NGUYỄN THỊ VÂN	KHANH	14/11/94	DH12KE															
18	12122027	BÙI MINH	KIỆT	20/10/94	DH12QT															
19	12122156	NGUYỄN THỊ THU	KIỀU	16/06/94	DH12QT															
20	12122159	NGUYỄN VĂN THỦY	LÂM	24/03/94	DH12QT															
21	11164020	HOÀNG NGUYỄN KHÁNH	LINH	20/09/93	DH11TC															
22	12123136	HUỲNH THỊ KHÁNH	LINH	24/01/94	DH12KE															
23	12122166	PHẠM DUY	LINH	10/04/93	DH12QT															
24	11150048	BÙI TUẤN	LỘC	02/09/93	DH11TM															
25	12123090	ĐINH THỊ	LỘC	26/06/94	DH12KE															
26	12122079	LÊ PHÚC	LỘC	22/05/94	DH12QT															
27	12122033	DƯƠNG THỊ PHƯỢNG	MAI	13/07/94	DH12QT															
28	11123174	PHẠM THỊ TUYẾT	MAI	13/10/93	DH11KE															
29	09150064	MAI THỊ THẢO	MỴ	16/07/91	DH09TM															
30	09123089	TRẦN CAO PHƯƠNG	NAM	02/11/91	DH09KE															
31	12123148	NGUYỄN HUỲNH BẠCH	NGA	10/09/94	DH12KE															
32	11123175	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	26/06/93	DH11KE															
33	12122036	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	05/06/94	DH12QT															
34	12123034	NGUYỄN THỊ THU	NGÂN	09/12/94	DH12KE															
35	12122303	NGUYỄN THỊ THẢO	NGUYÊN	06/12/94	DH12TM															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Thẩm định giá (208326) - Nhóm 03 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Trịnh Đức Tuấn (283)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	12122304	HỒ THỊ TUYẾT	NGUYỆT	20/02/94	DH12TM															
37	12123162	LÊ THỊ HỒNG	NHUNG	15/06/94	DH12KE															
38	12122195	ĐẶNG THỊ HUỲNH	NHƯ	01/05/94	DH12TC															
39	11123034	DƯ THỊ MỸ	PHÚC	24/02/93	DH11KE															
40	12122042	TRẦN QUANG	PHÚC	17/10/87	DH12TM															
41	11164028	NGUYỄN DUY	PHƯƠNG	21/05/93	DH11TC															
42	12122044	NGUYỄN XUÂN	QUANG	11/06/94	DH12QT															
43	12123093	LÊ THỊ	THẢO	26/03/94	DH12KE															
44	12123047	LÊ THỊ HỒNG	THẢO	30/06/94	DH12KE															
45	12122227	PHẠM THỊ HỒNG	THẮM	17/10/94	DH12QT															
46	12122228	PHẠM THỊ NGỌC	THẮM	04/03/94	DH12QT															
47	11150068	TRẦN ĐỨC	THỌ	12/10/93	DH11TM															
48	12123050	NGUYỄN THỊ CẨM	THU	24/10/94	DH12KE															
49	12122312	CÙ THỊ CẨM	THƯƠNG	29/03/94	DH12QT															
50	10150089	NGUYỄN THỊ THÙY	TRINH	12/11/92	DH10TM															
51	12122065	HỒ CHÍ	TRUNG	19/06/93	DH12QT															
52	12122091	NGUYỄN BỬU	TRUNG	20/11/94	DH12TC															
53	11123084	TRẦN XUÂN	TÙNG	10/11/90	DH11KE															
54	12122092	NGUYỄN HOÀNG THÚY	VÂN	20/10/94	DH12QT															
55	12122093	AN THỊ THẢO	VI	20/10/94	DH12TC															
56	12123204	LÂM TRẦN CẨM	VI	04/01/94	DH12KE															
57	12122277	PHẠM VĂN	YÊN	08/02/94	DH12QT															
58	12123211	ĐẶNG THỊ HỒNG	YẾN	07/04/94	DH12KE															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Thẩm định giá (208326) - Nhóm 04 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Trịnh Đức Tuấn (283)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	12122001	LÊ ĐỨC	AN	16/05/94	DH12QT															
2	11173006	HUỲNH PHƯƠNG	ANH	31/12/93	DH11TM															
3	12122099	VŨ CAO TUẤN	ANH	23/12/94	DH12TM															
4	12122103	TRƯƠNG TRẦN HOÀNG	BẢO	20/10/94	DH12QT															
5	12122003	TRƯƠNG THỊ KIM	BÍCH	18/06/94	DH12QT															
6	12123103	ĐAN CHÂU HẠNH	CHI	05/09/94	DH12KE															
7	12122295	LÊ THỊ QUÍ	CHUNG	04/07/94	DH12QT															
8	12122111	TRẦN THỊ	DIỄM	12/12/94	DH12QT															
9	12122114	BÙI NGUYỄN HOÀNG	DUY	24/05/91	DH12TM															
10	12122117	PHAN BÍCH	DUYÊN	06/11/93	DH12TC															
11	12122282	TRẦN MỸ	DUYÊN	19/10/94	DH12QT															
12	12122010	LÊ NGỌC	DƯ	20/11/94	DH12QT															
13	12122011	NGUYỄN HUY	DƯƠNG	21/01/93	DH12TM															
14	12122324	HOÀNG THỊ	ĐÀO	06/06/92	DH12QT															
15	11122066	NGUYỄN THỊ ANH	ĐÀO	12/01/93	DH11QT															
16	12122125	TRẦN PHÚC	ĐẠT	14/01/94	DH12TM															
17	12123246	CAO THỊ HÀ	GIANG	29/06/94	DH12KE															
18	12122323	TRIỆU THỊ	GIANG	26/12/93	DH12QT															
19	12122283	TRẦN THỊ THANH	HÀ	25/08/94	DH12QT															
20	12122130	NGUYỄN VĂN	HẢI	28/12/94	DH12QT															
21	10123059	TRẦN THỊ NGỌC	HÂN	25/01/92	DH10KE															
22	12123120	NGUYỄN PHÚC	HẬU	28/08/94	DH12KE															
23	12123087	LÊ THỊ	HIỀN	18/02/94	DH12KE															
24	12123247	NGUYỄN THỊ	HOA	13/07/94	DH12KE															
25	12122020	PHÙNG THỊ TUYẾT	HOA	10/06/94	DH12QT															
26	12122318	NGUYỄN THỊ	HỒNG	29/09/94	DH12QT															
27	12122146	TRẦN THỊ NGỌC	HUYỀN	20/10/93	DH12QT															
28	12122153	HỒ PHẠM VIỆT	KHANH	20/10/94	DH12TC															
29	10123081	LÊ THỊ LONG	KHÁNH	08/09/92	DH10KE															
30	12122155	NGUYỄN THỊ THUỲ	KHUYÊN	15/03/94	DH12QT															
31	12122078	PHAN THỊ MỸ	KIM	24/05/94	DH12QT															
32	12122158	TRẦN THỊ TUYẾT	LAN	10/11/94	DH12QT															
33	12122029	PHẠM THỊ KIM	LÀNH	15/09/94	DH12QT															
34	12122164	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	24/11/94	DH12QT															
35	12122031	LÊ THỊ KIM	LÝ	16/03/94	DH12QT															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Thẩm định giá (208326) - Nhóm 04 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Trịnh Đức Tuấn (283)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	12122032	NGUYỄN DẠ	LÝ	08/05/94	DH12QT															
37	12122177	TRẦN VĂN	MONG	06/03/92	DH12TM															
38	12122178	LÊ HOÀI	NAM	22/12/94	DH12QT															
39	12122080	PHẠM THÀNH	NAM	29/03/93	DH12QT															
40	12122037	DƯƠNG THỊ BÍCH	NGỌC	14/10/93	DH12QT															
41	12122333	NGUYỄN THỊ	NGỌC	10/01/94	DH12QT															
42	11164023	VƯƠNG THỊ MINH	NGỌC	20/09/93	DH11TC															
43	12122186	PHẠM THỊ THẢO	NGUYÊN	23/11/94	DH12TM															
44	12123154	PHAN TRẦN THẢO	NGUYÊN	26/07/94	DH12KE															
45	12123155	TRẦN THANH	NHÀN	27/04/94	DH12KE															
46	12122190	LUẬN THÀNH	NHÂN	30/05/94	DH12QT															
47	12122201	TRƯƠNG THỊ KIỀU	NI	25/04/94	DH12QT															
48	12122206	NGUYỄN HỒNG	PHÚC	27/12/94	DH12QT															
49	12123237	NGUYỄN THỊ THANH	PHƯƠNG	19/03/94	DH12KE															
50	12122208	TRƯƠNG THỊ	PHƯƠNG	08/06/93	DH12TM															
51	12122213	LÊ NGỌC PHƯƠNG	QUỲNH	09/12/94	DH12TM															
52	12122047	VŨ THÚY	QUỲNH	22/01/94	DH12QT															
53	12122288	TẠ NGUYỄN THẢO	SƯƠNG	08/08/94	DH12QT															
54	12122224	NGUYỄN THỊ	THẢO	19/08/94	DH12TM															
55	12122226	NGUYỄN THỊ THANH	THẢO	30/08/94	DH12QT															
56	12122053	KIỀU QUỐC	THẮNG	01/01/93	DH12QT															
57	12123094	NGUYỄN THỊ TUYẾT	THƠ	22/09/94	DH12KE															
58	12122233	PHẠM THỊ BÍCH	THỦY	28/02/94	DH12QT															
59	12122236	NGUYỄN THỊ ANH	THƯ	01/03/94	DH12TC															
60	12122238	LÊ THỊ CẨM	TIÊN	29/07/93	DH12QT															
61	12122060	TRẦN MINH	TIẾN	16/10/94	DH12QT															
62	12123188	LÊ THỊ	TÌNH	04/10/94	DH12KE															
63	12122290	HỒ HỮU	TOÀN	28/02/94	DH12TM															
64	12122245	ĐỖ HUYỀN	TRANG	15/01/94	DH12TM															
65	12122063	HÀ THỊ	TRANG	13/06/94	DH12QT															
66	12123191	HUỲNH THỊ QUỲNH	TRANG	21/06/93	DH12KE															
67	12122064	THÁI DƯƠNG HUỲNH	TRÂN	08/04/93	DH12TM															
68	11122132	VÕ THỊ DIỄM	TRINH	19/09/93	DH11QT															
69	12122315	NGUYỄN THỊ KIM	TRỌN	16/02/94	DH12QT															
70	10123207	VÕ VIẾT	TRUNG	27/07/92	DH10KE															
71	12123197	VÕ THỊ THANH	TÙNG	17/12/94	DH12KE															
72	12123194	LÝ THỊ THANH	TUYỀN	20/11/94	DH12KE															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Thẩm định giá (208326) - Nhóm 04 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Trịnh Đức Tuấn (283)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	12122147	TRỊNH THỊ THU	TUYỀN	24/04/94	DH12QT															
74	11123053	LƯU THỊ YẾN	TUYẾT	15/09/93	DH11KE															
75	11123056	PHẠM THỊ CẨM	VÂN	01/03/93	DH11KE															
76	12122071	ĐINH HOÀNG	VŨ	01/01/94	DH12TC															
77	12122270	TĂNG TIẾN	VŨ	11/09/94	DH12TM															
78	12122281	NGUYỄN THỊ PHI	YẾN	27/11/94	DH12QT															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Nghiệp vụ thanh toán (208327) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Hoàng Oanh Thoa (663)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	11363177	NGUYỄN THỊ NGỌC	ANH	02/05/91	CD11CA															
2	11150099	TRƯƠNG ĐOÀN TÚ	ANH	22/11/93	DH11TM															
3	11123003	NGUYỄN THIÊN	ÂN	14/09/93	DH11KE															
4	12363227	VÕ THỊ HÒA	ÂN	06/12/94	CD12CA															
5	11122147	PHẠM ANH	BẢO	04/09/93	DH11QT															
6	11150032	TRƯƠNG GIA	BẢO	22/08/93	DH11TM															
7	11363004	TRƯƠNG THỊ	BÍCH	15/06/93	CD11CA															
8	11363115	NGUYỄN THỊ NGỌC	CHÂU	13/10/93	CD11CA															
9	12123009	LƯU KIM	CHI	08/02/94	DH12KE															
10	11123090	NGUYỄN THỊ LỆ	CHI	19/05/93	DH11KE															
11	12123106	NGUYỄN THỊ	DẬU	20/01/94	DH12KE															
12	11363164	HUỲNH THÚY	DIỂM	21/07/93	CD11CA															
13	12363033	VÕ THỊ KIM	DUNG	09/09/93	CD12CA															
14	11363003	LÊ THỊ MỸ	DUYÊN	10/11/93	CD11CA															
15	11150036	BÙI THỊ	ĐẬM	15/08/93	DH11TM															
16	10363142	NGUYỄN THỊ	ĐIỆP	28/12/92	CD10CA															
17	11363022	ĐẶNG VĂN	ĐỘ	20/02/92	CD11CA															
18	12363006	HUỲNH PHÚC	ĐÔNG	19/07/94	CD12CA															
19	11363026	TRẦN THỊ THU	HÀ	29/06/92	CD11CA															
20	11363181	HUỲNH THỊ MỸ	HẠNH	27/08/93	CD11CA															
21	12363207	PHẠM THỊ HỒNG	HẠNH	30/11/94	CD12CA															
22	12363328	DƯƠNG THỊ	HẰNG	20/01/94	CD12CA															
23	11363149	HỒ PHƯƠNG	HẰNG	07/11/92	CD11CA															
24	11123173	PHAN THỊ THU	HÂN	02/08/93	DH11KE															
25	11363148	LÊ THỊ	HIỀN	08/06/92	CD11CA															
26	12123087	LÊ THỊ	HIỀN	18/02/94	DH12KE															
27	12123088	HỒ THỊ	HIẾU	01/10/94	DH12KE															
28	12363038	NGÔ THỊ KIM	HỒNG	14/02/94	CD12CA															
29	11363023	HUỲNH THANH	HÙNG	20/08/93	CD11CA															
30	11150043	NGUYỄN NGỌC THANH	HUYỀN	05/08/93	DH11TM															
31	09223014	CAO THỊ THIÊN	HƯƠNG	12/10/79	TC09KETD															
32	12363072	VŨ THỊ LAN	HƯƠNG	18/07/93	CD12CA															
33	11363056	LÊ THỊ DIỄM	LAN	15/08/93	CD11CA															
34	11363128	VÕ THỊ MỸ	LỆ	08/04/93	CD11CA															
35	11150046	PHẠM THỊ KIM	LIÊN	04/08/93	DH11TM															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Nghiệp vụ thanh toán (208327) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Hoàng Oanh Thoa (663)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	11363015	NGUYỄN THỊ HỒNG	LINH	15/03/93	CD11CA															
37	12123235	NGUYỄN THỊ NGỌC	LINH	21/10/94	DH12KE															
38	12363016	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	20/07/94	CD12CA															
39	12363178	ĐẶNG THỊ NGỌC	LOAN	19/07/94	CD12CA															
40	12363159	ĐINH THỊ THANH	LOAN	22/12/94	CD12CA															
41	12123139	NGÔ THỊ PHƯỢNG	LOAN	15/04/94	DH12KE															
42	11363053	HÀ THỊ MỸ	LỘC	10/10/91	CD11CA															
43	12363234	BÙI THỊ CẨM	LY	28/12/94	CD12CA															
44	12363235	VÕ THỊ	LY	16/02/94	CD12CA															
45	11363133	NGUYỄN THỊ HUỲNH	MAI	04/11/93	CD11CA															
46	11363156	TRƯƠNG THỊ NGỌC	MAI	19/06/93	CD11CA															
47	09223109	TRẦN THANH	MỸ	09/01/91	TC09KETD															
48	11123066	NGUYỄN HOÀNG	NAM	09/02/93	DH11KE															
49	10150045	NGUYỄN THỊ THANH	NGA	03/02/91	DH10TM															
50	12123149	HUỲNH HUYỀN	NGÂN	09/10/94	DH12KE															
51	11150051	NGUYỄN KHÁNH	NGÂN	02/02/93	DH11TM															
52	11150094	PHẠM THÁI	NGUYÊN	13/01/93	DH11TM															
53	12123155	TRẦN THANH	NHÀN	27/04/94	DH12KE															
54	12363079	NGUYỄN KHÁNH	NHI	23/10/94	CD12CA															
55	12363341	HUỲNH MỸ	NƯƠNG	/07/94	CD12CA															
56	11123034	DƯ THỊ MỸ	PHÚC	24/02/93	DH11KE															
57	11150059	TRẦN THỊ KIM	PHỤNG	15/09/93	DH11TM															
58	11123140	NGUYỄN THỊ MAI	PHƯƠNG	20/07/93	DH11KE															
59	11123037	PHẠM THỊ	PHƯƠNG	04/10/92	DH11KE															
60	11363214	HUỲNH THỊ THẢO	QUYÊN	26/09/93	CD11CA															
61	11123041	VÕ THỊ TÚ	QUYÊN	19/03/93	DH11KE															
62	11123253	KHAMMANNIVONG	SIPAPHY	18/08/92	DH11KE															
63	11150065	ĐINH THANH	SƠN	24/02/92	DH11TM															
64	11363060	NGUYỄN THỊ	THANH	28/01/92	CD11CA															
65	11363097	ĐÀO THỊ THU	THẢO	24/06/93	CD11CA															
66	11363002	HOÀNG THỊ NGỌC	THẢO	13/06/93	CD11CA															
67	11363160	NGUYỄN THỊ THU	THẢO	01/07/92	CD11CA															
68	11123148	MAI THỊ TÚ	THI	28/12/93	DH11KE															
69	11150068	TRẦN ĐỨC	THỌ	12/10/93	DH11TM															
70	09143900	NGUYỄN THỊ NGỌC	THÔNG	/ /	DH12KE															
71	11123150	HỒ THỊ	THƠ	12/01/93	DH11KE															
72	11363064	LÊ THỊ MỸ	THU	18/04/93	CD11CA															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Nghiệp vụ thanh toán (208327) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Hoàng Oanh Thoa (663)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	12363156	NGUYỄN THỊ NGỌC	THU	02/09/92	CD12CA															
74	12363195	LÊ THỊ	THÙY	20/07/94	CD12CA															
75	12363114	LÊ VĂN	TÍNH	21/02/94	CD12CA															
76	11363166	ĐẶNG THỊ BĂNG	TỚI	29/10/93	CD11CA															
77	11363163	ĐẶNG NGỌC PHƯƠNG	TRANG	05/10/93	CD11CA															
78	11123161	PHẠM MINH	TRANG	03/11/93	DH11KE															
79	11123162	TRẦN THỊ HUYỀN	TRANG	24/01/93	DH11KE															
80	11363116	LÊ BẢO	TRÂN	26/04/93	CD11CA															
81	10122176	NGUYỄN HUỲNH KIM	TRÂN	05/01/92	DH10QT															
82	11150088	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRÂN	15/01/92	DH11TM															
83	11363165	THÁI THỊ UYÊN	TRÂN	14/08/92	CD11CA															
84	11363078	TRƯƠNG CAO	TRÍ	01/11/91	CD11CA															
85	11363114	LÊ THỊ HỒNG	TRINH	07/04/92	CD11CA															
86	11363117	NGUYỄN THỊ THU	TRƯỜNG	26/02/93	CD11CA															
87	12123198	QUÃNG MINH KHẢ	TÚ	16/04/94	DH12KE															
88	12123197	VÕ THỊ THANH	TÙNG	17/12/94	DH12KE															
89	12123194	LÝ THỊ THANH	TUYỀN	20/11/94	DH12KE															
90	12123082	LƯU THỊ ÁNH	TUYẾT	20/08/93	DH12KE															
91	11363122	HỒ THỊ THẢO	UYÊN	26/04/93	CD11CA															
92	12363144	ĐINH THỊ THÚY	VÂN	01/12/94	CD12CA															
93	11363124	HOÀNG THỊ HỒNG	VÂN	23/11/92	CD11CA															
94	11150082	HUỲNH THỊ BÍCH	VÂN	06/08/93	DH11TM															
95	12363324	NGUYỄN THỊ TUYẾT	VÂN	01/10/94	CD12CA															
96	11122126	ĐIỀU THỊ TƯỜNG	VI	16/10/93	DH11QT															
97	11363084	PHẠM ĐỨC	VINH	13/07/92	CD11CA															
98	11123061	LƯU HOÀN	VŨ	17/06/93	DH11KE															
99	11123060	NGUYỄN VĂN	VUI	01/01/92	DH11KE															
100	11363079	NGUYỄN ĐẶNG NHƯ	Ý	16/08/93	CD11CA															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Nghiệp vụ thanh toán (208327) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Hoàng Oanh Thoa (663)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	11173006	HUỲNH PHƯƠNG	ANH	31/12/93	DH11TM															
2	11150028	TRẦN NGỌC LAN	ANH	25/11/93	DH11TM															
3	11150029	TRẦN PHƯƠNG	ANH	14/12/93	DH11TM															
4	12363151	NGUYỄN HỒ	BẢO	06/09/94	CD12CA															
5	12123100	NGUYỄN HUỲNH NGỌC	CẨM	28/08/94	DH12KE															
6	12123101	NGUYỄN THỊ NGỌC	CẨM	10/10/93	DH12KE															
7	12123102	VÕ THỊ MỸ	CHÂU	18/06/94	DH12KE															
8	11150017	NGUYỄN THỊ DIỄM	CHI	10/07/93	DH11TM															
9	11123172	HUỲNH THỊ	DIỄM	20/08/93	DH11KE															
10	11150020	TRẦN NGỌC TRUNG	DU	10/01/93	DH11TM															
11	11363018	ĐẶNG THẾ	DŨNG	10/07/93	CD11CA															
12	11150034	NGUYỄN VĂN	DŨNG	25/10/92	DH11TM															
13	12363314	TRẦN KIM	DŨNG	06/01/94	CD12CA															
14	11150033	TRẦN THỊ THÚY	DUY	19/08/93	DH11TM															
15	12363155	HOÀNG THỊ MỸ	DUYÊN	06/08/94	CD12CA															
16	12363264	VÕ BÙI KIỀU	GIANG	30/09/93	CD12CA															
17	11150037	LÊ THỊ THU	HÀ	17/09/93	DH11TM															
18	12363161	THÂN THỊ HỒNG	HẢI	12/11/90	CD12CA															
19	12363032	NGUYỄN THỊ HIẾU	HẠNH	25/06/93	CD12CA															
20	11150039	NGUYỄN THỊ	HẰNG	03/03/93	DH11TM															
21	11363215	TRẦN THỊ THANH	HẰNG	27/06/93	CD11CA															
22	11150085	VÕ THỊ	HIỀN	19/02/93	DH11TM															
23	11150042	HUỲNH MINH	HIẾU	21/12/93	DH11TM															
24	11363037	TRƯƠNG THỊ QUỲNH	HOA	09/12/93	CD11CA															
25	11122072	NGUYỄN THỊ	HOÀI	24/04/93	DH11QT															
26	11363045	NGÔ THỊ KIM	HUYỀN	08/02/91	CD11CA															
27	12123223	TRẦN CHÍ	KHANG	27/10/92	DH12KE															
28	11363138	LÊ HUY	KHÔI	20/09/93	CD11CA															
29	11122016	TRẦN MINH	KHƯƠNG	20/10/87	DH11QT															
30	12363082	ĐẶNG THỊ THANH	LAM	10/10/94	CD12CA															
31	11150045	NGUYỄN THỊ NGỌC	LAN	30/08/93	DH11TM															
32	11363048	ĐINH THỊ	LIÊN	26/03/92	CD11CA															
33	11150090	HUỲNH NGỌC	LIẾNG	06/09/93	DH11TM															
34	11150047	NGÔ NGỌC KHÁNH	LINH	24/12/93	DH11TM															
35	11122021	NGUYỄN THỊ MỸ	LINH	22/10/93	DH11QT															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Nghiệp vụ thanh toán (208327) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Hoàng Oanh Thoa (663)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	12363218	THÁI THỊ THÙY	LINH	22/12/94	CD12CA															
37	12363177	VŨ THỊ HỒNG	LINH	16/08/94	CD12CA															
38	11363152	TRẦN KIM	LOAN	13/02/93	CD11CA															
39	11150048	BÙI TUẤN	LỘC	02/09/93	DH11TM															
40	11150049	ĐẬU HOÀNG LY	LY	02/06/93	DH11TM															
41	12363080	VÕ THỊ NGỌC	LÝ	10/02/93	CD12CA															
42	12363237	BÙI THỊ DIỄM	MY	09/08/93	CD12CA															
43	12363068	TRẦN THỊ THÚY	MY	19/10/92	CD12CA															
44	11363145	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	17/03/92	CD11CA															
45	11363155	VÕ THỊ THÙY	NGÂN	20/01/93	CD11CA															
46	11150052	NGUYỄN PHẠM HỒNG	NGỌC	03/08/93	DH11TM															
47	11150053	ĐÀM THỊ THẢO	NGUYÊN	03/06/93	DH11TM															
48	11150007	ĐỖ TRỌNG	NHÂN	12/10/93	DH11TM															
49	11363130	TRỊNH HỒNG	NHÂN	13/12/93	CD11CA															
50	11150054	ĐỖ QUANG	NHẬT	17/03/92	DH11TM															
51	12363070	NGUYỄN THỊ	NHUNG	04/08/94	CD12CA															
52	12363104	NGUYỄN THỊ QUỲNH	NHƯ	16/12/93	CD12CA															
53	12363292	DƯƠNG KIM	PHỤNG	20/04/94	CD12CA															
54	11150096	HUỲNH THỊ BÍCH	PHƯƠNG	28/06/93	DH11TM															
55	11150063	BÙI LÊ BÍCH	PHƯỢNG	05/10/93	DH11TM															
56	12123091	HỒ NHƯ	QUỲNH	20/12/94	DH12KE															
57	12123167	LÊ THỊ THÚY	QUỲNH	10/01/94	DH12KE															
58	12122215	NGUYỄN BẢO	QUỲNH	20/06/94	DH12TM															
59	12363130	HÀM THỊ KIM	SA	03/09/94	CD12CA															
60	12123281	ĐÀNG PHÚ NỮ	SAMAN	20/03/93	DH12KE															
61	11363082	NGUYỄN HOÀNG	THANH	11/04/93	CD11CA															
62	12123092	NGUYỄN THỊ	THANH	20/11/94	DH12KE															
63	12363344	LƯƠNG THỊ THU	THẢO	18/04/93	CD12CA															
64	12123169	NGUYỄN THỊ THANH	THẢO	24/10/93	DH12KE															
65	11363086	VÕ THỊ THU	THẢO	05/11/93	CD11CA															
66	11363158	ĐÀO THỊ HỒNG	THẮM	29/03/93	CD11CA															
67	11150008	HUỲNH THỊ HỒNG	THẮM	18/12/93	DH11TM															
68	11122035	NGUYỄN KHÂM	THIÊN	06/03/93	DH11QT															
69	11150022	DƯƠNG THỊ	THOA	28/10/93	DH11TM															
70	11150010	PHẠM THỊ KIM	THOA	15/09/93	DH11TM															
71	11123046	VÕ THỊ	THOẠI	15/02/93	DH11KE															
72	11150011	HOÀNG KIM	THU	05/06/93	DH11TM															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Nghiệp vụ thanh toán (208327) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Hoàng Oanh Thoa (663)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	11363089	VŨ THỊ THANH	THÙY	12/12/93	CD11CA															
74	11150069	ĐÀO THỊ PHƯƠNG	THÚY	27/08/93	DH11TM															
75	11150070	LÊ NGỌC ANH	THƯ	22/08/93	DH11TM															
76	12123179	LÊ THỊ THANH	THƯ	10/09/94	DH12KE															
77	11150072	ĐẶNG THỊ CẨM	TIÊN	17/03/93	DH11TM															
78	12363245	ĐỖ PHƯỢNG CẨM	TIÊN	14/08/94	CD12CA															
79	11150073	PHẠM GIANG THỦY	TIÊN	01/10/93	DH11TM															
80	11123158	BÙI MINH	TIẾN	17/07/93	DH11KE															
81	12123188	LÊ THỊ	TÌNH	04/10/94	DH12KE															
82	12123095	TRẦN THỊ NGHỆ	TÔNG	05/07/94	DH12KE															
83	12123057	NGUYỄN THỊ THANH	TRÀ	27/12/94	DH12KE															
84	12363108	ĐẶNG THỊ HUYỀN	TRANG	29/10/94	CD12CA															
85	12363333	LÊ THỊ	TRANG	10/09/94	CD12CA															
86	12363136	VŨ THỊ THÙY	TRANG	21/10/94	CD12CA															
87	11150076	TRẦN THỊ BẢO	TRÂN	15/04/93	DH11TM															
88	11150014	LÃ BÍCH	TRI	03/04/93	DH11TM															
89	12123059	NGUYỄN HOÀI HƯNG	TRINH	15/07/94	DH12KE															
90	11120105	TRẦN THỊ VIỆT	TRINH	29/11/93	CD12CA															
91	11150077	DƯƠNG VĂN	TRỌNG	28/02/93	DH11TM															
92	11150079	ĐẶNG THANH	TRÚC	01/01/93	DH11TM															
93	11150025	NGÔ CHÍ	TRUNG	19/05/93	DH11TM															
94	11150078	NGUYỄN BẢO	TRUNG	08/05/93	DH11TM															
95	11150080	NGUYỄN ANH	TUẤN	10/05/93	DH11TM															
96	12363323	TRẦN THỊ	TỨ	24/03/94	CD12CA															
97	11123187	NGUYỄN THÚY	XUYÊN	30/01/93	DH11KE															
98	12123219	VÕ THỊ NHƯ	Ý	22/12/94	DH12KE															
99	12123213	HÀ THỊ HẢI	YẾN	01/04/94	DH12KE															
100	12123229	NGUYỄN THỊ HẢI	YẾN	20/10/93	DH12KE															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Số sách chứng từ kế toán (208328) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Đàm Thị Hải Âu (326)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	11123001	HOÀNG THỊ KIM	ANH	09/10/92	DH11KE															
2	11123071	HUỲNH THỊ	ÁNH	02/02/93	DH11KE															
3	12363151	NGUYỄN HỒ	BẢO	06/09/94	CD12CA															
4	12363003	NGUYỄN THỊ HẢI	CHÂU	17/11/94	CD12CA															
5	12363228	NGUYỄN THỊ THÚY	DIỄM	24/06/94	CD12CA															
6	12363334	HUỲNH THỊ PHƯƠNG	DUNG	11/09/94	CD12CA															
7	12363152	NGUYỄN THỊ	DUNG	20/01/94	CD12CA															
8	11123210	PHẠM THỊ THÙY	DUNG	01/04/93	DH11KE															
9	12363007	VŨ THỊ	DUNG	01/10/94	CD12CA															
10	12363028	CHU THÚY	HÀ	04/01/94	CD12CA															
11	11363025	NGÔ THỊ	HÀ	03/02/93	CD11CA															
12	11363014	PHẠM THỊ	HÀ	28/10/93	CD11CA															
13	11123096	NGÔ THỊ	HẢI	10/06/93	DH11KE															
14	12363211	PHẠM THỊ MỸ	HẠNH	26/01/94	CD12CA															
15	11123065	TRỊNH HUỲNH MỸ	HẠNH	04/09/93	DH11KE															
16	10123054	NGUYỄN THỊ	HẰNG	12/06/91	DH10KE															
17	12363246	TRẦN THỊ THÚY	HẰNG	18/02/94	CD12CA															
18	11363184	VƯƠNG THỊ LỆ	HẰNG	14/04/93	CD11CA															
19	11123104	TRƯƠNG THANH	HẬU	01/03/93	DH11KE															
20	11123107	NGUYỄN THỊ KIM	HIỀN	07/05/92	DH11KE															
21	11123109	PHAN NHƯ	HOÀI	21/09/93	DH11KE															
22	12363316	ĐẶNG THỊ	HUỆ	16/02/94	CD12CA															
23	12363330	NGUYỄN THỊ	HUYỀN	24/10/94	CD12CA															
24	12363231	TRẦN THỊ KIM	HUYỀN	25/07/94	CD12CA															
25	12363169	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	24/05/93	CD12CA															
26	12363216	NGUYỄN QUỐC	HY	02/03/94	CD12CA															
27	11123115	LÊ THỊ HỒNG	KHÁNH	26/03/93	DH11KE															
28	11123018	PHAN THỊ HOA	LÀI	10/11/93	DH11KE															
29	11123116	DƯƠNG THỊ TỐ	LAN	01/12/93	DH11KE															
30	11363128	VÕ THỊ MỸ	LỆ	08/04/93	CD11CA															
31	12363286	NGUYỄN THỊ HỒNG	LOAN	02/04/94	CD12CA															
32	11123023	TRỊNH THỊ	LÝ	01/07/93	DH11KE															
33	12363080	VÕ THỊ NGỌC	LÝ	10/02/93	CD12CA															
34	12363282	ĐẶNG THỊ NGỌC	MAI	28/06/94	CD12CA															
35	10123106	TRƯƠNG THỊ QUỲNH	MAI	24/09/92	DH10KE															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Số sách chứng từ kế toán (208328) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Đàm Thị Hải Âu (326)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	11363041	ĐOÀN THỊ TRÀ	MY	05/09/93	CD11CA															
37	12363099	ĐẶNG THỊ HỒNG	NÊN	/ /94	CD12CA															
38	12363331	PHAN THỊ QUỲNH	NGỌC	16/09/94	CD12CA															
39	11363076	NGUYỄN HỒ VI	NHÃ	23/06/93	CD11CA															
40	11123176	LƯƠNG THỊ Ý	NHI	08/12/93	DH11KE															
41	10123133	VÕ HỒNG	NHI	20/06/92	DH10KE															
42	07223197	LÊ NGỌC	PHÚ	16/01/88	TC07KE															
43	10123005	NGUYỄN THỊ BÍCH	PHƯƠNG	19/12/92	DH10KE															
44	11123140	NGUYỄN THỊ MAI	PHƯƠNG	20/07/93	DH11KE															
45	12363024	NGUYỄN THỊ	PHƯỢNG	15/12/93	CD12CA															
46	12363190	LÊ THỊ	SƯƠNG	10/10/93	CD12CA															
47	11123144	NGUYỄN THỊ	TÂM	15/04/93	DH11KE															
48	11363169	TRƯƠNG THỊ THU	THẢO	21/10/93	CD11CA															
49	12123257	MAI	THI	16/08/92	DH12KE															
50	11123148	MAI THỊ TÚ	THI	28/12/93	DH11KE															
51	12363129	NGÔ THỊ	THU	26/08/93	CD12CA															
52	12363156	NGUYỄN THỊ NGỌC	THU	02/09/92	CD12CA															
53	12363118	BÙI THỊ	THỦY	15/07/94	CD12CA															
54	11123156	PHAN HUỲNH NG MINH	THÚY	16/10/92	DH11KE															
55	12363245	ĐỖ PHƯỢNG CẨM	TIÊN	14/08/94	CD12CA															
56	12363127	NGUYỄN THỊ THỦY	TIÊN	19/07/94	CD12CA															
57	11123050	LÊ THỊ QUỲNH	TRANG	29/08/92	DH11KE															
58	12363303	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	18/10/94	CD12CA															
59	11123185	TRƯƠNG THỊ HỒNG	TRẦM	11/01/92	DH11KE															
60	10363121	HOÀNG THỊ THU	TRÂN	15/01/91	CD10CA															
61	12363050	HUỲNH THỊ	TRÍ	15/05/94	CD12CA															
62	12363304	NGUYỄN ĐẶNG PHƯƠNG	TRINH	08/11/94	CD12CA															
63	11123186	PHAN THỊ MỸ	TRINH	16/08/93	DH11KE															
64	09363240	PHẠM THỊ NHƯ	TRÚC	06/12/91	CD09CA															
65	10123217	PHAN HOÀNG	TÚ	31/05/92	DH10KE															
66	11123083	TRƯƠNG THỊ THU	TUYỀN	09/11/93	DH11KE															
67	12363052	NGUYỄN THỊ KIM	TUYẾN	24/08/94	CD12CA															
68	12363214	NGUYỄN HOÀNG ÁNH	TUYẾT	10/12/94	CD12CA															
69	11363122	HỒ THỊ THẢO	UYÊN	26/04/93	CD11CA															
70	11123058	ĐOÀN THỊ NGỌC	VI	24/09/93	DH11KE															
71	10123229	NGUYỄN SÔNG	VƯƠNG	04/02/92	DH10KE															
72	11123069	NGUYỄN ÁNH	XUÂN	23/10/93	DH11KE															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Số sách chứng từ kế toán (208328) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Đàm Thị Hải Âu (326)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	11363040	MAI THỊ NGỌC	YẾN	05/06/93	CD11CA															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Số sách chứng từ kế toán (208328) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Đàm Thị Hải Âu (326)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	10123007	TRẦN THỊ LAN	ANH	04/02/92	DH10KE															
2	10123009	ĐỖ THỊ KIM	BẢO	08/08/92	DH10KE															
3	11123090	NGUYỄN THỊ LỆ	CHI	19/05/93	DH11KE															
4	12363261	NGUYỄN MINH	DUNG	05/09/94	CD12CA															
5	12363327	ĐẶNG THỊ	DUYÊN	26/06/94	CD12CA															
6	12363263	TRẦN THỊ MỸ	DUYÊN	26/08/94	CD12CA															
7	10123032	PHẠM THỊ THANH	ĐÀO	09/07/92	DH10KE															
8	09123034	TRỊNH THỊ MỸ	HẠNH	28/09/91	DH09KE															
9	11363137	ĐÀO THỊ THU	HẢO	10/11/93	CD11CA															
10	12363328	DƯƠNG THỊ	HẰNG	20/01/94	CD12CA															
11	12363162	NGÔ THỊ	HẰNG	25/03/93	CD12CA															
12	10363170	NGUYỄN THỊ THANH	HẰNG	20/02/92	CD11CA															
13	12363042	TRƯƠNG THỊ BÍCH	HÂN	08/03/94	CD12CA															
14	12363230	LÊ THỊ	HIỀN	02/07/92	CD12CA															
15	11363031	NG LÊ T NHƯ PHƯƠNG	HIẾU	17/07/93	CD11CA															
16	12363249	NÔNG THỊ	HIẾU	14/09/94	CD12CA															
17	11123012	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	HỒNG	10/03/93	DH11KE															
18	11123013	TRỊNH THỊ	HỒNG	02/07/93	DH11KE															
19	12363329	TRẦN THỊ	HUỆ	01/10/94	CD12CA															
20	10123071	LƯU THỊ	HUYỀN	01/02/92	DH10KE															
21	11123016	VŨ THỊ THU	HƯƠNG	01/04/92	DH11KE															
22	11123019	BÙI THỊ MỸ	LINH	19/08/93	DH11KE															
23	10363060	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	10/03/92	CD10CA															
24	12363057	PHẠM THÙY	LINH	16/02/94	CD12CA															
25	12363059	ĐẶNG THỊ THANH	LOAN	25/05/94	CD12CA															
26	12363281	TRẦN LÊ PHƯỚC	LY	03/06/93	CD12CA															
27	12363064	HUỲNH THỊ PHƯƠNG	MAI	10/05/93	CD12CA															
28	11123024	NGUYỄN THỊ	MAI	19/11/93	DH11KE															
29	10363069	TRẦN THỊ DIỄM	MY	01/03/92	CD10CA															
30	11123029	NGUYỄN THY	NGA	04/07/93	DH11KE															
31	10123117	ĐỖ THỊ TUYẾT	NGÂN	14/07/92	DH10KE															
32	12363058	HOÀNG KIM	NGÂN	26/01/94	CD12CA															
33	10123119	HUỲNH KIM	NGÂN	10/11/92	DH10KE															
34	11123075	NGUYỄN BÍCH	NGÂN	07/03/93	DH11KE															
35	11123127	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	16/05/93	DH11KE															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Số sách chứng từ kế toán (208328) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Đàm Thị Hải Âu (326)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	12363102	NGUYỄN THỊ BÍCH	NGỌC	05/12/94	CD12CA															
37	12363092	TRẦN THỊ TUYẾT	NGỌC	24/10/94	CD12CA															
38	12363067	TRẦN THỊ MỸ	NHUNG	20/03/94	CD12CA															
39	11123077	PHẠM THỊ XUÂN	NỮ	10/10/93	DH11KE															
40	11363134	NGUYỄN THỊ HẠNH	PHƯƠNG	20/09/93	CD11CA															
41	11123040	NGÔ MINH	QUÂN	17/02/93	DH11KE															
42	12363105	TRƯƠNG THỊ	QUỲNH	08/12/93	CD12CA															
43	11123043	NGUYỄN THỊ	SOA	28/09/93	DH11KE															
44	12363296	TÔ HỒNG	THANH	10/03/94	CD12CA															
45	12363084	TRẦN THỊ KIM	THÀNH	10/01/94	CD12CA															
46	10123167	LÊ THỊ BÍCH	THẢO	17/12/92	DH10KE															
47	11123147	PHẠM THỊ THU	THẢO	10/02/92	DH11KE															
48	12363047	TRẦN THỊ THU	THẢO	10/06/94	CD12CA															
49	12363242	VÕ THỊ	THẢO	19/11/94	CD12CA															
50	12363045	NGUYỄN THỊ	THUYÊN	09/05/94	CD12CA															
51	12123052	NGUYỄN THỊ KIM	THƯ	11/07/94	DH12KE															
52	11123079	LƯU THỊ	TÌNH	15/05/93	DH11KE															
53	10123197	LÊ THỊ KHÁNH	TRÀ	03/12/92	DH10KE															
54	12363333	LÊ THỊ	TRANG	10/09/94	CD12CA															
55	11363103	TRẦN HUYỀN	TRANG	25/08/92	CD11CA															
56	11363165	THÁI THỊ UYÊN	TRÂN	14/08/92	CD11CA															
57	12363202	NGUYỄN THỊ MỘNG	TUYỀN	22/09/94	CD12CA															
58	11363125	NGUYỄN HỒNG	VÂN	12/08/93	CD11CA															
59	11123187	NGUYỄN THÚY	XUYÊN	30/01/93	DH11KE															
60	10363147	LÊ THỊ HỒNG	YẾN	08/01/92	CD10CA															
61	10123231	NGUYỄN THỊ HOÀNG	YẾN	12/09/92	DH10KE															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Kế toán quản trị (208335) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Bùi Xuân Nhã (293)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	12123001	NGUYỄN HẠNH	AN	22/03/94	DH12KE															
2	12363001	HOÀNG THỊ TƯỜNG	ANH	16/03/94	CD12CA															
3	07122007	NGUYỄN TUẤN	ANH	23/09/89	DH08QT															
4	11123002	TRẦN QUỐC	ANH	08/06/93	DH11KE															
5	11123088	UNG THỤY NGỌC	ANH	17/02/93	DH11KE															
6	12363151	NGUYỄN HỒ	BẢO	06/09/94	CD12CA															
7	12123008	TRẦN THỊ THANH	CẨM	26/02/94	DH12KE															
8	11363115	NGUYỄN THỊ NGỌC	CHÂU	13/10/93	CD11CA															
9	11123091	NGUYỄN THỊ KIM	CHUNG	09/11/93	DH11KE															
10	11123073	NGUYỄN THỊ THÚY	DIỄM	30/04/93	DH11KE															
11	11123169	NGUYỄN HẠNH	DUNG	26/07/93	DH11KE															
12	12363163	VŨ TIẾN	DŨNG	22/08/94	CD12CA															
13	11123212	ĐOÀN THỊ MỸ	DUYÊN	25/05/92	DH11KE															
14	11363025	NGÔ THỊ	HÀ	03/02/93	CD11CA															
15	10123046	VŨ THỊ HỒNG	HÀ	03/12/92	DH10KE															
16	11123096	NGÔ THỊ	HẢI	10/06/93	DH11KE															
17	12363161	THÂN THỊ HỒNG	HẢI	12/11/90	CD12CA															
18	11123008	LÊ THỊ ĐÔNG	HÀN	02/11/93	DH11KE															
19	12363207	PHẠM THỊ HỒNG	HẠNH	30/11/94	CD12CA															
20	12363211	PHẠM THỊ MỸ	HẠNH	26/01/94	CD12CA															
21	11123100	TẠ NGỌC	HẠNH	28/12/93	DH11KE															
22	11123065	TRỊNH HUỲNH MỸ	HẠNH	04/09/93	DH11KE															
23	11363137	ĐÀO THỊ THU	HẢO	10/11/93	CD11CA															
24	11123097	ĐOÀN THỊ MỸ	HẢO	08/06/93	DH11KE															
25	10363170	NGUYỄN THỊ THANH	HẰNG	20/02/92	CD11CA															
26	11363008	LÊ THỊ NGỌC	HÂN	29/06/93	CD11CA															
27	11123173	PHAN THỊ THU	HÂN	02/08/93	DH11KE															
28	12363206	NGUYỄN THỊ MỸ	HẬU	18/10/93	CD12CA															
29	11123104	TRƯƠNG THANH	HẬU	01/03/93	DH11KE															
30	11123105	VŨ THỊ	HẬU	10/09/92	DH11KE															
31	11363029	NGUYỄN THỊ THU	HIỀN	02/04/93	CD11CA															
32	11123010	PHẠM THỊ	HOA	14/03/92	DH11KE															
33	11363037	TRƯƠNG THỊ QUỲNH	HOA	09/12/93	CD11CA															
34	10363173	LÊ THỊ	HÒA	15/05/92	CD10CA															
35	11123110	HÀ THỊ MINH	HOẠT	02/06/93	DH11KE															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kế toán quản trị (208335) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Bùi Xuân Nhã (293)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	11363030	HOÀNG THỊ	HỒNG	10/04/93	CD11CA															
37	12363062	LÊ THỊ KIM	HỒNG	04/05/94	CD12CA															
38	12363035	LÊ THỊ THÚY	HỒNG	16/10/93	CD12CA															
39	12363316	ĐẶNG THỊ	HUỆ	16/02/94	CD12CA															
40	11363023	HUỲNH THANH	HÙNG	20/08/93	CD11CA															
41	11363038	HỒ THỊ KIM	HUYỀN	18/12/92	CD11CA															
42	12363231	TRẦN THỊ KIM	HUYỀN	25/07/94	CD12CA															
43	11122013	HUỲNH THỊ MỸ	HƯƠNG	24/02/93	DH11QT															
44	10363175	NGUYỄN THỊ THU	HƯƠNG	05/12/90	CD10CA															
45	11363186	NGUYỄN THỊ	HƯỜNG	16/07/92	CD11CA															
46	11363070	THÁI THỊ	HƯỜNG	03/02/93	CD11CA															
47	11123115	LÊ THỊ HỒNG	KHÁNH	26/03/93	DH11KE															
48	11123018	PHAN THỊ HOA	LÀI	10/11/93	DH11KE															
49	11123116	DƯƠNG THỊ TỐ	LAN	01/12/93	DH11KE															
50	12363077	NGUYỄN THỊ	LAN	16/09/94	CD12CA															
51	11363128	VÕ THỊ MỸ	LỆ	08/04/93	CD11CA															
52	11363048	ĐINH THỊ	LIÊN	26/03/92	CD11CA															
53	11123120	NGUYỄN THỊ KIM	LIÊN	16/04/93	DH11KE															
54	12130900	LÊ THỊ	LINH	/ /	DH12KE															
55	11363053	HÀ THỊ MỸ	LỘC	10/10/91	CD11CA															
56	11123022	NGUYỄN THỊ	LỘC	26/12/93	DH11KE															
57	11123124	NGUYỄN THỊ	LƯƠNG	07/08/92	DH11KE															
58	11363168	NGUYỄN THỊ	LƯU	13/12/93	CD11CA															
59	12363064	HUỲNH THỊ PHƯƠNG	MAI	10/05/93	CD12CA															
60	11123174	PHẠM THỊ TUYẾT	MAI	13/10/93	DH11KE															
61	10363037	PHẠM THỊ TRÀ	MY	27/07/92	CD10CA															
62	11123027	TRẦN THỊ	MY	26/11/93	DH11KE															
63	11123066	NGUYỄN HOÀNG	NAM	09/02/93	DH11KE															
64	11363065	NGUYỄN THỊ LỆ	NAM	26/08/93	CD11CA															
65	11123029	NGUYỄN THY	NGA	04/07/93	DH11KE															
66	12363187	VŨ THỊ	NGA	16/01/94	CD12CA															
67	12363098	HOÀNG THỊ KIM	NGÂN	25/12/94	CD12CA															
68	11123127	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	16/05/93	DH11KE															
69	12123225	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	03/04/94	DH12KE															
70	11123128	NGUYỄN THỊ NGỌC	NGÂN	19/12/93	DH11KE															
71	12123034	NGUYỄN THỊ THU	NGÂN	09/12/94	DH12KE															
72	12123035	PHAN THỊ KIM	NGÂN	21/10/94	DH12KE															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kế toán quản trị (208335) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Bùi Xuân Nhã (293)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	11123129	TRẦN PHỤNG	NGÂN	15/07/93	DH11KE															
74	11363155	VÕ THỊ THÙY	NGÂN	20/01/93	CD11CA															
75	11123130	ĐỖ THỊ BÍCH	NGỌC	20/02/93	DH11KE															
76	12363102	NGUYỄN THỊ BÍCH	NGỌC	05/12/94	CD12CA															
77	11123131	PHAN THỊ BÍCH	NGỌC	25/11/93	DH11KE															
78	11363073	TRỊNH THỊ KIM	NGỌC	04/02/92	CD11CA															
79	12122303	NGUYỄN THỊ THẢO	NGUYÊN	06/12/94	DH12TM															
80	12363142	PHẠM THỊ HỒNG	NGUYỆT	18/09/93	CD12CA															
81	11123134	LÊ THỊ YẾN	NHI	19/01/93	DH11KE															
82	12123162	LÊ THỊ HỒNG	NHUNG	15/06/94	DH12KE															
83	11363051	NGUYỄN THỊ	NHUNG	28/03/93	CD11CA															
84	12363070	NGUYỄN THỊ	NHUNG	04/08/94	CD12CA															
85	11123033	NGUYỄN KIỀU	OANH	19/03/93	DH11KE															
86	11363131	TRẦN THỊ KIM	OANH	25/03/93	CD11CA															
87	07223251	LƯƠNG CHẤN TÂN	PHÚ	27/10/85	TC07KE															
88	11123034	DƯ THỊ MỸ	PHÚC	24/02/93	DH11KE															
89	10123143	NGUYỄN THỊ KIM	PHỤNG	23/12/92	DH10KE															
90	11363095	HỒ TRÚC	PHƯƠNG	14/05/92	CD11CA															
91	11363134	NGUYỄN THỊ HẠNH	PHƯƠNG	20/09/93	CD11CA															
92	12123237	NGUYỄN THỊ THANH	PHƯƠNG	19/03/94	DH12KE															
93	11123037	PHẠM THỊ	PHƯƠNG	04/10/92	DH11KE															
94	11123039	PHAN THỊ BÍCH	PHƯỢNG	19/05/92	DH11KE															
95	10123156	TRẦN THỊ	QUYÊN	23/09/91	DH10KE															
96	12123091	HỒ NHƯ	QUỲNH	20/12/94	DH12KE															
97	11123253	KHAMMANNIVONG	SIPAPHY	18/08/92	DH11KE															
98	11123180	NGUYỄN THỊ THANH	TÂM	28/05/93	DH11KE															
99	11363060	NGUYỄN THỊ	THANH	28/01/92	CD11CA															
100	12123092	NGUYỄN THỊ	THANH	20/11/94	DH12KE															
101	11123145	ĐỖ PHƯƠNG	THẢO	11/12/92	DH11KE															
102	12123047	LÊ THỊ HỒNG	THẢO	30/06/94	DH12KE															
103	12363223	LƯƠNG THỊ PHƯƠNG	THẢO	05/01/94	CD12CA															
104	11363085	PHAN THỊ PHƯƠNG	THẢO	09/10/92	CD11CA															
105	11363102	TRẦN THỊ THU	THẢO	12/11/92	CD11CA															
106	11363169	TRƯƠNG THỊ THU	THẢO	21/10/93	CD11CA															
107	10123171	VŨ THU	THẢO	19/01/92	DH10KE															
108	11123148	MAI THỊ TÚ	THI	28/12/93	DH11KE															
109	11123150	HỒ THỊ	THƠ	12/01/93	DH11KE															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kế toán quản trị (208335) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Bùi Xuân Nhã (293)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
110	11123152	NGUYỄN NGỌC DIỄM	THU	03/01/93	DH11KE															
111	11123170	NGUYỄN THỊ DIỆU	THU	23/01/93	DH11KE															
112	11363107	NGUYỄN VĂN	THUẬN	26/10/93	CD11CA															
113	11363202	ĐỖ THỊ KIM	THÙY	25/05/93	CD11CA															
114	11363089	VŨ THỊ THANH	THÙY	12/12/93	CD11CA															
115	11123154	ĐỖ THỊ CẨM	THÚY	19/04/93	DH11KE															
116	11123156	PHAN HUỲNH NG MINH	THÚY	16/10/92	DH11KE															
117	11123157	PHẠM ĐOAN	THỤY	27/05/93	DH11KE															
118	12123052	NGUYỄN THỊ KIM	THƯ	11/07/94	DH12KE															
119	11363220	NGÔ ĐOÀN HOÀI	THƯƠNG	09/02/93	CD11CA															
120	11123184	TRẦN THỊ THU	THƯỜNG	21/06/93	DH11KE															
121	11123049	ĐẶNG XUÂN	TIẾN	11/09/93	DH11KE															
122	11363206	ĐINH THỊ	TRANG	10/07/90	CD11CA															
123	12363076	LÊ THỊ	TRANG	21/11/94	CD12CA															
124	11123050	LÊ THỊ QUỲNH	TRANG	29/08/92	DH11KE															
125	11123160	NGUYỄN THỊ NGỌC	TRANG	03/09/93	DH11KE															
126	11123161	PHẠM MINH	TRANG	03/11/93	DH11KE															
127	11123162	TRẦN THỊ HUYỀN	TRANG	24/01/93	DH11KE															
128	11123163	TRẦN THỊ HUYỀN	TRANG	02/09/93	DH11KE															
129	11363207	PHẠM NGỌC	TRÂM	27/08/93	CD11CA															
130	11123165	TẠ THỊ NGỌC	TRÂM	20/08/93	DH11KE															
131	11123166	VŨ THỊ THANH	TRÂM	20/07/93	DH11KE															
132	11123186	PHAN THỊ MỸ	TRINH	16/08/93	DH11KE															
133	10123208	NGÔ NGUYỄN NGỌC	TRÚC	03/09/92	DH10KE															
134	11363209	VÕ THỊ CẨM	TÚ	06/01/93	CD11CA															
135	10123261	LÂM NGỌC	TÙNG	30/11/92	DH10KE															
136	12363052	NGUYỄN THỊ KIM	TUYẾN	24/08/94	CD12CA															
137	11123053	LƯU THỊ YẾN	TUYẾT	15/09/93	DH11KE															
138	12363128	NGUYỄN HỒNG	TUYẾT	22/05/94	CD12CA															
139	10122192	LÊ QUANG	TƯ	10/06/92	DH10QT															
140	11123056	PHẠM THỊ CẨM	VÂN	01/03/93	DH11KE															
141	12363039	PHẠM THỊ THU	VÂN	17/08/93	CD12CA															
142	11123057	TRẦN THANH	VÂN	14/12/93	DH11KE															
143	11363043	NGUYỄN THỊ	VẬN	01/01/93	CD11CA															
144	11123058	ĐOÀN THỊ NGỌC	VI	24/09/93	DH11KE															
145	11123168	MAI ĐỖ TƯỜNG	VI	01/06/93	DH11KE															
146	11363084	PHẠM ĐỨC	VINH	13/07/92	CD11CA															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kế toán quản trị (208335) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Bùi Xuân Nhã (293)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
147	11123061	LƯU HOÀN	VŨ	17/06/93	DH11KE															
148	12363150	TRẦN THỊ	YẾN	10/10/94	CD12CA															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Kế toán quản trị (208335) - Nhóm 04 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Bùi Xuân Nhã (293)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	12122099	VŨ CAO TUẤN	ANH	23/12/94	DH12TM															
2	12123101	NGUYỄN THỊ NGỌC	CẨM	10/10/93	DH12KE															
3	12363226	PHAN THÚY	CẨM	19/04/94	CD12CA															
4	12123069	ĐẬU ĐỨC	CHÂU	27/08/94	DH12KE															
5	12122084	PHẠM THỊ BẢO	DUNG	15/07/94	DH12QT															
6	12122114	BÙI NGUYỄN HOÀNG	DUY	24/05/91	DH12TM															
7	12363327	ĐẶNG THỊ	DUYÊN	26/06/94	CD12CA															
8	12363155	HOÀNG THỊ MỸ	DUYÊN	06/08/94	CD12CA															
9	12122117	PHAN BÍCH	DUYÊN	06/11/93	DH12TC															
10	10123032	PHẠM THỊ THANH	ĐÀO	09/07/92	DH10KE															
11	12122325	ĐÀO VĂN	ĐẠO	05/03/93	DH12QT															
12	12363336	TRẦN THANH	ĐOAN	16/04/94	CD12CA															
13	12123114	HOÀNG THỊ KIM	GIÁC	10/12/94	DH12KE															
14	10123040	ĐẬU THỊ	HÀ	26/06/92	DH10KE															
15	11363072	DƯƠNG THỊ	HẠNH	01/06/93	CD11CA															
16	12363254	TRƯƠNG THỊ BÍCH	HẢO	19/10/94	CD12CA															
17	12122133	NGUYỄN THỊ THANH	HẰNG	13/05/94	DH12QT															
18	12363249	NÔNG THỊ	HIẾU	14/09/94	CD12CA															
19	11363036	TRẦN THỊ PHƯƠNG	HOA	23/03/93	CD11CA															
20	12363170	HUỲNH THỊ	HÒA	14/07/94	CD12CA															
21	11123013	TRỊNH THỊ	HỒNG	02/07/93	DH11KE															
22	12363100	ĐỖ XUÂN	HUẤN	01/01/92	CD12CA															
23	12363329	TRẦN THỊ	HUỆ	01/10/94	CD12CA															
24	11363185	LÊ THỊ	HUYỀN	02/09/93	CD11CA															
25	11363105	NGUYỄN THỊ NGỌC	HUYỀN	19/05/93	CD11CA															
26	11363011	LUYỆN THỊ	HƯƠNG	09/11/93	CD11CA															
27	11123114	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	19/03/93	DH11KE															
28	12123223	TRẦN CHÍ	KHANG	27/10/92	DH12KE															
29	12122028	ĐINH QUANG	KIỆT	28/03/94	DH12QT															
30	12363174	BÙI NGUYỄN THIÊN	KIM	06/10/94	CD12CA															
31	12363181	PHẠM THỊ LY	LA	20/05/94	CD12CA															
32	12363082	ĐẶNG THỊ THANH	LAM	10/10/94	CD12CA															
33	11363188	NGUYỄN THỊ	LÊ	11/03/93	CD11CA															
34	11363150	NGUYỄN THỊ	LINH	18/06/93	CD11CA															
35	10123003	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	16/06/92	DH10KE															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kế toán quản trị (208335) - Nhóm 04 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Bùi Xuân Nhã (293)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	12363057	PHẠM THÙY	LINH	16/02/94	CD12CA															
37	11363118	TRẦN THỊ MỸ	LINH	04/03/93	CD11CA															
38	12363286	NGUYỄN THỊ HỒNG	LOAN	02/04/94	CD12CA															
39	12122079	LÊ PHÚC	LỘC	22/05/94	DH12QT															
40	12122173	HOÀNG CÔNG	LỰC	01/07/94	DH12TM															
41	11123074	NGUYỄN THỊ NGỌC	LƯU	11/04/93	DH11KE															
42	12363237	BÙI THỊ DIỄM	MY	09/08/93	CD12CA															
43	11363041	ĐOÀN THỊ TRÀ	MY	05/09/93	CD11CA															
44	12363099	ĐẶNG THỊ HỒNG	NÊN	/ /94	CD12CA															
45	11363217	NGUYỄN THỊ HỒNG	NGÂN	09/05/93	CD11CA															
46	12123150	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	30/08/94	DH12KE															
47	11363218	NGUYỄN THỊ	NGỌC	26/03/92	CD11CA															
48	12123152	ĐOÀN THỊ THANH	NGUYÊN	10/11/94	DH12KE															
49	12122184	LÊ ĐẶNG THẢO	NGUYÊN	15/12/94	DH12QT															
50	11363076	NGUYỄN HỒ VI	NHÃ	23/06/93	CD11CA															
51	11123132	TRẦN THỊ KIM	NHÀN	19/08/93	DH11KE															
52	11363213	PHẠM THỊ HỒNG	NHI	01/01/93	CD11CA															
53	11363194	NGUYỄN THỊ	NHUNG	11/10/93	CD11CA															
54	12363067	TRẦN THỊ MỸ	NHUNG	20/03/94	CD12CA															
55	12363241	TRỊNH THỊ THÚY	OANH	18/04/94	CD12CA															
56	11123177	VÕ THỊ DIỄM	PHÚC	16/10/93	DH11KE															
57	12363105	TRƯƠNG THỊ	QUỲNH	08/12/93	CD12CA															
58	12363293	VÕ THỊ	SANG	06/02/93	CD12CA															
59	08222260	NGUYỄN THIỆN	TÂM	04/03/90	TC08QTDN															
60	12363110	NGUYỄN THÀNH	TÂN	29/06/94	CD12CA															
61	12363296	TÔ HỒNG	THANH	10/03/94	CD12CA															
62	12363141	ĐỖ HOÀNG NHẬT	THÀNH	20/10/94	CD12CA															
63	12363084	TRẦN THỊ KIM	THÀNH	10/01/94	CD12CA															
64	11363002	HOÀNG THỊ NGỌC	THẢO	13/06/93	CD11CA															
65	11363100	NGUYỄN THỊ THU	THẢO	01/02/93	CD11CA															
66	12363047	TRẦN THỊ THU	THẢO	10/06/94	CD12CA															
67	12363243	DƯƠNG THỊ HỒNG	THẮM	07/06/94	CD12CA															
68	11363158	ĐÀO THỊ HỒNG	THẮM	29/03/93	CD11CA															
69	12122053	KIỀU QUỐC	THẮNG	01/01/93	DH12QT															
70	12123172	NGUYỄN CHIẾN	THẮNG	19/08/94	DH12KE															
71	12363212	TRẦN THỊ	THỂ	08/02/94	CD12CA															
72	08222269	NGUYỄN HÙNG	THIỆN	15/06/86	TC08QTDN															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kế toán quản trị (208335) - Nhóm 04 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Bùi Xuân Nhã (293)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	10123174	PHẠM MINH	THIỆN	30/10/92	DH10KE															
74	12363173	LÊ THỊ	THÙY	01/06/94	CD12CA															
75	11363153	HỎA THỊ	THỦY	16/07/92	CD11CA															
76	11123183	QUÁCH MINH	THỦY	27/05/93	DH11KE															
77	12363154	HỒ THỊ HOÀI	THƯƠNG	13/11/94	CD12CA															
78	12363298	TRẦN THY	THY	27/09/94	CD12CA															
79	12122060	TRẦN MINH	TIẾN	16/10/94	DH12QT															
80	12363300	TĂNG THỊ THU	TỈNH	10/03/94	CD12CA															
81	11363166	ĐẶNG THỊ BĂNG	TỚI	29/10/93	CD11CA															
82	12123057	NGUYỄN THỊ THANH	TRÀ	27/12/94	DH12KE															
83	12123244	ĐẶNG LƯU PHƯƠNG	TRANG	20/06/94	DH12KE															
84	12123080	VŨ THỊ	TRANG	17/01/94	DH12KE															
85	12363343	NGUYỄN THỊ NGỌC	TRÂM	08/07/94	CD12CA															
86	12363198	NGUYỄN THỊ THU	TRÂM	17/10/93	CD12CA															
87	11363055	VÕ THỊ HƯƠNG	TRẦM	10/08/93	CD11CA															
88	11363165	THÁI THỊ UYÊN	TRÂN	14/08/92	CD11CA															
89	12363050	HUỲNH THỊ	TRÍ	15/05/94	CD12CA															
90	12363304	NGUYỄN ĐẶNG PHƯƠNG	TRINH	08/11/94	CD12CA															
91	12363305	NGUYỄN THỊ TỐ	TRINH	21/06/94	CD12CA															
92	12363251	NGUYỄN THỊ THU	TRÚC	26/10/94	CD12CA															
93	11363208	LÊ THỊ CẨM	TÚ	07/09/93	CD11CA															
94	11122121	NGUYỄN DUY	TUẤN	28/03/93	DH12QT															
95	11363161	TRƯƠNG THỊ THANH	TUYỀN	31/07/93	CD11CA															
96	12363322	PHẠM THỊ ÁNH	TUYẾT	01/12/93	CD12CA															
97	11123054	PHẠM THỊ THU	TƯỜNG	17/08/93	DH11KE															
98	11363122	HỒ THỊ THẢO	UYÊN	26/04/93	CD11CA															
99	11123167	NGUYỄN THỊ BÍCH	VÂN	01/06/93	DH11KE															
100	12122270	TĂNG TIẾN	VŨ	11/09/94	DH12TM															
101	11123171	NGUYỄN NHƯ	Ý	01/03/92	DH11KE															
102	12363148	NGÔ THỊ HẢI	YẾN	12/06/94	CD12CA															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Nguyên lý kế toán (208336) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Đàm Thị Hải Âu (326)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	12120365	TRẦN VÂN	ANH	01/05/93	DH12KM															
2	12120246	LÊ THỊ HỒNG	ÁNH	22/08/94	DH12KM															
3	12363227	VÕ THỊ HÒA	ÂN	06/12/94	CD12CA															
4	12363151	NGUYỄN HỒ	BẢO	06/09/94	CD12CA															
5	12120498	NGUYỄN TẤN	BẢO	04/06/94	DH12KM															
6	12363003	NGUYỄN THỊ HẢI	CHÂU	17/11/94	CD12CA															
7	12363259	TRƯƠNG THỊ LỆ	DIỄM	02/02/94	CD12CA															
8	12363334	HUỲNH THỊ PHƯƠNG	DUNG	11/09/94	CD12CA															
9	12122008	LÊ THỊ	DUNG	26/01/94	DH12QT															
10	12363261	NGUYỄN MINH	DUNG	05/09/94	CD12CA															
11	12363163	VŨ TIẾN	DŨNG	22/08/94	CD12CA															
12	12363021	ĐINH THỊ MỸ	DUYÊN	08/12/94	CD12CA															
13	12122118	PHẠM THỊ MỸ	DUYÊN	01/03/94	DH12TM															
14	12363263	TRẦN THỊ MỸ	DUYÊN	26/08/94	CD12CA															
15	12363335	VŨ THỊ THÙY	DƯƠNG	23/12/93	CD12CA															
16	12363336	TRẦN THANH	ĐOAN	16/04/94	CD12CA															
17	12363006	HUỲNH PHÚC	ĐÔNG	19/07/94	CD12CA															
18	12363211	PHẠM THỊ MỸ	HẠNH	26/01/94	CD12CA															
19	09123034	TRỊNH THỊ MỸ	HẠNH	28/09/91	DH09KE															
20	12120374	VÕ THỊ NGỌC	HẠNH	10/02/94	DH12KT															
21	12120256	BÙI THỊ THANH	HẰNG	15/05/94	DH12KM															
22	10123051	ĐÀO THỊ	HẰNG	17/08/92	DH10KE															
23	12363265	ĐINH KIM	HẰNG	28/07/94	CD12CA															
24	12363267	VÕ THỊ	HẰNG	27/09/93	CD12CA															
25	12120293	NGUYỄN HOÀNG THỤC	HÂN	25/11/94	DH12KM															
26	10363051	ĐINH THỊ THANH	HIỀN	26/01/92	CD10CA															
27	12120003	PHẠM CHÍ	HIẾU	16/04/94	DH12KM															
28	12123233	BÙI THỊ ÁNH	HOA	20/02/94	DH12KE															
29	12120336	PHAN THỊ BÍCH	HOA	02/01/94	DH12KT															
30	11363037	TRƯƠNG THỊ QUỲNH	HOA	09/12/93	CD11CA															
31	12122141	NGUYỄN THỊ	HOÀ	18/08/94	DH12TM															
32	10123069	PHẠM THỊ HIỀN	HÒA	26/01/92	DH10KE															
33	12155095	LƯU MINH	HOÀNG	08/12/93	DH12KN															
34	12363100	ĐỖ XUÂN	HUẤN	01/01/92	CD12CA															
35	12120075	NGUYỄN THỊ	HUYỀN	13/07/94	DH12KM															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Nguyên lý kế toán (208336) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Đàm Thị Hải Âu (326)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	12363330	NGUYỄN THỊ	HUYỀN	24/10/94	CD12CA															
37	12122149	NGUYỄN LAN	HƯƠNG	29/08/94	DH12TM															
38	12363072	VŨ THỊ LAN	HƯƠNG	18/07/93	CD12CA															
39	12363216	NGUYỄN QUỐC	HY	02/03/94	CD12CA															
40	12363181	PHẠM THỊ LY	LA	20/05/94	CD12CA															
41	12363077	NGUYỄN THỊ	LAN	16/09/94	CD12CA															
42	12123132	HỒ THỊ	LÀNH	15/12/94	DH12KE															
43	12122159	NGUYỄN VĂN THỦY	LÂM	24/03/94	DH12QT															
44	12120389	ĐỖ THỊ MỸ	LỆ	13/04/94	DH12KM															
45	12120351	LÊ THỊ NHƯ	LIÊN	14/01/94	DH12KT															
46	12120191	LÊ THỊ MỘNG	LINH	26/02/94	DH12KT															
47	12363208	LƯƠNG THỊ MỸ	LINH	07/09/94	CD12CA															
48	12363177	VŨ THỊ HỒNG	LINH	16/08/94	CD12CA															
49	12363286	NGUYỄN THỊ HỒNG	LOAN	02/04/94	CD12CA															
50	10164019	TRƯƠNG BÁ	LƯU	05/09/92	DH10TC															
51	12363318	NGUYỄN NỮ KHÁNH	LY	02/04/94	CD12CA															
52	12363282	ĐẶNG THỊ NGỌC	MAI	28/06/94	CD12CA															
53	12363064	HUỲNH THỊ PHƯƠNG	MAI	10/05/93	CD12CA															
54	12363237	BÙI THỊ DIỄM	MY	09/08/93	CD12CA															
55	12123147	DƯƠNG HẰNG	NGA	29/06/94	DH12KE															
56	12120349	LÊ THỊ	NGA	05/05/94	DH12KT															
57	12120377	ĐẶNG THỊ TUYẾT	NGÂN	24/11/93	DH12KT															
58	11363071	TRẦN THỊ NHƯ	NGOAN	20/09/93	CD11CA															
59	12120627	HOÀNG THỊ ÁNH	NGỌC	28/10/93	DH12KM															
60	12363102	NGUYỄN THỊ BÍCH	NGỌC	05/12/94	CD12CA															
61	12363331	PHAN THỊ QUỲNH	NGỌC	16/09/94	CD12CA															
62	12120556	NGUYỄN THANH THẢO	NGUYÊN	11/12/94	DH12KM															
63	12122303	NGUYỄN THỊ THẢO	NGUYÊN	06/12/94	DH12TM															
64	12122038	TRẦN THỊ THẢO	NGUYÊN	10/09/94	DH12TC															
65	12122188	NGUYỄN THỊ	NGUYỆT	04/10/94	DH12TM															
66	12155021	BÀNH QUỐC	NHÃ	10/11/94	DH12KN															
67	12120477	NGUYỄN THỊ THANH	NHÃ	03/12/94	DH12KT															
68	12120107	NGUYỄN THỊ UYỂN	NHI	03/01/94	DH12KM															
69	12120393	PHẠM VÂN	NHI	08/10/94	DH12KM															
70	12120620	TRƯƠNG HỒNG	NHƯ	09/07/94	DH12KT															
71	12123164	NGUYỄN THỊ NHƯ	PHÔI	15/04/94	DH12KE															
72	12120559	NGUYỄN THỊ KIM	PHỤNG	25/04/94	DH12KT															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Nguyên lý kế toán (208336) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Đàm Thị Hải Âu (326)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	12122043	NGUYỄN NGỌC KIM	PHƯƠNG	25/03/94	DH12TM															
74	10123153	TẠ HỒNG	PHƯỢNG	22/06/92	DH10KE															
75	12120512	ĐẶNG THỊ	QUÝ	06/08/94	DH12KT															
76	12120522	LÊ THỊ KIM	QUÝ	02/04/94	DH12KT															
77	12122214	LÊ THỊ	QUỲNH	06/09/94	DH12TC															
78	12363190	LÊ THỊ	SƯƠNG	10/10/93	CD12CA															
79	12363110	NGUYỄN THÀNH	TÂN	29/06/94	CD12CA															
80	12363141	ĐỖ HOÀNG NHẬT	THÀNH	20/10/94	CD12CA															
81	12120490	ĐẶNG THỊ THU	THẢO	01/09/94	DH12KM															
82	12123046	ĐỒNG THỊ THU	THẢO	20/07/93	DH12KE															
83	12122225	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	03/01/94	DH12TM															
84	12120489	NGUYỄN THỊ THU	THẢO	09/03/94	DH12KT															
85	12120403	TRẦN THỊ	THẢO	10/05/93	DH12KM															
86	12120200	NGUYỄN THỊ	THẮM	07/12/94	DH12KT															
87	12363063	NGUYỄN THỊ	THẮM	12/07/93	CD12CA															
88	12120562	NINH THỊ	THẮM	10/12/93	DH12KT															
89	12363212	TRẦN THỊ	THỂ	08/02/94	CD12CA															
90	11363107	NGUYỄN VĂN	THUẬN	26/10/93	CD11CA															
91	12122057	HOÀNG THỊ MINH	THUỲ	15/09/94	DH12QT															
92	12123078	MAI THỊ LỆ	THỦY	13/11/94	DH12KEGL															
93	12123175	LÊ THỊ	THUÝ	15/10/94	DH12KE															
94	12120523	NGUYỄN THỊ	THÚY	02/02/94	DH12KT															
95	12120605	HUỲNH KIM	THƯ	12/01/94	DH12KT															
96	12363108	ĐẶNG THỊ HUYỀN	TRANG	29/10/94	CD12CA															
97	12363303	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	18/10/94	CD12CA															
98	12122313	PHAN THỊ THUỲ	TRANG	27/08/94	DH12TC															
99	12120314	TRẦN THỊ NGỌC	TRANG	28/12/93	DH12KM															
100	12120350	VŨ THỊ HẢI	TRANG	28/12/94	DH12KM															
101	12363136	VŨ THỊ THÙY	TRANG	21/10/94	CD12CA															
102	11123165	TẠ THỊ NGỌC	TRÂM	20/08/93	DH11KE															
103	12122254	NGUYỄN HỒ BẢO	TRÂN	14/11/94	DH12QT															
104	12363123	PHÙNG NGUYỄN MINH	TRIỀU	27/09/93	CD12CA															
105	12120298	NGUYỄN THỊ ÁNH	TRÚC	15/02/94	DH12KT															
106	12123198	QUÃNG MINH KHẢ	TÚ	16/04/94	DH12KE															
107	11363167	TRẦN THANH	TUẤN	04/05/93	CD11CA															
108	12363005	PHAN HUỲNH KIM	TUYỀN	01/01/94	CD12CA															
109	12363052	NGUYỄN THỊ KIM	TUYẾN	24/08/94	CD12CA															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Nguyên lý kế toán (208336) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Đàm Thị Hải Âu (326)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
110	12363214	NGUYỄN HOÀNG ÁNH	TUYẾT	10/12/94	CD12CA															
111	12363128	NGUYỄN HỒNG	TUYẾT	22/05/94	CD12CA															
112	12363323	TRẦN THỊ	TỨ	24/03/94	CD12CA															
113	11120130	NGUYỄN HOÀNG	VIỆT	17/05/92	CD12CA															
114	11363084	PHẠM ĐỨC	VINH	13/07/92	CD11CA															
115	12120386	NGUYỄN THỊ	VƯƠNG	22/05/94	DH12KT															
116	12123209	NGUYỄN THỊ THÚY	VY	02/01/94	DH12KE															
117	12122274	NGUYỄN THỊ THANH	XUÂN	02/06/94	DH12TM															
118	12122320	HOÀNG THỊ	XUYÊN	18/02/94	DH12QT															
119	12123219	VÕ THỊ NHƯ	Ý	22/12/94	DH12KE															
120	10363198	HOÀNG THỊ	YẾN	14/09/92	CD10CA															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Nguyên lý kế toán (208336) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Đàm Thị Hải Âu (326)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	12120319	HOÀNG QUỲNH	ANH	04/01/94	DH12KT															
2	10122005	LÊ MINH	ANH	17/11/92	DH10QT															
3	12122097	LÊ THỊ	ANH	01/10/94	DH12QT															
4	12122295	LÊ THỊ QUÍ	CHUNG	04/07/94	DH12QT															
5	12122083	NGUYỄN VĂN	CƯỜNG	19/09/93	DH12QT															
6	12120363	HUỲNH THỊ THÚY	DIỄM	02/08/94	DH12KM															
7	12363260	NGUYỄN MINH	DUNG	07/12/94	CD12CA															
8	12120270	NGUYỄN THỊ	DUNG	15/03/94	DH12KM															
9	12122084	PHẠM THỊ BẢO	DUNG	15/07/94	DH12QT															
10	12363007	VŨ THỊ	DUNG	01/10/94	CD12CA															
11	12363314	TRẦN KIM	DŨNG	06/01/94	CD12CA															
12	12123110	PHẠM THÚY	DUYÊN	11/02/94	DH12KE															
13	12120247	HUỲNH DŨNG	DƯƠNG	02/09/94	DH12KM															
14	12123015	NGUYỄN THỊ LAN	ĐÀI	15/09/94	DH12KE															
15	12122324	HOÀNG THỊ	ĐÀO	06/06/92	DH12QT															
16	12123016	NGÔ THỊ	ĐÀO	10/04/94	DH12KE															
17	10120011	VŨ THỊ	ĐẠT	20/10/92	DH10KT															
18	12120060	LÔ THỊ	ĐIỆP	05/02/94	DH12KM															
19	12363339	ĐOÀN KIỀU	GIANG	26/04/94	CD12CA															
20	11143047	ĐỒNG THỊ VŨ	HÀ	11/01/93	DH11KM															
21	12122012	NGUYỄN HUỲNH	HẠ	22/04/94	DH12TC															
22	12363032	NGUYỄN THỊ HIẾU	HẠNH	25/06/93	CD12CA															
23	12123232	ĐỖ THỊ THÚY	HẰNG	19/09/94	DH12KE															
24	12120592	ĐẶNG CÔNG	HẬU	04/04/94	DH12KM															
25	12120257	LÊ THỊ DIỆU	HẬU	27/04/94	DH12KT															
26	12123022	ĐỖ KIM	HOA	02/02/94	DH12KE															
27	12120258	NGUYỄN NHƯ	HOÀNG	12/12/93	DH12KM															
28	12120296	NGUYỄN THANH	HOÀNG	05/04/94	DH12KM															
29	10363201	NGÔ THỊ	HỒNG	08/03/92	CD10CA															
30	12363038	NGÔ THỊ KIM	HỒNG	14/02/94	CD12CA															
31	12123126	TRẦN NHƯ NGỌC	HỒNG	11/07/93	DH12KE															
32	12122021	LƯU HỮU	HUỆ	01/02/92	DH12QT															
33	12363272	TRẦN THỊ	HUỆ	13/04/94	CD12CA															
34	12120284	TRẦN	HƯNG	16/10/94	DH12KT															
35	12120514	HUỲNH THỊ HUẾ	HƯƠNG	01/05/94	DH12KM															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Nguyên lý kế toán (208336) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Đàm Thị Hải Âu (326)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	12122153	HỒ PHẠM VIỆT	KHANH	20/10/94	DH12TC															
37	10164014	BẠCH ĐĂNG	KHOA	20/09/92	DH10TC															
38	09222044	NGUYỄN NHƯ	KHOA	12/09/84	TC09QTTD															
39	12120381	NGUYỄN THỊ NHƯ	KHUYẾN	18/12/94	DH12KT															
40	12120082	NGUYỄN THỊ NGỌC	LA	05/08/94	DH12KM															
41	12120543	NGUYỄN TÙNG	LÂM	19/01/94	DH12KT															
42	12120587	ĐẶNG NGỌC	LỆ	01/09/93	DH12KT															
43	12120172	NGUYỄN THỊ NGỌC	LIÊN	28/09/94	DH12KM															
44	12363044	ĐOÀN THỊ CẨM	LINH	18/09/94	CD12CA															
45	12120526	HỒNG THỊ PHƯƠNG	LINH	14/09/94	DH12KM															
46	11143190	LÊ KHÁNH	LINH	09/09/93	DH11KM															
47	12363057	PHẠM THÙY	LINH	16/02/94	CD12CA															
48	12363218	THÁI THỊ THÙY	LINH	22/12/94	CD12CA															
49	12120626	NGUYỄN THỊ KIỀU	LOAN	26/12/94	DH12KM															
50	12120553	NGUYỄN THỊ KIM	LOAN	25/04/94	DH12KT															
51	11363152	TRẦN KIM	LOAN	13/02/93	CD11CA															
52	12130079	LÊ HỮU	LONG	29/05/94	DH12DT															
53	12120174	DƯƠNG HUY HOÀNG	LỘC	19/07/94	DH12KT															
54	12363078	NGUYỄN THỊ	LỤA	23/10/94	CD12CA															
55	12363317	NGUYỄN THỊ	LƯỜNG	27/04/93	CD12CA															
56	12363234	BÙI THỊ CẨM	LY	28/12/94	CD12CA															
57	10122090	NGUYỄN THỊ MỸ	LY	27/07/92	DH10QT															
58	12363192	LÊ THỊ HOÀI	MẾN	02/11/94	CD12CA															
59	12363099	ĐẶNG THỊ HỒNG	NÊN	/ /94	CD12CA															
60	10150045	NGUYỄN THỊ THANH	NGA	03/02/91	DH10TM															
61	12363187	VŨ THỊ	NGA	16/01/94	CD12CA															
62	12120354	TRẦN THỊ	NGÂN	28/10/94	DH12KT															
63	12120447	CAO CHÍ	NGHĨA	11/09/94	DH12KT															
64	12363319	ĐÀM THỊ ÁNH	NGỌC	30/10/94	CD12CA															
65	12120449	NGUYỄN HOÀNG BẢO	NGỌC	24/03/94	DH12KT															
66	12122183	THOÒNG KIM	NGỌC	09/04/94	DH12TM															
67	12120195	LÊ THỊ	NGUYÊN	06/08/94	DH12KT															
68	12120302	VÕ VĂN	NGUYÊN	11/08/91	DH12KM															
69	11363076	NGUYỄN HỒ VI	NHÃ	23/06/93	CD11CA															
70	12120316	BIỆN THỊ	NHỚ	01/08/94	DH12KT															
71	10363076	HUỲNH THỊ HỒNG	NHUNG	16/08/92	CD10CA															
72	12120245	K' ANH	PHÚC	07/10/93	DH12KM															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Nguyên lý kế toán (208336) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Đàm Thị Hải Âu (326)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	12363210	LƯU MINH	PHƯƠNG	26/02/93	CD12CA															
74	11122099	TRẦN THỊ HÀ	PHƯƠNG	25/03/93	DH11QT															
75	12123167	LÊ THỊ THÚY	QUỲNH	10/01/94	DH12KE															
76	12363105	TRƯƠNG THỊ	QUỲNH	08/12/93	CD12CA															
77	12120452	NGUYỄN THỊ KIM	SA	06/09/94	DH12KT															
78	12120412	NGUYỄN THỊ THÙY	SANG	10/05/94	DH12KT															
79	11143089	NGUYỄN THỊ	SÂM	12/02/92	DH11KM															
80	12120304	HUỲNH HỒ THIỆN	TÂM	17/10/94	DH12KM															
81	12363340	TRẦN THỊ	TÂM	02/07/94	CD12CA															
82	12363048	ĐẶNG THỊ MỸ	THẠCH	03/10/94	CD12CA															
83	12363344	LƯƠNG THỊ THU	THẢO	18/04/93	CD12CA															
84	12363047	TRẦN THỊ THU	THẢO	10/06/94	CD12CA															
85	12363109	NGUYỄN THỊ MỸ	THẮM	08/08/94	CD12CA															
86	12122053	KIỀU QUỐC	THẮNG	01/01/93	DH12QT															
87	10123175	NGUYỄN THỊ	THÍA	26/11/92	DH10KE															
88	12120441	NGUYỄN THỊ	THU	08/08/94	DH12KM															
89	12363113	LÊ THỊ MỸ	THUẬN	12/10/94	CD12CA															
90	12363118	BÙI THỊ	THỦY	15/07/94	CD12CA															
91	10150085	VŨ THỊ THANH	THỦY	24/09/92	DH10TM															
92	12120608	NGÔ THỊ	THÚY	12/05/94	DH12KT															
93	12363244	NGUYỄN THỊ	THUYÊN	25/01/94	CD12CA															
94	09363213	LÂM THỊ MINH	THƯ	15/02/91	CD09CA															
95	10123185	LÊ ANH	THƯ	28/10/92	DH10KE															
96	11143213	TRẦN NGUYỄN ANH	THƯ	17/03/93	DH11KM															
97	12120494	HOÀNG NGUYỄN HOÀI	THƯƠNG	18/09/94	DH12KM															
98	12363043	HOÀNG THỊ THU	THƯƠNG	24/05/94	CD12CA															
99	12122237	NGUYỄN THỊ MINH	THƯƠNG	08/03/94	DH12TM															
100	12363127	NGUYỄN THỊ THỦY	TIÊN	19/07/94	CD12CA															
101	12120251	NGUYỄN TRỊNH	TIỀN	27/12/93	DH12KM															
102	12122244	NGUYỄN TRỌNG	TÍN	02/03/94	DH12TM															
103	12363076	LÊ THỊ	TRANG	21/11/94	CD12CA															
104	11143132	TRƯƠNG DIỄM	TRANG	22/03/92	DH11KM															
105	12120024	LÊ THỊ QUỲNH	TRÂM	24/02/94	DH12KT															
106	12363198	NGUYỄN THỊ THU	TRÂM	17/10/93	CD12CA															
107	10155010	LÊ THẠCH THẢO	TRINH	18/01/92	DH10KN															
108	12363304	NGUYỄN ĐẶNG PHƯƠNG	TRINH	08/11/94	CD12CA															
109	12123059	NGUYỄN HOÀI HƯNG	TRINH	15/07/94	DH12KE															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Nguyên lý kế toán (208336) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Đàm Thị Hải Âu (326)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
110	11120105	TRẦN THỊ VIỆT	TRINH	29/11/93	CD12CA															
111	12120501	HOÀNG MINH CẨM	TÚ	23/04/94	DH12KT															
112	11122121	NGUYỄN DUY	TUẤN	28/03/93	DH12QT															
113	12120159	ĐẶNG THANH	TÙNG	16/10/94	DH12KM															
114	11143115	HỒ THỊ MINH	TUYẾT	10/07/93	DH11KM															
115	12120207	NGUYỄN THỊ	VÂN	02/02/94	DH12KT															
116	11143233	NGUYỄN THU	VÂN	05/08/93	DH11KM															
117	12120572	TIẾT THANH	VÂN	19/12/94	DH12KT															
118	10130900	PHẠM BÁ	VINH	13/04/91	DH11QT															
119	12120165	MAI BÌNH	YÊN	07/05/94	DH12KM															
120	11363040	MAI THỊ NGỌC	YẾN	05/06/93	CD11CA															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Nguyên lý kế toán (208336) - Nhóm 04 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Bùi Xuân Nhã (293)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	12120325	HUỲNH THỊ TRÂM	ANH	18/11/94	DH12KT															
2	12123003	NGUYỄN HỒ TRÂM	ANH	20/09/94	DH12KE															
3	08222205	TRẦN THỤY VÂN	ANH	01/09/89	TC08QTDN															
4	12122105	NGUYỄN DUY	BÌNH	08/03/94	DH12TM															
5	12123074	VÕ THỊ SƠN	CA	20/02/94	DH12KE															
6	12363256	NGUYỄN LÊ HỒNG	CHÂU	15/02/94	CD12CA															
7	10123017	TRẦN THỊ PHƯƠNG	CHÂU	11/04/91	DH10KE															
8	12122296	MAI THỊ	DIỄM	30/07/94	DH12TM															
9	12123010	NGUYỄN THỊ NGỌC	DIỄM	25/08/94	DH12KE															
10	12120052	VÕ THÚY	DIỄM	26/02/94	DH12KT															
11	12122007	BÙI THỊ	DUNG	15/09/93	DH12QT															
12	12120053	NGUYỄN THỊ THU	DUNG	17/09/94	DH12KT															
13	12122298	PHẠM THỊ PHƯƠNG	DUNG	04/04/94	DH12TM															
14	12120029	LÝ THANH	DUY	13/01/94	DH12KT															
15	11120028	NGUYỄN KHƯƠNG	DUY	21/11/93	DH11KT															
16	11120127	TRẦN	DUY	18/08/93	DH11KT															
17	12122115	TRẦN HỮU	DUY	08/11/92	DH12QT															
18	12123014	NGUYỄN NGỌC KỲ	DUYÊN	18/11/94	DH12KE															
19	11120128	NGUYỄN THỊ MỸ	DUYÊN	27/07/93	DH11KT															
20	12122010	LÊ NGỌC	DƯ	20/11/94	DH12QT															
21	11120085	NGÔ VĂN	DƯƠNG	28/09/86	DH11KT															
22	11122065	HÀ THỊ HỒNG	ĐÀO	19/07/93	DH11QT															
23	12122123	NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	20/10/94	DH12TM															
24	12123018	NGUYỄN THỊ HỒNG	GIÀU	11/11/94	DH12KE															
25	12122131	NGUYỄN THỊ NGỌC	HẠNH	23/04/94	DH12TM															
26	12363328	DƯƠNG THỊ	HẰNG	20/01/94	CD12CA															
27	12122013	ĐINH THỊ THANH	HẰNG	31/07/94	DH12TC															
28	12120299	NGUYỄN NGỌC PHƯỢNG	HẰNG	26/12/94	DH12KM															
29	10363170	NGUYỄN THỊ THANH	HẰNG	20/02/92	CD11CA															
30	11143004	NGUYỄN THỊ THU	HẰNG	08/05/93	DH11KM															
31	12363164	NGUYỄN THỊ THÚY	HẰNG	25/07/94	CD12CA															
32	12363246	TRẦN THỊ THÚY	HẰNG	18/02/94	CD12CA															
33	11363119	NGUYỄN THỊ	HẬU	30/10/93	CD11CA															
34	12122016	TRỊNH THẾ	HIỀN	19/11/94	DH12QT															
35	11120070	ĐẶNG NGỌC	HIỆP	02/09/93	DH11KT															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Nguyên lý kế toán (208336) - Nhóm 04 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Bùi Xuân Nhã (293)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	11363031	NG LÊ T NHƯ PHƯƠNG	HIẾU	17/07/93	CD11CA															
37	12363249	NÔNG THỊ	HIẾU	14/09/94	CD12CA															
38	12122104	NGUYỄN THỊ	HOA	10/07/94	DH12TM															
39	12363035	LÊ THỊ THÚY	HỒNG	16/10/93	CD12CA															
40	11122074	HOÀNG THI KIM	HUỆ	01/11/93	DH11QT															
41	12122085	NGUYỄN QUANG	HUY	19/05/94	DH12TC															
42	12123024	TRỊNH ĐỨC	HUY	28/01/94	DH12KE															
43	11143180	LÊ THỊ MỸ	HUYỀN	04/12/92	DH11KM															
44	11120065	NGUYỄN THỊ	HƯNG	25/02/93	DH11KT															
45	12120033	ĐẶNG THỊ MỸ	HƯƠNG	06/01/94	DH12KT															
46	12122152	ĐOÀN THỊ THANH	HƯỜNG	26/10/94	DH12TM															
47	12120532	TRẦN HOÀNG	KHANG	19/06/93	DH12KT															
48	11120033	HUỲNH THIÊN	KIM	25/10/93	DH11KT															
49	11120035	NGÔ THỊ	LAN	04/02/93	DH11KT															
50	10363123	MAI MỸ	LỆ	08/05/91	CD10CA															
51	12363277	NGUYỄN THỊ	LIÊN	29/06/94	CD12CA															
52	10363154	PHẠM THỊ KIM	LIÊN	10/02/92	CD10CA															
53	12123235	NGUYỄN THỊ NGỌC	LINH	21/10/94	DH12KE															
54	11121018	PHẠM QUANG	LINH	02/03/93	DH11KT															
55	10123098	QUẢNG THỊ MỸ	LINH	11/03/92	DH10KE															
56	12120193	TRƯƠNG THỊ MỸ	LINH	24/05/93	DH12KT															
57	11120009	PHẠM QUỲNH	LOAN	26/11/93	DH11KT															
58	11120069	NGUYỄN TIẾN	LONG	14/02/93	DH11KT															
59	12363236	TIÊU THỊ THANH	LY	29/01/94	CD12CA															
60	12363281	TRẦN LÊ PHƯỚC	LY	03/06/93	CD12CA															
61	12363235	VÕ THỊ	LY	16/02/94	CD12CA															
62	12363015	BÙI THỊ	LÝ	05/05/92	CD12CA															
63	12122031	LÊ THỊ KIM	LÝ	16/03/94	DH12QT															
64	12123144	NGUYỄN THỊ	MẾN	30/08/94	DH12KE															
65	12120476	ĐẶNG THỊ TUYẾT	MINH	15/01/93	DH12KM															
66	11122026	NGUYỄN THỊ THÙY	MINH	01/01/93	DH11QT															
67	12120595	LƯƠNG THỊ QUỲNH	MY	14/07/94	DH12KT															
68	11120037	VÕ THỊ NGỌC	MỸ	17/09/93	DH11KT															
69	10123004	NGUYỄN THỊ	NGA	29/08/92	DH10KE															
70	12120034	TRẦN THỊ	NGA	17/02/94	DH12KT															
71	10123113	VŨ THỊ	NGA	05/12/92	DH10KE															
72	12363058	HOÀNG KIM	NGÂN	26/01/94	CD12CA															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Nguyên lý kế toán (208336) - Nhóm 04 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Bùi Xuân Nhã (293)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	11120129	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	24/02/92	DH11KT															
74	12122036	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	05/06/94	DH12QT															
75	12122182	NGUYỄN VĂN	NGHĨA	20/01/94	DH12QT															
76	12363238	CAO THỊ MINH	NGỌC	13/11/94	CD12CA															
77	12122037	DƯƠNG THỊ BÍCH	NGỌC	14/10/93	DH12QT															
78	12363092	TRẦN THỊ TUYẾT	NGỌC	24/10/94	CD12CA															
79	12363075	ĐẶNG THỊ THẢO	NGUYÊN	08/07/93	CD12CA															
80	12122192	VÕ CÔNG	NHÂN	23/04/94	DH12QT															
81	12123158	HỒ THANH	NHẬT	13/07/94	DH12KE															
82	12123160	LÊ PHƯƠNG UYỂN	NHI	24/09/94	DH12KE															
83	11122092	LÊ THỊ YẾN	NHI	18/01/93	DH11QT															
84	12363079	NGUYỄN KHÁNH	NHI	23/10/94	CD12CA															
85	11120039	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	17/05/93	DH11KT															
86	11120121	HỒ PHẠM CẨM	NHUNG	05/10/93	DH11KT															
87	12363067	TRẦN THỊ MỸ	NHUNG	20/03/94	CD12CA															
88	12122306	NGUYỄN THỊ THÚY	NHY	01/07/94	DH12QT															
89	12120460	THÁI THỊ	OANH	20/01/94	DH12KT															
90	12122203	HỒ NHÌN	PHÓN	19/04/93	DH12QT															
91	12122040	NGUYỄN TẤN	PHÚ	18/07/94	DH12QT															
92	12122206	NGUYỄN HỒNG	PHÚC	27/12/94	DH12QT															
93	12123165	HOÀNG THỊ BÍCH	PHƯƠNG	17/12/94	DH12KE															
94	12122207	NGUYỄN PHAN ANH	PHƯƠNG	22/01/94	DH12TC															
95	11120095	PHẠM HÀ	PHƯƠNG	05/10/93	DH11KT															
96	12120117	TRẦN THỊ THANH	PHƯƠNG	22/07/94	DH12KT															
97	12120015	VŨ HÀ	PHƯƠNG	06/08/94	DH12KT															
98	11120011	TRẦN THỊ	PHƯỢNG	08/01/93	DH11KT															
99	12122044	NGUYỄN XUÂN	QUANG	11/06/94	DH12QT															
100	12123166	HUỲNH THỊ THẢO	QUYÊN	26/07/94	DH12KE															
101	12120462	LÊ THẢO	QUYÊN	08/09/94	DH12KT															
102	12120331	VÕ TRUNG	QUYỀN	24/09/94	DH12KM															
103	12122046	LƯƠNG TRỌNG	QUỲNH	03/03/93	DH12QT															
104	12122308	NGUYỄN THỊ THU	SƯƠNG	10/10/94	DH12TM															
105	12120123	NGUYỄN CÔNG	TÀI	13/05/94	DH12KM															
106	12123168	LỮ HOÀNG MINH	TÂN	22/12/94	DH12KE															
107	12363296	TÔ HỒNG	THANH	10/03/94	CD12CA															
108	11363097	ĐÀO THỊ THU	THẢO	24/06/93	CD11CA															
109	10123171	VŨ THU	THẢO	19/01/92	DH10KE															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Nguyên lý kế toán (208336) - Nhóm 04 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Bùi Xuân Nhã (293)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
110	11122113	TRỊNHTHI KIỀU	THI	20/04/93	DH11QT															
111	12122054	LƯU HỮU	THIỆN	10/10/93	DH12TC															
112	11363064	LÊ THỊ MỸ	THU	18/04/93	CD11CA															
113	12120130	TRIỆU THỊ	THU	08/08/94	DH12KM															
114	12120131	LÊ HỮU	THUẬN	04/02/94	DH12KT															
115	11155015	NGÔ PHAN VŨ GIA	THUẬN	12/01/93	DH11KN															
116	11122116	HÀ THỊ THANH	THÙY	24/01/93	DH11QT															
117	12363297	LÊ MINH	THÙY	18/10/93	CD12CA															
118	10122159	ĐINH THỊ THANH	THỦY	02/12/92	DH10QT															
119	12363122	NGÔ THỊ BÍCH	THỦY	08/07/93	CD12CA															
120	12363194	NGÔ THỊ HỒNG MỘNG	THÚY	15/05/94	CD12CA															
121	12363045	NGUYỄN THỊ	THUYÊN	09/05/94	CD12CA															
122	12122236	NGUYỄN THỊ ANH	THƯ	01/03/94	DH12TC															
123	12123052	NGUYỄN THỊ KIM	THƯ	11/07/94	DH12KE															
124	12363154	HỒ THỊ HOÀI	THƯƠNG	13/11/94	CD12CA															
125	12123079	PHAN THỊ THANH	THƯƠNG	26/11/94	DH12KE															
126	12363298	TRẦN THY	THY	27/09/94	CD12CA															
127	12122059	NGUYỄN THỊ KIỀU	TIÊN	01/11/94	DH12QT															
128	12122242	ĐỖ VIẾT	TIẾN	18/02/94	DH12QT															
129	11120048	NGUYỄN HỮU	TIẾN	09/12/93	DH11KT															
130	12123186	TRẦN HOÀNG	TIẾN	31/07/94	DH12KE															
131	12122061	NGUYỄN HỮU	TÍN	27/03/94	DH12QT															
132	12363300	TĂNG THỊ THU	TỈNH	10/03/94	CD12CA															
133	12363114	LÊ VĂN	TÍNH	21/02/94	CD12CA															
134	12122062	TRẦN MINH	TOÀN	27/03/94	DH12QT															
135	12363301	LÊ NGỌC	TRANG	23/12/94	CD12CA															
136	12122250	TRẦN THỊ THÙY	TRANG	22/07/94	DH12TM															
137	12363137	NGUYỄN BẢO	TRÂN	28/09/93	CD12CA															
138	12363232	PHAN THỊ BẢO	TRÂN	20/11/93	CD12CA															
139	12122064	THÁI DƯƠNG HUỲNH	TRÂN	08/04/93	DH12TM															
140	11363165	THÁI THỊ UYÊN	TRÂN	14/08/92	CD11CA															
141	12122314	ĐINH THỊ NGỌC	TRINH	24/04/94	DH12QT															
142	12363305	NGUYỄN THỊ TỐ	TRINH	21/06/94	CD12CA															
143	12363251	NGUYỄN THỊ THU	TRÚC	26/10/94	CD12CA															
144	11120079	PHAN THANH	TRÚC	02/12/93	DH11KT															
145	12120155	ĐỖ THÀNH	TRUNG	24/02/94	DH12KM															
146	12122065	HỒ CHÍ	TRUNG	19/06/93	DH12QT															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Nguyên lý kế toán (208336) - Nhóm 04 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Bùi Xuân Nhã (293)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
147	11120051	NGUYỄN VĂN	TRUNG	25/06/93	DH11KT															
148	12122066	TRẦN THẾ	TRUNG	08/12/94	DH12TC															
149	11363117	NGUYỄN THỊ THU	TRƯỜNG	26/02/93	CD11CA															
150	12123256	NGUYỄN CẨM	TÚ	22/11/94	DH12KE															
151	11363143	HUỲNH HỒNG	TUYỀN	20/08/93	CD11CA															
152	12363202	NGUYỄN THỊ MỘNG	TUYỀN	22/09/94	CD12CA															
153	12363203	TRẦN THỊ PHƯỢNG	TUYẾN	03/02/94	CD12CA															
154	12120037	NGUYỄN THỊ	TUYẾT	06/06/94	DH12KM															
155	12363322	PHẠM THỊ ÁNH	TUYẾT	01/12/93	CD12CA															
156	11363124	HOÀNG THỊ HỒNG	VÂN	23/11/92	CD11CA															
157	11363043	NGUYỄN THỊ	VẬN	01/01/93	CD11CA															
158	11120055	LÂM THỊ	VĨNH	/ /92	DH11KT															
159	12122271	CAO KHÁNH	VY	29/04/94	DH12TM															
160	10143100	TRẦN VĂN	XUÂN	16/02/92	DH10KM															
161	12123065	TRƯƠNG KIM	XUÂN	26/12/93	DH12KE															
162	12122276	VÕ THỊ BẢO	XUÂN	03/04/94	DH12QT															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Thuế (208337) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Nguyễn ý Nguyên Hân (T501)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	12122095	NGUYỄN NGỌC THÙY	AN	19/05/94	DH12TC															
2	12363011	NGUYỄN THỊ NGỌC	ÁNH	08/03/93	CD12CA															
3	12122106	BÙI THỊ	CẨM	02/02/93	DH12TM															
4	12123103	ĐAN CHÂU HẠNH	CHI	05/09/94	DH12KE															
5	12122005	NGUYỄN TRỌNG	CÔNG	24/11/93	DH12QT															
6	12363313	HUỲNH THỊ THÚY	DIỄM	10/05/94	CD12CA															
7	12363228	NGUYỄN THỊ THÚY	DIỄM	24/06/94	CD12CA															
8	12122111	TRẦN THỊ	DIỄM	12/12/94	DH12QT															
9	12363259	TRƯƠNG THỊ LỆ	DIỄM	02/02/94	CD12CA															
10	12122297	NGUYỄN THỊ THANH	DIỆU	08/01/94	DH12QT															
11	12363033	VÕ THỊ KIM	DUNG	09/09/93	CD12CA															
12	12122114	BÙI NGUYỄN HOÀNG	DUY	24/05/91	DH12TM															
13	12363021	ĐINH THỊ MỸ	DUYÊN	08/12/94	CD12CA															
14	12363155	HOÀNG THỊ MỸ	DUYÊN	06/08/94	CD12CA															
15	12122282	TRẦN MỸ	DUYÊN	19/10/94	DH12QT															
16	12122010	LÊ NGỌC	DƯ	20/11/94	DH12QT															
17	12155040	TRẦN THỊ	ĐÀO	10/03/93	DH12KN															
18	12122325	ĐÀO VĂN	ĐẠO	05/03/93	DH12QT															
19	12363339	ĐOÀN KIỀU	GIANG	26/04/94	CD12CA															
20	12155143	NGUYỄN THỊ NGỌC	GIÀU	11/01/92	DH12KN															
21	12122126	BÙI THỊ THU	HÀ	10/10/94	DH12TM															
22	12363028	CHU THÚY	HÀ	04/01/94	CD12CA															
23	12122283	TRẦN THỊ THANH	HÀ	25/08/94	DH12QT															
24	12122012	NGUYỄN HUỲNH	HẠ	22/04/94	DH12TC															
25	12363207	PHẠM THỊ HỒNG	HẠNH	30/11/94	CD12CA															
26	12363246	TRẦN THỊ THÚY	HẰNG	18/02/94	CD12CA															
27	12363267	VÕ THỊ	HẰNG	27/09/93	CD12CA															
28	12123087	LÊ THỊ	HIỀN	18/02/94	DH12KE															
29	12122016	TRỊNH THẾ	HIỀN	19/11/94	DH12QT															
30	12155044	CAO THỊ KIỀU	HOA	13/09/94	DH12KN															
31	12123247	NGUYỄN THỊ	HOA	13/07/94	DH12KE															
32	12155112	PHẠM THỊ THÁI	HÒA	23/08/94	DH12KN															
33	12122318	NGUYỄN THỊ	HỒNG	29/09/94	DH12QT															
34	12123126	TRẦN NHƯ NGỌC	HỒNG	11/07/93	DH12KE															
35	12122022	LÊ THANH	HUY	30/03/94	DH12QT															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Thuế (208337) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Nguyễn ý Nguyên Hân (T501)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	12363330	NGUYỄN THỊ	HUYỀN	24/10/94	CD12CA															
37	12363072	VŨ THỊ LAN	HƯƠNG	18/07/93	CD12CA															
38	12122153	HỒ PHẠM VIỆT	KHANH	20/10/94	DH12TC															
39	12122025	ĐẶNG ĐĂNG	KHOA	10/05/87	DH12TC															
40	12123132	HỒ THỊ	LÀNH	15/12/94	DH12KE															
41	12123138	NGUYỄN TẤN THANH	LỈNH	07/06/94	DH12KE															
42	12363059	ĐẶNG THỊ THANH	LOAN	25/05/94	CD12CA															
43	12123032	MAI NGỌC	LONG	15/12/93	DH12KE															
44	12363318	NGUYỄN NỮ KHÁNH	LY	02/04/94	CD12CA															
45	12363235	VÕ THỊ	LY	16/02/94	CD12CA															
46	12363080	VÕ THỊ NGỌC	LÝ	10/02/93	CD12CA															
47	12363282	ĐẶNG THỊ NGỌC	MAI	28/06/94	CD12CA															
48	12122036	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	05/06/94	DH12QT															
49	12122185	PHẠM PHƯƠNG	NGUYÊN	16/10/94	DH12QT															
50	12122186	PHẠM THỊ THẢO	NGUYÊN	23/11/94	DH12TM															
51	12123157	MAI HOÀNG	NHÂN	07/11/94	DH12KE															
52	12122195	ĐẶNG THỊ HUỲNH	NHƯ	01/05/94	DH12TC															
53	12363290	VÕ HOÀI BẢO	NHƯ	29/07/94	CD12CA															
54	12123164	NGUYỄN THỊ NHƯ	PHÔI	15/04/94	DH12KE															
55	12122288	TẠ NGUYỄN THẢO	SƯƠNG	08/08/94	DH12QT															
56	12122219	LÊ HOÀNG ANH	THAO	05/10/94	DH12TM															
57	12122228	PHẠM THỊ NGỌC	THẮM	04/03/94	DH12QT															
58	12363212	TRẦN THỊ	THỂ	08/02/94	CD12CA															
59	12123050	NGUYỄN THỊ CẨM	THU	24/10/94	DH12KE															
60	12122057	HOÀNG THỊ MINH	THUỲ	15/09/94	DH12QT															
61	12363122	NGÔ THỊ BÍCH	THỦY	08/07/93	CD12CA															
62	12122233	PHẠM THỊ BÍCH	THỦY	28/02/94	DH12QT															
63	12363194	NGÔ THỊ HỒNG MỘNG	THÚY	15/05/94	CD12CA															
64	12155101	LÊ NGỌC ANH	THƯ	24/01/94	DH12KN															
65	12122235	NGUYỄN THỊ ANH	THƯ	27/05/94	DH12TM															
66	12123079	PHAN THỊ THANH	THƯƠNG	26/11/94	DH12KE															
67	12123188	LÊ THỊ	TÌNH	04/10/94	DH12KE															
68	12363343	NGUYỄN THỊ NGỌC	TRÂM	08/07/94	CD12CA															
69	12122256	PHẠM HỒNG	TRÌNH	11/09/92	DH12QT															
70	12122260	NGUYỄN THỊ SƠN	TRÚC	20/07/94	DH12QT															
71	12122257	TRẦN KỲ	TRUNG	19/10/94	DH12TC															
72	12363039	PHẠM THỊ THU	VÂN	17/08/93	CD12CA															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Thuế (208337) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Nguyễn ý Nguyên Hân (T501)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	12122093	AN THỊ THẢO	VI	20/10/94	DH12TC															
74	12122070	KIỀU VŨ THÚY	VI	19/11/94	DH12TM															
75	12123063	NGUYỄN THỊ	VI	08/05/94	DH12KE															
76	12122276	VÕ THỊ BẢO	XUÂN	03/04/94	DH12QT															
77	12122320	HOÀNG THỊ	XUYÊN	18/02/94	DH12QT															
78	12123211	ĐẶNG THỊ HỒNG	YẾN	07/04/94	DH12KE															
79	12122074	NGUYỄN THỊ HẢI	YẾN	15/04/94	DH12QT															
80	12363149	NGUYỄN THỊ NGỌC	YẾN	19/02/91	CD12CA															
81	12122281	NGUYỄN THỊ PHI	YẾN	27/11/94	DH12QT															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Thuế (208337) - Nhóm 03 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Khúc Đình Nam (887)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	12363001	HOÀNG THỊ TƯỜNG	ANH	16/03/94	CD12CA															
2	12123006	HÀ NGỌC	ÁNH	19/11/94	DH12KE															
3	12123074	VÕ THỊ SƠN	CA	20/02/94	DH12KE															
4	12123105	VŨ THỊ KIM	CHI	21/02/93	DH12KE															
5	11155012	TRẦN HỮU	CHÍ	21/01/92	DH11KN															
6	12123230	PHẠM THỊ NGỌC	CHÍNH	08/06/94	DH12KE															
7	12122295	LÊ THỊ QUÍ	CHUNG	04/07/94	DH12QT															
8	11164001	VÕ QUỐC	CÔNG	27/12/93	DH11TC															
9	12123084	NGUYỄN THỊ KIM	CÚC	02/10/94	DH12KE															
10	12122083	NGUYỄN VĂN	CƯỜNG	19/09/93	DH12QT															
11	12155030	LÊ DƯƠNG	DEN	01/03/94	DH12KN															
12	12363334	HUỲNH THỊ PHƯƠNG	DUNG	11/09/94	CD12CA															
13	11164039	NGUYỄN TRƯƠNG KỲ	DUYÊN	25/04/93	DH11TC															
14	12122118	PHẠM THỊ MỸ	DUYÊN	01/03/94	DH12TM															
15	12363006	HUỲNH PHÚC	ĐÔNG	19/07/94	CD12CA															
16	12123114	HOÀNG THỊ KIM	GIÁC	10/12/94	DH12KE															
17	12123116	NGUYỄN HUỲNH TRÚC	HÀ	30/09/94	DH12KE															
18	12123117	NGUYỄN THỊ	HÀ	25/02/94	DH12KE															
19	12363086	VÕ ĐỖ HOA	HẠ	17/05/94	CD12CA															
20	11363182	HUỲNH THỊ THỦY	HẰNG	12/08/93	CD11CA															
21	12155046	ĐỖ THỊ	HẬU	09/09/94	DH12KN															
22	12123121	TRƯƠNG THỊ	HẬU	02/04/94	DH12KE															
23	12123088	HỒ THỊ	HIẾU	01/10/94	DH12KE															
24	12123123	NGUYỄN XUÂN	HIẾU	30/03/94	DH12KE															
25	12123233	BÙI THỊ ÁNH	HOA	20/02/94	DH12KE															
26	12123124	NGUYỄN THỊ LỆ	HOA	28/06/94	DH12KE															
27	11363036	TRẦN THỊ PHƯƠNG	HOA	23/03/93	CD11CA															
28	12123023	NGUYỄN THỊ KHÁNH	HÒA	05/07/94	DH12KE															
29	12122021	LƯU HỮU	HUỆ	01/02/92	DH12QT															
30	12122027	BÙI MINH	KIỆT	20/10/94	DH12QT															
31	10123085	NGUYỄN THỊ KIM	LAN	04/10/92	DH10KE															
32	12123134	HOÀNG VIỆT	LIÊN	23/01/94	DH12KE															
33	12123249	PHAN THỊ PHƯƠNG	LIÊN	09/11/94	DH12KE															
34	12123136	HUỲNH THỊ KHÁNH	LINH	24/01/94	DH12KE															
35	12130900	LÊ THỊ	LINH	/ /	DH12KE															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Thuế (208337) - Nhóm 03 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Khúc Đình Nam (887)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	12123089	NGUYỄN YẾN	LINH	21/12/94	DH12KE															
37	11363061	NGUYỄN THỊ CẨM	LOAN	03/03/93	CD11CA															
38	12123090	ĐINH THỊ	LỘC	26/06/94	DH12KE															
39	12122079	LÊ PHÚC	LỘC	22/05/94	DH12QT															
40	12363015	BÙI THỊ	LÝ	05/05/92	CD12CA															
41	12123141	LÊ TRẦN THIÊN	LÝ	24/11/94	DH12KE															
42	12123145	HUỲNH THỊ ÁNH	MINH	18/09/94	DH12KE															
43	12122108	NGUYỄN THỊ TUYẾT	MINH	01/09/94	DH12TC															
44	11363041	ĐOÀN THỊ TRÀ	MY	05/09/93	CD11CA															
45	12122178	LÊ HOÀI	NAM	22/12/94	DH12QT															
46	11363065	NGUYỄN THỊ LỆ	NAM	26/08/93	CD11CA															
47	12122080	PHẠM THÀNH	NAM	29/03/93	DH12QT															
48	12363099	ĐẶNG THỊ HỒNG	NÊN	/ /94	CD12CA															
49	11159007	HOÀNG HẢI	NGÂN	03/12/93	DH11TC															
50	12123035	PHAN THỊ KIM	NGÂN	21/10/94	DH12KE															
51	12123236	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂU	20/05/94	DH12KE															
52	12363102	NGUYỄN THỊ BÍCH	NGỌC	05/12/94	CD12CA															
53	12123153	NGUYỄN NGỌC THẢO	NGUYÊN	16/02/94	DH12KE															
54	12122305	TRẦN THỊ	NGUYỆT	30/11/94	DH12TM															
55	12363219	LÊ THỊ SINH	NGỮ	23/07/94	CD12CA															
56	12122189	MAI THỊ KIM	NHÃ	26/12/94	DH12QT															
57	12123158	HỒ THANH	NHẬT	13/07/94	DH12KE															
58	11363213	PHẠM THỊ HỒNG	NHI	01/01/93	CD11CA															
59	12122039	LÊ THỊ ÁI	NHƯ	10/11/94	DH12TC															
60	12122306	NGUYỄN THỊ THÚY	NHY	01/07/94	DH12QT															
61	12155052	NGUYỄN THỊ	NỮ	15/08/94	DH12KN															
62	11363131	TRẦN THỊ KIM	OANH	25/03/93	CD11CA															
63	12155055	LÊ THỊ	PHÒNG	25/02/94	DH12KN															
64	08168118	NGUYỄN THỊ HÀ	PHƯƠNG	16/10/90	CD08CA															
65	11123039	PHAN THỊ BÍCH	PHƯỢNG	19/05/92	DH11KE															
66	11155010	LÊ THỊ PHƯƠNG	QUYÊN	17/11/93	DH11KN															
67	12122047	VŨ THÚY	QUỲNH	22/01/94	DH12QT															
68	12123044	NGUYỄN ĐÌNH	SƠN	18/11/93	DH12KE															
69	11155047	NGUYỄN MINH	TÂM	10/09/93	DH11KN															
70	12123255	HUỲNH THỊ HỒNG	THANH	04/04/94	DH12KE															
71	12123093	LÊ THỊ	THẢO	26/03/94	DH12KE															
72	12122226	NGUYỄN THỊ THANH	THẢO	30/08/94	DH12QT															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Thuế (208337) - Nhóm 03 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Khúc Đình Nam (887)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	12123171	PHẠM THỊ PHƯƠNG	THẢO	12/12/93	DH12KE															
74	12363063	NGUYỄN THỊ	THẮM	12/07/93	CD12CA															
75	12363109	NGUYỄN THỊ MỸ	THẮM	08/08/94	CD12CA															
76	12123241	HUỲNH THỊ BÍCH	THI	17/02/94	DH12KE															
77	12123094	NGUYỄN THỊ TUYẾT	THƠ	22/09/94	DH12KE															
78	12123179	LÊ THỊ THANH	THƯ	10/09/94	DH12KE															
79	12122059	NGUYỄN THỊ KIỀU	TIÊN	01/11/94	DH12QT															
80	12122060	TRẦN MINH	TIẾN	16/10/94	DH12QT															
81	11155016	VÕ THỊ LỢI	TIẾN	17/03/93	DH11KN															
82	12123244	ĐẶNG LƯU PHƯƠNG	TRANG	20/06/94	DH12KE															
83	12122254	NGUYỄN HỒ BẢO	TRÂN	14/11/94	DH12QT															
84	12122314	ĐINH THỊ NGỌC	TRINH	24/04/94	DH12QT															
85	12123245	NGUYỄN THỊ	TRINH	10/08/94	DH12KE															
86	11363117	NGUYỄN THỊ THU	TRƯỜNG	26/02/93	CD11CA															
87	12123198	QUÃNG MINH KHẢ	TÚ	16/04/94	DH12KE															
88	12363202	NGUYỄN THỊ MỘNG	TUYỀN	22/09/94	CD12CA															
89	12123195	LÊ THỊ	TUYẾT	28/07/94	DH12KE															
90	12123082	LƯU THỊ ÁNH	TUYẾT	20/08/93	DH12KE															
91	12123196	PHAN THỊ ÁNH	TUYẾT	01/02/94	DH12KE															
92	11363124	HOÀNG THỊ HỒNG	VÂN	23/11/92	CD11CA															
93	12123204	LÂM TRẦN CẨM	VI	04/01/94	DH12KE															
94	10123229	NGUYỄN SÔNG	VƯƠNG	04/02/92	DH10KE															
95	12123209	NGUYỄN THỊ THÚY	VY	02/01/94	DH12KE															
96	12122273	NGUYỄN THỊ HOÀI	XUÂN	05/03/94	DH12TM															
97	12123210	PHAN THỊ THANH	XUÂN	18/10/93	DH12KE															
98	12123212	HÀ KIM	YẾN	22/08/94	DH12KE															
99	12123213	HÀ THỊ HẢI	YẾN	01/04/94	DH12KE															
100	12122279	NGUYỄN THỊ HẢI	YẾN	19/05/94	DH12QT															
101	12123096	PHAN THỊ NGỌC	YẾN	10/06/94	DH12KE															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Thuế (208337) - Nhóm 04 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Khúc Đình Nam (887)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	12123097	LÊ THỊ HOÀI	AN	14/02/94	DH12KE															
2	12122293	ĐÀO PHƯƠNG	ANH	28/07/94	DH12QT															
3	12123003	NGUYỄN HỒ TRÂM	ANH	20/09/94	DH12KE															
4	12123068	VŨ THỊ NGỌC	BÍCH	16/10/94	DH12KE															
5	12123221	NGUYỄN THỊ MỘNG	CẦM	25/07/94	DH12KE															
6	12123100	NGUYỄN HUỲNH NGỌC	CẨM	28/08/94	DH12KE															
7	12123101	NGUYỄN THỊ NGỌC	CẨM	10/10/93	DH12KE															
8	12123106	NGUYỄN THỊ	DẬU	20/01/94	DH12KE															
9	11150034	NGUYỄN VĂN	DŨNG	25/10/92	DH11TM															
10	12122009	NGUYỄN THỊ THÙY	DUYÊN	07/02/94	DH12QT															
11	12123110	PHẠM THÚY	DUYÊN	11/02/94	DH12KE															
12	12123017	NGUYỄN KINH	ĐÔ	27/03/94	DH12KE															
13	12123018	NGUYỄN THỊ HỒNG	GIÀU	11/11/94	DH12KE															
14	12123113	NGUYỄN THỊ NGỌC	GIÀU	26/06/94	DH12KE															
15	11155013	THÁI THỊ	HÀ	16/02/92	DH11KN															
16	12123118	ĐINH THỊ MỸ	HẠNH	04/07/94	DH12KE															
17	11123100	TẠ NGỌC	HẠNH	28/12/93	DH11KE															
18	12123232	ĐỖ THỊ THÚY	HẰNG	19/09/94	DH12KE															
19	12123120	NGUYỄN PHÚC	HẬU	28/08/94	DH12KE															
20	12363206	NGUYỄN THỊ MỸ	HẬU	18/10/93	CD12CA															
21	12363230	LÊ THỊ	HIỀN	02/07/92	CD12CA															
22	11363029	NGUYỄN THỊ THU	HIỀN	02/04/93	CD11CA															
23	12123125	LÊ MINH	HOÀNG	07/06/94	DH12KE															
24	12123222	PHAN THỊ THU	HỒNG	10/05/94	DH12KE															
25	12123127	TRẦN THỊ KIM	HUÊ	07/01/94	DH12KE															
26	11155022	TRẦN THỊ DIỄM	HƯƠNG	06/01/93	DH11KN															
27	12123072	NEÁNG CUNG BÔ LY	KA	18/12/94	DH12KE															
28	12123223	TRẦN CHÍ	KHANG	27/10/92	DH12KE															
29	12123028	NGUYỄN HUỲNH	KHUYÊN	20/12/94	DH12KE															
30	12122301	NGUYỄN HƯNG	KHƯƠNG	23/08/94	DH12QT															
31	11155051	NGUYỄN PHAN HOÀNG	KIM	16/01/93	DH11KN															
32	12123029	PHẠM THỊ HOÀNG	KIM	03/09/94	DH12KE															
33	12122029	PHẠM THỊ KIM	LÀNH	15/09/94	DH12QT															
34	12363277	NGUYỄN THỊ	LIÊN	29/06/94	CD12CA															
35	12123135	LÊ THỊ NGỌC	LIỀN	31/05/94	DH12KE															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Thuế (208337) - Nhóm 04 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Khúc Đình Nam (887)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	12123235	NGUYỄN THỊ NGỌC	LINH	21/10/94	DH12KE															
37	12123137	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	LINH	10/11/94	DH12KE															
38	12363234	BÙI THỊ CẨM	LY	28/12/94	CD12CA															
39	12123140	TRẦN THỊ	LY	06/11/92	DH12KE															
40	12123144	NGUYỄN THỊ	MẾN	30/08/94	DH12KE															
41	12123147	DƯƠNG HẰNG	NGA	29/06/94	DH12KE															
42	12122181	LÊ THỊ TUYẾT	NGÂN	17/05/94	DH12TM															
43	12123037	NGUYỄN VĂN	NGUYÊN	19/03/94	DH12KE															
44	12123154	PHAN TRẦN THẢO	NGUYÊN	26/07/94	DH12KE															
45	12123038	TẠ THỊ ÁNH	NGUYỆT	20/12/93	DH12KE															
46	12123160	LÊ PHƯƠNG UYỂN	NHI	24/09/94	DH12KE															
47	12123161	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHI	06/02/94	DH12KE															
48	12123041	HUỲNH THỊ MỸ	NHUNG	08/05/93	DH12KE															
49	11155024	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	14/02/93	DH11KN															
50	12123163	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	08/01/94	DH12KE															
51	12123042	PHẠM HỒNG	PHÚC	04/08/94	DH12KE															
52	12123165	HOÀNG THỊ BÍCH	PHƯƠNG	17/12/94	DH12KE															
53	12122043	NGUYỄN NGỌC KIM	PHƯƠNG	25/03/94	DH12TM															
54	12123237	NGUYỄN THỊ THANH	PHƯƠNG	19/03/94	DH12KE															
55	12155072	NGUYỄN THỊ	PHƯỢNG	05/01/94	DH12KN															
56	12123043	DOÃN ĐÌNH	QUANG	08/03/94	DH12KE															
57	11155031	PHẠM HỒNG	QUÂN	26/10/93	DH11KN															
58	12123166	HUỲNH THỊ THẢO	QUYÊN	26/07/94	DH12KE															
59	12123167	LÊ THỊ THÚY	QUỲNH	10/01/94	DH12KE															
60	12122308	NGUYỄN THỊ THU	SƯƠNG	10/10/94	DH12TM															
61	12122216	ĐÀO LƯU HỮU	TÀI	14/11/94	DH12QT															
62	12122309	TRẦN THỊ MINH	TÂM	01/06/94	DH12TM															
63	12122050	GIẢNG NGỌC PHƯƠNG	TÂN	16/06/94	DH12QT															
64	12123168	LỮ HOÀNG MINH	TÂN	22/12/94	DH12KE															
65	11363060	NGUYỄN THỊ	THANH	28/01/92	CD11CA															
66	12123092	NGUYỄN THỊ	THANH	20/11/94	DH12KE															
67	12123238	LÊ THỊ THU	THẢO	19/02/94	DH12KE															
68	12123169	NGUYỄN THỊ THANH	THẢO	24/10/93	DH12KE															
69	12123239	NGUYỄN THỊ KIM	THẮM	29/07/93	DH12KE															
70	09143900	NGUYỄN THỊ NGỌC	THÔNG	/ /	DH12KE															
71	12123242	TRƯƠNG THỊ ANH	THƠ	12/12/94	DH12KE															
72	12123177	HUỲNH THƯƠNG LƯ	THỦY	28/03/94	DH12KE															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Thuế (208337) - Nhóm 04 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Khúc Đình Nam (887)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	12123078	MAI THỊ LỆ	THỦY	13/11/94	DH12KEGL															
74	12123250	ĐÀO THỊ	THUÝ	23/09/94	DH12KE															
75	12122289	HUỲNH THỊ HỒNG	TIẾN	17/04/94	DH12QT															
76	12123186	TRẦN HOÀNG	TIẾN	31/07/94	DH12KE															
77	12123187	VY THỊ	TIN	08/09/94	DH12KE															
78	12123189	BÙI THỊ	TRANG	26/08/94	DH12KE															
79	12123190	ĐINH THÙY	TRANG	08/09/94	DH12KE															
80	12123191	HUỲNH THỊ QUỲNH	TRANG	21/06/93	DH12KE															
81	12123056	LÊ THỊ CHÂU	TRANG	05/07/94	DH12KE															
82	12123080	VŨ THỊ	TRANG	17/01/94	DH12KE															
83	11363207	PHẠM NGỌC	TRÂM	27/08/93	CD11CA															
84	11363116	LÊ BẢO	TRÂN	26/04/93	CD11CA															
85	11150088	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRÂN	15/01/92	DH11TM															
86	11164005	HỒ HÀ HUYỀN	TRINH	16/09/93	DH11TC															
87	12122255	LƯU PHƯƠNG	TRINH	30/04/94	DH12TC															
88	11150079	ĐẶNG THANH	TRÚC	01/01/93	DH11TM															
89	12123256	NGUYỄN CẨM	TÚ	22/11/94	DH12KE															
90	12123197	VÕ THỊ THANH	TÙNG	17/12/94	DH12KE															
91	12123061	LÊ THỊ THANH	TUYỀN	07/11/94	DH12KE															
92	11363210	BÙI LÊ TRÚC	VI	09/03/93	CD11CA															
93	12123206	LÊ PHƯƠNG ÁNH	VY	27/04/94	DH12KE															
94	12123207	LÊ THỊ THANH	VY	08/12/94	DH12KE															
95	12122275	TRẦN THỊ KIM	XUÂN	08/04/94	DH12QT															
96	12123065	TRƯƠNG KIM	XUÂN	26/12/93	DH12KE															
97	11123187	NGUYỄN THÚY	XUYÊN	30/01/93	DH11KE															
98	12123215	NGUYỄN THỊ HẢI	YẾN	28/02/94	DH12KE															
99	12123229	NGUYỄN THỊ HẢI	YẾN	20/10/93	DH12KE															
100	12122280	NGUYỄN THỊ KIM	YẾN	05/08/94	DH12QT															
101	12123066	NGUYỄN THỊ NGỌC	YẾN	09/11/93	DH12KE															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Thuế (208337) - Nhóm 05 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Nguyễn ý Nguyên Hân (T501)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	12122001	LÊ ĐỨC	AN	16/05/94	DH12QT															
2	12122097	LÊ THỊ	ANH	01/10/94	DH12QT															
3	11164013	NGUYỄN THỊ CẨM	ANH	24/07/93	DH11TC															
4	12122098	TRẦN THỊ KIM	ANH	29/06/94	DH12QT															
5	12363151	NGUYỄN HỒ	BẢO	06/09/94	CD12CA															
6	12122103	TRƯƠNG TRẦN HOÀNG	BẢO	20/10/94	DH12QT															
7	12122003	TRƯƠNG THỊ KIM	BÍCH	18/06/94	DH12QT															
8	12122004	PHẠM TRUNG	CHÁNH	17/01/93	DH12QT															
9	12122294	ĐÀO BÍCH	CHI	09/04/94	DH12TM															
10	12363312	TRƯƠNG THỊ	DÂN	20/02/94	CD12CA															
11	12122112	TRẦN THỊ	DIỆU	07/06/94	DH12TM															
12	12123070	PHẠM THỊ DUNG	DINH	02/11/94	DH12KE															
13	12122008	LÊ THỊ	DUNG	26/01/94	DH12QT															
14	12122084	PHẠM THỊ BẢO	DUNG	15/07/94	DH12QT															
15	12123015	NGUYỄN THỊ LAN	ĐÀI	15/09/94	DH12KE															
16	12122324	HOÀNG THỊ	ĐÀO	06/06/92	DH12QT															
17	12123246	CAO THỊ HÀ	GIANG	29/06/94	DH12KE															
18	12122323	TRIỆU THỊ	GIANG	26/12/93	DH12QT															
19	12122130	NGUYỄN VĂN	HẢI	28/12/94	DH12QT															
20	12122300	ĐẶNG THỊ	HẰNG	13/08/93	DH12TC															
21	12123086	CAO THỊ	HIỀN	01/06/94	DH12KE															
22	12123122	NGUYỄN THỊ DIỆU	HIỀN	26/01/94	DH12KE															
23	12122085	NGUYỄN QUANG	HUY	19/05/94	DH12TC															
24	12363231	TRẦN THỊ KIM	HUYỀN	25/07/94	CD12CA															
25	12122152	ĐOÀN THỊ THANH	HƯỜNG	26/10/94	DH12TM															
26	12122155	NGUYỄN THỊ THUỲ	KHUYÊN	15/03/94	DH12QT															
27	12122028	ĐINH QUANG	KIỆT	28/03/94	DH12QT															
28	12122156	NGUYỄN THỊ THU	KIỀU	16/06/94	DH12QT															
29	12122078	PHAN THỊ MỸ	KIM	24/05/94	DH12QT															
30	12122159	NGUYỄN VĂN THỦY	LÂM	24/03/94	DH12QT															
31	12363044	ĐOÀN THỊ CẨM	LINH	18/09/94	CD12CA															
32	12122166	PHẠM DUY	LINH	10/04/93	DH12QT															
33	12122167	TỐNG ÁI	LINH	05/04/94	DH12TC															
34	12122168	NGUYỄN THỊ THANH	LOAN	14/04/93	DH12TM															
35	12122087	NGÔ THÀNH	LỘC	23/04/93	DH12QT															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Thuế (208337) - Nhóm 05 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Nguyễn ý Nguyên Hân (T501)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	12122032	NGUYỄN DẠ	LÝ	08/05/94	DH12QT															
37	12122033	DƯƠNG THỊ PHƯỢNG	MAI	13/07/94	DH12QT															
38	12122174	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	MAI	13/07/93	DH12TM															
39	12363068	TRẦN THỊ THÚY	MY	19/10/92	CD12CA															
40	12122302	NGUYỄN THỊ HƯNG	NGÂN	12/06/94	DH12TM															
41	12122183	THOÒNG KIM	NGỌC	09/04/94	DH12TM															
42	12122304	HỒ THỊ TUYẾT	NGUYỆT	20/02/94	DH12TM															
43	12122190	LUẬN THÀNH	NHÂN	30/05/94	DH12QT															
44	12363104	NGUYỄN THỊ QUỲNH	NHƯ	16/12/93	CD12CA															
45	12122200	VÕ THỊ NGỌC	NHƯ	15/04/93	DH12QT															
46	12122201	TRƯƠNG THỊ KIỀU	NI	25/04/94	DH12QT															
47	12122203	HỒ NHÌN	PHÓN	19/04/93	DH12QT															
48	12122040	NGUYỄN TẤN	PHÚ	18/07/94	DH12QT															
49	12122206	NGUYỄN HỒNG	PHÚC	27/12/94	DH12QT															
50	12122042	TRẦN QUANG	PHÚC	17/10/87	DH12TM															
51	12122210	NGUYỄN THỊ	PHƯỢNG	18/10/94	DH12QT															
52	12122044	NGUYỄN XUÂN	QUANG	11/06/94	DH12QT															
53	12122046	LƯƠNG TRỌNG	QUỲNH	03/03/93	DH12QT															
54	12122307	NGUYỄN NHƯ	QUỲNH	23/06/94	DH12TC															
55	12122049	NGUYỄN VĂN	SÁU	28/02/91	DH12QT															
56	12363048	ĐẶNG THỊ MỸ	THẠCH	03/10/94	CD12CA															
57	12122221	ĐOÀN THỊ XUÂN	THẢO	13/01/94	DH12QT															
58	12122222	HỒ THỊ PHƯƠNG	THẢO	14/10/94	DH12QT															
59	12122310	LÊ THỊ	THẢO	06/11/94	DH12QT															
60	12122224	NGUYỄN THỊ	THẢO	19/08/94	DH12TM															
61	12363243	DƯƠNG THỊ HỒNG	THẮM	07/06/94	CD12CA															
62	12122227	PHẠM THỊ HỒNG	THẮM	17/10/94	DH12QT															
63	12123257	MAI	THI	16/08/92	DH12KE															
64	12122055	NGUYỄN VĂN	THÔNG	16/08/93	DH12TM															
65	12122056	HUỲNH THỊ THANH	THUẬN	07/01/94	DH12QT															
66	12122312	CÙ THỊ CẨM	THƯƠNG	29/03/94	DH12QT															
67	12123181	NGUYỄN THỊ THANH	THƯƠNG	19/04/94	DH12KE															
68	12122243	NGUYỄN NGỌC	TIẾN	11/12/94	DH12QT															
69	12122245	ĐỖ HUYỀN	TRANG	15/01/94	DH12TM															
70	12122063	HÀ THỊ	TRANG	13/06/94	DH12QT															
71	12122251	LÊ HUỲNH NGỌC	TRÂM	22/05/94	DH12TM															
72	12122253	TRẦN THỊ BÍCH	TRÂM	27/12/94	DH12TC															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Thuế (208337) - Nhóm 05 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Nguyễn ý Nguyên Hân (T501)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	12122064	THÁI DƯƠNG HUỲNH	TRÂN	08/04/93	DH12TM															
74	12122292	NGUYỄN THỊ TUYẾT	TRINH	17/04/94	DH12QT															
75	12122315	NGUYỄN THỊ KIM	TRỌN	16/02/94	DH12QT															
76	12122091	NGUYỄN BỬU	TRUNG	20/11/94	DH12TC															
77	11122121	NGUYỄN DUY	TUẤN	28/03/93	DH12QT															
78	12122092	NGUYỄN HOÀNG THÚY	VÂN	20/10/94	DH12QT															
79	12122264	NGUYỄN THỊ	VÂN	30/06/94	DH12QT															
80	12123218	NGUYỄN THỊ NHƯ	Ý	25/11/94	DH12KE															
81	12122277	PHẠM VĂN	YÊN	08/02/94	DH12QT															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Tài chính tiền tệ (208340) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Nguyễn Văn Năm (294)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	12122095	NGUYỄN NGỌC THÙY	AN	19/05/94	DH12TC															
2	12122096	ĐỖ HOÀI	ANH	21/06/94	DH12TM															
3	12122097	LÊ THỊ	ANH	01/10/94	DH12QT															
4	12120392	TRẦN VÂN	ANH	01/11/94	DH12KM															
5	12363227	VÕ THỊ HÒA	ÂN	06/12/94	CD12CA															
6	12363151	NGUYỄN HỒ	BẢO	06/09/94	CD12CA															
7	12363256	NGUYỄN LÊ HỒNG	CHÂU	15/02/94	CD12CA															
8	11123090	NGUYỄN THỊ LỆ	CHI	19/05/93	DH11KE															
9	12363326	HOÀNG THỊ	CÚC	10/06/94	CD12CA															
10	12120050	CAO THỊ HUỲNH	DAO	30/01/94	DH12KM															
11	11171013	HỒ NGỌC	DÌN	04/02/93	DH11KS															
12	12363334	HUỲNH THỊ PHƯƠNG	DUNG	11/09/94	CD12CA															
13	12363260	NGUYỄN MINH	DUNG	07/12/94	CD12CA															
14	12363261	NGUYỄN MINH	DUNG	05/09/94	CD12CA															
15	12363152	NGUYỄN THỊ	DUNG	20/01/94	CD12CA															
16	12363033	VÕ THỊ KIM	DUNG	09/09/93	CD12CA															
17	12363007	VŨ THỊ	DUNG	01/10/94	CD12CA															
18	12363314	TRẦN KIM	DŨNG	06/01/94	CD12CA															
19	12363021	ĐINH THỊ MỸ	DUYÊN	08/12/94	CD12CA															
20	12363155	HOÀNG THỊ MỸ	DUYÊN	06/08/94	CD12CA															
21	12122009	NGUYỄN THỊ THÙY	DUYÊN	07/02/94	DH12QT															
22	12363263	TRẦN THỊ MỸ	DUYÊN	26/08/94	CD12CA															
23	12123017	NGUYỄN KINH	ĐÔ	27/03/94	DH12KE															
24	12120578	TRẦN LỘC	ĐỨC	03/05/94	DH12KM															
25	12363267	VÕ THỊ	HẰNG	27/09/93	CD12CA															
26	12123122	NGUYỄN THỊ DIỆU	HIỀN	26/01/94	DH12KE															
27	12155044	CAO THỊ KIỀU	HOA	13/09/94	DH12KN															
28	12122020	PHÙNG THỊ TUYẾT	HOA	10/06/94	DH12QT															
29	12363170	HUỲNH THỊ	HÒA	14/07/94	CD12CA															
30	12363062	LÊ THỊ KIM	HỒNG	04/05/94	CD12CA															
31	12123222	PHAN THỊ THU	HỒNG	10/05/94	DH12KE															
32	12363272	TRẦN THỊ	HUỆ	13/04/94	CD12CA															
33	12122085	NGUYỄN QUANG	HUY	19/05/94	DH12TC															
34	12363231	TRẦN THỊ KIM	HUYỀN	25/07/94	CD12CA															
35	12120261	NGUYỄN THANH	HƯNG	19/02/94	DH12KM															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Tài chính tiền tệ (208340) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Nguyễn Văn Năm (294)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	12120289	HOÀNG THỊ DIỄM	HƯƠNG	02/05/93	DH12KM															
37	12363171	NGUYỄN VŨ THÙY	HƯƠNG	30/09/94	CD12CA															
38	12122024	NGUYỄN BẢO	KHÁNH	22/10/94	DH12TC															
39	12122156	NGUYỄN THỊ THU	KIỀU	16/06/94	DH12QT															
40	12363174	BÙI NGUYỄN THIÊN	KIM	06/10/94	CD12CA															
41	12122078	PHAN THỊ MỸ	KIM	24/05/94	DH12QT															
42	12122285	SƠN TỪ THÁI MỸ	LĂNG	05/01/94	DH12TM															
43	12122163	NGUYỄN THỊ	LINH	21/06/93	DH12TC															
44	12363218	THÁI THỊ THÙY	LINH	22/12/94	CD12CA															
45	12363177	VŨ THỊ HỒNG	LINH	16/08/94	CD12CA															
46	12363159	ĐINH THỊ THANH	LOAN	22/12/94	CD12CA															
47	12363317	NGUYỄN THỊ	LƯỜNG	27/04/93	CD12CA															
48	12363234	BÙI THỊ CẨM	LY	28/12/94	CD12CA															
49	12363080	VÕ THỊ NGỌC	LÝ	10/02/93	CD12CA															
50	12363282	ĐẶNG THỊ NGỌC	MAI	28/06/94	CD12CA															
51	12120093	PHẠM PHƯƠNG	MAI	25/06/94	DH12KM															
52	12123144	NGUYỄN THỊ	MẾN	30/08/94	DH12KE															
53	10122097	NGUYỄN THỊ HUỲNH	NGA	09/11/91	DH10QT															
54	11363179	ĐẶNG THÙY	NGÂN	29/06/93	CD11CA															
55	12363058	HOÀNG KIM	NGÂN	26/01/94	CD12CA															
56	12120239	NGUYỄN THỊ THÙY	NGOAN	21/07/93	DH12KM															
57	12363238	CAO THỊ MINH	NGỌC	13/11/94	CD12CA															
58	12363319	ĐÀM THỊ ÁNH	NGỌC	30/10/94	CD12CA															
59	12363102	NGUYỄN THỊ BÍCH	NGỌC	05/12/94	CD12CA															
60	12363092	TRẦN THỊ TUYẾT	NGỌC	24/10/94	CD12CA															
61	12363142	PHẠM THỊ HỒNG	NGUYỆT	18/09/93	CD12CA															
62	12123155	TRẦN THANH	NHÀN	27/04/94	DH12KE															
63	12363079	NGUYỄN KHÁNH	NHI	23/10/94	CD12CA															
64	12120558	NGUYỄN TẤT	NHIÊN	28/08/94	DH12KM															
65	12363070	NGUYỄN THỊ	NHUNG	04/08/94	CD12CA															
66	12363087	ĐỒNG THỊ	NƯƠNG	12/07/94	CD12CA															
67	12122207	NGUYỄN PHAN ANH	PHƯƠNG	22/01/94	DH12TC															
68	12122209	HUỲNH THỊ NHƯ	PHƯỢNG	06/12/94	DH12TC															
69	12120035	NGUYỄN NGỌC	SƠN	12/06/94	DH12KM															
70	12363294	LÂM THỊ THẢO	SƯƠNG	11/10/94	CD12CA															
71	12120123	NGUYỄN CÔNG	TÀI	13/05/94	DH12KM															
72	12120125	TRẦN THỊ BĂNG	TÂM	15/12/94	DH12KM															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Tài chính tiền tệ (208340) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Nguyễn Văn Năm (294)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	11363082	NGUYỄN HOÀNG	THANH	11/04/93	CD11CA															
74	12122081	NGUYỄN QUANG	THANH	10/01/94	DH12TC															
75	12120436	TRẦN THỊ THANH	THANH	30/11/94	DH12KM															
76	11143241	DƯƠNG THỊ THANH	THẢO	04/01/93	DH11KM															
77	12123169	NGUYỄN THỊ THANH	THẢO	24/10/93	DH12KE															
78	12363243	DƯƠNG THỊ HỒNG	THẮM	07/06/94	CD12CA															
79	12363063	NGUYỄN THỊ	THẮM	12/07/93	CD12CA															
80	12123257	MAI	THI	16/08/92	DH12KE															
81	12363129	NGÔ THỊ	THU	26/08/93	CD12CA															
82	12363217	TRƯƠNG ÁNH	THÙY	25/10/94	CD12CA															
83	12120608	NGÔ THỊ	THÚY	12/05/94	DH12KT															
84	12363043	HOÀNG THỊ THU	THƯƠNG	24/05/94	CD12CA															
85	12363245	ĐỖ PHƯỢNG CẨM	TIÊN	14/08/94	CD12CA															
86	12120140	NGUYỄN THỊ THỦY	TIÊN	03/05/94	DH12KM															
87	12363127	NGUYỄN THỊ THỦY	TIÊN	19/07/94	CD12CA															
88	12122242	ĐỖ VIẾT	TIẾN	18/02/94	DH12QT															
89	12363114	LÊ VĂN	TÍNH	21/02/94	CD12CA															
90	12122063	HÀ THỊ	TRANG	13/06/94	DH12QT															
91	11143108	NGUYỄN HUYỀN	TRANG	26/05/93	DH11KM															
92	12120147	THÁI NGUYỄN MINH	TRANG	01/01/94	DH12KM															
93	12363136	VŨ THỊ THÙY	TRANG	21/10/94	CD12CA															
94	12122252	NGUYỄN THỊ BÍCH	TRÂM	02/04/94	DH12TC															
95	12363137	NGUYỄN BẢO	TRÂN	28/09/93	CD12CA															
96	12363232	PHAN THỊ BẢO	TRÂN	20/11/93	CD12CA															
97	11120105	TRẦN THỊ VIỆT	TRINH	29/11/93	CD12CA															
98	12122260	NGUYỄN THỊ SƠN	TRÚC	20/07/94	DH12QT															
99	12122066	TRẦN THẾ	TRUNG	08/12/94	DH12TC															
100	10123207	VÕ VIẾT	TRUNG	27/07/92	DH10KE															
101	12363005	PHAN HUỲNH KIM	TUYỀN	01/01/94	CD12CA															
102	12363052	NGUYỄN THỊ KIM	TUYẾN	24/08/94	CD12CA															
103	12363324	NGUYỄN THỊ TUYẾT	VÂN	01/10/94	CD12CA															
104	12120180	ĐẶNG THANH	VỦ	19/11/94	DH12KM															
105	12122270	TĂNG TIẾN	VŨ	11/09/94	DH12TM															
106	12122275	TRẦN THỊ KIM	XUÂN	08/04/94	DH12QT															
107	12122320	HOÀNG THỊ	XUYÊN	18/02/94	DH12QT															
108	12123067	NGUYỄN MỸ	Ý	07/06/94	DH12KE															
109	11143151	PHẠM NHƯ	Ý	15/08/93	DH11KM															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Tài chính tiền tệ (208340) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Nguyễn Văn Năm (294)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
110	12122280	NGUYỄN THỊ KIM	YẾN	05/08/94	DH12QT															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Tài chính tiền tệ (208340) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Trần Hoài Nam (478)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	11143147	ĐỖ QUỲNH	ANH	24/05/93	DH11KM															
2	11143001	HUỲNH NHẤT	ANH	07/12/93	DH11KM															
3	11171009	NGUYỄN VĂN	BA	28/06/93	DH11KS															
4	11120026	LÊ THỊ NGỌC	BÍCH	23/08/93	DH11KT															
5	11123255	VILAYSON	BOULETH	05/07/89	DH11KE															
6	11143181	PHAN THỊ	CHÂU	06/02/93	DH11KM															
7	11143039	VĂN THỊ THÁI	CHI	04/07/93	DH11KM															
8	11171011	NGUYỄN QUỐC	CƯỜNG	04/01/93	DH11KS															
9	11120027	NGUYỄN VĂN	DIỆN	10/01/93	DH11KT															
10	11120028	NGUYỄN KHƯƠNG	DUY	21/11/93	DH11KT															
11	11120127	TRẦN	DUY	18/08/93	DH11KT															
12	11143161	TRƯƠNG VĨNH	DUY	19/07/93	DH11KM															
13	11120085	NGÔ VĂN	DƯƠNG	28/09/86	DH11KT															
14	11120078	PHẠM MINH	DƯƠNG	15/03/93	DH11KT															
15	11143045	TRẦN THỊ THÙY	DƯƠNG	26/03/93	DH11KM															
16	11171128	LƯƠNG TẤN	ĐẠT	10/04/93	DH11KS															
17	11122005	LÊ VĂN	ĐỨC	28/09/91	DH11QT															
18	11143048	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	26/12/93	DH11KM															
19	11171028	NGÔ THỊ THÚY	HẰNG	28/03/93	DH11KS															
20	11143055	TRẦN THỊ	HIỀN	19/12/93	DH11KM															
21	09124900	PHẠM TRUNG	HIẾU	01/07/91	DH11TM															
22	11143056	NGUYỄN THỊ	HÒA	20/10/93	DH11KM															
23	10122062	NGUYỄN THIỆU	HOÀNG	04/06/92	DH10QT															
24	11143059	TRẦN THỊ KIM	HUỆ	22/10/93	DH11KM															
25	11143229	BÙI THU	HƯƠNG	10/07/93	DH11KM															
26	11122078	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	02/05/93	DH11QT															
27	11171036	NGUYỄN THỊ DIỄM	HƯƠNG	13/03/93	DH11KS															
28	11143067	HUỲNH THỊ HOÀNG	LAN	03/02/92	DH11KM															
29	10363032	PHAN THỊ BÍCH	LIÊN	23/07/92	CD10CA															
30	11143193	NGUYỄN TRẦN BẢO	LINH	21/11/93	DH11KM															
31	11143232	PHAN VỦ	LINH	/ /92	DH11KM															
32	11171054	CAO THỊ QUẾ	MY	06/09/93	DH11KS															
33	11120082	NGUYỄN THỊ ÁNH	NA	09/08/92	DH11KT															
34	11120133	THÁI THỊ	NA	12/07/91	DH11KT															
35	11171055	NGUYỄN CHÂU	NGÂN	09/02/93	DH11KS															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Tài chính tiền tệ (208340) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Trần Hoài Nam (478)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	12120099	PHẠM THỊ HỒNG	NGÂN	17/02/94	DH12KM															
37	11143138	NGUYỄN THỊ MỸ	NGUYỆT	25/09/93	DH11KM															
38	11143082	KHA MINH	NHẬT	09/09/93	DH11KM															
39	11150056	LÊ THỊ TUYẾT	NHUNG	13/05/92	DH11TM															
40	11363051	NGUYỄN THỊ	NHUNG	28/03/93	CD11CA															
41	11171108	NGUYỄN VĂN	NHỰT	01/01/91	DH11KS															
42	11143140	NGUYỄN THỊ HOÀI	PHÚ	03/06/93	DH11KM															
43	11121025	HOÀNG XUÂN	PHÚC	14/03/93	DH11KT															
44	11143127	PHAN DIỄM	PHÚC	23/11/93	DH11KM															
45	11171141	LÊ VĂN	PHỤNG	11/02/93	DH11KS															
46	11363083	THI THỊ MỸ	PHỤNG	05/07/93	CD11CA															
47	11120023	PHẠM THỊ THU	PHƯƠNG	14/08/93	DH11KT															
48	11122102	NGUYỄN THỊ NGỌC	QUYÊN	18/11/93	DH11QT															
49	11363147	NGUYỄN THỊ THẢO	QUYÊN	/ /93	CD11CA															
50	11143088	NGUYỄN THẾ	QUYỀN	07/03/92	DH11KM															
51	11143188	DIỆP NHƯ	QUỲNH	10/12/93	DH11KM															
52	11143194	BÙI THỊ	THÁI	24/12/93	DH11KM															
53	11363169	TRƯƠNG THỊ THU	THẢO	21/10/93	CD11CA															
54	11120042	NGUYỄN THỊ NGỌC	THẮM	11/08/93	DH11KT															
55	11171144	HỒ PHI	THÂN	18/03/92	DH11KS															
56	11143201	TRẦN THỊ	THỊNH	10/09/93	DH11KM															
57	11143099	CAO THỊ LỆ	THU	10/05/93	DH11KM															
58	11143172	TRẦN THANH KIM	THUẬN	15/02/92	DH11KM															
59	12363173	LÊ THỊ	THÙY	01/06/94	CD12CA															
60	11143197	ĐÀO THỊ THU	THỦY	14/05/93	DH11KM															
61	11143247	ĐOÀN THỊ THANH	THÚY	01/01/93	DH11KM															
62	11123154	ĐỖ THỊ CẨM	THÚY	19/04/93	DH11KE															
63	11143203	NGUYỄN THỊ TRANG	THƯ	24/02/93	DH11KM															
64	11120017	ĐỖ MINH	TIẾN	16/11/93	DH11KT															
65	11120048	NGUYỄN HỮU	TIẾN	09/12/93	DH11KT															
66	11171005	NGUYỄN THỊ THU	TRANG	13/04/93	DH11KS															
67	11143111	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	06/09/93	DH11KM															
68	11143112	TRẦN THỊ THU	TRANG	06/07/93	DH11KM															
69	11143132	TRƯƠNG DIỄM	TRANG	22/03/92	DH11KM															
70	11143204	ĐINH NGỌC BẢO	TRÂM	11/01/93	DH11KM															
71	11143202	ĐÀO HỮU	TRÍ	29/05/93	DH11KM															
72	11120093	ĐOÀN VIỆT	TRINH	03/01/93	DH11KT															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Tài chính tiền tệ (208340) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Trần Hoài Nam (478)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	11143143	LÊ THỊ MỸ	TRINH	18/08/93	DH11KM															
74	11143242	PHẠM THỊ THANH	TRÚC	10/02/93	DH11KM															
75	11120051	NGUYỄN VĂN	TRUNG	25/06/93	DH11KT															
76	11120025	ĐOÀN BẢO	TRƯỜNG	15/07/93	DH11KT															
77	12363323	TRẦN THỊ	TỨ	24/03/94	CD12CA															
78	11122125	HỒ THỊ TUYẾT	VÂN	16/05/93	DH11QT															
79	11171099	LÊ NGỌC	VINH	22/08/93	DH11KS															
80	10130900	PHẠM BÁ	VINH	13/04/91	DH11QT															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Tài chính tiền tệ (208340) - Nhóm 04 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Nguyễn Văn Năm (294)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	12122103	TRƯƠNG TRẦN HOÀNG	BẢO	20/10/94	DH12QT															
2	12122003	TRƯƠNG THỊ KIM	BÍCH	18/06/94	DH12QT															
3	12120046	NGUYỄN HUY	BÌNH	18/04/94	DH12KM															
4	12123074	VÕ THỊ SƠN	CA	20/02/94	DH12KE															
5	12122106	BÙI THỊ	CẨM	02/02/93	DH12TM															
6	11171125	NGUYỄN TUẤN	DÂN	20/01/93	DH11KS															
7	12122084	PHẠM THỊ BẢO	DUNG	15/07/94	DH12QT															
8	11122061	VÕ THỊ XUÂN	DUNG	24/08/93	DH11QT															
9	12120281	TRƯƠNG THỊ THÙY	DƯƠNG	01/02/94	DH12KM															
10	12123015	NGUYỄN THỊ LAN	ĐÀI	15/09/94	DH12KE															
11	11171024	LÊ THỊ	ĐỎ	26/04/92	DH11KS															
12	11171025	NGUYỄN ANH	ĐỨC	04/08/93	DH11KS															
13	11164015	TRẦN THANH	GIANG	/ /92	DH11TC															
14	12123113	NGUYỄN THỊ NGỌC	GIÀU	26/06/94	DH12KE															
15	12123116	NGUYỄN HUỲNH TRÚC	HÀ	30/09/94	DH12KE															
16	12363032	NGUYỄN THỊ HIẾU	HẠNH	25/06/93	CD12CA															
17	12122013	ĐINH THỊ THANH	HẰNG	31/07/94	DH12TC															
18	12120259	HÀ THỊ CẨM	HẰNG	06/08/94	DH12KM															
19	12120187	DƯƠNG THỊ MỸ	HÂN	17/03/94	DH12KM															
20	12123123	NGUYỄN XUÂN	HIẾU	30/03/94	DH12KE															
21	12123023	NGUYỄN THỊ KHÁNH	HÒA	05/07/94	DH12KE															
22	12122317	NGUYỄN VĂN	HOÀI	21/11/94	DH12QT															
23	12120074	HOÀNG	HUY	20/08/94	DH12KT															
24	12122022	LÊ THANH	HUY	30/03/94	DH12QT															
25	12123024	TRỊNH ĐỨC	HUY	28/01/94	DH12KE															
26	11143180	LÊ THỊ MỸ	HUYỀN	04/12/92	DH11KM															
27	12123072	NEÁNG CUNG BÔ LY	KA	18/12/94	DH12KE															
28	12123130	NGUYỄN THỊ VÂN	KHANH	14/11/94	DH12KE															
29	11171133	VÕ DUY	KHƯƠNG	08/12/93	DH11KS															
30	12120082	NGUYỄN THỊ NGỌC	LA	05/08/94	DH12KM															
31	11171135	NGUYỄN THỊ	LÊ	20/05/93	DH11KS															
32	12123134	HOÀNG VIỆT	LIÊN	23/01/94	DH12KE															
33	12363277	NGUYỄN THỊ	LIÊN	29/06/94	CD12CA															
34	12123249	PHAN THỊ PHƯƠNG	LIÊN	09/11/94	DH12KE															
35	12123135	LÊ THỊ NGỌC	LIỀN	31/05/94	DH12KE															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Tài chính tiền tệ (208340) - Nhóm 04 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Nguyễn Văn Năm (294)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	12123089	NGUYỄN YẾN	LINH	21/12/94	DH12KE															
37	12123140	TRẦN THỊ	LY	06/11/92	DH12KE															
38	12122032	NGUYỄN DẠ	LÝ	08/05/94	DH12QT															
39	12122108	NGUYỄN THỊ TUYẾT	MINH	01/09/94	DH12TC															
40	12123147	DƯƠNG HẰNG	NGA	29/06/94	DH12KE															
41	12123148	NGUYỄN HUỲNH BẠCH	NGA	10/09/94	DH12KE															
42	12123149	HUỲNH HUYỀN	NGÂN	09/10/94	DH12KE															
43	12120337	ĐOÀN THỊ HỒNG	NGỌC	26/11/94	DH12KM															
44	12363331	PHAN THỊ QUỲNH	NGỌC	16/09/94	CD12CA															
45	12120012	LÂM THỊ THU	NGUYÊN	04/12/94	DH12KM															
46	12123037	NGUYỄN VĂN	NGUYÊN	19/03/94	DH12KE															
47	12122188	NGUYỄN THỊ	NGUYỆT	04/10/94	DH12TM															
48	10122206	BÙI ANH CHÍ	NHÂN	30/05/90	DH10QT															
49	12123157	MAI HOÀNG	NHÂN	07/11/94	DH12KE															
50	12123158	HỒ THANH	NHẬT	13/07/94	DH12KE															
51	12123161	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHI	06/02/94	DH12KE															
52	11120112	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	22/11/93	DH11KT															
53	12122039	LÊ THỊ ÁI	NHƯ	10/11/94	DH12TC															
54	12122200	VÕ THỊ NGỌC	NHƯ	15/04/93	DH12QT															
55	12122041	HUỲNH THỊ MỸ	PHÚC	17/09/94	DH12TM															
56	12120017	NGUYỄN THỊ	PHƯỢNG	25/06/94	DH12KM															
57	11143186	NGUYỄN HY	QUÂN	20/02/93	DH11KM															
58	11171070	NGUYỄN VĂN	QUÝ	07/03/93	DH11KS															
59	11123253	KHAMMANNIVONG	SIPAPHY	18/08/92	DH11KE															
60	12123044	NGUYỄN ĐÌNH	SƠN	18/11/93	DH12KE															
61	12120122	ĐỖ THỊ HỒNG	SƯƠNG	13/03/94	DH12KM															
62	12363190	LÊ THỊ	SƯƠNG	10/10/93	CD12CA															
63	12122309	TRẦN THỊ MINH	TÂM	01/06/94	DH12TM															
64	11120015	LÊ CÔNG	THẠCH	01/05/93	DH11KT															
65	12122310	LÊ THỊ	THẢO	06/11/94	DH12QT															
66	12120126	NGUYỄN THỊ THU	THẢO	10/02/92	DH12KT															
67	12123171	PHẠM THỊ PHƯƠNG	THẢO	12/12/93	DH12KE															
68	11143022	TRẦN LÊ PHƯƠNG	THẢO	17/01/93	DH11KM															
69	12363109	NGUYỄN THỊ MỸ	THẮM	08/08/94	CD12CA															
70	12120288	NGUYỄN CHIẾN	THẮNG	20/03/93	DH12KM															
71	12120129	ĐÀO THỊ	THU	02/05/94	DH12KM															
72	12363156	NGUYỄN THỊ NGỌC	THU	02/09/92	CD12CA															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Tài chính tiền tệ (208340) - Nhóm 04 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Nguyễn Văn Năm (294)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	11171112	LÂM PHÁT	THUẬN	16/06/92	DH11KS															
74	12120434	PHẠM LÃ TRỌNG	THUẬN	11/12/93	DH12KM															
75	12123078	MAI THỊ LỆ	THỦY	13/11/94	DH12KEGL															
76	12120536	NGUYỄN THỊ	THÚY	28/01/94	DH12KM															
77	12120439	PHAN THỊ MINH	THƯ	26/07/94	DH12KM															
78	12363224	NGUYỄN THỊ	THƯƠNG	09/06/94	CD12CA															
79	12122058	BÙI THỊ TRIỀU	TIÊN	07/08/93	DH12TC															
80	12123186	TRẦN HOÀNG	TIẾN	31/07/94	DH12KE															
81	12123190	ĐINH THÙY	TRANG	08/09/94	DH12KE															
82	12123056	LÊ THỊ CHÂU	TRANG	05/07/94	DH12KE															
83	11143109	NGUYỄN THÁI HỒNG	TRANG	17/08/93	DH11KM															
84	12123299	LÊ NGỌC	TRÂM	26/07/94	DH12KE															
85	12122253	TRẦN THỊ BÍCH	TRÂM	27/12/94	DH12TC															
86	11363078	TRƯƠNG CAO	TRÍ	01/11/91	CD11CA															
87	12120534	NGUYỄN PHƯƠNG	TRINH	10/11/94	DH12KM															
88	12363251	NGUYỄN THỊ THU	TRÚC	26/10/94	CD12CA															
89	12122091	NGUYỄN BỬU	TRUNG	20/11/94	DH12TC															
90	12122257	TRẦN KỲ	TRUNG	19/10/94	DH12TC															
91	12123195	LÊ THỊ	TUYẾT	28/07/94	DH12KE															
92	12123196	PHAN THỊ ÁNH	TUYẾT	01/02/94	DH12KE															
93	12123204	LÂM TRẦN CẨM	VI	04/01/94	DH12KE															
94	12123209	NGUYỄN THỊ THÚY	VY	02/01/94	DH12KE															
95	12122072	PHAN NGỌC	VY	20/10/94	DH12TM															
96	12123210	PHAN THỊ THANH	XUÂN	18/10/93	DH12KE															
97	10143100	TRẦN VĂN	XUÂN	16/02/92	DH10KM															
98	12123213	HÀ THỊ HẢI	YẾN	01/04/94	DH12KE															
99	12123066	NGUYỄN THỊ NGỌC	YẾN	09/11/93	DH12KE															
100	12123096	PHAN THỊ NGỌC	YẾN	10/06/94	DH12KE															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Tài chính tiền tệ (208340) - Nhóm 05 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Nguyễn Văn Năm (294)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	12123097	LÊ THỊ HOÀI	AN	14/02/94	DH12KE															
2	12123003	NGUYỄN HỒ TRÂM	ANH	20/09/94	DH12KE															
3	11150027	NGUYỄN THỊ MỸ	ANH	04/02/93	DH11TM															
4	11120001	TRẦN THỊ KIM	ANH	12/01/93	DH11KT															
5	12123221	NGUYỄN THỊ MỘNG	CẦM	25/07/94	DH12KE															
6	12123100	NGUYỄN HUỲNH NGỌC	CẨM	28/08/94	DH12KE															
7	12122004	PHẠM TRUNG	CHÁNH	17/01/93	DH12QT															
8	12123009	LƯU KIM	CHI	08/02/94	DH12KE															
9	12123105	VŨ THỊ KIM	CHI	21/02/93	DH12KE															
10	11122059	NGÔ THỊ	CHUYÊN	25/09/93	DH11QT															
11	11171122	BÙI VĂN	CƯỜNG	03/09/93	DH11KS															
12	12120182	NGUYỄN MAI	CƯỜNG	17/09/94	DH12KM															
13	12123107	HUỲNH NGỌC	DIỄM	94/ /	DH12KE															
14	11171104	TRƯƠNG NGỌC	DIỆU	23/03/93	DH11KS															
15	12122008	LÊ THỊ	DUNG	26/01/94	DH12QT															
16	10143012	TRẦN VĨNH	DUY	06/08/92	DH10KM															
17	12122118	PHẠM THỊ MỸ	DUYÊN	01/03/94	DH12TM															
18	12122125	TRẦN PHÚC	ĐẠT	14/01/94	DH12TM															
19	12123246	CAO THỊ HÀ	GIANG	29/06/94	DH12KE															
20	12122323	TRIỆU THỊ	GIANG	26/12/93	DH12QT															
21	12123117	NGUYỄN THỊ	HÀ	25/02/94	DH12KE															
22	12122012	NGUYỄN HUỲNH	HẠ	22/04/94	DH12TC															
23	12120464	NGUYỄN THỊ HỒNG	HẢI	11/03/94	DH12KM															
24	12122130	NGUYỄN VĂN	HẢI	28/12/94	DH12QT															
25	12363207	PHẠM THỊ HỒNG	HẠNH	30/11/94	CD12CA															
26	12122300	ĐẶNG THỊ	HẰNG	13/08/93	DH12TC															
27	12123022	ĐỖ KIM	HOA	02/02/94	DH12KE															
28	11123110	HÀ THỊ MINH	HOẠT	02/06/93	DH11KE															
29	11122074	HOÀNG THI KIM	HUỆ	01/11/93	DH11QT															
30	12120585	NGUYỄN KIM	HUYỀN	26/05/94	DH12KM															
31	12123128	THÔNG THỊ NGỌC	HUYỀN	01/09/94	DH12KE															
32	12120077	NGUYỄN THỊ THU	HƯƠNG	07/05/94	DH12KM															
33	12155014	PHẠM THỊ MAI THANH	HƯƠNG	05/11/94	DH12KN															
34	12120170	PHẠM THỊ THU	HƯỜNG	07/05/94	DH12KM															
35	12122027	BÙI MINH	KIỆT	20/10/94	DH12QT															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Tài chính tiền tệ (208340) - Nhóm 05 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Nguyễn Văn Năm (294)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	12123029	PHẠM THỊ HOÀNG	KIM	03/09/94	DH12KE															
37	12122158	TRẦN THỊ TUYẾT	LAN	10/11/94	DH12QT															
38	11143070	NGUYỄN BẢO	LÂM	11/03/93	DH11KM															
39	12122164	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	24/11/94	DH12QT															
40	12363016	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	20/07/94	CD12CA															
41	12122167	TỐNG ÁI	LINH	05/04/94	DH12TC															
42	12363178	ĐẶNG THỊ NGỌC	LOAN	19/07/94	CD12CA															
43	11120069	NGUYỄN TIẾN	LONG	14/02/93	DH11KT															
44	11150048	BÙI TUẤN	LỘC	02/09/93	DH11TM															
45	12122079	LÊ PHÚC	LỘC	22/05/94	DH12QT															
46	12122087	NGÔ THÀNH	LỘC	23/04/93	DH12QT															
47	11171053	HOÀNG THỊ THANH	MAI	24/05/93	DH11KS															
48	11363087	PHAN THỊ THANH	MAI	08/09/92	CD11CA															
49	12123143	TRẦN THỊ TUYẾT	MAI	26/03/94	DH12KE															
50	12122178	LÊ HOÀI	NAM	22/12/94	DH12QT															
51	12122080	PHẠM THÀNH	NAM	29/03/93	DH12QT															
52	11143237	ĐẶNG THỊ	NGA	10/08/93	DH11KM															
53	12120194	LÊ THỊ DIỆU	NGÂN	14/02/94	DH12KM															
54	12123035	PHAN THỊ KIM	NGÂN	21/10/94	DH12KE															
55	12123236	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂU	20/05/94	DH12KE															
56	12122333	NGUYỄN THỊ	NGỌC	10/01/94	DH12QT															
57	12123153	NGUYỄN NGỌC THẢO	NGUYÊN	16/02/94	DH12KE															
58	12123162	LÊ THỊ HỒNG	NHUNG	15/06/94	DH12KE															
59	12120014	PHAN THỊ MỸ	NHUNG	27/08/94	DH12KM															
60	12363241	TRỊNH THỊ THÚY	OANH	18/04/94	CD12CA															
61	11171140	HUỲNH TẤN	PHÁT	27/01/93	DH11KS															
62	12122205	ĐẶNG HOÀNG	PHÚC	18/09/94	DH12QT															
63	12122042	TRẦN QUANG	PHÚC	17/10/87	DH12TM															
64	11143086	TRƯƠNG THỊ LIÊN	PHƯƠNG	13/03/93	DH11KM															
65	12122047	VŨ THÚY	QUỲNH	22/01/94	DH12QT															
66	11150065	ĐINH THANH	SƠN	24/02/92	DH11TM															
67	12123168	LỮ HOÀNG MINH	TÂN	22/12/94	DH12KE															
68	12123093	LÊ THỊ	THẢO	26/03/94	DH12KE															
69	12123238	LÊ THỊ THU	THẢO	19/02/94	DH12KE															
70	12122225	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	03/01/94	DH12TM															
71	12363025	NGUYỄN THỊ THU	THẢO	16/11/94	CD12CA															
72	11363158	ĐÀO THỊ HỒNG	THẮM	29/03/93	CD11CA															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Tài chính tiền tệ (208340) - Nhóm 05 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Nguyễn Văn Năm (294)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	12123241	HUỲNH THỊ BÍCH	THI	17/02/94	DH12KE															
74	12120201	PHAN THỊ ANH	THI	19/11/94	DH12KM															
75	11120044	LÊ VĂN	THIẾT	16/10/92	DH11KT															
76	12123094	NGUYỄN THỊ TUYẾT	THƠ	22/09/94	DH12KE															
77	12120131	LÊ HỮU	THUẬN	04/02/94	DH12KT															
78	12123179	LÊ THỊ THANH	THƯ	10/09/94	DH12KE															
79	12123052	NGUYỄN THỊ KIM	THƯ	11/07/94	DH12KE															
80	12123054	HUỲNH THỊ MỸ	TIÊN	15/07/94	DH12KE															
81	12120566	TRẦN THỊ CẨM	TIÊN	15/11/94	DH12KM															
82	12122289	HUỲNH THỊ HỒNG	TIẾN	17/04/94	DH12QT															
83	12122243	NGUYỄN NGỌC	TIẾN	11/12/94	DH12QT															
84	12122060	TRẦN MINH	TIẾN	16/10/94	DH12QT															
85	12122061	NGUYỄN HỮU	TÍN	27/03/94	DH12QT															
86	11143196	TRẦN THỊ HƯƠNG	TRÀ	21/03/93	DH11KM															
87	11171088	ĐOÀN KHANG	TRANG	25/04/93	DH11KS															
88	12120143	LÊ THỊ HUYỀN	TRANG	11/03/94	DH12KM															
89	12122251	LÊ HUỲNH NGỌC	TRÂM	22/05/94	DH12TM															
90	11122038	TRẦN KHÁNH	TRÂN	08/03/93	DH11QT															
91	11363114	LÊ THỊ HỒNG	TRINH	07/04/92	CD11CA															
92	12122292	NGUYỄN THỊ TUYẾT	TRINH	17/04/94	DH12QT															
93	12363306	TRẦN CAO DIỄM	TRINH	21/04/93	CD12CA															
94	12363307	NGUYỄN THẢO	TRÚC	19/02/93	CD12CA															
95	11171147	LÊ MINH	TÚ	16/04/92	DH11KS															
96	12123061	LÊ THỊ THANH	TUYỀN	07/11/94	DH12KE															
97	12122147	TRỊNH THỊ THU	TUYỀN	24/04/94	DH12QT															
98	12120162	HỒ THỊ THU	VÂN	13/10/94	DH12KM															
99	12122273	NGUYỄN THỊ HOÀI	XUÂN	05/03/94	DH12TM															
100	12122074	NGUYỄN THỊ HẢI	YẾN	15/04/94	DH12QT															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Quản trị tài chính (208341) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Nguyễn Nam Hải (891)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	10122005	LÊ MINH	ANH	17/11/92	DH10QT															
2	11164013	NGUYỄN THỊ CẨM	ANH	24/07/93	DH11TC															
3	10122012	PHẠM THỊ MỸ	ẢNH	25/08/92	DH10QT															
4	10122013	ĐẶNG HỒNG	ÁNH	09/02/92	DH10QT															
5	09122005	ĐÀO MINH	ÂN	12/09/91	DH10QT															
6	11122057	TRỊNH ĐỨC	CHÂU	01/03/93	DH11QT															
7	10164005	VÕ BỬU	CHÂU	01/01/92	DH10TC															
8	11122002	HUỲNH THỊ LAN	CHI	18/06/93	DH11QT															
9	11122059	NGÔ THỊ	CHUYÊN	25/09/93	DH11QT															
10	10122024	TRẦN ĐỨC	CƯỜNG	12/07/91	DH10QT															
11	11122061	VÕ THỊ XUÂN	DUNG	24/08/93	DH11QT															
12	10122043	LƯƠNG THỦY	HÀ	06/06/92	DH10QT															
13	10164008	TRẦN THỊ KHÁNH	HÀ	01/09/92	DH10TC															
14	09122024	NGUYỄN HOÀNG	HAI	16/12/89	DH09QT															
15	11122134	HUỲNH THỊ	HẢO	15/02/93	DH11QT															
16	11122068	CHU THỊ MINH	HẰNG	05/08/93	DH11QT															
17	11122069	NGUYỄN THỊ THÚY	HẰNG	09/05/93	DH11QT															
18	11122135	HÀ THỊ HỒNG	HÂN	19/01/93	DH11QT															
19	11122041	TRÀ THỊ MỸ	HIỀN	20/04/93	DH11QT															
20	10122063	ĐỖ PHƯỚC	HÒA	03/04/92	DH10QT															
21	10122062	NGUYỄN THIỆU	HOÀNG	04/06/92	DH10QT															
22	11122073	VÕ THỊ THU	HỒNG	18/08/93	DH11QT															
23	10122067	HOÀNG XUÂN	HỢP	27/04/91	DH10QT															
24	11122130	ĐẶNG HỒNG	HUẾ	16/05/93	DH11QT															
25	11122009	LÊ THỊ KIM	HUỆ	10/07/93	DH11QT															
26	11164017	TRẦN NGỌC	HUYỀN	23/09/93	DH11TC															
27	11122077	TRỊNH NGUYỄN THU	HUYỀN	03/09/93	DH11QT															
28	11122012	BÙI THỊ MỸ	HƯƠNG	07/07/93	DH11QT															
29	11122013	HUỲNH THỊ MỸ	HƯƠNG	24/02/93	DH11QT															
30	11159006	VÕ THỊ MỸ	KIỀU	26/01/92	DH11TC															
31	11122017	NGÔ HƯƠNG	LAN	07/06/93	DH11QT															
32	11164019	NGUYỄN THỊ	LAN	15/10/93	DH11TC															
33	10122080	CAO VĂN	LÂM	25/11/92	DH10QT															
34	10122082	VI THỊ	LIÊN	23/09/92	DH10QT															
35	11122081	PHẠM HÀ KIM	LINH	17/06/93	DH11QT															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Quản trị tài chính (208341) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Nguyễn Nam Hải (891)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	11164021	PHẠM MỸ	LINH	10/07/93	DH11TC															
37	10122087	PHẠM THỊ YẾN	LINH	24/05/92	DH10QT															
38	11164041	NGUYỄN THỊ QUỲNH	LOAN	24/09/93	DH11TC															
39	11122023	HUỲNH THỊ KIM	LY	16/12/93	DH11QT															
40	11122026	NGUYỄN THỊ THÙY	MINH	01/01/93	DH11QT															
41	08222113	TRẦN THỊ TRÀ	MY	27/12/85	TC08QTTD															
42	11122086	NGUYỄN THỊ NGỌC	NGÂN	09/09/93	DH11QT															
43	11122028	THÁI NHƯ	NGỌC	19/01/93	DH11QT															
44	11122088	LÊ THỊ HẠNH	NGUYÊN	28/12/93	DH11QT															
45	11122095	NGUYỄN THỊ HUỲNH	NHƯ	19/05/93	DH11QT															
46	10122118	NGUYỄN SƯ	PHONG	30/01/92	DH10QT															
47	11164027	TRƯƠNG TẤN	PHÚC	13/05/93	DH11TC															
48	11122097	NGUYỄN THÁI	PHƯƠNG	21/05/93	DH11QT															
49	11122098	PHAN THỊ	PHƯƠNG	12/06/93	DH11QT															
50	11122104	NGUYỄN THANH	SANG	05/09/93	DH11QT															
51	10122134	ĐẶNG VĂN	SỰ	01/01/92	DH10QT															
52	10122136	VƯƠNG TẤN	TÀI	06/11/92	DH10QT															
53	11122105	VÕ THỊ	TẠO	10/01/93	DH11QT															
54	10122139	GIÒNG VY	TÂN	23/04/91	DH10QT															
55	11122034	NGUYỄN VĂN	THÁI	13/01/93	DH11QT															
56	11122110	PHAN THỊ PHƯƠNG	THẢO	07/07/93	DH11QT															
57	11164004	PHẠM THỊ NHƯ	THẤM	02/09/93	DH11TC															
58	11122044	HUỲNH VĂN	THUẬN	19/12/90	DH11QT															
59	11164030	NGUYỄN THỊ THU	THỦY	28/06/93	DH11TC															
60	12122233	PHẠM THỊ BÍCH	THỦY	28/02/94	DH12QT															
61	10122161	ĐẶNG THỊ THANH	THÚY	16/05/92	DH10QT															
62	11164031	PHẠM LÊ THANH	THÚY	06/07/93	DH11TC															
63	11122037	TRẦN VĂN	TÍ	10/09/92	DH11QT															
64	10122164	ĐÀO ĐỨC	TÍN	23/05/92	DH10QT															
65	11122117	LÊ THÙY	TRANG	24/08/93	DH11QT															
66	11122118	TRẦN THỊ THẢO	TRANG	05/09/93	DH11QT															
67	11122133	NGUYỄN VIỆT	TRUNG	24/05/93	DH11QT															
68	11164037	NGUYỄN THỊ ÁNH	TUYẾT	25/10/93	DH11TC															
69	10122192	LÊ QUANG	TƯ	10/06/92	DH10QT															
70	11122126	ĐIỀU THỊ TƯỜNG	VI	16/10/93	DH11QT															
71	11122145	TRẦN THỊ TOÀN	VY	15/09/93	DH11QT															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Tín dụng ngân hàng (208345) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Hoàng Oanh Thoa (663)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	12123097	LÊ THỊ HOÀI	AN	14/02/94	DH12KE															
2	12363001	HOÀNG THỊ TƯỜNG	ANH	16/03/94	CD12CA															
3	12122097	LÊ THỊ	ANH	01/10/94	DH12QT															
4	07122007	NGUYỄN TUẤN	ANH	23/09/89	DH08QT															
5	12123101	NGUYỄN THỊ NGỌC	CẨM	10/10/93	DH12KE															
6	12122004	PHẠM TRUNG	CHÁNH	17/01/93	DH12QT															
7	11363115	NGUYỄN THỊ NGỌC	CHÂU	13/10/93	CD11CA															
8	12123102	VÕ THỊ MỸ	CHÂU	18/06/94	DH12KE															
9	12123009	LƯU KIM	CHI	08/02/94	DH12KE															
10	11164001	VÕ QUỐC	CÔNG	27/12/93	DH11TC															
11	12363334	HUỲNH THỊ PHƯƠNG	DUNG	11/09/94	CD12CA															
12	12122008	LÊ THỊ	DUNG	26/01/94	DH12QT															
13	12363033	VÕ THỊ KIM	DUNG	09/09/93	CD12CA															
14	11363018	ĐẶNG THẾ	DŨNG	10/07/93	CD11CA															
15	12123014	NGUYỄN NGỌC KỲ	DUYÊN	18/11/94	DH12KE															
16	12122009	NGUYỄN THỊ THÙY	DUYÊN	07/02/94	DH12QT															
17	12122117	PHAN BÍCH	DUYÊN	06/11/93	DH12TC															
18	12122282	TRẦN MỸ	DUYÊN	19/10/94	DH12QT															
19	12122125	TRẦN PHÚC	ĐẠT	14/01/94	DH12TM															
20	12123114	HOÀNG THỊ KIM	GIÁC	10/12/94	DH12KE															
21	12363264	VÕ BÙI KIỀU	GIANG	30/09/93	CD12CA															
22	10122046	BÙI THỊ MỸ	HẠNH	06/07/92	DH10QT															
23	12363032	NGUYỄN THỊ HIẾU	HẠNH	25/06/93	CD12CA															
24	12363328	DƯƠNG THỊ	HẰNG	20/01/94	CD12CA															
25	12363265	ĐINH KIM	HẰNG	28/07/94	CD12CA															
26	12124169	LÊ NỮ MỸ	HẰNG	15/08/94	DH12QL															
27	12363267	VÕ THỊ	HẰNG	27/09/93	CD12CA															
28	12123071	LÊ THỊ NGỌC	HÂN	01/01/94	DH12KE															
29	12123086	CAO THỊ	HIỀN	01/06/94	DH12KE															
30	12363230	LÊ THỊ	HIỀN	02/07/92	CD12CA															
31	12123123	NGUYỄN XUÂN	HIẾU	30/03/94	DH12KE															
32	12363035	LÊ THỊ THÚY	HỒNG	16/10/93	CD12CA															
33	12122021	LƯU HỮU	HUỆ	01/02/92	DH12QT															
34	10122069	TRẦN MẠNH	HÙNG	07/01/82	DH10QT															
35	12122143	NGUYỄN ĐỨC	HUY	01/04/94	DH12TC															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Tín dụng ngân hàng (208345) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Hoàng Oanh Thoa (663)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	11363046	NGUYỄN HỒNG	HUỲNH	05/10/93	CD11CA															
37	12363082	ĐẶNG THỊ THANH	LAM	10/10/94	CD12CA															
38	12122163	NGUYỄN THỊ	LINH	21/06/93	DH12TC															
39	12122164	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	24/11/94	DH12QT															
40	12122166	PHẠM DUY	LINH	10/04/93	DH12QT															
41	12122167	TỐNG ÁI	LINH	05/04/94	DH12TC															
42	12123139	NGÔ THỊ PHƯỢNG	LOAN	15/04/94	DH12KE															
43	12363317	NGUYỄN THỊ	LƯỜNG	27/04/93	CD12CA															
44	10164019	TRƯƠNG BÁ	LƯU	05/09/92	DH10TC															
45	12363235	VÕ THỊ	LY	16/02/94	CD12CA															
46	12123143	TRẦN THỊ TUYẾT	MAI	26/03/94	DH12KE															
47	12123144	NGUYỄN THỊ	MẾN	30/08/94	DH12KE															
48	12363068	TRẦN THỊ THÚY	MY	19/10/92	CD12CA															
49	12363099	ĐẶNG THỊ HỒNG	NÊN	/ /94	CD12CA															
50	12363187	VŨ THỊ	NGA	16/01/94	CD12CA															
51	12123149	HUỲNH HUYỀN	NGÂN	09/10/94	DH12KE															
52	11123130	ĐỖ THỊ BÍCH	NGỌC	20/02/93	DH11KE															
53	12122038	TRẦN THỊ THẢO	NGUYÊN	10/09/94	DH12TC															
54	12122304	HỒ THỊ TUYẾT	NGUYỆT	20/02/94	DH12TM															
55	12123155	TRẦN THANH	NHÀN	27/04/94	DH12KE															
56	12123160	LÊ PHƯƠNG UYỂN	NHI	24/09/94	DH12KE															
57	12363070	NGUYỄN THỊ	NHUNG	04/08/94	CD12CA															
58	11122139	HUỲNH NGUYỄN QUỲNH	NHƯ	09/12/93	DH11QT															
59	12363341	HUỲNH MỸ	NƯƠNG	/07/94	CD12CA															
60	12122207	NGUYỄN PHAN ANH	PHƯƠNG	22/01/94	DH12TC															
61	11122099	TRẦN THỊ HÀ	PHƯƠNG	25/03/93	DH11QT															
62	12122209	HUỲNH THỊ NHƯ	PHƯỢNG	06/12/94	DH12TC															
63	12123043	DOÃN ĐÌNH	QUANG	08/03/94	DH12KE															
64	07135058	TRẦN MINH	QUÝ	11/03/89	DH08TB															
65	12122214	LÊ THỊ	QUỲNH	06/09/94	DH12TC															
66	12122307	NGUYỄN NHƯ	QUỲNH	23/06/94	DH12TC															
67	12363293	VÕ THỊ	SANG	06/02/93	CD12CA															
68	12123044	NGUYỄN ĐÌNH	SƠN	18/11/93	DH12KE															
69	11122105	VÕ THỊ	TẠO	10/01/93	DH11QT															
70	12122050	GIẢNG NGỌC PHƯƠNG	TÂN	16/06/94	DH12QT															
71	12122052	TRẦN NGỌC DUY	TÂN	29/03/94	DH12QT															
72	12124280	CHÂU MINH	THANH	19/02/94	DH12QL															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Tín dụng ngân hàng (208345) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Hoàng Oanh Thoa (663)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	12123046	ĐỒNG THỊ THU	THẢO	20/07/93	DH12KE															
74	12363223	LƯƠNG THỊ PHƯƠNG	THẢO	05/01/94	CD12CA															
75	12363243	DƯƠNG THỊ HỒNG	THẮM	07/06/94	CD12CA															
76	12123241	HUỲNH THỊ BÍCH	THI	17/02/94	DH12KE															
77	12123257	MAI	THI	16/08/92	DH12KE															
78	11150022	DƯƠNG THỊ	THOA	28/10/93	DH11TM															
79	09143900	NGUYỄN THỊ NGỌC	THÔNG	/ /	DH12KE															
80	12122055	NGUYỄN VĂN	THÔNG	16/08/93	DH12TM															
81	12123050	NGUYỄN THỊ CẨM	THU	24/10/94	DH12KE															
82	11122044	HUỲNH VĂN	THUẬN	19/12/90	DH11QT															
83	12363297	LÊ MINH	THÙY	18/10/93	CD12CA															
84	12123177	HUỲNH THƯƠNG LƯ	THỦY	28/03/94	DH12KE															
85	11164043	LÊ THỊ THU	THÚY	06/04/93	DH11TC															
86	12363194	NGÔ THỊ HỒNG MỘNG	THÚY	15/05/94	CD12CA															
87	12363045	NGUYỄN THỊ	THUYÊN	09/05/94	CD12CA															
88	12123179	LÊ THỊ THANH	THƯ	10/09/94	DH12KE															
89	12363043	HOÀNG THỊ THU	THƯƠNG	24/05/94	CD12CA															
90	12363154	HỒ THỊ HOÀI	THƯƠNG	13/11/94	CD12CA															
91	12363224	NGUYỄN THỊ	THƯƠNG	09/06/94	CD12CA															
92	12123079	PHAN THỊ THANH	THƯƠNG	26/11/94	DH12KE															
93	12363298	TRẦN THY	THY	27/09/94	CD12CA															
94	12122238	LÊ THỊ CẨM	TIÊN	29/07/93	DH12QT															
95	12122240	TRẦN PHẠM THỦY	TIÊN	03/06/94	DH12TC															
96	12122060	TRẦN MINH	TIẾN	16/10/94	DH12QT															
97	12122061	NGUYỄN HỮU	TÍN	27/03/94	DH12QT															
98	12123188	LÊ THỊ	TÌNH	04/10/94	DH12KE															
99	12123095	TRẦN THỊ NGHỆ	TÔNG	05/07/94	DH12KE															
100	12123057	NGUYỄN THỊ THANH	TRÀ	27/12/94	DH12KE															
101	12123244	ĐẶNG LƯU PHƯƠNG	TRANG	20/06/94	DH12KE															
102	12122246	LÊ NGỌC PHƯƠNG	TRANG	10/06/94	DH12QT															
103	12363303	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	18/10/94	CD12CA															
104	12122251	LÊ HUỲNH NGỌC	TRÂM	22/05/94	DH12TM															
105	12363137	NGUYỄN BẢO	TRÂN	28/09/93	CD12CA															
106	12363232	PHAN THỊ BẢO	TRÂN	20/11/93	CD12CA															
107	12363305	NGUYỄN THỊ TỐ	TRINH	21/06/94	CD12CA															
108	12363306	TRẦN CAO DIỄM	TRINH	21/04/93	CD12CA															
109	12122315	NGUYỄN THỊ KIM	TRỌN	16/02/94	DH12QT															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Tín dụng ngân hàng (208345) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Hoàng Oanh Thoa (663)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
110	11123084	TRẦN XUÂN	TÙNG	10/11/90	DH11KE															
111	10122183	HUỲNH CAO	TUYÊN	15/09/91	DH10QT															
112	12363005	PHAN HUỲNH KIM	TUYỀN	01/01/94	CD12CA															
113	12363052	NGUYỄN THỊ KIM	TUYẾN	24/08/94	CD12CA															
114	12363214	NGUYỄN HOÀNG ÁNH	TUYẾT	10/12/94	CD12CA															
115	12363322	PHẠM THỊ ÁNH	TUYẾT	01/12/93	CD12CA															
116	12123196	PHAN THỊ ÁNH	TUYẾT	01/02/94	DH12KE															
117	12363323	TRẦN THỊ	TỨ	24/03/94	CD12CA															
118	12122263	NGUYỄN THỊ KIM	VÀNG	03/11/94	DH12TC															
119	12122093	AN THỊ THẢO	VI	20/10/94	DH12TC															
120	12122071	ĐINH HOÀNG	VŨ	01/01/94	DH12TC															
121	12123207	LÊ THỊ THANH	VY	08/12/94	DH12KE															
122	12123218	NGUYỄN THỊ NHƯ	Ý	25/11/94	DH12KE															
123	12363148	NGÔ THỊ HẢI	YẾN	12/06/94	CD12CA															
124	12123066	NGUYỄN THỊ NGỌC	YẾN	09/11/93	DH12KE															
125	12363149	NGUYỄN THỊ NGỌC	YẾN	19/02/91	CD12CA															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Tín dụng ngân hàng (208345) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Hoàng Oanh Thoa (663)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	12122095	NGUYỄN NGỌC THÙY	AN	19/05/94	DH12TC															
2	12122096	ĐỖ HOÀI	ANH	21/06/94	DH12TM															
3	11173006	HUỲNH PHƯƠNG	ANH	31/12/93	DH11TM															
4	12123003	NGUYỄN HỒ TRÂM	ANH	20/09/94	DH12KE															
5	12123006	HÀ NGỌC	ÁNH	19/11/94	DH12KE															
6	12123074	VÕ THỊ SƠN	CA	20/02/94	DH12KE															
7	12123069	ĐẬU ĐỨC	CHÂU	27/08/94	DH12KE															
8	11122058	NGUYỄN VŨ DIỄM	CHI	25/01/92	DH11QT															
9	12123230	PHẠM THỊ NGỌC	CHÍNH	08/06/94	DH12KE															
10	12363326	HOÀNG THỊ	CÚC	10/06/94	CD12CA															
11	12123084	NGUYỄN THỊ KIM	CÚC	02/10/94	DH12KE															
12	12124371	NGUYỄN VIỆT	CƯỜNG	10/08/93	DH12QL															
13	12123106	NGUYỄN THỊ	DẬU	20/01/94	DH12KE															
14	12123107	HUỲNH NGỌC	DIỄM	94/ /	DH12KE															
15	12122110	LÊ HOÀNG TRIỆU	DIỄM	10/11/94	DH12TM															
16	12122296	MAI THỊ	DIỄM	30/07/94	DH12TM															
17	12363260	NGUYỄN MINH	DUNG	07/12/94	CD12CA															
18	12363152	NGUYỄN THỊ	DUNG	20/01/94	CD12CA															
19	12363007	VŨ THỊ	DUNG	01/10/94	CD12CA															
20	12363314	TRẦN KIM	DŨNG	06/01/94	CD12CA															
21	11123093	LÂM CHÂU THANH	DUY	04/03/93	DH11KE															
22	12363263	TRẦN THỊ MỸ	DUYÊN	26/08/94	CD12CA															
23	12122011	NGUYỄN HUY	DƯƠNG	21/01/93	DH12TM															
24	12123015	NGUYỄN THỊ LAN	ĐÀI	15/09/94	DH12KE															
25	11122065	HÀ THỊ HỒNG	ĐÀO	19/07/93	DH11QT															
26	11150036	BÙI THỊ	ĐẬM	15/08/93	DH11TM															
27	12123246	CAO THỊ HÀ	GIANG	29/06/94	DH12KE															
28	12363339	ĐOÀN KIỀU	GIANG	26/04/94	CD12CA															
29	12123116	NGUYỄN HUỲNH TRÚC	HÀ	30/09/94	DH12KE															
30	12363161	THÂN THỊ HỒNG	HẢI	12/11/90	CD12CA															
31	12122300	ĐẶNG THỊ	HẰNG	13/08/93	DH12TC															
32	12122013	ĐINH THỊ THANH	HẰNG	31/07/94	DH12TC															
33	10363170	NGUYỄN THỊ THANH	HẰNG	20/02/92	CD11CA															
34	12363246	TRẦN THỊ THÚY	HẰNG	18/02/94	CD12CA															
35	12123120	NGUYỄN PHÚC	HẬU	28/08/94	DH12KE															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Tín dụng ngân hàng (208345) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Hoàng Oanh Thoa (663)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	12123121	TRƯƠNG THỊ	HẬU	02/04/94	DH12KE															
37	12123087	LÊ THỊ	HIỀN	18/02/94	DH12KE															
38	09124900	PHẠM TRUNG	HIẾU	01/07/91	DH11TM															
39	12123247	NGUYỄN THỊ	HOA	13/07/94	DH12KE															
40	12123124	NGUYỄN THỊ LỆ	HOA	28/06/94	DH12KE															
41	12363036	VÕ ĐĂNG	HÒA	19/11/94	CD12CA															
42	12123125	LÊ MINH	HOÀNG	07/06/94	DH12KE															
43	12363062	LÊ THỊ KIM	HỒNG	04/05/94	CD12CA															
44	12122318	NGUYỄN THỊ	HỒNG	29/09/94	DH12QT															
45	12123127	TRẦN THỊ KIM	HUÊ	07/01/94	DH12KE															
46	12363272	TRẦN THỊ	HUỆ	13/04/94	CD12CA															
47	12122085	NGUYỄN QUANG	HUY	19/05/94	DH12TC															
48	12123025	DƯƠNG THỊ	HUYỀN	05/11/94	DH12KE															
49	11363038	HỒ THỊ KIM	HUYỀN	18/12/92	CD11CA															
50	12363171	NGUYỄN VŨ THÙY	HƯƠNG	30/09/94	CD12CA															
51	12122024	NGUYỄN BẢO	KHÁNH	22/10/94	DH12TC															
52	12363174	BÙI NGUYỄN THIÊN	KIM	06/10/94	CD12CA															
53	12122159	NGUYỄN VĂN THỦY	LÂM	24/03/94	DH12QT															
54	10363055	NGUYỄN THỊ	LỆ	08/03/91	CD10CA															
55	12363277	NGUYỄN THỊ	LIÊN	29/06/94	CD12CA															
56	12123235	NGUYỄN THỊ NGỌC	LINH	21/10/94	DH12KE															
57	12363218	THÁI THỊ THÙY	LINH	22/12/94	CD12CA															
58	12123138	NGUYỄN TẤN THANH	LỈNH	07/06/94	DH12KE															
59	11150048	BÙI TUẤN	LỘC	02/09/93	DH11TM															
60	11363053	HÀ THỊ MỸ	LỘC	10/10/91	CD11CA															
61	12122079	LÊ PHÚC	LỘC	22/05/94	DH12QT															
62	12363282	ĐẶNG THỊ NGỌC	MAI	28/06/94	CD12CA															
63	12123145	HUỲNH THỊ ÁNH	MINH	18/09/94	DH12KE															
64	12122108	NGUYỄN THỊ TUYẾT	MINH	01/09/94	DH12TC															
65	11123066	NGUYỄN HOÀNG	NAM	09/02/93	DH11KE															
66	11363179	ĐẶNG THÙY	NGÂN	29/06/93	CD11CA															
67	12123236	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂU	20/05/94	DH12KE															
68	12122182	NGUYỄN VĂN	NGHĨA	20/01/94	DH12QT															
69	12122186	PHẠM THỊ THẢO	NGUYÊN	23/11/94	DH12TM															
70	11122091	PHẠM HỒNG	NHẬT	03/04/93	DH11QT															
71	12123161	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHI	06/02/94	DH12KE															
72	12363087	ĐỒNG THỊ	NƯƠNG	12/07/94	CD12CA															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Tín dụng ngân hàng (208345) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Hoàng Oanh Thoa (663)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	10135079	HỒ NGỌC	NƯƠNG	03/12/92	DH10TB															
74	12124058	PHẠM THỊ TRÚC	OANH	25/08/94	DH12QL															
75	12122206	NGUYỄN HỒNG	PHÚC	27/12/94	DH12QT															
76	12124264	BÙI MAI	PHƯƠNG	02/07/94	DH12QL															
77	12122048	LIÊU NGỌC	QUÝ	30/06/92	DH12TM															
78	11363214	HUỲNH THỊ THẢO	QUYÊN	26/09/93	CD11CA															
79	12363294	LÂM THỊ THẢO	SƯƠNG	11/10/94	CD12CA															
80	10122138	TRẦN THỊ THANH	TÂM	28/11/92	DH10QT															
81	12363048	ĐẶNG THỊ MỸ	THẠCH	03/10/94	CD12CA															
82	12122081	NGUYỄN QUANG	THANH	10/01/94	DH12TC															
83	12122222	HỒ THỊ PHƯƠNG	THẢO	14/10/94	DH12QT															
84	12122310	LÊ THỊ	THẢO	06/11/94	DH12QT															
85	12123238	LÊ THỊ THU	THẢO	19/02/94	DH12KE															
86	12123169	NGUYỄN THỊ THANH	THẢO	24/10/93	DH12KE															
87	12363025	NGUYỄN THỊ THU	THẢO	16/11/94	CD12CA															
88	12363063	NGUYỄN THỊ	THẮM	12/07/93	CD12CA															
89	12123239	NGUYỄN THỊ KIM	THẮM	29/07/93	DH12KE															
90	12363109	NGUYỄN THỊ MỸ	THẮM	08/08/94	CD12CA															
91	12123301	TRẦN THỊ KIM	THOA	/ /	DH12KE															
92	11122114	ĐẶNG THỊ NGỌC	THỌI	27/12/92	DH11QT															
93	12123094	NGUYỄN THỊ TUYẾT	THƠ	22/09/94	DH12KE															
94	12363129	NGÔ THỊ	THU	26/08/93	CD12CA															
95	12363113	LÊ THỊ MỸ	THUẬN	12/10/94	CD12CA															
96	12363173	LÊ THỊ	THÙY	01/06/94	CD12CA															
97	12363118	BÙI THỊ	THỦY	15/07/94	CD12CA															
98	12123175	LÊ THỊ	THUÝ	15/10/94	DH12KE															
99	10135104	NGUYỄN HOÀI	THƯ	01/01/92	DH10TB															
100	12123181	NGUYỄN THỊ THANH	THƯƠNG	19/04/94	DH12KE															
101	12122058	BÙI THỊ TRIỀU	TIÊN	07/08/93	DH12TC															
102	12363245	ĐỖ PHƯỢNG CẨM	TIÊN	14/08/94	CD12CA															
103	12123185	PHAN THỦY	TIÊN	01/01/94	DH12KE															
104	12123186	TRẦN HOÀNG	TIẾN	31/07/94	DH12KE															
105	12123189	BÙI THỊ	TRANG	26/08/94	DH12KE															
106	12363301	LÊ NGỌC	TRANG	23/12/94	CD12CA															
107	12122253	TRẦN THỊ BÍCH	TRÂM	27/12/94	DH12TC															
108	12122254	NGUYỄN HỒ BẢO	TRÂN	14/11/94	DH12QT															
109	12363123	PHÙNG NGUYỄN MINH	TRIỀU	27/09/93	CD12CA															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Tín dụng ngân hàng (208345) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Hoàng Oanh Thoa (663)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
110	12363304	NGUYỄN ĐẶNG PHƯƠNG	TRINH	08/11/94	CD12CA															
111	12123245	NGUYỄN THỊ	TRINH	10/08/94	DH12KE															
112	12122068	NGUYỄN MINH	TUẤN	22/04/94	DH12QT															
113	11122122	BÙI KIM	TÙNG	15/08/93	DH11QT															
114	12123197	VÕ THỊ THANH	TÙNG	17/12/94	DH12KE															
115	12123194	LÝ THỊ THANH	TUYỀN	20/11/94	DH12KE															
116	12123062	NGUYỄN THỊ MỸ	TUYẾT	20/10/94	DH12KE															
117	12363324	NGUYỄN THỊ TUYẾT	VÂN	01/10/94	CD12CA															
118	12123063	NGUYỄN THỊ	VI	08/05/94	DH12KE															
119	12123065	TRƯƠNG KIM	XUÂN	26/12/93	DH12KE															
120	12123212	HÀ KIM	YẾN	22/08/94	DH12KE															
121	12123213	HÀ THỊ HẢI	YẾN	01/04/94	DH12KE															
122	11363040	MAI THỊ NGỌC	YẾN	05/06/93	CD11CA															
123	12123215	NGUYỄN THỊ HẢI	YẾN	28/02/94	DH12KE															
124	12123229	NGUYỄN THỊ HẢI	YẾN	20/10/93	DH12KE															
125	12123096	PHAN THỊ NGỌC	YẾN	10/06/94	DH12KE															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Tài chính doanh nghiệp 1 (208347) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Trịnh Đức Tuấn (283)

Nhóm TH 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	10155049	NGUYỄN THỊ VÂN	ANH	10/03/92	DH10KN															
2	09223004	NGUYỄN THỊ NGỌC	BÍCH	20/05/90	TC09KETD															
3	10155035	PHAN VĂN	CẢNH	19/02/91	DH10KN															
4	12363313	HUỲNH THỊ THÚY	DIỄM	10/05/94	CD12CA															
5	11123093	LÂM CHÂU THANH	DUY	04/03/93	DH11KE															
6	11363003	LÊ THỊ MỸ	DUYÊN	10/11/93	CD11CA															
7	11155003	BÙI TẤN	ĐẠT	21/06/93	DH11KN															
8	11164015	TRẦN THANH	GIANG	/ /92	DH11TC															
9	11155013	THÁI THỊ	HÀ	16/02/92	DH11KN															
10	09122024	NGUYỄN HOÀNG	HAI	16/12/89	DH09QT															
11	11123098	PHẠM THỊ NHƯ	HẢO	18/12/93	DH11KE															
12	11363215	TRẦN THỊ THANH	HẰNG	27/06/93	CD11CA															
13	10363143	TRẦN THỊ	HIÊN	14/12/92	CD10CA															
14	11123107	NGUYỄN THỊ KIM	HIỀN	07/05/92	DH11KE															
15	10155018	NGUYỄN THỊ NGỌC	HIỀN	26/05/91	DH10KN															
16	12123123	NGUYỄN XUÂN	HIẾU	30/03/94	DH12KE															
17	11363009	NGUYỄN THÚY	HỒNG	17/06/93	CD11CA															
18	11123113	HOÀNG THỊ THU	HUYỀN	22/08/93	DH11KE															
19	11363045	NGÔ THỊ KIM	HUYỀN	08/02/91	CD11CA															
20	10363222	NGUYỄN THỊ	HUYỀN	09/01/91	CD10CA															
21	11363106	PHẠM THỊ	HUYỀN	16/08/93	CD11CA															
22	11164017	TRẦN NGỌC	HUYỀN	23/09/93	DH11TC															
23	12122025	ĐẶNG ĐĂNG	KHOA	10/05/87	DH12TC															
24	10363053	BÙI THỊ THANH	LAM	23/07/91	CD10CA															
25	10122080	CAO VĂN	LÂM	25/11/92	DH10QT															
26	10363162	PHẠM THỊ	LEN	16/01/92	CD10CA															
27	12123136	HUỲNH THỊ KHÁNH	LINH	24/01/94	DH12KE															
28	11123021	TÔ KHÁNH	LINH	16/08/93	DH11KE															
29	11155029	TRẦN NGỌC NHẬT	LINH	27/05/93	DH11KN															
30	11123123	TRẦN THỊ MỸ	LOAN	16/09/93	DH11KE															
31	10164019	TRƯƠNG BÁ	LƯU	05/09/92	DH10TC															
32	10123107	VÕ THỊ TUYẾT	MAI	07/02/91	DH10KE															
33	10123111	VÕ THỊ HỒNG	NGA	12/12/92	DH10KE															
34	11363071	TRẦN THỊ NHƯ	NGOAN	20/09/93	CD11CA															
35	09223047	LÊ THỊ ÁNH	NGUYỆT	06/11/88	TC09KETD															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Tài chính doanh nghiệp 1 (208347) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Trịnh Đức Tuấn (283)

Nhóm TH 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	12123038	TẠ THỊ ÁNH	NGUYỆT	20/12/93	DH12KE															
37	11363192	LÊ THỊ THANH	NHÀN	19/05/92	CD11CA															
38	11122096	ĐÀO THỊ HOÀNG	OANH	10/05/93	DH11QT															
39	10164028	NGUYỄN HOÀNG	PHÚC	17/08/92	DH10TC															
40	11123179	LÝ TỐ	SEN	08/05/93	DH11KE															
41	11123143	NGUYỄN PHÚ	TÂM	27/06/93	DH11KE															
42	11155052	VŨ THỊ HẠNH	TÂM	24/11/93	DH11KN															
43	11164029	TRẦN HOÀNG	THANH	09/10/93	DH11TC															
44	10123165	ĐOÀN THỊ NGỌC	THẢO	04/01/92	DH10KE															
45	10155008	VŨ MINH	THỌ	08/08/92	DH10KN															
46	10123177	PHẠM NGỌC	THƠ	30/04/92	DH10KE															
47	11363109	LÊ THỊ PHƯƠNG	THỦY	12/03/93	CD11CA															
48	11363162	NGUYỄN THỊ NGỌC	THƯƠNG	27/11/93	CD11CA															
49	12122058	BÙI THỊ TRIỀU	TIÊN	07/08/93	DH12TC															
50	10123189	PHẠM THỦY	TIÊN	28/10/92	DH10KE															
51	10122165	VÕ TÀI	TÍN	10/11/92	DH10QT															
52	10123193	CAO THỊ HOÀI	TRANG	25/09/92	DH10KE															
53	10122169	LÊ THỊ NHA	TRANG	13/11/92	DH10QT															
54	11164035	NGUYỄN THỊ NGỌC	TRÂM	/ /93	DH11TC															
55	10363121	HOÀNG THỊ THU	TRÂN	15/01/91	CD10CA															
56	11363171	NGUYỄN HỒNG	TRƯỜNG	12/11/93	CD11CA															
57	10363119	NGUYỄN THANH	TÚ	28/01/92	CD10CA															
58	10363127	NGUYỄN ANH	TUẤN	06/05/91	CD10CA															
59	11164037	NGUYỄN THỊ ÁNH	TUYẾT	25/10/93	DH11TC															
60	12123062	NGUYỄN THỊ MỸ	TUYẾT	20/10/94	DH12KE															
61	10123222	LÊ THỊ	VÂN	15/08/92	DH10KE															
62	11122126	ĐIỀU THỊ TƯỜNG	VI	16/10/93	DH11QT															
63	11123062	VÕ THỊ TRƯỜNG	XUÂN	31/10/93	DH11KE															
64	11123187	NGUYỄN THÚY	XUYÊN	30/01/93	DH11KE															
65	10363198	HOÀNG THỊ	YẾN	14/09/92	CD10CA															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Kế toán tài chính 2 (208348) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Lê Văn Hoa (289)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	11363177	NGUYỄN THỊ NGỌC	ANH	02/05/91	CD11CA															
2	11123002	TRẦN QUỐC	ANH	08/06/93	DH11KE															
3	11123088	UNG THỤY NGỌC	ANH	17/02/93	DH11KE															
4	10123017	TRẦN THỊ PHƯƠNG	CHÂU	11/04/91	DH10KE															
5	10363008	NGUYỄN THỊ	CHUNG	20/10/91	CD10CA															
6	11363164	HUỲNH THÚY	DIỄM	21/07/93	CD11CA															
7	11123073	NGUYỄN THỊ THÚY	DIỄM	30/04/93	DH11KE															
8	11123093	LÂM CHÂU THANH	DUY	04/03/93	DH11KE															
9	11123004	TRƯƠNG KHẮC	DUY	11/08/92	DH11KE															
10	11123005	PHẠM NGUYỄN MỸ	DUYÊN	09/01/93	DH11KE															
11	11123006	NGUYỄN BÌNH	DƯƠNG	18/07/93	DH11KE															
12	11123007	NGUYỄN THỊ NGỌC	ĐẸP	19/10/93	DH11KE															
13	11363022	ĐẶNG VĂN	ĐỘ	20/02/92	CD11CA															
14	10123043	TẠ THỊ	HÀ	24/02/91	DH10KE															
15	11363026	TRẦN THỊ THU	HÀ	29/06/92	CD11CA															
16	10123046	VŨ THỊ HỒNG	HÀ	03/12/92	DH10KE															
17	11123096	NGÔ THỊ	HẢI	10/06/93	DH11KE															
18	11123009	THÁI THỊ	HẢI	06/07/93	DH11KE															
19	11123008	LÊ THỊ ĐÔNG	HÀN	02/11/93	DH11KE															
20	10363034	NGUYỄN THỊ MỸ	HẠNH	07/05/92	CD10CA															
21	11123099	NGUYỄN THỊ MỸ	HẠNH	28/04/93	DH11KE															
22	09123034	TRỊNH THỊ MỸ	HẠNH	28/09/91	DH09KE															
23	11123097	ĐOÀN THỊ MỸ	HẢO	08/06/93	DH11KE															
24	11123098	PHẠM THỊ NHƯ	HẢO	18/12/93	DH11KE															
25	11123101	BÙI THỊ	HẰNG	25/09/93	DH11KE															
26	11363182	HUỲNH THỊ THỦY	HẰNG	12/08/93	CD11CA															
27	10123054	NGUYỄN THỊ	HẰNG	12/06/91	DH10KE															
28	11123102	PHẠM THỊ	HẰNG	08/04/93	DH11KE															
29	11123103	TRẦN DIỆU	HẰNG	22/10/93	DH11KE															
30	11363008	LÊ THỊ NGỌC	HÂN	29/06/93	CD11CA															
31	10363143	TRẦN THỊ	HIÊN	14/12/92	CD10CA															
32	11363148	LÊ THỊ	HIỀN	08/06/92	CD11CA															
33	11123106	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	HIỀN	27/08/93	DH11KE															
34	11363029	NGUYỄN THỊ THU	HIỀN	02/04/93	CD11CA															
35	11363037	TRƯƠNG THỊ QUỲNH	HOA	09/12/93	CD11CA															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kế toán tài chính 2 (208348) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Lê Văn Hoa (289)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	11123110	HÀ THỊ MINH	HOẠT	02/06/93	DH11KE															
37	11123011	NGÂN THỊ KIM	HỒNG	02/04/93	DH11KE															
38	10363201	NGÔ THỊ	HỒNG	08/03/92	CD10CA															
39	11123113	HOÀNG THỊ THU	HUYỀN	22/08/93	DH11KE															
40	11363045	NGÔ THỊ KIM	HUYỀN	08/02/91	CD11CA															
41	11363106	PHẠM THỊ	HUYỀN	16/08/93	CD11CA															
42	11123114	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	19/03/93	DH11KE															
43	10363040	NGUYỄN THỊ MỸ	KHÁNH	17/09/92	CD10CA															
44	11123018	PHAN THỊ HOA	LÀI	10/11/93	DH11KE															
45	11123116	DƯƠNG THỊ TỐ	LAN	01/12/93	DH11KE															
46	11363187	VÕ THỊ HƯƠNG	LAN	06/11/93	CD11CA															
47	10123087	NGUYỄN THỊ	LÉN	01/04/92	DH10KE															
48	11363188	NGUYỄN THỊ	LÊ	11/03/93	CD11CA															
49	11363048	ĐINH THỊ	LIÊN	26/03/92	CD11CA															
50	11123120	NGUYỄN THỊ KIM	LIÊN	16/04/93	DH11KE															
51	10363032	PHAN THỊ BÍCH	LIÊN	23/07/92	CD10CA															
52	11363015	NGUYỄN THỊ HỒNG	LINH	15/03/93	CD11CA															
53	10123003	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	16/06/92	DH10KE															
54	11363069	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	19/03/93	CD11CA															
55	10123098	QUẢNG THỊ MỸ	LINH	11/03/92	DH10KE															
56	11363118	TRẦN THỊ MỸ	LINH	04/03/93	CD11CA															
57	11363061	NGUYỄN THỊ CẨM	LOAN	03/03/93	CD11CA															
58	11123123	TRẦN THỊ MỸ	LOAN	16/09/93	DH11KE															
59	11123022	NGUYỄN THỊ	LỘC	26/12/93	DH11KE															
60	11123124	NGUYỄN THỊ	LƯƠNG	07/08/92	DH11KE															
61	11123074	NGUYỄN THỊ NGỌC	LƯU	11/04/93	DH11KE															
62	11123024	NGUYỄN THỊ	MAI	19/11/93	DH11KE															
63	11123174	PHẠM THỊ TUYẾT	MAI	13/10/93	DH11KE															
64	11123026	TRẦN THỊ HOA	MAI	20/04/93	DH11KE															
65	10123107	VÕ THỊ TUYẾT	MAI	07/02/91	DH10KE															
66	11363041	ĐOÀN THỊ TRÀ	MY	05/09/93	CD11CA															
67	11123027	TRẦN THỊ	MY	26/11/93	DH11KE															
68	11123066	NGUYỄN HOÀNG	NAM	09/02/93	DH11KE															
69	11363065	NGUYỄN THỊ LỆ	NAM	26/08/93	CD11CA															
70	11123029	NGUYỄN THY	NGA	04/07/93	DH11KE															
71	11123127	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	16/05/93	DH11KE															
72	11123175	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	26/06/93	DH11KE															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kế toán tài chính 2 (208348) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Lê Văn Hoa (289)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	11123129	TRẦN PHỤNG	NGÂN	15/07/93	DH11KE															
74	11363155	VÕ THỊ THÙY	NGÂN	20/01/93	CD11CA															
75	11363071	TRẦN THỊ NHƯ	NGOAN	20/09/93	CD11CA															
76	10123124	NGUYỄN MINH	NGỌC	26/09/92	DH10KE															
77	11363218	NGUYỄN THỊ	NGỌC	26/03/92	CD11CA															
78	11123131	PHAN THỊ BÍCH	NGỌC	25/11/93	DH11KE															
79	11363080	NGUYỄN THỊ THẢO	NGUYÊN	10/02/93	CD11CA															
80	11363076	NGUYỄN HỒ VI	NHÃ	23/06/93	CD11CA															
81	11363192	LÊ THỊ THANH	NHÀN	19/05/92	CD11CA															
82	11123132	TRẦN THỊ KIM	NHÀN	19/08/93	DH11KE															
83	11123133	NGUYỄN THỊ	NHẬT	02/09/93	DH11KE															
84	11123134	LÊ THỊ YẾN	NHI	19/01/93	DH11KE															
85	11363213	PHẠM THỊ HỒNG	NHI	01/01/93	CD11CA															
86	11123031	TRẦN HUỲNH YẾN	NHI	18/03/93	DH11KE															
87	11363051	NGUYỄN THỊ	NHUNG	28/03/93	CD11CA															
88	11123136	HỒ NGỌC QUỲNH	NHƯ	14/04/93	DH11KE															
89	11123077	PHẠM THỊ XUÂN	NỮ	10/10/93	DH11KE															
90	11123033	NGUYỄN KIỀU	OANH	19/03/93	DH11KE															
91	11363196	LÊ THỊ MỸ	PHẨM	22/06/93	CD11CA															
92	11123034	DƯ THỊ MỸ	PHÚC	24/02/93	DH11KE															
93	11123177	VÕ THỊ DIỄM	PHÚC	16/10/93	DH11KE															
94	10123142	HOÀNG KIM	PHỤNG	30/10/92	DH10KE															
95	11363083	THI THỊ MỸ	PHỤNG	05/07/93	CD11CA															
96	11123211	HOÀNG THỊ TUYẾT	PHƯƠNG	09/04/93	DH11KE															
97	10123005	NGUYỄN THỊ BÍCH	PHƯƠNG	19/12/92	DH10KE															
98	11123139	NGUYỄN THỊ LỆ	PHƯƠNG	12/02/93	DH11KE															
99	11123037	PHẠM THỊ	PHƯƠNG	04/10/92	DH11KE															
100	10123149	TRƯƠNG THỊ THÚY	PHƯƠNG	27/07/92	DH10KE															
101	11123039	PHAN THỊ BÍCH	PHƯỢNG	19/05/92	DH11KE															
102	10363089	ĐẶNG THỊ	QUÝ	26/06/92	CD10CA															
103	11123142	NGUYỄN THỊ MAI	QUYÊN	11/12/93	DH11KE															
104	11363147	NGUYỄN THỊ THẢO	QUYÊN	/ /93	CD11CA															
105	11123041	VÕ THỊ TÚ	QUYÊN	19/03/93	DH11KE															
106	10123160	NGÔ MINH	SANG	13/03/92	DH10KE															
107	11123179	LÝ TỐ	SEN	08/05/93	DH11KE															
108	11123144	NGUYỄN THỊ	TÂM	15/04/93	DH11KE															
109	11123180	NGUYỄN THỊ THANH	TÂM	28/05/93	DH11KE															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kế toán tài chính 2 (208348) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Lê Văn Hoa (289)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
110	10123165	ĐOÀN THỊ NGỌC	THẢO	04/01/92	DH10KE															
111	11123145	ĐỖ PHƯƠNG	THẢO	11/12/92	DH11KE															
112	09143900	NGUYỄN THỊ NGỌC	THÔNG	/ /	DH12KE															
113	11363064	LÊ THỊ MỸ	THU	18/04/93	CD11CA															
114	11123152	NGUYỄN NGỌC DIỄM	THU	03/01/93	DH11KE															
115	11123182	NGUYỄN THỊ CẨM	THU	24/10/93	DH11KE															
116	11123170	NGUYỄN THỊ DIỆU	THU	23/01/93	DH11KE															
117	10363207	CAO THỊ BÍCH	THỦY	16/09/92	CD10CA															
118	11363153	HỎA THỊ	THỦY	16/07/92	CD11CA															
119	11363109	LÊ THỊ PHƯƠNG	THỦY	12/03/93	CD11CA															
120	11123155	NGUYỄN THỊ KIM	THỦY	13/10/93	DH11KE															
121	11123183	QUÁCH MINH	THỦY	27/05/93	DH11KE															
122	11123154	ĐỖ THỊ CẨM	THÚY	19/04/93	DH11KE															
123	11363091	ĐỖ THỊ HỒNG	THÚY	17/07/92	CD11CA															
124	11123157	PHẠM ĐOAN	THỤY	27/05/93	DH11KE															
125	10123188	NGUYỄN THANH	THƯƠNG	18/01/92	DH10KE															
126	11123184	TRẦN THỊ THU	THƯỜNG	21/06/93	DH11KE															
127	11123049	ĐẶNG XUÂN	TIẾN	11/09/93	DH11KE															
128	11123079	LƯU THỊ	TÌNH	15/05/93	DH11KE															
129	11363166	ĐẶNG THỊ BĂNG	TỚI	29/10/93	CD11CA															
130	11363163	ĐẶNG NGỌC PHƯƠNG	TRANG	05/10/93	CD11CA															
131	11363206	ĐINH THỊ	TRANG	10/07/90	CD11CA															
132	11123159	NGUYỄN THỊ MAI	TRANG	19/03/93	DH11KE															
133	11123161	PHẠM MINH	TRANG	03/11/93	DH11KE															
134	10123195	PHAN NGỌC THANH	TRANG	05/09/92	DH10KE															
135	11363221	TẠ THỊ HUYỀN	TRANG	19/11/92	CD11CA															
136	11123162	TRẦN THỊ HUYỀN	TRANG	24/01/93	DH11KE															
137	11123163	TRẦN THỊ HUYỀN	TRANG	02/09/93	DH11KE															
138	11363207	PHẠM NGỌC	TRÂM	27/08/93	CD11CA															
139	11123082	TRẦN THỊ HÀ	TRÂM	09/05/93	DH11KE															
140	11363055	VÕ THỊ HƯƠNG	TRẦM	10/08/93	CD11CA															
141	11123051	NGUYỄN THỊ BÍCH	TRÂN	25/10/93	DH11KE															
142	11363114	LÊ THỊ HỒNG	TRINH	07/04/92	CD11CA															
143	11123186	PHAN THỊ MỸ	TRINH	16/08/93	DH11KE															
144	10123207	VÕ VIẾT	TRUNG	27/07/92	DH10KE															
145	11363171	NGUYỄN HỒNG	TRƯỜNG	12/11/93	CD11CA															
146	11363209	VÕ THỊ CẨM	TÚ	06/01/93	CD11CA															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kế toán tài chính 2 (208348) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Lê Văn Hoa (289)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
147	11363167	TRẦN THANH	TUẤN	04/05/93	CD11CA															
148	10123261	LÂM NGỌC	TÙNG	30/11/92	DH10KE															
149	11123084	TRẦN XUÂN	TÙNG	10/11/90	DH11KE															
150	11123083	TRƯƠNG THỊ THU	TUYỀN	09/11/93	DH11KE															
151	11123054	PHẠM THỊ THU	TƯỜNG	17/08/93	DH11KE															
152	10123224	NGUYỄN THỊ BÍCH	VÂN	28/06/92	DH10KE															
153	11123167	NGUYỄN THỊ BÍCH	VÂN	01/06/93	DH11KE															
154	12363324	NGUYỄN THỊ TUYẾT	VÂN	01/10/94	CD12CA															
155	11123056	PHẠM THỊ CẨM	VÂN	01/03/93	DH11KE															
156	11123057	TRẦN THANH	VÂN	14/12/93	DH11KE															
157	11123058	ĐOÀN THỊ NGỌC	VI	24/09/93	DH11KE															
158	11123059	TRẦN NGỌC ĐAN	VI	14/04/93	DH11KE															
159	11123061	LƯU HOÀN	VŨ	17/06/93	DH11KE															
160	11123060	NGUYỄN VĂN	VUI	01/01/92	DH11KE															
161	10123229	NGUYỄN SÔNG	VƯƠNG	04/02/92	DH10KE															
162	11123187	NGUYỄN THÚY	XUYÊN	30/01/93	DH11KE															
163	10123262	ĐÀM NGỌC	XUYẾN	15/11/91	DH10KE															
164	11123171	NGUYỄN NHƯ	Ý	01/03/92	DH11KE															
165	10123232	PHẠM THỊ	YẾN	15/07/92	DH10KE															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Ngoại ngữ chuyên ngành (208349) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Trần Minh Trí (565)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	10123255	PHAN THỊ MỸ	AN	02/02/92	DH10KE															
2	11363177	NGUYỄN THỊ NGỌC	ANH	02/05/91	CD11CA															
3	11123088	UNG THỤY NGỌC	ANH	17/02/93	DH11KE															
4	11123003	NGUYỄN THIÊN	ÂN	14/09/93	DH11KE															
5	10123017	TRẦN THỊ PHƯƠNG	CHÂU	11/04/91	DH10KE															
6	10123021	LÙ THỊ	DIỄM	29/10/92	DH10KE															
7	10123022	NGUYỄN LÊ KIỀU	DIỄM	18/09/91	DH10KE															
8	11123169	NGUYỄN HẠNH	DUNG	26/07/93	DH11KE															
9	12123014	NGUYỄN NGỌC KỲ	DUYÊN	18/11/94	DH12KE															
10	11123006	NGUYỄN BÌNH	DƯƠNG	18/07/93	DH11KE															
11	10123037	VŨ THỊ	GIANG	03/05/92	DH10KE															
12	10123039	PHẠM THỊ NGỌC	GIÀU	12/01/92	DH10KE															
13	10123049	ĐỖ THỊ	HẠNH	22/02/92	DH10KE															
14	11123101	BÙI THỊ	HẰNG	25/09/93	DH11KE															
15	10123064	NGUYỄN QUỲNH	HOA	28/09/92	DH10KE															
16	11123011	NGÂN THỊ KIM	HỒNG	02/04/93	DH11KE															
17	10123090	ĐINH THỊ THÙY	LIÊN	01/07/92	DH10KE															
18	12123134	HOÀNG VIỆT	LIÊN	23/01/94	DH12KE															
19	11123019	BÙI THỊ MỸ	LINH	19/08/93	DH11KE															
20	11363189	NGÔ THỊ THÙY	LINH	27/07/93	CD11CA															
21	11363118	TRẦN THỊ MỸ	LINH	04/03/93	CD11CA															
22	11363061	NGUYỄN THỊ CẨM	LOAN	03/03/93	CD11CA															
23	12363078	NGUYỄN THỊ	LỤA	23/10/94	CD12CA															
24	11363087	PHAN THỊ THANH	MAI	08/09/92	CD11CA															
25	11363066	HUỲNH THỊ THANH	NGA	29/09/93	CD11CA															
26	11363179	ĐẶNG THÙY	NGÂN	29/06/93	CD11CA															
27	11363155	VÕ THỊ THÙY	NGÂN	20/01/93	CD11CA															
28	11123131	PHAN THỊ BÍCH	NGỌC	25/11/93	DH11KE															
29	12123153	NGUYỄN NGỌC THẢO	NGUYÊN	16/02/94	DH12KE															
30	11363080	NGUYỄN THỊ THẢO	NGUYÊN	10/02/93	CD11CA															
31	11363192	LÊ THỊ THANH	NHÀN	19/05/92	CD11CA															
32	11123133	NGUYỄN THỊ	NHẬT	02/09/93	DH11KE															
33	11123135	PHẠM HỒ YẾN	NHI	09/09/93	DH11KE															
34	11123031	TRẦN HUỲNH YẾN	NHI	18/03/93	DH11KE															
35	12114241	HUỲNH QUANG	PHƯỚC	20/04/94	DH12QR															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Ngoại ngữ chuyên ngành (208349) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Trần Minh Trí (565)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	12363131	NGUYỄN THỊ THANH	PHƯƠNG	31/10/94	CD12CA															
37	10123148	TRẦN DUY	PHƯƠNG	01/05/91	DH10KE															
38	12363024	NGUYỄN THỊ	PHƯỢNG	15/12/93	CD12CA															
39	10123159	CHÂU THỊ	QUỲNH	20/02/91	DH10KE															
40	11123043	NGUYỄN THỊ	SOA	28/09/93	DH11KE															
41	11363219	ĐỖ THỊ THU	SƯƠNG	25/02/92	CD11CA															
42	10123161	LÂM THỊ	TÂM	28/10/92	DH10KE															
43	11123180	NGUYỄN THỊ THANH	TÂM	28/05/93	DH11KE															
44	11123146	LÊ THỊ PHƯƠNG	THẢO	29/06/93	DH11KE															
45	12123238	LÊ THỊ THU	THẢO	19/02/94	DH12KE															
46	10123173	TRƯƠNG THỊ HỒNG	THẮM	19/09/92	DH10KE															
47	10123175	NGUYỄN THỊ	THÍA	26/11/92	DH10KE															
48	10123183	TỐNG THỊ	THÙY	08/09/92	DH10KE															
49	10123186	NGUYỄN THỊ	THƯ	03/09/92	DH10KE															
50	10123187	NGUYỄN YẾN	THƯ	05/11/92	DH10KE															
51	11123048	LÊ THỊ THƯƠNG	THƯƠNG	06/08/93	DH11KE															
52	10123190	BÙI NGỌC	TIỀN	28/02/92	DH10KE															
53	10123197	LÊ THỊ KHÁNH	TRÀ	03/12/92	DH10KE															
54	12363108	ĐẶNG THỊ HUYỀN	TRANG	29/10/94	CD12CA															
55	12363076	LÊ THỊ	TRANG	21/11/94	CD12CA															
56	11123160	NGUYỄN THỊ NGỌC	TRANG	03/09/93	DH11KE															
57	11123161	PHẠM MINH	TRANG	03/11/93	DH11KE															
58	11123163	TRẦN THỊ HUYỀN	TRANG	02/09/93	DH11KE															
59	10123198	BÙI THỊ BÍCH	TRÂM	24/07/92	DH10KE															
60	11123166	VŨ THỊ THANH	TRÂM	20/07/93	DH11KE															
61	11363209	VÕ THỊ CẨM	TÚ	06/01/93	CD11CA															
62	10123229	NGUYỄN SÔNG	VƯƠNG	04/02/92	DH10KE															
63	12123206	LÊ PHƯƠNG ÁNH	VY	27/04/94	DH12KE															
64	11123187	NGUYỄN THÚY	XUYÊN	30/01/93	DH11KE															
65	10123262	ĐÀM NGỌC	XUYẾN	15/11/91	DH10KE															
66	12363150	TRẦN THỊ	YẾN	10/10/94	CD12CA															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Ngoại ngữ chuyên ngành (208349) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Trần Minh Trí (565)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	10123009	ĐỖ THỊ KIM	BẢO	08/08/92	DH10KE															
2	12363226	PHAN THÚY	CẨM	19/04/94	CD12CA															
3	10123027	PHẠM THỊ	DỊU	08/03/92	DH10KE															
4	12363261	NGUYỄN MINH	DUNG	05/09/94	CD12CA															
5	10123040	ĐẬU THỊ	HÀ	26/06/92	DH10KE															
6	10123043	TẠ THỊ	HÀ	24/02/91	DH10KE															
7	11123097	ĐOÀN THỊ MỸ	HẢO	08/06/93	DH11KE															
8	12363254	TRƯƠNG THỊ BÍCH	HẢO	19/10/94	CD12CA															
9	11363149	HỒ PHƯƠNG	HẰNG	07/11/92	CD11CA															
10	11123173	PHAN THỊ THU	HÂN	02/08/93	DH11KE															
11	12363042	TRƯƠNG THỊ BÍCH	HÂN	08/03/94	CD12CA															
12	11363148	LÊ THỊ	HIỀN	08/06/92	CD11CA															
13	12363062	LÊ THỊ KIM	HỒNG	04/05/94	CD12CA															
14	10123073	NGUYỄN THỊ THU	HUYỀN	20/07/92	DH10KE															
15	12363171	NGUYỄN VŨ THÙY	HƯƠNG	30/09/94	CD12CA															
16	11363050	TRẦN THỊ HOÀI THAN	LANH	20/02/93	CD11CA															
17	10363055	NGUYỄN THỊ	LỆ	08/03/91	CD10CA															
18	11363048	ĐINH THỊ	LIÊN	26/03/92	CD11CA															
19	12123249	PHAN THỊ PHƯƠNG	LIÊN	09/11/94	DH12KE															
20	12363177	VŨ THỊ HỒNG	LINH	16/08/94	CD12CA															
21	11123028	ĐỒNG THỊ	NGA	05/01/93	DH11KE															
22	10123111	VÕ THỊ HỒNG	NGA	12/12/92	DH10KE															
23	12363187	VŨ THỊ	NGA	16/01/94	CD12CA															
24	11363145	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	17/03/92	CD11CA															
25	10123127	TRẦN THỊ	NGỌC	25/06/91	DH10KE															
26	12123152	ĐOÀN THỊ THANH	NGUYÊN	10/11/94	DH12KE															
27	12363070	NGUYỄN THỊ	NHUNG	04/08/94	CD12CA															
28	12123163	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	08/01/94	DH12KE															
29	12363067	TRẦN THỊ MỸ	NHUNG	20/03/94	CD12CA															
30	12363104	NGUYỄN THỊ QUỲNH	NHƯ	16/12/93	CD12CA															
31	10123160	NGÔ MINH	SANG	13/03/92	DH10KE															
32	12363296	TÔ HỒNG	THANH	10/03/94	CD12CA															
33	10123167	LÊ THỊ BÍCH	THẢO	17/12/92	DH10KE															
34	10123174	PHẠM MINH	THIỆN	30/10/92	DH10KE															
35	11123150	HỒ THỊ	THƠ	12/01/93	DH11KE															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Ngoại ngữ chuyên ngành (208349) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Trần Minh Trí (565)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	10123184	NGUYỄN THỊ THANH	THỦY	10/11/92	DH10KE															
37	12363300	TĂNG THỊ THU	TỈNH	10/03/94	CD12CA															
38	11363166	ĐẶNG THỊ BĂNG	TỚI	29/10/93	CD11CA															
39	12363251	NGUYỄN THỊ THU	TRÚC	26/10/94	CD12CA															
40	10123261	LÂM NGỌC	TÙNG	30/11/92	DH10KE															
41	12363005	PHAN HUỲNH KIM	TUYỀN	01/01/94	CD12CA															
42	10123219	NGUYỄN THANH	TƯƠI	29/07/92	DH10KE															
43	12363144	ĐINH THỊ THÚY	VÂN	01/12/94	CD12CA															
44	11123167	NGUYỄN THỊ BÍCH	VÂN	01/06/93	DH11KE															
45	12363324	NGUYỄN THỊ TUYẾT	VÂN	01/10/94	CD12CA															
46	11123168	MAI ĐỖ TƯỜNG	VI	01/06/93	DH11KE															
47	11123059	TRẦN NGỌC ĐAN	VI	14/04/93	DH11KE															
48	10123231	NGUYỄN THỊ HOÀNG	YẾN	12/09/92	DH10KE															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Ngoại ngữ chuyên ngành (208349) - Nhóm 03 Số Tín Chỉ: 3
CBGD TS. Lê Quang Thông (275)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	11123090	NGUYỄN THỊ LỆ	CHI	19/05/93	DH11KE															
2	11363101	BÙI VĂN	DƯƠNG	07/09/93	CD11CA															
3	12363164	NGUYỄN THỊ THÚY	HẰNG	25/07/94	CD12CA															
4	10363051	ĐINH THỊ THANH	HIỀN	26/01/92	CD10CA															
5	12363036	VÕ ĐĂNG	HÒA	19/11/94	CD12CA															
6	11123112	ĐINH THỊ NGỌC	HUỆ	17/09/93	DH11KE															
7	12363330	NGUYỄN THỊ	HUYỀN	24/10/94	CD12CA															
8	11123015	PHAN THỊ THANH	HUYỀN	29/05/93	DH11KE															
9	11123021	TÔ KHÁNH	LINH	16/08/93	DH11KE															
10	12363236	TIÊU THỊ THANH	LY	29/01/94	CD12CA															
11	12363015	BÙI THỊ	LÝ	05/05/92	CD12CA															
12	10121006	HOÀNG THỊ	NGA	02/04/91	DH10PT															
13	10123112	VÕ THỊ THANH	NGA	02/09/92	DH10KE															
14	11363217	NGUYỄN THỊ HỒNG	NGÂN	09/05/93	CD11CA															
15	11363051	NGUYỄN THỊ	NHUNG	28/03/93	CD11CA															
16	11363196	LÊ THỊ MỸ	PHẨM	22/06/93	CD11CA															
17	10123147	PHẠM THỊ NGỌC	PHƯƠNG	22/07/91	DH10KE															
18	11123147	PHẠM THỊ THU	THẢO	10/02/92	DH11KE															
19	10123169	TRẦN THỊ THU	THẢO	12/01/92	DH10KE															
20	12363242	VÕ THỊ	THẢO	19/11/94	CD12CA															
21	11123046	VÕ THỊ	THOẠI	15/02/93	DH11KE															
22	11123153	PHẠM THỊ MINH	THU	16/11/93	DH11KE															
23	12363195	LÊ THỊ	THÙY	20/07/94	CD12CA															
24	12363122	NGÔ THỊ BÍCH	THỦY	08/07/93	CD12CA															
25	12363114	LÊ VĂN	TÍNH	21/02/94	CD12CA															
26	12363136	VŨ THỊ THÙY	TRANG	21/10/94	CD12CA															
27	11123082	TRẦN THỊ HÀ	TRÂM	09/05/93	DH11KE															
28	11363055	VÕ THỊ HƯƠNG	TRẦM	10/08/93	CD11CA															
29	11123052	ĐẶNG THỊ HUYỀN	TRINH	/ /93	DH11KE															
30	11363167	TRẦN THANH	TUẤN	04/05/93	CD11CA															
31	11363039	LÊ TRUNG	TUYẾN	08/04/92	CD11CA															
32	12363128	NGUYỄN HỒNG	TUYẾT	22/05/94	CD12CA															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Tài chính doanh nghiệp 2 (208351) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Tôn Thất Đào (284)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	10123254	ĐẶNG	A	/ /92	DH10KE															
2	10123002	ĐẶNG THỊ TUYẾT	AN	26/03/92	DH10KE															
3	10123258	HOÀNG TUẤN	ANH	04/07/92	DH10KE															
4	11164013	NGUYỄN THỊ CẨM	ANH	24/07/93	DH11TC															
5	11123003	NGUYỄN THIÊN	ÂN	14/09/93	DH11KE															
6	11123072	TÔ THỊ HỒNG	CẨM	01/01/93	DH11KE															
7	11123091	NGUYỄN THỊ KIM	CHUNG	09/11/93	DH11KE															
8	11123169	NGUYỄN HẠNH	DUNG	26/07/93	DH11KE															
9	11123006	NGUYỄN BÌNH	DƯƠNG	18/07/93	DH11KE															
10	11123099	NGUYỄN THỊ MỸ	HẠNH	28/04/93	DH11KE															
11	09123034	TRỊNH THỊ MỸ	HẠNH	28/09/91	DH09KE															
12	11123101	BÙI THỊ	HẰNG	25/09/93	DH11KE															
13	10123055	NGUYỄN THỊ THANH	HẰNG	20/02/92	DH10KE															
14	11123102	PHẠM THỊ	HẰNG	08/04/93	DH11KE															
15	11123104	TRƯƠNG THANH	HẬU	01/03/93	DH11KE															
16	10123060	CHÂU THỊ THANH	HIỀN	12/06/92	DH10KE															
17	11123010	PHẠM THỊ	HOA	14/03/92	DH11KE															
18	11123110	HÀ THỊ MINH	HOẠT	02/06/93	DH11KE															
19	11123011	NGÂN THỊ KIM	HỒNG	02/04/93	DH11KE															
20	11123013	TRỊNH THỊ	HỒNG	02/07/93	DH11KE															
21	11123112	ĐINH THỊ NGỌC	HUỆ	17/09/93	DH11KE															
22	11123015	PHAN THỊ THANH	HUYỀN	29/05/93	DH11KE															
23	11123016	VŨ THỊ THU	HƯƠNG	01/04/92	DH11KE															
24	10123081	LÊ THỊ LONG	KHÁNH	08/09/92	DH10KE															
25	10123083	NGÔ THỊ	LAM	17/02/92	DH10KE															
26	11123019	BÙI THỊ MỸ	LINH	19/08/93	DH11KE															
27	10123003	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	16/06/92	DH10KE															
28	11164021	PHẠM MỸ	LINH	10/07/93	DH11TC															
29	11123123	TRẦN THỊ MỸ	LOAN	16/09/93	DH11KE															
30	11123022	NGUYỄN THỊ	LỘC	26/12/93	DH11KE															
31	11123124	NGUYỄN THỊ	LƯƠNG	07/08/92	DH11KE															
32	11123023	TRỊNH THỊ	LÝ	01/07/93	DH11KE															
33	10123107	VÕ THỊ TUYẾT	MAI	07/02/91	DH10KE															
34	11123027	TRẦN THỊ	MY	26/11/93	DH11KE															
35	11123066	NGUYỄN HOÀNG	NAM	09/02/93	DH11KE															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Tài chính doanh nghiệp 2 (208351) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Tôn Thất Đào (284)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	09123089	TRẦN CAO PHƯƠNG	NAM	02/11/91	DH09KE															
37	10123111	VÕ THỊ HỒNG	NGA	12/12/92	DH10KE															
38	10123116	ĐỖ THỊ THỦY	NGÂN	22/07/92	DH10KE															
39	10123117	ĐỖ THỊ TUYẾT	NGÂN	14/07/92	DH10KE															
40	11123075	NGUYỄN BÍCH	NGÂN	07/03/93	DH11KE															
41	10123124	NGUYỄN MINH	NGỌC	26/09/92	DH10KE															
42	11123131	PHAN THỊ BÍCH	NGỌC	25/11/93	DH11KE															
43	10123126	TRẦN NGUYỄN MINH	NGỌC	29/08/92	DH10KE															
44	11164008	LÂM THẢO	NGUYÊN	15/03/93	DH11TC															
45	11123134	LÊ THỊ YẾN	NHI	19/01/93	DH11KE															
46	10123133	VÕ HỒNG	NHI	20/06/92	DH10KE															
47	10164028	NGUYỄN HOÀNG	PHÚC	17/08/92	DH10TC															
48	11123211	HOÀNG THỊ TUYẾT	PHƯƠNG	09/04/93	DH11KE															
49	10123005	NGUYỄN THỊ BÍCH	PHƯƠNG	19/12/92	DH10KE															
50	11123037	PHẠM THỊ	PHƯƠNG	04/10/92	DH11KE															
51	11123038	ĐỖ THỊ THÚY	PHƯỢNG	23/05/93	DH11KE															
52	11123039	PHAN THỊ BÍCH	PHƯỢNG	19/05/92	DH11KE															
53	11123041	VÕ THỊ TÚ	QUYÊN	19/03/93	DH11KE															
54	10123160	NGÔ MINH	SANG	13/03/92	DH10KE															
55	11123179	LÝ TỐ	SEN	08/05/93	DH11KE															
56	11123146	LÊ THỊ PHƯƠNG	THẢO	29/06/93	DH11KE															
57	11123147	PHẠM THỊ THU	THẢO	10/02/92	DH11KE															
58	11123149	NGUYỄN THỊ	THIỆU	05/02/93	DH11KE															
59	11123152	NGUYỄN NGỌC DIỄM	THU	03/01/93	DH11KE															
60	11123170	NGUYỄN THỊ DIỆU	THU	23/01/93	DH11KE															
61	11123153	PHẠM THỊ MINH	THU	16/11/93	DH11KE															
62	10123183	TỐNG THỊ	THÙY	08/09/92	DH10KE															
63	11123154	ĐỖ THỊ CẨM	THÚY	19/04/93	DH11KE															
64	11123157	PHẠM ĐOAN	THỤY	27/05/93	DH11KE															
65	10123189	PHẠM THỦY	TIÊN	28/10/92	DH10KE															
66	11123161	PHẠM MINH	TRANG	03/11/93	DH11KE															
67	11123162	TRẦN THỊ HUYỀN	TRANG	24/01/93	DH11KE															
68	10123201	NGUYỄN THỊ HỒNG	TRÂM	17/05/92	DH10KE															
69	11123082	TRẦN THỊ HÀ	TRÂM	09/05/93	DH11KE															
70	11123166	VŨ THỊ THANH	TRÂM	20/07/93	DH11KE															
71	11123185	TRƯƠNG THỊ HỒNG	TRẦM	11/01/92	DH11KE															
72	11123051	NGUYỄN THỊ BÍCH	TRÂN	25/10/93	DH11KE															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Tài chính doanh nghiệp 2 (208351) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Tôn Thất Đào (284)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	11164005	HỒ HÀ HUYỀN	TRINH	16/09/93	DH11TC															
74	10123208	NGÔ NGUYỄN NGỌC	TRÚC	03/09/92	DH10KE															
75	11123056	PHẠM THỊ CẨM	VÂN	01/03/93	DH11KE															
76	11123057	TRẦN THANH	VÂN	14/12/93	DH11KE															
77	11123059	TRẦN NGỌC ĐAN	VI	14/04/93	DH11KE															
78	11123069	NGUYỄN ÁNH	XUÂN	23/10/93	DH11KE															
79	10123232	PHẠM THỊ	YẾN	15/07/92	DH10KE															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Tài chính doanh nghiệp 2 (208351) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Tôn Thất Đào (284)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	10123257	ĐỖ NGỌC KIM	ANH	20/02/92	DH10KE															
2	10164004	NGUYỄN THỊ NGỌC	BÍCH	19/07/92	DH10TC															
3	11164001	VÕ QUỐC	CÔNG	27/12/93	DH11TC															
4	11123172	HUỲNH THỊ	DIỄM	20/08/93	DH11KE															
5	10164006	NGUYỄN THỊ KIM	DIỆU	22/10/92	DH10TC															
6	11164007	NGUYỄN ANH	DUY	04/12/93	DH11TC															
7	11123212	ĐOÀN THỊ MỸ	DUYÊN	25/05/92	DH11KE															
8	11164039	NGUYỄN TRƯƠNG KỲ	DUYÊN	25/04/93	DH11TC															
9	11123005	PHẠM NGUYỄN MỸ	DUYÊN	09/01/93	DH11KE															
10	10123040	ĐẬU THỊ	HÀ	26/06/92	DH10KE															
11	11164040	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	17/12/93	DH11TC															
12	11164016	NGUYỄN THỊ	HẠNH	11/08/93	DH11TC															
13	11123100	TẠ NGỌC	HẠNH	28/12/93	DH11KE															
14	11123103	TRẦN DIỆU	HẰNG	22/10/93	DH11KE															
15	11123109	PHAN NHƯ	HOÀI	21/09/93	DH11KE															
16	11123114	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	19/03/93	DH11KE															
17	11123117	NGUYỄN THANH	LAN	15/04/93	DH11KE															
18	11164019	NGUYỄN THỊ	LAN	15/10/93	DH11TC															
19	11164020	HOÀNG NGUYỄN KHÁNH	LINH	20/09/93	DH11TC															
20	11123021	TÔ KHÁNH	LINH	16/08/93	DH11KE															
21	11123074	NGUYỄN THỊ NGỌC	LƯU	11/04/93	DH11KE															
22	11123174	PHẠM THỊ TUYẾT	MAI	13/10/93	DH11KE															
23	11123028	ĐỒNG THỊ	NGA	05/01/93	DH11KE															
24	11123175	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	26/06/93	DH11KE															
25	11123067	TRẦN THỊ KIM	NGÂN	24/09/93	DH11KE															
26	11164022	LÊ THỊ NHƯ	NGỌC	31/08/93	DH11TC															
27	11164023	VƯƠNG THỊ MINH	NGỌC	20/09/93	DH11TC															
28	11123176	LƯƠNG THỊ Ý	NHI	08/12/93	DH11KE															
29	10123132	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHI	27/07/92	DH10KE															
30	11123031	TRẦN HUỲNH YẾN	NHI	18/03/93	DH11KE															
31	11123177	VÕ THỊ DIỄM	PHÚC	16/10/93	DH11KE															
32	11164009	VÕ THỊ MINH	TÂM	01/01/93	DH11TC															
33	11164029	TRẦN HOÀNG	THANH	09/10/93	DH11TC															
34	11164010	SƠN THỊ THANH	THẢO	06/04/93	DH11TC															
35	11164004	PHẠM THỊ NHƯ	THẤM	02/09/93	DH11TC															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Tài chính doanh nghiệp 2 (208351) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Tôn Thất Đào (284)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	11164042	NGUYỄN THỊ NGỌC	THIỆU	10/10/93	DH11TC															
37	11123046	VÕ THỊ	THOẠI	15/02/93	DH11KE															
38	11123182	NGUYỄN THỊ CẨM	THU	24/10/93	DH11KE															
39	11123183	QUÁCH MINH	THỦY	27/05/93	DH11KE															
40	11164043	LÊ THỊ THU	THÚY	06/04/93	DH11TC															
41	11164033	PHẠM ĐOÀN MINH	TIÊN	10/05/93	DH11TC															
42	11123158	BÙI MINH	TIẾN	17/07/93	DH11KE															
43	11123159	NGUYỄN THỊ MAI	TRANG	19/03/93	DH11KE															
44	11164044	NGÔ THỊ HUYỀN	TRÂM	15/08/93	DH11TC															
45	11164034	NGUYỄN NGỌC BẢO	TRÂM	25/10/93	DH11TC															
46	11123068	LÊ NGUYỄN DIỄM	TRINH	04/10/93	DH11KE															
47	11123053	LƯU THỊ YẾN	TUYẾT	15/09/93	DH11KE															
48	11164037	NGUYỄN THỊ ÁNH	TUYẾT	25/10/93	DH11TC															
49	10164044	NGUYỄN THỊ NGỌC	UYỂN	15/04/92	DH10TC															
50	10123224	NGUYỄN THỊ BÍCH	VÂN	28/06/92	DH10KE															
51	11123060	NGUYỄN VĂN	VUI	01/01/92	DH11KE															
52	11123062	VÕ THỊ TRƯỜNG	XUÂN	31/10/93	DH11KE															
53	10123262	ĐÀM NGỌC	XUYẾN	15/11/91	DH10KE															
54	11123171	NGUYỄN NHƯ	Ý	01/03/92	DH11KE															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm ứng dụng tin học trong kế toán (208354) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Bùi Công Luận (291)

Nhóm TH 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	11363177	NGUYỄN THỊ NGỌC	ANH	02/05/91	CD11CA															
2	11363022	ĐẶNG VĂN	ĐỘ	20/02/92	CD11CA															
3	11363026	TRẦN THỊ THU	HÀ	29/06/92	CD11CA															
4	11363027	ĐOÀN THỊ	HẰNG	31/05/93	CD11CA															
5	11363182	HUỲNH THỊ THỦY	HẰNG	12/08/93	CD11CA															
6	11363037	TRƯƠNG THỊ QUỲNH	HOA	09/12/93	CD11CA															
7	08223033	ĐÀO VĂN	HỒNG	20/10/80	TC08KETD															
8	11363030	HOÀNG THỊ	HỒNG	10/04/93	CD11CA															
9	11363023	HUỲNH THANH	HÙNG	20/08/93	CD11CA															
10	08223177	NGUYỄN THỊ	HUYỀN	27/03/83	TC08KE															
11	11363070	THÁI THỊ	HƯỜNG	03/02/93	CD11CA															
12	11363138	LÊ HUY	KHÔI	20/09/93	CD11CA															
13	11363187	VÕ THỊ HƯƠNG	LAN	06/11/93	CD11CA															
14	11363188	NGUYỄN THỊ	LÊ	11/03/93	CD11CA															
15	11363015	NGUYỄN THỊ HỒNG	LINH	15/03/93	CD11CA															
16	11363069	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	19/03/93	CD11CA															
17	11363061	NGUYỄN THỊ CẨM	LOAN	03/03/93	CD11CA															
18	11363152	TRẦN KIM	LOAN	13/02/93	CD11CA															
19	11363156	TRƯƠNG THỊ NGỌC	MAI	19/06/93	CD11CA															
20	11363067	LÊ THỊ	NGA	25/11/93	CD11CA															
21	11363179	ĐẶNG THÙY	NGÂN	29/06/93	CD11CA															
22	11363214	HUỲNH THỊ THẢO	QUYÊN	26/09/93	CD11CA															
23	11363147	NGUYỄN THỊ THẢO	QUYÊN	/ /93	CD11CA															
24	11363219	ĐỖ THỊ THU	SƯƠNG	25/02/92	CD11CA															
25	11363002	HOÀNG THỊ NGỌC	THẢO	13/06/93	CD11CA															
26	11363086	VÕ THỊ THU	THẢO	05/11/93	CD11CA															
27	11363158	ĐÀO THỊ HỒNG	THẮM	29/03/93	CD11CA															
28	11363064	LÊ THỊ MỸ	THU	18/04/93	CD11CA															
29	11363091	ĐỖ THỊ HỒNG	THÚY	17/07/92	CD11CA															
30	12363108	ĐẶNG THỊ HUYỀN	TRANG	29/10/94	CD12CA															
31	11363221	TẠ THỊ HUYỀN	TRANG	19/11/92	CD11CA															
32	11363047	NGUYỄN THỊ MỘNG	TRINH	08/03/93	CD11CA															
33	11363167	TRẦN THANH	TUẤN	04/05/93	CD11CA															
34	11363175	TRỊNH THỊ CẨM	TUYỀN	18/04/93	CD11CA															
35	11363161	TRƯƠNG THỊ THANH	TUYỀN	31/07/93	CD11CA															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm ứng dụng tin học trong kế toán (208354) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Bùi Công Luận (291)

Nhóm TH 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	11363120	NGUYỄN THỊ	TUYẾT	02/02/93	CD11CA															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm ứng dụng tin học trong kế toán (208354) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Bùi Công Luận (291)

Nhóm TH 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	11363115	NGUYỄN THỊ NGỌC	CHÂU	13/10/93	CD11CA															
2	11363017	NGUYỄN VÕ CẨM	DUNG	26/12/93	CD11CA															
3	11363018	ĐẶNG THẾ	DŨNG	10/07/93	CD11CA															
4	11363014	PHẠM THỊ	HÀ	28/10/93	CD11CA															
5	11363180	HUỲNH HIẾU	HẠNH	15/01/92	CD11CA															
6	11363181	HUỲNH THỊ MỸ	HẠNH	27/08/93	CD11CA															
7	11363137	ĐÀO THỊ THU	HẢO	10/11/93	CD11CA															
8	11363149	HỒ PHƯƠNG	HẰNG	07/11/92	CD11CA															
9	11363119	NGUYỄN THỊ	HẬU	30/10/93	CD11CA															
10	11363031	NG LÊ T NHƯ PHƯƠNG	HIẾU	17/07/93	CD11CA															
11	11363035	NGUYỄN THỊ QUỲNH	HOA	26/02/93	CD11CA															
12	11363139	NGUYỄN THỊ	HUỆ	04/08/93	CD11CA															
13	11363038	HỒ THỊ KIM	HUYỀN	18/12/92	CD11CA															
14	11363186	NGUYỄN THỊ	HƯỜNG	16/07/92	CD11CA															
15	11363118	TRẦN THỊ MỸ	LINH	04/03/93	CD11CA															
16	11363062	LƯU THỊ MỸ	LOAN	02/10/93	CD11CA															
17	11363168	NGUYỄN THỊ	LƯU	13/12/93	CD11CA															
18	11363151	ĐÀO THỊ TRÚC	MAI	08/01/93	CD11CA															
19	11363065	NGUYỄN THỊ LỆ	NAM	26/08/93	CD11CA															
20	11363130	TRỊNH HỒNG	NHÂN	13/12/93	CD11CA															
21	11363131	TRẦN THỊ KIM	OANH	25/03/93	CD11CA															
22	11363083	THI THỊ MỸ	PHỤNG	05/07/93	CD11CA															
23	11363059	TRẦN THỊ	PHƯỢNG	28/10/93	CD11CA															
24	08223226	NGUYỄN HOÀNG	TÂN	29/11/89	TC08KE															
25	11363142	ĐẶNG THỊ PHƯƠNG	THẢO	12/08/93	CD11CA															
26	11363102	TRẦN THỊ THU	THẢO	12/11/92	CD11CA															
27	11363169	TRƯƠNG THỊ THU	THẢO	21/10/93	CD11CA															
28	11363224	HỒ THỊ	THÙY	24/02/93	CD11CA															
29	10123201	NGUYỄN THỊ HỒNG	TRÂM	17/05/92	DH10KE															
30	11363117	NGUYỄN THỊ THU	TRƯỜNG	26/02/93	CD11CA															
31	11363208	LÊ THỊ CẨM	TÚ	07/09/93	CD11CA															
32	11363124	HOÀNG THỊ HỒNG	VÂN	23/11/92	CD11CA															
33	11363125	NGUYỄN HỒNG	VÂN	12/08/93	CD11CA															
34	11363127	TRƯƠNG THỊ BÍCH	VÂN	20/08/93	CD11CA															
35	11123060	NGUYỄN VĂN	VUI	01/01/92	DH11KE															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm ứng dụng tin học trong kế toán (208354) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Bùi Công Luận (291)

Nhóm TH 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	11363040	MAI THỊ NGỌC	YẾN	05/06/93	CD11CA															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm ứng dụng tin học trong kế toán (208354) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Bùi Công Luận (291)

Nhóm TH 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	10123255	PHAN THỊ MỸ	AN	02/02/92	DH10KE															
2	10123017	TRẦN THỊ PHƯƠNG	CHÂU	11/04/91	DH10KE															
3	11363013	ĐẶNG THỊ	DINH	13/12/93	CD11CA															
4	12363155	HOÀNG THỊ MỸ	DUYÊN	06/08/94	CD12CA															
5	10143018	LÊ THANH	DƯƠNG	24/04/92	CD11CA															
6	12363028	CHU THÚY	HÀ	04/01/94	CD12CA															
7	11123105	VŨ THỊ	HẬU	10/09/92	DH11KE															
8	11363185	LÊ THỊ	HUYỀN	02/09/93	CD11CA															
9	11363050	TRẦN THỊ HOÀI THAN	LANH	20/02/93	CD11CA															
10	11363189	NGÔ THỊ THÙY	LINH	27/07/93	CD11CA															
11	11363087	PHAN THỊ THANH	MAI	08/09/92	CD11CA															
12	11363145	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	17/03/92	CD11CA															
13	11363155	VÕ THỊ THÙY	NGÂN	20/01/93	CD11CA															
14	11123132	TRẦN THỊ KIM	NHÀN	19/08/93	DH11KE															
15	11363095	HỒ TRÚC	PHƯƠNG	14/05/92	CD11CA															
16	11363134	NGUYỄN THỊ HẠNH	PHƯƠNG	20/09/93	CD11CA															
17	12363131	NGUYỄN THỊ THANH	PHƯƠNG	31/10/94	CD12CA															
18	11363028	NGUYỄN THỊ	QUÝ	05/05/93	CD11CA															
19	11363082	NGUYỄN HOÀNG	THANH	11/04/93	CD11CA															
20	11363100	NGUYỄN THỊ THU	THẢO	01/02/93	CD11CA															
21	11363085	PHAN THỊ PHƯƠNG	THẢO	09/10/92	CD11CA															
22	11363200	LÊ THỊ THU	THƠM	13/04/93	CD11CA															
23	11363089	VŨ THỊ THANH	THÙY	12/12/93	CD11CA															
24	11363109	LÊ THỊ PHƯƠNG	THỦY	12/03/93	CD11CA															
25	11363220	NGÔ ĐOÀN HOÀI	THƯƠNG	09/02/93	CD11CA															
26	11363103	TRẦN HUYỀN	TRANG	25/08/92	CD11CA															
27	10363121	HOÀNG THỊ THU	TRÂN	15/01/91	CD10CA															
28	11363116	LÊ BẢO	TRÂN	26/04/93	CD11CA															
29	11363209	VÕ THỊ CẨM	TÚ	06/01/93	CD11CA															
30	11363143	HUỲNH HỒNG	TUYỀN	20/08/93	CD11CA															
31	11363084	PHẠM ĐỨC	VINH	13/07/92	CD11CA															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm ứng dụng tin học trong kế toán (208354) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Bùi Công Luận (291)

Nhóm TH 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	11363004	TRƯƠNG THỊ	BÍCH	15/06/93	CD11CA															
2	11363164	HUỲNH THÚY	DIỄM	21/07/93	CD11CA															
3	11363003	LÊ THỊ MỸ	DUYÊN	10/11/93	CD11CA															
4	11363101	BÙI VĂN	DƯƠNG	07/09/93	CD11CA															
5	11363025	NGÔ THỊ	HÀ	03/02/93	CD11CA															
6	11363072	DƯƠNG THỊ	HẠNH	01/06/93	CD11CA															
7	11363008	LÊ THỊ NGỌC	HÂN	29/06/93	CD11CA															
8	11363029	NGUYỄN THỊ THU	HIỀN	02/04/93	CD11CA															
9	11363009	NGUYỄN THÚY	HỒNG	17/06/93	CD11CA															
10	11363106	PHẠM THỊ	HUYỀN	16/08/93	CD11CA															
11	11363046	NGUYỄN HỒNG	HUỲNH	05/10/93	CD11CA															
12	11363011	LUYỆN THỊ	HƯƠNG	09/11/93	CD11CA															
13	11363128	VÕ THỊ MỸ	LỆ	08/04/93	CD11CA															
14	10123089	BÙI THỊ	LIÊM	07/04/92	DH10KE															
15	11123120	NGUYỄN THỊ KIM	LIÊN	16/04/93	DH11KE															
16	11123074	NGUYỄN THỊ NGỌC	LƯU	11/04/93	DH11KE															
17	11363133	NGUYỄN THỊ HUỲNH	MAI	04/11/93	CD11CA															
18	10363037	PHẠM THỊ TRÀ	MY	27/07/92	CD10CA															
19	11363217	NGUYỄN THỊ HỒNG	NGÂN	09/05/93	CD11CA															
20	11363071	TRẦN THỊ NHƯ	NGOAN	20/09/93	CD11CA															
21	11363218	NGUYỄN THỊ	NGỌC	26/03/92	CD11CA															
22	11363213	PHẠM THỊ HỒNG	NHI	01/01/93	CD11CA															
23	11363194	NGUYỄN THỊ	NHUNG	11/10/93	CD11CA															
24	11363060	NGUYỄN THỊ	THANH	28/01/92	CD11CA															
25	11363097	ĐÀO THỊ THU	THẢO	24/06/93	CD11CA															
26	11363160	NGUYỄN THỊ THU	THẢO	01/07/92	CD11CA															
27	11363202	ĐỖ THỊ KIM	THÙY	25/05/93	CD11CA															
28	11363162	NGUYỄN THỊ NGỌC	THƯƠNG	27/11/93	CD11CA															
29	10123189	PHẠM THỦY	TIÊN	28/10/92	DH10KE															
30	11363166	ĐẶNG THỊ BĂNG	TỚI	29/10/93	CD11CA															
31	11363207	PHẠM NGỌC	TRÂM	27/08/93	CD11CA															
32	11363165	THÁI THỊ UYÊN	TRÂN	14/08/92	CD11CA															
33	11363170	NGUYỄN THỊ DIỄM	TRINH	12/10/93	CD11CA															
34	10123208	NGÔ NGUYỄN NGỌC	TRÚC	03/09/92	DH10KE															
35	10123215	NGUYỄN QUANG	TÚ	26/06/92	DH10KE															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm ứng dụng tin học trong kế toán (208354) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Bùi Công Luận (291)

Nhóm TH 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	11363126	TỐNG THỊ	VÂN	03/09/93	CD11CA															
37	11363043	NGUYỄN THỊ	VẬN	01/01/93	CD11CA															
38	11363210	BÙI LÊ TRÚC	VI	09/03/93	CD11CA															
39	11363079	NGUYỄN ĐẶNG NHƯ	Ý	16/08/93	CD11CA															
40	10363198	HOÀNG THỊ	YẾN	14/09/92	CD10CA															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm ứng dụng tin học trong kế toán (208354) - Nhóm 03 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Bùi Công Luận (291)

Nhóm TH 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	10123258	HOÀNG TUẤN	ANH	04/07/92	DH10KE															
2	11123006	NGUYỄN BÌNH	DƯƠNG	18/07/93	DH11KE															
3	08223159	VŨ ĐÌNH	ĐÔNG	12/06/87	TC08KE															
4	11123099	NGUYỄN THỊ MỸ	HẠNH	28/04/93	DH11KE															
5	11123101	BÙI THỊ	HẰNG	25/09/93	DH11KE															
6	11123011	NGÂN THỊ KIM	HỒNG	02/04/93	DH11KE															
7	11363056	LÊ THỊ DIỄM	LAN	15/08/93	CD11CA															
8	11363048	ĐINH THỊ	LIÊN	26/03/92	CD11CA															
9	11363150	NGUYỄN THỊ	LINH	18/06/93	CD11CA															
10	11123024	NGUYỄN THỊ	MAI	19/11/93	DH11KE															
11	11123128	NGUYỄN THỊ NGỌC	NGÂN	19/12/93	DH11KE															
12	11123134	LÊ THỊ YẾN	NHI	19/01/93	DH11KE															
13	11363077	TRẦN THỊ HẢI	NHIÊN	01/10/93	CD11CA															
14	11123077	PHẠM THỊ XUÂN	NỮ	10/10/93	DH11KE															
15	11123037	PHẠM THỊ	PHƯƠNG	04/10/92	DH11KE															
16	12363105	TRƯƠNG THỊ	QUỲNH	08/12/93	CD12CA															
17	11123147	PHẠM THỊ THU	THẢO	10/02/92	DH11KE															
18	05223542	LÊ THỊ HỒNG	THU	18/03/81	TC06KE															
19	10123185	LÊ ANH	THƯ	28/10/92	DH10KE															
20	11123079	LƯU THỊ	TÌNH	15/05/93	DH11KE															
21	12363076	LÊ THỊ	TRANG	21/11/94	CD12CA															
22	11123050	LÊ THỊ QUỲNH	TRANG	29/08/92	DH11KE															
23	11123163	TRẦN THỊ HUYỀN	TRANG	02/09/93	DH11KE															
24	11123186	PHAN THỊ MỸ	TRINH	16/08/93	DH11KE															
25	11123053	LƯU THỊ YẾN	TUYẾT	15/09/93	DH11KE															
26	10123262	ĐÀM NGỌC	XUYẾN	15/11/91	DH10KE															
27	12363150	TRẦN THỊ	YẾN	10/10/94	CD12CA															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Lý thuyết kiểm toán (208356) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Nguyễn ý Nguyên Hân (T501)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	11123001	HOÀNG THỊ KIM	ANH	09/10/92	DH11KE															
2	11164013	NGUYỄN THỊ CẨM	ANH	24/07/93	DH11TC															
3	11363115	NGUYỄN THỊ NGỌC	CHÂU	13/10/93	CD11CA															
4	12363313	HUỲNH THỊ THÚY	DIỄM	10/05/94	CD12CA															
5	11363013	ĐẶNG THỊ	DINH	13/12/93	CD11CA															
6	12363166	NGUYỄN THỊ	DUNG	22/11/94	CD12CA															
7	11363018	ĐẶNG THẾ	DŨNG	10/07/93	CD11CA															
8	11123212	ĐOÀN THỊ MỸ	DUYÊN	25/05/92	DH11KE															
9	11123005	PHẠM NGUYỄN MỸ	DUYÊN	09/01/93	DH11KE															
10	11363101	BÙI VĂN	DƯƠNG	07/09/93	CD11CA															
11	11363022	ĐẶNG VĂN	ĐỘ	20/02/92	CD11CA															
12	11363014	PHẠM THỊ	HÀ	28/10/93	CD11CA															
13	11363026	TRẦN THỊ THU	HÀ	29/06/92	CD11CA															
14	11123008	LÊ THỊ ĐÔNG	HÀN	02/11/93	DH11KE															
15	11363181	HUỲNH THỊ MỸ	HẠNH	27/08/93	CD11CA															
16	11123100	TẠ NGỌC	HẠNH	28/12/93	DH11KE															
17	11363137	ĐÀO THỊ THU	HẢO	10/11/93	CD11CA															
18	12363254	TRƯƠNG THỊ BÍCH	HẢO	19/10/94	CD12CA															
19	11123102	PHẠM THỊ	HẰNG	08/04/93	DH11KE															
20	11123106	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	HIỀN	27/08/93	DH11KE															
21	11363031	NG LÊ T NHƯ PHƯƠNG	HIẾU	17/07/93	CD11CA															
22	12363100	ĐỖ XUÂN	HUẤN	01/01/92	CD12CA															
23	12363316	ĐẶNG THỊ	HUỆ	16/02/94	CD12CA															
24	11363023	HUỲNH THANH	HÙNG	20/08/93	CD11CA															
25	11363038	HỒ THỊ KIM	HUYỀN	18/12/92	CD11CA															
26	11363185	LÊ THỊ	HUYỀN	02/09/93	CD11CA															
27	11363106	PHẠM THỊ	HUYỀN	16/08/93	CD11CA															
28	11363046	NGUYỄN HỒNG	HUỲNH	05/10/93	CD11CA															
29	11363011	LUYỆN THỊ	HƯƠNG	09/11/93	CD11CA															
30	11123114	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	19/03/93	DH11KE															
31	12363169	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	24/05/93	CD12CA															
32	11123254	PHETVILAY	INTHISN	16/12/93	DH11KE															
33	11363138	LÊ HUY	KHÔI	20/09/93	CD11CA															
34	11164019	NGUYỄN THỊ	LAN	15/10/93	DH11TC															
35	11363188	NGUYỄN THỊ	LÊ	11/03/93	CD11CA															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Lý thuyết kiểm toán (208356) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Nguyễn ý Nguyên Hân (T501)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	11123019	BÙI THỊ MỸ	LINH	19/08/93	DH11KE															
37	11363015	NGUYỄN THỊ HỒNG	LINH	15/03/93	CD11CA															
38	12363059	ĐẶNG THỊ THANH	LOAN	25/05/94	CD12CA															
39	11363152	TRẦN KIM	LOAN	13/02/93	CD11CA															
40	11363053	HÀ THỊ MỸ	LỘC	10/10/91	CD11CA															
41	11123022	NGUYỄN THỊ	LỘC	26/12/93	DH11KE															
42	11363133	NGUYỄN THỊ HUỲNH	MAI	04/11/93	CD11CA															
43	11123026	TRẦN THỊ HOA	MAI	20/04/93	DH11KE															
44	11363156	TRƯƠNG THỊ NGỌC	MAI	19/06/93	CD11CA															
45	11363041	ĐOÀN THỊ TRÀ	MY	05/09/93	CD11CA															
46	12363103	CHU THỊ	NA	05/01/94	CD12CA															
47	11363066	HUỲNH THỊ THANH	NGA	29/09/93	CD11CA															
48	11363179	ĐẶNG THÙY	NGÂN	29/06/93	CD11CA															
49	11363217	NGUYỄN THỊ HỒNG	NGÂN	09/05/93	CD11CA															
50	11123175	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	26/06/93	DH11KE															
51	11363145	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	17/03/92	CD11CA															
52	11123129	TRẦN PHỤNG	NGÂN	15/07/93	DH11KE															
53	11363155	VÕ THỊ THÙY	NGÂN	20/01/93	CD11CA															
54	11363073	TRỊNH THỊ KIM	NGỌC	04/02/92	CD11CA															
55	11164023	VƯƠNG THỊ MINH	NGỌC	20/09/93	DH11TC															
56	12363219	LÊ THỊ SINH	NGỮ	23/07/94	CD12CA															
57	11363076	NGUYỄN HỒ VI	NHÃ	23/06/93	CD11CA															
58	11123132	TRẦN THỊ KIM	NHÀN	19/08/93	DH11KE															
59	11363213	PHẠM THỊ HỒNG	NHI	01/01/93	CD11CA															
60	11123031	TRẦN HUỲNH YẾN	NHI	18/03/93	DH11KE															
61	11363131	TRẦN THỊ KIM	OANH	25/03/93	CD11CA															
62	11363196	LÊ THỊ MỸ	PHẨM	22/06/93	CD11CA															
63	11164027	TRƯƠNG TẤN	PHÚC	13/05/93	DH11TC															
64	11123211	HOÀNG THỊ TUYẾT	PHƯƠNG	09/04/93	DH11KE															
65	11363059	TRẦN THỊ	PHƯỢNG	28/10/93	CD11CA															
66	11363028	NGUYỄN THỊ	QUÝ	05/05/93	CD11CA															
67	11123142	NGUYỄN THỊ MAI	QUYÊN	11/12/93	DH11KE															
68	11123041	VÕ THỊ TÚ	QUYÊN	19/03/93	DH11KE															
69	11363219	ĐỖ THỊ THU	SƯƠNG	25/02/92	CD11CA															
70	11123143	NGUYỄN PHÚ	TÂM	27/06/93	DH11KE															
71	11123180	NGUYỄN THỊ THANH	TÂM	28/05/93	DH11KE															
72	12363110	NGUYỄN THÀNH	TÂN	29/06/94	CD12CA															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Lý thuyết kiểm toán (208356) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Nguyễn ý Nguyên Hân (T501)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	11363060	NGUYỄN THỊ	THANH	28/01/92	CD11CA															
74	12363141	ĐỖ HOÀNG NHẬT	THÀNH	20/10/94	CD12CA															
75	11363097	ĐÀO THỊ THU	THẢO	24/06/93	CD11CA															
76	11363160	NGUYỄN THỊ THU	THẢO	01/07/92	CD11CA															
77	10363099	VÕ THỊ THU	THẢO	24/06/92	CD10CA															
78	11363086	VÕ THỊ THU	THẢO	05/11/93	CD11CA															
79	11164004	PHẠM THỊ NHƯ	THẤM	02/09/93	DH11TC															
80	11363200	LÊ THỊ THU	THƠM	13/04/93	CD11CA															
81	11123182	NGUYỄN THỊ CẨM	THU	24/10/93	DH11KE															
82	11363224	HỒ THỊ	THÙY	24/02/93	CD11CA															
83	11363153	HỎA THỊ	THỦY	16/07/92	CD11CA															
84	11363091	ĐỖ THỊ HỒNG	THÚY	17/07/92	CD11CA															
85	11164043	LÊ THỊ THU	THÚY	06/04/93	DH11TC															
86	12363045	NGUYỄN THỊ	THUYÊN	09/05/94	CD12CA															
87	11363166	ĐẶNG THỊ BĂNG	TỚI	29/10/93	CD11CA															
88	11363206	ĐINH THỊ	TRANG	10/07/90	CD11CA															
89	11123159	NGUYỄN THỊ MAI	TRANG	19/03/93	DH11KE															
90	11363221	TẠ THỊ HUYỀN	TRANG	19/11/92	CD11CA															
91	12363343	NGUYỄN THỊ NGỌC	TRÂM	08/07/94	CD12CA															
92	11363207	PHẠM NGỌC	TRÂM	27/08/93	CD11CA															
93	11363055	VÕ THỊ HƯƠNG	TRẦM	10/08/93	CD11CA															
94	10363121	HOÀNG THỊ THU	TRÂN	15/01/91	CD10CA															
95	11363078	TRƯƠNG CAO	TRÍ	01/11/91	CD11CA															
96	11363170	NGUYỄN THỊ DIỄM	TRINH	12/10/93	CD11CA															
97	11363047	NGUYỄN THỊ MỘNG	TRINH	08/03/93	CD11CA															
98	11363171	NGUYỄN HỒNG	TRƯỜNG	12/11/93	CD11CA															
99	11363117	NGUYỄN THỊ THU	TRƯỜNG	26/02/93	CD11CA															
100	11363167	TRẦN THANH	TUẤN	04/05/93	CD11CA															
101	11363161	TRƯƠNG THỊ THANH	TUYỀN	31/07/93	CD11CA															
102	11363122	HỒ THỊ THẢO	UYÊN	26/04/93	CD11CA															
103	11363124	HOÀNG THỊ HỒNG	VÂN	23/11/92	CD11CA															
104	11363125	NGUYỄN HỒNG	VÂN	12/08/93	CD11CA															
105	11363210	BÙI LÊ TRÚC	VI	09/03/93	CD11CA															
106	10164045	ĐẶNG THỊ	VINH	19/12/91	DH10TC															
107	11363084	PHẠM ĐỨC	VINH	13/07/92	CD11CA															
108	11123060	NGUYỄN VĂN	VUI	01/01/92	DH11KE															
109	11123062	VÕ THỊ TRƯỜNG	XUÂN	31/10/93	DH11KE															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Lý thuyết kiểm toán (208356) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Nguyễn ý Nguyên Hân (T501)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
110	11363079	NGUYỄN ĐẶNG NHƯ	Ý	16/08/93	CD11CA															
111	11123171	NGUYỄN NHƯ	Ý	01/03/92	DH11KE															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Lý thuyết kiểm toán (208356) - Nhóm 03 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Nguyễn ý Nguyên Hân (T501)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	10123258	HOÀNG TUẤN	ANH	04/07/92	DH10KE															
2	11123088	UNG THỤY NGỌC	ANH	17/02/93	DH11KE															
3	11123003	NGUYỄN THIÊN	ÂN	14/09/93	DH11KE															
4	11123072	TÔ THỊ HỒNG	CẨM	01/01/93	DH11KE															
5	10123015	CHẾNH LÀY	CHÁNH	13/10/92	DH10KE															
6	10164005	VÕ BỬU	CHÂU	01/01/92	DH10TC															
7	12363228	NGUYỄN THỊ THÚY	DIỄM	24/06/94	CD12CA															
8	10123027	PHẠM THỊ	DỊU	08/03/92	DH10KE															
9	11123169	NGUYỄN HẠNH	DUNG	26/07/93	DH11KE															
10	11123004	TRƯƠNG KHẮC	DUY	11/08/92	DH11KE															
11	11363003	LÊ THỊ MỸ	DUYÊN	10/11/93	CD11CA															
12	11164039	NGUYỄN TRƯƠNG KỲ	DUYÊN	25/04/93	DH11TC															
13	10123034	PHAN THỊ	GÁI	25/01/92	DH10KE															
14	11363025	NGÔ THỊ	HÀ	03/02/93	CD11CA															
15	11164040	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	17/12/93	DH11TC															
16	10123046	VŨ THỊ HỒNG	HÀ	03/12/92	DH10KE															
17	11363072	DƯƠNG THỊ	HẠNH	01/06/93	CD11CA															
18	11123099	NGUYỄN THỊ MỸ	HẠNH	28/04/93	DH11KE															
19	11123065	TRỊNH HUỲNH MỸ	HẠNH	04/09/93	DH11KE															
20	11123097	ĐOÀN THỊ MỸ	HẢO	08/06/93	DH11KE															
21	10123054	NGUYỄN THỊ	HẰNG	12/06/91	DH10KE															
22	11363119	NGUYỄN THỊ	HẬU	30/10/93	CD11CA															
23	11123105	VŨ THỊ	HẬU	10/09/92	DH11KE															
24	10123060	CHÂU THỊ THANH	HIỀN	12/06/92	DH10KE															
25	11363148	LÊ THỊ	HIỀN	08/06/92	CD11CA															
26	11123010	PHẠM THỊ	HOA	14/03/92	DH11KE															
27	11123112	ĐINH THỊ NGỌC	HUỆ	17/09/93	DH11KE															
28	11363045	NGÔ THỊ KIM	HUYỀN	08/02/91	CD11CA															
29	11123015	PHAN THỊ THANH	HUYỀN	29/05/93	DH11KE															
30	12363072	VŨ THỊ LAN	HƯƠNG	18/07/93	CD12CA															
31	11123018	PHAN THỊ HOA	LÀI	10/11/93	DH11KE															
32	11123117	NGUYỄN THANH	LAN	15/04/93	DH11KE															
33	11363048	ĐINH THỊ	LIÊN	26/03/92	CD11CA															
34	10363032	PHAN THỊ BÍCH	LIÊN	23/07/92	CD10CA															
35	11164021	PHẠM MỸ	LINH	10/07/93	DH11TC															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Lý thuyết kiểm toán (208356) - Nhóm 03 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Nguyễn ý Nguyên Hân (T501)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	10123098	QUẢNG THỊ MỸ	LINH	11/03/92	DH10KE															
37	11123021	TÔ KHÁNH	LINH	16/08/93	DH11KE															
38	11164041	NGUYỄN THỊ QUỲNH	LOAN	24/09/93	DH11TC															
39	11123124	NGUYỄN THỊ	LƯƠNG	07/08/92	DH11KE															
40	10164020	HUỲNH THANH	MAI	02/09/92	DH10TC															
41	11123174	PHẠM THỊ TUYẾT	MAI	13/10/93	DH11KE															
42	11123027	TRẦN THỊ	MY	26/11/93	DH11KE															
43	12363068	TRẦN THỊ THÚY	MY	19/10/92	CD12CA															
44	11123128	NGUYỄN THỊ NGỌC	NGÂN	19/12/93	DH11KE															
45	11363218	NGUYỄN THỊ	NGỌC	26/03/92	CD11CA															
46	11164008	LÂM THẢO	NGUYÊN	15/03/93	DH11TC															
47	11363080	NGUYỄN THỊ THẢO	NGUYÊN	10/02/93	CD11CA															
48	12363142	PHẠM THỊ HỒNG	NGUYỆT	18/09/93	CD12CA															
49	11363130	TRỊNH HỒNG	NHÂN	13/12/93	CD11CA															
50	12363079	NGUYỄN KHÁNH	NHI	23/10/94	CD12CA															
51	12363104	NGUYỄN THỊ QUỲNH	NHƯ	16/12/93	CD12CA															
52	11123177	VÕ THỊ DIỄM	PHÚC	16/10/93	DH11KE															
53	11363083	THI THỊ MỸ	PHỤNG	05/07/93	CD11CA															
54	11363095	HỒ TRÚC	PHƯƠNG	14/05/92	CD11CA															
55	10123005	NGUYỄN THỊ BÍCH	PHƯƠNG	19/12/92	DH10KE															
56	11123139	NGUYỄN THỊ LỆ	PHƯƠNG	12/02/93	DH11KE															
57	11123140	NGUYỄN THỊ MAI	PHƯƠNG	20/07/93	DH11KE															
58	11123038	ĐỖ THỊ THÚY	PHƯỢNG	23/05/93	DH11KE															
59	10123153	TẠ HỒNG	PHƯỢNG	22/06/92	DH10KE															
60	11123144	NGUYỄN THỊ	TÂM	15/04/93	DH11KE															
61	12363340	TRẦN THỊ	TÂM	02/07/94	CD12CA															
62	11363082	NGUYỄN HOÀNG	THANH	11/04/93	CD11CA															
63	11123146	LÊ THỊ PHƯƠNG	THẢO	29/06/93	DH11KE															
64	11363102	TRẦN THỊ THU	THẢO	12/11/92	CD11CA															
65	11123149	NGUYỄN THỊ	THIỆU	05/02/93	DH11KE															
66	11123152	NGUYỄN NGỌC DIỄM	THU	03/01/93	DH11KE															
67	11123170	NGUYỄN THỊ DIỆU	THU	23/01/93	DH11KE															
68	11123153	PHẠM THỊ MINH	THU	16/11/93	DH11KE															
69	11363107	NGUYỄN VĂN	THUẬN	26/10/93	CD11CA															
70	10363207	CAO THỊ BÍCH	THỦY	16/09/92	CD10CA															
71	11123154	ĐỖ THỊ CẨM	THÚY	19/04/93	DH11KE															
72	12363244	NGUYỄN THỊ	THUYÊN	25/01/94	CD12CA															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Lý thuyết kiểm toán (208356) - Nhóm 03 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Nguyễn ý Nguyên Hân (T501)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	11164033	PHẠM ĐOÀN MINH	TIÊN	10/05/93	DH11TC															
74	10164040	ĐINH BÍCH	TRÂM	09/10/92	DH10TC															
75	11164034	NGUYỄN NGỌC BẢO	TRÂM	25/10/93	DH11TC															
76	11123165	TẠ THỊ NGỌC	TRÂM	20/08/93	DH11KE															
77	11123185	TRƯƠNG THỊ HỒNG	TRÂM	11/01/92	DH11KE															
78	10123217	PHAN HOÀNG	TÚ	31/05/92	DH10KE															
79	10123261	LÂM NGỌC	TÙNG	30/11/92	DH10KE															
80	12363144	ĐINH THỊ THÚY	VÂN	01/12/94	CD12CA															
81	11123167	NGUYỄN THỊ BÍCH	VÂN	01/06/93	DH11KE															
82	12363039	PHẠM THỊ THU	VÂN	17/08/93	CD12CA															
83	11363126	TỐNG THỊ	VÂN	03/09/93	CD11CA															
84	11123059	TRẦN NGỌC ĐAN	VI	14/04/93	DH11KE															
85	12363149	NGUYỄN THỊ NGỌC	YẾN	19/02/91	CD12CA															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Hệ thống thông tin kế toán (208357) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Nguyễn Thị Ngọc Hà (858)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	11123088	UNG THỤY NGỌC	ANH	17/02/93	DH11KE															
2	11123169	NGUYỄN HẠNH	DUNG	26/07/93	DH11KE															
3	11123210	PHẠM THỊ THÙY	DUNG	01/04/93	DH11KE															
4	11123005	PHẠM NGUYỄN MỸ	DUYÊN	09/01/93	DH11KE															
5	11123096	NGÔ THỊ	HẢI	10/06/93	DH11KE															
6	11123009	THÁI THỊ	HẢI	06/07/93	DH11KE															
7	11123008	LÊ THỊ ĐÔNG	HÀN	02/11/93	DH11KE															
8	09123034	TRỊNH THỊ MỸ	HẠNH	28/09/91	DH09KE															
9	11123102	PHẠM THỊ	HẰNG	08/04/93	DH11KE															
10	12123122	NGUYỄN THỊ DIỆU	HIỀN	26/01/94	DH12KE															
11	10123061	NGUYỄN THỊ HỒNG	HIỀN	02/01/92	DH10KE															
12	11123106	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	HIỀN	27/08/93	DH11KE															
13	11123107	NGUYỄN THỊ KIM	HIỀN	07/05/92	DH11KE															
14	11123012	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	HỒNG	10/03/93	DH11KE															
15	11123112	ĐINH THỊ NGỌC	HUỆ	17/09/93	DH11KE															
16	11123015	PHAN THỊ THANH	HUYỀN	29/05/93	DH11KE															
17	11123115	LÊ THỊ HỒNG	KHÁNH	26/03/93	DH11KE															
18	10123082	PHAN THỊ THIÊN	KIM	22/06/92	DH10KE															
19	11123120	NGUYỄN THỊ KIM	LIÊN	16/04/93	DH11KE															
20	11123022	NGUYỄN THỊ	LỘC	26/12/93	DH11KE															
21	11123074	NGUYỄN THỊ NGỌC	LƯU	11/04/93	DH11KE															
22	11123025	PHAN THỊ	MAI	04/08/92	DH11KE															
23	11123026	TRẦN THỊ HOA	MAI	20/04/93	DH11KE															
24	11123066	NGUYỄN HOÀNG	NAM	09/02/93	DH11KE															
25	10123110	NGUYỄN THỊ	NGA	28/12/92	DH10KE															
26	11123029	NGUYỄN THY	NGA	04/07/93	DH11KE															
27	11123127	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	16/05/93	DH11KE															
28	11123175	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	26/06/93	DH11KE															
29	11123128	NGUYỄN THỊ NGỌC	NGÂN	19/12/93	DH11KE															
30	11123130	ĐỖ THỊ BÍCH	NGỌC	20/02/93	DH11KE															
31	11123132	TRẦN THỊ KIM	NHÀN	19/08/93	DH11KE															
32	11123176	LƯƠNG THỊ Ý	NHI	08/12/93	DH11KE															
33	11123033	NGUYỄN KIỀU	OANH	19/03/93	DH11KE															
34	11123034	DƯ THỊ MỸ	PHÚC	24/02/93	DH11KE															
35	11123038	ĐỖ THỊ THÚY	PHƯỢNG	23/05/93	DH11KE															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Hệ thống thông tin kế toán (208357) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Nguyễn Thị Ngọc Hà (858)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	11123039	PHAN THỊ BÍCH	PHƯỢNG	19/05/92	DH11KE															
37	11123040	NGÔ MINH	QUÂN	17/02/93	DH11KE															
38	11123142	NGUYỄN THỊ MAI	QUYÊN	11/12/93	DH11KE															
39	11123041	VÕ THỊ TÚ	QUYÊN	19/03/93	DH11KE															
40	11123179	LÝ TỐ	SEN	08/05/93	DH11KE															
41	11123043	NGUYỄN THỊ	SOA	28/09/93	DH11KE															
42	11123144	NGUYỄN THỊ	TÂM	15/04/93	DH11KE															
43	10123163	LÊ THỊ NGỌC	THANH	24/04/92	DH10KE															
44	10123165	ĐOÀN THỊ NGỌC	THẢO	04/01/92	DH10KE															
45	11123146	LÊ THỊ PHƯƠNG	THẢO	29/06/93	DH11KE															
46	11123147	PHẠM THỊ THU	THẢO	10/02/92	DH11KE															
47	10123169	TRẦN THỊ THU	THẢO	12/01/92	DH10KE															
48	11123149	NGUYỄN THỊ	THIỆU	05/02/93	DH11KE															
49	11123154	ĐỖ THỊ CẨM	THÚY	19/04/93	DH11KE															
50	11123157	PHẠM ĐOAN	THỤY	27/05/93	DH11KE															
51	11123048	LÊ THỊ THƯƠNG	THƯƠNG	06/08/93	DH11KE															
52	11123050	LÊ THỊ QUỲNH	TRANG	29/08/92	DH11KE															
53	10123201	NGUYỄN THỊ HỒNG	TRÂM	17/05/92	DH10KE															
54	11123082	TRẦN THỊ HÀ	TRÂM	09/05/93	DH11KE															
55	11123052	ĐẶNG THỊ HUYỀN	TRINH	/ /93	DH11KE															
56	11123068	LÊ NGUYỄN DIỄM	TRINH	04/10/93	DH11KE															
57	11123186	PHAN THỊ MỸ	TRINH	16/08/93	DH11KE															
58	10123261	LÂM NGỌC	TÙNG	30/11/92	DH10KE															
59	11123083	TRƯƠNG THỊ THU	TUYỀN	09/11/93	DH11KE															
60	11123056	PHẠM THỊ CẨM	VÂN	01/03/93	DH11KE															
61	11123057	TRẦN THANH	VÂN	14/12/93	DH11KE															
62	11123059	TRẦN NGỌC ĐAN	VI	14/04/93	DH11KE															
63	11123069	NGUYỄN ÁNH	XUÂN	23/10/93	DH11KE															
64	11123171	NGUYỄN NHƯ	Ý	01/03/92	DH11KE															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Hệ thống thông tin kế toán (208357) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Nguyễn Thị Ngọc Hà (858)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	10123002	ĐẶNG THỊ TUYẾT	AN	26/03/92	DH10KE															
2	10123255	PHAN THỊ MỸ	AN	02/02/92	DH10KE															
3	11123001	HOÀNG THỊ KIM	ANH	09/10/92	DH11KE															
4	11123071	HUỲNH THỊ	ÁNH	02/02/93	DH11KE															
5	11123072	TÔ THỊ HỒNG	CẨM	01/01/93	DH11KE															
6	10123017	TRẦN THỊ PHƯƠNG	CHÂU	11/04/91	DH10KE															
7	11123212	ĐOÀN THỊ MỸ	DUYÊN	25/05/92	DH11KE															
8	10123034	PHAN THỊ	GÁI	25/01/92	DH10KE															
9	10123042	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	14/04/91	DH10KE															
10	10123046	VŨ THỊ HỒNG	HÀ	03/12/92	DH10KE															
11	11123100	TẠ NGỌC	HẠNH	28/12/93	DH11KE															
12	11123097	ĐOÀN THỊ MỸ	HẢO	08/06/93	DH11KE															
13	11123101	BÙI THỊ	HẰNG	25/09/93	DH11KE															
14	11123011	NGÂN THỊ KIM	HỒNG	02/04/93	DH11KE															
15	11123018	PHAN THỊ HOA	LÀI	10/11/93	DH11KE															
16	10123089	BÙI THỊ	LIÊM	07/04/92	DH10KE															
17	11123024	NGUYỄN THỊ	MAI	19/11/93	DH11KE															
18	11123028	ĐỒNG THỊ	NGA	05/01/93	DH11KE															
19	11123129	TRẦN PHỤNG	NGÂN	15/07/93	DH11KE															
20	11123135	PHẠM HỒ YẾN	NHI	09/09/93	DH11KE															
21	11123077	PHẠM THỊ XUÂN	NỮ	10/10/93	DH11KE															
22	10123153	TẠ HỒNG	PHƯỢNG	22/06/92	DH10KE															
23	10123171	VŨ THU	THẢO	19/01/92	DH10KE															
24	10123175	NGUYỄN THỊ	THÍA	26/11/92	DH10KE															
25	11123182	NGUYỄN THỊ CẨM	THU	24/10/93	DH11KE															
26	11123155	NGUYỄN THỊ KIM	THỦY	13/10/93	DH11KE															
27	10123186	NGUYỄN THỊ	THƯ	03/09/92	DH10KE															
28	11123158	BÙI MINH	TIẾN	17/07/93	DH11KE															
29	11123079	LƯU THỊ	TÌNH	15/05/93	DH11KE															
30	11123163	TRẦN THỊ HUYỀN	TRANG	02/09/93	DH11KE															
31	11123165	TẠ THỊ NGỌC	TRÂM	20/08/93	DH11KE															
32	10123208	NGÔ NGUYỄN NGỌC	TRÚC	03/09/92	DH10KE															
33	10123207	VÕ VIẾT	TRUNG	27/07/92	DH10KE															
34	10123215	NGUYỄN QUANG	TÚ	26/06/92	DH10KE															
35	10123217	PHAN HOÀNG	TÚ	31/05/92	DH10KE															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Hệ thống thông tin kế toán (208357) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Nguyễn Thị Ngọc Hà (858)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	11123053	LƯU THỊ YẾN	TUYẾT	15/09/93	DH11KE															
37	10123224	NGUYỄN THỊ BÍCH	VÂN	28/06/92	DH10KE															
38	11123167	NGUYỄN THỊ BÍCH	VÂN	01/06/93	DH11KE															
39	11123058	ĐOÀN THỊ NGỌC	VI	24/09/93	DH11KE															
40	11123062	VÕ THỊ TRƯỜNG	XUÂN	31/10/93	DH11KE															
41	11123187	NGUYỄN THÚY	XUYÊN	30/01/93	DH11KE															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Phân tích báo cáo tài chính (208363) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Bùi Công Luận (291)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	10363151	TRẦN PHONG	CHÁNH	29/09/86	CD10CA															
2	09363031	LÊ THỊ HỒNG	CHÂU	18/03/89	CD09CA															
3	10363008	NGUYỄN THỊ	CHUNG	20/10/91	CD10CA															
4	10363142	NGUYỄN THỊ	ĐIỆP	28/12/92	CD10CA															
5	10363168	HOÀNG THỊ BÉ	HÀ	05/02/92	CD10CA															
6	10363034	NGUYỄN THỊ MỸ	HẠNH	07/05/92	CD10CA															
7	10363029	ĐOÀN NGỌC	HÂN	21/01/92	CD10CA															
8	10363152	VÕ QUỐC	HẬU	29/09/91	CD10CA															
9	10363122	LÊ THỊ	HOA	09/01/92	CD10CA															
10	10363172	NGUYỄN THỊ	HOA	02/12/92	CD10CA															
11	10363055	NGUYỄN THỊ	LỆ	08/03/91	CD10CA															
12	10363032	PHAN THỊ BÍCH	LIÊN	23/07/92	CD10CA															
13	10363062	VÕ THỊ HỒNG	LINH	20/08/92	CD10CA															
14	10363158	ĐINH THỊ THU	LY	10/06/92	CD10CA															
15	10363067	NGUYỄN THỊ	MAI	16/03/91	CD10CA															
16	10363215	LÊ PHẠM TIỂU	MY	03/11/91	CD10CA															
17	10363016	LÊ THỊ BÍCH	NGỌC	26/01/92	CD10CA															
18	10363076	HUỲNH THỊ HỒNG	NHUNG	16/08/92	CD10CA															
19	10363079	TRẦN THỊ	NHUNG	24/02/92	CD10CA															
20	10363203	LÊ THỊ	NÔ	16/05/92	CD10CA															
21	10363212	ĐOÀN THỊ	PHÚC	01/02/92	CD10CA															
22	09363148	HỒ HỮU	PHÚC	09/01/90	CD09CA															
23	09363169	TRẦN THỊ THU	SƯƠNG	04/10/91	CD09CA															
24	10363085	LÊ THỊ KIM	TÂM	01/08/92	CD10CA															
25	10363098	PHẠM THỊ THANH	THẢO	26/10/92	CD10CA															
26	10363099	VÕ THỊ THU	THẢO	24/06/92	CD10CA															
27	10363113	HỒ THỊ	THƯ	07/05/92	CD10CA															
28	10363116	CHU VĂN	TIẾN	11/11/92	CD10CA															
29	10363117	ĐOÀN THỊ	TIẾN	12/02/92	CD10CA															
30	10363124	HOÀNG THỊ	TRANG	24/09/92	CD10CA															
31	10363197	TRẦN NGỌC	TUYẾN	20/09/91	CD10CA															
32	09123299	PHẠM THỊ	VINH	16/06/88	DH09KE															
33	10363214	ĐẶNG THỊ THU	YẾN	04/09/92	CD10CA															
34	10363147	LÊ THỊ HỒNG	YẾN	08/01/92	CD10CA															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Kế toán nông nghiệp (208374) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Lê Văn Hoa (289)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	10123007	TRẦN THỊ LAN	ANH	04/02/92	DH10KE															
2	12363011	NGUYỄN THỊ NGỌC	ÁNH	08/03/93	CD12CA															
3	12363227	VÕ THỊ HÒA	ÂN	06/12/94	CD12CA															
4	12363003	NGUYỄN THỊ HẢI	CHÂU	17/11/94	CD12CA															
5	12363326	HOÀNG THỊ	CÚC	10/06/94	CD12CA															
6	12363312	TRƯƠNG THỊ	DÂN	20/02/94	CD12CA															
7	12363313	HUỲNH THỊ THÚY	DIỄM	10/05/94	CD12CA															
8	12363228	NGUYỄN THỊ THÚY	DIỄM	24/06/94	CD12CA															
9	12363327	ĐẶNG THỊ	DUYÊN	26/06/94	CD12CA															
10	12363021	ĐINH THỊ MỸ	DUYÊN	08/12/94	CD12CA															
11	12363335	VŨ THỊ THÙY	DƯƠNG	23/12/93	CD12CA															
12	12363336	TRẦN THANH	ĐOAN	16/04/94	CD12CA															
13	12363264	VÕ BÙI KIỀU	GIANG	30/09/93	CD12CA															
14	12363028	CHU THÚY	HÀ	04/01/94	CD12CA															
15	11363014	PHẠM THỊ	HÀ	28/10/93	CD11CA															
16	12363042	TRƯƠNG THỊ BÍCH	HÂN	08/03/94	CD12CA															
17	12363170	HUỲNH THỊ	HÒA	14/07/94	CD12CA															
18	12363062	LÊ THỊ KIM	HỒNG	04/05/94	CD12CA															
19	12363100	ĐỖ XUÂN	HUẤN	01/01/92	CD12CA															
20	12363316	ĐẶNG THỊ	HUỆ	16/02/94	CD12CA															
21	12363329	TRẦN THỊ	HUỆ	01/10/94	CD12CA															
22	11363185	LÊ THỊ	HUYỀN	02/09/93	CD11CA															
23	12363216	NGUYỄN QUỐC	HY	02/03/94	CD12CA															
24	12363082	ĐẶNG THỊ THANH	LAM	10/10/94	CD12CA															
25	10123003	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	16/06/92	DH10KE															
26	12363016	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	20/07/94	CD12CA															
27	12363178	ĐẶNG THỊ NGỌC	LOAN	19/07/94	CD12CA															
28	11123123	TRẦN THỊ MỸ	LOAN	16/09/93	DH11KE															
29	12363234	BÙI THỊ CẨM	LY	28/12/94	CD12CA															
30	12363236	TIÊU THỊ THANH	LY	29/01/94	CD12CA															
31	12363080	VÕ THỊ NGỌC	LÝ	10/02/93	CD12CA															
32	11363156	TRƯƠNG THỊ NGỌC	MAI	19/06/93	CD11CA															
33	12363192	LÊ THỊ HOÀI	MẾN	02/11/94	CD12CA															
34	10123111	VÕ THỊ HỒNG	NGA	12/12/92	DH10KE															
35	10123115	ĐẶNG KIM	NGÂN	11/11/92	DH10KE															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kế toán nông nghiệp (208374) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Lê Văn Hoa (289)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	10123119	HUỲNH KIM	NGÂN	10/11/92	DH10KE															
37	12363079	NGUYỄN KHÁNH	NHI	23/10/94	CD12CA															
38	11123031	TRẦN HUỲNH YẾN	NHI	18/03/93	DH11KE															
39	11123136	HỒ NGỌC QUỲNH	NHƯ	14/04/93	DH11KE															
40	10123141	NGUYỄN ĐẶNG	PHÚC	22/08/91	DH10KE															
41	10123142	HOÀNG KIM	PHỤNG	30/10/92	DH10KE															
42	12363210	LƯU MINH	PHƯƠNG	26/02/93	CD12CA															
43	10123148	TRẦN DUY	PHƯƠNG	01/05/91	DH10KE															
44	12363130	HÀM THỊ KIM	SA	03/09/94	CD12CA															
45	12363110	NGUYỄN THÀNH	TÂN	29/06/94	CD12CA															
46	12363141	ĐỖ HOÀNG NHẬT	THÀNH	20/10/94	CD12CA															
47	12363223	LƯƠNG THỊ PHƯƠNG	THẢO	05/01/94	CD12CA															
48	10123169	TRẦN THỊ THU	THẢO	12/01/92	DH10KE															
49	12363212	TRẦN THỊ	THỂ	08/02/94	CD12CA															
50	12363113	LÊ THỊ MỸ	THUẬN	12/10/94	CD12CA															
51	10123186	NGUYỄN THỊ	THƯ	03/09/92	DH10KE															
52	12363154	HỒ THỊ HOÀI	THƯƠNG	13/11/94	CD12CA															
53	11363220	NGÔ ĐOÀN HOÀI	THƯƠNG	09/02/93	CD11CA															
54	11123184	TRẦN THỊ THU	THƯỜNG	21/06/93	DH11KE															
55	11123049	ĐẶNG XUÂN	TIẾN	11/09/93	DH11KE															
56	10123193	CAO THỊ HOÀI	TRANG	25/09/92	DH10KE															
57	12363108	ĐẶNG THỊ HUYỀN	TRANG	29/10/94	CD12CA															
58	12363136	VŨ THỊ THÙY	TRANG	21/10/94	CD12CA															
59	10123201	NGUYỄN THỊ HỒNG	TRÂM	17/05/92	DH10KE															
60	12363343	NGUYỄN THỊ NGỌC	TRÂM	08/07/94	CD12CA															
61	11123082	TRẦN THỊ HÀ	TRÂM	09/05/93	DH11KE															
62	11123051	NGUYỄN THỊ BÍCH	TRÂN	25/10/93	DH11KE															
63	12363050	HUỲNH THỊ	TRÍ	15/05/94	CD12CA															
64	12363251	NGUYỄN THỊ THU	TRÚC	26/10/94	CD12CA															
65	12363202	NGUYỄN THỊ MỘNG	TUYỀN	22/09/94	CD12CA															
66	12363005	PHAN HUỲNH KIM	TUYỀN	01/01/94	CD12CA															
67	12363203	TRẦN THỊ PHƯỢNG	TUYẾN	03/02/94	CD12CA															
68	12363128	NGUYỄN HỒNG	TUYẾT	22/05/94	CD12CA															
69	12363144	ĐINH THỊ THÚY	VÂN	01/12/94	CD12CA															
70	10123224	NGUYỄN THỊ BÍCH	VÂN	28/06/92	DH10KE															
71	08223211	NGUYỄN THỊ THÚY	VÂN	18/09/82	TC08KETD															
72	10123231	NGUYỄN THỊ HOÀNG	YẾN	12/09/92	DH10KE															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kế toán nông nghiệp (208374) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Lê Văn Hoa (289)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	10123232	PHẠM THỊ	YẾN	15/07/92	DH10KE															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Kế toán nông nghiệp (208374) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Lê Văn Hoa (289)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	10123002	ĐẶNG THỊ TUYẾT	AN	26/03/92	DH10KE															
2	10123255	PHAN THỊ MỸ	AN	02/02/92	DH10KE															
3	11123071	HUỲNH THỊ	ÁNH	02/02/93	DH11KE															
4	10123017	TRẦN THỊ PHƯƠNG	CHÂU	11/04/91	DH10KE															
5	10123021	LÙ THỊ	DIỄM	29/10/92	DH10KE															
6	10123022	NGUYỄN LÊ KIỀU	DIỄM	18/09/91	DH10KE															
7	10123024	TRẦN THỊ	DIỄN	20/04/92	DH10KE															
8	12363166	NGUYỄN THỊ	DUNG	22/11/94	CD12CA															
9	11123007	NGUYỄN THỊ NGỌC	ĐẸP	19/10/93	DH11KE															
10	12363339	ĐOÀN KIỀU	GIANG	26/04/94	CD12CA															
11	10123037	VŨ THỊ	GIANG	03/05/92	DH10KE															
12	10123042	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	14/04/91	DH10KE															
13	10123043	TẠ THỊ	HÀ	24/02/91	DH10KE															
14	10123049	ĐỖ THỊ	HẠNH	22/02/92	DH10KE															
15	12363032	NGUYỄN THỊ HIẾU	HẠNH	25/06/93	CD12CA															
16	12363328	DƯƠNG THỊ	HẰNG	20/01/94	CD12CA															
17	10123054	NGUYỄN THỊ	HẰNG	12/06/91	DH10KE															
18	10123062	NGÔ THỊ THÚY	HIẾU	27/10/92	DH10KE															
19	10123069	PHẠM THỊ HIỀN	HÒA	26/01/92	DH10KE															
20	12363035	LÊ THỊ THÚY	HỒNG	16/10/93	CD12CA															
21	10123073	NGUYỄN THỊ THU	HUYỀN	20/07/92	DH10KE															
22	10123079	PHẠM THỊ	HƯỜNG	22/10/92	DH10KE															
23	11363138	LÊ HUY	KHÔI	20/09/93	CD11CA															
24	11363048	ĐINH THỊ	LIÊN	26/03/92	CD11CA															
25	10123090	ĐINH THỊ THÙY	LIÊN	01/07/92	DH10KE															
26	10123098	QUẢNG THỊ MỸ	LINH	11/03/92	DH10KE															
27	12363177	VŨ THỊ HỒNG	LINH	16/08/94	CD12CA															
28	11363152	TRẦN KIM	LOAN	13/02/93	CD11CA															
29	12363318	NGUYỄN NỮ KHÁNH	LY	02/04/94	CD12CA															
30	11123025	PHAN THỊ	MAI	04/08/92	DH11KE															
31	12363103	CHU THỊ	NA	05/01/94	CD12CA															
32	10123112	VÕ THỊ THANH	NGA	02/09/92	DH10KE															
33	10123114	ĐÀM THỊ THANH	NGÂN	13/03/92	DH10KE															
34	12363098	HOÀNG THỊ KIM	NGÂN	25/12/94	CD12CA															
35	11363218	NGUYỄN THỊ	NGỌC	26/03/92	CD11CA															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kế toán nông nghiệp (208374) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Lê Văn Hoa (289)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	10123127	TRẦN THỊ	NGỌC	25/06/91	DH10KE															
37	12363292	DƯƠNG KIM	PHỤNG	20/04/94	CD12CA															
38	10123005	NGUYỄN THỊ BÍCH	PHƯƠNG	19/12/92	DH10KE															
39	11123140	NGUYỄN THỊ MAI	PHƯƠNG	20/07/93	DH11KE															
40	10123147	PHẠM THỊ NGỌC	PHƯƠNG	22/07/91	DH10KE															
41	10123159	CHÂU THỊ	QUỲNH	20/02/91	DH10KE															
42	12363105	TRƯƠNG THỊ	QUỲNH	08/12/93	CD12CA															
43	10123161	LÂM THỊ	TÂM	28/10/92	DH10KE															
44	11363060	NGUYỄN THỊ	THANH	28/01/92	CD11CA															
45	11363142	ĐẶNG THỊ PHƯƠNG	THẢO	12/08/93	CD11CA															
46	11363085	PHAN THỊ PHƯƠNG	THẢO	09/10/92	CD11CA															
47	10123173	TRƯƠNG THỊ HỒNG	THẮM	19/09/92	DH10KE															
48	11123148	MAI THỊ TÚ	THI	28/12/93	DH11KE															
49	10123175	NGUYỄN THỊ	THÍA	26/11/92	DH10KE															
50	10123174	PHẠM MINH	THIỆN	30/10/92	DH10KE															
51	10123183	TỐNG THỊ	THÙY	08/09/92	DH10KE															
52	10123187	NGUYỄN YẾN	THƯ	05/11/92	DH10KE															
53	11123048	LÊ THỊ THƯƠNG	THƯƠNG	06/08/93	DH11KE															
54	10123190	BÙI NGỌC	TIỀN	28/02/92	DH10KE															
55	11123159	NGUYỄN THỊ MAI	TRANG	19/03/93	DH11KE															
56	12123058	NGUYỄN THỊ LƯU	TRÂM	15/01/94	DH12KE															
57	11123052	ĐẶNG THỊ HUYỀN	TRINH	/ /93	DH11KE															
58	11120105	TRẦN THỊ VIỆT	TRINH	29/11/93	CD12CA															
59	10123217	PHAN HOÀNG	TÚ	31/05/92	DH10KE															
60	10123219	NGUYỄN THANH	TƯƠI	29/07/92	DH10KE															
61	12363324	NGUYỄN THỊ TUYẾT	VÂN	01/10/94	CD12CA															
62	11120130	NGUYỄN HOÀNG	VIỆT	17/05/92	CD12CA															
63	11123069	NGUYỄN ÁNH	XUÂN	23/10/93	DH11KE															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Kế toán thương mại, dịch vụ (208375) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Bùi Công Luận (291)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	10123002	ĐẶNG THỊ TUYẾT	AN	26/03/92	DH10KE															
2	10363001	NGUYỄN THỊ PHƯỚC	AN	12/11/92	CD10CA															
3	10123255	PHAN THỊ MỸ	AN	02/02/92	DH10KE															
4	10150105	TRẦN NGỌC TUẤN	ANH	21/07/92	DH10TM															
5	11123071	HUỲNH THỊ	ÁNH	02/02/93	DH11KE															
6	10363151	TRẦN PHONG	CHÁNH	29/09/86	CD10CA															
7	10123017	TRẦN THỊ PHƯƠNG	CHÂU	11/04/91	DH10KE															
8	10363008	NGUYỄN THỊ	CHUNG	20/10/91	CD10CA															
9	07223156	LÊ QUỐC	CƯỜNG	/ /87	TC07KE															
10	10123039	PHẠM THỊ NGỌC	GIÀU	12/01/92	DH10KE															
11	10123259	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	10/01/91	DH10KE															
12	10123043	TẠ THỊ	HÀ	24/02/91	DH10KE															
13	11363072	DƯƠNG THỊ	HẠNH	01/06/93	CD11CA															
14	10363034	NGUYỄN THỊ MỸ	HẠNH	07/05/92	CD10CA															
15	11123099	NGUYỄN THỊ MỸ	HẠNH	28/04/93	DH11KE															
16	11123097	ĐOÀN THỊ MỸ	HẢO	08/06/93	DH11KE															
17	11363027	ĐOÀN THỊ	HẰNG	31/05/93	CD11CA															
18	11363182	HUỲNH THỊ THỦY	HẰNG	12/08/93	CD11CA															
19	11363148	LÊ THỊ	HIỀN	08/06/92	CD11CA															
20	10123062	NGÔ THỊ THÚY	HIẾU	27/10/92	DH10KE															
21	11363030	HOÀNG THỊ	HỒNG	10/04/93	CD11CA															
22	10363201	NGÔ THỊ	HỒNG	08/03/92	CD10CA															
23	09363088	TRỊNH THANH	HÙNG	15/11/90	CD09CA															
24	10363222	NGUYỄN THỊ	HUYỀN	09/01/91	CD10CA															
25	11363105	NGUYỄN THỊ NGỌC	HUYỀN	19/05/93	CD11CA															
26	07223175	NGUYỄN THỊ THU	LAN	10/02/86	TC07KE															
27	10363123	MAI MỸ	LỆ	08/05/91	CD10CA															
28	10363057	TRẦN THỊ MỸ	LỆ	07/10/92	CD10CA															
29	10363154	PHẠM THỊ KIM	LIÊN	10/02/92	CD10CA															
30	10363032	PHAN THỊ BÍCH	LIÊN	23/07/92	CD10CA															
31	10123003	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	16/06/92	DH10KE															
32	11363118	TRẦN THỊ MỸ	LINH	04/03/93	CD11CA															
33	11363061	NGUYỄN THỊ CẨM	LOAN	03/03/93	CD11CA															
34	11123124	NGUYỄN THỊ	LƯƠNG	07/08/92	DH11KE															
35	11123025	PHAN THỊ	MAI	04/08/92	DH11KE															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kế toán thương mại, dịch vụ (208375) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Bùi Công Luận (291)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	10363218	TRẦN THỊ	NA	10/07/92	CD10CA															
37	11363065	NGUYỄN THỊ LỆ	NAM	26/08/93	CD11CA															
38	10123111	VÕ THỊ HỒNG	NGA	12/12/92	DH10KE															
39	10123119	HUỲNH KIM	NGÂN	10/11/92	DH10KE															
40	10363061	LÊ HOÀNG THIÊN	NGÂN	04/12/91	CD10CA															
41	11363218	NGUYỄN THỊ	NGỌC	26/03/92	CD11CA															
42	10123125	PHAN TRIỆU MỸ	NGỌC	29/05/92	DH10KE															
43	10123127	TRẦN THỊ	NGỌC	25/06/91	DH10KE															
44	11363080	NGUYỄN THỊ THẢO	NGUYÊN	10/02/93	CD11CA															
45	11123135	PHẠM HỒ YẾN	NHI	09/09/93	DH11KE															
46	10123139	LÊ THỊ MỶ	NƯƠNG	31/08/92	DH10KE															
47	10123141	NGUYỄN ĐẶNG	PHÚC	22/08/91	DH10KE															
48	10123142	HOÀNG KIM	PHỤNG	30/10/92	DH10KE															
49	10150062	NGUYỄN CAO	PHƯƠNG	02/10/92	DH10TM															
50	11363095	HỒ TRÚC	PHƯƠNG	14/05/92	CD11CA															
51	10123147	PHẠM THỊ NGỌC	PHƯƠNG	22/07/91	DH10KE															
52	10123148	TRẦN DUY	PHƯƠNG	01/05/91	DH10KE															
53	08223191	NGUYỄN THỊ	PHƯỢNG	15/08/78	TC08KE															
54	10123153	TẠ HỒNG	PHƯỢNG	22/06/92	DH10KE															
55	10363089	ĐẶNG THỊ	QUÝ	26/06/92	CD10CA															
56	11123043	NGUYỄN THỊ	SOA	28/09/93	DH11KE															
57	10363085	LÊ THỊ KIM	TÂM	01/08/92	CD10CA															
58	10363185	BÙI THỊ	THANH	02/09/90	CD10CA															
59	10363097	NGUYỄN THỊ THU	THẢO	22/02/92	CD10CA															
60	11363100	NGUYỄN THỊ THU	THẢO	01/02/93	CD11CA															
61	11363102	TRẦN THỊ THU	THẢO	12/11/92	CD11CA															
62	10363145	TRẦN THỊ	THƠM	20/12/92	CD10CA															
63	10363207	CAO THỊ BÍCH	THỦY	16/09/92	CD10CA															
64	10123187	NGUYỄN YẾN	THƯ	05/11/92	DH10KE															
65	11123048	LÊ THỊ THƯƠNG	THƯƠNG	06/08/93	DH11KE															
66	11363220	NGÔ ĐOÀN HOÀI	THƯƠNG	09/02/93	CD11CA															
67	10123189	PHẠM THỦY	TIÊN	28/10/92	DH10KE															
68	11363103	TRẦN HUYỀN	TRANG	25/08/92	CD11CA															
69	10363106	TRẦN THIÊN	TRANG	21/03/92	CD10CA															
70	10123201	NGUYỄN THỊ HỒNG	TRÂM	17/05/92	DH10KE															
71	11123052	ĐẶNG THỊ HUYỀN	TRINH	/ /93	DH11KE															
72	10123215	NGUYỄN QUANG	TÚ	26/06/92	DH10KE															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kế toán thương mại, dịch vụ (208375) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Bùi Công Luận (291)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	11363209	VÕ THỊ CẨM	TÚ	06/01/93	CD11CA															
74	10363197	TRẦN NGỌC	TUYẾN	20/09/91	CD10CA															
75	11363120	NGUYỄN THỊ	TUYẾT	02/02/93	CD11CA															
76	11363126	TỐNG THỊ	VÂN	03/09/93	CD11CA															
77	11123069	NGUYỄN ÁNH	XUÂN	23/10/93	DH11KE															
78	10123262	ĐÀM NGỌC	XUYẾN	15/11/91	DH10KE															
79	10363147	LÊ THỊ HỒNG	YẾN	08/01/92	CD10CA															
80	10123232	PHẠM THỊ	YẾN	15/07/92	DH10KE															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Kế toán thương mại, dịch vụ (208375) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Bùi Công Luận (291)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	10123257	ĐỖ NGỌC KIM	ANH	20/02/92	DH10KE															
2	10123016	NGUYỄN NHẠC TIỂU	CHĂM	02/02/92	DH10KE															
3	11363115	NGUYỄN THỊ NGỌC	CHÂU	13/10/93	CD11CA															
4	11363013	ĐẶNG THỊ	DINH	13/12/93	CD11CA															
5	11363017	NGUYỄN VÕ CẨM	DUNG	26/12/93	CD11CA															
6	10363142	NGUYỄN THỊ	ĐIỆP	28/12/92	CD10CA															
7	10123034	PHAN THỊ	GÁI	25/01/92	DH10KE															
8	11363025	NGÔ THỊ	HÀ	03/02/93	CD11CA															
9	11363180	HUỲNH HIẾU	HẠNH	15/01/92	CD11CA															
10	11363181	HUỲNH THỊ MỸ	HẠNH	27/08/93	CD11CA															
11	12363254	TRƯƠNG THỊ BÍCH	HẢO	19/10/94	CD12CA															
12	11363215	TRẦN THỊ THANH	HẰNG	27/06/93	CD11CA															
13	10363029	ĐOÀN NGỌC	HÂN	21/01/92	CD10CA															
14	11363119	NGUYỄN THỊ	HẬU	30/10/93	CD11CA															
15	10123060	CHÂU THỊ THANH	HIỀN	12/06/92	DH10KE															
16	10363122	LÊ THỊ	HOA	09/01/92	CD10CA															
17	11363035	NGUYỄN THỊ QUỲNH	HOA	26/02/93	CD11CA															
18	11363009	NGUYỄN THÚY	HỒNG	17/06/93	CD11CA															
19	11363038	HỒ THỊ KIM	HUYỀN	18/12/92	CD11CA															
20	11363186	NGUYỄN THỊ	HƯỜNG	16/07/92	CD11CA															
21	11363070	THÁI THỊ	HƯỜNG	03/02/93	CD11CA															
22	11363128	VÕ THỊ MỸ	LỆ	08/04/93	CD11CA															
23	10123089	BÙI THỊ	LIÊM	07/04/92	DH10KE															
24	11363189	NGÔ THỊ THÙY	LINH	27/07/93	CD11CA															
25	11363150	NGUYỄN THỊ	LINH	18/06/93	CD11CA															
26	11363154	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	19/11/93	CD11CA															
27	11363062	LƯU THỊ MỸ	LOAN	02/10/93	CD11CA															
28	11363152	TRẦN KIM	LOAN	13/02/93	CD11CA															
29	11363151	ĐÀO THỊ TRÚC	MAI	08/01/93	CD11CA															
30	11123028	ĐỒNG THỊ	NGA	05/01/93	DH11KE															
31	11363077	TRẦN THỊ HẢI	NHIÊN	01/10/93	CD11CA															
32	10363076	HUỲNH THỊ HỒNG	NHUNG	16/08/92	CD10CA															
33	11363214	HUỲNH THỊ THẢO	QUYÊN	26/09/93	CD11CA															
34	10363184	CAO THỊ HỒNG	SƯƠNG	12/07/91	CD10CA															
35	11363060	NGUYỄN THỊ	THANH	28/01/92	CD11CA															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kế toán thương mại, dịch vụ (208375) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Bùi Công Luận (291)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	11363142	ĐẶNG THỊ PHƯƠNG	THẢO	12/08/93	CD11CA															
37	10123167	LÊ THỊ BÍCH	THẢO	17/12/92	DH10KE															
38	10363099	VÕ THỊ THU	THẢO	24/06/92	CD10CA															
39	11363086	VÕ THỊ THU	THẢO	05/11/93	CD11CA															
40	11123150	HỒ THỊ	THƠ	12/01/93	DH11KE															
41	10363111	NGÔ THỊ ANH	THUY	15/01/91	CD10CA															
42	10123183	TỐNG THỊ	THÙY	08/09/92	DH10KE															
43	11123185	TRƯƠNG THỊ HỒNG	TRẦM	11/01/92	DH11KE															
44	10363121	HOÀNG THỊ THU	TRÂN	15/01/91	CD10CA															
45	11363078	TRƯƠNG CAO	TRÍ	01/11/91	CD11CA															
46	11363047	NGUYỄN THỊ MỘNG	TRINH	08/03/93	CD11CA															
47	10123208	NGÔ NGUYỄN NGỌC	TRÚC	03/09/92	DH10KE															
48	11363175	TRỊNH THỊ CẨM	TUYỀN	18/04/93	CD11CA															
49	11363161	TRƯƠNG THỊ THANH	TUYỀN	31/07/93	CD11CA															
50	11363039	LÊ TRUNG	TUYẾN	08/04/92	CD11CA															
51	11363122	HỒ THỊ THẢO	UYÊN	26/04/93	CD11CA															
52	10363045	ĐÀO THÚY	VÂN	30/04/92	CD10CA															
53	11363127	TRƯƠNG THỊ BÍCH	VÂN	20/08/93	CD11CA															
54	10363135	LÊ QUANG	VINH	25/09/92	CD10CA															
55	07223136	TRẦN THỊ NHƯ	VŨ	26/05/84	TC07KETD															
56	07123298	DƯƠNG THỊ HẢI	YẾN	30/03/89	DH08KE															
57	10363198	HOÀNG THỊ	YẾN	14/09/92	CD10CA															
58	11363040	MAI THỊ NGỌC	YẾN	05/06/93	CD11CA															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Kế toán chi phí (208376) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Bùi Xuân Nhã (293)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	11123001	HOÀNG THỊ KIM	ANH	09/10/92	DH11KE															
2	11123071	HUỲNH THỊ	ÁNH	02/02/93	DH11KE															
3	12363011	NGUYỄN THỊ NGỌC	ÁNH	08/03/93	CD12CA															
4	11363004	TRƯƠNG THỊ	BÍCH	15/06/93	CD11CA															
5	10123015	CHẾNH LÀY	CHÁNH	13/10/92	DH10KE															
6	11363115	NGUYỄN THỊ NGỌC	CHÂU	13/10/93	CD11CA															
7	11123091	NGUYỄN THỊ KIM	CHUNG	09/11/93	DH11KE															
8	11363013	ĐẶNG THỊ	DINH	13/12/93	CD11CA															
9	12363166	NGUYỄN THỊ	DUNG	22/11/94	CD12CA															
10	11363017	NGUYỄN VÕ CẨM	DUNG	26/12/93	CD11CA															
11	11123210	PHẠM THỊ THÙY	DUNG	01/04/93	DH11KE															
12	11363018	ĐẶNG THẾ	DŨNG	10/07/93	CD11CA															
13	11363003	LÊ THỊ MỸ	DUYÊN	10/11/93	CD11CA															
14	11363101	BÙI VĂN	DƯƠNG	07/09/93	CD11CA															
15	10143018	LÊ THANH	DƯƠNG	24/04/92	CD11CA															
16	12363335	VŨ THỊ THÙY	DƯƠNG	23/12/93	CD12CA															
17	12363028	CHU THÚY	HÀ	04/01/94	CD12CA															
18	11363014	PHẠM THỊ	HÀ	28/10/93	CD11CA															
19	11363026	TRẦN THỊ THU	HÀ	29/06/92	CD11CA															
20	11123009	THÁI THỊ	HẢI	06/07/93	DH11KE															
21	11363072	DƯƠNG THỊ	HẠNH	01/06/93	CD11CA															
22	11363180	HUỲNH HIẾU	HẠNH	15/01/92	CD11CA															
23	11363181	HUỲNH THỊ MỸ	HẠNH	27/08/93	CD11CA															
24	11363137	ĐÀO THỊ THU	HẢO	10/11/93	CD11CA															
25	11363027	ĐOÀN THỊ	HẰNG	31/05/93	CD11CA															
26	11363149	HỒ PHƯƠNG	HẰNG	07/11/92	CD11CA															
27	11363182	HUỲNH THỊ THỦY	HẰNG	12/08/93	CD11CA															
28	11363215	TRẦN THỊ THANH	HẰNG	27/06/93	CD11CA															
29	11363184	VƯƠNG THỊ LỆ	HẰNG	14/04/93	CD11CA															
30	10123059	TRẦN THỊ NGỌC	HÂN	25/01/92	DH10KE															
31	11363119	NGUYỄN THỊ	HẬU	30/10/93	CD11CA															
32	11123105	VŨ THỊ	HẬU	10/09/92	DH11KE															
33	11123106	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	HIỀN	27/08/93	DH11KE															
34	11363031	NG LÊ T NHƯ PHƯƠNG	HIẾU	17/07/93	CD11CA															
35	11363035	NGUYỄN THỊ QUỲNH	HOA	26/02/93	CD11CA															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kế toán chi phí (208376) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Bùi Xuân Nhã (293)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	11363036	TRẦN THỊ PHƯƠNG	HOA	23/03/93	CD11CA															
37	10363173	LÊ THỊ	HÒA	15/05/92	CD10CA															
38	11363030	HOÀNG THỊ	HỒNG	10/04/93	CD11CA															
39	11363009	NGUYỄN THÚY	HỒNG	17/06/93	CD11CA															
40	11363139	NGUYỄN THỊ	HUỆ	04/08/93	CD11CA															
41	11363023	HUỲNH THANH	HÙNG	20/08/93	CD11CA															
42	11363038	HỒ THỊ KIM	HUYỀN	18/12/92	CD11CA															
43	11363185	LÊ THỊ	HUYỀN	02/09/93	CD11CA															
44	11363105	NGUYỄN THỊ NGỌC	HUYỀN	19/05/93	CD11CA															
45	09123055	PHẠM KHÁNH	HUYỀN	07/12/91	DH09KE															
46	11363106	PHẠM THỊ	HUYỀN	16/08/93	CD11CA															
47	11363046	NGUYỄN HỒNG	HUỲNH	05/10/93	CD11CA															
48	11363186	NGUYỄN THỊ	HƯỜNG	16/07/92	CD11CA															
49	11123116	DƯƠNG THỊ TỐ	LAN	01/12/93	DH11KE															
50	11363050	TRẦN THỊ HOÀI THAN	LANH	20/02/93	CD11CA															
51	11363188	NGUYỄN THỊ	LÊ	11/03/93	CD11CA															
52	10363123	MAI MỸ	LỆ	08/05/91	CD10CA															
53	11363048	ĐINH THỊ	LIÊN	26/03/92	CD11CA															
54	11123019	BÙI THỊ MỸ	LINH	19/08/93	DH11KE															
55	11363069	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	19/03/93	CD11CA															
56	11363118	TRẦN THỊ MỸ	LINH	04/03/93	CD11CA															
57	11363062	LƯU THỊ MỸ	LOAN	02/10/93	CD11CA															
58	11363061	NGUYỄN THỊ CẨM	LOAN	03/03/93	CD11CA															
59	11363152	TRẦN KIM	LOAN	13/02/93	CD11CA															
60	11363168	NGUYỄN THỊ	LƯU	13/12/93	CD11CA															
61	11123023	TRỊNH THỊ	LÝ	01/07/93	DH11KE															
62	11363133	NGUYỄN THỊ HUỲNH	MAI	04/11/93	CD11CA															
63	11123025	PHAN THỊ	MAI	04/08/92	DH11KE															
64	11123026	TRẦN THỊ HOA	MAI	20/04/93	DH11KE															
65	11363156	TRƯƠNG THỊ NGỌC	MAI	19/06/93	CD11CA															
66	11363041	ĐOÀN THỊ TRÀ	MY	05/09/93	CD11CA															
67	12363068	TRẦN THỊ THÚY	MY	19/10/92	CD12CA															
68	12363103	CHU THỊ	NA	05/01/94	CD12CA															
69	11363067	LÊ THỊ	NGA	25/11/93	CD11CA															
70	11363179	ĐẶNG THÙY	NGÂN	29/06/93	CD11CA															
71	11363217	NGUYỄN THỊ HỒNG	NGÂN	09/05/93	CD11CA															
72	11123128	NGUYỄN THỊ NGỌC	NGÂN	19/12/93	DH11KE															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kế toán chi phí (208376) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Bùi Xuân Nhã (293)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	11363218	NGUYỄN THỊ	NGỌC	26/03/92	CD11CA															
74	11363073	TRỊNH THỊ KIM	NGỌC	04/02/92	CD11CA															
75	11363080	NGUYỄN THỊ THẢO	NGUYÊN	10/02/93	CD11CA															
76	11363076	NGUYỄN HỒ VI	NHÃ	23/06/93	CD11CA															
77	11363192	LÊ THỊ THANH	NHÀN	19/05/92	CD11CA															
78	11123132	TRẦN THỊ KIM	NHÀN	19/08/93	DH11KE															
79	11123135	PHẠM HỒ YẾN	NHI	09/09/93	DH11KE															
80	11363077	TRẦN THỊ HẢI	NHIÊN	01/10/93	CD11CA															
81	11363194	NGUYỄN THỊ	NHUNG	11/10/93	CD11CA															
82	11363131	TRẦN THỊ KIM	OANH	25/03/93	CD11CA															
83	11123211	HOÀNG THỊ TUYẾT	PHƯƠNG	09/04/93	DH11KE															
84	11363095	HỒ TRÚC	PHƯƠNG	14/05/92	CD11CA															
85	10123005	NGUYỄN THỊ BÍCH	PHƯƠNG	19/12/92	DH10KE															
86	11363134	NGUYỄN THỊ HẠNH	PHƯƠNG	20/09/93	CD11CA															
87	11123139	NGUYỄN THỊ LỆ	PHƯƠNG	12/02/93	DH11KE															
88	11363059	TRẦN THỊ	PHƯỢNG	28/10/93	CD11CA															
89	11363214	HUỲNH THỊ THẢO	QUYÊN	26/09/93	CD11CA															
90	11123142	NGUYỄN THỊ MAI	QUYÊN	11/12/93	DH11KE															
91	11123043	NGUYỄN THỊ	SOA	28/09/93	DH11KE															
92	11363219	ĐỖ THỊ THU	SƯƠNG	25/02/92	CD11CA															
93	11123144	NGUYỄN THỊ	TÂM	15/04/93	DH11KE															
94	11123180	NGUYỄN THỊ THANH	TÂM	28/05/93	DH11KE															
95	11363097	ĐÀO THỊ THU	THẢO	24/06/93	CD11CA															
96	11363142	ĐẶNG THỊ PHƯƠNG	THẢO	12/08/93	CD11CA															
97	11363002	HOÀNG THỊ NGỌC	THẢO	13/06/93	CD11CA															
98	11363100	NGUYỄN THỊ THU	THẢO	01/02/93	CD11CA															
99	11363160	NGUYỄN THỊ THU	THẢO	01/07/92	CD11CA															
100	11363085	PHAN THỊ PHƯƠNG	THẢO	09/10/92	CD11CA															
101	11363086	VÕ THỊ THU	THẢO	05/11/93	CD11CA															
102	11363158	ĐÀO THỊ HỒNG	THẮM	29/03/93	CD11CA															
103	11363200	LÊ THỊ THU	THƠM	13/04/93	CD11CA															
104	11123153	PHẠM THỊ MINH	THU	16/11/93	DH11KE															
105	11363202	ĐỖ THỊ KIM	THÙY	25/05/93	CD11CA															
106	11363224	HỒ THỊ	THÙY	24/02/93	CD11CA															
107	11363089	VŨ THỊ THANH	THÙY	12/12/93	CD11CA															
108	10363207	CAO THỊ BÍCH	THỦY	16/09/92	CD10CA															
109	11363153	HỎA THỊ	THỦY	16/07/92	CD11CA															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kế toán chi phí (208376) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Bùi Xuân Nhã (293)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
110	11363109	LÊ THỊ PHƯƠNG	THỦY	12/03/93	CD11CA															
111	11363203	TRẦN THỊ THU	THỦY	18/03/93	CD11CA															
112	11363091	ĐỖ THỊ HỒNG	THÚY	17/07/92	CD11CA															
113	11123156	PHAN HUỲNH NG MINH	THÚY	16/10/92	DH11KE															
114	11123048	LÊ THỊ THƯƠNG	THƯƠNG	06/08/93	DH11KE															
115	11363220	NGÔ ĐOÀN HOÀI	THƯƠNG	09/02/93	CD11CA															
116	11363166	ĐẶNG THỊ BĂNG	TỚI	29/10/93	CD11CA															
117	11363163	ĐẶNG NGỌC PHƯƠNG	TRANG	05/10/93	CD11CA															
118	10363124	HOÀNG THỊ	TRANG	24/09/92	CD10CA															
119	11123160	NGUYỄN THỊ NGỌC	TRANG	03/09/93	DH11KE															
120	11123185	TRƯƠNG THỊ HỒNG	TRÂM	11/01/92	DH11KE															
121	11363055	VÕ THỊ HƯƠNG	TRÂM	10/08/93	CD11CA															
122	11363165	THÁI THỊ UYÊN	TRÂN	14/08/92	CD11CA															
123	11123052	ĐẶNG THỊ HUYỀN	TRINH	/ /93	DH11KE															
124	11363170	NGUYỄN THỊ DIỄM	TRINH	12/10/93	CD11CA															
125	11363047	NGUYỄN THỊ MỘNG	TRINH	08/03/93	CD11CA															
126	11363171	NGUYỄN HỒNG	TRƯỜNG	12/11/93	CD11CA															
127	11363208	LÊ THỊ CẨM	TÚ	07/09/93	CD11CA															
128	11363209	VÕ THỊ CẨM	TÚ	06/01/93	CD11CA															
129	10123261	LÂM NGỌC	TÙNG	30/11/92	DH10KE															
130	11123084	TRẦN XUÂN	TÙNG	10/11/90	DH11KE															
131	11363143	HUỲNH HỒNG	TUYỀN	20/08/93	CD11CA															
132	11363175	TRỊNH THỊ CẨM	TUYỀN	18/04/93	CD11CA															
133	11363161	TRƯƠNG THỊ THANH	TUYỀN	31/07/93	CD11CA															
134	11123083	TRƯƠNG THỊ THU	TUYỀN	09/11/93	DH11KE															
135	11363120	NGUYỄN THỊ	TUYẾT	02/02/93	CD11CA															
136	11363125	NGUYỄN HỒNG	VÂN	12/08/93	CD11CA															
137	11363126	TỐNG THỊ	VÂN	03/09/93	CD11CA															
138	11363127	TRƯƠNG THỊ BÍCH	VÂN	20/08/93	CD11CA															
139	11363043	NGUYỄN THỊ	VẬN	01/01/93	CD11CA															
140	11363210	BÙI LÊ TRÚC	VI	09/03/93	CD11CA															
141	11363084	PHẠM ĐỨC	VINH	13/07/92	CD11CA															
142	11123069	NGUYỄN ÁNH	XUÂN	23/10/93	DH11KE															
143	11363079	NGUYỄN ĐẶNG NHƯ	Ý	16/08/93	CD11CA															
144	11363040	MAI THỊ NGỌC	YẾN	05/06/93	CD11CA															
145	10123231	NGUYỄN THỊ HOÀNG	YẾN	12/09/92	DH10KE															
146	12363149	NGUYỄN THỊ NGỌC	YẾN	19/02/91	CD12CA															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Kế toán chi phí (208376) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Bùi Xuân Nhã (293)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	11123255	VILAYSON	BOULETH	05/07/89	DH11KE															
2	10363151	TRẦN PHONG	CHÁNH	29/09/86	CD10CA															
3	10123017	TRẦN THỊ PHƯƠNG	CHÂU	11/04/91	DH10KE															
4	11123093	LÂM CHÂU THANH	DUY	04/03/93	DH11KE															
5	11123005	PHẠM NGUYỄN MỸ	DUYÊN	09/01/93	DH11KE															
6	10123034	PHAN THỊ	GÁI	25/01/92	DH10KE															
7	11363025	NGÔ THỊ	HÀ	03/02/93	CD11CA															
8	10123042	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	14/04/91	DH10KE															
9	10123046	VŨ THỊ HỒNG	HÀ	03/12/92	DH10KE															
10	10123049	ĐỖ THỊ	HẠNH	22/02/92	DH10KE															
11	11123099	NGUYỄN THỊ MỸ	HẠNH	28/04/93	DH11KE															
12	11123098	PHẠM THỊ NHƯ	HẢO	18/12/93	DH11KE															
13	11123102	PHẠM THỊ	HẰNG	08/04/93	DH11KE															
14	10363143	TRẦN THỊ	HIÊN	14/12/92	CD10CA															
15	10123060	CHÂU THỊ THANH	HIỀN	12/06/92	DH10KE															
16	11363148	LÊ THỊ	HIỀN	08/06/92	CD11CA															
17	11123113	HOÀNG THỊ THU	HUYỀN	22/08/93	DH11KE															
18	11363011	LUYỆN THỊ	HƯƠNG	09/11/93	CD11CA															
19	10123078	LÊ THỊ THU	HƯỜNG	05/12/92	DH10KE															
20	11123254	PHETVILAY	INTHISN	16/12/93	DH11KE															
21	10123081	LÊ THỊ LONG	KHÁNH	08/09/92	DH10KE															
22	11363128	VÕ THỊ MỸ	LỆ	08/04/93	CD11CA															
23	11123120	NGUYỄN THỊ KIM	LIÊN	16/04/93	DH11KE															
24	10363032	PHAN THỊ BÍCH	LIÊN	23/07/92	CD10CA															
25	11363189	NGÔ THỊ THÙY	LINH	27/07/93	CD11CA															
26	11363151	ĐÀO THỊ TRÚC	MAI	08/01/93	CD11CA															
27	12363064	HUỲNH THỊ PHƯƠNG	MAI	10/05/93	CD12CA															
28	11123024	NGUYỄN THỊ	MAI	19/11/93	DH11KE															
29	11123028	ĐỒNG THỊ	NGA	05/01/93	DH11KE															
30	10123119	HUỲNH KIM	NGÂN	10/11/92	DH10KE															
31	11123175	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	26/06/93	DH11KE															
32	11123067	TRẦN THỊ KIM	NGÂN	24/09/93	DH11KE															
33	11123130	ĐỖ THỊ BÍCH	NGỌC	20/02/93	DH11KE															
34	10123127	TRẦN THỊ	NGỌC	25/06/91	DH10KE															
35	11363130	TRỊNH HỒNG	NHÂN	13/12/93	CD11CA															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kế toán chi phí (208376) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Bùi Xuân Nhã (293)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	11123077	PHẠM THỊ XUÂN	NỮ	10/10/93	DH11KE															
37	10123143	NGUYỄN THỊ KIM	PHỤNG	23/12/92	DH10KE															
38	10123153	TẠ HỒNG	PHƯỢNG	22/06/92	DH10KE															
39	11363028	NGUYỄN THỊ	QUÝ	05/05/93	CD11CA															
40	11123041	VÕ THỊ TÚ	QUYÊN	19/03/93	DH11KE															
41	11123179	LÝ TỐ	SEN	08/05/93	DH11KE															
42	11363082	NGUYỄN HOÀNG	THANH	11/04/93	CD11CA															
43	11363102	TRẦN THỊ THU	THẢO	12/11/92	CD11CA															
44	11363169	TRƯƠNG THỊ THU	THẢO	21/10/93	CD11CA															
45	10123171	VŨ THU	THẢO	19/01/92	DH10KE															
46	10123175	NGUYỄN THỊ	THÍA	26/11/92	DH10KE															
47	11123149	NGUYỄN THỊ	THIỆU	05/02/93	DH11KE															
48	11123182	NGUYỄN THỊ CẨM	THU	24/10/93	DH11KE															
49	11123079	LƯU THỊ	TÌNH	15/05/93	DH11KE															
50	11123159	NGUYỄN THỊ MAI	TRANG	19/03/93	DH11KE															
51	11363221	TẠ THỊ HUYỀN	TRANG	19/11/92	CD11CA															
52	11123068	LÊ NGUYỄN DIỄM	TRINH	04/10/93	DH11KE															
53	10123207	VÕ VIẾT	TRUNG	27/07/92	DH10KE															
54	11363167	TRẦN THANH	TUẤN	04/05/93	CD11CA															
55	11363122	HỒ THỊ THẢO	UYÊN	26/04/93	CD11CA															
56	11123062	VÕ THỊ TRƯỜNG	XUÂN	31/10/93	DH11KE															
57	10363198	HOÀNG THỊ	YẾN	14/09/92	CD10CA															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Phân tích và đầu tư tài chính (208383) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Tiêu Nguyên Thảo (813)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	10164002	NGUYỄN CÁT	ANH	08/01/92	DH10TC															
2	11164013	NGUYỄN THỊ CẨM	ANH	24/07/93	DH11TC															
3	11164006	ĐÀO THỊ	BÌNH	05/08/93	DH11TC															
4	11164001	VÕ QUỐC	CÔNG	27/12/93	DH11TC															
5	11164002	PHẠM THỊ BÍCH	DÂNG	18/01/93	DH11TC															
6	11164014	NGUYỄN THỊ MỸ	DUNG	12/12/92	DH11TC															
7	11164007	NGUYỄN ANH	DUY	04/12/93	DH11TC															
8	11164040	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	17/12/93	DH11TC															
9	11164016	NGUYỄN THỊ	HẠNH	11/08/93	DH11TC															
10	11164017	TRẦN NGỌC	HUYỀN	23/09/93	DH11TC															
11	11159006	VÕ THỊ MỸ	KIỀU	26/01/92	DH11TC															
12	11164019	NGUYỄN THỊ	LAN	15/10/93	DH11TC															
13	11164020	HOÀNG NGUYỄN KHÁNH	LINH	20/09/93	DH11TC															
14	11164021	PHẠM MỸ	LINH	10/07/93	DH11TC															
15	11164041	NGUYỄN THỊ QUỲNH	LOAN	24/09/93	DH11TC															
16	11164022	LÊ THỊ NHƯ	NGỌC	31/08/93	DH11TC															
17	11164027	TRƯƠNG TẤN	PHÚC	13/05/93	DH11TC															
18	11164028	NGUYỄN DUY	PHƯƠNG	21/05/93	DH11TC															
19	11164009	VÕ THỊ MINH	TÂM	01/01/93	DH11TC															
20	11164029	TRẦN HOÀNG	THANH	09/10/93	DH11TC															
21	11164010	SƠN THỊ THANH	THẢO	06/04/93	DH11TC															
22	11164004	PHẠM THỊ NHƯ	THẤM	02/09/93	DH11TC															
23	11164030	NGUYỄN THỊ THU	THỦY	28/06/93	DH11TC															
24	11164031	PHẠM LÊ THANH	THÚY	06/07/93	DH11TC															
25	11164033	PHẠM ĐOÀN MINH	TIÊN	10/05/93	DH11TC															
26	11164044	NGÔ THỊ HUYỀN	TRÂM	15/08/93	DH11TC															
27	11164034	NGUYỄN NGỌC BẢO	TRÂM	25/10/93	DH11TC															
28	11164035	NGUYỄN THỊ NGỌC	TRÂM	/ /93	DH11TC															
29	11164005	HỒ HÀ HUYỀN	TRINH	16/09/93	DH11TC															
30	11164037	NGUYỄN THỊ ÁNH	TUYẾT	25/10/93	DH11TC															
31	11164038	NGUYỄN THỊ HỒNG	TUYẾT	02/06/93	DH11TC															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Phương pháp NCKH (208403) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD TS. Thái Anh Hòa (273)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	12120041	THÁI THANH THÚY	AN	04/04/93	DH12KT															
2	11150099	TRƯƠNG ĐOÀN TÚ	ANH	22/11/93	DH11TM															
3	11122055	VÕ THỊ NGỌC	ANH	06/12/93	DH11QT															
4	10122015	TRẦN HUỲNH	BÁCH	13/02/92	DH10QT															
5	11155028	NGUYỄN HẢI	BẰNG	07/08/92	DH11KN															
6	11155011	NGUYỄN PHÚC	CẢNH	12/06/92	DH11KN															
7	11120103	NGÔ THỊ THANH	CẨM	25/08/92	DH11KT															
8	11122057	TRỊNH ĐỨC	CHÂU	01/03/93	DH11QT															
9	11122002	HUỲNH THỊ LAN	CHI	18/06/93	DH11QT															
10	11150019	PHAN THỊ	DIỆU	28/04/93	DH11TM															
11	11164014	NGUYỄN THỊ MỸ	DUNG	12/12/92	DH11TC															
12	11155041	VŨ THỊ THÙY	DUNG	10/03/93	DH11KN															
13	10122029	HUỲNH KHƯƠNG	DUY	30/01/92	DH10QT															
14	11150033	TRẦN THỊ THÚY	DUY	19/08/93	DH11TM															
15	11120003	HUỲNH THỊ MỸ	DUYÊN	24/01/93	DH11KT															
16	11164039	NGUYỄN TRƯƠNG KỲ	DUYÊN	25/04/93	DH11TC															
17	11155003	BÙI TẤN	ĐẠT	21/06/93	DH11KN															
18	11150001	DƯƠNG XUÂN	ĐIỀU	10/03/92	DH11TM															
19	10122042	NGUYỄN HOÀNG	GIANG	24/10/91	DH10QT															
20	11122050	ĐỒNG THỊ THANH	HẰNG	16/01/93	DH11QT															
21	11120030	NGUYỄN THỊ THANH	HẰNG	/ /93	DH11KT															
22	11150085	VÕ THỊ	HIỀN	19/02/93	DH11TM															
23	11120070	ĐẶNG NGỌC	HIỆP	02/09/93	DH11KT															
24	10122063	ĐỖ PHƯỚC	HÒA	03/04/92	DH10QT															
25	10122060	TRỊNH XUÂN	HÒA	04/03/92	DH10QT															
26	11122072	NGUYỄN THỊ	HOÀI	24/04/93	DH11QT															
27	11122130	ĐẶNG HỒNG	HUẾ	16/05/93	DH11QT															
28	11120064	NGUYỄN VIỆT	HÙNG	20/05/93	DH11KT															
29	10155002	NGUYỄN ĐÌNH	HUY	12/02/92	DH10KN															
30	11122010	PHAN ĐÌNH	HUY	01/09/93	DH11QT															
31	11155042	HUỲNH NGỌC	HUYỀN	06/06/93	DH11KN															
32	11120065	NGUYỄN THỊ	HƯNG	25/02/93	DH11KT															
33	10122073	NGUYỄN THỊ KIM	HƯƠNG	15/08/92	DH10QT															
34	11155022	TRẦN THỊ DIỄM	HƯƠNG	06/01/93	DH11KN															
35	11122016	TRẦN MINH	KHƯƠNG	20/10/87	DH11QT															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Phương pháp NCKH (208403) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD TS. Thái Anh Hòa (273)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	11155051	NGUYỄN PHAN HOÀNG	KIM	16/01/93	DH11KN															
37	11122020	NGUYỄN THỊ	LÊ	02/10/93	DH11QT															
38	11150046	PHẠM THỊ KIM	LIÊN	04/08/93	DH11TM															
39	11120008	ĐINH VIỆT PHƯƠNG	LINH	24/04/93	DH11KT															
40	11120090	NGUYỄN THỊ THU	LINH	11/12/92	DH11KT															
41	11155029	TRẦN NGỌC NHẬT	LINH	27/05/93	DH11KN															
42	11122022	TRẦN THÙY	LINH	27/06/93	DH11QT															
43	11164041	NGUYỄN THỊ QUỲNH	LOAN	24/09/93	DH11TC															
44	12120327	LÊ ĐÌNH PHI	LONG	28/02/94	DH12KT															
45	11120036	NGUYỄN ĐÌNH	LONG	21/02/93	DH11KT															
46	11120069	NGUYỄN TIẾN	LONG	14/02/93	DH11KT															
47	11150048	BÙI TUẤN	LỘC	02/09/93	DH11TM															
48	12122108	NGUYỄN THỊ TUYẾT	MINH	01/09/94	DH12TC															
49	11150051	NGUYỄN KHÁNH	NGÂN	02/02/93	DH11TM															
50	12155019	VÕ TRỌNG	NGHĨA	01/01/94	DH12KN															
51	11121009	NGUYỄN PHƯỚC NGUYÊ	NGỌC	05/08/93	DH11KT															
52	11120038	TRẦN THỊ MINH	NGỌC	04/09/93	DH11KT															
53	11150053	ĐÀM THỊ THẢO	NGUYÊN	03/06/93	DH11TM															
54	11120102	NGUYỄN THỤY THẢO	NGUYÊN	05/08/93	DH11KT															
55	11120089	NGUYỄN HIỀN	NHÂN	/ /92	DH11KT															
56	10122111	NGÔ THỊ XUÂN	NHI	22/01/92	DH10QT															
57	11122094	NGUYỄN THỊ CẨM	NHUNG	02/09/93	DH11QT															
58	11155024	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	14/02/93	DH11KN															
59	11122139	HUỲNH NGUYỄN QUỲNH	NHƯ	09/12/93	DH11QT															
60	11120116	PHẠM THANH	NÚI	16/06/93	DH11KT															
61	11122096	ĐÀO THỊ HOÀNG	OANH	10/05/93	DH11QT															
62	11155054	NGUYỄN THỊ KIỀU	OANH	12/05/93	DH11KN															
63	12122042	TRẦN QUANG	PHÚC	17/10/87	DH12TM															
64	11155025	CHÂU THỊ KIM	PHỤNG	24/01/93	DH11KN															
65	11150096	HUỲNH THỊ BÍCH	PHƯƠNG	28/06/93	DH11TM															
66	11120095	PHẠM HÀ	PHƯƠNG	05/10/93	DH11KT															
67	11120104	BÙI THỊ TÚY	PHƯỢNG	20/10/92	DH11KT															
68	11121003	ĐOÀN THỊ KIM	PHƯỢNG	01/08/93	DH11KT															
69	11155031	PHẠM HỒNG	QUÂN	26/10/93	DH11KN															
70	11155010	LÊ THỊ PHƯƠNG	QUYÊN	17/11/93	DH11KN															
71	11120117	PHAN THANH	SANG	15/09/93	DH11KT															
72	11120122	TRẦN THỊ THANH THA	TÂM	25/08/93	DH11KT															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Phương pháp NCKH (208403) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD TS. Thái Anh Hòa (273)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	11120015	LÊ CÔNG	THẠCH	01/05/93	DH11KT															
74	11120086	PHAN THỊ THANH	THẢO	22/12/93	DH11KT															
75	11155049	VŨ THU	THẢO	27/11/93	DH11KN															
76	11155045	PHAN THỊ	THẮM	21/08/93	DH11KN															
77	11150067	NGUYỄN BẢO	THI	09/11/93	DH11TM															
78	11122035	NGUYỄN KHÂM	THIÊN	06/03/93	DH11QT															
79	11120045	HUỲNH THỊ	THOẠI	01/01/93	DH11KT															
80	11122114	ĐẶNG THỊ NGỌC	THỌI	27/12/92	DH11QT															
81	12122311	ĐỖ THỊ CẨM	THƠ	05/05/94	DH12TM															
82	11120075	PHẠM ANH	THƠ	13/07/93	DH11KT															
83	11150011	HOÀNG KIM	THU	05/06/93	DH11TM															
84	11122141	NGUYỄN THỊ	THU	24/02/93	DH11QT															
85	11155016	VÕ THỊ LỢI	TIẾN	17/03/93	DH11KN															
86	11120107	NGUYỄN NGỌC	TÍN	16/02/93	DH11KT															
87	11122046	LÊ THANH	TỊNH	16/06/93	DH11QT															
88	11120123	PHẠM THỊ BÍCH	TRÂM	17/07/93	DH11KT															
89	11155039	TRIỆU THỊ NGỌC	TRÂM	18/08/93	DH11KN															
90	11120050	PHẠM MINH	TRÍ	17/10/93	DH11KT															
91	12122255	LƯU PHƯƠNG	TRINH	30/04/94	DH12TC															
92	11155027	DƯƠNG THỦY	TRÚC	05/07/92	DH11KN															
93	11120113	NGUYỄN THỊ THANH	TRÚC	12/10/93	DH11KT															
94	11120079	PHAN THANH	TRÚC	02/12/93	DH11KT															
95	11122123	LÊ THỊ	TÚ	08/06/93	DH11QT															
96	11120101	TRẦN HOÀNG ANH	TUẤN	09/10/93	DH11KT															
97	11122125	HỒ THỊ TUYẾT	VÂN	16/05/93	DH11QT															
98	10122197	NGUYỄN THỊ THANH	VÂN	20/02/92	DH10QT															
99	11120077	NGUYỄN XUÂN	VIỆT	12/02/93	DH11KT															
100	11150098	TRẦN THỤY NHƯ	Ý	07/11/93	DH11TM															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Phương pháp NCKH (208403) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 2
CBGD TS. Lê Quang Thông (275)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	11121011	BÙI HỬU	ÁI	06/10/92	DH11KT															
2	12123003	NGUYỄN HỒ TRÂM	ANH	20/09/94	DH12KE															
3	11120058	NGUYỄN THỊ	ANH	26/07/93	DH11KT															
4	11164013	NGUYỄN THỊ CẨM	ANH	24/07/93	DH11TC															
5	11150027	NGUYỄN THỊ MỸ	ANH	04/02/93	DH11TM															
6	10155049	NGUYỄN THỊ VÂN	ANH	10/03/92	DH10KN															
7	11120001	TRẦN THỊ KIM	ANH	12/01/93	DH11KT															
8	11122147	PHẠM ANH	BẢO	04/09/93	DH11QT															
9	11164006	ĐÀO THỊ	BÌNH	05/08/93	DH11TC															
10	11122058	NGUYỄN VŨ DIỄM	CHI	25/01/92	DH11QT															
11	11122048	VÕ THỊ KIM	CHI	28/08/93	DH11QT															
12	12122006	LÊ THỊ NGỌC	CÚC	09/02/94	DH12TM															
13	12155075	NGỌC TRIỆU	CƯỜNG	05/01/93	DH12KN															
14	10150005	PHẠM VIỆT	CƯỜNG	22/03/91	DH10TM															
15	11164002	PHẠM THỊ BÍCH	DÂNG	18/01/93	DH11TC															
16	11120052	NGUYỄN THỊ ÁI	DIỄM	26/07/93	DH11KT															
17	12120243	TRƯƠNG THỊ KIỀU	DIỄM	22/12/93	DH12KM															
18	12120263	LÊ NGỌC	DIỆP	08/01/93	DH12KM															
19	10122027	NGUYỄN TIẾN	DUẨN	20/06/92	DH10QT															
20	11164007	NGUYỄN ANH	DUY	04/12/93	DH11TC															
21	11120067	NGUYỄN ĐÌNH	DUY	10/10/93	DH11KT															
22	12122115	TRẦN HỮU	DUY	08/11/92	DH12QT															
23	11122004	ĐỖ HUỲNH THÚY	DUYÊN	30/10/93	DH11QT															
24	11122064	PHẠM THỊ MỸ	DUYÊN	22/11/93	DH11QT															
25	11120068	TRẦN XUÂN	ĐẠI	17/06/91	DH11KT															
26	11122065	HÀ THỊ HỒNG	ĐÀO	19/07/93	DH11QT															
27	11122066	NGUYỄN THỊ ANH	ĐÀO	12/01/93	DH11QT															
28	10122039	ĐỖ HOÀNG	ĐẠT	18/12/92	DH10QT															
29	11120099	PHẠM THÀNH	ĐẠT	29/02/92	DH11KT															
30	11120020	NGUYỄN PHÚC	ĐỊNH	28/02/93	DH11KT															
31	11122005	LÊ VĂN	ĐỨC	28/09/91	DH11QT															
32	11120096	PHAN THỊ BÍCH	HẠNH	10/10/93	DH11KT															
33	11122068	CHU THỊ MINH	HẰNG	05/08/93	DH11QT															
34	11122069	NGUYỄN THỊ THÚY	HẰNG	09/05/93	DH11QT															
35	11122070	PHẠM THỊ THÚY	HẰNG	10/11/93	DH11QT															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Phương pháp NCKH (208403) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 2
CBGD TS. Lê Quang Thông (275)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	11122008	NGUYỄN THỊ	HOA	23/02/93	DH11QT															
37	11122137	ĐẶNG THỊ	HÒA	02/04/93	DH11QT															
38	11120062	NGUYỄN LƯU	HOÀNG	20/11/93	DH11KT															
39	11122073	VÕ THỊ THU	HỒNG	18/08/93	DH11QT															
40	11122075	TRẦN ĐỨC	HUY	12/04/93	DH11QT															
41	11164017	TRẦN NGỌC	HUYỀN	23/09/93	DH11TC															
42	11122077	TRỊNH NGUYỄN THU	HUYỀN	03/09/93	DH11QT															
43	10122071	NGUYỄN THỊNH	HƯNG	16/04/92	DH10QT															
44	11120005	DƯƠNG THỊ MỸ	HƯƠNG	17/06/93	DH11KT															
45	11120098	LÊ HOÀNG	KHẢI	15/06/93	DH11KT															
46	11120032	LÊ ANH	KHOA	11/12/93	DH11KT															
47	11122015	NGUYỄN TRỊNH XUÂN	KHOA	23/03/93	DH11QT															
48	11120081	MAI VĂN	KỲ	11/12/93	DH11KT															
49	11122018	TRẦN ĐỨC	LÃM	10/09/93	DH11QT															
50	11122017	NGÔ HƯƠNG	LAN	07/06/93	DH11QT															
51	11164019	NGUYỄN THỊ	LAN	15/10/93	DH11TC															
52	10122080	CAO VĂN	LÂM	25/11/92	DH10QT															
53	12120588	LÊ THỊ BÍCH	LIỄU	09/05/94	DH12KM															
54	11120056	LƯƠNG THỊ	LINH	27/12/92	DH11KT															
55	11121018	PHẠM QUANG	LINH	02/03/93	DH11KT															
56	11122082	TRẦN MẠNH	LINH	22/02/93	DH11QT															
57	11120088	TRẦN THỊ ÁNH	LOAN	29/09/93	DH11KT															
58	11122023	HUỲNH THỊ KIM	LY	16/12/93	DH11QT															
59	11122084	NGÔ THỊ KIM	MAI	03/08/93	DH11QT															
60	11120037	VÕ THỊ NGỌC	MỸ	17/09/93	DH11KT															
61	09150064	MAI THỊ THẢO	MỴ	16/07/91	DH09TM															
62	11120082	NGUYỄN THỊ ÁNH	NA	09/08/92	DH11KT															
63	12122034	HUỲNH THANH	NAM	03/05/93	DH12TM															
64	11120022	NGÔ THỊ THU	NGÂN	10/03/93	DH11KT															
65	11122086	NGUYỄN THỊ NGỌC	NGÂN	09/09/93	DH11QT															
66	11122087	LƯU THỊ BÍCH	NGỌC	07/02/93	DH11QT															
67	11164023	VƯƠNG THỊ MINH	NGỌC	20/09/93	DH11TC															
68	11122088	LÊ THỊ HẠNH	NGUYÊN	28/12/93	DH11QT															
69	11120083	NGUYỄN THỊ THẢO	NGUYÊN	04/09/92	DH11KT															
70	11122089	LÊ THỊ THANH	NHÀN	15/07/93	DH11QT															
71	11122091	PHẠM HỒNG	NHẬT	03/04/93	DH11QT															
72	11120118	ĐẶNG HỮU	NHƠN	04/06/93	DH11KT															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Phương pháp NCKH (208403) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 2
CBGD TS. Lê Quang Thông (275)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	11120111	HUỲNH THỊ THẢO	NHƯ	28/10/92	DH11KT															
74	11120109	NGUYỄN THỊ HUỲNH	NHƯ	02/02/93	DH11KT															
75	11122095	NGUYỄN THỊ HUỲNH	NHƯ	19/05/93	DH11QT															
76	12120620	TRƯƠNG HỒNG	NHƯ	09/07/94	DH12KT															
77	11122131	NGUYỄN THỊ NGỌC	NỮ	01/02/93	DH11QT															
78	12120460	THÁI THỊ	OANH	20/01/94	DH12KT															
79	10122118	NGUYỄN SƯ	PHONG	30/01/92	DH10QT															
80	12122205	ĐẶNG HOÀNG	PHÚC	18/09/94	DH12QT															
81	11164027	TRƯƠNG TẤN	PHÚC	13/05/93	DH11TC															
82	11120040	BÙI THỊ THANH	PHƯƠNG	04/05/93	DH11KT															
83	11164028	NGUYỄN DUY	PHƯƠNG	21/05/93	DH11TC															
84	12122043	NGUYỄN NGỌC KIM	PHƯƠNG	25/03/94	DH12TM															
85	10155024	NGUYỄN THỊ NGỌC	PHƯƠNG	16/09/92	DH10KN															
86	11120072	NGUYỄN THỊ THU	PHƯƠNG	21/05/93	DH11KT															
87	12120120	QUÁCH THỊ HỒNG	PHƯỢNG	09/04/94	DH12KM															
88	12120462	LÊ THẢO	QUYÊN	08/09/94	DH12KT															
89	11122102	NGUYỄN THỊ NGỌC	QUYÊN	18/11/93	DH11QT															
90	12122045	LÊ VĂN	QUYẾT	12/01/94	DH12TM															
91	12122046	LƯƠNG TRỌNG	QUỲNH	03/03/93	DH12QT															
92	12122215	NGUYỄN BẢO	QUỲNH	20/06/94	DH12TM															
93	11122104	NGUYỄN THANH	SANG	05/09/93	DH11QT															
94	11120060	TRẦN DUY	SƠN	09/08/92	DH11KT															
95	11120012	BÙI VĂN	TÀI	20/05/93	DH11KT															
96	11122052	TRẦN THỊ MINH	TÂM	09/04/93	DH11QT															
97	11164009	VÕ THỊ MINH	TÂM	01/01/93	DH11TC															
98	11122034	NGUYỄN VĂN	THÁI	13/01/93	DH11QT															
99	11122111	PHẠM QUỐC	THÁI	05/04/93	DH11QT															
100	11122043	TRẦN THỊ	THANH	20/07/93	DH11QT															
101	11122110	PHAN THỊ PHƯƠNG	THẢO	07/07/93	DH11QT															
102	11164010	SƠN THỊ THANH	THẢO	06/04/93	DH11TC															
103	11164004	PHẠM THỊ NHƯ	THẤM	02/09/93	DH11TC															
104	11120125	NGUYỄN THỊ	THÂN	04/03/92	DH11KT															
105	12122054	LƯU HỮU	THIỆN	10/10/93	DH12TC															
106	11120044	LÊ VĂN	THIẾT	16/10/92	DH11KT															
107	12122055	NGUYỄN VĂN	THÔNG	16/08/93	DH12TM															
108	11120016	NGŨ NỮ YẾN	THU	06/06/91	DH11KT															
109	11122044	HUỲNH VĂN	THUẬN	19/12/90	DH11QT															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Phương pháp NCKH (208403) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 2
CBGD TS. Lê Quang Thông (275)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
110	10122159	ĐINH THỊ THANH	THỦY	02/12/92	DH10QT															
111	11164043	LÊ THỊ THU	THÚY	06/04/93	DH11TC															
112	11120094	NGÔ THỊ	THÚY	11/07/93	DH11KT															
113	11122036	PHẠM THỊ THU	THÚY	26/11/93	DH11QT															
114	11121006	PHẠM THỊ	THƯ	18/01/92	DH11KT															
115	11121010	NGUYỄN THỊ THƯƠNG	THƯƠNG	09/06/92	DH11KT															
116	11120047	HUỲNH NGỌC MAI	THY	25/06/93	DH11KT															
117	11122037	TRẦN VĂN	TÍ	10/09/92	DH11QT															
118	11120017	ĐỖ MINH	TIẾN	16/11/93	DH11KT															
119	10122164	ĐÀO ĐỨC	TÍN	23/05/92	DH10QT															
120	12122244	NGUYỄN TRỌNG	TÍN	02/03/94	DH12TM															
121	11122144	NGUYỄN THỊ	TÌNH	16/11/93	DH11QT															
122	11122118	TRẦN THỊ THẢO	TRANG	05/09/93	DH11QT															
123	11120018	VÕ THỊ THU	TRANG	10/08/93	DH11KT															
124	11122120	ĐẶNG TRẦN THÙY	TRÂM	06/07/93	DH11QT															
125	11164044	NGÔ THỊ HUYỀN	TRÂM	15/08/93	DH11TC															
126	10122174	NGUYỄN THỊ BÍCH	TRÂM	30/06/92	DH10QT															
127	11164035	NGUYỄN THỊ NGỌC	TRÂM	/ /93	DH11TC															
128	11122054	NGUYỄN THỊ QUYỀN	TRÂM	30/11/93	DH11QT															
129	11122038	TRẦN KHÁNH	TRÂN	08/03/93	DH11QT															
130	11164005	HỒ HÀ HUYỀN	TRINH	16/09/93	DH11TC															
131	11120100	TÔ THỊ TUYẾT	TRINH	16/07/92	DH11KT															
132	11122132	VÕ THỊ DIỄM	TRINH	19/09/93	DH11QT															
133	12122315	NGUYỄN THỊ KIM	TRỌN	16/02/94	DH12QT															
134	11122133	NGUYỄN VIỆT	TRUNG	24/05/93	DH11QT															
135	12122066	TRẦN THẾ	TRUNG	08/12/94	DH12TC															
136	12155066	VÕ QUỐC	TRUNG	17/02/93	DH12KN															
137	12122068	NGUYỄN MINH	TUẤN	22/04/94	DH12QT															
138	11164037	NGUYỄN THỊ ÁNH	TUYẾT	25/10/93	DH11TC															
139	11164038	NGUYỄN THỊ HỒNG	TUYẾT	02/06/93	DH11TC															
140	11122126	ĐIỀU THỊ TƯỜNG	VI	16/10/93	DH11QT															
141	11120055	LÂM THỊ	VĨNH	/ /92	DH11KT															
142	12122071	ĐINH HOÀNG	VŨ	01/01/94	DH12TC															
143	12123067	NGUYỄN MỸ	Ý	07/06/94	DH12KE															
144	12155159	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	YẾN	/ /94	DH12KN															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Phương pháp NCKH (208403) - Nhóm 03 Số Tín Chỉ: 2
CBGD TS. Lê Quang Thông (275)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	11173006	HUỲNH PHƯƠNG	ANH	31/12/93	DH11TM															
2	11150028	TRẦN NGỌC LAN	ANH	25/11/93	DH11TM															
3	11150029	TRẦN PHƯƠNG	ANH	14/12/93	DH11TM															
4	10121010	NGUYỄN PHƯỚC	BẢN	22/04/91	DH10PT															
5	11150017	NGUYỄN THỊ DIỄM	CHI	10/07/93	DH11TM															
6	11155012	TRẦN HỮU	CHÍ	21/01/92	DH11KN															
7	11122059	NGÔ THỊ	CHUYÊN	25/09/93	DH11QT															
8	11150020	TRẦN NGỌC TRUNG	DU	10/01/93	DH11TM															
9	11150034	NGUYỄN VĂN	DŨNG	25/10/92	DH11TM															
10	11120028	NGUYỄN KHƯƠNG	DUY	21/11/93	DH11KT															
11	11120127	TRẦN	DUY	18/08/93	DH11KT															
12	11120085	NGÔ VĂN	DƯƠNG	28/09/86	DH11KT															
13	11122049	MAN MINH	ĐẢO	20/04/93	DH11QT															
14	11150037	LÊ THỊ THU	HÀ	17/09/93	DH11TM															
15	11155018	ĐOÀN THANH	HẢI	16/04/93	DH11KN															
16	11164016	NGUYỄN THỊ	HẠNH	11/08/93	DH11TC															
17	11122134	HUỲNH THỊ	HẢO	15/02/93	DH11QT															
18	11120021	HUỲNH THỊ LỆ	HẰNG	16/11/93	DH11KT															
19	11122135	HÀ THỊ HỒNG	HÂN	19/01/93	DH11QT															
20	11120004	NGUYỄN THỊ THU	HIỀN	25/11/93	DH11KT															
21	11120031	NGUYỄN THỊ THU	HIỀN	01/01/92	DH11KT															
22	11150042	HUỲNH MINH	HIẾU	21/12/93	DH11TM															
23	11121002	NGUYỄN THÚY	HỒNG	29/03/93	DH11KT															
24	11122011	ĐÀO ĐẶNG THANH	HUYỀN	15/01/93	DH11QT															
25	11120073	NGUYỄN THỊ NGỌC	HUYỀN	08/09/93	DH11KT															
26	11122012	BÙI THỊ MỸ	HƯƠNG	07/07/93	DH11QT															
27	11122013	HUỲNH THỊ MỸ	HƯƠNG	24/02/93	DH11QT															
28	10164014	BẠCH ĐĂNG	KHOA	20/09/92	DH10TC															
29	11159006	VÕ THỊ MỸ	KIỀU	26/01/92	DH11TC															
30	11120035	NGÔ THỊ	LAN	04/02/93	DH11KT															
31	11150045	NGUYỄN THỊ NGỌC	LAN	30/08/93	DH11TM															
32	11150090	HUỲNH NGỌC	LIẾNG	06/09/93	DH11TM															
33	11150047	NGÔ NGỌC KHÁNH	LINH	24/12/93	DH11TM															
34	11122081	PHẠM HÀ KIM	LINH	17/06/93	DH11QT															
35	11120009	PHẠM QUỲNH	LOAN	26/11/93	DH11KT															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Phương pháp NCKH (208403) - Nhóm 03 Số Tín Chỉ: 2
CBGD TS. Lê Quang Thông (275)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	10120027	HUỲNH THỊ TRÚC	LY	29/10/92	DH10KT															
37	11150091	LƯƠNG THỊ BÍCH	LY	15/07/93	DH11TM															
38	10122104	NGUYỄN THỊ BẢO	NGỌC	21/04/92	DH10QT															
39	11122028	THÁI NHƯ	NGỌC	19/01/93	DH11QT															
40	11164008	LÂM THẢO	NGUYÊN	15/03/93	DH11TC															
41	11150094	PHẠM THÁI	NGUYÊN	13/01/93	DH11TM															
42	11150007	ĐỖ TRỌNG	NHÂN	12/10/93	DH11TM															
43	11120039	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	17/05/93	DH11KT															
44	11120121	HỒ PHẠM CẨM	NHUNG	05/10/93	DH11KT															
45	11120112	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	22/11/93	DH11KT															
46	11121025	HOÀNG XUÂN	PHÚC	14/03/93	DH11KT															
47	11120023	PHẠM THỊ THU	PHƯƠNG	14/08/93	DH11KT															
48	11120011	TRẦN THỊ	PHƯỢNG	08/01/93	DH11KT															
49	11120024	TRƯƠNG THỊ THÚY	SANG	28/10/92	DH11KT															
50	11155047	NGUYỄN MINH	TÂM	10/09/93	DH11KN															
51	10122138	TRẦN THỊ THANH	TÂM	28/11/92	DH10QT															
52	11155023	NGUYỄN THÁI	THÀNH	20/04/93	DH11KN															
53	10120038	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	12/04/91	DH10KT															
54	11120053	VÕ THỊ HỒNG	THẮM	12/05/93	DH11KT															
55	11164042	NGUYỄN THỊ NGỌC	THIỆU	10/10/93	DH11TC															
56	11150022	DƯƠNG THỊ	THOA	28/10/93	DH11TM															
57	11150010	PHẠM THỊ KIM	THOA	15/09/93	DH11TM															
58	11155015	NGÔ PHAN VŨ GIA	THUẬN	12/01/93	DH11KN															
59	11143101	LÊ ĐAN	THÙY	14/07/91	DH11KM															
60	11164030	NGUYỄN THỊ THU	THỦY	28/06/93	DH11TC															
61	11150069	ĐÀO THỊ PHƯƠNG	THÚY	27/08/93	DH11TM															
62	11164031	PHẠM LÊ THANH	THÚY	06/07/93	DH11TC															
63	11150070	LÊ NGỌC ANH	THƯ	22/08/93	DH11TM															
64	11150072	ĐẶNG THỊ CẨM	TIÊN	17/03/93	DH11TM															
65	11164033	PHẠM ĐOÀN MINH	TIÊN	10/05/93	DH11TC															
66	11150073	PHẠM GIANG THỦY	TIÊN	01/10/93	DH11TM															
67	11122117	LÊ THÙY	TRANG	24/08/93	DH11QT															
68	11150014	LÃ BÍCH	TRI	03/04/93	DH11TM															
69	11150077	DƯƠNG VĂN	TRỌNG	28/02/93	DH11TM															
70	11150025	NGÔ CHÍ	TRUNG	19/05/93	DH11TM															
71	11150078	NGUYỄN BẢO	TRUNG	08/05/93	DH11TM															
72	11120051	NGUYỄN VĂN	TRUNG	25/06/93	DH11KT															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Phương pháp NCKH (208403) - Nhóm 03 Số Tín Chỉ: 2
CBGD TS. Lê Quang Thông (275)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	11155009	HUỲNH NHẬT	TRƯỜNG	12/09/92	DH11KN															
74	11150080	NGUYỄN ANH	TUẤN	10/05/93	DH11TM															
75	11143028	PHẠM MINH	TUẤN	21/11/93	DH11KM															
76	11122124	NGUYỄN THỊ BẢO	UYÊN	21/08/93	DH11QT															
77	11150016	NGUYỄN THỊ	VĨ	03/04/93	DH11TM															
78	10164045	ĐẶNG THỊ	VINH	19/12/91	DH10TC															
79	11122145	TRẦN THỊ TOÀN	VY	15/09/93	DH11QT															
80	11155021	ĐINH THỊ	YẾN	06/10/92	DH11KN															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Quản trị trang trại (208414) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Mai Hoàng Giang (285)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	12112076	VŨ KIỀU THÚY	AN	05/09/94	DH12TY															
2	08111003	NGUYỄN THẾ	BẢO	24/04/90	DH08CN															
3	11161015	NGÔ THỊ	BÔNG	02/10/93	DH11TA															
4	11142005	NGUYỄN VĂN	CHIẾN	03/09/93	DH11DY															
5	12122076	NGUYỄN THỊ HỒNG	DIỄM	22/12/94	DH12QT															
6	11120027	NGUYỄN VĂN	DIỆN	10/01/93	DH11KT															
7	11120028	NGUYỄN KHƯƠNG	DUY	21/11/93	DH11KT															
8	11120127	TRẦN	DUY	18/08/93	DH11KT															
9	11120085	NGÔ VĂN	DƯƠNG	28/09/86	DH11KT															
10	11111044	DƯƠNG QUỐC	ĐẠT	01/08/88	DH11CN															
11	12112105	HỒ TẤN	ĐẠT	23/04/94	DH12DY															
12	11120020	NGUYỄN PHÚC	ĐỊNH	28/02/93	DH11KT															
13	12112112	TRẦN ĐÌNH	HẢO	15/02/92	DH12TY															
14	11122068	CHU THỊ MINH	HẰNG	05/08/93	DH11QT															
15	11111096	NGUYỄN THỊ THANH	HẰNG	26/05/93	DH11CN															
16	11111074	TRẦN THỊ	HẰNG	06/09/92	DH11CN															
17	11161029	NGUYỄN THỊ THU	HIỀN	20/09/93	DH11TA															
18	12122146	TRẦN THỊ NGỌC	HUYỀN	20/10/93	DH12QT															
19	11111077	NGUYỄN QUỐC	HƯNG	17/05/93	DH11CN															
20	11111122	PHÙNG MẠNH	HƯNG	20/08/93	DH11CN															
21	11112262	NGUYỄN THỊ DIỄM	HƯƠNG	19/10/93	DH11TY															
22	11111107	NGUYỄN DUY	KHANG	20/07/93	DH11CN															
23	11142023	PHAN HỒ TÁI	KHANG	18/03/93	DH11DY															
24	11112119	VĂN THỊ YẾN	KHANG	19/04/93	DH11TY															
25	11122016	TRẦN MINH	KHƯƠNG	20/10/87	DH11QT															
26	09112078	CAO VĂN	LẠC	17/05/91	DH09TY															
27	11121018	PHẠM QUANG	LINH	02/03/93	DH11KT															
28	11120069	NGUYỄN TIẾN	LONG	14/02/93	DH11KT															
29	12111009	TRẦN MINH	LUÂN	21/06/94	DH12TA															
30	11142068	LÊ THỊ KHÁNH	LY	10/07/93	DH11DY															
31	12112253	ĐOÀN HÀ MINH	MẪN	26/03/94	DH12TY															
32	11112016	ĐINH HOÀNG MI	MI	16/11/93	DH11TY															
33	12112155	VÕ THỊ TRÚC	MỘNG	14/08/94	DH12TY															
34	08122079	MAI NGUYỄN THÙY	MƠ	03/09/90	DH08QT															
35	11112018	NGUYỄN KIỀU	MỴ	10/03/93	DH11TY															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Quản trị trang trại (208414) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Mai Hoàng Giang (285)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	12112069	PHẠM THỊ	NGA	30/11/94	DH12DY															
37	12112292	BÙI HOÀNG	NGÂN	12/07/94	DH12TY															
38	11112148	ĐẶNG KIM	NGÂN	31/03/93	DH11TY															
39	11111108	ĐẶNG NGHĨA	NHÂN	23/06/93	DH11CN															
40	11112160	HỒ NGỌC	NHUẬN	20/04/93	DH12TY															
41	11120111	HUỲNH THỊ THẢO	NHƯ	28/10/92	DH11KT															
42	12112178	LÊ HÙNG	PHONG	04/02/94	DH12TY															
43	11112285	LÊ THANH MỸ	PHỤNG	06/12/93	DH11TY															
44	11111120	HỒ VIẾT	SANG	27/03/93	DH11CN															
45	11142026	NGUYỄN THỊ HỒNG	SEN	27/12/93	DH11DY															
46	11161055	PHẠM THỊ THU	THẢO	06/12/93	DH11TA															
47	11142161	TRẦN THỊ THU	THẢO	17/03/93	DH11DY															
48	12131208	NGUYỄN THỊ HỒNG	THẮM	22/01/94	DH12CH															
49	11142164	HUỲNH NGỌC KHÁNH	THIỆN	11/10/93	DH11DY															
50	11112031	NGUYỄN THỊ CẨM	THƠ	29/09/92	DH11TY															
51	11142165	NGUYỄN THỊ KIM	THÙY	12/01/93	DH11DY															
52	12112047	LÊ ANH	THƯ	30/03/93	DH12TY															
53	11112289	LÊ THỊ QUỲNH	THƯ	16/03/93	DH11TY															
54	11120017	ĐỖ MINH	TIẾN	16/11/93	DH11KT															
55	12112072	NGUYỄN NGỌC	TÍN	24/02/94	DH12TY															
56	11161062	LÊ TRỌNG	TOÀN	27/10/93	DH11TA															
57	12112231	DƯƠNG KIM	TRÍ	03/10/94	DH12TY															
58	11112292	NGUYỄN THỊ ÁI	TRIỀU	23/06/93	DH11TY															
59	11120051	NGUYỄN VĂN	TRUNG	25/06/93	DH11KT															
60	11122123	LÊ THỊ	TÚ	08/06/93	DH11QT															
61	11111094	TRẦN THANH	TÚ	10/03/93	DH11CN															
62	12122068	NGUYỄN MINH	TUẤN	22/04/94	DH12QT															
63	11122122	BÙI KIM	TÙNG	15/08/93	DH11QT															
64	12120028	NGUYỄN THỊ KIM	TUYỀN	07/02/94	DH12KT															
65	12112243	TRẦN THẢO	UYÊN	31/08/94	DH12TY															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Quản trị trang trại (208414) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Mai Hoàng Giang (285)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	12112094	PHAN THỊ KIM	CHI	31/07/94	DH12TY															
2	11122048	VÕ THỊ KIM	CHI	28/08/93	DH11QT															
3	12120168	NGÔ VĂN	CHƯƠNG	20/09/94	DH12KT															
4	09112018	ĐỖ VĂN	CÔNG	17/03/90	DH09TY															
5	12120609	LÊ THỊ KIM	CƯƠNG	17/01/94	DH12KT															
6	11161087	NGUYỄN TẤN	DOÃN	08/10/93	DH11TA															
7	12111293	ĐẶNG THỊ	DUNG	20/09/94	DH12CN															
8	11112069	HOÀNG VƯƠNG TƯỜNG	DUY	26/07/92	DH11TY															
9	11122004	ĐỖ HUỲNH THÚY	DUYÊN	30/10/93	DH11QT															
10	11161026	NGUYỄN DANH	GIÁ	20/03/93	DH11TA															
11	08161049	NGUYỄN TRƯỜNG	GIANG	03/09/90	DH08TA															
12	11161027	TRƯƠNG HỒNG	HÀ	01/05/93	DH11TA															
13	12120374	VÕ THỊ NGỌC	HẠNH	10/02/94	DH12KT															
14	11122050	ĐỒNG THỊ THANH	HẰNG	16/01/93	DH11QT															
15	12120593	NGUYỄN THỊ	HẰNG	30/12/94	DH12KT															
16	11112095	TRẦN THỊ THẢO	HIỀN	07/10/93	DH11TY															
17	12111004	NGUYỄN HUY	HIỆP	06/01/94	DH12TA															
18	12120336	PHAN THỊ BÍCH	HOA	02/01/94	DH12KT															
19	11142144	NGUYỄN KIỀU	HOÀI	28/09/93	DH11DY															
20	09112046	NGÔ QUỐC	HOÀNG	15/10/91	DH09TY															
21	11122073	VÕ THỊ THU	HỒNG	18/08/93	DH11QT															
22	12120280	ĐẶNG THỊ HỒNG	HUỆ	09/04/94	DH12KT															
23	08161074	LÊ PHẠM	HÙNG	16/07/89	DH08TA															
24	11161035	BÙI HUỲNH	HUY	27/12/93	DH11TA															
25	10112063	NGUYỄN HOÀNG KHIẾT	HUY	21/08/92	DH10TY															
26	12120513	LÊ THỊ MỸ	HUYỀN	11/02/94	DH12KT															
27	10122071	NGUYỄN THỊNH	HƯNG	16/04/92	DH10QT															
28	12112132	NGUYỄN VIỆT	HƯNG	06/02/94	DH12TY															
29	11120005	DƯƠNG THỊ MỸ	HƯƠNG	17/06/93	DH11KT															
30	11122014	PHẠM THỊ MỸ	HƯƠNG	30/07/93	DH11QT															
31	12111274	LÊ VĂN	HƯỜNG	01/03/93	DH12TA															
32	11120007	KA SĂ HA	KHUY	27/05/91	DH11KT															
33	12112285	LÊ THỊ THANH	KIỀU	08/10/94	DH12TY															
34	12120030	NGUYỄN THỊ TRÚC	LINH	04/09/94	DH12KT															
35	12120193	TRƯƠNG THỊ MỸ	LINH	24/05/93	DH12KT															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Quản trị trang trại (208414) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Mai Hoàng Giang (285)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	10146903	NGÔ THỊ	MIÊN	/ /	DH12TY															
37	11120133	THÁI THỊ	NA	12/07/91	DH11KT															
38	12120380	NGUYỄN THỊ THANH	NGA	18/01/94	DH12KT															
39	12112159	ĐẶNG HƯƠNG	NGÂN	17/09/94	DH12TY															
40	11122088	LÊ THỊ HẠNH	NGUYÊN	28/12/93	DH11QT															
41	11122138	TĂNG THỊ	NGUYÊN	18/12/93	DH11QT															
42	12122189	MAI THỊ KIM	NHÃ	26/12/94	DH12QT															
43	11122089	LÊ THỊ THANH	NHÀN	15/07/93	DH11QT															
44	12120221	THỊ	NHÀNH	19/09/92	DH12KT															
45	12120316	BIỆN THỊ	NHỚ	01/08/94	DH12KT															
46	10112114	HÀ NGUYỄN CẨM	NHUNG	09/03/92	DH10TY															
47	12120019	LÊ THỊ BÉ	SÁU	16/03/94	DH12KT															
48	09112140	NGUYỄN MINH	TÀI	25/08/90	DH09TY															
49	12120217	DƯƠNG THỊ THANH	TÂM	18/01/93	DH12KT															
50	12122050	GIẢNG NGỌC PHƯƠNG	TÂN	16/06/94	DH12QT															
51	12122052	TRẦN NGỌC DUY	TÂN	29/03/94	DH12QT															
52	10112255	CHÂU NỮ CHIÊM	THẠCH	02/02/91	DH10TY															
53	11122106	NGUYỄN THỊ	THANH	10/04/93	DH11QT															
54	12122310	LÊ THỊ	THẢO	06/11/94	DH12QT															
55	11122109	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	THẢO	31/08/93	DH11QT															
56	12112071	NGUYỄN THỊ XUÂN	THẢO	24/11/94	DH12TY															
57	10161116	NGUYỄN VĂN	THIÊN	12/09/92	DH10TA															
58	10160105	NGUYỄN TRƯỜNG	THỌ	16/08/91	DH10TK															
59	11120045	HUỲNH THỊ	THOẠI	01/01/93	DH11KT															
60	12120131	LÊ HỮU	THUẬN	04/02/94	DH12KT															
61	12122057	HOÀNG THỊ MINH	THUỲ	15/09/94	DH12QT															
62	12131280	NGUYỄN HUỲNH NHƯ	THỦY	08/12/94	DH12CH															
63	12120135	TRẦN THỊ THU	THỦY	16/04/94	DH12KT															
64	11121006	PHẠM THỊ	THƯ	18/01/92	DH11KT															
65	11122037	TRẦN VĂN	TÍ	10/09/92	DH11QT															
66	12111297	NGUYỄN MẠNH	TIẾN	25/08/93	DH12CN															
67	11112268	NGUYỄN THIÊN	TRANG	30/01/93	DH11TY															
68	12120216	NÔNG THỊ	TRANG	28/04/93	DH12KT															
69	11111031	LÊ THANH	TRÂM	02/08/92	DH11CN															
70	11122054	NGUYỄN THỊ QUYỀN	TRÂM	30/11/93	DH11QT															
71	11120100	TÔ THỊ TUYẾT	TRINH	16/07/92	DH11KT															
72	12111216	LÊ ĐỨC	TRỌNG	31/01/94	DH12CN															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Quản trị trang trại (208414) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Mai Hoàng Giang (285)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	11161068	NGUYỄN ĐỨC	TRỌNG	11/03/93	DH11TA															
74	12120298	NGUYỄN THỊ ÁNH	TRÚC	15/02/94	DH12KT															
75	11112038	NGUYỄN THỊ THANH	TUYỀN	22/09/93	DH11TY															
76	12120572	TIẾT THANH	VÂN	19/12/94	DH12KT															
77	08112337	PHẠM XUÂN	VINH	21/10/90	DH08TY															
78	11122039	LA HOÀNG	VŨ	24/03/93	DH11QT															
79	12120179	ĐỖ THỊ	VUI	05/05/94	DH12KT															
80	11112044	NGUYỄN THỤY HUỲNH	YẾN	26/04/93	DH11TY															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Quản trị học (208416) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Lê ánh Tuyết (629)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	10116165	NGUYỄN THỊ THÚY	AN	01/09/90	DH10NT															
2	12154127	HỒ BẢO	ANH	05/12/94	DH12OT															
3	12153027	LÊ ĐỨC	ANH	30/07/94	DH12CD															
4	12130155	NGUYỄN TUẤN	ANH	14/07/94	DH12DT															
5	10116007	TRƯƠNG THIỆN	BẰNG	28/08/92	DH10NT															
6	12153003	LẠI VĂN	CƯƠNG	29/07/94	DH12CD															
7	12120369	LÊ TẤN	CƯỜNG	02/08/94	DH12KT															
8	12122125	TRẦN PHÚC	ĐẠT	14/01/94	DH12TM															
9	12153004	TRẦN VĂN	ĐẠT	23/03/94	DH12CD															
10	10116031	NGUYỄN THỊ HÀ	GIANG	02/07/92	DH10NT															
11	12116243	NGUYỄN THỊ HUỲNH	GIAO	/ /94	DH12NT															
12	12116248	NGUYỄN VĂN	HẢI	15/09/93	DH12NT															
13	12153018	DƯƠNG SỸ	HẠNH	02/06/94	DH12CD															
14	12117048	LÊ MINH	HẠNH	13/01/94	DH12CT															
15	12112274	LÊ THÁI	HIỆP	02/06/94	DH12TY															
16	12155112	PHẠM THỊ THÁI	HÒA	23/08/94	DH12KN															
17	12154032	CAO VĂN	HOAN	21/10/94	DH12OT															
18	12154074	NGUYỄN PHƯỚC	HOÀNG	28/09/94	DH12OT															
19	12154102	TRẦN TUẤN	HOÀNG	08/01/94	DH12OT															
20	10138059	LÊ VĂN	HÙNG	12/10/92	DH10TD															
21	12153046	VŨ QUANG	HƯNG	14/01/94	DH12CD															
22	12120170	PHẠM THỊ THU	HƯỜNG	07/05/94	DH12KM															
23	10116061	LÊ ANH	KHOA	07/05/92	DH10NT															
24	12130353	NGUYỄN HOÀNG ANH	KHOA	24/05/93	DH12DT															
25	11120007	KA SĂ HA	KHUY	27/05/91	DH11KT															
26	12120313	LÊ THỊ MỸ	KIM	20/08/94	DH12KM															
27	12123132	HỒ THỊ	LÀNH	15/12/94	DH12KE															
28	10116066	TRỊNH THỊ	LIỂU	25/05/92	DH10NT															
29	10116067	HUỲNH VĂN	LINH	18/07/92	DH10NT															
30	12120553	NGUYỄN THỊ KIM	LOAN	25/04/94	DH12KT															
31	12130368	PHAN XUÂN	MẠNH	26/03/94	DH12DT															
32	12153197	TÔ THÁI	MINH	26/04/92	DH12CD															
33	12153006	TRƯƠNG HOÀI	NAM	20/11/94	DH12CD															
34	12120354	TRẦN THỊ	NGÂN	28/10/94	DH12KT															
35	12153191	NGUYỄN GIA	NGHĨA	04/05/94	DH12CD															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Quản trị học (208416) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Lê ánh Tuyết (629)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	12154070	VŨ HỮU	NGHĨA	14/03/93	DH12OT															
37	12120411	ĐỖ THỊ	NGỌC	28/03/94	DH12KT															
38	12120449	NGUYỄN HOÀNG BẢO	NGỌC	24/03/94	DH12KT															
39	12120221	THỊ	NHÀNH	19/09/92	DH12KT															
40	12123157	MAI HOÀNG	NHÂN	07/11/94	DH12KE															
41	12153088	ĐẶNG HOÀNG	NHIÊN	07/04/94	DH12CD															
42	12153112	ĐẶNG PHAN TẤN	PHÁT	07/09/94	DH12CD															
43	12153119	ĐỖ THÀNH	PHÁT	20/11/94	DH12CD															
44	12153120	MAI TUẤN	PHONG	13/09/94	DH12CD															
45	12153009	NGUYỄN THANH	PHONG	16/12/94	DH12CD															
46	12153093	HỒ VĨNH	PHU	24/09/93	DH12CD															
47	12130244	LÊ QUỐC	PHÚ	01/11/94	DH12DT															
48	12116355	VÕ DUY	PHÚC	25/06/94	DH12NT															
49	12120559	NGUYỄN THỊ KIM	PHỤNG	25/04/94	DH12KT															
50	11130070	NGUYỄN CHÍ	PHƯƠNG	11/05/92	DH11DT															
51	12153011	NGUYỄN VĂN	QUANG	15/04/93	DH12CD															
52	11141130	HUỲNH THÁI	SƠN	08/04/93	DH11NY															
53	12116278	PHẠM HOÀI	SƠN	02/09/94	DH12NY															
54	12155022	NGUYỄN THỊ	TÂM	16/04/94	DH12KN															
55	12117106	TRẦN THỊ THANH	THANH	05/02/94	DH12CT															
56	12153138	ĐOÀN VĂN	THÀNH	03/05/93	DH12CD															
57	12120355	TẠ THỊ THU	THẢO	08/10/94	DH12KM															
58	12154182	PHAN DUY	THẮM	12/11/94	DH12OT															
59	12137041	ĐOÀN NHẬT	THẮNG	11/12/94	DH12NL															
60	12153012	LÂM MINH	THẮNG	30/10/93	DH12CD															
61	12363156	NGUYỄN THỊ NGỌC	THU	02/09/92	CD12CA															
62	12138129	NGUYỄN CÔNG	THUẬN	29/01/94	DH12TD															
63	12120138	HỒ THỊ	THƯƠNG	26/12/94	DH12KM															
64	11116119	BÙI MINH	TOÀN	16/08/93	DH11NT															
65	12137058	NGÔ HỮU	TOÀN	22/10/94	DH12NL															
66	12153150	NGUYỄN DƯ	TOÀN	30/03/94	DH12CD															
67	12118095	DƯƠNG CÔNG	TRẠCH	04/11/93	DH12CK															
68	12154018	NGUYỄN VĂN	TRẠNG	08/11/94	DH12OT															
69	12120024	LÊ THỊ QUỲNH	TRÂM	24/02/94	DH12KT															
70	12120534	NGUYỄN PHƯƠNG	TRINH	10/11/94	DH12KM															
71	12122256	PHẠM HỒNG	TRÌNH	11/09/92	DH12QT															
72	12155066	VÕ QUỐC	TRUNG	17/02/93	DH12KN															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Quản trị học (208416) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Lê ánh Tuyết (629)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	12153014	CAO MINH	TÚ	04/07/94	DH12CD															
74	12130122	ĐỖ THANH	TÙNG	01/10/94	DH12DT															
75	12120445	BÙI THỊ	TUYẾT	09/02/94	DH12KM															
76	10130900	PHẠM BÁ	VINH	13/04/91	DH11QT															
77	12116242	VĂN TRỌNG	VINH	20/06/94	DH12NT															
78	12153164	VÕ XUÂN	VINH	01/08/94	DH12CD															
79	12153166	VŨ MINH	VƯƠNG	19/05/94	DH12CD															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Quản trị học (208416) - Nhóm 06 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Lê ánh Tuyết (629)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	12122001	LÊ ĐỨC	AN	16/05/94	DH12QT															
2	12138011	NGÔ NHẬT	ANH	12/04/94	DH12TD															
3	12154076	NGUYỄN LÊ TÚ	ANH	30/03/94	DH12OT															
4	09112008	TẶNG LÝ	ANH	09/12/91	DH09TY															
5	12154034	TRẦN TUẤN	ANH	28/04/94	DH12OT															
6	12153022	VÕ CÔNG TUẤN	ANH	05/09/94	DH12CD															
7	12138017	TRẦN ĐỨC	BẢO	17/01/94	DH12TD															
8	12120218	SÔ Y	BÁO	15/05/93	DH12KT															
9	12117002	NGUYỄN VĂN	BÌNH	28/01/94	DH12CT															
10	12138001	NGUYỄN TRƯỜNG	CHINH	29/08/94	DH12TD															
11	12153002	NGUYỄN TUẤN	CHỈNH	11/01/94	DH12CD															
12	12153036	HỨA THANH	CHUNG	28/07/93	DH12CD															
13	12120397	LÊ THỊ	CHUNG	25/03/93	DH12KT															
14	12155075	NGỌC TRIỆU	CƯỜNG	05/01/93	DH12KN															
15	10111048	NGUYỄN THỊ	DIỄM	02/07/92	DH10CN															
16	12153042	NGÔ ANH	DŨNG	17/07/92	DH12CD															
17	12154039	TRẦN TIẾN	DŨNG	31/08/94	DH12OT															
18	11123004	TRƯƠNG KHẮC	DUY	11/08/92	DH11KE															
19	12155068	NGUYỄN THANH	DƯƠNG	02/09/94	DH12KN															
20	12116026	NGUYỄN VĂN	DƯƠNG	07/06/94	DH12NT															
21	12154075	NGUYỄN TẤT	ĐẠT	17/09/94	DH12OT															
22	11153016	TRẦN THANH HIẾU	ĐỂ	07/10/93	DH11CD															
23	12155125	TRẦN QUANG	ĐỘ	19/06/94	DH12KN															
24	10111010	NGUYỄN NGỌC PI GIA	ĐÔN	27/08/92	DH10CN															
25	12120002	NGUYỄN VĂN	ĐỨC	25/10/94	DH12KT															
26	12117161	NGUYỄN MẠNH	ĐƯỜNG	15/01/94	DH12CT															
27	12118111	LÊ MINH	HẢI	21/02/94	DH12CC															
28	12117054	TRÀ THỊ HỒNG	HẠNH	01/01/94	DH12CT															
29	12120283	TRẦN THỊ MỸ	HẠNH	10/07/94	DH12KM															
30	12120282	NGUYỄN ĐỨC	HÀO	21/09/93	DH12KM															
31	12138117	NGUYỄN VĂN	HÀO	30/05/94	DH12TD															
32	12155034	LÊ CÔNG	HẬU	12/08/93	DH12KN															
33	12120336	PHAN THỊ BÍCH	HOA	02/01/94	DH12KT															
34	10112290	PHAN THỊ	HÒA	02/10/92	DH10CN															
35	11153007	UNG MINH	HOAN	05/08/93	DH11CD															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Quản trị học (208416) - Nhóm 06 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Lê ánh Tuyết (629)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	12153079	VÕ VĂN HUY	HOÀNG	27/02/94	DH12CD															
37	12154110	TRẦN DUY	HÙNG	20/06/94	DH12OT															
38	12154107	HỒ CÔNG	HUY	26/08/94	DH12OT															
39	12137021	PHẠM ĐỨC	HUY	15/01/94	DH12NL															
40	12153176	ĐOÀN TỐ	HỮU	10/11/94	DH12CD															
41	12123223	TRẦN CHÍ	KHANG	27/10/92	DH12KE															
42	12138121	LÊ PHÚC	KHÁNH	04/03/94	DH12TD															
43	12154120	BÙI NGỌC	KHOA	21/02/94	DH12OT															
44	12120083	PHAN THỊ	LÀI	20/09/94	DH12KM															
45	12120220	ĐINH VĂN	LÂM	27/11/91	DH12KT															
46	12138062	TĂNG VÕ	LÂM	04/12/94	DH12TD															
47	12117008	NGUYỄN VĂN	LIẾT	20/10/94	DH12CT															
48	10154074	BÙI THANH	LINH	02/11/88	DH10OT															
49	12123235	NGUYỄN THỊ NGỌC	LINH	21/10/94	DH12KE															
50	12122164	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	24/11/94	DH12QT															
51	12122079	LÊ PHÚC	LỘC	22/05/94	DH12QT															
52	12154239	NGUYỄN VĂN	LUẬN	29/01/94	DH12OT															
53	12155042	THÂN THANH	MAI	02/01/93	DH12KN															
54	12123143	TRẦN THỊ TUYẾT	MAI	26/03/94	DH12KE															
55	12130312	PHẠM KHÁNH	MINH	04/09/94	DH12DT															
56	12138122	NGUYỄN THANH	MỸ	16/09/93	DH12TD															
57	12120589	NGUYỄN THỊ THÙY	MỴ	07/02/94	DH12KM															
58	12120590	LÊ THỊ THANH	NA	19/07/94	DH12KM															
59	12120519	KIỀU MINH	NAM	10/11/94	DH12KM															
60	12120010	PHAN HOÀNG	NAM	27/05/94	DH12KM															
61	12120034	TRẦN THỊ	NGA	17/02/94	DH12KT															
62	12120524	PHAN THỊ KIM	NGÂN	14/09/94	DH12KM															
63	12116084	NGUYỄN LÊ TRỌNG	NGHĨA	13/12/94	DH12NT															
64	12138123	NGUYỄN TẤN	NGHIÊM	25/04/94	DH12TD															
65	12154144	TRẦN XUÂN	NGỌC	09/08/94	DH12OT															
66	12130341	NGÔ QUÝ	NGỪNG	29/06/94	DH12DT															
67	12154146	PHAN TRỌNG	NHÂM	03/08/92	DH12OT															
68	12154138	MAI THÀNH	NHÂN	18/09/93	DH12OT															
69	12130019	LÊ MINH	NHẬT	27/03/94	DH12DT															
70	10116091	NGUYỄN MINH	NHẬT	06/05/92	DH10NT															
71	12130020	NGUYỄN MINH	NHẬT	10/09/94	DH12DT															
72	12120416	NGUYỄN YẾN	NHI	04/12/94	DH12KM															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Quản trị học (208416) - Nhóm 06 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Lê ánh Tuyết (629)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	12120196	PHẠM THỊ TUYẾT	NHI	19/06/94	DH12KT															
74	12155096	PHẠM HUỲNH	NHƯ	09/04/94	DH12KN															
75	12120460	THÁI THỊ	OANH	20/01/94	DH12KT															
76	12154152	NGUYỄN TẤN	PHÁT	24/04/93	DH12OT															
77	12115150	PHẠM CÔNG	PHÚ	18/07/94	DH12OT															
78	12137054	BÙI VĂN	PHÚC	24/03/94	DH12NL															
79	12154020	HUỲNH THANH	PHÙNG	12/04/94	DH12OT															
80	12118114	TÔ NGỌC	QUANG	04/04/94	DH12CC															
81	12154173	LÊ VĂN	SƠN	20/10/93	DH12OT															
82	12130188	HUỲNH NHẬT	TÀI	12/01/94	DH12DT															
83	12120217	DƯƠNG THỊ THANH	TÂM	18/01/93	DH12KT															
84	12120323	BÙI NGỌC	THẢO	29/06/94	DH12KM															
85	12363242	VÕ THỊ	THẢO	19/11/94	CD12CA															
86	12117114	TRẦN THỊ HỒNG	THẮM	16/12/94	DH12CT															
87	12137042	NGUYỄN VĂN	THẮNG	26/11/93	DH12NL															
88	12137043	BÙI VĂN	THẾ	07/06/93	DH12NL															
89	12116171	THẠCH THỊ SÔ	THI	03/09/94	DH12NT															
90	12120219	NAY	THIÊN	29/02/92	DH12KT															
91	12130240	TRẦN QUỐC	THỊNH	/ /94	DH12DT															
92	12120130	TRIỆU THỊ	THU	08/08/94	DH12KM															
93	12120601	NGUYỄN THỊ MỘNG	THÙY	09/05/94	DH12KM															
94	12120271	NGUYỄN THỊ THANH	THỦY	16/02/94	DH12KM															
95	12120563	PHẠM THỊ NHƯ	THỦY	06/06/94	DH12KM															
96	12120135	TRẦN THỊ THU	THỦY	16/04/94	DH12KT															
97	12120527	LÊ THỊ THANH	THÚY	05/09/94	DH12KM															
98	12123180	NGUYỄN VÂN ANH	THƯ	05/04/94	DH12KE															
99	10123188	NGUYỄN THANH	THƯƠNG	18/01/92	DH10KE															
100	12155036	CAO LÊ HOÀNG	THY	05/05/93	DH12KN															
101	12118097	LONG QUỐC	TIẾN	16/01/94	DH12CK															
102	12122063	HÀ THỊ	TRANG	13/06/94	DH12QT															
103	12120216	NÔNG THỊ	TRANG	28/04/93	DH12KT															
104	12117128	TRẦN HUỲNH YẾN	TRANG	10/01/94	DH12CT															
105	12120440	VÕ NGỌC	TRÂN	28/10/94	DH12KM															
106	12155156	NGUYỄN THỊ NGỌC	TRINH	08/06/94	DH12KN															
107	12118006	NGUYỄN VĂN	TRỌNG	18/03/94	DH12CK															
108	12116230	PHẠM HIẾU	TRỌNG	28/08/94	DH12KS															
109	12120298	NGUYỄN THỊ ÁNH	TRÚC	15/02/94	DH12KT															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Quản trị học (208416) - Nhóm 06 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Lê ánh Tuyết (629)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
110	12137051	PHẠM ANH	TUẤN	14/09/94	DH12NL															
111	12118099	TẠ QUANG	TUẤN	03/05/94	DH12CC															
112	12118101	NGUYỄN THANH	TÙNG	16/02/94	DH12CC															
113	12153123	THIỀU DUY	TÙNG	01/07/94	DH12CD															
114	12120160	TRẦN THỊ THU	UYÊN	18/10/94	DH12KM															
115	11123168	MAI ĐỖ TƯỜNG	VI	01/06/93	DH11KE															
116	12138008	TRẦN LÊ TUẤN	VŨ	14/05/94	DH12TD															
117	12154013	LÝ KIM	XÁI	27/10/94	DH12OT															
118	12123215	NGUYỄN THỊ HẢI	YẾN	28/02/94	DH12KE															
119	12120602	TRẦN THỊ KIM	YẾN	08/11/92	DH12KM															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Quản trị học (208416) - Nhóm 08 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Lê ánh Tuyết (629)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	12154022	BÙI NGỌC	AN	26/12/94	DH12OT															
2	10130901	LÊ VĂN	BÌNH	/ /	DH12QT															
3	12120047	NGUYỄN LƯU	BÌNH	25/11/94	DH12KT															
4	09112014	VÕ ĐÌNH	CẦU	09/03/91	DH09TY															
5	12120396	TRẦN MINH	CHIẾN	27/03/92	DH12KM															
6	09153043	NGUYỄN TẤN	CƯỜNG	21/08/91	DH09CD															
7	12130273	NGUYỄN HỮU	DANH	17/02/94	DH12DT															
8	12344140	LƯƠNG VĂN	DUY	10/07/94	CD12CI															
9	12120029	LÝ THANH	DUY	13/01/94	DH12KT															
10	12120058	NGUYỄN VIÊN THÁI	DƯƠNG	02/04/94	DH12KT															
11	12153048	TRẦN VĂN	ĐẠT	13/01/94	DH12CD															
12	11153038	LÊ HẢI	ĐĂNG	26/04/93	DH11CD															
13	10153060	TRƯƠNG VĂN	ĐIỀN	24/02/92	DH10CD															
14	12120060	LÔ THỊ	ĐIỆP	05/02/94	DH12KM															
15	12120400	ĐỒNG ĐƠN	ĐỊNH	24/07/94	DH12KM															
16	12120401	NGUYỄN QUỐC TRẦN	ĐỨC	15/10/93	DH12KM															
17	12131087	LA CHÍ	ĐƯƠNG	/ /94	DH12CH															
18	11116100	PHẠM TRƯỜNG	GIANG	16/03/93	DH11NT															
19	12118104	TRẦN ĐỨC	GIÁP	13/06/94	DH12CK															
20	12122283	TRẦN THỊ THANH	HÀ	25/08/94	DH12QT															
21	12153065	TRẦN VĂN	HÀNH	02/03/94	DH12CD															
22	12120259	HÀ THỊ CẨM	HẰNG	06/08/94	DH12KM															
23	12120583	HOÀNG VĂN	HẬU	06/08/94	DH12KM															
24	12154112	NGUYỄN CÔNG	HẬU	05/02/94	DH12OT															
25	12153168	PHAN PHỤNG	HIỆP	10/10/94	DH12CD															
26	12154222	LÊ QUANG	HÒA	15/05/94	DH12OT															
27	12153037	NGUYỄN AN	HOÀI	22/12/94	DH12CD															
28	11142144	NGUYỄN KIỀU	HOÀI	28/09/93	DH11DY															
29	12138049	NGUYỄN TRỌNG	HOÀN	16/11/94	DH12TD															
30	12123027	ĐẶNG HỮU	HÙNG	15/08/94	DH12KE															
31	12138053	VŨ QUANG	HÙNG	13/09/93	DH12TD															
32	12118030	NGUYỄN VIẾT	HUY	06/09/94	DH12CC															
33	12116056	HOÀNG VĂN	HƯNG	06/09/94	DH12NY															
34	12130071	NGUYỄN ĐÔNG	HƯNG	08/05/94	DH12DT															
35	12118084	TRẦN QUANG	HƯNG	20/10/94	DH12CC															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Quản trị học (208416) - Nhóm 08 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Lê ánh Tuyết (629)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	11120005	DƯƠNG THỊ MỸ	HƯƠNG	17/06/93	DH11KT															
37	12120387	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	19/11/94	DH12KM															
38	12120082	NGUYỄN THỊ NGỌC	LA	05/08/94	DH12KM															
39	12116005	LÂM HOÀNG	LAI	17/07/94	DH12NY															
40	12116067	CAO VĂN	LÀNH	09/09/94	DH12NT															
41	12137007	VŨ ĐÌNH	LỊCH	09/02/94	DH12NL															
42	12111141	LÊ ĐỖ THANH	LIÊM	12/11/94	DH12CN															
43	12120351	LÊ THỊ NHƯ	LIÊN	14/01/94	DH12KT															
44	12120084	NGUYỄN THỊ THÙY	LIÊN	24/11/94	DH12KM															
45	12155076	NGUYỄN THỊ THÚY	LIỂU	01/01/94	DH12KN															
46	12120191	LÊ THỊ MỘNG	LINH	26/02/94	DH12KT															
47	12344078	TRẦN ĐỨC	LONG	28/04/94	CD12CI															
48	09111024	NGUYỄN THÀNH	LUÂN	14/03/91	DH09CN															
49	12118062	VÕ THANH	MỆNH	24/11/94	DH12CC															
50	12118008	LƯƠNG HỮU	MINH	13/02/94	DH12CC															
51	12120275	TẠ SIÊU	MINH	16/08/93	DH12KM															
52	07112152	LÊ THỊ KIM	MỚI	/ /88	DH08TY															
53	12118063	LÊ MINH	NAM	02/02/93	DH12CC															
54	12120398	NGUYỄN THỊ CHỨC	NĂNG	11/05/93	DH12KM															
55	10150045	NGUYỄN THỊ THANH	NGA	03/02/91	DH10TM															
56	12116079	ĐẶNG THỊ KIM	NGÂN	13/02/94	DH12NY															
57	12116082	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	23/04/94	DH12NT															
58	12116085	VÕ VĂN	NGHĨA	23/12/93	DH12NT															
59	12120013	BÙI THỊ ÁNH	NGUYỆT	26/12/94	DH12KM															
60	12116088	ĐẶNG THÀNH	NHÂN	20/06/94	DH12NT															
61	12120557	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	24/10/94	DH12KM															
62	12120558	NGUYỄN TẤT	NHIÊN	28/08/94	DH12KM															
63	11155040	HUỲNH	NHƯ	01/07/93	DH11KN															
64	12116373	LÊ THẢO	NHƯ	14/05/94	DH12NY															
65	12122306	NGUYỄN THỊ THÚY	NHY	01/07/94	DH12QT															
66	12344100	PHẠM QUỲNH	NINH	04/07/94	CD12CI															
67	12130093	TRẦN HƯNG	PHONG	02/01/94	DH12DT															
68	12120245	K' ANH	PHÚC	07/10/93	DH12KM															
69	12120115	MAI THỊ KIM	PHỤNG	19/08/94	DH12KM															
70	12154163	ĐÀO THANH	PHƯỚC	17/10/94	DH12OT															
71	12120487	BÙI HIỀN	QUYÊN	20/05/94	DH12KM															
72	12120462	LÊ THẢO	QUYÊN	08/09/94	DH12KT															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Quản trị học (208416) - Nhóm 08 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Lê ánh Tuyết (629)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	12120452	NGUYỄN THỊ KIM	SA	06/09/94	DH12KT															
74	11142093	VÕ VĂN	SON	22/02/93	DH11DY															
75	12138091	LÊ VIỆT	SƠN	30/03/94	DH12TD															
76	10122138	TRẦN THỊ THANH	TÂM	28/11/92	DH10QT															
77	12112200	NGUYỄN ĐỨC	THÀNH	18/07/94	DH12TY															
78	12120560	NGUYỄN THỊ	THẢO	06/02/94	DH12KM															
79	09112153	PHẠM THỊ	THẢO	27/01/91	DH09TY															
80	11153037	PHAN HIỀN	THẢO	20/03/93	DH11CD															
81	12120403	TRẦN THỊ	THẢO	10/05/93	DH12KM															
82	12153144	LƯU THẾ	THẮNG	14/06/94	DH12CD															
83	12130028	PHAN MINH	THIỆN	27/08/94	DH12DT															
84	12153183	TRẦN THANH	THOA	22/06/94	DH12CD															
85	12344126	VÕ	THƠM	18/09/94	CD12CI															
86	10143078	VÕ NGUYÊN	THỦY	21/12/92	DH10KM															
87	12120604	PHAN THANH	THÚY	22/09/94	DH12KM															
88	12155101	LÊ NGỌC ANH	THƯ	24/01/94	DH12KN															
89	12123079	PHAN THỊ THANH	THƯƠNG	26/11/94	DH12KE															
90	12120303	ĐẶNG THỊ CẨM	TIÊN	10/10/94	DH12KM															
91	12122238	LÊ THỊ CẨM	TIÊN	29/07/93	DH12QT															
92	12120251	NGUYỄN TRỊNH	TIỀN	27/12/93	DH12KM															
93	12153013	TRẦN MINH	TIẾN	19/01/94	DH12CD															
94	12120350	VŨ THỊ HẢI	TRANG	28/12/94	DH12KM															
95	10143091	LÊ	TRỌNG	08/08/92	DH10KM															
96	12120032	HUỲNH THẾ	TRUNG	11/07/94	DH12KT															
97	12154111	MAI BẢO	TRUNG	24/05/92	DH12OT															
98	09111046	NGUYỄN THANH	TUẤN	23/09/91	DH09CN															
99	12116365	NGUYỄN THANH	TUẤN	23/01/94	DH12NT															
100	12120037	NGUYỄN THỊ	TUYẾT	06/06/94	DH12KM															
101	11116052	NGUYỄN THỊ TRÚC	TY	08/12/93	DH11NT															
102	12120458	BẠCH THỊ TƯỜNG	VI	01/10/93	DH12KM															
103	12118103	TỐNG THANH	VINH	06/06/94	DH12CC															
104	11141003	LÂM THANH	VỦ	15/11/91	DH11NY															
105	12116018	LÊ THỊ	XUÂN	02/09/94	DH12NY															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Quản trị học (208416) - Nhóm 11 Số Tín Chỉ: 2
CBGD TS. Trần Đắc Dân (321)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	12130185	TRẦN VĂN	ĐỨC	20/07/94	DH12DT															
2	12120612	LÊ NHƯ	HÂN	28/05/94	DH12KM															
3	12120468	BÙI XUÂN	HÒA	18/04/94	DH12KT															
4	12120584	NGUYỄN THỊ	HOÀI	26/11/93	DH12KM															
5	12120532	TRẦN HOÀNG	KHANG	19/06/93	DH12KT															
6	12122027	BÙI MINH	KIỆT	20/10/94	DH12QT															
7	12118058	NGUYỄN TẤN	LỘC	12/01/94	DH12CC															
8	12120475	TRẦN NGỌC BÌNH	MINH	18/06/94	DH12KM															
9	12120098	PHẠM PHÙNG TIỂU	MY	28/02/94	DH12KM															
10	12120362	ĐỖ LƯƠNG NHƯ	NGỌC	10/10/94	DH12KM															
11	12120103	LÝ KIM	NGUYÊN	04/09/94	DH12KT															
12	12120425	NGUYỄN MINH	NGUYÊN	22/07/94	DH12KM															
13	10112140	PHẠM HỮU	PHƯỚC	06/08/92	DH10TY															
14	08153021	TRẦN THANH	QUẤT	09/06/90	DH08CD															
15	11112188	TRẦN VŨ	SINH	06/10/93	DH11TY															
16	12120490	ĐẶNG THỊ THU	THẢO	01/09/94	DH12KM															
17	12120489	NGUYỄN THỊ THU	THẢO	09/03/94	DH12KT															
18	12154021	TRẦN VĂN	THẮNG	16/08/94	DH12OT															
19	12153141	TRẦN NGỌC	THẮNG	17/03/94	DH12CD															
20	12155136	NGUYỄN LÊ MINH	THÙY	15/03/94	DH12KN															
21	12120515	BÙI THỊ	THỦY	23/11/94	DH12KM															
22	12120133	TRẦN THỊ	THUÝ	01/11/94	DH12KM															
23	12120605	HUỲNH KIM	THƯ	12/01/94	DH12KT															
24	12120438	NGUYỄN MINH	THƯ	29/09/94	DH12KM															
25	08112271	THÁI LÊ ANH	THƯ	01/11/90	DH08TY															
26	12116249	NGUYỄN THỊ CẨM	TIÊN	14/03/94	DH12NY															
27	12130345	NGUYỄN AN	TOÀN	30/01/94	DH12DT															
28	12154154	KIM THANH	TUẤN	12/03/93	DH12OT															
29	12120163	TRỊNH BÍCH	VÂN	01/04/94	DH12KT															
30	12120326	ĐÀO THỊ MINH	VY	27/04/94	DH12KM															
31	12155159	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	YẾN	/ /94	DH12KN															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Quản trị học (208416) - Nhóm 13 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Lê Thành Hưng (563)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	12154181	HOÀNG LÊ	ANH	18/03/93	DH12OT															
2	12154223	LÊ CÔNG TUẤN	ANH	09/07/94	DH12OT															
3	10116003	MAI THỊ VÂN	ANH	05/02/92	DH10NT															
4	12130254	NGUYỄN THẾ	ANH	11/10/94	DH12DT															
5	12155001	ĐÔNG THỊ NGỌC	ẨN	28/03/94	DH12KN															
6	10121010	NGUYỄN PHƯỚC	BẢN	22/04/91	DH10PT															
7	12154030	LÊ QUỐC	BẢO	11/07/94	DH12OT															
8	11141104	TRẦN THỊ KIM	BÍCH	27/11/93	DH11NY															
9	12154190	TRẦN VĂN	CHINH	/04/94	DH12OT															
10	12154051	NGUYỄN ĐÌNH QUỐC	CHÍNH	21/11/89	DH12OT															
11	12344022	NGUYỄN HOÀNG	CÔNG	29/01/94	CD12CI															
12	12154225	LÊ MINH	CƯỜNG	07/02/94	DH12OT															
13	12130006	NGUYỄN VŨ	DOANH	01/01/94	DH12DT															
14	12155129	HỒ THỊ CẨM	DUNG	08/02/94	DH12KN															
15	12154063	BÙI THÀNH	DUY	30/03/93	DH12OT															
16	12344059	DƯƠNG QUỐC	DUY	17/09/94	CD12CI															
17	12137015	LÊ VĂN	DUY	07/12/94	DH12NL															
18	12154060	NGUYỄN THÁI	DUY	20/11/94	DH12OT															
19	12122117	PHAN BÍCH	DUYÊN	06/11/93	DH12TC															
20	12154094	ĐẶNG HẢI MINH	DƯƠNG	13/01/94	DH12OT															
21	12154067	NGUYỄN MINH	DƯƠNG	10/02/94	DH12OT															
22	12154069	BÙI THÀNH	ĐÁO	/ /94	DH12OT															
23	12154055	LÂM HỒNG	ĐẠT	24/10/94	DH12OT															
24	12130168	NGUYỄN THÀNH	ĐỒNG	09/04/93	DH12DT															
25	12138068	LÊ HOÀNG	ĐỦ	07/05/94	DH12TD															
26	12154215	BÙI ĐỨC	GIANG	08/11/94	DH12OT															
27	12154004	HỒ ĐỨC	HẠNH	01/02/94	DH12OT															
28	12154227	HỒ THANH	HẬU	12/05/93	DH12OT															
29	12154048	TRẦN TRUNG	HẬU	29/01/94	DH12OT															
30	12154092	NGUYỄN ĐỨC	HIỀN	24/01/92	DH12OT															
31	12154229	HỒ VĂN	HIỂN	10/06/93	DH12OT															
32	12154005	LÊ TẤN	HOÀN	13/09/94	DH12OT															
33	12155095	LƯU MINH	HOÀNG	08/12/93	DH12KN															
34	12138098	PHAN HUY	HOÀNG	12/05/94	DH12TD															
35	12154006	VI VIỆT	HOÀNG	13/03/94	DH12OT															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Quản trị học (208416) - Nhóm 13 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Lê Thành Hưng (563)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	12154231	THÁI XUÂN	HUY	30/08/94	DH12OT															
37	12120514	HUỲNH THỊ HUẾ	HƯƠNG	01/05/94	DH12KM															
38	12120507	VÕ THỊ DIỄM	HƯƠNG	04/09/94	DH12KM															
39	12138056	PHẠM NGỌC	KHA	18/12/94	DH12TD															
40	12154015	NGUYỄN THIÊN	KHẢI	07/06/94	DH12OT															
41	12154117	NGUYỄN DUY	KHANH	07/11/93	DH12OT															
42	12153074	TRẦN TRỌNG	KHIÊM	21/11/94	DH12CD															
43	12344198	CAI TRUNG	KIỆT	20/01/93	CD12CI															
44	12120389	ĐỖ THỊ MỸ	LỆ	13/04/94	DH12KM															
45	12122170	HUỲNH THỊ ĐỨC	LỘC	10/06/94	DH12QT															
46	12154142	NGUYỄN DOÃN	LỘC	10/02/94	DH12OT															
47	12344084	NGUYỄN NHƯ	LUÂN	03/09/93	CD12CI															
48	12154240	NGUYỄN THANH	LƯƠNG	02/01/94	DH12OT															
49	12153086	TRẦN ĐÌNH	MINH	02/10/94	DH12CD															
50	12155151	NGUYỄN THỊ	MỘNG	26/02/94	DH12KN															
51	12154113	LÊ ĐẠI	NGHĨA	10/11/94	DH12OT															
52	10122107	NGUYỄN THỊ	NGUYỆT	16/08/92	DH10QT															
53	12153087	HỒ VĂN	NHÂN	12/08/94	DH12CD															
54	10116087	TRẦN HOÀI	NHÂN	04/09/92	DH10NT															
55	12154122	NGUYỄN XUÂN	PHONG	24/03/94	DH12OT															
56	12153128	LÊ HỒNG	PHÚC	18/10/94	DH12CD															
57	12154090	TRẦN HỮU	PHƯỢNG	05/05/94	DH12OT															
58	12154167	NGUYỄN VĂN	QUẢ	20/12/94	DH12OT															
59	12154164	TRẦN XUÂN	QUANG	12/09/94	DH12OT															
60	10112146	NGUYỄN THỊ	QUẾ	20/05/92	DH10TY															
61	12130227	NGUYỄN BẢO	QUỐC	25/09/94	DH12DT															
62	12154235	NGUYỄN ĐÌNH	QUÝ	16/06/94	DH12OT															
63	12120294	NGUYỄN THỊ XUYÊN	QUÝ	11/12/94	DH12KT															
64	12154008	NGUYỄN CHỨC	QUYỀN	24/10/94	DH12OT															
65	12154089	NGUYỄN VĂN	SANG	02/02/94	DH12OT															
66	12154171	TRƯƠNG MINH	SANG	07/10/93	DH12OT															
67	12118082	LÊ VĂN	SƠN	16/07/94	DH12CK															
68	12154109	TRẦN QUỐC	SƠN	25/06/94	DH12OT															
69	12154236	TRỊNH THANH	SƠN	18/07/94	DH12OT															
70	12137038	VÕ DUY	SƠN	01/01/93	DH12NL															
71	12344197	NGUYỄN THÀNH	TÂM	04/10/93	CD12CI															
72	12154238	PHAN VĂN	TÂM	22/03/94	DH12OT															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Quản trị học (208416) - Nhóm 13 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Lê Thành Hưng (563)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	12154132	NGUYỄN MINH	TÂN	23/02/94	DH12OT															
74	12120285	PHAN NGUYỄN NHỰT	TÂN	01/05/94	DH12KM															
75	12154246	NGUYỄN THÀNH	TẤN	25/06/93	DH12OT															
76	12153136	LÊ VĂN	THÀNH	22/09/94	DH12CD															
77	10112164	NGUYỄN ĐỨC	THÀNH	22/08/92	DH10TY															
78	12154180	NGUYỄN VĂN	THÀNH	24/06/93	DH12OT															
79	12153143	PHẠM QUỐC	THẮNG	20/01/94	DH12CD															
80	12138041	LÊ TRỌNG	THỂ	22/07/94	DH12TD															
81	12154185	NGUYỄN VĂN	THIỆN	20/03/93	DH12OT															
82	12149446	LÂM PHÚC	THỊNH	13/01/94	DH12QM															
83	12154187	NGUYỄN QUỐC	THỊNH	03/02/94	DH12OT															
84	12154253	VÕ VĂN	THỐNG	20/02/94	DH12OT															
85	12344192	NGUYỄN VĂN	THỜI	08/12/93	CD12CI															
86	12120608	NGÔ THỊ	THÚY	12/05/94	DH12KT															
87	12155145	LƯƠNG KIM	THƯ	01/07/94	DH12KN															
88	09118018	NGUYỄN TẤN	TÍN	18/04/91	DH09CK															
89	12154199	NGUYỄN THANH	TÒNG	10/04/94	DH12OT															
90	12120150	VÕ THỊ NGỌC	TRÂM	24/04/94	DH12KM															
91	10116147	VŨ VIẾT	TRÍ	19/02/91	DH10NT															
92	12154065	ĐINH LÊ HOÀNG	TUẤN	04/04/94	DH12OT															
93	12154129	NGUYỄN QUỐC	TUẤN	21/02/93	DH12OT															
94	12344151	TRẦN MẠNH	TƯỜNG	24/05/94	CD12CI															
95	12130262	TRẦN THỊNH	VƯỢNG	12/09/94	DH12DT															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Quản trị học (208416) - Nhóm 14 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Lê ánh Tuyết (629)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	11121011	BÙI HỮU	ÁI	06/10/92	DH11KT															
2	13122007	NGUYỄN THỊ NHƯ	ÁI	27/07/95	DH13QT															
3	13122002	HOÀNG	ANH	21/09/95	DH13QT															
4	13122003	HOÀNG THỊ QUỲNH	ANH	27/10/95	DH13QT															
5	13122236	LƯƠNG	ANH	05/05/95	DH13QT															
6	13122004	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	ANH	02/01/95	DH13QT															
7	13122005	NGUYỄN THỊ	ANH	10/06/95	DH13QT															
8	13122006	NGUYỄN THỊ KIM	ANH	26/01/95	DH13QT															
9	13122008	TRƯƠNG THỊ NGỌC	ÁNH	25/08/95	DH13QT															
10	13122009	HỒ KIM	ÂN	05/11/95	DH13QT															
11	13122011	UÔNG VĂN VIỆT	BẮC	03/05/95	DH13QT															
12	13122241	NGUYỄN ĐÌNH	BẰNG	06/08/95	DH13QT															
13	13122012	PHẠM QUANG	BÌNH	12/11/95	DH13QT															
14	13122013	LÊ PHƯƠNG QUẾ	CHI	15/05/95	DH13QT															
15	13122014	NGUYỄN HÀ PHƯƠNG	CHI	22/01/95	DH13QT															
16	13122018	LÊ THỊ NGỌC	DIỄM	10/04/90	DH13QT															
17	13122019	VŨ HOÀNG NGỌC	DIỄM	01/01/95	DH13QT															
18	13122021	NGUYỄN TUYẾT THÙY	DIỆU	29/11/95	DH13QT															
19	13122022	PHAN THANH	DIỆU	21/06/95	DH13QT															
20	13122023	PHAN THỊ THÙY	DUNG	31/12/95	DH13QT															
21	13122024	TRẦN	DUY	22/02/95	DH13QT															
22	13122026	LƯƠNG THỊ	DUYÊN	26/05/95	DH13QT															
23	13122028	NGUYỄN THỊ NGỌC	DUYÊN	29/09/95	DH13QT															
24	13122029	PHẠM THỊ NGỌC	DUYÊN	11/09/95	DH13QT															
25	13122031	NGUYỄN THỊ THÙY	DƯƠNG	16/07/95	DH13QT															
26	13122032	NGUYỄN THỊ THÙY	DƯƠNG	01/07/95	DH13QT															
27	13122033	NGUYỄN THỊ THÙY	DƯƠNG	22/08/94	DH13QT															
28	13122034	PHẠM VĂN TÙNG	DƯƠNG	26/02/95	DH13QT															
29	13122038	PHẠM THỊ	ĐƯỢC	10/10/95	DH13QT															
30	10112034	PHẠM THỊ CẨM	GIANG	11/09/92	DH10TY															
31	13122039	TỪ VÕ HƯƠNG	GIANG	31/03/95	DH13QT															
32	13122041	LÊ CHÍ	HẢI	10/09/94	DH13QT															
33	13122042	PHÚ VĂN	HẢI	20/04/93	DH13QT															
34	13122044	HOÀNG THỊ HỒNG	HẠNH	30/01/95	DH13QT															
35	13122046	VŨ THỊ	HẠNH	15/01/95	DH13QT															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Quản trị học (208416) - Nhóm 14 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Lê ánh Tuyết (629)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	13122047	VŨ THỊ MỸ	HẠNH	01/09/95	DH13QT															
37	13122043	THÁI THỊ NHƯ	HẢO	24/10/95	DH13QT															
38	13122048	BÙI THỊ THU	HẰNG	10/04/95	DH13QT															
39	13122049	PHẠM NGỌC	HẰNG	31/03/95	DH13QT															
40	13122050	ĐINH THỊ THU	HIỀN	02/11/94	DH13QT															
41	13122052	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	06/09/95	DH13QT															
42	13122053	PHẠM THỊ HỒNG	HIẾU	24/09/95	DH13QT															
43	13122054	HÀ VĂN	HOÀNG	07/08/95	DH13QT															
44	13122057	HỒ THỊ	HUỆ	10/01/95	DH13QT															
45	12153105	QUÁCH TRỌNG	HUY	28/12/94	DH12CD															
46	13122060	ĐỖ NGUYỄN NHƯ	HUYỀN	16/11/95	DH13QT															
47	13122061	NGUYỄN THỊ MỸ	HUYỀN	15/10/95	DH13QT															
48	13122062	BÙI QUỐC	HƯNG	03/01/95	DH13QT															
49	13122063	TRẦN THỊ	HƯƠNG	12/07/95	DH13QT															
50	13122064	TRỊNH THỊ	HƯƠNG	19/07/95	DH13QT															
51	13122066	ĐẶNG AN	KHANG	18/03/95	DH13QT															
52	13122067	HUỲNH LÊ TUẤN	KHANH	01/01/94	DH13QT															
53	13122069	ĐẶNG THỊ	KIỀN	09/07/93	DH13QT															
54	12153092	NGUYỄN ANH	KIỆT	28/02/93	DH12CD															
55	13122070	TRẦN THỦY HOÀNG	LAN	01/05/95	DH13QT															
56	13122071	NGUYỄN THỊ MỸ	LANG	05/08/91	DH13QT															
57	13122073	CHÍ NHỊT	LÀY	16/06/95	DH13QT															
58	13122075	NGÔ HOÀNG PHƯƠNG	LINH	27/05/95	DH13QT															
59	13122076	NGUYỄN BÙI MỸ	LINH	06/04/95	DH13QT															
60	13122077	NGUYỄN THỊ THANH	LINH	10/10/95	DH13QT															
61	13122078	NGUYỄN THỊ TRÚC	LINH	09/07/95	DH13QT															
62	13122082	NGUYỄN THỊ	LOAN	29/04/94	DH13QT															
63	12120420	NGUYỄN THỊ PHƯỢNG	LOAN	31/01/94	DH12KT															
64	12154259	TRẦN KIM	LỘC	27/09/94	DH12OT															
65	13122086	NGUYỄN THỊ TRÚC	LY	07/08/95	DH13QT															
66	13122088	ĐỖ THỊ	MAI	24/12/95	DH13QT															
67	13122090	NGUYỄN THỊ TRÚC	MAI	23/09/95	DH13QT															
68	13122091	NGUYỄN NGỌC	MÃI	06/06/95	DH13QT															
69	13122092	VÕ LÊ NHẬT	MINH	25/08/95	DH13QT															
70	13122093	TRẦN THỊ THU	MƠ	25/01/95	DH13QT															
71	13122094	HUỲNH NGỌC TRÀ	MY	10/10/95	DH13QT															
72	13122095	PHAN CẨM	MỶ	03/05/95	DH13QT															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Quản trị học (208416) - Nhóm 14 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Lê ánh Tuyết (629)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	13122096	HỨA TRIỆU	MỸ	06/04/95	DH13QT															
74	13122097	NGUYỄN THỊ HOA	MỸ	09/12/95	DH13QT															
75	13122098	NGUYỄN THỊ LỆ	MỸ	09/03/95	DH13QT															
76	13122099	HỒ VĂN NGỌC	NAM	15/04/94	DH13QT															
77	13122100	ĐỖ THỊ THIÊN	NGA	02/02/95	DH13QT															
78	13122101	NGUYỄN THỊ THANH	NGÂN	16/09/95	DH13QT															
79	13122102	TRẦN THỊ KIM	NGÂN	06/06/95	DH13QT															
80	13122103	TRẦN THỊ NGỌC	NGÂN	08/06/95	DH13QT															
81	13122105	NGUYỄN THỊ YẾN	NGỌC	17/05/94	DH13QT															
82	13122106	VƯƠNG THỂ	NGỌC	04/12/95	DH13QT															
83	13122107	BÙI TỐ	NGUYÊN	18/08/95	DH13QT															
84	13122108	KIM	NGUYÊN	10/11/95	DH13QT															
85	13122109	LÊ THÁI	NGUYÊN	20/08/95	DH13QT															
86	13122110	NGUYỄN THỊ KIM	NGUYÊN	09/06/95	DH13QT															
87	13122111	AO THỊ MINH	NGUYỆT	29/10/95	DH13QT															
88	13122112	HUỲNH THANH	NHẬT	25/06/95	DH13QT															
89	13122113	NGUYỄN THỊ	NHI	12/11/95	DH13QT															
90	13122115	ĐẶNG THỊ KIM	NHUNG	30/04/95	DH13QT															
91	13122116	LÊ THỊ TUYẾT	NHUNG	28/07/95	DH13QT															
92	13122118	NGUYỄN THỊ HUỲNH	NHƯ	28/12/94	DH13QT															
93	13122120	TRẦN TRỊNH QUỲNH	NHƯ	01/10/95	DH13QT															
94	13122121	ĐỖ THỊ KIM	OANH	26/08/95	DH13QT															
95	13122123	NGUYỄN NGỌC	PHÁT	24/04/95	DH13QT															
96	13122124	TRƯƠNG TẤN	PHÁT	28/07/95	DH13QT															
97	13122125	TRẦN THIÊN	PHÚ	23/08/95	DH13QT															
98	13122126	TẠ HỒNG	PHÚC	15/08/94	DH13QT															
99	13122129	TRẦN HỮU	PHƯỚC	12/12/95	DH13QT															
100	13122127	HUỲNH HUỆ	PHƯƠNG	06/02/95	DH13QT															
101	13122128	TRẦN THỊ ĐÔNG	PHƯƠNG	08/03/94	DH13QT															
102	13122130	NGUYỄN THỊ BÍCH	PHƯỢNG	04/08/95	DH13QT															
103	13122132	HOÀNG MINH	QUÂN	10/09/94	DH13QT															
104	13122133	LƯU HỒNG	QUÂN	03/07/95	DH13QT															
105	13122135	NGUYỄN THỊ HỒNG	QUYÊN	02/06/95	DH13QT															
106	13122136	PHẠM NGUYỄN THẾ	QUYỀN	23/12/93	DH13QT															
107	13122137	HUỲNH ANH	QUỲNH	07/09/95	DH13QT															
108	13122140	THÀNH TÀI NỮ TRÚC	QUỲNH	02/08/95	DH13QT															
109	13122142	NGUYỄN THỊ THANH	TÂM	16/06/95	DH13QT															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Quản trị học (208416) - Nhóm 14 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Lê ánh Tuyết (629)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
110	13122144	NGUYỄN NGỌC	TÂN	12/02/93	DH13QT															
111	12153133	NGUYỄN THANH	TẦN	26/03/93	DH12CD															
112	13122147	TRẦN ANH	TẤN	24/10/95	DH13QT															
113	13122155	DƯƠNG NGỌC	THẠCH	02/10/95	DH13QT															
114	13122148	DƯƠNG CHÍ	THANH	26/12/95	DH13QT															
115	13122152	NGUYỄN TRẦN PHƯƠNG	THẢO	31/03/95	DH13QT															
116	13122153	TRẦN THỊ NGỌC	THẢO	17/04/95	DH13QT															
117	13122156	LÊ THỊ KIM	THẮM	15/02/91	DH13QT															
118	13122157	PHẠM THỊ NHƯ	THẮM	10/01/95	DH13QT															
119	13122158	CAO HUỲNH	THI	17/09/95	DH13QT															
120	13122159	NGUYỄN THỊ NGỌC	THI	28/03/95	DH13QT															
121	13122161	VÕ THỊ YẾN	THI	22/06/95	DH13QT															
122	12153145	TRƯƠNG	THIỆN	24/12/93	DH12CD															
123	12120129	ĐÀO THỊ	THU	02/05/94	DH12KM															
124	13122163	ĐỖ THỊ	THU	05/07/95	DH13QT															
125	13122164	PHẠM THỊ	THU	02/04/95	DH13QT															
126	13122165	PHẠM THỊ LỆ	THU	25/08/95	DH13QT															
127	13122166	TRẦN THỊ NGỌC	THUẬN	28/02/95	DH13QT															
128	13122169	NGUYỄN THỊ NHƯ	THÙY	16/02/91	DH13QT															
129	13122170	NÔNG THỊ BÍCH	THÙY	06/08/95	DH13QT															
130	13122167	LÊ THỊ	THỦY	04/02/95	DH13QT															
131	13122168	VÕ NGUYỄN THU	THỦY	11/01/95	DH13QT															
132	13122172	ĐỖ THỊ NGỌC	THÚY	16/01/95	DH13QT															
133	13122175	PHAN THỊ	THƯƠNG	25/07/95	DH13QT															
134	13122176	TRẦN THỊ	THƯỞNG	07/01/95	DH13QT															
135	13122177	TRẦN THỊ MAI	THY	25/04/95	DH13QT															
136	13122178	NGÔ THỊ PHỤNG	TIÊN	15/08/95	DH13QT															
137	13122179	TRẦN THỊ KIỀU	TIÊN	11/07/95	DH13QT															
138	13122182	NGUYỄN CÔNG	TOẠI	13/02/95	DH13QT															
139	12154197	TRẦN NGỌC	TOÀN	09/12/93	DH12OT															
140	13122183	DƯƠNG THỊ THÙY	TRANG	30/07/95	DH13QT															
141	13122184	NGUYỄN THỊ HỒNG	TRANG	07/02/95	DH13QT															
142	13122187	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	28/09/95	DH13QT															
143	13122188	VÕ NGỌC	TRANG	28/06/95	DH13QT															
144	13122193	PHẠM NGỌC THU	TRÂM	05/12/95	DH13QT															
145	13122194	VŨ THỊ NGỌC	TRÂM	09/03/95	DH13QT															
146	13122195	THỚI CÔNG	TRIỀU	15/01/94	DH13QT															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Quản trị học (208416) - Nhóm 14 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Lê ánh Tuyết (629)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
147	13122197	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠN	TRINH	07/11/95	DH13QT															
148	13122198	NGUYỄN TUYẾT	TRINH	07/10/95	DH13QT															
149	13122200	TRẦN PHƯƠNG	TRINH	19/05/95	DH13QT															
150	13122201	TRẦN THỊ TUYẾT	TRINH	20/01/95	DH13QT															
151	13122202	LÊ THỊ THANH	TRÚC	01/07/95	DH13QT															
152	13122215	VÕ THỊ CẨM	TÚ	25/06/95	DH13QT															
153	13122204	CHIÊU QUỐC	TUẤN	28/09/95	DH13QT															
154	13122205	LÊ HOÀNG QUỐC	TUẤN	01/06/95	DH13QT															
155	13122206	LÊ NGỌC	TUẤN	09/02/95	DH13QT															
156	13122207	LÊ VĂN	TUẤN	10/03/95	DH13QT															
157	13122212	CHẾ VĂN	TÙNG	07/02/95	DH13QT															
158	13122213	PHẠM XUÂN	TÙNG	17/08/85	DH13QT															
159	13122209	HÀ THỊ THANH	TUYỀN	05/09/95	DH13QT															
160	13122210	LÊ THỊ	TUYẾT	09/06/95	DH13QT															
161	13122217	NGUYỄN THỊ KIM	UYÊN	30/04/95	DH13QT															
162	13122218	LÊ NGUYỄN THANH	VÂN	24/05/91	DH13QT															
163	13122220	PHẠM THÚY	VÂN	01/01/95	DH13QT															
164	13122222	NGUYỄN VĂN	VIỆT	26/01/95	DH13QT															
165	13122226	TRẦN NGUYỄN TƯỜNG	VY	31/07/95	DH13QT															
166	13122227	NGUYỄN VŨ HOÀNG MA	XUÂN	23/01/95	DH13QT															
167	13122228	PHAN THỊ	XUÂN	08/06/95	DH13QT															
168	13122233	MAI THỊ NHƯ	Ý	20/09/95	DH13QT															
169	13122234	NGUYỄN HUỲNH NHƯ	Ý	10/06/95	DH13QT															
170	13122230	HỒNG THỊ NGỌC	YẾN	26/03/95	DH13QT															
171	13122232	NGUYỄN THỊ NGUYỆT	YẾN	10/02/95	DH13QT															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Quản trị học (208416) - Nhóm 15 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Lê ánh Tuyết (629)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	11111066	NGÔ VIỆT	AN	22/02/92	DH11CN															
2	12154037	TRẦN THIÊN	ÂN	25/02/94	DH12OT															
3	12117001	VÕ THỊ NGỌC	ẨN	15/10/94	DH12CT															
4	12120238	TRẦN NHỊT	BẨU	15/11/94	DH12KT															
5	12120046	NGUYỄN HUY	BÌNH	18/04/94	DH12KM															
6	12120361	NGUYỄN THỊ	CHI	19/02/94	DH12KM															
7	12137002	LÊ HÙNG	CƯỜNG	28/05/94	DH12NL															
8	12153172	NGUYỄN	CƯỜNG	11/10/93	DH12CD															
9	11141129	TRẦN PHÚ	CƯỜNG	08/02/93	DH11NY															
10	12120546	PHẠM THÚY	DÂNG	10/09/93	DH12KT															
11	12123070	PHẠM THỊ DUNG	DINH	02/11/94	DH12KE															
12	12116041	VŨ HOÀNG THANH	DŨNG	11/04/94	DH12KS															
13	12155010	TRẦN THỊ	ĐÀO	20/02/94	DH12KN															
14	12154002	ĐOÀN MẪN	ĐẠT	11/06/94	DH12OT															
15	12153187	HỒ HỮU	ĐẠT	25/01/94	DH12CD															
16	12154058	PHẠM TRỌNG	ĐẠT	04/10/94	DH12OT															
17	12120547	NGUYỄN MINH	ĐỨC	12/08/94	DH12KT															
18	10116038	MAI HƯNG	HẬU	05/06/91	DH10NT															
19	12155127	HỒ THỊ	HIỀN	06/12/94	DH12KN															
20	09124900	PHẠM TRUNG	HIẾU	01/07/91	DH11TM															
21	12118038	NGUYỄN XUÂN	HÒA	28/11/90	DH12CK															
22	11116013	NGUYỄN	HƠN	08/03/93	DH11NT															
23	12138003	NGƯ HUY	HÙNG	23/10/94	DH12TD															
24	12120261	NGUYỄN THANH	HƯNG	19/02/94	DH12KM															
25	12130250	ĐỖ THỊ THANH	HƯƠNG	01/07/94	DH12DT															
26	10155030	LƯƠNG THỊ	HƯƠNG	01/01/91	DH10KN															
27	12117165	THÁI THỊ	HƯỜNG	11/06/93	DH12CT															
28	11141069	NGUYỄN QUANG	HỮU	10/05/93	DH11NY															
29	11141075	TRẦN ĐĂNG	KHOA	07/08/93	DH11NY															
30	09112076	VÕ THỊ MỸ	LAN	15/07/91	DH09TY															
31	10116064	TRƯƠNG MINH	LÂU	20/07/92	DH10NT															
32	11141083	TRƯƠNG THỊ BẠCH	LÊ	13/09/93	DH11NY															
33	12363208	LƯƠNG THỊ MỸ	LINH	07/09/94	CD12CA															
34	12120086	NGUYỄN THỊ NGỌC	LINH	20/04/94	DH12KT															
35	10344026	TRẦN GIANG	LINH	01/01/92	CD10CI															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Quản trị học (208416) - Nhóm 15 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Lê ánh Tuyết (629)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	12120087	TRẦN THỊ NHẠN	LINH	07/04/94	DH12KM															
37	12363286	NGUYỄN THỊ HỒNG	LOAN	02/04/94	CD12CA															
38	12130355	VÕ TẤN	LỘC	02/11/94	DH12DT															
39	12117011	LÊ TRÚC	LY	17/04/94	DH12CT															
40	12120175	NGUYỄN THỊ THU	LÝ	02/10/94	DH12KM															
41	12130157	NGUYỄN MINH	NHÃ	12/12/90	DH12DT															
42	12120477	NGUYỄN THỊ THANH	NHÃ	03/12/94	DH12KT															
43	12153067	PHÙNG THÁI	NHÂN	04/10/89	DH12CD															
44	12120106	BÙI YẾN	NHI	01/10/94	DH12KM															
45	12155088	LÊ THỊ HỒNG	NHUNG	07/11/94	DH12KN															
46	11141047	TRẦN THỊ KIM	NHUNG	13/08/93	DH11NY															
47	12154194	NGUYỄN HỮU	PHÚC	02/05/94	DH12OT															
48	12130281	TRẦN HOÀNG	PHÚC	02/04/94	DH12DT															
49	09130067	VÕ MINH	PHỤNG	01/10/91	DH09DT															
50	12154206	PHẠM HÙNG	QUYỀN	16/04/94	DH12OT															
51	12120412	NGUYỄN THỊ THÙY	SANG	10/05/94	DH12KT															
52	12118020	LÊ ĐỨC	TÂM	18/07/94	DH12CK															
53	12154083	LÊ THANH	TÂM	14/08/94	DH12OT															
54	08112237	NGUYỄN HỮU	TÂM	15/10/88	DH08TY															
55	09112146	NGUYỄN NGỌC	THANH	24/04/87	DH09TY															
56	12120288	NGUYỄN CHIẾN	THẮNG	20/03/93	DH12KM															
57	11142163	PHẠM THỊ ÁI	THI	20/09/93	DH11DY															
58	11116081	PHAN QUỐC	THỊNH	06/05/93	DH11NT															
59	12153146	NGUYỄN LÝ	THÔI	20/12/93	DH12CD															
60	11130023	NGÔ MINH	THỐNG	26/12/93	DH11DT															
61	12120434	PHẠM LÃ TRỌNG	THUẬN	11/12/93	DH12KM															
62	12120523	NGUYỄN THỊ	THÚY	02/02/94	DH12KT															
63	12137046	BÙI ANH	THƯƠNG	13/02/94	DH12NL															
64	12120494	HOÀNG NGUYỄN HOÀI	THƯƠNG	18/09/94	DH12KM															
65	12154192	TRẦN VĂN	TIỀN	21/10/94	DH12OT															
66	12122244	NGUYỄN TRỌNG	TÍN	02/03/94	DH12TM															
67	12154193	VÕ MẠNH	TÍNH	28/07/94	DH12OT															
68	12130114	NGUYỄN MINH	TOẠI	25/12/94	DH12DT															
69	11142128	TRẦN THANH	TOÀN	04/07/93	DH11DY															
70	12120143	LÊ THỊ HUYỀN	TRANG	11/03/94	DH12KM															
71	12118096	HỒ TRẦN TRUNG	TRÍ	27/04/94	DH12CC															
72	11141092	VÕ MINH	TRIẾT	02/10/93	DH11NY															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Quản trị học (208416) - Nhóm 15 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Lê ánh Tuyết (629)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	12112228	TRƯƠNG NHẬT	TRINH	02/10/94	DH12TY															
74	12154043	DƯƠNG NHẬT	TRƯỜNG	28/02/88	DH12OT															
75	12154124	TRƯƠNG THANH	TRƯỜNG	26/03/94	DH12OT															
76	12130278	PHẠM MINH	TÚ	14/06/94	DH12DT															
77	12138104	PHẠM VĂN	TUẤN	25/02/94	DH12TD															
78	12130138	TRƯƠNG MINH	TUẤN	30/01/94	DH12DT															
79	12138107	VŨ MINH	TUẾ	26/08/93	DH12TD															
80	12138006	NGUYỄN HOÀNG	VIỆT	29/07/94	DH12TD															
81	09137051	NGUYỄN TRẦN HỮU	VỊNH	04/05/91	CD10CI															
82	11344058	NGUYỄN MINH	VƯỢNG	16/04/93	CD11CI															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Quản trị học (208416) - Nhóm 17 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Lê Thành Hưng (563)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	13122243	VÕ THỊ	BỔNG	06/04/95	DH13QT															
2	13122244	TRẦN THỊ HỒNG	CHIÊU	10/04/95	DH13QT															
3	13122245	VŨ ĐÌNH VĂN	CHƯƠNG	10/01/95	DH13QT															
4	13122017	NGUYỄN THỊ KIM	CƯƠNG	13/03/95	DH13QT															
5	13122248	NGUYỄN THỊ TUYẾT	DIỆU	28/10/95	DH13QT															
6	13122249	NGUYỄN THỊ LAY	DƠN	03/09/95	DH13QT															
7	13122250	TRẦN THỊ NGỌC	DUNG	23/01/95	DH13QT															
8	13122258	PHAN VĂN	DŨNG	19/09/94	DH13QT															
9	13122030	TRẦN THỊ THÙY	DUYÊN	19/02/95	DH13QT															
10	13122256	VÕ THỊ MỸ	DUYÊN	05/11/94	DH13QT															
11	13122260	VÕ THÀNH	DƯƠNG	24/09/94	DH13QT															
12	13122262	PHÙNG THỊ BÍCH	ĐÀO	10/01/95	DH13QT															
13	13122264	NGUYỄN THỊ	ĐỨC	02/06/95	DH13QT															
14	13122266	CAO THỊ	GIAO	15/02/95	DH13QT															
15	13122269	NGUYỄN THỊ	HÀ	20/08/95	DH13QT															
16	13122272	PHẠM THỊ HẢI	HÀ	24/07/95	DH13QT															
17	13122274	TRẦN THỊ PHƯƠNG	HẠ	07/06/95	DH13QT															
18	13122273	HUỲNH NHƯ	HÀO	05/05/	DH13QT															
19	13122275	TRẦN THỊ	HẰNG	20/01/94	DH13QT															
20	13122276	LÊ THỊ HỒNG	HÂN	30/06/95	DH13QT															
21	13122277	NGUYỄN TRUNG	HẬU	01/05/94	DH13QT															
22	13122051	LÂM MỸ	HIỀN	08/01/91	DH13QT															
23	13122278	NGUYỄN THỊ	HIỀN	19/02/95	DH13QT															
24	13122279	NGUYỄN THỊ THU	HIỀN	20/06/95	DH13QT															
25	13122288	BÙI TRẦN	HÒA	16/06/95	DH13QT															
26	13122286	ĐOÀN TRUNG	HOÀNG	08/11/94	DH13QT															
27	13122290	VÕ THỊ	HỒNG	29/04/95	DH13QT															
28	13122297	LÊ PHI	HÙNG	20/08/94	DH13QT															
29	13122299	NGUYỄN HUY MẠNH	HÙNG	04/01/95	DH13QT															
30	13122295	NGUYỄN THỊ	HUYỀN	16/05/95	DH13QT															
31	13122296	NGUYỄN THỊ NGỌC	HUYỀN	04/09/95	DH13QT															
32	13122300	NGUYỄN NHƯ	HƯNG	14/06/95	DH13QT															
33	13122301	PHAN THẾ	HƯNG	01/11/95	DH13QT															
34	13122303	VŨ THỊ MAI	HƯƠNG	10/11/95	DH13QT															
35	13122065	NGUYỄN THỊ	HƯỜNG	24/08/94	DH13QT															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Quản trị học (208416) - Nhóm 17 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Lê Thành Hưng (563)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	13122304	NGUYỄN THU	HƯỜNG	18/04/95	DH13QT															
37	13122305	NGUYỄN THẾ	HỮU	12/04/95	DH13QT															
38	13122307	NGUYỄN VÕ MẠNH	KHANG	16/09/95	DH13QT															
39	13122308	NGUYỄN TRẦN ĐĂNG	KHOA	08/10/94	DH13QT															
40	13122309	DƯƠNG HOÀNG	KIM	26/12/95	DH13QT															
41	13122311	ĐINH THỊ	LAN	10/02/94	DH13QT															
42	13122313	PHAN THANH	LAN	08/03/95	DH13QT															
43	13122314	NGUYỄN VĂN	LẬP	30/07/95	DH13QT															
44	13122316	LÊ THỊ ÁNH	LỆ	24/05/95	DH13QT															
45	13122455	NGUYỄN THANH	LỊCH	07/03/95	DH13QT															
46	13122319	HỒ SỸ	LINH	18/07/95	DH13QT															
47	13122321	NGUYỄN THỊ MỸ	LINH	10/08/95	DH13QT															
48	13122079	TRẦN GIA	LINH	26/10/95	DH13QT															
49	13122323	NGUYỄN HỮU	LỘC	04/05/94	DH13QT															
50	13122324	BÙI THÀNH	LUÂN	25/07/95	DH13QT															
51	13122085	ĐÀO THỊ TRÚC	LY	28/09/95	DH13QT															
52	13122326	NGUYỄN THỊ TRÚC	LY	24/08/95	DH13QT															
53	13122327	PHAN THỊ LY	LY	15/05/95	DH13QT															
54	13122329	ĐỖ VŨ QUỲNH	MAI	10/07/95	DH13QT															
55	13122330	NGUYỄN NGỌC	MAI	14/12/95	DH13QT															
56	13122334	NGUYỄN HỒNG	MY	03/02/95	DH13QT															
57	13122335	TRẦN THỊ BẢO	NGÂN	30/04/95	DH13QT															
58	13122336	LÊ THỊ Y	NGỌC	16/05/95	DH13QT															
59	13122337	NGUYỄN THỊ YẾN	NGỌC	25/12/95	DH13QT															
60	13122340	LÊ KIM	NGUYÊN	04/10/94	DH13QT															
61	13122343	ĐÀO THỊ	NHÀN	09/10/95	DH13QT															
62	13122344	NGUYỄN THỊ THANH	NHÀN	18/11/95	DH13QT															
63	13122347	ĐÀO THỊ YẾN	NHI	23/03/95	DH13QT															
64	13122349	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	05/04/95	DH13QT															
65	13122352	TRẦN ĐẶNG HUỲNH	NHƯ	10/04/95	DH13QT															
66	13122353	NGUYỄN THỊ MỸ	NƯƠNG	10/03/95	DH13QT															
67	13122354	NGUYỄN THỊ KIỀU	OANH	09/07/95	DH13QT															
68	13122355	HUỲNH TẤN	PHÁT	04/08/94	DH13QT															
69	13122363	NGUYỄN HỬU	PHƯỚC	25/04/95	DH13QT															
70	13122361	CHÌU CHÂN	PHƯƠNG	05/02/95	DH13QT															
71	13122364	NGÔ THỊ	PHƯỢNG	14/08/95	DH13QT															
72	13122366	VÕ HOÀNG	QUÂN	05/05/95	DH13QT															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Quản trị học (208416) - Nhóm 17 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Lê Thành Hưng (563)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	13122134	NGUYỄN THỊ BÍCH	QUY	15/01/95	DH13QT															
74	13122367	MAI TRẦN TỐ	QUYÊN	09/07/95	DH13QT															
75	13122368	NGUYỄN HỒ HUY	QUỲNH	28/03/94	DH13QT															
76	13122371	QUÁCH THỊ HỒNG	SƯƠNG	15/01/95	DH13QT															
77	13122141	LAI THANH	TÀI	11/09/94	DH13QT															
78	13122143	NGUYỄN THỊ THANH	TÂM	20/10/95	DH13QT															
79	13122377	PHẠM NGỌC KHÁNH	TÂN	03/01/95	DH13QT															
80	13122145	TÔ NHỰT	TÂN	28/08/95	DH13QT															
81	13122146	VÕ THANH	TÂN	09/10/95	DH13QT															
82	13122378	HUỲNH CAO	TẤN	27/03/95	DH13QT															
83	13122379	NGUYỄN THỊ	THANH	22/08/95	DH13QT															
84	13122380	DƯƠNG HỮU	THÀNH	19/12/95	DH13QT															
85	13122381	NGUYỄN HOÀNG DUY	THÀNH	23/01/95	DH13QT															
86	13122453	HUỲNH NHƯ	THẢO	/ /	DH13QT															
87	13122384	NGUYỄN THỊ THU	THẢO	08/02/95	DH13QT															
88	13122388	BÙI VĂN	THỂ	23/02/94	DH13QT															
89	13122390	NGUYỄN XUÂN	THỂ	19/11/95	DH13QT															
90	13122160	VÕ ĐỨC	THI	11/03/95	DH13QT															
91	13122391	NGUYỄN THIỆN	THIÊN	09/05/95	DH13QT															
92	13122395	HỒ HOÀNG THY	THƠ	27/08/95	DH13QT															
93	13122396	NGUYỄN THỊ CẨM	THU	25/04/95	DH13QT															
94	13122397	LÊ THỊ HOÀI	THUẬN	27/04/95	DH13QT															
95	13122398	NGUYỄN HỮU	THUẬN	21/06/95	DH13QT															
96	13122403	LƯƠNG NGUYỄN ANH	THƯ	01/05/95	DH13QT															
97	13122404	NGUYỄN THẢO TRANG	THƯ	03/05/95	DH13QT															
98	13122405	ĐINH HÀ	THƯƠNG	18/07/95	DH13QT															
99	13122406	HỒ THỊ	THƯƠNG	13/03/94	DH13QT															
100	13122409	TẠ THỊ THỦY	TIÊN	19/02/95	DH13QT															
101	13122180	TRẦN VĂN	TIÊN	10/03/95	DH13QT															
102	13122410	TRẦN VĂN	TOÁN	05/08/93	DH13QT															
103	13122185	NGUYỄN THỊ THIÊN	TRANG	16/06/95	DH13QT															
104	13122413	PHẠM MINH THU	TRANG	08/06/95	DH13QT															
105	13122414	VÕ MỸ	TRANG	03/05/95	DH13QT															
106	13122417	HUỲNH THỊ MAI	TRÂM	15/04/95	DH13QT															
107	13122418	LÊ HOÀNG	TRÂM	19/02/95	DH13QT															
108	13122421	LƯƠNG THỊ NGỌC	TRÂM	04/04/95	DH13QT															
109	13122422	NGÔ THỊ HỒNG	TRÂM	09/11/95	DH13QT															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Quản trị học (208416) - Nhóm 17 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Lê Thành Hưng (563)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
110	13122424	PHẠM THỊ NGỌC	TRÂM	11/12/95	DH13QT															
111	13122427	TRẦN THẾ NGỌC	TRẦM	23/04/95	DH13QT															
112	13122426	NGUYỄN HOÀNG MỘNG	TRÂN	19/10/95	DH13QT															
113	13122431	NGUYỄN TRỌNG	TRÍ	14/07/95	DH13QT															
114	13122196	HỒ THỊ PHƯƠNG	TRINH	26/12/95	DH13QT															
115	13122430	NGÔ THỊ TUYẾT	TRINH	20/02/95	DH13QT															
116	13122432	NGUYỄN THỊ THANH	TRÚC	29/10/95	DH13QT															
117	13122433	VĂN THỊ THANH	TRÚC	22/11/95	DH13QT															
118	13122438	NGÔ THANH	TÚ	11/03/95	DH13QT															
119	13122439	NGÔ THANH	TÚ	11/03/95	DH13QT															
120	13122441	TRẦN THỊ CẨM	TÚ	20/12/95	DH13QT															
121	13122435	NGUYỄN THỊ THANH	TUYỀN	28/02/	DH13QT															
122	13122216	VÕ ĐÌNH	TỰ	22/06/92	DH13QT															
123	13122444	VÕ NỮ NGỌC	UYÊN	28/11/95	DH13QT															
124	13122224	PHẠM QUỐC	VIỆT	18/05/95	DH13QT															
125	13122446	NGUYỄN THỊ TƯỜNG	VY	10/06/95	DH13QT															
126	13122448	NGUYỄN THỊ	XINH	26/02/95	DH13QT															
127	13122229	HỒ THỊ KIM	YÊN	07/01/95	DH13QT															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Dự án đầu tư (208421) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Trần Đức Luân (299)

Nhóm TH 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	11121011	BÙI HỮU	ÁI	06/10/92	DH11KT															
2	10122005	LÊ MINH	ANH	17/11/92	DH10QT															
3	10150105	TRẦN NGỌC TUẤN	ANH	21/07/92	DH10TM															
4	11120001	TRẦN THỊ KIM	ANH	12/01/93	DH11KT															
5	10123007	TRẦN THỊ LAN	ANH	04/02/92	DH10KE															
6	11123003	NGUYỄN THIÊN	ÂN	14/09/93	DH11KE															
7	11155011	NGUYỄN PHÚC	CẢNH	12/06/92	DH11KN															
8	10155035	PHAN VĂN	CẢNH	19/02/91	DH10KN															
9	11143191	HÀ THỊ THANH	CHI	01/10/93	DH11KM															
10	11143122	ĐÀO THỊ THANH	CHUNG	14/01/92	DH11KM															
11	10123022	NGUYỄN LÊ KIỀU	DIỄM	18/09/91	DH10KE															
12	10123024	TRẦN THỊ	DIỄN	20/04/92	DH10KE															
13	11123169	NGUYỄN HẠNH	DUNG	26/07/93	DH11KE															
14	11143042	TRẦN THỊ KIM	DUNG	10/07/93	DH11KM															
15	11122061	VÕ THỊ XUÂN	DUNG	24/08/93	DH11QT															
16	10143011	NGUYỄN NGỌC MINH	DUY	04/10/92	DH10KM															
17	11122063	LÊ HOÀNG THỤY MỸ	DUYÊN	17/09/93	DH11QT															
18	11143226	LÊ PHAN HUYỀN	DUYÊN	24/04/93	DH11KM															
19	11143044	NGUYỄN THỊ THÙY	DƯƠNG	14/08/93	DH11KM															
20	11120078	PHẠM MINH	DƯƠNG	15/03/93	DH11KT															
21	10143022	PHẠM VĂN	ĐẠI	28/02/92	DH10KM															
22	11122049	MAN MINH	ĐẢO	20/04/93	DH11QT															
23	11120099	PHẠM THÀNH	ĐẠT	29/02/92	DH11KT															
24	11120020	NGUYỄN PHÚC	ĐỊNH	28/02/93	DH11KT															
25	11164015	TRẦN THANH	GIANG	/ /92	DH11TC															
26	10123039	PHẠM THỊ NGỌC	GIÀU	12/01/92	DH10KE															
27	11143047	ĐỒNG THỊ VŨ	HÀ	11/01/93	DH11KM															
28	10122046	BÙI THỊ MỸ	HẠNH	06/07/92	DH10QT															
29	10123052	ĐẶNG THỊ MỸ	HẰNG	02/03/92	DH10KE															
30	11122050	ĐỒNG THỊ THANH	HẰNG	16/01/93	DH11QT															
31	12120299	NGUYỄN NGỌC PHƯỢNG	HẰNG	26/12/94	DH12KM															
32	11122070	PHẠM THỊ THÚY	HẰNG	10/11/93	DH11QT															
33	11143212	NGUYỄN THỊ	HIỀN	25/04/93	DH11KM															
34	11120031	NGUYỄN THỊ THU	HIỀN	01/01/92	DH11KT															
35	11120062	NGUYỄN LƯU	HOÀNG	20/11/93	DH11KT															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Dự án đầu tư (208421) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Trần Đức Luân (299)

Nhóm TH 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	10122062	NGUYỄN THIỆU	HOÀNG	04/06/92	DH10QT															
37	11122009	LÊ THỊ KIM	HUỆ	10/07/93	DH11QT															
38	11120084	NGUYỄN VIỆT	HÙNG	25/05/93	DH11KT															
39	11143155	TRẦN THỊ	HUYỀN	03/04/93	DH11KM															
40	11122014	PHẠM THỊ MỸ	HƯƠNG	30/07/93	DH11QT															
41	11143010	TRẦN THỊ THU	HƯƠNG	11/12/93	DH11KM															
42	11120032	LÊ ANH	KHOA	11/12/93	DH11KT															
43	10143036	LÊ TUẤN	KIỆT	19/01/92	DH10KM															
44	11120081	MAI VĂN	KỲ	11/12/93	DH11KT															
45	11143067	HUỲNH THỊ HOÀNG	LAN	03/02/92	DH11KM															
46	11143170	TRẦN THỊ KIM	LIÊN	10/07/92	DH11KM															
47	11121018	PHẠM QUANG	LINH	02/03/93	DH11KT															
48	11123021	TÔ KHÁNH	LINH	16/08/93	DH11KE															
49	10120023	ĐINH THỊ KIM	LOAN	01/04/92	DH10KT															
50	11143013	LƯƠNG THỊ KIM	LOAN	05/07/93	DH11KM															
51	11120088	TRẦN THỊ ÁNH	LOAN	29/09/93	DH11KT															
52	11143032	HỒ NGỌC BẢO	LY	14/11/93	DH11KM															
53	11123025	PHAN THỊ	MAI	04/08/92	DH11KE															
54	10122093	NGUYỄN HIỂN	MINH	02/05/91	DH10QT															
55	11122026	NGUYỄN THỊ THÙY	MINH	01/01/93	DH11QT															
56	11120082	NGUYỄN THỊ ÁNH	NA	09/08/92	DH11KT															
57	11122087	LƯU THỊ BÍCH	NGỌC	07/02/93	DH11QT															
58	11121009	NGUYỄN PHƯỚC NGUYÊ	NGỌC	05/08/93	DH11KT															
59	11120038	TRẦN THỊ MINH	NGỌC	04/09/93	DH11KT															
60	11143078	LƯƠNG TRẦN ĐÀI	NGUYÊN	20/09/93	DH11KM															
61	11120083	NGUYỄN THỊ THẢO	NGUYÊN	04/09/92	DH11KT															
62	11122138	TĂNG THỊ	NGUYÊN	18/12/93	DH11QT															
63	11143182	HUỲNH THỊ ANH	NHÀN	19/10/93	DH11KM															
64	11120109	NGUYỄN THỊ HUỲNH	NHƯ	02/02/93	DH11KT															
65	10122117	NGUYỄN THỊ YẾN	PHI	12/10/92	DH10QT															
66	11121025	HOÀNG XUÂN	PHÚC	14/03/93	DH11KT															
67	10150062	NGUYỄN CAO	PHUƠNG	02/10/92	DH10TM															
68	11122097	NGUYỄN THÁI	PHƯƠNG	21/05/93	DH11QT															
69	11120072	NGUYỄN THỊ THU	PHƯƠNG	21/05/93	DH11KT															
70	11143177	NGUYỄN THỊ NGỌC	PHƯỢNG	13/06/93	DH11KM															
71	11143020	NGUYỄN THỊ TRÚC	QUYỀN	06/07/93	DH11KM															
72	11143089	NGUYỄN THỊ	SÂM	12/02/92	DH11KM															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Dự án đầu tư (208421) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Trần Đức Luân (299)

Nhóm TH 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	11122093	DƯƠNG THẾ	TÂM	19/07/93	DH11QT															
74	11155052	VŨ THỊ HẠNH	TÂM	24/11/93	DH11KN															
75	11122043	TRẦN THỊ	THANH	20/07/93	DH11QT															
76	11143210	TRẦN THỊ KIM	THANH	09/11/93	DH11KM															
77	11150097	HUỲNH THỊ PHƯƠNG	THẢO	05/03/93	DH11TM															
78	10120038	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	12/04/91	DH10KT															
79	11164042	NGUYỄN THỊ NGỌC	THIỆU	10/10/93	DH11TC															
80	11143201	TRẦN THỊ	THỊNH	10/09/93	DH11KM															
81	11143172	TRẦN THANH KIM	THUẬN	15/02/92	DH11KM															
82	11143247	ĐOÀN THỊ THANH	THÚY	01/01/93	DH11KM															
83	11164043	LÊ THỊ THU	THÚY	06/04/93	DH11TC															
84	11120094	NGÔ THỊ	THÚY	11/07/93	DH11KT															
85	11121017	TRẦN THANH	THÚY	29/01/93	DH11KT															
86	11143203	NGUYỄN THỊ TRANG	THƯ	24/02/93	DH11KM															
87	11123048	LÊ THỊ THƯƠNG	THƯƠNG	06/08/93	DH11KE															
88	11143025	NGUYỄN THỊ THỦY	TIÊN	24/03/93	DH11KM															
89	11120017	ĐỖ MINH	TIẾN	16/11/93	DH11KT															
90	11143204	ĐINH NGỌC BẢO	TRÂM	11/01/93	DH11KM															
91	11143174	LÊ THỊ MINH	TRÍ	15/10/93	DH11KM															
92	12122255	LƯU PHƯƠNG	TRINH	30/04/94	DH12TC															
93	11120079	PHAN THANH	TRÚC	02/12/93	DH11KT															
94	11155009	HUỲNH NHẬT	TRƯỜNG	12/09/92	DH11KN															
95	10120053	HUỲNH THỊ CẨM	TÚ	03/05/92	DH10KT															
96	11122123	LÊ THỊ	TÚ	08/06/93	DH11QT															
97	10123218	NGÔ THỊ	TƯ	08/06/92	DH10KE															
98	11121022	VÕ THỊ KIM	VI	20/05/93	DH11KT															
99	10122202	HOA ĐÌNH	VŨ	23/11/92	DH10QT															
100	11143146	ĐẶNG KIỀU THÚY	VY	15/01/93	DH11KM															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Dự án đầu tư (208421) - Nhóm 04 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Trần Đức Luân (299)

Nhóm TH 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	11143147	ĐỖ QUỲNH	ANH	24/05/93	DH11KM															
2	10122015	TRẦN HUỲNH	BÁCH	13/02/92	DH10QT															
3	11143039	VĂN THỊ THÁI	CHI	04/07/93	DH11KM															
4	11155012	TRẦN HỮU	CHÍ	21/01/92	DH11KN															
5	10143012	TRẦN VĨNH	DUY	06/08/92	DH10KM															
6	11122066	NGUYỄN THỊ ANH	ĐÀO	12/01/93	DH11QT															
7	11123007	NGUYỄN THỊ NGỌC	ĐẸP	19/10/93	DH11KE															
8	10122042	NGUYỄN HOÀNG	GIANG	24/10/91	DH10QT															
9	11123065	TRỊNH HUỲNH MỸ	HẠNH	04/09/93	DH11KE															
10	11120030	NGUYỄN THỊ THANH	HẰNG	/ /93	DH11KT															
11	11123104	TRƯƠNG THANH	HẬU	01/03/93	DH11KE															
12	11120004	NGUYỄN THỊ THU	HIỀN	25/11/93	DH11KT															
13	10122063	ĐỖ PHƯỚC	HÒA	03/04/92	DH10QT															
14	11122130	ĐẶNG HỒNG	HUẾ	16/05/93	DH11QT															
15	11122075	TRẦN ĐỨC	HUY	12/04/93	DH11QT															
16	11120132	TRẦN VIỆT HÙNG	HUY	16/01/93	DH11KT															
17	11122011	ĐÀO ĐẶNG THANH	HUYỀN	15/01/93	DH11QT															
18	11155042	HUỲNH NGỌC	HUYỀN	06/06/93	DH11KN															
19	11120073	NGUYỄN THỊ NGỌC	HUYỀN	08/09/93	DH11KT															
20	11122013	HUỲNH THỊ MỸ	HƯƠNG	24/02/93	DH11QT															
21	10122073	NGUYỄN THỊ KIM	HƯƠNG	15/08/92	DH10QT															
22	11155022	TRẦN THỊ DIỄM	HƯƠNG	06/01/93	DH11KN															
23	11123115	LÊ THỊ HỒNG	KHÁNH	26/03/93	DH11KE															
24	11120034	ĐOÀN THỊ KỲ	KỲ	30/10/93	DH11KT															
25	11123018	PHAN THỊ HOA	LÀI	10/11/93	DH11KE															
26	11123117	NGUYỄN THANH	LAN	15/04/93	DH11KE															
27	11120056	LƯƠNG THỊ	LINH	27/12/92	DH11KT															
28	11122022	TRẦN THÙY	LINH	27/06/93	DH11QT															
29	11122023	HUỲNH THỊ KIM	LY	16/12/93	DH11QT															
30	12120175	NGUYỄN THỊ THU	LÝ	02/10/94	DH12KM															
31	11122084	NGÔ THỊ KIM	MAI	03/08/93	DH11QT															
32	11123174	PHẠM THỊ TUYẾT	MAI	13/10/93	DH11KE															
33	11123027	TRẦN THỊ	MY	26/11/93	DH11KE															
34	11120133	THÁI THỊ	NA	12/07/91	DH11KT															
35	10123112	VÕ THỊ THANH	NGA	02/09/92	DH10KE															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Dự án đầu tư (208421) - Nhóm 04 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Trần Đức Luân (299)

Nhóm TH 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	11123131	PHAN THỊ BÍCH	NGỌC	25/11/93	DH11KE															
37	11143016	NGUYỄN THỊ THANH	NHÃ	01/08/93	DH11KM															
38	11122094	NGUYỄN THỊ CẨM	NHUNG	02/09/93	DH11QT															
39	11123136	HỒ NGỌC QUỲNH	NHƯ	14/04/93	DH11KE															
40	11122131	NGUYỄN THỊ NGỌC	NỮ	01/02/93	DH11QT															
41	11123037	PHẠM THỊ	PHƯƠNG	04/10/92	DH11KE															
42	11122098	PHAN THỊ	PHƯƠNG	12/06/93	DH11QT															
43	11120104	BÙI THỊ TÚY	PHƯỢNG	20/10/92	DH11KT															
44	11123039	PHAN THỊ BÍCH	PHƯỢNG	19/05/92	DH11KE															
45	11155010	LÊ THỊ PHƯƠNG	QUYÊN	17/11/93	DH11KN															
46	11122051	NGUYỄN THỊ TRÚC	QUỲNH	26/07/93	DH11QT															
47	11120117	PHAN THANH	SANG	15/09/93	DH11KT															
48	10122134	ĐẶNG VĂN	SỰ	01/01/92	DH10QT															
49	11120122	TRẦN THỊ THANH THA	TÂM	25/08/93	DH11KT															
50	11122034	NGUYỄN VĂN	THÁI	13/01/93	DH11QT															
51	11122112	TRẦN QUỐC	THÁI	12/10/93	DH11QT															
52	11155045	PHAN THỊ	THẮM	21/08/93	DH11KN															
53	11123150	HỒ THỊ	THƠ	12/01/93	DH11KE															
54	11120075	PHẠM ANH	THƠ	13/07/93	DH11KT															
55	10122159	ĐINH THỊ THANH	THỦY	02/12/92	DH10QT															
56	10123184	NGUYỄN THỊ THANH	THỦY	10/11/92	DH10KE															
57	11122053	NGÔ THỊ NGỌC	THÚY	21/08/93	DH11QT															
58	11122036	PHẠM THỊ THU	THÚY	26/11/93	DH11QT															
59	11123157	PHẠM ĐOAN	THỤY	27/05/93	DH11KE															
60	10123188	NGUYỄN THANH	THƯƠNG	18/01/92	DH10KE															
61	11122142	TRẦN THỊ HOÀI	THƯƠNG	21/03/93	DH11QT															
62	11123184	TRẦN THỊ THU	THƯỜNG	21/06/93	DH11KE															
63	11123049	ĐẶNG XUÂN	TIẾN	11/09/93	DH11KE															
64	10122164	ĐÀO ĐỨC	TÍN	23/05/92	DH10QT															
65	11123161	PHẠM MINH	TRANG	03/11/93	DH11KE															
66	11122118	TRẦN THỊ THẢO	TRANG	05/09/93	DH11QT															
67	12120151	NGUYỄN PHAN THỊ BẢ	TRÂN	06/09/94	DH12KM															
68	11120050	PHẠM MINH	TRÍ	17/10/93	DH11KT															
69	11123068	LÊ NGUYỄN DIỄM	TRINH	04/10/93	DH11KE															
70	11120100	TÔ THỊ TUYẾT	TRINH	16/07/92	DH11KT															
71	11122132	VÕ THỊ DIỄM	TRINH	19/09/93	DH11QT															
72	11120101	TRẦN HOÀNG ANH	TUẤN	09/10/93	DH11KT															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Dự án đầu tư (208421) - Nhóm 04 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Trần Đức Luân (299)

Nhóm TH 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	11123083	TRƯƠNG THỊ THU	TUYỀN	09/11/93	DH11KE															
74	11123054	PHẠM THỊ THU	TƯỜNG	17/08/93	DH11KE															
75	11122124	NGUYỄN THỊ BẢO	UYÊN	21/08/93	DH11QT															
76	11122125	HỒ THỊ TUYẾT	VÂN	16/05/93	DH11QT															
77	11123057	TRẦN THANH	VÂN	14/12/93	DH11KE															
78	11123058	ĐOÀN THỊ NGỌC	VI	24/09/93	DH11KE															
79	11123061	LƯU HOÀN	VŨ	17/06/93	DH11KE															
80	10123229	NGUYỄN SÔNG	VƯƠNG	04/02/92	DH10KE															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Dự án đầu tư (208421) - Nhóm 05 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Võ Phước Hậu (279)

Nhóm TH 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	12120246	LÊ THỊ HỒNG	ÁNH	22/08/94	DH12KM															
2	12120448	NGUYỄN THỊ NGỌC	ÁNH	13/03/94	DH12KM															
3	12122004	PHẠM TRUNG	CHÁNH	17/01/93	DH12QT															
4	11122058	NGUYỄN VŨ DIỄM	CHI	25/01/92	DH11QT															
5	11155001	PHẠM THỊ	CHUNG	30/09/93	DH11KN															
6	11164007	NGUYỄN ANH	DUY	04/12/93	DH11TC															
7	12120183	PHAN VŨ LÊ	DUY	22/05/94	DH12KM															
8	11122065	HÀ THỊ HỒNG	ĐÀO	19/07/93	DH11QT															
9	11143003	TRẦN HOÀNG LINH	GIANG	25/03/93	DH11KM															
10	11155005	NGUYỄN THỊ	HẠNH	27/06/92	DH11KN															
11	11122068	CHU THỊ MINH	HẰNG	05/08/93	DH11QT															
12	12122133	NGUYỄN THỊ THANH	HẰNG	13/05/94	DH12QT															
13	11143162	TRẦN KIM	HẰNG	25/05/93	DH11KM															
14	12122134	HỒ THỊ	HẬU	13/04/93	DH12TM															
15	12122318	NGUYỄN THỊ	HỒNG	29/09/94	DH12QT															
16	11143180	LÊ THỊ MỸ	HUYỀN	04/12/92	DH11KM															
17	12120585	NGUYỄN KIM	HUYỀN	26/05/94	DH12KM															
18	10123073	NGUYỄN THỊ THU	HUYỀN	20/07/92	DH10KE															
19	10123081	LÊ THỊ LONG	KHÁNH	08/09/92	DH10KE															
20	11164020	HOÀNG NGUYỄN KHÁNH	LINH	20/09/93	DH11TC															
21	11120090	NGUYỄN THỊ THU	LINH	11/12/92	DH11KT															
22	12122166	PHẠM DUY	LINH	10/04/93	DH12QT															
23	10123098	QUẢNG THỊ MỸ	LINH	11/03/92	DH10KE															
24	10123107	VÕ THỊ TUYẾT	MAI	07/02/91	DH10KE															
25	12120524	PHAN THỊ KIM	NGÂN	14/09/94	DH12KM															
26	12120031	LÊ THỊ MỸ	NGỌC	27/01/93	DH12KM															
27	11122089	LÊ THỊ THANH	NHÀN	15/07/93	DH11QT															
28	11120116	PHẠM THANH	NÚI	16/06/93	DH11KT															
29	12122208	TRƯƠNG THỊ	PHƯƠNG	08/06/93	DH12TM															
30	12120120	QUÁCH THỊ HỒNG	PHƯỢNG	09/04/94	DH12KM															
31	11155030	NGUYỄN THỊ NGỌC	QUYÊN	04/11/93	DH11KN															
32	11122104	NGUYỄN THANH	SANG	05/09/93	DH11QT															
33	11120012	BÙI VĂN	TÀI	20/05/93	DH11KT															
34	11122105	VÕ THỊ	TẠO	10/01/93	DH11QT															
35	11122111	PHẠM QUỐC	THÁI	05/04/93	DH11QT															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Dự án đầu tư (208421) - Nhóm 05 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Võ Phước Hậu (279)

Nhóm TH 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	11143129	LÊ PHƯƠNG	THẢO	30/03/93	DH11KM															
37	11120014	LƯỜNG THANH	THẢO	20/08/93	DH11KT															
38	11120044	LÊ VĂN	THIẾT	16/10/92	DH11KT															
39	10123183	TỐNG THỊ	THÙY	08/09/92	DH10KE															
40	12120136	TRẦN THỊ XUÂN	THỦY	21/09/94	DH12KM															
41	12122312	CÙ THỊ CẨM	THƯƠNG	29/03/94	DH12QT															
42	12120141	TRẦN ĐỨC	TIẾN	07/02/94	DH12KM															
43	10123198	BÙI THỊ BÍCH	TRÂM	24/07/92	DH10KE															
44	11155008	VÕ THỊ NGỌC	TRÂM	15/12/93	DH11KN															
45	12120150	VÕ THỊ NGỌC	TRÂM	24/04/94	DH12KM															
46	11122038	TRẦN KHÁNH	TRÂN	08/03/93	DH11QT															
47	12120457	PHẠM THỊ CẨM	TRINH	20/10/94	DH12KM															
48	12122256	PHẠM HỒNG	TRÌNH	11/09/92	DH12QT															
49	12122092	NGUYỄN HOÀNG THÚY	VÂN	20/10/94	DH12QT															
50	11143120	PHAN THỊ	YẾN	20/12/93	DH11KM															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Dự án đầu tư (208421) - Nhóm 06 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Trần Đức Luân (299)

Nhóm TH 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	12120392	TRẦN VÂN	ANH	01/11/94	DH12KM															
2	11123088	UNG THỤY NGỌC	ANH	17/02/93	DH11KE															
3	11143148	VŨ THỊ NGỌC	ÁNH	20/07/92	DH11KM															
4	11143152	HỒ LÊ YẾN	CHI	05/04/93	DH11KM															
5	11122002	HUỲNH THỊ LAN	CHI	18/06/93	DH11QT															
6	11122003	LÊ TIẾN	DÂNG	20/12/90	DH11QT															
7	11123073	NGUYỄN THỊ THÚY	DIỄM	30/04/93	DH11KE															
8	11143187	ĐOÀN THỊ THÙY	DUNG	17/09/93	DH11KM															
9	11155002	PHAN ANH	DUY	02/12/93	DH11KN															
10	11164039	NGUYỄN TRƯƠNG KỲ	DUYÊN	25/04/93	DH11TC															
11	11143045	TRẦN THỊ THÙY	DƯƠNG	26/03/93	DH11KM															
12	10122039	ĐỖ HOÀNG	ĐẠT	18/12/92	DH10QT															
13	11122005	LÊ VĂN	ĐỨC	28/09/91	DH11QT															
14	10123034	PHAN THỊ	GÁI	25/01/92	DH10KE															
15	10123043	TẠ THỊ	HÀ	24/02/91	DH10KE															
16	11155018	ĐOÀN THANH	HẢI	16/04/93	DH11KN															
17	11123096	NGÔ THỊ	HẢI	10/06/93	DH11KE															
18	11123008	LÊ THỊ ĐÔNG	HÀN	02/11/93	DH11KE															
19	11123103	TRẦN DIỆU	HẰNG	22/10/93	DH11KE															
20	11143052	BÙI NGỌC	HIỀN	15/01/93	DH11KM															
21	11122041	TRÀ THỊ MỸ	HIỀN	20/04/93	DH11QT															
22	11143055	TRẦN THỊ	HIỀN	19/12/93	DH11KM															
23	11123010	PHẠM THỊ	HOA	14/03/92	DH11KE															
24	09150035	TRƯƠNG HOÀNG	HOA	14/11/91	DH09TM															
25	11123012	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	HỒNG	10/03/93	DH11KE															
26	11122010	PHAN ĐÌNH	HUY	01/09/93	DH11QT															
27	11122076	TRỊNH MINH	HUY	24/11/93	DH11QT															
28	11123114	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	19/03/93	DH11KE															
29	11143011	NÔNG THỊ	HƯỜNG	07/06/92	DH11KM															
30	11143156	NGUYỄN HOÀNG DUY	KHANH	21/07/93	DH11KM															
31	11159006	VÕ THỊ MỸ	KIỀU	26/01/92	DH11TC															
32	11164019	NGUYỄN THỊ	LAN	15/10/93	DH11TC															
33	11123120	NGUYỄN THỊ KIM	LIÊN	16/04/93	DH11KE															
34	11122083	PHẠM NGUYỄN PHI	LONG	18/08/93	DH11QT															
35	11143126	LƯU NGỌC	MỸ	06/09/92	DH11KM															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Dự án đầu tư (208421) - Nhóm 06 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Trần Đức Luân (299)

Nhóm TH 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	11120037	VÕ THỊ NGỌC	MỸ	17/09/93	DH11KT															
37	11120010	NGUYỄN VĂN	NAM	24/12/92	DH11KT															
38	11164022	LÊ THỊ NHƯ	NGỌC	31/08/93	DH11TC															
39	10123127	TRẦN THỊ	NGỌC	25/06/91	DH10KE															
40	11123132	TRẦN THỊ KIM	NHÀN	19/08/93	DH11KE															
41	11120111	HUỲNH THỊ THẢO	NHƯ	28/10/92	DH11KT															
42	11143140	NGUYỄN THỊ HOÀI	PHÚ	03/06/93	DH11KM															
43	10123147	PHẠM THỊ NGỌC	PHƯƠNG	22/07/91	DH10KE															
44	11143087	MAI THỊ	PHƯỢNG	10/12/92	DH11KM															
45	11123040	NGÔ MINH	QUÂN	17/02/93	DH11KE															
46	11143186	NGUYỄN HY	QUÂN	20/02/93	DH11KM															
47	12120487	BÙI HIỀN	QUYÊN	20/05/94	DH12KM															
48	11122102	NGUYỄN THỊ NGỌC	QUYÊN	18/11/93	DH11QT															
49	11143238	NGUYỄN THỊ TUYẾT	SƯƠNG	22/12/93	DH11KM															
50	12120125	TRẦN THỊ BĂNG	TÂM	15/12/94	DH12KM															
51	11122106	NGUYỄN THỊ	THANH	10/04/93	DH11QT															
52	11122107	TỐNG NGỌC HỒNG	THANH	18/04/93	DH11QT															
53	11143241	DƯƠNG THỊ THANH	THẢO	04/01/93	DH11KM															
54	11155037	ĐINH THỊ PHƯƠNG	THẢO	14/12/92	DH11KN															
55	11143173	HUỲNH THỊ BÍCH	THẢO	25/08/93	DH11KM															
56	11122109	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	THẢO	31/08/93	DH11QT															
57	11143097	VÕ THỊ THU	THẢO	07/01/93	DH11KM															
58	11155049	VŨ THU	THẢO	27/11/93	DH11KN															
59	11143098	NGÔ NGỌC	THẮM	28/12/93	DH11KM															
60	12120201	PHAN THỊ ANH	THI	19/11/94	DH12KM															
61	11122141	NGUYỄN THỊ	THU	24/02/93	DH11QT															
62	11123153	PHẠM THỊ MINH	THU	16/11/93	DH11KE															
63	11122044	HUỲNH VĂN	THUẬN	19/12/90	DH11QT															
64	11155015	NGÔ PHAN VŨ GIA	THUẬN	12/01/93	DH11KN															
65	11123183	QUÁCH MINH	THỦY	27/05/93	DH11KE															
66	11123154	ĐỖ THỊ CẨM	THÚY	19/04/93	DH11KE															
67	11155036	LÊ THỊ	THÚY	07/11/93	DH11KN															
68	12120202	NGUYỄN THỊ MỘNG	THUÝ	08/06/94	DH12KM															
69	11143104	ĐINH NGUYỄN HOÀI	THƯƠNG	29/06/93	DH11KM															
70	11120047	HUỲNH NGỌC MAI	THY	25/06/93	DH11KT															
71	11143130	NGUYỄN THỊ KIỀU	TIÊN	27/03/93	DH11KM															
72	11122117	LÊ THÙY	TRANG	24/08/93	DH11QT															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Dự án đầu tư (208421) - Nhóm 06 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Trần Đức Luân (299)

Nhóm TH 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	11143026	NGUYỄN THỊ BẢO	TRÂM	07/10/93	DH11KM															
74	11143245	KHỔNG MINH	TRUNG	18/03/93	DH11KM															
75	11122133	NGUYỄN VIỆT	TRUNG	24/05/93	DH11QT															
76	11122122	BÙI KIM	TÙNG	15/08/93	DH11QT															
77	11143244	HUỲNH MINH	TÙNG	07/03/93	DH11KM															
78	11123056	PHẠM THỊ CẨM	VÂN	01/03/93	DH11KE															
79	11143239	NGUYỄN THỊ	VIỆT	29/03/93	DH11KM															
80	11155021	ĐINH THỊ	YẾN	06/10/92	DH11KN															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Dự án đầu tư (208421) - Nhóm 07 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Võ Phước Hậu (279)

Nhóm TH 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	11150032	TRƯƠNG GIA	BẢO	22/08/93	DH11TM															
2	12120045	ĐỒNG THỊ MỸ	BÌNH	05/02/94	DH12KM															
3	12120254	NGUYỄN THỊ MỸ	CHÂU	23/01/94	DH12KM															
4	12120184	MAI NGUYỄN PHẨM	DUYÊN	01/07/94	DH12KM															
5	11143166	PHẠM THỊ ĐA	GIÀU	30/04/93	DH11KM															
6	12122127	HOÀNG THỊ NGỌC	HÀ	03/11/94	DH12TM															
7	12120405	LÊ THỊ MỸ	HẠNH	02/08/94	DH12KM															
8	09123034	TRỊNH THỊ MỸ	HẠNH	28/09/91	DH09KE															
9	10123059	TRẦN THỊ NGỌC	HÂN	25/01/92	DH10KE															
10	12120507	VÕ THỊ DIỄM	HƯƠNG	04/09/94	DH12KM															
11	09150041	TRẦN DUY	KHA	11/04/91	DH09TM															
12	12120079	TỐNG AN	KHANG	25/11/94	DH12KM															
13	12122153	HỒ PHẠM VIỆT	KHANH	20/10/94	DH12TC															
14	11143158	VÕ NGỌC BẢO	KHUYÊN	10/07/93	DH11KM															
15	12120008	NGUYỄN THỊ THÚY	KIỀU	01/04/94	DH12KM															
16	10123089	BÙI THỊ	LIÊM	07/04/92	DH10KE															
17	12120084	NGUYỄN THỊ THÙY	LIÊN	24/11/94	DH12KM															
18	11143221	HOÀNG THỊ	LỤA	12/08/93	DH11KM															
19	12120476	ĐẶNG THỊ TUYẾT	MINH	15/01/93	DH12KM															
20	11143015	VŨ HÀ	MY	03/07/93	DH11KM															
21	12120107	NGUYỄN THỊ UYỂN	NHI	03/01/94	DH12KM															
22	11155024	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	14/02/93	DH11KN															
23	11122139	HUỲNH NGUYỄN QUỲNH	NHƯ	09/12/93	DH11QT															
24	11122144	NGUYỄN THỊ	TÌNH	16/11/93	DH11QT															
25	11143196	TRẦN THỊ HƯƠNG	TRÀ	21/03/93	DH11KM															
26	11164035	NGUYỄN THỊ NGỌC	TRÂM	/ /93	DH11TC															
27	12120534	NGUYỄN PHƯƠNG	TRINH	10/11/94	DH12KM															
28	10123262	ĐÀM NGỌC	XUYẾN	15/11/91	DH10KE															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Hành vi tổ chức (208422) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Hoàng Thế Vinh (021)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	12122096	ĐỖ HOÀI	ANH	21/06/94	DH12TM															
2	11122055	VÕ THỊ NGỌC	ANH	06/12/93	DH11QT															
3	10122010	VÕ THỊ TUYẾT	ANH	12/05/92	DH10QT															
4	11164006	ĐÀO THỊ	BÌNH	05/08/93	DH11TC															
5	10155014	NGUYỄN THỊ VIỆT	BÌNH	28/04/92	DH10KN															
6	11155011	NGUYỄN PHÚC	CẢNH	12/06/92	DH11KN															
7	12122294	ĐÀO BÍCH	CHI	09/04/94	DH12TM															
8	12122076	NGUYỄN THỊ HỒNG	DIỄM	22/12/94	DH12QT															
9	11122004	ĐỖ HUỲNH THÚY	DUYÊN	30/10/93	DH11QT															
10	11122063	LÊ HOÀNG THỤY MỸ	DUYÊN	17/09/93	DH11QT															
11	12122010	LÊ NGỌC	DƯ	20/11/94	DH12QT															
12	12122123	NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	20/10/94	DH12TM															
13	10164008	TRẦN THỊ KHÁNH	HÀ	01/09/92	DH10TC															
14	11122134	HUỲNH THỊ	HẢO	15/02/93	DH11QT															
15	11122068	CHU THỊ MINH	HẰNG	05/08/93	DH11QT															
16	11122050	ĐỒNG THỊ THANH	HẰNG	16/01/93	DH11QT															
17	11122070	PHẠM THỊ THÚY	HẰNG	10/11/93	DH11QT															
18	11122041	TRÀ THỊ MỸ	HIỀN	20/04/93	DH11QT															
19	11150085	VÕ THỊ	HIỀN	19/02/93	DH11TM															
20	12122104	NGUYỄN THỊ	HOA	10/07/94	DH12TM															
21	12122142	HỒNG THANH	HÒA	31/12/94	DH12TC															
22	10122062	NGUYỄN THIỆU	HOÀNG	04/06/92	DH10QT															
23	11122073	VÕ THỊ THU	HỒNG	18/08/93	DH11QT															
24	10122069	TRẦN MẠNH	HÙNG	07/01/82	DH10QT															
25	11122077	TRỊNH NGUYỄN THU	HUYỀN	03/09/93	DH11QT															
26	11122078	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	02/05/93	DH11QT															
27	10122073	NGUYỄN THỊ KIM	HƯƠNG	15/08/92	DH10QT															
28	11122014	PHẠM THỊ MỸ	HƯƠNG	30/07/93	DH11QT															
29	12122024	NGUYỄN BẢO	KHÁNH	22/10/94	DH12TC															
30	11122015	NGUYỄN TRỊNH XUÂN	KHOA	23/03/93	DH11QT															
31	11122016	TRẦN MINH	KHƯƠNG	20/10/87	DH11QT															
32	11122018	TRẦN ĐỨC	LÃM	10/09/93	DH11QT															
33	11150045	NGUYỄN THỊ NGỌC	LAN	30/08/93	DH11TM															
34	12122161	ĐINH THÙY	LINH	09/11/94	DH12TM															
35	11122081	PHẠM HÀ KIM	LINH	17/06/93	DH11QT															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Hành vi tổ chức (208422) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Hoàng Thế Vinh (021)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	11150091	LƯƠNG THỊ BÍCH	LY	15/07/93	DH11TM															
37	10164020	HUỲNH THANH	MAI	02/09/92	DH10TC															
38	12122174	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	MAI	13/07/93	DH12TM															
39	12122175	TRẦN HUỲNH TRÀ	MI	11/08/94	DH12TM															
40	12122108	NGUYỄN THỊ TUYẾT	MINH	01/09/94	DH12TC															
41	12155151	NGUYỄN THỊ	MỘNG	26/02/94	DH12KN															
42	12122302	NGUYỄN THỊ HƯNG	NGÂN	12/06/94	DH12TM															
43	11122087	LƯU THỊ BÍCH	NGỌC	07/02/93	DH11QT															
44	11122028	THÁI NHƯ	NGỌC	19/01/93	DH11QT															
45	11122088	LÊ THỊ HẠNH	NGUYÊN	28/12/93	DH11QT															
46	11122138	TĂNG THỊ	NGUYÊN	18/12/93	DH11QT															
47	10122107	NGUYỄN THỊ	NGUYỆT	16/08/92	DH10QT															
48	12122188	NGUYỄN THỊ	NGUYỆT	04/10/94	DH12TM															
49	12122189	MAI THỊ KIM	NHÃ	26/12/94	DH12QT															
50	11122089	LÊ THỊ THANH	NHÀN	15/07/93	DH11QT															
51	12122191	TRẦN THỊ ÁI	NHÂN	25/05/94	DH12TM															
52	10122110	BÙI THỊ ÁNH	NHI	05/05/92	DH10QT															
53	11122096	ĐÀO THỊ HOÀNG	OANH	10/05/93	DH11QT															
54	12122043	NGUYỄN NGỌC KIM	PHƯƠNG	25/03/94	DH12TM															
55	12122044	NGUYỄN XUÂN	QUANG	11/06/94	DH12QT															
56	11122051	NGUYỄN THỊ TRÚC	QUỲNH	26/07/93	DH11QT															
57	12122309	TRẦN THỊ MINH	TÂM	01/06/94	DH12TM															
58	11164009	VÕ THỊ MINH	TÂM	01/01/93	DH11TC															
59	11122111	PHẠM QUỐC	THÁI	05/04/93	DH11QT															
60	12122081	NGUYỄN QUANG	THANH	10/01/94	DH12TC															
61	11122106	NGUYỄN THỊ	THANH	10/04/93	DH11QT															
62	11122043	TRẦN THỊ	THANH	20/07/93	DH11QT															
63	11122035	NGUYỄN KHÂM	THIÊN	06/03/93	DH11QT															
64	11164030	NGUYỄN THỊ THU	THỦY	28/06/93	DH11TC															
65	12122058	BÙI THỊ TRIỀU	TIÊN	07/08/93	DH12TC															
66	12122313	PHAN THỊ THUỲ	TRANG	27/08/94	DH12TC															
67	11122120	ĐẶNG TRẦN THÙY	TRÂM	06/07/93	DH11QT															
68	11164044	NGÔ THỊ HUYỀN	TRÂM	15/08/93	DH11TC															
69	12122252	NGUYỄN THỊ BÍCH	TRÂM	02/04/94	DH12TC															
70	11122054	NGUYỄN THỊ QUYỀN	TRÂM	30/11/93	DH11QT															
71	11150077	DƯƠNG VĂN	TRỌNG	28/02/93	DH11TM															
72	12155066	VÕ QUỐC	TRUNG	17/02/93	DH12KN															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Hành vi tổ chức (208422) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Hoàng Thế Vinh (021)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	11122123	LÊ THỊ	TÚ	08/06/93	DH11QT															
74	11164038	NGUYỄN THỊ HỒNG	TUYẾT	02/06/93	DH11TC															
75	12122070	KIỀU VŨ THÚY	VI	19/11/94	DH12TM															
76	11122145	TRẦN THỊ TOÀN	VY	15/09/93	DH11QT															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Quản trị nhân sự (208424) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Lê Thành Hưng (563)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	12122001	LÊ ĐỨC	AN	16/05/94	DH12QT															
2	12122095	NGUYỄN NGỌC THÙY	AN	19/05/94	DH12TC															
3	12122096	ĐỖ HOÀI	ANH	21/06/94	DH12TM															
4	12155032	PHAN QUỐC	ANH	25/09/94	DH12KN															
5	12122098	TRẦN THỊ KIM	ANH	29/06/94	DH12QT															
6	12122003	TRƯƠNG THỊ KIM	BÍCH	18/06/94	DH12QT															
7	12155037	DƯƠNG VĨNH	DANH	10/02/93	DH12KN															
8	12155142	KIỀU THỊ QUỲNH	DAO	27/04/94	DH12KN															
9	12122296	MAI THỊ	DIỄM	30/07/94	DH12TM															
10	12122114	BÙI NGUYỄN HOÀNG	DUY	24/05/91	DH12TM															
11	12122115	TRẦN HỮU	DUY	08/11/92	DH12QT															
12	12122118	PHẠM THỊ MỸ	DUYÊN	01/03/94	DH12TM															
13	12122117	PHAN BÍCH	DUYÊN	06/11/93	DH12TC															
14	12122122	TRẦN THỊ THÙY	DƯƠNG	17/09/94	DH12TM															
15	12122324	HOÀNG THỊ	ĐÀO	06/06/92	DH12QT															
16	12122325	ĐÀO VĂN	ĐẠO	05/03/93	DH12QT															
17	12122125	TRẦN PHÚC	ĐẠT	14/01/94	DH12TM															
18	12122126	BÙI THỊ THU	HÀ	10/10/94	DH12TM															
19	12122127	HOÀNG THỊ NGỌC	HÀ	03/11/94	DH12TM															
20	12122130	NGUYỄN VĂN	HẢI	28/12/94	DH12QT															
21	12122013	ĐINH THỊ THANH	HẰNG	31/07/94	DH12TC															
22	12122134	HỒ THỊ	HẬU	13/04/93	DH12TM															
23	12122017	PHẠM ĐĂNG	HIỄN	08/08/94	DH12TM															
24	12122020	PHÙNG THỊ TUYẾT	HOA	10/06/94	DH12QT															
25	12122141	NGUYỄN THỊ	HOÀ	18/08/94	DH12TM															
26	12122317	NGUYỄN VĂN	HOÀI	21/11/94	DH12QT															
27	12155095	LƯU MINH	HOÀNG	08/12/93	DH12KN															
28	12155002	NGUYỄN VĂN	HÙNG	29/04/93	DH12KN															
29	11122010	PHAN ĐÌNH	HUY	01/09/93	DH11QT															
30	12122024	NGUYỄN BẢO	KHÁNH	22/10/94	DH12TC															
31	12122027	BÙI MINH	KIỆT	20/10/94	DH12QT															
32	11155051	NGUYỄN PHAN HOÀNG	KIM	16/01/93	DH11KN															
33	12122029	PHẠM THỊ KIM	LÀNH	15/09/94	DH12QT															
34	12122285	SƠN TỪ THÁI MỸ	LĂNG	05/01/94	DH12TM															
35	12122030	ĐẶNG THỊ TRÚC	LỆ	25/08/94	DH12TC															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Quản trị nhân sự (208424) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Lê Thành Hưng (563)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	12122164	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	24/11/94	DH12QT															
37	12155079	TRẦN THỊ THẢO	LINH	02/10/93	DH12KN															
38	12122032	NGUYỄN DẠ	LÝ	08/05/94	DH12QT															
39	12155007	ĐẶNG THỊ XUÂN	MAI	10/12/93	DH12KN															
40	12155058	ĐINH THỊ NGỌC	MAI	25/09/94	DH12KN															
41	12155099	NGUYỄN NHỰT	MINH	09/05/92	DH12KN															
42	12122108	NGUYỄN THỊ TUYẾT	MINH	01/09/94	DH12TC															
43	12122080	PHẠM THÀNH	NAM	29/03/93	DH12QT															
44	11159007	HOÀNG HẢI	NGÂN	03/12/93	DH11TC															
45	12122303	NGUYỄN THỊ THẢO	NGUYÊN	06/12/94	DH12TM															
46	12122038	TRẦN THỊ THẢO	NGUYÊN	10/09/94	DH12TC															
47	12122305	TRẦN THỊ	NGUYỆT	30/11/94	DH12TM															
48	12155020	TRẦN THỊ	NGUYỆT	16/04/92	DH12KN															
49	12155021	BÀNH QUỐC	NHÃ	10/11/94	DH12KN															
50	10122206	BÙI ANH CHÍ	NHÂN	30/05/90	DH10QT															
51	12155154	NGUYỄN KIM	NHUNG	19/05/94	DH12KN															
52	12122195	ĐẶNG THỊ HUỲNH	NHƯ	01/05/94	DH12TC															
53	12155147	BÙI THỊ	OANH	22/05/94	DH12KN															
54	12122205	ĐẶNG HOÀNG	PHÚC	18/09/94	DH12QT															
55	12122208	TRƯƠNG THỊ	PHƯƠNG	08/06/93	DH12TM															
56	12122210	NGUYỄN THỊ	PHƯỢNG	18/10/94	DH12QT															
57	12122045	LÊ VĂN	QUYẾT	12/01/94	DH12TM															
58	12122214	LÊ THỊ	QUỲNH	06/09/94	DH12TC															
59	12122046	LƯƠNG TRỌNG	QUỲNH	03/03/93	DH12QT															
60	12122215	NGUYỄN BẢO	QUỲNH	20/06/94	DH12TM															
61	12122047	VŨ THÚY	QUỲNH	22/01/94	DH12QT															
62	10122134	ĐẶNG VĂN	SỰ	01/01/92	DH10QT															
63	12155124	NGUYỄN HÀ LỆ	TÂM	12/07/94	DH12KN															
64	12122050	GIẢNG NGỌC PHƯƠNG	TÂN	16/06/94	DH12QT															
65	12122052	TRẦN NGỌC DUY	TÂN	29/03/94	DH12QT															
66	11155037	ĐINH THỊ PHƯƠNG	THẢO	14/12/92	DH11KN															
67	12122310	LÊ THỊ	THẢO	06/11/94	DH12QT															
68	12122226	NGUYỄN THỊ THANH	THẢO	30/08/94	DH12QT															
69	12122227	PHẠM THỊ HỒNG	THẮM	17/10/94	DH12QT															
70	12122055	NGUYỄN VĂN	THÔNG	16/08/93	DH12TM															
71	12122056	HUỲNH THỊ THANH	THUẬN	07/01/94	DH12QT															
72	12122233	PHẠM THỊ BÍCH	THỦY	28/02/94	DH12QT															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Quản trị nhân sự (208424) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Lê Thành Hưng (563)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	12122244	NGUYỄN TRỌNG	TÍN	02/03/94	DH12TM															
74	12122250	TRẦN THỊ THÙY	TRANG	22/07/94	DH12TM															
75	12122254	NGUYỄN HỒ BẢO	TRÂN	14/11/94	DH12QT															
76	12122257	TRẦN KỲ	TRUNG	19/10/94	DH12TC															
77	12122263	NGUYỄN THỊ KIM	VÀNG	03/11/94	DH12TC															
78	12122093	AN THỊ THẢO	VI	20/10/94	DH12TC															
79	12122071	ĐINH HOÀNG	VŨ	01/01/94	DH12TC															
80	12122272	LÊ THỊ TƯỜNG	VY	30/06/94	DH12TM															
81	12122274	NGUYỄN THỊ THANH	XUÂN	02/06/94	DH12TM															
82	12122276	VÕ THỊ BẢO	XUÂN	03/04/94	DH12QT															
83	12122279	NGUYỄN THỊ HẢI	YẾN	19/05/94	DH12QT															
84	12122280	NGUYỄN THỊ KIM	YẾN	05/08/94	DH12QT															
85	12122281	NGUYỄN THỊ PHI	YẾN	27/11/94	DH12QT															
86	12155159	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	YẾN	/ /94	DH12KN															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Quản trị nhân sự (208424) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Hoàng Thế Vinh (021)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	12122293	ĐÀO PHƯƠNG	ANH	28/07/94	DH12QT															
2	11122147	PHẠM ANH	BẢO	04/09/93	DH11QT															
3	10122018	NGUYỄN CHÍ	BỀN	26/07/92	DH10QT															
4	12122105	NGUYỄN DUY	BÌNH	08/03/94	DH12TM															
5	12122106	BÙI THỊ	CẨM	02/02/93	DH12TM															
6	12155035	CHUNG THỊ THẢO	CHI	05/09/94	DH12KN															
7	12122294	ĐÀO BÍCH	CHI	09/04/94	DH12TM															
8	12122006	LÊ THỊ NGỌC	CÚC	09/02/94	DH12TM															
9	12122110	LÊ HOÀNG TRIỆU	DIỄM	10/11/94	DH12TM															
10	12122112	TRẦN THỊ	DIỆU	07/06/94	DH12TM															
11	12122298	PHẠM THỊ PHƯƠNG	DUNG	04/04/94	DH12TM															
12	12122123	NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	20/10/94	DH12TM															
13	10164008	TRẦN THỊ KHÁNH	HÀ	01/09/92	DH10TC															
14	12122012	NGUYỄN HUỲNH	HẠ	22/04/94	DH12TC															
15	12122131	NGUYỄN THỊ NGỌC	HẠNH	23/04/94	DH12TM															
16	12122300	ĐẶNG THỊ	HẰNG	13/08/93	DH12TC															
17	11150039	NGUYỄN THỊ	HẰNG	03/03/93	DH11TM															
18	09124900	PHẠM TRUNG	HIẾU	01/07/91	DH11TM															
19	12122104	NGUYỄN THỊ	HOA	10/07/94	DH12TM															
20	12122142	HỒNG THANH	HÒA	31/12/94	DH12TC															
21	12155108	NGUYỄN THỊ	HUỆ	06/01/94	DH12KN															
22	12122143	NGUYỄN ĐỨC	HUY	01/04/94	DH12TC															
23	12122085	NGUYỄN QUANG	HUY	19/05/94	DH12TC															
24	11122076	TRỊNH MINH	HUY	24/11/93	DH11QT															
25	12155144	ĐẶNG THỊ THU	HƯƠNG	21/02/94	DH12KN															
26	12122149	NGUYỄN LAN	HƯƠNG	29/08/94	DH12TM															
27	12122150	NGUYỄN THỊ THU	HƯƠNG	10/07/94	DH12TM															
28	11122014	PHẠM THỊ MỸ	HƯƠNG	30/07/93	DH11QT															
29	12122152	ĐOÀN THỊ THANH	HƯỜNG	26/10/94	DH12TM															
30	12122301	NGUYỄN HƯNG	KHƯƠNG	23/08/94	DH12QT															
31	12122161	ĐINH THÙY	LINH	09/11/94	DH12TM															
32	12122167	TỐNG ÁI	LINH	05/04/94	DH12TC															
33	12155128	MAI THỊ KIM	LOAN	09/03/91	DH12KN															
34	12122168	NGUYỄN THỊ THANH	LOAN	14/04/93	DH12TM															
35	11122083	PHẠM NGUYỄN PHI	LONG	18/08/93	DH11QT															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Quản trị nhân sự (208424) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Hoàng Thế Vinh (021)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	12122087	NGÔ THÀNH	LỘC	23/04/93	DH12QT															
37	11150091	LƯƠNG THỊ BÍCH	LY	15/07/93	DH11TM															
38	12122175	TRẦN HUỲNH TRÀ	MI	11/08/94	DH12TM															
39	12122181	LÊ THỊ TUYẾT	NGÂN	17/05/94	DH12TM															
40	12122183	THOÒNG KIM	NGỌC	09/04/94	DH12TM															
41	11122138	TĂNG THỊ	NGUYÊN	18/12/93	DH11QT															
42	12122304	HỒ THỊ TUYẾT	NGUYỆT	20/02/94	DH12TM															
43	12122188	NGUYỄN THỊ	NGUYỆT	04/10/94	DH12TM															
44	12122189	MAI THỊ KIM	NHÃ	26/12/94	DH12QT															
45	11122089	LÊ THỊ THANH	NHÀN	15/07/93	DH11QT															
46	12122191	TRẦN THỊ ÁI	NHÂN	25/05/94	DH12TM															
47	12122039	LÊ THỊ ÁI	NHƯ	10/11/94	DH12TC															
48	12122306	NGUYỄN THỊ THÚY	NHY	01/07/94	DH12QT															
49	12122043	NGUYỄN NGỌC KIM	PHƯƠNG	25/03/94	DH12TM															
50	12122207	NGUYỄN PHAN ANH	PHƯƠNG	22/01/94	DH12TC															
51	11122098	PHAN THỊ	PHƯƠNG	12/06/93	DH11QT															
52	11155007	VĂN THỊ	PHƯƠNG	05/03/93	DH11KN															
53	12122209	HUỲNH THỊ NHƯ	PHƯỢNG	06/12/94	DH12TC															
54	12155072	NGUYỄN THỊ	PHƯỢNG	05/01/94	DH12KN															
55	12122049	NGUYỄN VĂN	SÁU	28/02/91	DH12QT															
56	12122308	NGUYỄN THỊ THU	SƯƠNG	10/10/94	DH12TM															
57	12122309	TRẦN THỊ MINH	TÂM	01/06/94	DH12TM															
58	12122081	NGUYỄN QUANG	THANH	10/01/94	DH12TC															
59	11122106	NGUYỄN THỊ	THANH	10/04/93	DH11QT															
60	11155014	HÀ NGỌC	THỊNH	21/05/92	DH11KN															
61	12122057	HOÀNG THỊ MINH	THUỲ	15/09/94	DH12QT															
62	12122058	BÙI THỊ TRIỀU	TIÊN	07/08/93	DH12TC															
63	12122240	TRẦN PHẠM THỦY	TIÊN	03/06/94	DH12TC															
64	12122289	HUỲNH THỊ HỒNG	TIẾN	17/04/94	DH12QT															
65	12122248	NGUYỄN THÙY	TRANG	13/02/94	DH12TM															
66	12122252	NGUYỄN THỊ BÍCH	TRÂM	02/04/94	DH12TC															
67	12122253	TRẦN THỊ BÍCH	TRÂM	27/12/94	DH12TC															
68	12122291	TRẦN BẢO	TRÂN	02/09/94	DH12TC															
69	12122314	ĐINH THỊ NGỌC	TRINH	24/04/94	DH12QT															
70	12122292	NGUYỄN THỊ TUYẾT	TRINH	17/04/94	DH12QT															
71	12122260	NGUYỄN THỊ SƠN	TRÚC	20/07/94	DH12QT															
72	12122091	NGUYỄN BỬU	TRUNG	20/11/94	DH12TC															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Quản trị nhân sự (208424) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Hoàng Thế Vinh (021)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	12122066	TRẦN THẾ	TRUNG	08/12/94	DH12TC															
74	11122122	BÙI KIM	TÙNG	15/08/93	DH11QT															
75	10122184	PHẠM THỊ THANH	TUYỀN	02/02/90	DH10QT															
76	12122070	KIỀU VŨ THÚY	VI	19/11/94	DH12TM															
77	12122271	CAO KHÁNH	VY	29/04/94	DH12TM															
78	12122072	PHAN NGỌC	VY	20/10/94	DH12TM															
79	12122275	TRẦN THỊ KIM	XUÂN	08/04/94	DH12QT															
80	12122320	HOÀNG THỊ	XUYÊN	18/02/94	DH12QT															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Thị trường chứng khoán (208425) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Hà Thị Thu Hòa (857)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	12122095	NGUYỄN NGỌC THÙY	AN	19/05/94	DH12TC															
2	11150027	NGUYỄN THỊ MỸ	ANH	04/02/93	DH11TM															
3	10135148	NGUYỄN TUẤN	ANH	18/06/92	DH10TB															
4	11150029	TRẦN PHƯƠNG	ANH	14/12/93	DH11TM															
5	10150005	PHẠM VIỆT	CƯỜNG	22/03/91	DH10TM															
6	11150020	TRẦN NGỌC TRUNG	DU	10/01/93	DH11TM															
7	12122009	NGUYỄN THỊ THÙY	DUYÊN	07/02/94	DH12QT															
8	11150037	LÊ THỊ THU	HÀ	17/09/93	DH11TM															
9	12363161	THÂN THỊ HỒNG	HẢI	12/11/90	CD12CA															
10	11123008	LÊ THỊ ĐÔNG	HÀN	02/11/93	DH11KE															
11	10123049	ĐỖ THỊ	HẠNH	22/02/92	DH10KE															
12	11135044	ĐỖ THỊ	HẠNH	06/09/93	DH11TB															
13	11135005	VÕ THỊ MỸ	HẠNH	10/12/91	DH11TB															
14	12124169	LÊ NỮ MỸ	HẰNG	15/08/94	DH12QL															
15	11150039	NGUYỄN THỊ	HẰNG	03/03/93	DH11TM															
16	11122070	PHẠM THỊ THÚY	HẰNG	10/11/93	DH11QT															
17	11135067	TĂNG MINH	HIỆP	10/07/93	DH11TB															
18	11150042	HUỲNH MINH	HIẾU	21/12/93	DH11TM															
19	09124900	PHẠM TRUNG	HIẾU	01/07/91	DH11TM															
20	11122072	NGUYỄN THỊ	HOÀI	24/04/93	DH11QT															
21	11123110	HÀ THỊ MINH	HOẠT	02/06/93	DH11KE															
22	11122010	PHAN ĐÌNH	HUY	01/09/93	DH11QT															
23	11150043	NGUYỄN NGỌC THANH	HUYỀN	05/08/93	DH11TM															
24	12363169	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	24/05/93	CD12CA															
25	11363050	TRẦN THỊ HOÀI THAN	LANH	20/02/93	CD11CA															
26	11363118	TRẦN THỊ MỸ	LINH	04/03/93	CD11CA															
27	12124213	DƯƠNG THÀNH	LONG	12/02/93	DH12QL															
28	11122025	NGUYỄN THỊ THẢO	LY	11/12/93	DH11QT															
29	11122026	NGUYỄN THỊ THÙY	MINH	01/01/93	DH11QT															
30	11135013	BÙI NHẬT	NAM	/ /93	DH11TB															
31	11135014	TRẦN HOÀI	NAM	29/09/93	DH11TB															
32	10123117	ĐỖ THỊ TUYẾT	NGÂN	14/07/92	DH10KE															
33	11123130	ĐỖ THỊ BÍCH	NGỌC	20/02/93	DH11KE															
34	11135016	HUỲNH THỊ HẠNH	NGUYÊN	23/01/93	DH11TB															
35	10122206	BÙI ANH CHÍ	NHÂN	30/05/90	DH10QT															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Thị trường chứng khoán (208425) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Hà Thị Thu Hòa (857)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	11150007	ĐỖ TRỌNG	NHÂN	12/10/93	DH11TM															
37	12122193	NGUYỄN THỊ MAI	NHI	26/02/93	DH12QT															
38	11150056	LÊ THỊ TUYẾT	NHUNG	13/05/92	DH11TM															
39	11123033	NGUYỄN KIỀU	OANH	19/03/93	DH11KE															
40	12124264	BÙI MAI	PHƯƠNG	02/07/94	DH12QL															
41	11122097	NGUYỄN THÁI	PHƯƠNG	21/05/93	DH11QT															
42	11122098	PHAN THỊ	PHƯƠNG	12/06/93	DH11QT															
43	11122146	TRẦN THỊ TRÚC	QUỲNH	07/06/92	DH11QT															
44	12122216	ĐÀO LƯU HỮU	TÀI	14/11/94	DH12QT															
45	11135057	NGUYỄN MINH	TÂM	28/01/93	DH11TB															
46	12122052	TRẦN NGỌC DUY	TÂN	29/03/94	DH12QT															
47	12124280	CHÂU MINH	THANH	19/02/94	DH12QL															
48	11135059	NGUYỄN THỊ ÚT	THANH	15/02/93	DH11TB															
49	11122110	PHAN THỊ PHƯƠNG	THẢO	07/07/93	DH11QT															
50	11122113	TRỊNHTHI KIỀU	THI	20/04/93	DH11QT															
51	11135061	VÕ QUỐC	THỊNH	10/03/93	DH11TB															
52	11123046	VÕ THỊ	THOẠI	15/02/93	DH11KE															
53	11150011	HOÀNG KIM	THU	05/06/93	DH11TM															
54	11123152	NGUYỄN NGỌC DIỄM	THU	03/01/93	DH11KE															
55	11150069	ĐÀO THỊ PHƯƠNG	THÚY	27/08/93	DH11TM															
56	11150070	LÊ NGỌC ANH	THƯ	22/08/93	DH11TM															
57	11150072	ĐẶNG THỊ CẨM	TIÊN	17/03/93	DH11TM															
58	11135066	TRẦN THỊ THỦY	TIÊN	30/08/93	DH11TB															
59	12124320	NGUYỄN THỊ KIM	TRANG	11/12/94	DH12QL															
60	10122172	TRẦN THỊ HUYỀN	TRANG	12/09/90	DH10QT															
61	11122118	TRẦN THỊ THẢO	TRANG	05/09/93	DH11QT															
62	12124370	LÂM NGỌC	TRÂM	11/11/94	DH12QL															
63	07150179	BÙI NGỌC BẢO	TRÂN	15/01/88	DH08TM															
64	11135029	DƯƠNG BẢO	TRÂN	23/09/93	DH11TB															
65	11150076	TRẦN THỊ BẢO	TRÂN	15/04/93	DH11TM															
66	11150014	LÃ BÍCH	TRI	03/04/93	DH11TM															
67	11164005	HỒ HÀ HUYỀN	TRINH	16/09/93	DH11TC															
68	12122255	LƯU PHƯƠNG	TRINH	30/04/94	DH12TC															
69	12122260	NGUYỄN THỊ SƠN	TRÚC	20/07/94	DH12QT															
70	11150080	NGUYỄN ANH	TUẤN	10/05/93	DH11TM															
71	12124336	ĐẶNG THỊ KIM	TUYỀN	06/06/94	DH12QL															
72	10122185	TÔ THI KIM	TUYẾN	09/08/92	DH10QT															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Thị trường chứng khoán (208425) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Hà Thị Thu Hòa (857)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	11122124	NGUYỄN THỊ BẢO	UYÊN	21/08/93	DH11QT															
74	12122071	ĐINH HOÀNG	VŨ	01/01/94	DH12TC															
75	11150098	TRẦN THỤY NHƯ	Ý	07/11/93	DH11TM															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Thị trường chứng khoán (208425) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Hà Thị Thu Hòa (857)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	11135032	NGUYỄN CÔNG	ANH	28/03/93	DH11TB															
2	11123002	TRẦN QUỐC	ANH	08/06/93	DH11KE															
3	12124134	NGUYỄN THỤY NGỌC	ÁNH	18/03/94	DH12QL															
4	11135038	VÕ NGUYỄN BẢO	CHÂU	15/09/93	DH11TB															
5	11122048	VÕ THỊ KIM	CHI	28/08/93	DH11QT															
6	11123073	NGUYỄN THỊ THÚY	DIỄM	30/04/93	DH11KE															
7	10135014	LÊ THỊ THANH	DIỆU	22/08/92	DH10TB															
8	11123210	PHẠM THỊ THÙY	DUNG	01/04/93	DH11KE															
9	11122060	PHAN THỊ	DUNG	25/02/93	DH11QT															
10	11150034	NGUYỄN VĂN	DŨNG	25/10/92	DH11TM															
11	11123004	TRƯƠNG KHẮC	DUY	11/08/92	DH11KE															
12	11122064	PHẠM THỊ MỸ	DUYÊN	22/11/93	DH11QT															
13	11150036	BÙI THỊ	ĐẬM	15/08/93	DH11TM															
14	11162003	LÊ PHƯƠNG	GIANG	27/02/93	DH11TB															
15	11135041	NGUYỄN DƯƠNG HOÀNG	HẢI	20/04/93	DH11TB															
16	11135042	PHAN THANH	HẢI	27/03/93	DH11TB															
17	10135025	PHAN THỊ NHẬT	HẢI	12/11/92	DH10TB															
18	10135029	NGUYỄN THỊ DIỄM	HẰNG	14/05/92	DH10TB															
19	11122135	HÀ THỊ HỒNG	HÂN	19/01/93	DH11QT															
20	11135007	PHÍ THỊ KIỀU	HÂN	02/01/93	DH11TB															
21	12122134	HỒ THỊ	HẬU	13/04/93	DH12TM															
22	10135037	NGUYỄN THỊ	HOA	01/04/92	DH10TB															
23	11123012	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	HỒNG	10/03/93	DH11KE															
24	11122009	LÊ THỊ KIM	HUỆ	10/07/93	DH11QT															
25	11122075	TRẦN ĐỨC	HUY	12/04/93	DH11QT															
26	11122015	NGUYỄN TRỊNH XUÂN	KHOA	23/03/93	DH11QT															
27	11122018	TRẦN ĐỨC	LÃM	10/09/93	DH11QT															
28	11135047	NGUYỄN THỊ THU	LÀNH	27/07/93	DH11TB															
29	11150090	HUỲNH NGỌC	LIẾNG	06/09/93	DH11TM															
30	09150064	MAI THỊ THẢO	MỴ	16/07/91	DH09TM															
31	11122028	THÁI NHƯ	NGỌC	19/01/93	DH11QT															
32	11135015	TÔN HỒNG	NGỌC	05/03/93	DH11TB															
33	11135051	NGÔ HOÀNG	NHÃ	01/12/93	DH11TB															
34	11135054	NGUYỄN DƯƠNG	NHI	25/06/93	DH11TB															
35	11135018	LÊ THỊ KIỀU	OANH	11/06/93	DH11TB															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Thị trường chứng khoán (208425) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Hà Thị Thu Hòa (857)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	10135080	NGÔ THỊ KIỀU	OANH	08/01/91	DH10TB															
37	12122203	HỒ NHÌN	PHÓN	19/04/93	DH12QT															
38	10150062	NGUYỄN CAO	PHƯƠNG	02/10/92	DH10TM															
39	11123040	NGÔ MINH	QUÂN	17/02/93	DH11KE															
40	10122134	ĐẶNG VĂN	SỰ	01/01/92	DH10QT															
41	11122093	DƯƠNG THẾ	TÂM	19/07/93	DH11QT															
42	11135058	TRẦN THANH THANH	TÂM	26/05/93	DH11TB															
43	10122139	GIÒNG VY	TÂN	23/04/91	DH10QT															
44	11123145	ĐỖ PHƯƠNG	THẢO	11/12/92	DH11KE															
45	10123169	TRẦN THỊ THU	THẢO	12/01/92	DH10KE															
46	10135100	NGÔ THỊ	THU	29/07/91	DH10TB															
47	11135064	DƯƠNG QUÝ	THỦY	24/01/93	DH11TB															
48	11135065	LÊ ANH	THƯ	29/12/93	DH11TB															
49	10135105	NGUYỄN PHẠM ANH	THƯ	06/06/92	DH10TB															
50	10135107	ĐẶNG THỊ	TIỀN	04/10/92	DH10TB															
51	10135113	DƯƠNG THỊ THANH	TRANG	25/11/92	DH10TB															
52	11122117	LÊ THÙY	TRANG	24/08/93	DH11QT															
53	11135069	NGUYỄN THỊ THIÊN	TRANG	15/10/93	DH11TB															
54	10135119	TRẦN NGUYỄN THỊ TH	TRANG	13/01/92	DH10TB															
55	10151091	TRẦN THỊ HUYỀN	TRANG	24/07/91	DH10TB															
56	11135031	TRẦN ANH	TRÂM	01/06/93	DH11TB															
57	10135125	ĐOÀN NGUYỄN XUÂN	TRÍ	13/03/92	DH10TB															
58	11135071	CAO PHAN DIỄM	TRINH	03/02/93	DH11TB															
59	11363209	VÕ THỊ CẨM	TÚ	06/01/93	CD11CA															
60	10135129	NGUYỄN THỊ THANH	TUYỀN	24/03/92	DH10TB															
61	11122126	ĐIỀU THỊ TƯỜNG	VI	16/10/93	DH11QT															
62	10135140	LÊ THỊ TƯỜNG	VI	06/02/91	DH10TB															
63	11150016	NGUYỄN THỊ	VĨ	03/04/93	DH11TM															
64	10135143	NGUYỄN NHẬT	VŨ	20/12/91	DH10TB															
65	10135145	HỒ ĐĂNG	XUÂN	07/11/92	DH10TB															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Kinh doanh quốc tế (208427) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Nguyễn Thị Bình Minh (T500)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	12122294	ĐÀO BÍCH	CHI	09/04/94	DH12TM															
2	11122059	NGÔ THỊ	CHUYÊN	25/09/93	DH11QT															
3	12122006	LÊ THỊ NGỌC	CÚC	09/02/94	DH12TM															
4	12122076	NGUYỄN THỊ HỒNG	DIỄM	22/12/94	DH12QT															
5	12122297	NGUYỄN THỊ THANH	DIỆU	08/01/94	DH12QT															
6	12122007	BÙI THỊ	DUNG	15/09/93	DH12QT															
7	12122008	LÊ THỊ	DUNG	26/01/94	DH12QT															
8	12122009	NGUYỄN THỊ THÙY	DUYÊN	07/02/94	DH12QT															
9	12122282	TRẦN MỸ	DUYÊN	19/10/94	DH12QT															
10	12122010	LÊ NGỌC	DƯ	20/11/94	DH12QT															
11	11155003	BÙI TẤN	ĐẠT	21/06/93	DH11KN															
12	12122123	NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	20/10/94	DH12TM															
13	12122126	BÙI THỊ THU	HÀ	10/10/94	DH12TM															
14	12122128	PHẠM THỊ THU	HÀ	17/09/94	DH12TM															
15	12122129	TRẦN THỊ	HÀ	09/01/94	DH12TM															
16	09122024	NGUYỄN HOÀNG	HAI	16/12/89	DH09QT															
17	12122134	HỒ THỊ	HẬU	13/04/93	DH12TM															
18	11150085	VÕ THỊ	HIỀN	19/02/93	DH11TM															
19	12155073	KIM QUỐC	HIỂN	12/02/91	DH12KN															
20	12122017	PHẠM ĐĂNG	HIỄN	08/08/94	DH12TM															
21	12122138	NGUYỄN VĂN	HIẾU	06/01/93	DH12TM															
22	12122104	NGUYỄN THỊ	HOA	10/07/94	DH12TM															
23	10122060	TRỊNH XUÂN	HÒA	04/03/92	DH10QT															
24	12122317	NGUYỄN VĂN	HOÀI	21/11/94	DH12QT															
25	11150043	NGUYỄN NGỌC THANH	HUYỀN	05/08/93	DH11TM															
26	11122012	BÙI THỊ MỸ	HƯƠNG	07/07/93	DH11QT															
27	12122301	NGUYỄN HƯNG	KHƯƠNG	23/08/94	DH12QT															
28	12122156	NGUYỄN THỊ THU	KIỀU	16/06/94	DH12QT															
29	12122029	PHẠM THỊ KIM	LÀNH	15/09/94	DH12QT															
30	11150046	PHẠM THỊ KIM	LIÊN	04/08/93	DH11TM															
31	12122166	PHẠM DUY	LINH	10/04/93	DH12QT															
32	12122168	NGUYỄN THỊ THANH	LOAN	14/04/93	DH12TM															
33	11150049	ĐẬU HOÀNG LY	LY	02/06/93	DH11TM															
34	11150091	LƯƠNG THỊ BÍCH	LY	15/07/93	DH11TM															
35	12122032	NGUYỄN DẠ	LÝ	08/05/94	DH12QT															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kinh doanh quốc tế (208427) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Nguyễn Thị Bình Minh (T500)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	12122033	DƯƠNG THỊ PHƯỢNG	MAI	13/07/94	DH12QT															
37	12122174	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	MAI	13/07/93	DH12TM															
38	08150084	TRƯƠNG TRẦN KIỀU	MY	28/08/90	DH08TM															
39	12155018	NGUYỄN THỊ HẰNG	NGA	05/04/92	DH12KN															
40	12122036	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	05/06/94	DH12QT															
41	12122182	NGUYỄN VĂN	NGHĨA	20/01/94	DH12QT															
42	11150052	NGUYỄN PHẠM HỒNG	NGỌC	03/08/93	DH11TM															
43	12122333	NGUYỄN THỊ	NGỌC	10/01/94	DH12QT															
44	12122183	THOÒNG KIM	NGỌC	09/04/94	DH12TM															
45	11150053	ĐÀM THỊ THẢO	NGUYÊN	03/06/93	DH11TM															
46	12122188	NGUYỄN THỊ	NGUYỆT	04/10/94	DH12TM															
47	10150053	ĐẶNG THỊ KIM	NHÀN	16/09/92	DH10TM															
48	10150054	NGUYỄN THỊ	NHÀNH	19/10/92	DH10TM															
49	10122206	BÙI ANH CHÍ	NHÂN	30/05/90	DH10QT															
50	11150056	LÊ THỊ TUYẾT	NHUNG	13/05/92	DH11TM															
51	12122200	VÕ THỊ NGỌC	NHƯ	15/04/93	DH12QT															
52	12122040	NGUYỄN TẤN	PHÚ	18/07/94	DH12QT															
53	12122041	HUỲNH THỊ MỸ	PHÚC	17/09/94	DH12TM															
54	12122043	NGUYỄN NGỌC KIM	PHƯƠNG	25/03/94	DH12TM															
55	12122208	TRƯƠNG THỊ	PHƯƠNG	08/06/93	DH12TM															
56	11150063	BÙI LÊ BÍCH	PHƯỢNG	05/10/93	DH11TM															
57	12122044	NGUYỄN XUÂN	QUANG	11/06/94	DH12QT															
58	11155031	PHẠM HỒNG	QUÂN	26/10/93	DH11KN															
59	11150065	ĐINH THANH	SƠN	24/02/92	DH11TM															
60	12122308	NGUYỄN THỊ THU	SƯƠNG	10/10/94	DH12TM															
61	12122309	TRẦN THỊ MINH	TÂM	01/06/94	DH12TM															
62	11155052	VŨ THỊ HẠNH	TÂM	24/11/93	DH11KN															
63	12122050	GIẢNG NGỌC PHƯƠNG	TÂN	16/06/94	DH12QT															
64	12122052	TRẦN NGỌC DUY	TÂN	29/03/94	DH12QT															
65	11122107	TỐNG NGỌC HỒNG	THANH	18/04/93	DH11QT															
66	10150076	HUỲNH THANH	THẢO	27/02/92	DH10TM															
67	11122109	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	THẢO	31/08/93	DH11QT															
68	12122225	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	03/01/94	DH12TM															
69	11150008	HUỲNH THỊ HỒNG	THẮM	18/12/93	DH11TM															
70	12122227	PHẠM THỊ HỒNG	THẮM	17/10/94	DH12QT															
71	12122228	PHẠM THỊ NGỌC	THẮM	04/03/94	DH12QT															
72	11150010	PHẠM THỊ KIM	THOA	15/09/93	DH11TM															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kinh doanh quốc tế (208427) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Nguyễn Thị Bình Minh (T500)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	12155098	ĐẶNG THỊ PHƯƠNG	THOẠI	13/06/94	DH12KN															
74	12122311	ĐỖ THỊ CẨM	THƠ	05/05/94	DH12TM															
75	11150011	HOÀNG KIM	THU	05/06/93	DH11TM															
76	11122053	NGÔ THỊ NGỌC	THÚY	21/08/93	DH11QT															
77	12122312	CÙ THỊ CẨM	THƯƠNG	29/03/94	DH12QT															
78	12122289	HUỲNH THỊ HỒNG	TIẾN	17/04/94	DH12QT															
79	12122063	HÀ THỊ	TRANG	13/06/94	DH12QT															
80	12122247	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	30/01/94	DH12QT															
81	12122248	NGUYỄN THÙY	TRANG	13/02/94	DH12TM															
82	11122120	ĐẶNG TRẦN THÙY	TRÂM	06/07/93	DH11QT															
83	12122292	NGUYỄN THỊ TUYẾT	TRINH	17/04/94	DH12QT															
84	12122315	NGUYỄN THỊ KIM	TRỌN	16/02/94	DH12QT															
85	12122065	HỒ CHÍ	TRUNG	19/06/93	DH12QT															
86	11150078	NGUYỄN BẢO	TRUNG	08/05/93	DH11TM															
87	12122068	NGUYỄN MINH	TUẤN	22/04/94	DH12QT															
88	08222174	TRẦN VĂN	TUẤN	15/09/89	TC08QTTD															
89	12122092	NGUYỄN HOÀNG THÚY	VÂN	20/10/94	DH12QT															
90	12122266	HOÀNG NGUYÊN	VI	14/10/94	DH12QT															
91	11150016	NGUYỄN THỊ	VĨ	03/04/93	DH11TM															
92	12122072	PHAN NGỌC	VY	20/10/94	DH12TM															
93	12122274	NGUYỄN THỊ THANH	XUÂN	02/06/94	DH12TM															
94	12122275	TRẦN THỊ KIM	XUÂN	08/04/94	DH12QT															
95	12122277	PHẠM VĂN	YÊN	08/02/94	DH12QT															
96	11155021	ĐINH THỊ	YẾN	06/10/92	DH11KN															
97	12122280	NGUYỄN THỊ KIM	YẾN	05/08/94	DH12QT															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Kinh doanh quốc tế (208427) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Nguyễn Thị Bình Minh (T500)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	12122096	ĐỖ HOÀI	ANH	21/06/94	DH12TM															
2	12122098	TRẦN THỊ KIM	ANH	29/06/94	DH12QT															
3	11150099	TRƯƠNG ĐOÀN TÚ	ANH	22/11/93	DH11TM															
4	12122103	TRƯƠNG TRẦN HOÀNG	BẢO	20/10/94	DH12QT															
5	11155028	NGUYỄN HẢI	BẰNG	07/08/92	DH11KN															
6	12122003	TRƯƠNG THỊ KIM	BÍCH	18/06/94	DH12QT															
7	12122105	NGUYỄN DUY	BÌNH	08/03/94	DH12TM															
8	11155011	NGUYỄN PHÚC	CẢNH	12/06/92	DH11KN															
9	11122002	HUỲNH THỊ LAN	CHI	18/06/93	DH11QT															
10	11155012	TRẦN HỮU	CHÍ	21/01/92	DH11KN															
11	12122295	LÊ THỊ QUÍ	CHUNG	04/07/94	DH12QT															
12	11155001	PHẠM THỊ	CHUNG	30/09/93	DH11KN															
13	10150004	HUỲNH ĐỨC	CƯỜNG	17/07/92	DH10TM															
14	12122110	LÊ HOÀNG TRIỆU	DIỄM	10/11/94	DH12TM															
15	12122296	MAI THỊ	DIỄM	30/07/94	DH12TM															
16	12122111	TRẦN THỊ	DIỄM	12/12/94	DH12QT															
17	11150020	TRẦN NGỌC TRUNG	DU	10/01/93	DH11TM															
18	12122298	PHẠM THỊ PHƯƠNG	DUNG	04/04/94	DH12TM															
19	12122114	BÙI NGUYỄN HOÀNG	DUY	24/05/91	DH12TM															
20	11155002	PHAN ANH	DUY	02/12/93	DH11KN															
21	12122115	TRẦN HỮU	DUY	08/11/92	DH12QT															
22	12122118	PHẠM THỊ MỸ	DUYÊN	01/03/94	DH12TM															
23	12122122	TRẦN THỊ THÙY	DƯƠNG	17/09/94	DH12TM															
24	12122324	HOÀNG THỊ	ĐÀO	06/06/92	DH12QT															
25	12122325	ĐÀO VĂN	ĐẠO	05/03/93	DH12QT															
26	11150036	BÙI THỊ	ĐẬM	15/08/93	DH11TM															
27	12122323	TRIỆU THỊ	GIANG	26/12/93	DH12QT															
28	12122127	HOÀNG THỊ NGỌC	HÀ	03/11/94	DH12TM															
29	12122283	TRẦN THỊ THANH	HÀ	25/08/94	DH12QT															
30	12122130	NGUYỄN VĂN	HẢI	28/12/94	DH12QT															
31	12122131	NGUYỄN THỊ NGỌC	HẠNH	23/04/94	DH12TM															
32	11122068	CHU THỊ MINH	HẰNG	05/08/93	DH11QT															
33	12122016	TRỊNH THẾ	HIỀN	19/11/94	DH12QT															
34	12155044	CAO THỊ KIỀU	HOA	13/09/94	DH12KN															
35	12122141	NGUYỄN THỊ	HOÀ	18/08/94	DH12TM															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kinh doanh quốc tế (208427) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Nguyễn Thị Bình Minh (T500)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	12122318	NGUYỄN THỊ	HỒNG	29/09/94	DH12QT															
37	11122074	HOÀNG THI KIM	HUỆ	01/11/93	DH11QT															
38	12122021	LƯU HỮU	HUỆ	01/02/92	DH12QT															
39	12155108	NGUYỄN THỊ	HUỆ	06/01/94	DH12KN															
40	12155002	NGUYỄN VĂN	HÙNG	29/04/93	DH12KN															
41	12122022	LÊ THANH	HUY	30/03/94	DH12QT															
42	11155042	HUỲNH NGỌC	HUYỀN	06/06/93	DH11KN															
43	12122146	TRẦN THỊ NGỌC	HUYỀN	20/10/93	DH12QT															
44	12122149	NGUYỄN LAN	HƯƠNG	29/08/94	DH12TM															
45	12122150	NGUYỄN THỊ THU	HƯƠNG	10/07/94	DH12TM															
46	12122155	NGUYỄN THỊ THUỲ	KHUYÊN	15/03/94	DH12QT															
47	11150045	NGUYỄN THỊ NGỌC	LAN	30/08/93	DH11TM															
48	12122158	TRẦN THỊ TUYẾT	LAN	10/11/94	DH12QT															
49	12122161	ĐINH THÙY	LINH	09/11/94	DH12TM															
50	11150047	NGÔ NGỌC KHÁNH	LINH	24/12/93	DH11TM															
51	12122164	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	24/11/94	DH12QT															
52	11122022	TRẦN THÙY	LINH	27/06/93	DH11QT															
53	12122170	HUỲNH THỊ ĐỨC	LỘC	10/06/94	DH12QT															
54	12122173	HOÀNG CÔNG	LỰC	01/07/94	DH12TM															
55	11122025	NGUYỄN THỊ THẢO	LY	11/12/93	DH11QT															
56	12122031	LÊ THỊ KIM	LÝ	16/03/94	DH12QT															
57	12122175	TRẦN HUỲNH TRÀ	MI	11/08/94	DH12TM															
58	11122026	NGUYỄN THỊ THÙY	MINH	01/01/93	DH11QT															
59	12122177	TRẦN VĂN	MONG	06/03/92	DH12TM															
60	12155153	NGUYỄN THỊ HỒNG	MỤI	26/11/94	DH12KN															
61	12122034	HUỲNH THANH	NAM	03/05/93	DH12TM															
62	12122178	LÊ HOÀI	NAM	22/12/94	DH12QT															
63	12122080	PHẠM THÀNH	NAM	29/03/93	DH12QT															
64	12122037	DƯƠNG THỊ BÍCH	NGỌC	14/10/93	DH12QT															
65	12122184	LÊ ĐẶNG THẢO	NGUYÊN	15/12/94	DH12QT															
66	12122185	PHẠM PHƯƠNG	NGUYÊN	16/10/94	DH12QT															
67	11150094	PHẠM THÁI	NGUYÊN	13/01/93	DH11TM															
68	12155064	NGUYỄN THỊ XUÂN	NGUYỆN	24/02/93	DH12KN															
69	12122305	TRẦN THỊ	NGUYỆT	30/11/94	DH12TM															
70	11155048	NGUYỄN THỊ LINH	NHÂM	23/02/93	DH11KN															
71	12122192	VÕ CÔNG	NHÂN	23/04/94	DH12QT															
72	11122092	LÊ THỊ YẾN	NHI	18/01/93	DH11QT															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kinh doanh quốc tế (208427) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Nguyễn Thị Bình Minh (T500)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	11122094	NGUYỄN THỊ CẨM	NHUNG	02/09/93	DH11QT															
74	12122306	NGUYỄN THỊ THÚY	NHY	01/07/94	DH12QT															
75	11150087	TÔ YẾN	OANH	19/05/93	DH11TM															
76	12122205	ĐẶNG HOÀNG	PHÚC	18/09/94	DH12QT															
77	11155025	CHÂU THỊ KIM	PHỤNG	24/01/93	DH11KN															
78	11150059	TRẦN THỊ KIM	PHỤNG	15/09/93	DH11TM															
79	11122097	NGUYỄN THÁI	PHƯƠNG	21/05/93	DH11QT															
80	11155007	VĂN THỊ	PHƯƠNG	05/03/93	DH11KN															
81	11155030	NGUYỄN THỊ NGỌC	QUYÊN	04/11/93	DH11KN															
82	12122045	LÊ VĂN	QUYẾT	12/01/94	DH12TM															
83	12122213	LÊ NGỌC PHƯƠNG	QUỲNH	09/12/94	DH12TM															
84	12122215	NGUYỄN BẢO	QUỲNH	20/06/94	DH12TM															
85	12122047	VŨ THÚY	QUỲNH	22/01/94	DH12QT															
86	12122049	NGUYỄN VĂN	SÁU	28/02/91	DH12QT															
87	12122288	TẠ NGUYỄN THẢO	SƯƠNG	08/08/94	DH12QT															
88	11122105	VÕ THỊ	TẠO	10/01/93	DH11QT															
89	12155022	NGUYỄN THỊ	TÂM	16/04/94	DH12KN															
90	11122052	TRẦN THỊ MINH	TÂM	09/04/93	DH11QT															
91	11122111	PHẠM QUỐC	THÁI	05/04/93	DH11QT															
92	12122219	LÊ HOÀNG ANH	THAO	05/10/94	DH12TM															
93	11155037	ĐINH THỊ PHƯƠNG	THẢO	14/12/92	DH11KN															
94	12122221	ĐOÀN THỊ XUÂN	THẢO	13/01/94	DH12QT															
95	12122222	HỒ THỊ PHƯƠNG	THẢO	14/10/94	DH12QT															
96	11122110	PHAN THỊ PHƯƠNG	THẢO	07/07/93	DH11QT															
97	11155049	VŨ THU	THẢO	27/11/93	DH11KN															
98	11122113	TRỊNHTHI KIỀU	THI	20/04/93	DH11QT															
99	11150022	DƯƠNG THỊ	THOA	28/10/93	DH11TM															
100	12122055	NGUYỄN VĂN	THÔNG	16/08/93	DH12TM															
101	12122233	PHẠM THỊ BÍCH	THỦY	28/02/94	DH12QT															
102	12155101	LÊ NGỌC ANH	THƯ	24/01/94	DH12KN															
103	12122235	NGUYỄN THỊ ANH	THƯ	27/05/94	DH12TM															
104	12122059	NGUYỄN THỊ KIỀU	TIÊN	01/11/94	DH12QT															
105	12122061	NGUYỄN HỮU	TÍN	27/03/94	DH12QT															
106	11122144	NGUYỄN THỊ	TÌNH	16/11/93	DH11QT															
107	12122062	TRẦN MINH	TOÀN	27/03/94	DH12QT															
108	12122246	LÊ NGỌC PHƯƠNG	TRANG	10/06/94	DH12QT															
109	12122250	TRẦN THỊ THÙY	TRANG	22/07/94	DH12TM															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kinh doanh quốc tế (208427) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Nguyễn Thị Bình Minh (T500)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
110	12122064	THÁI DƯƠNG HUỲNH	TRÂN	08/04/93	DH12TM															
111	11122038	TRẦN KHÁNH	TRÂN	08/03/93	DH11QT															
112	11150025	NGÔ CHÍ	TRUNG	19/05/93	DH11TM															
113	12155066	VÕ QUỐC	TRUNG	17/02/93	DH12KN															
114	11155009	HUỲNH NHẬT	TRƯỜNG	12/09/92	DH11KN															
115	11122122	BÙI KIM	TÙNG	15/08/93	DH11QT															
116	12122147	TRỊNH THỊ THU	TUYỀN	24/04/94	DH12QT															
117	12122264	NGUYỄN THỊ	VÂN	30/06/94	DH12QT															
118	12122070	KIỀU VŨ THÚY	VI	19/11/94	DH12TM															
119	12122271	CAO KHÁNH	VY	29/04/94	DH12TM															
120	11155053	HUỲNH LÊ	VY	13/04/93	DH11KN															
121	12122272	LÊ THỊ TƯỜNG	VY	30/06/94	DH12TM															
122	12122273	NGUYỄN THỊ HOÀI	XUÂN	05/03/94	DH12TM															
123	11150098	TRẦN THỤY NHƯ	Ý	07/11/93	DH11TM															
124	12122074	NGUYỄN THỊ HẢI	YẾN	15/04/94	DH12QT															
125	12122279	NGUYỄN THỊ HẢI	YẾN	19/05/94	DH12QT															
126	12122281	NGUYỄN THỊ PHI	YẾN	27/11/94	DH12QT															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Quản trị chất lượng (208429) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Nguyễn Thị Bích Phương (295)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	11173006	HUỲNH PHƯƠNG	ANH	31/12/93	DH11TM															
2	10155049	NGUYỄN THỊ VÂN	ANH	10/03/92	DH10KN															
3	11150028	TRẦN NGỌC LAN	ANH	25/11/93	DH11TM															
4	11150029	TRẦN PHƯƠNG	ANH	14/12/93	DH11TM															
5	10122015	TRẦN HUỲNH	BÁCH	13/02/92	DH10QT															
6	11122057	TRỊNH ĐỨC	CHÂU	01/03/93	DH11QT															
7	11150017	NGUYỄN THỊ DIỄM	CHI	10/07/93	DH11TM															
8	11122048	VÕ THỊ KIM	CHI	28/08/93	DH11QT															
9	11122059	NGÔ THỊ	CHUYÊN	25/09/93	DH11QT															
10	11150020	TRẦN NGỌC TRUNG	DU	10/01/93	DH11TM															
11	11150034	NGUYỄN VĂN	DŨNG	25/10/92	DH11TM															
12	10122029	HUỲNH KHƯƠNG	DUY	30/01/92	DH10QT															
13	11150033	TRẦN THỊ THÚY	DUY	19/08/93	DH11TM															
14	11122004	ĐỖ HUỲNH THÚY	DUYÊN	30/10/93	DH11QT															
15	11122064	PHẠM THỊ MỸ	DUYÊN	22/11/93	DH11QT															
16	11122066	NGUYỄN THỊ ANH	ĐÀO	12/01/93	DH11QT															
17	11122049	MAN MINH	ĐẢO	20/04/93	DH11QT															
18	11150001	DƯƠNG XUÂN	ĐIỀU	10/03/92	DH11TM															
19	11122005	LÊ VĂN	ĐỨC	28/09/91	DH11QT															
20	10122042	NGUYỄN HOÀNG	GIANG	24/10/91	DH10QT															
21	11150037	LÊ THỊ THU	HÀ	17/09/93	DH11TM															
22	11155013	THÁI THỊ	HÀ	16/02/92	DH11KN															
23	11155018	ĐOÀN THANH	HẢI	16/04/93	DH11KN															
24	11122134	HUỲNH THỊ	HẢO	15/02/93	DH11QT															
25	12122300	ĐẶNG THỊ	HẰNG	13/08/93	DH12TC															
26	11122050	ĐỒNG THỊ THANH	HẰNG	16/01/93	DH11QT															
27	11150039	NGUYỄN THỊ	HẰNG	03/03/93	DH11TM															
28	11122135	HÀ THỊ HỒNG	HÂN	19/01/93	DH11QT															
29	11150042	HUỲNH MINH	HIẾU	21/12/93	DH11TM															
30	11122137	ĐẶNG THỊ	HÒA	02/04/93	DH11QT															
31	10122063	ĐỖ PHƯỚC	HÒA	03/04/92	DH10QT															
32	11122072	NGUYỄN THỊ	HOÀI	24/04/93	DH11QT															
33	10164012	LÊ KIM	HỒNG	22/10/92	DH10TC															
34	11122073	VÕ THỊ THU	HỒNG	18/08/93	DH11QT															
35	11122130	ĐẶNG HỒNG	HUẾ	16/05/93	DH11QT															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Quản trị chất lượng (208429) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Nguyễn Thị Bích Phương (295)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	11122009	LÊ THỊ KIM	HUỆ	10/07/93	DH11QT															
37	11122011	ĐÀO ĐẶNG THANH	HUYỀN	15/01/93	DH11QT															
38	11122077	TRỊNH NGUYỄN THU	HUYỀN	03/09/93	DH11QT															
39	11122012	BÙI THỊ MỸ	HƯƠNG	07/07/93	DH11QT															
40	11122013	HUỲNH THỊ MỸ	HƯƠNG	24/02/93	DH11QT															
41	11155022	TRẦN THỊ DIỄM	HƯƠNG	06/01/93	DH11KN															
42	11122017	NGÔ HƯƠNG	LAN	07/06/93	DH11QT															
43	11150045	NGUYỄN THỊ NGỌC	LAN	30/08/93	DH11TM															
44	10122080	CAO VĂN	LÂM	25/11/92	DH10QT															
45	11122020	NGUYỄN THỊ	LÊ	02/10/93	DH11QT															
46	11150090	HUỲNH NGỌC	LIẾNG	06/09/93	DH11TM															
47	11150047	NGÔ NGỌC KHÁNH	LINH	24/12/93	DH11TM															
48	11122081	PHẠM HÀ KIM	LINH	17/06/93	DH11QT															
49	11122082	TRẦN MẠNH	LINH	22/02/93	DH11QT															
50	11155029	TRẦN NGỌC NHẬT	LINH	27/05/93	DH11KN															
51	11122022	TRẦN THÙY	LINH	27/06/93	DH11QT															
52	11150048	BÙI TUẤN	LỘC	02/09/93	DH11TM															
53	11150049	ĐẬU HOÀNG LY	LY	02/06/93	DH11TM															
54	11150091	LƯƠNG THỊ BÍCH	LY	15/07/93	DH11TM															
55	11122084	NGÔ THỊ KIM	MAI	03/08/93	DH11QT															
56	11122086	NGUYỄN THỊ NGỌC	NGÂN	09/09/93	DH11QT															
57	11150052	NGUYỄN PHẠM HỒNG	NGỌC	03/08/93	DH11TM															
58	10122104	NGUYỄN THỊ BẢO	NGỌC	21/04/92	DH10QT															
59	11122028	THÁI NHƯ	NGỌC	19/01/93	DH11QT															
60	11122088	LÊ THỊ HẠNH	NGUYÊN	28/12/93	DH11QT															
61	11155048	NGUYỄN THỊ LINH	NHÂM	23/02/93	DH11KN															
62	11150007	ĐỖ TRỌNG	NHÂN	12/10/93	DH11TM															
63	11150054	ĐỖ QUANG	NHẬT	17/03/92	DH11TM															
64	11122091	PHẠM HỒNG	NHẬT	03/04/93	DH11QT															
65	11122094	NGUYỄN THỊ CẨM	NHUNG	02/09/93	DH11QT															
66	11155024	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	14/02/93	DH11KN															
67	11122139	HUỲNH NGUYỄN QUỲNH	NHƯ	09/12/93	DH11QT															
68	11122131	NGUYỄN THỊ NGỌC	NỮ	01/02/93	DH11QT															
69	10122118	NGUYỄN SƯ	PHONG	30/01/92	DH10QT															
70	11150096	HUỲNH THỊ BÍCH	PHƯƠNG	28/06/93	DH11TM															
71	10122126	MAI THỊ MỸ	PHƯƠNG	24/09/92	DH10QT															
72	11150063	BÙI LÊ BÍCH	PHƯỢNG	05/10/93	DH11TM															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Quản trị chất lượng (208429) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Nguyễn Thị Bích Phương (295)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	11155031	PHẠM HỒNG	QUÂN	26/10/93	DH11KN															
74	11155010	LÊ THỊ PHƯƠNG	QUYÊN	17/11/93	DH11KN															
75	11122051	NGUYỄN THỊ TRÚC	QUỲNH	26/07/93	DH11QT															
76	11122146	TRẦN THỊ TRÚC	QUỲNH	07/06/92	DH11QT															
77	11155047	NGUYỄN MINH	TÂM	10/09/93	DH11KN															
78	11122052	TRẦN THỊ MINH	TÂM	09/04/93	DH11QT															
79	10122138	TRẦN THỊ THANH	TÂM	28/11/92	DH10QT															
80	11122034	NGUYỄN VĂN	THÁI	13/01/93	DH11QT															
81	11150097	HUỲNH THỊ PHƯƠNG	THẢO	05/03/93	DH11TM															
82	11122109	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	THẢO	31/08/93	DH11QT															
83	11150066	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	05/11/93	DH11TM															
84	11150067	NGUYỄN BẢO	THI	09/11/93	DH11TM															
85	11150022	DƯƠNG THỊ	THOA	28/10/93	DH11TM															
86	11150010	PHẠM THỊ KIM	THOA	15/09/93	DH11TM															
87	11122114	ĐẶNG THỊ NGỌC	THỌI	27/12/92	DH11QT															
88	11150011	HOÀNG KIM	THU	05/06/93	DH11TM															
89	11155015	NGÔ PHAN VŨ GIA	THUẬN	12/01/93	DH11KN															
90	10122159	ĐINH THỊ THANH	THỦY	02/12/92	DH10QT															
91	11150069	ĐÀO THỊ PHƯƠNG	THÚY	27/08/93	DH11TM															
92	11122053	NGÔ THỊ NGỌC	THÚY	21/08/93	DH11QT															
93	11122036	PHẠM THỊ THU	THÚY	26/11/93	DH11QT															
94	11150070	LÊ NGỌC ANH	THƯ	22/08/93	DH11TM															
95	11122142	TRẦN THỊ HOÀI	THƯƠNG	21/03/93	DH11QT															
96	11122037	TRẦN VĂN	TÍ	10/09/92	DH11QT															
97	11150072	ĐẶNG THỊ CẨM	TIÊN	17/03/93	DH11TM															
98	11150073	PHẠM GIANG THỦY	TIÊN	01/10/93	DH11TM															
99	11122144	NGUYỄN THỊ	TÌNH	16/11/93	DH11QT															
100	11122046	LÊ THANH	TỊNH	16/06/93	DH11QT															
101	11122117	LÊ THÙY	TRANG	24/08/93	DH11QT															
102	11150074	TRẦN NGỌC MAI	TRANG	21/11/92	DH11TM															
103	11122118	TRẦN THỊ THẢO	TRANG	05/09/93	DH11QT															
104	11122120	ĐẶNG TRẦN THÙY	TRÂM	06/07/93	DH11QT															
105	12122251	LÊ HUỲNH NGỌC	TRÂM	22/05/94	DH12TM															
106	11122054	NGUYỄN THỊ QUYỀN	TRÂM	30/11/93	DH11QT															
107	11150076	TRẦN THỊ BẢO	TRÂN	15/04/93	DH11TM															
108	11150014	LÃ BÍCH	TRI	03/04/93	DH11TM															
109	11122132	VÕ THỊ DIỄM	TRINH	19/09/93	DH11QT															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Quản trị chất lượng (208429) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Nguyễn Thị Bích Phương (295)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
110	11150025	NGÔ CHÍ	TRUNG	19/05/93	DH11TM															
111	11150078	NGUYỄN BẢO	TRUNG	08/05/93	DH11TM															
112	11122133	NGUYỄN VIỆT	TRUNG	24/05/93	DH11QT															
113	11155009	HUỲNH NHẬT	TRƯỜNG	12/09/92	DH11KN															
114	11150080	NGUYỄN ANH	TUẤN	10/05/93	DH11TM															
115	10122185	TÔ THI KIM	TUYẾN	09/08/92	DH10QT															
116	11122124	NGUYỄN THỊ BẢO	UYÊN	21/08/93	DH11QT															
117	11122039	LA HOÀNG	VŨ	24/03/93	DH11QT															
118	11122145	TRẦN THỊ TOÀN	VY	15/09/93	DH11QT															
119	11150098	TRẦN THỤY NHƯ	Ý	07/11/93	DH11TM															
120	11155021	ĐINH THỊ	YẾN	06/10/92	DH11KN															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Quản trị chất lượng (208429) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Nguyễn Thị Bích Phương (295)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	12122095	NGUYỄN NGỌC THÙY	AN	19/05/94	DH12TC															
2	12122098	TRẦN THỊ KIM	ANH	29/06/94	DH12QT															
3	11150099	TRƯƠNG ĐOÀN TÚ	ANH	22/11/93	DH11TM															
4	11122147	PHẠM ANH	BẢO	04/09/93	DH11QT															
5	11150032	TRƯƠNG GIA	BẢO	22/08/93	DH11TM															
6	12122105	NGUYỄN DUY	BÌNH	08/03/94	DH12TM															
7	12122106	BÙI THỊ	CẨM	02/02/93	DH12TM															
8	11150019	PHAN THỊ	DIỆU	28/04/93	DH11TM															
9	12122298	PHẠM THỊ PHƯƠNG	DUNG	04/04/94	DH12TM															
10	11155041	VŨ THỊ THÙY	DUNG	10/03/93	DH11KN															
11	11155002	PHAN ANH	DUY	02/12/93	DH11KN															
12	12122117	PHAN BÍCH	DUYÊN	06/11/93	DH12TC															
13	12122122	TRẦN THỊ THÙY	DƯƠNG	17/09/94	DH12TM															
14	12122325	ĐÀO VĂN	ĐẠO	05/03/93	DH12QT															
15	11155003	BÙI TẤN	ĐẠT	21/06/93	DH11KN															
16	11150036	BÙI THỊ	ĐẬM	15/08/93	DH11TM															
17	12122126	BÙI THỊ THU	HÀ	10/10/94	DH12TM															
18	10122043	LƯƠNG THỦY	HÀ	06/06/92	DH10QT															
19	12122129	TRẦN THỊ	HÀ	09/01/94	DH12TM															
20	10164008	TRẦN THỊ KHÁNH	HÀ	01/09/92	DH10TC															
21	12122012	NGUYỄN HUỲNH	HẠ	22/04/94	DH12TC															
22	12122131	NGUYỄN THỊ NGỌC	HẠNH	23/04/94	DH12TM															
23	11122069	NGUYỄN THỊ THÚY	HẰNG	09/05/93	DH11QT															
24	11122070	PHẠM THỊ THÚY	HẰNG	10/11/93	DH11QT															
25	12122016	TRỊNH THẾ	HIỀN	19/11/94	DH12QT															
26	11150085	VÕ THỊ	HIỀN	19/02/93	DH11TM															
27	11122008	NGUYỄN THỊ	HOA	23/02/93	DH11QT															
28	12122142	HỒNG THANH	HÒA	31/12/94	DH12TC															
29	12122141	NGUYỄN THỊ	HOÀ	18/08/94	DH12TM															
30	10122060	TRỊNH XUÂN	HÒA	04/03/92	DH10QT															
31	10122067	HOÀNG XUÂN	HỢP	27/04/91	DH10QT															
32	12122143	NGUYỄN ĐỨC	HUY	01/04/94	DH12TC															
33	12122085	NGUYỄN QUANG	HUY	19/05/94	DH12TC															
34	11122010	PHAN ĐÌNH	HUY	01/09/93	DH11QT															
35	11155042	HUỲNH NGỌC	HUYỀN	06/06/93	DH11KN															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Quản trị chất lượng (208429) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Nguyễn Thị Bích Phương (295)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	10150023	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	29/12/92	DH10TM															
37	10122073	NGUYỄN THỊ KIM	HƯƠNG	15/08/92	DH10QT															
38	09150041	TRẦN DUY	KHA	11/04/91	DH09TM															
39	12122024	NGUYỄN BẢO	KHÁNH	22/10/94	DH12TC															
40	11155051	NGUYỄN PHAN HOÀNG	KIM	16/01/93	DH11KN															
41	12122158	TRẦN THỊ TUYẾT	LAN	10/11/94	DH12QT															
42	11122019	THÁI THANH	LÂM	17/10/91	DH11QT															
43	11150046	PHẠM THỊ KIM	LIÊN	04/08/93	DH11TM															
44	10122082	VI THỊ	LIÊN	23/09/92	DH10QT															
45	12122161	ĐINH THÙY	LINH	09/11/94	DH12TM															
46	12122163	NGUYỄN THỊ	LINH	21/06/93	DH12TC															
47	12122173	HOÀNG CÔNG	LỰC	01/07/94	DH12TM															
48	11122023	HUỲNH THỊ KIM	LY	16/12/93	DH11QT															
49	11122025	NGUYỄN THỊ THẢO	LY	11/12/93	DH11QT															
50	12122175	TRẦN HUỲNH TRÀ	MI	11/08/94	DH12TM															
51	11122026	NGUYỄN THỊ THÙY	MINH	01/01/93	DH11QT															
52	09150064	MAI THỊ THẢO	MỴ	16/07/91	DH09TM															
53	12122034	HUỲNH THANH	NAM	03/05/93	DH12TM															
54	11150051	NGUYỄN KHÁNH	NGÂN	02/02/93	DH11TM															
55	12122183	THOÒNG KIM	NGỌC	09/04/94	DH12TM															
56	11164023	VƯƠNG THỊ MINH	NGỌC	20/09/93	DH11TC															
57	11150053	ĐÀM THỊ THẢO	NGUYÊN	03/06/93	DH11TM															
58	10122206	BÙI ANH CHÍ	NHÂN	30/05/90	DH10QT															
59	12122192	VÕ CÔNG	NHÂN	23/04/94	DH12QT															
60	11122092	LÊ THỊ YẾN	NHI	18/01/93	DH11QT															
61	11150056	LÊ THỊ TUYẾT	NHUNG	13/05/92	DH11TM															
62	12122039	LÊ THỊ ÁI	NHƯ	10/11/94	DH12TC															
63	12122200	VÕ THỊ NGỌC	NHƯ	15/04/93	DH12QT															
64	12122306	NGUYỄN THỊ THÚY	NHY	01/07/94	DH12QT															
65	12155147	BÙI THỊ	OANH	22/05/94	DH12KN															
66	11155054	NGUYỄN THỊ KIỀU	OANH	12/05/93	DH11KN															
67	12122042	TRẦN QUANG	PHÚC	17/10/87	DH12TM															
68	11155025	CHÂU THỊ KIM	PHỤNG	24/01/93	DH11KN															
69	11150059	TRẦN THỊ KIM	PHỤNG	15/09/93	DH11TM															
70	12122043	NGUYỄN NGỌC KIM	PHƯƠNG	25/03/94	DH12TM															
71	12122207	NGUYỄN PHAN ANH	PHƯƠNG	22/01/94	DH12TC															
72	11122097	NGUYỄN THÁI	PHƯƠNG	21/05/93	DH11QT															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Quản trị chất lượng (208429) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Nguyễn Thị Bích Phương (295)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	11155007	VĂN THỊ	PHƯƠNG	05/03/93	DH11KN															
74	12122209	HUỲNH THỊ NHƯ	PHƯỢNG	06/12/94	DH12TC															
75	12122045	LÊ VĂN	QUYẾT	12/01/94	DH12TM															
76	12122213	LÊ NGỌC PHƯƠNG	QUỲNH	09/12/94	DH12TM															
77	11150065	ĐINH THANH	SƠN	24/02/92	DH11TM															
78	12122216	ĐÀO LƯU HỮU	TÀI	14/11/94	DH12QT															
79	12122309	TRẦN THỊ MINH	TÂM	01/06/94	DH12TM															
80	12122081	NGUYỄN QUANG	THANH	10/01/94	DH12TC															
81	11122043	TRẦN THỊ	THANH	20/07/93	DH11QT															
82	11155037	ĐINH THỊ PHƯƠNG	THẢO	14/12/92	DH11KN															
83	11122110	PHAN THỊ PHƯƠNG	THẢO	07/07/93	DH11QT															
84	11155045	PHAN THỊ	THẮM	21/08/93	DH11KN															
85	11122113	TRỊNHTHI KIỀU	THI	20/04/93	DH11QT															
86	11122035	NGUYỄN KHÂM	THIÊN	06/03/93	DH11QT															
87	12122054	LƯU HỮU	THIỆN	10/10/93	DH12TC															
88	11155014	HÀ NGỌC	THỊNH	21/05/92	DH11KN															
89	11150068	TRẦN ĐỨC	THỌ	12/10/93	DH11TM															
90	12122311	ĐỖ THỊ CẨM	THƠ	05/05/94	DH12TM															
91	11122141	NGUYỄN THỊ	THU	24/02/93	DH11QT															
92	11122044	HUỲNH VĂN	THUẬN	19/12/90	DH11QT															
93	11122116	HÀ THỊ THANH	THÙY	24/01/93	DH11QT															
94	11155036	LÊ THỊ	THÚY	07/11/93	DH11KN															
95	12155122	HUỲNH ANH	THƯ	01/02/94	DH12KN															
96	12122235	NGUYỄN THỊ ANH	THƯ	27/05/94	DH12TM															
97	12122236	NGUYỄN THỊ ANH	THƯ	01/03/94	DH12TC															
98	12122240	TRẦN PHẠM THỦY	TIÊN	03/06/94	DH12TC															
99	12122290	HỒ HỮU	TOÀN	28/02/94	DH12TM															
100	12122248	NGUYỄN THÙY	TRANG	13/02/94	DH12TM															
101	12122313	PHAN THỊ THUỲ	TRANG	27/08/94	DH12TC															
102	12122252	NGUYỄN THỊ BÍCH	TRÂM	02/04/94	DH12TC															
103	11150088	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRÂN	15/01/92	DH11TM															
104	12122292	NGUYỄN THỊ TUYẾT	TRINH	17/04/94	DH12QT															
105	11155027	DƯƠNG THỦY	TRÚC	05/07/92	DH11KN															
106	11150079	ĐẶNG THANH	TRÚC	01/01/93	DH11TM															
107	12122091	NGUYỄN BỬU	TRUNG	20/11/94	DH12TC															
108	12122257	TRẦN KỲ	TRUNG	19/10/94	DH12TC															
109	12122066	TRẦN THẾ	TRUNG	08/12/94	DH12TC															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Quản trị chất lượng (208429) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Nguyễn Thị Bích Phương (295)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
110	12155066	VÕ QUỐC	TRUNG	17/02/93	DH12KN															
111	11164037	NGUYỄN THỊ ÁNH	TUYẾT	25/10/93	DH11TC															
112	12122263	NGUYỄN THỊ KIM	VÀNG	03/11/94	DH12TC															
113	11122125	HỒ THỊ TUYẾT	VÂN	16/05/93	DH11QT															
114	11150082	HUỲNH THỊ BÍCH	VÂN	06/08/93	DH11TM															
115	10122197	NGUYỄN THỊ THANH	VÂN	20/02/92	DH10QT															
116	12122093	AN THỊ THẢO	VI	20/10/94	DH12TC															
117	11122126	ĐIỀU THỊ TƯỜNG	VI	16/10/93	DH11QT															
118	12122271	CAO KHÁNH	VY	29/04/94	DH12TM															
119	12122072	PHAN NGỌC	VY	20/10/94	DH12TM															
120	12122281	NGUYỄN THỊ PHI	YẾN	27/11/94	DH12QT															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Nghiên cứu thị trường (208430) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Trần Đức Luân (299)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	12155001	ĐÔNG THỊ NGỌC	ẨN	28/03/94	DH12KN															
2	12122003	TRƯƠNG THỊ KIM	BÍCH	18/06/94	DH12QT															
3	12122004	PHẠM TRUNG	CHÁNH	17/01/93	DH12QT															
4	11122058	NGUYỄN VŨ DIỄM	CHI	25/01/92	DH11QT															
5	12122006	LÊ THỊ NGỌC	CÚC	09/02/94	DH12TM															
6	12155142	KIỀU THỊ QUỲNH	DAO	27/04/94	DH12KN															
7	12122007	BÙI THỊ	DUNG	15/09/93	DH12QT															
8	12122115	TRẦN HỮU	DUY	08/11/92	DH12QT															
9	11122004	ĐỖ HUỲNH THÚY	DUYÊN	30/10/93	DH11QT															
10	12122118	PHẠM THỊ MỸ	DUYÊN	01/03/94	DH12TM															
11	12122122	TRẦN THỊ THÙY	DƯƠNG	17/09/94	DH12TM															
12	11122065	HÀ THỊ HỒNG	ĐÀO	19/07/93	DH11QT															
13	12155010	TRẦN THỊ	ĐÀO	20/02/94	DH12KN															
14	12122123	NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	20/10/94	DH12TM															
15	11150001	DƯƠNG XUÂN	ĐIỀU	10/03/92	DH11TM															
16	11122005	LÊ VĂN	ĐỨC	28/09/91	DH11QT															
17	12122129	TRẦN THỊ	HÀ	09/01/94	DH12TM															
18	12122134	HỒ THỊ	HẬU	13/04/93	DH12TM															
19	12155073	KIM QUỐC	HIỂN	12/02/91	DH12KN															
20	12122138	NGUYỄN VĂN	HIẾU	06/01/93	DH12TM															
21	12122104	NGUYỄN THỊ	HOA	10/07/94	DH12TM															
22	12155134	NGUYỄN THỊ	HỒNG	15/09/94	DH12KN															
23	11122073	VÕ THỊ THU	HỒNG	18/08/93	DH11QT															
24	12122021	LƯU HỮU	HUỆ	01/02/92	DH12QT															
25	12155013	LÝ NGỌC	HUỆ	23/08/94	DH12KN															
26	12155002	NGUYỄN VĂN	HÙNG	29/04/93	DH12KN															
27	11122010	PHAN ĐÌNH	HUY	01/09/93	DH11QT															
28	10122071	NGUYỄN THỊNH	HƯNG	16/04/92	DH10QT															
29	12155144	ĐẶNG THỊ THU	HƯƠNG	21/02/94	DH12KN															
30	12122078	PHAN THỊ MỸ	KIM	24/05/94	DH12QT															
31	12122158	TRẦN THỊ TUYẾT	LAN	10/11/94	DH12QT															
32	12155079	TRẦN THỊ THẢO	LINH	02/10/93	DH12KN															
33	11150048	BÙI TUẤN	LỘC	02/09/93	DH11TM															
34	12122173	HOÀNG CÔNG	LỰC	01/07/94	DH12TM															
35	11122025	NGUYỄN THỊ THẢO	LY	11/12/93	DH11QT															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Nghiên cứu thị trường (208430) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Trần Đức Luân (299)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	12155007	ĐẶNG THỊ XUÂN	MAI	10/12/93	DH12KN															
37	12155099	NGUYỄN NHỰT	MINH	09/05/92	DH12KN															
38	11122026	NGUYỄN THỊ THÙY	MINH	01/01/93	DH11QT															
39	12122178	LÊ HOÀI	NAM	22/12/94	DH12QT															
40	10122097	NGUYỄN THỊ HUỲNH	NGA	09/11/91	DH10QT															
41	12122181	LÊ THỊ TUYẾT	NGÂN	17/05/94	DH12TM															
42	11122088	LÊ THỊ HẠNH	NGUYÊN	28/12/93	DH11QT															
43	12155064	NGUYỄN THỊ XUÂN	NGUYỆN	24/02/93	DH12KN															
44	11122092	LÊ THỊ YẾN	NHI	18/01/93	DH11QT															
45	12122193	NGUYỄN THỊ MAI	NHI	26/02/93	DH12QT															
46	11150056	LÊ THỊ TUYẾT	NHUNG	13/05/92	DH11TM															
47	12155052	NGUYỄN THỊ	NỮ	15/08/94	DH12KN															
48	12155147	BÙI THỊ	OANH	22/05/94	DH12KN															
49	12122203	HỒ NHÌN	PHÓN	19/04/93	DH12QT															
50	10122118	NGUYỄN SƯ	PHONG	30/01/92	DH10QT															
51	12155055	LÊ THỊ	PHÒNG	25/02/94	DH12KN															
52	12122205	ĐẶNG HOÀNG	PHÚC	18/09/94	DH12QT															
53	11122097	NGUYỄN THÁI	PHƯƠNG	21/05/93	DH11QT															
54	11122102	NGUYỄN THỊ NGỌC	QUYÊN	18/11/93	DH11QT															
55	12122045	LÊ VĂN	QUYẾT	12/01/94	DH12TM															
56	12122046	LƯƠNG TRỌNG	QUỲNH	03/03/93	DH12QT															
57	11150065	ĐINH THANH	SƠN	24/02/92	DH11TM															
58	12122216	ĐÀO LƯU HỮU	TÀI	14/11/94	DH12QT															
59	11122093	DƯƠNG THẾ	TÂM	19/07/93	DH11QT															
60	12155124	NGUYỄN HÀ LỆ	TÂM	12/07/94	DH12KN															
61	11122110	PHAN THỊ PHƯƠNG	THẢO	07/07/93	DH11QT															
62	11122113	TRỊNHTHI KIỀU	THI	20/04/93	DH11QT															
63	11122035	NGUYỄN KHÂM	THIÊN	06/03/93	DH11QT															
64	12155098	ĐẶNG THỊ PHƯƠNG	THOẠI	13/06/94	DH12KN															
65	12122311	ĐỖ THỊ CẨM	THƠ	05/05/94	DH12TM															
66	11150011	HOÀNG KIM	THU	05/06/93	DH11TM															
67	12155145	LƯƠNG KIM	THƯ	01/07/94	DH12KN															
68	12122060	TRẦN MINH	TIẾN	16/10/94	DH12QT															
69	12122247	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	30/01/94	DH12QT															
70	12122248	NGUYỄN THÙY	TRANG	13/02/94	DH12TM															
71	12122250	TRẦN THỊ THÙY	TRANG	22/07/94	DH12TM															
72	11122054	NGUYỄN THỊ QUYỀN	TRÂM	30/11/93	DH11QT															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Nghiên cứu thị trường (208430) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Trần Đức Luân (299)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	11122123	LÊ THỊ	TÚ	08/06/93	DH11QT															
74	12122072	PHAN NGỌC	VY	20/10/94	DH12TM															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Nghiên cứu thị trường (208430) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Trần Đức Luân (299)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	11150029	TRẦN PHƯƠNG	ANH	14/12/93	DH11TM															
2	11150032	TRƯƠNG GIA	BẢO	22/08/93	DH11TM															
3	10155035	PHAN VĂN	CẢNH	19/02/91	DH10KN															
4	11150017	NGUYỄN THỊ DIỂM	CHI	10/07/93	DH11TM															
5	11122048	VÕ THỊ KIM	CHI	28/08/93	DH11QT															
6	11122003	LÊ TIẾN	DÂNG	20/12/90	DH11QT															
7	11155041	VŨ THỊ THÙY	DUNG	10/03/93	DH11KN															
8	11150034	NGUYỄN VĂN	DŨNG	25/10/92	DH11TM															
9	11122064	PHẠM THỊ MỸ	DUYÊN	22/11/93	DH11QT															
10	11122066	NGUYỄN THỊ ANH	ĐÀO	12/01/93	DH11QT															
11	11122049	MAN MINH	ĐẢO	20/04/93	DH11QT															
12	11150036	BÙI THỊ	ĐẬM	15/08/93	DH11TM															
13	10122042	NGUYỄN HOÀNG	GIANG	24/10/91	DH10QT															
14	11150037	LÊ THỊ THU	HÀ	17/09/93	DH11TM															
15	11150042	HUỲNH MINH	HIẾU	21/12/93	DH11TM															
16	10122063	ĐỖ PHƯỚC	HÒA	03/04/92	DH10QT															
17	10122062	NGUYỄN THIỆU	HOÀNG	04/06/92	DH10QT															
18	11122130	ĐẶNG HỒNG	HUẾ	16/05/93	DH11QT															
19	11122009	LÊ THỊ KIM	HUỆ	10/07/93	DH11QT															
20	11122075	TRẦN ĐỨC	HUY	12/04/93	DH11QT															
21	11122076	TRỊNH MINH	HUY	24/11/93	DH11QT															
22	11150043	NGUYỄN NGỌC THANH	HUYỀN	05/08/93	DH11TM															
23	10155030	LƯƠNG THỊ	HƯƠNG	01/01/91	DH10KN															
24	11122014	PHẠM THỊ MỸ	HƯƠNG	30/07/93	DH11QT															
25	11122015	NGUYỄN TRỊNH XUÂN	KHOA	23/03/93	DH11QT															
26	11122016	TRẦN MINH	KHƯƠNG	20/10/87	DH11QT															
27	11122018	TRẦN ĐỨC	LÃM	10/09/93	DH11QT															
28	11150045	NGUYỄN THỊ NGỌC	LAN	30/08/93	DH11TM															
29	11150046	PHẠM THỊ KIM	LIÊN	04/08/93	DH11TM															
30	12155128	MAI THỊ KIM	LOAN	09/03/91	DH12KN															
31	11122084	NGÔ THỊ KIM	MAI	03/08/93	DH11QT															
32	12155153	NGUYỄN THỊ HỒNG	MỤI	26/11/94	DH12KN															
33	11150051	NGUYỄN KHÁNH	NGÂN	02/02/93	DH11TM															
34	11150052	NGUYỄN PHẠM HỒNG	NGỌC	03/08/93	DH11TM															
35	11150094	PHẠM THÁI	NGUYÊN	13/01/93	DH11TM															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Nghiên cứu thị trường (208430) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Trần Đức Luân (299)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	11122138	TĂNG THỊ	NGUYÊN	18/12/93	DH11QT															
37	11150007	ĐỖ TRỌNG	NHÂN	12/10/93	DH11TM															
38	11150054	ĐỖ QUANG	NHẬT	17/03/92	DH11TM															
39	11122091	PHẠM HỒNG	NHẬT	03/04/93	DH11QT															
40	10122111	NGÔ THỊ XUÂN	NHI	22/01/92	DH10QT															
41	11122139	HUỲNH NGUYỄN QUỲNH	NHƯ	09/12/93	DH11QT															
42	11122131	NGUYỄN THỊ NGỌC	NỮ	01/02/93	DH11QT															
43	11122096	ĐÀO THỊ HOÀNG	OANH	10/05/93	DH11QT															
44	10150061	NGUYỄN THỊ KIỀU	OANH	17/01/92	DH10TM															
45	11150087	TÔ YẾN	OANH	19/05/93	DH11TM															
46	11122051	NGUYỄN THỊ TRÚC	QUỲNH	26/07/93	DH11QT															
47	11122104	NGUYỄN THANH	SANG	05/09/93	DH11QT															
48	11122105	VÕ THỊ	TẠO	10/01/93	DH11QT															
49	10122139	GIÒNG VY	TÂN	23/04/91	DH10QT															
50	11122034	NGUYỄN VĂN	THÁI	13/01/93	DH11QT															
51	12122222	HỒ THỊ PHƯƠNG	THẢO	14/10/94	DH12QT															
52	11122109	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	THẢO	31/08/93	DH11QT															
53	11150022	DƯƠNG THỊ	THOA	28/10/93	DH11TM															
54	11150010	PHẠM THỊ KIM	THOA	15/09/93	DH11TM															
55	11122114	ĐẶNG THỊ NGỌC	THỌI	27/12/92	DH11QT															
56	11122116	HÀ THỊ THANH	THÙY	24/01/93	DH11QT															
57	11150069	ĐÀO THỊ PHƯƠNG	THÚY	27/08/93	DH11TM															
58	11122053	NGÔ THỊ NGỌC	THÚY	21/08/93	DH11QT															
59	11122036	PHẠM THỊ THU	THÚY	26/11/93	DH11QT															
60	11150070	LÊ NGỌC ANH	THƯ	22/08/93	DH11TM															
61	11150072	ĐẶNG THỊ CẨM	TIÊN	17/03/93	DH11TM															
62	11150073	PHẠM GIANG THỦY	TIÊN	01/10/93	DH11TM															
63	11122144	NGUYỄN THỊ	TÌNH	16/11/93	DH11QT															
64	11122046	LÊ THANH	TỊNH	16/06/93	DH11QT															
65	11150074	TRẦN NGỌC MAI	TRANG	21/11/92	DH11TM															
66	11122118	TRẦN THỊ THẢO	TRANG	05/09/93	DH11QT															
67	11122120	ĐẶNG TRẦN THÙY	TRÂM	06/07/93	DH11QT															
68	11122038	TRẦN KHÁNH	TRÂN	08/03/93	DH11QT															
69	11150076	TRẦN THỊ BẢO	TRÂN	15/04/93	DH11TM															
70	11150014	LÃ BÍCH	TRI	03/04/93	DH11TM															
71	11122132	VÕ THỊ DIỄM	TRINH	19/09/93	DH11QT															
72	11150077	DƯƠNG VĂN	TRỌNG	28/02/93	DH11TM															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Nghiên cứu thị trường (208430) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Trần Đức Luân (299)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	11150025	NGÔ CHÍ	TRUNG	19/05/93	DH11TM															
74	11150078	NGUYỄN BẢO	TRUNG	08/05/93	DH11TM															
75	11122133	NGUYỄN VIỆT	TRUNG	24/05/93	DH11QT															
76	11150080	NGUYỄN ANH	TUẤN	10/05/93	DH11TM															
77	11150016	NGUYỄN THỊ	VĨ	03/04/93	DH11TM															
78	11122145	TRẦN THỊ TOÀN	VY	15/09/93	DH11QT															
79	11150098	TRẦN THỤY NHƯ	Ý	07/11/93	DH11TM															
80	11155021	ĐINH THỊ	YẾN	06/10/92	DH11KN															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Nghiên cứu thị trường (208430) - Nhóm 03 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Trần Đức Luân (299)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	12122001	LÊ ĐỨC	AN	16/05/94	DH12QT															
2	11173006	HUỲNH PHƯƠNG	ANH	31/12/93	DH11TM															
3	11150099	TRƯƠNG ĐOÀN TÚ	ANH	22/11/93	DH11TM															
4	11122055	VÕ THỊ NGỌC	ANH	06/12/93	DH11QT															
5	10122015	TRẦN HUỲNH	BÁCH	13/02/92	DH10QT															
6	11122002	HUỲNH THỊ LAN	CHI	18/06/93	DH11QT															
7	12122005	NGUYỄN TRỌNG	CÔNG	24/11/93	DH12QT															
8	12155037	DƯƠNG VĨNH	DANH	10/02/93	DH12KN															
9	11150019	PHAN THỊ	DIỆU	28/04/93	DH11TM															
10	11150020	TRẦN NGỌC TRUNG	DU	10/01/93	DH11TM															
11	11122060	PHAN THỊ	DUNG	25/02/93	DH11QT															
12	10122029	HUỲNH KHƯƠNG	DUY	30/01/92	DH10QT															
13	11150033	TRẦN THỊ THÚY	DUY	19/08/93	DH11TM															
14	12155040	TRẦN THỊ	ĐÀO	10/03/93	DH12KN															
15	12155125	TRẦN QUANG	ĐỘ	19/06/94	DH12KN															
16	12122283	TRẦN THỊ THANH	HÀ	25/08/94	DH12QT															
17	11150039	NGUYỄN THỊ	HẰNG	03/03/93	DH11TM															
18	11122069	NGUYỄN THỊ THÚY	HẰNG	09/05/93	DH11QT															
19	11122008	NGUYỄN THỊ	HOA	23/02/93	DH11QT															
20	11122137	ĐẶNG THỊ	HÒA	02/04/93	DH11QT															
21	11122072	NGUYỄN THỊ	HOÀI	24/04/93	DH11QT															
22	12122318	NGUYỄN THỊ	HỒNG	29/09/94	DH12QT															
23	11122011	ĐÀO ĐẶNG THANH	HUYỀN	15/01/93	DH11QT															
24	11122078	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	02/05/93	DH11QT															
25	12122150	NGUYỄN THỊ THU	HƯƠNG	10/07/94	DH12TM															
26	12155110	HỒ NGUYỄN PHƯƠNG	KHANH	10/05/94	DH12KN															
27	12155074	NGÔ THANH	LÂM	17/08/94	DH12KN															
28	11122020	NGUYỄN THỊ	LÊ	02/10/93	DH11QT															
29	10122082	VI THỊ	LIÊN	23/09/92	DH10QT															
30	11150090	HUỲNH NGỌC	LIẾNG	06/09/93	DH11TM															
31	12155076	NGUYỄN THỊ THÚY	LIỂU	01/01/94	DH12KN															
32	11150047	NGÔ NGỌC KHÁNH	LINH	24/12/93	DH11TM															
33	11122082	TRẦN MẠNH	LINH	22/02/93	DH11QT															
34	12155070	NGUYỄN VŨ BẢO	LONG	29/11/90	DH12KN															
35	12122031	LÊ THỊ KIM	LÝ	16/03/94	DH12QT															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Nghiên cứu thị trường (208430) - Nhóm 03 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Trần Đức Luân (299)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	12122034	HUỲNH THANH	NAM	03/05/93	DH12TM															
37	11122086	NGUYỄN THỊ NGỌC	NGÂN	09/09/93	DH11QT															
38	11122087	LƯU THỊ BÍCH	NGỌC	07/02/93	DH11QT															
39	12155119	NGUYỄN CHÂU BÍCH	NGỌC	22/02/94	DH12KN															
40	12155083	NGUYỄN THỊ KIM	NGỌC	06/12/94	DH12KN															
41	11122028	THÁI NHƯ	NGỌC	19/01/93	DH11QT															
42	12122184	LÊ ĐẶNG THẢO	NGUYÊN	15/12/94	DH12QT															
43	12122303	NGUYỄN THỊ THẢO	NGUYÊN	06/12/94	DH12TM															
44	12155021	BÀNH QUỐC	NHÃ	10/11/94	DH12KN															
45	11122089	LÊ THỊ THANH	NHÀN	15/07/93	DH11QT															
46	12155088	LÊ THỊ HỒNG	NHUNG	07/11/94	DH12KN															
47	11122095	NGUYỄN THỊ HUỲNH	NHƯ	19/05/93	DH11QT															
48	12155096	PHẠM HUỲNH	NHƯ	09/04/94	DH12KN															
49	12122042	TRẦN QUANG	PHÚC	17/10/87	DH12TM															
50	11150059	TRẦN THỊ KIM	PHỤNG	15/09/93	DH11TM															
51	11150096	HUỲNH THỊ BÍCH	PHƯƠNG	28/06/93	DH11TM															
52	11122098	PHAN THỊ	PHƯƠNG	12/06/93	DH11QT															
53	11122099	TRẦN THỊ HÀ	PHƯƠNG	25/03/93	DH11QT															
54	12155072	NGUYỄN THỊ	PHƯỢNG	05/01/94	DH12KN															
55	12122215	NGUYỄN BẢO	QUỲNH	20/06/94	DH12TM															
56	12155022	NGUYỄN THỊ	TÂM	16/04/94	DH12KN															
57	11122052	TRẦN THỊ MINH	TÂM	09/04/93	DH11QT															
58	11122111	PHẠM QUỐC	THÁI	05/04/93	DH11QT															
59	11122112	TRẦN QUỐC	THÁI	12/10/93	DH11QT															
60	11122106	NGUYỄN THỊ	THANH	10/04/93	DH11QT															
61	11150097	HUỲNH THỊ PHƯƠNG	THẢO	05/03/93	DH11TM															
62	11150066	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	05/11/93	DH11TM															
63	12122055	NGUYỄN VĂN	THÔNG	16/08/93	DH12TM															
64	12122057	HOÀNG THỊ MINH	THUỲ	15/09/94	DH12QT															
65	10122159	ĐINH THỊ THANH	THỦY	02/12/92	DH10QT															
66	12155122	HUỲNH ANH	THƯ	01/02/94	DH12KN															
67	12155101	LÊ NGỌC ANH	THƯ	24/01/94	DH12KN															
68	12122235	NGUYỄN THỊ ANH	THƯ	27/05/94	DH12TM															
69	12122290	HỒ HỮU	TOÀN	28/02/94	DH12TM															
70	12122062	TRẦN MINH	TOÀN	27/03/94	DH12QT															
71	12155138	DIỆP THÙY	TRANG	29/01/94	DH12KN															
72	11122117	LÊ THÙY	TRANG	24/08/93	DH11QT															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Nghiên cứu thị trường (208430) - Nhóm 03 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Trần Đức Luân (299)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	11150088	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRÂN	15/01/92	DH11TM															
74	12122256	PHẠM HỒNG	TRÌNH	11/09/92	DH12QT															
75	11150079	ĐẶNG THANH	TRÚC	01/01/93	DH11TM															
76	12155066	VÕ QUỐC	TRUNG	17/02/93	DH12KN															
77	12155028	NGUYỄN MỘNG	TUYỀN	25/01/94	DH12KN															
78	11150082	HUỲNH THỊ BÍCH	VÂN	06/08/93	DH11TM															
79	10122197	NGUYỄN THỊ THANH	VÂN	20/02/92	DH10QT															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Quản trị Marketing (208431) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 3
CBGD TS. Trần Đình Lý (040)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	11122055	VÕ THỊ NGỌC	ANH	06/12/93	DH11QT															
2	10122017	KHẤU DUY	BẰNG	14/06/92	DH10QT															
3	12155009	DƯƠNG THỊ NGỌC	CHÂU	05/02/94	DH12KN															
4	11122057	TRỊNH ĐỨC	CHÂU	01/03/93	DH11QT															
5	11122002	HUỲNH THỊ LAN	CHI	18/06/93	DH11QT															
6	11122003	LÊ TIẾN	DÂNG	20/12/90	DH11QT															
7	12122076	NGUYỄN THỊ HỒNG	DIỄM	22/12/94	DH12QT															
8	11122060	PHAN THỊ	DUNG	25/02/93	DH11QT															
9	11155041	VŨ THỊ THÙY	DUNG	10/03/93	DH11KN															
10	11155002	PHAN ANH	DUY	02/12/93	DH11KN															
11	11122063	LÊ HOÀNG THỤY MỸ	DUYÊN	17/09/93	DH11QT															
12	11122064	PHẠM THỊ MỸ	DUYÊN	22/11/93	DH11QT															
13	11122049	MAN MINH	ĐẢO	20/04/93	DH11QT															
14	11155013	THÁI THỊ	HÀ	16/02/92	DH11KN															
15	10122046	BÙI THỊ MỸ	HẠNH	06/07/92	DH10QT															
16	11155005	NGUYỄN THỊ	HẠNH	27/06/92	DH11KN															
17	11122134	HUỲNH THỊ	HẢO	15/02/93	DH11QT															
18	11120021	HUỲNH THỊ LỆ	HẰNG	16/11/93	DH11KT															
19	11122069	NGUYỄN THỊ THÚY	HẰNG	09/05/93	DH11QT															
20	11122070	PHẠM THỊ THÚY	HẰNG	10/11/93	DH11QT															
21	11122041	TRÀ THỊ MỸ	HIỀN	20/04/93	DH11QT															
22	11122008	NGUYỄN THỊ	HOA	23/02/93	DH11QT															
23	11121002	NGUYỄN THÚY	HỒNG	29/03/93	DH11KT															
24	11122009	LÊ THỊ KIM	HUỆ	10/07/93	DH11QT															
25	11120084	NGUYỄN VIỆT	HÙNG	25/05/93	DH11KT															
26	11122075	TRẦN ĐỨC	HUY	12/04/93	DH11QT															
27	11122011	ĐÀO ĐẶNG THANH	HUYỀN	15/01/93	DH11QT															
28	11155042	HUỲNH NGỌC	HUYỀN	06/06/93	DH11KN															
29	11122077	TRỊNH NGUYỄN THU	HUYỀN	03/09/93	DH11QT															
30	11122078	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	02/05/93	DH11QT															
31	11122014	PHẠM THỊ MỸ	HƯƠNG	30/07/93	DH11QT															
32	11120098	LÊ HOÀNG	KHẢI	15/06/93	DH11KT															
33	10155054	VÕ NGUYÊN	KHANG	30/09/91	DH10KN															
34	11122015	NGUYỄN TRỊNH XUÂN	KHOA	23/03/93	DH11QT															
35	11122018	TRẦN ĐỨC	LÃM	10/09/93	DH11QT															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Quản trị Marketing (208431) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 3
CBGD TS. Trần Đình Lý (040)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	11122017	NGÔ HƯƠNG	LAN	07/06/93	DH11QT															
37	11122021	NGUYỄN THỊ MỸ	LINH	22/10/93	DH11QT															
38	11122081	PHẠM HÀ KIM	LINH	17/06/93	DH11QT															
39	11122082	TRẦN MẠNH	LINH	22/02/93	DH11QT															
40	11155029	TRẦN NGỌC NHẬT	LINH	27/05/93	DH11KN															
41	11122022	TRẦN THÙY	LINH	27/06/93	DH11QT															
42	10120024	LÊ THỊ KIM	LOAN	22/02/92	DH10KT															
43	11122023	HUỲNH THỊ KIM	LY	16/12/93	DH11QT															
44	11159007	HOÀNG HẢI	NGÂN	03/12/93	DH11TC															
45	11120022	NGÔ THỊ THU	NGÂN	10/03/93	DH11KT															
46	11122086	NGUYỄN THỊ NGỌC	NGÂN	09/09/93	DH11QT															
47	11122138	TĂNG THỊ	NGUYÊN	18/12/93	DH11QT															
48	11120089	NGUYỄN HIỀN	NHÂN	/ /92	DH11KT															
49	11122091	PHẠM HỒNG	NHẬT	03/04/93	DH11QT															
50	11120121	HỒ PHẠM CẨM	NHUNG	05/10/93	DH11KT															
51	11122094	NGUYỄN THỊ CẨM	NHUNG	02/09/93	DH11QT															
52	11122139	HUỲNH NGUYỄN QUỲNH	NHƯ	09/12/93	DH11QT															
53	11120111	HUỲNH THỊ THẢO	NHƯ	28/10/92	DH11KT															
54	11122095	NGUYỄN THỊ HUỲNH	NHƯ	19/05/93	DH11QT															
55	11120116	PHẠM THANH	NÚI	16/06/93	DH11KT															
56	11122096	ĐÀO THỊ HOÀNG	OANH	10/05/93	DH11QT															
57	11120040	BÙI THỊ THANH	PHƯƠNG	04/05/93	DH11KT															
58	11120072	NGUYỄN THỊ THU	PHƯƠNG	21/05/93	DH11KT															
59	11121003	ĐOÀN THỊ KIM	PHƯỢNG	01/08/93	DH11KT															
60	11155031	PHẠM HỒNG	QUÂN	26/10/93	DH11KN															
61	11120114	BÙI THỊ	QUYÊN	20/04/91	DH11KT															
62	11155010	LÊ THỊ PHƯƠNG	QUYÊN	17/11/93	DH11KN															
63	11155030	NGUYỄN THỊ NGỌC	QUYÊN	04/11/93	DH11KN															
64	11122146	TRẦN THỊ TRÚC	QUỲNH	07/06/92	DH11QT															
65	11122104	NGUYỄN THANH	SANG	05/09/93	DH11QT															
66	11120117	PHAN THANH	SANG	15/09/93	DH11KT															
67	11120024	TRƯƠNG THỊ THÚY	SANG	28/10/92	DH11KT															
68	11120012	BÙI VĂN	TÀI	20/05/93	DH11KT															
69	11155047	NGUYỄN MINH	TÂM	10/09/93	DH11KN															
70	11122034	NGUYỄN VĂN	THÁI	13/01/93	DH11QT															
71	11122112	TRẦN QUỐC	THÁI	12/10/93	DH11QT															
72	11122106	NGUYỄN THỊ	THANH	10/04/93	DH11QT															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Quản trị Marketing (208431) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 3
CBGD TS. Trần Đình Lý (040)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	11122043	TRẦN THỊ	THANH	20/07/93	DH11QT															
74	11155023	NGUYỄN THÁI	THÀNH	20/04/93	DH11KN															
75	11122109	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	THẢO	31/08/93	DH11QT															
76	11120086	PHAN THỊ THANH	THẢO	22/12/93	DH11KT															
77	11155049	VŨ THU	THẢO	27/11/93	DH11KN															
78	11155045	PHAN THỊ	THẮM	21/08/93	DH11KN															
79	11120053	VÕ THỊ HỒNG	THẮM	12/05/93	DH11KT															
80	11155014	HÀ NGỌC	THỊNH	21/05/92	DH11KN															
81	11120045	HUỲNH THỊ	THOẠI	01/01/93	DH11KT															
82	11120016	NGŨ NỮ YẾN	THU	06/06/91	DH11KT															
83	11122141	NGUYỄN THỊ	THU	24/02/93	DH11QT															
84	11120046	TRƯƠNG THỊ	THU	10/08/93	DH11KT															
85	11122053	NGÔ THỊ NGỌC	THÚY	21/08/93	DH11QT															
86	11121010	NGUYỄN THỊ THƯƠNG	THƯƠNG	09/06/92	DH11KT															
87	11122142	TRẦN THỊ HOÀI	THƯƠNG	21/03/93	DH11QT															
88	11122037	TRẦN VĂN	TÍ	10/09/92	DH11QT															
89	11155016	VÕ THỊ LỢI	TIẾN	17/03/93	DH11KN															
90	11155039	TRIỆU THỊ NGỌC	TRÂM	18/08/93	DH11KN															
91	11155008	VÕ THỊ NGỌC	TRÂM	15/12/93	DH11KN															
92	11120093	ĐOÀN VIỆT	TRINH	03/01/93	DH11KT															
93	11155027	DƯƠNG THỦY	TRÚC	05/07/92	DH11KN															
94	12155066	VÕ QUỐC	TRUNG	17/02/93	DH12KN															
95	10155038	TỪ MINH	TUẤN	08/08/92	DH10KN															
96	10122183	HUỲNH CAO	TUYÊN	15/09/91	DH10QT															
97	11122125	HỒ THỊ TUYẾT	VÂN	16/05/93	DH11QT															
98	11120077	NGUYỄN XUÂN	VIỆT	12/02/93	DH11KT															
99	11122039	LA HOÀNG	VŨ	24/03/93	DH11QT															
100	11122129	NGUYỄN HÀM	YÊN	06/08/92	DH11QT															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Quản trị Marketing (208431) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Lê Nhật Hạnh (711)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	12122005	NGUYỄN TRỌNG	CÔNG	24/11/93	DH12QT															
2	12155142	KIỀU THỊ QUỲNH	DAO	27/04/94	DH12KN															
3	12155068	NGUYỄN THANH	DƯƠNG	02/09/94	DH12KN															
4	12155046	ĐỖ THỊ	HẬU	09/09/94	DH12KN															
5	12122020	PHÙNG THỊ TUYẾT	HOA	10/06/94	DH12QT															
6	12122021	LƯU HỮU	HUỆ	01/02/92	DH12QT															
7	12155002	NGUYỄN VĂN	HÙNG	29/04/93	DH12KN															
8	11120007	KA SĂ HA	KHUY	27/05/91	DH11KT															
9	12120381	NGUYỄN THỊ NHƯ	KHUYẾN	18/12/94	DH12KT															
10	12122156	NGUYỄN THỊ THU	KIỀU	16/06/94	DH12QT															
11	12120543	NGUYỄN TÙNG	LÂM	19/01/94	DH12KT															
12	12155019	VÕ TRỌNG	NGHĨA	01/01/94	DH12KN															
13	12122190	LUẬN THÀNH	NHÂN	30/05/94	DH12QT															
14	12122193	NGUYỄN THỊ MAI	NHI	26/02/93	DH12QT															
15	12120620	TRƯƠNG HỒNG	NHƯ	09/07/94	DH12KT															
16	12122201	TRƯƠNG THỊ KIỀU	NI	25/04/94	DH12QT															
17	12155052	NGUYỄN THỊ	NỮ	15/08/94	DH12KN															
18	12122203	HỒ NHÌN	PHÓN	19/04/93	DH12QT															
19	12155055	LÊ THỊ	PHÒNG	25/02/94	DH12KN															
20	12122210	NGUYỄN THỊ	PHƯỢNG	18/10/94	DH12QT															
21	11155037	ĐINH THỊ PHƯƠNG	THẢO	14/12/92	DH11KN															
22	11120075	PHẠM ANH	THƠ	13/07/93	DH11KT															
23	11122116	HÀ THỊ THANH	THÙY	24/01/93	DH11QT															
24	12120386	NGUYỄN THỊ	VƯƠNG	22/05/94	DH12KT															
25	12155061	ĐỖ THỊ PHI	YẾN	04/10/94	DH12KN															
26	12155159	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	YẾN	/ /94	DH12KN															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Quản trị Marketing (208431) - Nhóm 03 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Lê Nhật Hạnh (711)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	11121011	BÙI HỮU	ÁI	06/10/92	DH11KT															
2	12122001	LÊ ĐỨC	AN	16/05/94	DH12QT															
3	12120041	THÁI THANH THÚY	AN	04/04/93	DH12KT															
4	11120058	NGUYỄN THỊ	ANH	26/07/93	DH11KT															
5	12122098	TRẦN THỊ KIM	ANH	29/06/94	DH12QT															
6	11122147	PHẠM ANH	BẢO	04/09/93	DH11QT															
7	12122103	TRƯƠNG TRẦN HOÀNG	BẢO	20/10/94	DH12QT															
8	12120181	HUỲNH THỊ	BÉ	10/03/94	DH12KT															
9	11120103	NGÔ THỊ THANH	CẨM	25/08/92	DH11KT															
10	12122004	PHẠM TRUNG	CHÁNH	17/01/93	DH12QT															
11	12122295	LÊ THỊ QUÍ	CHUNG	04/07/94	DH12QT															
12	11155001	PHẠM THỊ	CHUNG	30/09/93	DH11KN															
13	12120168	NGÔ VĂN	CHƯƠNG	20/09/94	DH12KT															
14	11120052	NGUYỄN THỊ ÁI	DIỄM	26/07/93	DH11KT															
15	12122297	NGUYỄN THỊ THANH	DIỆU	08/01/94	DH12QT															
16	12122114	BÙI NGUYỄN HOÀNG	DUY	24/05/91	DH12TM															
17	11122004	ĐỖ HUỲNH THÚY	DUYÊN	30/10/93	DH11QT															
18	12120059	TRẦN TIỂU LINH	ĐAN	02/08/94	DH12KT															
19	12155010	TRẦN THỊ	ĐÀO	20/02/94	DH12KN															
20	12122325	ĐÀO VĂN	ĐẠO	05/03/93	DH12QT															
21	12122323	TRIỆU THỊ	GIANG	26/12/93	DH12QT															
22	12122283	TRẦN THỊ THANH	HÀ	25/08/94	DH12QT															
23	12122130	NGUYỄN VĂN	HẢI	28/12/94	DH12QT															
24	11120096	PHAN THỊ BÍCH	HẠNH	10/10/93	DH11KT															
25	11122068	CHU THỊ MINH	HẰNG	05/08/93	DH11QT															
26	11120030	NGUYỄN THỊ THANH	HẰNG	/ /93	DH11KT															
27	11120031	NGUYỄN THỊ THU	HIỀN	01/01/92	DH11KT															
28	12120407	VÕ THỊ	HOA	06/08/94	DH12KT															
29	11122072	NGUYỄN THỊ	HOÀI	24/04/93	DH11QT															
30	12122318	NGUYỄN THỊ	HỒNG	29/09/94	DH12QT															
31	11122073	VÕ THỊ THU	HỒNG	18/08/93	DH11QT															
32	11122010	PHAN ĐÌNH	HUY	01/09/93	DH11QT															
33	12120005	TRẦN VIẾT	HUY	01/12/94	DH12KT															
34	12155149	PHẠM HỒNG	KHANG	17/09/94	DH12KN															
35	12155110	HỒ NGUYỄN PHƯƠNG	KHANH	10/05/94	DH12KN															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Quản trị Marketing (208431) - Nhóm 03 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Lê Nhật Hạnh (711)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	12122027	BÙI MINH	KIỆT	20/10/94	DH12QT															
37	11120081	MAI VĂN	KỲ	11/12/93	DH11KT															
38	12122158	TRẦN THỊ TUYẾT	LAN	10/11/94	DH12QT															
39	12122159	NGUYỄN VĂN THỦY	LÂM	24/03/94	DH12QT															
40	11122019	THÁI THANH	LÂM	17/10/91	DH11QT															
41	11120056	LƯƠNG THỊ	LINH	27/12/92	DH11KT															
42	11120090	NGUYỄN THỊ THU	LINH	11/12/92	DH11KT															
43	12120030	NGUYỄN THỊ TRÚC	LINH	04/09/94	DH12KT															
44	11120088	TRẦN THỊ ÁNH	LOAN	29/09/93	DH11KT															
45	11122083	PHẠM NGUYỄN PHI	LONG	18/08/93	DH11QT															
46	12122170	HUỲNH THỊ ĐỨC	LỘC	10/06/94	DH12QT															
47	12122079	LÊ PHÚC	LỘC	22/05/94	DH12QT															
48	11120076	TRẦN SẮC	LƯU	16/11/92	DH11KT															
49	11122025	NGUYỄN THỊ THẢO	LY	11/12/93	DH11QT															
50	12122031	LÊ THỊ KIM	LÝ	16/03/94	DH12QT															
51	12122033	DƯƠNG THỊ PHƯỢNG	MAI	13/07/94	DH12QT															
52	11122026	NGUYỄN THỊ THÙY	MINH	01/01/93	DH11QT															
53	11120037	VÕ THỊ NGỌC	MỸ	17/09/93	DH11KT															
54	11120082	NGUYỄN THỊ ÁNH	NA	09/08/92	DH11KT															
55	12122178	LÊ HOÀI	NAM	22/12/94	DH12QT															
56	12122080	PHẠM THÀNH	NAM	29/03/93	DH12QT															
57	12120034	TRẦN THỊ	NGA	17/02/94	DH12KT															
58	11122088	LÊ THỊ HẠNH	NGUYÊN	28/12/93	DH11QT															
59	12122185	PHẠM PHƯƠNG	NGUYÊN	16/10/94	DH12QT															
60	12155064	NGUYỄN THỊ XUÂN	NGUYỆN	24/02/93	DH12KN															
61	12155020	TRẦN THỊ	NGUYỆT	16/04/92	DH12KN															
62	11122092	LÊ THỊ YẾN	NHI	18/01/93	DH11QT															
63	11120112	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	22/11/93	DH11KT															
64	11120109	NGUYỄN THỊ HUỲNH	NHƯ	02/02/93	DH11KT															
65	12122040	NGUYỄN TẤN	PHÚ	18/07/94	DH12QT															
66	12122205	ĐẶNG HOÀNG	PHÚC	18/09/94	DH12QT															
67	11122097	NGUYỄN THÁI	PHƯƠNG	21/05/93	DH11QT															
68	11120104	BÙI THỊ TÚY	PHƯỢNG	20/10/92	DH11KT															
69	12122046	LƯƠNG TRỌNG	QUỲNH	03/03/93	DH12QT															
70	12122047	VŨ THÚY	QUỲNH	22/01/94	DH12QT															
71	12120018	VÒNG ĐÌNH	SANG	28/10/94	DH12KT															
72	11120060	TRẦN DUY	SƠN	09/08/92	DH11KT															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Quản trị Marketing (208431) - Nhóm 03 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Lê Nhật Hạnh (711)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	12122288	TẠ NGUYỄN THẢO	SƯƠNG	08/08/94	DH12QT															
74	11122093	DƯƠNG THẾ	TÂM	19/07/93	DH11QT															
75	11122052	TRẦN THỊ MINH	TÂM	09/04/93	DH11QT															
76	12122310	LÊ THỊ	THẢO	06/11/94	DH12QT															
77	11122110	PHAN THỊ PHƯƠNG	THẢO	07/07/93	DH11QT															
78	12122227	PHẠM THỊ HỒNG	THẮM	17/10/94	DH12QT															
79	12122228	PHẠM THỊ NGỌC	THẮM	04/03/94	DH12QT															
80	11120125	NGUYỄN THỊ	THÂN	04/03/92	DH11KT															
81	12120530	HỒ THỊ	THỂ	28/03/94	DH12KT															
82	11122113	TRỊNHTHI KIỀU	THI	20/04/93	DH11QT															
83	11120094	NGÔ THỊ	THÚY	11/07/93	DH11KT															
84	12120132	NGUYỄN THỊ THANH	THUÝ	17/01/94	DH12KT															
85	11120074	BÙI THỊ MINH	THƯ	05/12/93	DH11KT															
86	12155101	LÊ NGỌC ANH	THƯ	24/01/94	DH12KN															
87	11121006	PHẠM THỊ	THƯ	18/01/92	DH11KT															
88	12122237	NGUYỄN THỊ MINH	THƯƠNG	08/03/94	DH12TM															
89	11120047	HUỲNH NGỌC MAI	THY	25/06/93	DH11KT															
90	12122059	NGUYỄN THỊ KIỀU	TIÊN	01/11/94	DH12QT															
91	12120291	PHẠM TRỌNG	TIẾN	04/10/94	DH12KT															
92	12122060	TRẦN MINH	TIẾN	16/10/94	DH12QT															
93	11122054	NGUYỄN THỊ QUYỀN	TRÂM	30/11/93	DH11QT															
94	12122314	ĐINH THỊ NGỌC	TRINH	24/04/94	DH12QT															
95	12122256	PHẠM HỒNG	TRÌNH	11/09/92	DH12QT															
96	12120501	HOÀNG MINH CẨM	TÚ	23/04/94	DH12KT															
97	12155090	PHẠM MINH	TUẤN	02/03/94	DH12KN															
98	12155028	NGUYỄN MỘNG	TUYỀN	25/01/94	DH12KN															
99	11122126	ĐIỀU THỊ TƯỜNG	VI	16/10/93	DH11QT															
100	10122200	PHAN XUÂN	VI	23/11/90	DH10QT															
101	12122074	NGUYỄN THỊ HẢI	YẾN	15/04/94	DH12QT															
102	12122281	NGUYỄN THỊ PHI	YẾN	27/11/94	DH12QT															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Quản trị rủi ro (208432) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Hà Thị Thu Hòa (857)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	12122097	LÊ THỊ	ANH	01/10/94	DH12QT															
2	11150099	TRƯƠNG ĐOÀN TÚ	ANH	22/11/93	DH11TM															
3	12122004	PHẠM TRUNG	CHÁNH	17/01/93	DH12QT															
4	12122111	TRẦN THỊ	DIỄM	12/12/94	DH12QT															
5	11150020	TRẦN NGỌC TRUNG	DU	10/01/93	DH11TM															
6	12122114	BÙI NGUYỄN HOÀNG	DUY	24/05/91	DH12TM															
7	12122325	ĐÀO VĂN	ĐẠO	05/03/93	DH12QT															
8	11122068	CHU THỊ MINH	HẰNG	05/08/93	DH11QT															
9	11150039	NGUYỄN THỊ	HẰNG	03/03/93	DH11TM															
10	12122022	LÊ THANH	HUY	30/03/94	DH12QT															
11	12122146	TRẦN THỊ NGỌC	HUYỀN	20/10/93	DH12QT															
12	11122019	THÁI THANH	LÂM	17/10/91	DH11QT															
13	11122083	PHẠM NGUYỄN PHI	LONG	18/08/93	DH11QT															
14	12122173	HOÀNG CÔNG	LỰC	01/07/94	DH12TM															
15	11150051	NGUYỄN KHÁNH	NGÂN	02/02/93	DH11TM															
16	12122037	DƯƠNG THỊ BÍCH	NGỌC	14/10/93	DH12QT															
17	12122185	PHẠM PHƯƠNG	NGUYÊN	16/10/94	DH12QT															
18	10122108	PHẠM THỊ	NHÀI	10/08/91	DH10QT															
19	11122089	LÊ THỊ THANH	NHÀN	15/07/93	DH11QT															
20	12122203	HỒ NHÌN	PHÓN	19/04/93	DH12QT															
21	10122134	ĐẶNG VĂN	SỰ	01/01/92	DH10QT															
22	12122221	ĐOÀN THỊ XUÂN	THẢO	13/01/94	DH12QT															
23	11150067	NGUYỄN BẢO	THI	09/11/93	DH11TM															
24	11122144	NGUYỄN THỊ	TÌNH	16/11/93	DH11QT															
25	11122038	TRẦN KHÁNH	TRÂN	08/03/93	DH11QT															
26	12122260	NGUYỄN THỊ SƠN	TRÚC	20/07/94	DH12QT															
27	08222174	TRẦN VĂN	TUẤN	15/09/89	TC08QTTD															
28	11122124	NGUYỄN THỊ BẢO	UYÊN	21/08/93	DH11QT															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Quản trị rủi ro (208432) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Hà Thị Thu Hòa (857)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	11173006	HUỲNH PHƯƠNG	ANH	31/12/93	DH11TM															
2	11122055	VÕ THỊ NGỌC	ANH	06/12/93	DH11QT															
3	11122147	PHẠM ANH	BẢO	04/09/93	DH11QT															
4	11122057	TRỊNH ĐỨC	CHÂU	01/03/93	DH11QT															
5	11122059	NGÔ THỊ	CHUYÊN	25/09/93	DH11QT															
6	11122003	LÊ TIẾN	DÂNG	20/12/90	DH11QT															
7	11150019	PHAN THỊ	DIỆU	28/04/93	DH11TM															
8	11122061	VÕ THỊ XUÂN	DUNG	24/08/93	DH11QT															
9	10122029	HUỲNH KHƯƠNG	DUY	30/01/92	DH10QT															
10	11122004	ĐỖ HUỲNH THÚY	DUYÊN	30/10/93	DH11QT															
11	11122063	LÊ HOÀNG THỤY MỸ	DUYÊN	17/09/93	DH11QT															
12	11122064	PHẠM THỊ MỸ	DUYÊN	22/11/93	DH11QT															
13	10122042	NGUYỄN HOÀNG	GIANG	24/10/91	DH10QT															
14	11150037	LÊ THỊ THU	HÀ	17/09/93	DH11TM															
15	10122046	BÙI THỊ MỸ	HẠNH	06/07/92	DH10QT															
16	11122050	ĐỒNG THỊ THANH	HẰNG	16/01/93	DH11QT															
17	11122070	PHẠM THỊ THÚY	HẰNG	10/11/93	DH11QT															
18	10122052	PHAN THỊ THÚY	HẰNG	18/06/92	DH10QT															
19	11122041	TRÀ THỊ MỸ	HIỀN	20/04/93	DH11QT															
20	11122137	ĐẶNG THỊ	HÒA	02/04/93	DH11QT															
21	11122072	NGUYỄN THỊ	HOÀI	24/04/93	DH11QT															
22	11122073	VÕ THỊ THU	HỒNG	18/08/93	DH11QT															
23	11122130	ĐẶNG HỒNG	HUẾ	16/05/93	DH11QT															
24	11122074	HOÀNG THI KIM	HUỆ	01/11/93	DH11QT															
25	11122075	TRẦN ĐỨC	HUY	12/04/93	DH11QT															
26	11122076	TRỊNH MINH	HUY	24/11/93	DH11QT															
27	11150043	NGUYỄN NGỌC THANH	HUYỀN	05/08/93	DH11TM															
28	11122077	TRỊNH NGUYỄN THU	HUYỀN	03/09/93	DH11QT															
29	11122012	BÙI THỊ MỸ	HƯƠNG	07/07/93	DH11QT															
30	10122073	NGUYỄN THỊ KIM	HƯƠNG	15/08/92	DH10QT															
31	11122014	PHẠM THỊ MỸ	HƯƠNG	30/07/93	DH11QT															
32	11122015	NGUYỄN TRỊNH XUÂN	KHOA	23/03/93	DH11QT															
33	11122018	TRẦN ĐỨC	LÃM	10/09/93	DH11QT															
34	11122021	NGUYỄN THỊ MỸ	LINH	22/10/93	DH11QT															
35	11122082	TRẦN MẠNH	LINH	22/02/93	DH11QT															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Quản trị rủi ro (208432) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Hà Thị Thu Hòa (857)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	11122022	TRẦN THÙY	LINH	27/06/93	DH11QT															
37	11122023	HUỲNH THỊ KIM	LY	16/12/93	DH11QT															
38	11122086	NGUYỄN THỊ NGỌC	NGÂN	09/09/93	DH11QT															
39	11122087	LƯU THỊ BÍCH	NGỌC	07/02/93	DH11QT															
40	11122088	LÊ THỊ HẠNH	NGUYÊN	28/12/93	DH11QT															
41	11122138	TĂNG THỊ	NGUYÊN	18/12/93	DH11QT															
42	10122206	BÙI ANH CHÍ	NHÂN	30/05/90	DH10QT															
43	12122190	LUẬN THÀNH	NHÂN	30/05/94	DH12QT															
44	11150054	ĐỖ QUANG	NHẬT	17/03/92	DH11TM															
45	11122091	PHẠM HỒNG	NHẬT	03/04/93	DH11QT															
46	11122092	LÊ THỊ YẾN	NHI	18/01/93	DH11QT															
47	11122095	NGUYỄN THỊ HUỲNH	NHƯ	19/05/93	DH11QT															
48	12122201	TRƯƠNG THỊ KIỀU	NI	25/04/94	DH12QT															
49	11122131	NGUYỄN THỊ NGỌC	NỮ	01/02/93	DH11QT															
50	11122096	ĐÀO THỊ HOÀNG	OANH	10/05/93	DH11QT															
51	11150096	HUỲNH THỊ BÍCH	PHƯƠNG	28/06/93	DH11TM															
52	11122097	NGUYỄN THÁI	PHƯƠNG	21/05/93	DH11QT															
53	11122099	TRẦN THỊ HÀ	PHƯƠNG	25/03/93	DH11QT															
54	11122051	NGUYỄN THỊ TRÚC	QUỲNH	26/07/93	DH11QT															
55	11122146	TRẦN THỊ TRÚC	QUỲNH	07/06/92	DH11QT															
56	11122104	NGUYỄN THANH	SANG	05/09/93	DH11QT															
57	11122093	DƯƠNG THẾ	TÂM	19/07/93	DH11QT															
58	11122052	TRẦN THỊ MINH	TÂM	09/04/93	DH11QT															
59	11122034	NGUYỄN VĂN	THÁI	13/01/93	DH11QT															
60	11122111	PHẠM QUỐC	THÁI	05/04/93	DH11QT															
61	11122112	TRẦN QUỐC	THÁI	12/10/93	DH11QT															
62	11122113	TRỊNHTHI KIỀU	THI	20/04/93	DH11QT															
63	11122114	ĐẶNG THỊ NGỌC	THỌI	27/12/92	DH11QT															
64	11122116	HÀ THỊ THANH	THÙY	24/01/93	DH11QT															
65	11122053	NGÔ THỊ NGỌC	THÚY	21/08/93	DH11QT															
66	11122142	TRẦN THỊ HOÀI	THƯƠNG	21/03/93	DH11QT															
67	11150072	ĐẶNG THỊ CẨM	TIÊN	17/03/93	DH11TM															
68	12122061	NGUYỄN HỮU	TÍN	27/03/94	DH12QT															
69	10122165	VÕ TÀI	TÍN	10/11/92	DH10QT															
70	11122046	LÊ THANH	TỊNH	16/06/93	DH11QT															
71	11122054	NGUYỄN THỊ QUYỀN	TRÂM	30/11/93	DH11QT															
72	11150088	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRÂN	15/01/92	DH11TM															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Quản trị rủi ro (208432) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Hà Thị Thu Hòa (857)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	11150014	LÃ BÍCH	TRI	03/04/93	DH11TM															
74	11150079	ĐẶNG THANH	TRÚC	01/01/93	DH11TM															
75	11122133	NGUYỄN VIỆT	TRUNG	24/05/93	DH11QT															
76	11122123	LÊ THỊ	TÚ	08/06/93	DH11QT															
77	11122039	LA HOÀNG	VŨ	24/03/93	DH11QT															
78	11122145	TRẦN THỊ TOÀN	VY	15/09/93	DH11QT															
79	11122129	NGUYỄN HÀM	YÊN	06/08/92	DH11QT															
80	12122074	NGUYỄN THỊ HẢI	YẾN	15/04/94	DH12QT															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Đàm phán thương lượng (208435) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Vũ Thanh Liêm (300)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	11173006	HUỲNH PHƯƠNG	ANH	31/12/93	DH11TM															
2	10122005	LÊ MINH	ANH	17/11/92	DH10QT															
3	11150028	TRẦN NGỌC LAN	ANH	25/11/93	DH11TM															
4	11150032	TRƯƠNG GIA	BẢO	22/08/93	DH11TM															
5	10164005	VÕ BỬU	CHÂU	01/01/92	DH10TC															
6	11150017	NGUYỄN THỊ DIỄM	CHI	10/07/93	DH11TM															
7	11164002	PHẠM THỊ BÍCH	DÂNG	18/01/93	DH11TC															
8	11171002	LÊ THỊ KIM	DUNG	07/12/92	DH11KS															
9	11171016	TRẦN ĐÌNH THẾ	DUY	30/10/93	DH11KS															
10	11150033	TRẦN THỊ THÚY	DUY	19/08/93	DH11TM															
11	11122004	ĐỖ HUỲNH THÚY	DUYÊN	30/10/93	DH11QT															
12	11171018	VÕ THỊ XUÂN	DUYÊN	20/08/93	DH11KS															
13	11150036	BÙI THỊ	ĐẬM	15/08/93	DH11TM															
14	11122134	HUỲNH THỊ	HẢO	15/02/93	DH11QT															
15	11122068	CHU THỊ MINH	HẰNG	05/08/93	DH11QT															
16	11122050	ĐỒNG THỊ THANH	HẰNG	16/01/93	DH11QT															
17	11122069	NGUYỄN THỊ THÚY	HẰNG	09/05/93	DH11QT															
18	11122008	NGUYỄN THỊ	HOA	23/02/93	DH11QT															
19	10122062	NGUYỄN THIỆU	HOÀNG	04/06/92	DH10QT															
20	11122073	VÕ THỊ THU	HỒNG	18/08/93	DH11QT															
21	11150043	NGUYỄN NGỌC THANH	HUYỀN	05/08/93	DH11TM															
22	11164017	TRẦN NGỌC	HUYỀN	23/09/93	DH11TC															
23	11122078	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	02/05/93	DH11QT															
24	10122073	NGUYỄN THỊ KIM	HƯƠNG	15/08/92	DH10QT															
25	11122014	PHẠM THỊ MỸ	HƯƠNG	30/07/93	DH11QT															
26	10164013	ĐỖ VĂN	KHẢI	25/08/93	DH10TC															
27	10164014	BẠCH ĐĂNG	KHOA	20/09/92	DH10TC															
28	11122015	NGUYỄN TRỊNH XUÂN	KHOA	23/03/93	DH11QT															
29	11122018	TRẦN ĐỨC	LÃM	10/09/93	DH11QT															
30	11150090	HUỲNH NGỌC	LIỄNG	06/09/93	DH11TM															
31	11164020	HOÀNG NGUYỄN KHÁNH	LINH	20/09/93	DH11TC															
32	10164018	HOÀNG THỊ	LINH	17/10/92	DH10TC															
33	11164041	NGUYỄN THỊ QUỲNH	LOAN	24/09/93	DH11TC															
34	11122025	NGUYỄN THỊ THẢO	LY	11/12/93	DH11QT															
35	10164020	HUỲNH THANH	MAI	02/09/92	DH10TC															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Đàm phán thương lượng (208435) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Vũ Thanh Liêm (300)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	11122087	LƯU THỊ BÍCH	NGỌC	07/02/93	DH11QT															
37	11150052	NGUYỄN PHẠM HỒNG	NGỌC	03/08/93	DH11TM															
38	11164023	VƯƠNG THỊ MINH	NGỌC	20/09/93	DH11TC															
39	11150053	ĐÀM THỊ THẢO	NGUYÊN	03/06/93	DH11TM															
40	11122088	LÊ THỊ HẠNH	NGUYÊN	28/12/93	DH11QT															
41	11150094	PHẠM THÁI	NGUYÊN	13/01/93	DH11TM															
42	11122138	TĂNG THỊ	NGUYÊN	18/12/93	DH11QT															
43	11150054	ĐỖ QUANG	NHẬT	17/03/92	DH11TM															
44	11122096	ĐÀO THỊ HOÀNG	OANH	10/05/93	DH11QT															
45	11150087	TÔ YẾN	OANH	19/05/93	DH11TM															
46	11150059	TRẦN THỊ KIM	PHỤNG	15/09/93	DH11TM															
47	11164028	NGUYỄN DUY	PHƯƠNG	21/05/93	DH11TC															
48	11122098	PHAN THỊ	PHƯƠNG	12/06/93	DH11QT															
49	10122128	TRẦN THỊ MỸ	PHƯƠNG	02/10/92	DH10QT															
50	11122051	NGUYỄN THỊ TRÚC	QUỲNH	26/07/93	DH11QT															
51	11122146	TRẦN THỊ TRÚC	QUỲNH	07/06/92	DH11QT															
52	11150065	ĐINH THANH	SƠN	24/02/92	DH11TM															
53	11122093	DƯƠNG THẾ	TÂM	19/07/93	DH11QT															
54	11122112	TRẦN QUỐC	THÁI	12/10/93	DH11QT															
55	11164029	TRẦN HOÀNG	THANH	09/10/93	DH11TC															
56	11150097	HUỲNH THỊ PHƯƠNG	THẢO	05/03/93	DH11TM															
57	11122110	PHAN THỊ PHƯƠNG	THẢO	07/07/93	DH11QT															
58	11122113	TRỊNHTHI KIỀU	THI	20/04/93	DH11QT															
59	11122035	NGUYỄN KHÂM	THIÊN	06/03/93	DH11QT															
60	11150010	PHẠM THỊ KIM	THOA	15/09/93	DH11TM															
61	11122116	HÀ THỊ THANH	THÙY	24/01/93	DH11QT															
62	11164043	LÊ THỊ THU	THÚY	06/04/93	DH11TC															
63	11150070	LÊ NGỌC ANH	THƯ	22/08/93	DH11TM															
64	11122037	TRẦN VĂN	TÍ	10/09/92	DH11QT															
65	11164033	PHẠM ĐOÀN MINH	TIÊN	10/05/93	DH11TC															
66	11150073	PHẠM GIANG THỦY	TIÊN	01/10/93	DH11TM															
67	11164034	NGUYỄN NGỌC BẢO	TRÂM	25/10/93	DH11TC															
68	11122054	NGUYỄN THỊ QUYỀN	TRÂM	30/11/93	DH11QT															
69	11150076	TRẦN THỊ BẢO	TRÂN	15/04/93	DH11TM															
70	11150077	DƯƠNG VĂN	TRỌNG	28/02/93	DH11TM															
71	11150025	NGÔ CHÍ	TRUNG	19/05/93	DH11TM															
72	11150080	NGUYỄN ANH	TUẤN	10/05/93	DH11TM															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Đàm phán thương lượng (208435) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Vũ Thanh Liêm (300)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	11164038	NGUYỄN THỊ HỒNG	TUYẾT	02/06/93	DH11TC															
74	10164044	NGUYỄN THỊ NGỌC	UYỂN	15/04/92	DH10TC															
75	11150082	HUỲNH THỊ BÍCH	VÂN	06/08/93	DH11TM															
76	11122126	ĐIỀU THỊ TƯỜNG	VI	16/10/93	DH11QT															
77	10164045	ĐẶNG THỊ	VINH	19/12/91	DH10TC															
78	11122039	LA HOÀNG	VŨ	24/03/93	DH11QT															
79	11122145	TRẦN THỊ TOÀN	VY	15/09/93	DH11QT															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Quản trị dự án (208438) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Võ Ngàn Thơ (T502)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	12131158	HOÀNG THỊ KIM	ANH	25/10/94	DH12CH															
2	12138011	NGÔ NHẬT	ANH	12/04/94	DH12TD															
3	11131011	TRƯƠNG VĂN	BA	06/06/92	DH11CH															
4	12153002	NGUYỄN TUẤN	CHỈNH	11/01/94	DH12CD															
5	12154052	NGUYỄN QUỐC	CÔNG	12/01/94	DH12OT															
6	12153004	TRẦN VĂN	ĐẠT	23/03/94	DH12CD															
7	12154205	NGÔ HỒ	ĐIỆP	10/08/94	DH12OT															
8	12131002	HỒ NHỮ	ĐÌNH	13/03/94	DH12CH															
9	12137012	NGUYỄN VĂN	ĐUA	30/01/93	DH12NL															
10	12118104	TRẦN ĐỨC	GIÁP	13/06/94	DH12CK															
11	12153065	TRẦN VĂN	HÀNH	02/03/94	DH12CD															
12	12132046	TRẦN THỊ DIỆU	HIỀN	15/08/94	DH12CH															
13	10160035	PHAN THANH	HIỆP	22/03/92	DH10TK															
14	12154104	ĐẶNG NGỌC	HÒA	24/01/94	DH12OT															
15	10137002	THÁI NGUYỄN NGỌC	HÒA	22/09/92	DH10NL															
16	11153007	UNG MINH	HOAN	05/08/93	DH11CD															
17	12154074	NGUYỄN PHƯỚC	HOÀNG	28/09/94	DH12OT															
18	12154107	HỒ CÔNG	HUY	26/08/94	DH12OT															
19	12153082	PHẠM NGỌC ĐĂNG	HUY	25/02/93	DH12CD															
20	12153105	QUÁCH TRỌNG	HUY	28/12/94	DH12CD															
21	10171105	NGUYỄN TRẦN VĨNH	HƯNG	18/01/92	DH10KS															
22	10160041	ĐINH BÁ	HỮU	19/09/92	DH10TK															
23	12153176	ĐOÀN TỐ	HỮU	10/11/94	DH12CD															
24	11131026	LÊ KHẮC	KHANH	15/12/92	DH11CH															
25	12154117	NGUYỄN DUY	KHANH	07/11/93	DH12OT															
26	12125459	NGUYỄN QUỐC	KHANH	10/11/94	DH12DD															
27	12153177	TRẦN QUỐC	KHANH	02/04/94	DH12CD															
28	12154120	BÙI NGỌC	KHOA	21/02/94	DH12OT															
29	12153090	NGUYỄN MINH	KHOẢNH	17/12/94	DH12CD															
30	12154143	LƯU TẤN	KIỆT	15/11/94	DH12OT															
31	12153092	NGUYỄN ANH	KIỆT	28/02/93	DH12CD															
32	12131294	TRẦN VÕ PHƯƠNG	KIỀU	09/08/94	DH12CH															
33	12154232	NGUYỄN VIẾT	LÃM	18/08/93	DH12OT															
34	12154249	PHAN THÀNH	LÂM	08/06/93	DH12OT															
35	12137007	VŨ ĐÌNH	LỊCH	09/02/94	DH12NL															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Quản trị dự án (208438) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Võ Ngàn Thơ (T502)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	12138066	ĐẶNG TIỂU	LONG	04/01/94	DH12TD															
37	12153189	TẠ DUY	LONG	07/09/94	DH12CD															
38	12154128	ĐOÀN XUÂN	LỘC	02/02/94	DH12OT															
39	12138069	NGUYỄN BÁ	LỘC	13/10/94	DH12TD															
40	12154166	ĐINH VĂN	LỢI	16/03/94	DH12OT															
41	12131270	PHẠM THỊ ÁI	MỘNG	08/11/94	DH12CH															
42	10131034	HÀ THANH	MỪNG	01/06/92	DH10CH															
43	11153027	BÙI CÔNG	NAM	03/12/93	DH11CD															
44	12138044	PHẠM PHÚC	NHA	25/01/93	DH12TD															
45	12154146	PHAN TRỌNG	NHÂM	03/08/92	DH12OT															
46	12118068	VÕ VĂN	NHÂN	10/03/94	DH12CC															
47	12131056	NGUYỄN HOÀNG YÊN	NHI	05/06/93	DH12CH															
48	11131009	PHẠM HỮU	NHƠN	01/04/93	DH11CH															
49	10160078	HỒ THĂNG	PHÚC	05/02/92	DH10TK															
50	11153009	VÕ MINH	PHƯƠNG	27/03/93	DH11CD															
51	12125080	LƯƠNG THỊ BÍCH	PHƯỢNG	15/09/94	DH12DD															
52	12131064	VŨ BÍCH	PHƯỢNG	02/02/94	DH12CH															
53	12118079	VÕ HỒNG	QUỐC	24/12/93	DH12CK															
54	11138004	DƯƠNG PHƯỚC PHÚ	QUÝ	22/10/93	DH11CD															
55	12154089	NGUYỄN VĂN	SANG	02/02/94	DH12OT															
56	12154109	TRẦN QUỐC	SƠN	25/06/94	DH12OT															
57	12344046	HOÀNG XUÂN	TÀI	14/08/92	CD12CI															
58	12154083	LÊ THANH	TÂM	14/08/94	DH12OT															
59	12138093	NGUYỄN MINH	TÂM	15/09/94	DH12TD															
60	12153136	LÊ VĂN	THÀNH	22/09/94	DH12CD															
61	11160139	THÁI BÁ	THÀNH	10/05/93	DH11TK															
62	12154179	TRẦN TRUNG	THÀNH	25/10/94	DH12OT															
63	12153016	VÕ CAO	THẮNG	12/09/90	DH12CD															
64	12154234	NGUYỄN NGỌC	THÍCH	30/01/94	DH12OT															
65	12153173	ĐOÀN LÝ	THUYẾT	04/07/94	DH12CD															
66	12138099	NGUYỄN ĐÌNH	THY	05/09/94	DH12TD															
67	12137053	NGUYỄN VIẾT TRIỀU	TIÊN	06/06/94	DH12NL															
68	09118018	NGUYỄN TẤN	TÍN	18/04/91	DH09CK															
69	12131217	HUỲNH THU	TRANG	28/01/93	DH12CH															
70	11131057	PHẠM THỊ THÙY	TRANG	16/11/93	DH11CH															
71	12153192	NGÔ QUANG	TUẤN	03/01/94	DH12CD															
72	12154158	NGUYỄN VŨ VĂN	TUỆ	13/06/93	DH12OT															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Quản trị dự án (208438) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Võ Ngàn Thơ (T502)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	12118101	NGUYỄN THANH	TÙNG	16/02/94	DH12CC															
74	12153123	THIỀU DUY	TÙNG	01/07/94	DH12CD															
75	12131093	TRẦN MINH	TÙNG	12/12/94	DH12CH															
76	11131005	NGUYỄN NGỌC THẢO	UYÊN	19/07/93	DH11CH															
77	12125384	LÊ THỊ HỒNG	VÂN	01/05/94	DH12DD															
78	12138111	NGÔ VĂN	VIỄN	25/05/93	DH12TD															
79	12138007	VÕ QUỐC	VINH	11/03/94	DH12TD															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Quản trị dự án (208438) - Nhóm 03 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Võ Ngàn Thơ (T502)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	12137001	ĐỖ HOÀNG	ÁI	12/12/94	DH12NL															
2	12154022	BÙI NGỌC	AN	26/12/94	DH12OT															
3	10160008	PHAN CÔNG	ANH	16/08/92	DH10TK															
4	12154030	LÊ QUỐC	BẢO	11/07/94	DH12OT															
5	12154026	VÕ QUANG	BÌNH	06/12/93	DH12OT															
6	12131184	ĐOÀN HOA	BƯỞI	11/02/93	DH12CH															
7	12153031	LÊ VĂN	CẢNH	09/09/92	DH12CD															
8	10131007	NGUYỄN TIẾN	CẦM	29/09/91	DH10CH															
9	12154047	NGUYỄN TRUNG	CHIẾN	09/10/94	DH12OT															
10	12154051	NGUYỄN ĐÌNH QUỐC	CHÍNH	21/11/89	DH12OT															
11	10171071	NGUYỄN THỊ	CHƯA	09/05/91	DH10KS															
12	11131016	TRẦN THỊ	DUNG	08/04/93	DH11CH															
13	12154039	TRẦN TIẾN	DŨNG	31/08/94	DH12OT															
14	12154063	BÙI THÀNH	DUY	30/03/93	DH12OT															
15	12138034	NGUYỄN ĐÌNH HOÀNG	DƯƠNG	16/11/93	DH12TD															
16	12154067	NGUYỄN MINH	DƯƠNG	10/02/94	DH12OT															
17	12131209	VÕ THỊ BÍCH	ĐÀO	09/02/94	DH12CH															
18	12154055	LÂM HỒNG	ĐẠT	24/10/94	DH12OT															
19	12154056	LÂM HỮU	ĐẠT	11/07/94	DH12OT															
20	12154058	PHẠM TRỌNG	ĐẠT	04/10/94	DH12OT															
21	12154148	NGUYỄN TRIỆU	ĐỈNH	10/02/93	DH12OT															
22	12154080	NGUYỄN PHƯƠNG	ĐÔNG	04/10/94	DH12OT															
23	12154003	ĐẶNG VĂN ÚT	EM	20/02/93	DH12OT															
24	12154227	HỒ THANH	HẬU	12/05/93	DH12OT															
25	12154048	TRẦN TRUNG	HẬU	29/01/94	DH12OT															
26	12132142	TRẦN THỊ THẢO	HIỀN	15/08/94	DH12CH															
27	11154006	ĐOÀN MINH	HIẾU	15/09/93	DH11OT															
28	12154005	LÊ TẤN	HOÀN	13/09/94	DH12OT															
29	12125018	LÊ KIM	HỒNG	21/02/94	DH12DD															
30	12154084	LÊ NGỌC VĨNH	HUÂN	21/06/93	DH12OT															
31	12154110	TRẦN DUY	HÙNG	20/06/94	DH12OT															
32	12154123	VÕ THANH	HÙNG	13/12/94	DH12OT															
33	12154086	HUỲNH MINH	HUY	02/05/94	DH12OT															
34	12154087	MÃ NHẬT	HUY	03/06/94	DH12OT															
35	12137023	LƯU ĐÌNH	HƯNG	08/11/94	DH12NL															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Quản trị dự án (208438) - Nhóm 03 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Võ Ngàn Thơ (T502)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	12153046	VŨ QUANG	HƯNG	14/01/94	DH12CD															
37	12154066	TRẦN CÔNG	KHANG	11/02/94	DH12OT															
38	12154118	NGUYỄN BÌNH	KHÁNH	29/09/93	DH12OT															
39	12154016	NGUYỄN DUY	KHÁNH	09/10/94	DH12OT															
40	12153074	TRẦN TRỌNG	KHIÊM	21/11/94	DH12CD															
41	12154119	NGUYỄN ĐĂNG	KHOA	21/09/94	DH12OT															
42	08118028	NGUYỄN ANH	KỲ	04/12/89	DH08CK															
43	12118100	PHAN THANH	LỄ	03/12/94	DH12CK															
44	12344082	LÊ VĂN	LUYỆN	13/05/94	CD12CI															
45	12153179	ĐINH QUANG	LƯỠNG	29/04/94	DH12CD															
46	10131031	DƯƠNG HIỂN	MAY	04/07/92	DH10CH															
47	10171030	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	14/01/92	DH10KS															
48	10171081	TRƯƠNG THỊ ÁNH	NGUYỆT	10/01/92	DH10KS															
49	12153112	ĐẶNG PHAN TẤN	PHÁT	07/09/94	DH12CD															
50	12153009	NGUYỄN THANH	PHONG	16/12/94	DH12CD															
51	12153093	HỒ VĨNH	PHU	24/09/93	DH12CD															
52	11131045	HUỲNH THỊ DIỄM	PHÚC	01/01/93	DH11CH															
53	12153128	LÊ HỒNG	PHÚC	18/10/94	DH12CD															
54	12154247	NGUYỄN CHÁNH	QUANG	20/08/91	DH12OT															
55	12154164	TRẦN XUÂN	QUANG	12/09/94	DH12OT															
56	12154206	PHẠM HÙNG	QUYỀN	16/04/94	DH12OT															
57	12154172	TRẦN VĂN	SỈ	24/06/94	DH12OT															
58	12131145	PHẠM NAM	SƠN	05/05/93	DH12CH															
59	12154238	PHAN VĂN	TÂM	22/03/94	DH12OT															
60	11154017	DƯƠNG NGUYỄN KHÁNH	TÂN	13/05/93	DH11OT															
61	12154133	NGUYỄN MINH	TÂN	15/07/94	DH12OT															
62	12118023	THÂN THIỆN	TÂN	18/01/94	DH12CC															
63	12154178	PHAN QUỐC	THÁI	30/09/92	DH12OT															
64	12153081	TRẦN ĐẶNG THÔNG	THÁI	19/07/92	DH12CD															
65	12154134	PHAN DUY	THANH	28/10/94	DH12OT															
66	12125048	TRẦN THỊ	THANH	09/03/94	DH12DD															
67	12118121	LÊ QUYẾT	THÀNH	19/04/94	DH12CC															
68	12154182	PHAN DUY	THẮM	12/11/94	DH12OT															
69	12154253	VÕ VĂN	THỐNG	20/02/94	DH12OT															
70	12154192	TRẦN VĂN	TIỀN	21/10/94	DH12OT															
71	12154204	VẠN NGỌC	TÌNH	19/02/93	DH12OT															
72	12153198	PHẠM NGỌC	TỊNH	20/01/93	DH12CD															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Quản trị dự án (208438) - Nhóm 03 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Võ Ngàn Thơ (T502)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	12154124	TRƯƠNG THANH	TRƯỜNG	26/03/94	DH12OT															
74	12118055	NGUYỄN TRUNG	TUÂN	19/05/94	DH12CK															
75	12154065	ĐINH LÊ HOÀNG	TUẤN	04/04/94	DH12OT															
76	12154129	NGUYỄN QUỐC	TUẤN	21/02/93	DH12OT															
77	12154011	LÊ PHÚ	TÙNG	14/10/94	DH12OT															
78	12154241	NGUYỄN ĐỨC	TÙNG	29/02/93	DH12OT															
79	12125376	NGUYỄN THỊ MỘNG	TUYỀN	15/02/94	DH12DD															
80	12344153	TRẦN ĐÌNH	TƯỜNG	01/07/83	CD12CI															
81	12125063	NGUYỄN THỊ	VẸN	16/02/94	DH12DD															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Quản trị dự án (208438) - Nhóm 04 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Võ Ngàn Thơ (T502)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	12138012	LÊ TUẤN	ANH	04/01/94	DH12TD															
2	12138009	NGÔ HOÀNG	ANH	24/08/94	DH12TD															
3	12153140	VÕ VĂN QUỐC	ANH	23/06/93	DH12CD															
4	12138025	PHẠM THANH	BÌNH	01/07/93	DH12TD															
5	12153036	HỨA THANH	CHUNG	28/07/93	DH12CD															
6	07131245	TRẦN VĂN	DUY	18/02/86	DH08CH															
7	12131257	NGUYỄN THỊ	DUYÊN	02/08/94	DH12CH															
8	12125405	LIỄU THỤY THÙY	DƯƠNG	24/02/94	DH12DD															
9	12153053	DƯƠNG NGỌC	ĐA	18/01/94	DH12CD															
10	12153048	TRẦN VĂN	ĐẠT	13/01/94	DH12CD															
11	12153167	TRƯƠNG PHÁT	ĐẠT	15/04/94	DH12CD															
12	10153005	TRẦN ĐỨC	ĐÔNG	20/07/92	DH10CD															
13	12138060	NGUYỄN VĂN	HẢI	21/11/92	DH12TD															
14	12138018	NGUYỄN VIẾT	HẢO	23/01/94	DH12TD															
15	10160027	LÊ DIỄM	HẰNG	20/01/92	DH10TK															
16	12153168	PHAN PHỤNG	HIỆP	10/10/94	DH12CD															
17	10160034	NGUYỄN THỊ XUÂN	HIẾU	07/12/92	DH10TK															
18	12153037	NGUYỄN AN	HOÀI	22/12/94	DH12CD															
19	12138047	DƯƠNG VĂN	HOAN	10/10/93	DH12TD															
20	12138049	NGUYỄN TRỌNG	HOÀN	16/11/94	DH12TD															
21	12153175	LƯU GIA	HUÂN	21/02/94	DH12CD															
22	12138126	NGUYỄN DUY	KHƯƠNG	27/10/94	DH12TD															
23	12125210	LÊ THỊ NGỌC	LINH	23/04/94	DH12DD															
24	12137019	PHAN VĂN	LINH	30/03/94	DH12NL															
25	12138118	DƯƠNG HỒNG	LĨNH	13/09/94	DH12TD															
26	12154259	TRẦN KIM	LỘC	27/09/94	DH12OT															
27	12154239	NGUYỄN VĂN	LUẬN	29/01/94	DH12OT															
28	12138131	LÊ QUANG	NGỌC	12/02/94	DH12TD															
29	12118064	NGUYỄN THÁI	NGỌC	29/04/94	DH12CK															
30	12138054	NGUYỄN HỮU	NHÂN	25/05/94	DH12TD															
31	12138125	NGUYỄN THANH	NHÂN	06/09/94	DH12TD															
32	12153067	PHÙNG THÁI	NHÂN	04/10/89	DH12CD															
33	12138059	HUỲNH TẤN	PHÁT	04/08/94	DH12TD															
34	10171039	NGUYỄN LÂM	PHƯƠNG	15/02/92	DH10KS															
35	11160073	ĐẶNG NHẬT	QUANG	02/09/93	DH11TK															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Quản trị dự án (208438) - Nhóm 04 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Võ Ngàn Thơ (T502)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	12118114	TÔ NGỌC	QUANG	04/04/94	DH12CC															
37	12153070	VÕ HIỀN	QUÂN	26/12/94	DH12CD															
38	12138092	NGUYỄN THỌ	SƠN	13/08/94	DH12TD															
39	12118115	NGUYỄN NGỌC	TÀI	14/01/94	DH12CK															
40	12153131	NGUYỄN NGỌC	TÀI	24/10/94	DH12CD															
41	10171044	LÊ SỸ	TÂN	08/11/92	DH10KS															
42	12118119	NGUYỄN TRUNG	TẤT	19/05/94	DH12CK															
43	12153104	PHẠM VĂN	TÂY	01/06/94	DH12CD															
44	12153137	HỒ BẢO	THÀNH	02/11/93	DH12CD															
45	11131050	LÊ CÔNG	THÀNH	23/12/83	DH11CH															
46	12125083	LÊ THỊ	THẮM	15/07/94	DH12DD															
47	12153144	LƯU THẾ	THẮNG	14/06/94	DH12CD															
48	10160103	NGUYỄN VĂN	THIỆN	13/06/92	DH10TK															
49	10153044	PHAN CÔNG	THỌ	16/01/91	DH10CD															
50	12131212	TRẦN THỊ THANH	THỦY	13/06/94	DH12CH															
51	11160096	LÊ DUY	TIẾN	18/09/93	DH11TK															
52	12153156	NGÔ NHẬT	TRƯỜNG	13/02/94	DH12CD															
53	12138134	VÕ ĐÌNH	TRƯỞNG	02/02/94	DH12TD															
54	12138132	LÊ ĐẮC	TUẤN	16/06/93	DH12TD															
55	12153157	NGUYỄN ANH	TUẤN	04/02/93	DH12CD															
56	12138087	TRƯƠNG THỊ	TUYẾT	08/03/94	DH12TD															
57	12118117	NGUYỄN HUỲNH TÚ	UYÊN	09/01/94	DH12CC															
58	12149092	HOÀNG VĂN	VIẾT	21/03/94	DH12TD															
59	12138135	PHẠM VĂN	VŨ	10/10/93	DH12TD															
60	12118077	TRẦN THANH	VŨ	15/03/94	DH12CC															
61	12154013	LÝ KIM	XÁI	27/10/94	DH12OT															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Thương mại điện tử (208439) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Trần Minh Huy (298)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	11150029	TRẦN PHƯƠNG	ANH	14/12/93	DH11TM															
2	11150099	TRƯƠNG ĐOÀN TÚ	ANH	22/11/93	DH11TM															
3	11122055	VÕ THỊ NGỌC	ANH	06/12/93	DH11QT															
4	11122057	TRỊNH ĐỨC	CHÂU	01/03/93	DH11QT															
5	11122002	HUỲNH THỊ LAN	CHI	18/06/93	DH11QT															
6	11122058	NGUYỄN VŨ DIỄM	CHI	25/01/92	DH11QT															
7	11122003	LÊ TIẾN	DÂNG	20/12/90	DH11QT															
8	12122112	TRẦN THỊ	DIỆU	07/06/94	DH12TM															
9	11150020	TRẦN NGỌC TRUNG	DU	10/01/93	DH11TM															
10	11122066	NGUYỄN THỊ ANH	ĐÀO	12/01/93	DH11QT															
11	11150001	DƯƠNG XUÂN	ĐIỀU	10/03/92	DH11TM															
12	11150037	LÊ THỊ THU	HÀ	17/09/93	DH11TM															
13	12122129	TRẦN THỊ	HÀ	09/01/94	DH12TM															
14	09122024	NGUYỄN HOÀNG	HAI	16/12/89	DH09QT															
15	10122046	BÙI THỊ MỸ	HẠNH	06/07/92	DH10QT															
16	11122069	NGUYỄN THỊ THÚY	HẰNG	09/05/93	DH11QT															
17	11150085	VÕ THỊ	HIỀN	19/02/93	DH11TM															
18	11150042	HUỲNH MINH	HIẾU	21/12/93	DH11TM															
19	12122138	NGUYỄN VĂN	HIẾU	06/01/93	DH12TM															
20	09124900	PHẠM TRUNG	HIẾU	01/07/91	DH11TM															
21	11122008	NGUYỄN THỊ	HOA	23/02/93	DH11QT															
22	11122072	NGUYỄN THỊ	HOÀI	24/04/93	DH11QT															
23	11122130	ĐẶNG HỒNG	HUẾ	16/05/93	DH11QT															
24	11122012	BÙI THỊ MỸ	HƯƠNG	07/07/93	DH11QT															
25	12122285	SƠN TỪ THÁI MỸ	LĂNG	05/01/94	DH12TM															
26	11122084	NGÔ THỊ KIM	MAI	03/08/93	DH11QT															
27	12122174	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	MAI	13/07/93	DH12TM															
28	12130082	VÕ THANH	MINH	09/04/94	DH12DT															
29	09150064	MAI THỊ THẢO	MỴ	16/07/91	DH09TM															
30	11150053	ĐÀM THỊ THẢO	NGUYÊN	03/06/93	DH11TM															
31	12122303	NGUYỄN THỊ THẢO	NGUYÊN	06/12/94	DH12TM															
32	11150094	PHẠM THÁI	NGUYÊN	13/01/93	DH11TM															
33	12122305	TRẦN THỊ	NGUYỆT	30/11/94	DH12TM															
34	10122108	PHẠM THỊ	NHÀI	10/08/91	DH10QT															
35	11150007	ĐỖ TRỌNG	NHÂN	12/10/93	DH11TM															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Thương mại điện tử (208439) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Trần Minh Huy (298)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	12122191	TRẦN THỊ ÁI	NHÂN	25/05/94	DH12TM															
37	11122091	PHẠM HỒNG	NHẬT	03/04/93	DH11QT															
38	12122193	NGUYỄN THỊ MAI	NHI	26/02/93	DH12QT															
39	11122131	NGUYỄN THỊ NGỌC	NỮ	01/02/93	DH11QT															
40	12122041	HUỲNH THỊ MỸ	PHÚC	17/09/94	DH12TM															
41	11150059	TRẦN THỊ KIM	PHỤNG	15/09/93	DH11TM															
42	12122045	LÊ VĂN	QUYẾT	12/01/94	DH12TM															
43	11122146	TRẦN THỊ TRÚC	QUỲNH	07/06/92	DH11QT															
44	11122052	TRẦN THỊ MINH	TÂM	09/04/93	DH11QT															
45	11150066	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	05/11/93	DH11TM															
46	11150008	HUỲNH THỊ HỒNG	THẮM	18/12/93	DH11TM															
47	11150067	NGUYỄN BẢO	THI	09/11/93	DH11TM															
48	11150010	PHẠM THỊ KIM	THOA	15/09/93	DH11TM															
49	11122114	ĐẶNG THỊ NGỌC	THỌI	27/12/92	DH11QT															
50	12122311	ĐỖ THỊ CẨM	THƠ	05/05/94	DH12TM															
51	11122141	NGUYỄN THỊ	THU	24/02/93	DH11QT															
52	11122044	HUỲNH VĂN	THUẬN	19/12/90	DH11QT															
53	10122159	ĐINH THỊ THANH	THỦY	02/12/92	DH10QT															
54	11150069	ĐÀO THỊ PHƯƠNG	THÚY	27/08/93	DH11TM															
55	11122036	PHẠM THỊ THU	THÚY	26/11/93	DH11QT															
56	11150070	LÊ NGỌC ANH	THƯ	22/08/93	DH11TM															
57	11150072	ĐẶNG THỊ CẨM	TIÊN	17/03/93	DH11TM															
58	11150073	PHẠM GIANG THỦY	TIÊN	01/10/93	DH11TM															
59	10122164	ĐÀO ĐỨC	TÍN	23/05/92	DH10QT															
60	11122144	NGUYỄN THỊ	TÌNH	16/11/93	DH11QT															
61	11122046	LÊ THANH	TỊNH	16/06/93	DH11QT															
62	12122248	NGUYỄN THÙY	TRANG	13/02/94	DH12TM															
63	11150074	TRẦN NGỌC MAI	TRANG	21/11/92	DH11TM															
64	11122118	TRẦN THỊ THẢO	TRANG	05/09/93	DH11QT															
65	12122250	TRẦN THỊ THÙY	TRANG	22/07/94	DH12TM															
66	11122120	ĐẶNG TRẦN THÙY	TRÂM	06/07/93	DH11QT															
67	11150076	TRẦN THỊ BẢO	TRÂN	15/04/93	DH11TM															
68	11150014	LÃ BÍCH	TRI	03/04/93	DH11TM															
69	11122132	VÕ THỊ DIỄM	TRINH	19/09/93	DH11QT															
70	12130116	DƯƠNG QUỐC	TRỌNG	16/11/94	DH12DT															
71	11122133	NGUYỄN VIỆT	TRUNG	24/05/93	DH11QT															
72	11150080	NGUYỄN ANH	TUẤN	10/05/93	DH11TM															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Thương mại điện tử (208439) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Trần Minh Huy (298)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	11122125	HỒ THỊ TUYẾT	VÂN	16/05/93	DH11QT															
74	12122266	HOÀNG NGUYÊN	VI	14/10/94	DH12QT															
75	12122070	KIỀU VŨ THÚY	VI	19/11/94	DH12TM															
76	12122272	LÊ THỊ TƯỜNG	VY	30/06/94	DH12TM															
77	12122273	NGUYỄN THỊ HOÀI	XUÂN	05/03/94	DH12TM															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Soạn thảo hợp đồng kinh tế (208442) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Lê Văn Hoa (289)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	11123002	TRẦN QUỐC	ANH	08/06/93	DH11KE															
2	12363227	VÕ THỊ HÒA	ÂN	06/12/94	CD12CA															
3	12123068	VŨ THỊ NGỌC	BÍCH	16/10/94	DH12KE															
4	12363226	PHAN THÚY	CẨM	19/04/94	CD12CA															
5	12123008	TRẦN THỊ THANH	CẨM	26/02/94	DH12KE															
6	12363256	NGUYỄN LÊ HỒNG	CHÂU	15/02/94	CD12CA															
7	12123102	VÕ THỊ MỸ	CHÂU	18/06/94	DH12KE															
8	12363326	HOÀNG THỊ	CÚC	10/06/94	CD12CA															
9	12363312	TRƯƠNG THỊ	DÂN	20/02/94	CD12CA															
10	11123172	HUỲNH THỊ	DIỄM	20/08/93	DH11KE															
11	12363228	NGUYỄN THỊ THÚY	DIỄM	24/06/94	CD12CA															
12	12363259	TRƯƠNG THỊ LỆ	DIỄM	02/02/94	CD12CA															
13	09363040	HUỲNH THỊ MỸ	DIỆU	18/01/91	CD09CA															
14	12363334	HUỲNH THỊ PHƯƠNG	DUNG	11/09/94	CD12CA															
15	12363260	NGUYỄN MINH	DUNG	07/12/94	CD12CA															
16	12363166	NGUYỄN THỊ	DUNG	22/11/94	CD12CA															
17	12363314	TRẦN KIM	DŨNG	06/01/94	CD12CA															
18	12363327	ĐẶNG THỊ	DUYÊN	26/06/94	CD12CA															
19	12363336	TRẦN THANH	ĐOAN	16/04/94	CD12CA															
20	12363339	ĐOÀN KIỀU	GIANG	26/04/94	CD12CA															
21	12363264	VÕ BÙI KIỀU	GIANG	30/09/93	CD12CA															
22	12123117	NGUYỄN THỊ	HÀ	25/02/94	DH12KE															
23	11363180	HUỲNH HIẾU	HẠNH	15/01/92	CD11CA															
24	10363034	NGUYỄN THỊ MỸ	HẠNH	07/05/92	CD10CA															
25	12363211	PHẠM THỊ MỸ	HẠNH	26/01/94	CD12CA															
26	12123232	ĐỖ THỊ THÚY	HẰNG	19/09/94	DH12KE															
27	12363246	TRẦN THỊ THÚY	HẰNG	18/02/94	CD12CA															
28	12363206	NGUYỄN THỊ MỸ	HẬU	18/10/93	CD12CA															
29	12123086	CAO THỊ	HIỀN	01/06/94	DH12KE															
30	12123233	BÙI THỊ ÁNH	HOA	20/02/94	DH12KE															
31	12363062	LÊ THỊ KIM	HỒNG	04/05/94	CD12CA															
32	12363035	LÊ THỊ THÚY	HỒNG	16/10/93	CD12CA															
33	12363038	NGÔ THỊ KIM	HỒNG	14/02/94	CD12CA															
34	12363272	TRẦN THỊ	HUỆ	13/04/94	CD12CA															
35	12363329	TRẦN THỊ	HUỆ	01/10/94	CD12CA															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Soạn thảo hợp đồng kinh tế (208442) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Lê Văn Hoa (289)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	12123072	NEÁNG CUNG BÔ LY	KA	18/12/94	DH12KE															
37	10363040	NGUYỄN THỊ MỸ	KHÁNH	17/09/92	CD10CA															
38	12363174	BÙI NGUYỄN THIÊN	KIM	06/10/94	CD12CA															
39	12123132	HỒ THỊ	LÀNH	15/12/94	DH12KE															
40	12123136	HUỲNH THỊ KHÁNH	LINH	24/01/94	DH12KE															
41	12363208	LƯƠNG THỊ MỸ	LINH	07/09/94	CD12CA															
42	12123137	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	LINH	10/11/94	DH12KE															
43	12363016	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	20/07/94	CD12CA															
44	12123089	NGUYỄN YẾN	LINH	21/12/94	DH12KE															
45	12363218	THÁI THỊ THÙY	LINH	22/12/94	CD12CA															
46	12363178	ĐẶNG THỊ NGỌC	LOAN	19/07/94	CD12CA															
47	12363078	NGUYỄN THỊ	LỤA	23/10/94	CD12CA															
48	12363317	NGUYỄN THỊ	LƯỜNG	27/04/93	CD12CA															
49	12363234	BÙI THỊ CẨM	LY	28/12/94	CD12CA															
50	12363318	NGUYỄN NỮ KHÁNH	LY	02/04/94	CD12CA															
51	12363281	TRẦN LÊ PHƯỚC	LY	03/06/93	CD12CA															
52	12363015	BÙI THỊ	LÝ	05/05/92	CD12CA															
53	12363080	VÕ THỊ NGỌC	LÝ	10/02/93	CD12CA															
54	12123143	TRẦN THỊ TUYẾT	MAI	26/03/94	DH12KE															
55	10123107	VÕ THỊ TUYẾT	MAI	07/02/91	DH10KE															
56	12363192	LÊ THỊ HOÀI	MẾN	02/11/94	CD12CA															
57	12363237	BÙI THỊ DIỄM	MY	09/08/93	CD12CA															
58	12123150	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	30/08/94	DH12KE															
59	11363155	VÕ THỊ THÙY	NGÂN	20/01/93	CD11CA															
60	12363319	ĐÀM THỊ ÁNH	NGỌC	30/10/94	CD12CA															
61	11329083	HỒ NHƯ	NGỌC	19/10/93	CD11CA															
62	12363075	ĐẶNG THỊ THẢO	NGUYÊN	08/07/93	CD12CA															
63	12123038	TẠ THỊ ÁNH	NGUYỆT	20/12/93	DH12KE															
64	12363219	LÊ THỊ SINH	NGỮ	23/07/94	CD12CA															
65	12363079	NGUYỄN KHÁNH	NHI	23/10/94	CD12CA															
66	12123041	HUỲNH THỊ MỸ	NHUNG	08/05/93	DH12KE															
67	12363087	ĐỒNG THỊ	NƯƠNG	12/07/94	CD12CA															
68	12363241	TRỊNH THỊ THÚY	OANH	18/04/94	CD12CA															
69	12123164	NGUYỄN THỊ NHƯ	PHÔI	15/04/94	DH12KE															
70	12363292	DƯƠNG KIM	PHỤNG	20/04/94	CD12CA															
71	12363130	HÀM THỊ KIM	SA	03/09/94	CD12CA															
72	12123281	ĐÀNG PHÚ NỮ	SAMAN	20/03/93	DH12KE															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Soạn thảo hợp đồng kinh tế (208442) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Lê Văn Hoa (289)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	12363340	TRẦN THỊ	TÂM	02/07/94	CD12CA															
74	12123255	HUỲNH THỊ HỒNG	THANH	04/04/94	DH12KE															
75	12363344	LƯƠNG THỊ THU	THẢO	18/04/93	CD12CA															
76	12123169	NGUYỄN THỊ THANH	THẢO	24/10/93	DH12KE															
77	12363242	VÕ THỊ	THẢO	19/11/94	CD12CA															
78	12363243	DƯƠNG THỊ HỒNG	THẮM	07/06/94	CD12CA															
79	12363063	NGUYỄN THỊ	THẮM	12/07/93	CD12CA															
80	12123301	TRẦN THỊ KIM	THOA	/ /	DH12KE															
81	12123242	TRƯƠNG THỊ ANH	THƠ	12/12/94	DH12KE															
82	12123050	NGUYỄN THỊ CẨM	THU	24/10/94	DH12KE															
83	12363297	LÊ MINH	THÙY	18/10/93	CD12CA															
84	12363173	LÊ THỊ	THÙY	01/06/94	CD12CA															
85	12123175	LÊ THỊ	THUÝ	15/10/94	DH12KE															
86	12363244	NGUYỄN THỊ	THUYÊN	25/01/94	CD12CA															
87	12123052	NGUYỄN THỊ KIM	THƯ	11/07/94	DH12KE															
88	12123185	PHAN THỦY	TIÊN	01/01/94	DH12KE															
89	12123187	VY THỊ	TIN	08/09/94	DH12KE															
90	12363108	ĐẶNG THỊ HUYỀN	TRANG	29/10/94	CD12CA															
91	12363333	LÊ THỊ	TRANG	10/09/94	CD12CA															
92	12123299	LÊ NGỌC	TRÂM	26/07/94	DH12KE															
93	12363343	NGUYỄN THỊ NGỌC	TRÂM	08/07/94	CD12CA															
94	12363050	HUỲNH THỊ	TRÍ	15/05/94	CD12CA															
95	12363123	PHÙNG NGUYỄN MINH	TRIỀU	27/09/93	CD12CA															
96	12123198	QUÃNG MINH KHẢ	TÚ	16/04/94	DH12KE															
97	12363202	NGUYỄN THỊ MỘNG	TUYỀN	22/09/94	CD12CA															
98	12363128	NGUYỄN HỒNG	TUYẾT	22/05/94	CD12CA															
99	12363323	TRẦN THỊ	TỨ	24/03/94	CD12CA															
100	12123211	ĐẶNG THỊ HỒNG	YẾN	07/04/94	DH12KE															
101	10123231	NGUYỄN THỊ HOÀNG	YẾN	12/09/92	DH10KE															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Soạn thảo hợp đồng kinh tế (208442) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Lê Văn Hoa (289)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	12123001	NGUYỄN HẠNH	AN	22/03/94	DH12KE															
2	12123098	NGUYỄN THỊ THÚY	AN	04/01/94	DH12KE															
3	12123006	HÀ NGỌC	ÁNH	19/11/94	DH12KE															
4	11123255	VILAYSON	BOULETH	05/07/89	DH11KE															
5	12123074	VÕ THỊ SƠN	CA	20/02/94	DH12KE															
6	12123103	ĐAN CHÂU HẠNH	CHI	05/09/94	DH12KE															
7	12123230	PHẠM THỊ NGỌC	CHÍNH	08/06/94	DH12KE															
8	12123084	NGUYỄN THỊ KIM	CÚC	02/10/94	DH12KE															
9	12363163	VŨ TIẾN	DŨNG	22/08/94	CD12CA															
10	12123014	NGUYỄN NGỌC KỲ	DUYÊN	18/11/94	DH12KE															
11	12363006	HUỲNH PHÚC	ĐÔNG	19/07/94	CD12CA															
12	12123114	HOÀNG THỊ KIM	GIÁC	10/12/94	DH12KE															
13	12123018	NGUYỄN THỊ HỒNG	GIÀU	11/11/94	DH12KE															
14	12123020	TẠ THỊ	HÀ	04/08/94	DH12KE															
15	12363032	NGUYỄN THỊ HIẾU	HẠNH	25/06/93	CD12CA															
16	11123065	TRỊNH HUỲNH MỸ	HẠNH	04/09/93	DH11KE															
17	12363254	TRƯƠNG THỊ BÍCH	HẢO	19/10/94	CD12CA															
18	12363328	DƯƠNG THỊ	HẰNG	20/01/94	CD12CA															
19	12363164	NGUYỄN THỊ THÚY	HẰNG	25/07/94	CD12CA															
20	12123071	LÊ THỊ NGỌC	HÂN	01/01/94	DH12KE															
21	12123120	NGUYỄN PHÚC	HẬU	28/08/94	DH12KE															
22	12123121	TRƯƠNG THỊ	HẬU	02/04/94	DH12KE															
23	12123088	HỒ THỊ	HIẾU	01/10/94	DH12KE															
24	12363249	NÔNG THỊ	HIẾU	14/09/94	CD12CA															
25	10363172	NGUYỄN THỊ	HOA	02/12/92	CD10CA															
26	12123124	NGUYỄN THỊ LỆ	HOA	28/06/94	DH12KE															
27	12123023	NGUYỄN THỊ KHÁNH	HÒA	05/07/94	DH12KE															
28	12123127	TRẦN THỊ KIM	HUÊ	07/01/94	DH12KE															
29	12363316	ĐẶNG THỊ	HUỆ	16/02/94	CD12CA															
30	11363105	NGUYỄN THỊ NGỌC	HUYỀN	19/05/93	CD11CA															
31	12363072	VŨ THỊ LAN	HƯƠNG	18/07/93	CD12CA															
32	11363070	THÁI THỊ	HƯỜNG	03/02/93	CD11CA															
33	12363216	NGUYỄN QUỐC	HY	02/03/94	CD12CA															
34	12123028	NGUYỄN HUỲNH	KHUYÊN	20/12/94	DH12KE															
35	12363181	PHẠM THỊ LY	LA	20/05/94	CD12CA															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Soạn thảo hợp đồng kinh tế (208442) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Lê Văn Hoa (289)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	12363044	ĐOÀN THỊ CẨM	LINH	18/09/94	CD12CA															
37	10363062	VÕ THỊ HỒNG	LINH	20/08/92	CD10CA															
38	12363177	VŨ THỊ HỒNG	LINH	16/08/94	CD12CA															
39	12123139	NGÔ THỊ PHƯỢNG	LOAN	15/04/94	DH12KE															
40	12123090	ĐINH THỊ	LỘC	26/06/94	DH12KE															
41	12363235	VÕ THỊ	LY	16/02/94	CD12CA															
42	12123141	LÊ TRẦN THIÊN	LÝ	24/11/94	DH12KE															
43	12123145	HUỲNH THỊ ÁNH	MINH	18/09/94	DH12KE															
44	12363099	ĐẶNG THỊ HỒNG	NÊN	/ /94	CD12CA															
45	12123148	NGUYỄN HUỲNH BẠCH	NGA	10/09/94	DH12KE															
46	12363098	HOÀNG THỊ KIM	NGÂN	25/12/94	CD12CA															
47	12123149	HUỲNH HUYỀN	NGÂN	09/10/94	DH12KE															
48	12123034	NGUYỄN THỊ THU	NGÂN	09/12/94	DH12KE															
49	12123236	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂU	20/05/94	DH12KE															
50	12363331	PHAN THỊ QUỲNH	NGỌC	16/09/94	CD12CA															
51	12123154	PHAN TRẦN THẢO	NGUYÊN	26/07/94	DH12KE															
52	11363130	TRỊNH HỒNG	NHÂN	13/12/93	CD11CA															
53	11123031	TRẦN HUỲNH YẾN	NHI	18/03/93	DH11KE															
54	12123163	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	08/01/94	DH12KE															
55	12363067	TRẦN THỊ MỸ	NHUNG	20/03/94	CD12CA															
56	12123042	PHẠM HỒNG	PHÚC	04/08/94	DH12KE															
57	12123165	HOÀNG THỊ BÍCH	PHƯƠNG	17/12/94	DH12KE															
58	12123237	NGUYỄN THỊ THANH	PHƯƠNG	19/03/94	DH12KE															
59	12363024	NGUYỄN THỊ	PHƯỢNG	15/12/93	CD12CA															
60	12123043	DOÃN ĐÌNH	QUANG	08/03/94	DH12KE															
61	12123166	HUỲNH THỊ THẢO	QUYÊN	26/07/94	DH12KE															
62	12123091	HỒ NHƯ	QUỲNH	20/12/94	DH12KE															
63	11123253	KHAMMANNIVONG	SIPAPHY	18/08/92	DH11KE															
64	12123044	NGUYỄN ĐÌNH	SƠN	18/11/93	DH12KE															
65	12363048	ĐẶNG THỊ MỸ	THẠCH	03/10/94	CD12CA															
66	12123092	NGUYỄN THỊ	THANH	20/11/94	DH12KE															
67	12363296	TÔ HỒNG	THANH	10/03/94	CD12CA															
68	12363084	TRẦN THỊ KIM	THÀNH	10/01/94	CD12CA															
69	11363002	HOÀNG THỊ NGỌC	THẢO	13/06/93	CD11CA															
70	12123047	LÊ THỊ HỒNG	THẢO	30/06/94	DH12KE															
71	12123239	NGUYỄN THỊ KIM	THẮM	29/07/93	DH12KE															
72	12363212	TRẦN THỊ	THỂ	08/02/94	CD12CA															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Soạn thảo hợp đồng kinh tế (208442) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Lê Văn Hoa (289)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	12123241	HUỲNH THỊ BÍCH	THI	17/02/94	DH12KE															
74	12363217	TRƯƠNG ÁNH	THÙY	25/10/94	CD12CA															
75	12363118	BÙI THỊ	THỦY	15/07/94	CD12CA															
76	12123078	MAI THỊ LỆ	THỦY	13/11/94	DH12KEGL															
77	12123250	ĐÀO THỊ	THUÝ	23/09/94	DH12KE															
78	12123178	NGÔ THANH	THÚY	06/10/94	DH12KE															
79	12123179	LÊ THỊ THANH	THƯ	10/09/94	DH12KE															
80	12363154	HỒ THỊ HOÀI	THƯƠNG	13/11/94	CD12CA															
81	12123054	HUỲNH THỊ MỸ	TIÊN	15/07/94	DH12KE															
82	12123095	TRẦN THỊ NGHỆ	TÔNG	05/07/94	DH12KE															
83	12123057	NGUYỄN THỊ THANH	TRÀ	27/12/94	DH12KE															
84	12123189	BÙI THỊ	TRANG	26/08/94	DH12KE															
85	12123244	ĐẶNG LƯU PHƯƠNG	TRANG	20/06/94	DH12KE															
86	12363301	LÊ NGỌC	TRANG	23/12/94	CD12CA															
87	12123056	LÊ THỊ CHÂU	TRANG	05/07/94	DH12KE															
88	12123080	VŨ THỊ	TRANG	17/01/94	DH12KE															
89	12363136	VŨ THỊ THÙY	TRANG	21/10/94	CD12CA															
90	12123058	NGUYỄN THỊ LƯU	TRÂM	15/01/94	DH12KE															
91	12123245	NGUYỄN THỊ	TRINH	10/08/94	DH12KE															
92	11363047	NGUYỄN THỊ MỘNG	TRINH	08/03/93	CD11CA															
93	11120105	TRẦN THỊ VIỆT	TRINH	29/11/93	CD12CA															
94	09363240	PHẠM THỊ NHƯ	TRÚC	06/12/91	CD09CA															
95	11363117	NGUYỄN THỊ THU	TRƯỜNG	26/02/93	CD11CA															
96	12123256	NGUYỄN CẨM	TÚ	22/11/94	DH12KE															
97	12363005	PHAN HUỲNH KIM	TUYỀN	01/01/94	CD12CA															
98	11363175	TRỊNH THỊ CẨM	TUYỀN	18/04/93	CD11CA															
99	11363161	TRƯƠNG THỊ THANH	TUYỀN	31/07/93	CD11CA															
100	12123195	LÊ THỊ	TUYẾT	28/07/94	DH12KE															
101	11123054	PHẠM THỊ THU	TƯỜNG	17/08/93	DH11KE															
102	12363039	PHẠM THỊ THU	VÂN	17/08/93	CD12CA															
103	12123063	NGUYỄN THỊ	VI	08/05/94	DH12KE															
104	12123206	LÊ PHƯƠNG ÁNH	VY	27/04/94	DH12KE															
105	12123209	NGUYỄN THỊ THÚY	VY	02/01/94	DH12KE															
106	11123187	NGUYỄN THÚY	XUYÊN	30/01/93	DH11KE															
107	12123218	NGUYỄN THỊ NHƯ	Ý	25/11/94	DH12KE															
108	12123219	VÕ THỊ NHƯ	Ý	22/12/94	DH12KE															
109	12123212	HÀ KIM	YẾN	22/08/94	DH12KE															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Tiếp thị nông sản (208444) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Lê Văn Lạng (280)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	11155012	TRẦN HỮU	CHÍ	21/01/92	DH11KN															
2	11155002	PHAN ANH	DUY	02/12/93	DH11KN															
3	11155003	BÙI TẤN	ĐẠT	21/06/93	DH11KN															
4	11155018	ĐOÀN THANH	HẢI	16/04/93	DH11KN															
5	11155005	NGUYỄN THỊ	HẠNH	27/06/92	DH11KN															
6	12155110	HỒ NGUYỄN PHƯƠNG	KHANH	10/05/94	DH12KN															
7	12155079	TRẦN THỊ THẢO	LINH	02/10/93	DH12KN															
8	12155128	MAI THỊ KIM	LOAN	09/03/91	DH12KN															
9	12155099	NGUYỄN NHỰT	MINH	09/05/92	DH12KN															
10	12155083	NGUYỄN THỊ KIM	NGỌC	06/12/94	DH12KN															
11	12155064	NGUYỄN THỊ XUÂN	NGUYỆN	24/02/93	DH12KN															
12	12155021	BÀNH QUỐC	NHÃ	10/11/94	DH12KN															
13	11155048	NGUYỄN THỊ LINH	NHÂM	23/02/93	DH11KN															
14	12155154	NGUYỄN KIM	NHUNG	19/05/94	DH12KN															
15	11155040	HUỲNH	NHƯ	01/07/93	DH11KN															
16	12155147	BÙI THỊ	OANH	22/05/94	DH12KN															
17	11155025	CHÂU THỊ KIM	PHỤNG	24/01/93	DH11KN															
18	11155007	VĂN THỊ	PHƯƠNG	05/03/93	DH11KN															
19	11155010	LÊ THỊ PHƯƠNG	QUYÊN	17/11/93	DH11KN															
20	12155124	NGUYỄN HÀ LỆ	TÂM	12/07/94	DH12KN															
21	11155047	NGUYỄN MINH	TÂM	10/09/93	DH11KN															
22	11155049	VŨ THU	THẢO	27/11/93	DH11KN															
23	11155045	PHAN THỊ	THẮM	21/08/93	DH11KN															
24	11155015	NGÔ PHAN VŨ GIA	THUẬN	12/01/93	DH11KN															
25	11155036	LÊ THỊ	THÚY	07/11/93	DH11KN															
26	12155101	LÊ NGỌC ANH	THƯ	24/01/94	DH12KN															
27	12155138	DIỆP THÙY	TRANG	29/01/94	DH12KN															
28	11155039	TRIỆU THỊ NGỌC	TRÂM	18/08/93	DH11KN															
29	12155066	VÕ QUỐC	TRUNG	17/02/93	DH12KN															
30	12155028	NGUYỄN MỘNG	TUYỀN	25/01/94	DH12KN															
31	11155053	HUỲNH LÊ	VY	13/04/93	DH11KN															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Marketing nông nghiệp (208445) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Lê Văn Lạng (280)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	11121011	BÙI HỮU	ÁI	06/10/92	DH11KT															
2	10120001	KHỔNG THỊ LAN	ANH	23/12/92	DH10KT															
3	11120001	TRẦN THỊ KIM	ANH	12/01/93	DH11KT															
4	11120026	LÊ THỊ NGỌC	BÍCH	23/08/93	DH11KT															
5	11120103	NGÔ THỊ THANH	CẨM	25/08/92	DH11KT															
6	11120052	NGUYỄN THỊ ÁI	DIỄM	26/07/93	DH11KT															
7	11120028	NGUYỄN KHƯƠNG	DUY	21/11/93	DH11KT															
8	11120003	HUỲNH THỊ MỸ	DUYÊN	24/01/93	DH11KT															
9	11120085	NGÔ VĂN	DƯƠNG	28/09/86	DH11KT															
10	11120078	PHẠM MINH	DƯƠNG	15/03/93	DH11KT															
11	10120009	NGUYỄN VĂN	ĐẠO	07/08/92	DH10KT															
12	11120099	PHẠM THÀNH	ĐẠT	29/02/92	DH11KT															
13	10120014	NGUYỄN THỊ MỸ	HẠNH	24/08/92	DH10KT															
14	11120021	HUỲNH THỊ LỆ	HẰNG	16/11/93	DH11KT															
15	11120004	NGUYỄN THỊ THU	HIỀN	25/11/93	DH11KT															
16	11120062	NGUYỄN LƯU	HOÀNG	20/11/93	DH11KT															
17	10120017	VĂN THỊ	HỒNG	26/08/92	DH10KT															
18	11120084	NGUYỄN VIỆT	HÙNG	25/05/93	DH11KT															
19	11120073	NGUYỄN THỊ NGỌC	HUYỀN	08/09/93	DH11KT															
20	11120065	NGUYỄN THỊ	HƯNG	25/02/93	DH11KT															
21	11120005	DƯƠNG THỊ MỸ	HƯƠNG	17/06/93	DH11KT															
22	11120032	LÊ ANH	KHOA	11/12/93	DH11KT															
23	11120081	MAI VĂN	KỲ	11/12/93	DH11KT															
24	11120035	NGÔ THỊ	LAN	04/02/93	DH11KT															
25	11120008	ĐINH VIỆT PHƯƠNG	LINH	24/04/93	DH11KT															
26	11120056	LƯƠNG THỊ	LINH	27/12/92	DH11KT															
27	11120090	NGUYỄN THỊ THU	LINH	11/12/92	DH11KT															
28	11120009	PHẠM QUỲNH	LOAN	26/11/93	DH11KT															
29	11120088	TRẦN THỊ ÁNH	LOAN	29/09/93	DH11KT															
30	11120037	VÕ THỊ NGỌC	MỸ	17/09/93	DH11KT															
31	11120082	NGUYỄN THỊ ÁNH	NA	09/08/92	DH11KT															
32	11120133	THÁI THỊ	NA	12/07/91	DH11KT															
33	11120102	NGUYỄN THỤY THẢO	NGUYÊN	05/08/93	DH11KT															
34	11120121	HỒ PHẠM CẨM	NHUNG	05/10/93	DH11KT															
35	11120116	PHẠM THANH	NÚI	16/06/93	DH11KT															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Marketing nông nghiệp (208445) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Lê Văn Lạng (280)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	11120072	NGUYỄN THỊ THU	PHƯƠNG	21/05/93	DH11KT															
37	11120023	PHẠM THỊ THU	PHƯƠNG	14/08/93	DH11KT															
38	11120104	BÙI THỊ TÚY	PHƯỢNG	20/10/92	DH11KT															
39	11121003	ĐOÀN THỊ KIM	PHƯỢNG	01/08/93	DH11KT															
40	11120011	TRẦN THỊ	PHƯỢNG	08/01/93	DH11KT															
41	11120117	PHAN THANH	SANG	15/09/93	DH11KT															
42	11120024	TRƯƠNG THỊ THÚY	SANG	28/10/92	DH11KT															
43	11120015	LÊ CÔNG	THẠCH	01/05/93	DH11KT															
44	10120036	LƯƠNG THỊ	THANH	08/12/91	DH10KT															
45	11120014	LƯỜNG THANH	THẢO	20/08/93	DH11KT															
46	11120086	PHAN THỊ THANH	THẢO	22/12/93	DH11KT															
47	11120053	VÕ THỊ HỒNG	THẮM	12/05/93	DH11KT															
48	11120042	NGUYỄN THỊ NGỌC	THẨM	11/08/93	DH11KT															
49	11120125	NGUYỄN THỊ	THÂN	04/03/92	DH11KT															
50	11120075	PHẠM ANH	THƠ	13/07/93	DH11KT															
51	11120046	TRƯƠNG THỊ	THU	10/08/93	DH11KT															
52	11120094	NGÔ THỊ	THÚY	11/07/93	DH11KT															
53	11121017	TRẦN THANH	THÚY	29/01/93	DH11KT															
54	11120074	BÙI THỊ MINH	THƯ	05/12/93	DH11KT															
55	11121010	NGUYỄN THỊ THƯƠNG	THƯƠNG	09/06/92	DH11KT															
56	11120047	HUỲNH NGỌC MAI	THY	25/06/93	DH11KT															
57	11120107	NGUYỄN NGỌC	TÍN	16/02/93	DH11KT															
58	11120123	PHẠM THỊ BÍCH	TRÂM	17/07/93	DH11KT															
59	11120100	TÔ THỊ TUYẾT	TRINH	16/07/92	DH11KT															
60	11120113	NGUYỄN THỊ THANH	TRÚC	12/10/93	DH11KT															
61	11120079	PHAN THANH	TRÚC	02/12/93	DH11KT															
62	11120051	NGUYỄN VĂN	TRUNG	25/06/93	DH11KT															
63	11120025	ĐOÀN BẢO	TRƯỜNG	15/07/93	DH11KT															
64	11121022	VÕ THỊ KIM	VI	20/05/93	DH11KT															
65	11120077	NGUYỄN XUÂN	VIỆT	12/02/93	DH11KT															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Phân tích kinh doanh (208452) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Trần Minh Huy (298)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	12123005	ĐỒNG THỊ HỒNG	ÁNH	09/05/94	DH12KE															
2	12122003	TRƯƠNG THỊ KIM	BÍCH	18/06/94	DH12QT															
3	12123068	VŨ THỊ NGỌC	BÍCH	16/10/94	DH12KE															
4	11122057	TRỊNH ĐỨC	CHÂU	01/03/93	DH11QT															
5	12123102	VÕ THỊ MỸ	CHÂU	18/06/94	DH12KE															
6	11122058	NGUYỄN VŨ DIỄM	CHI	25/01/92	DH11QT															
7	09363040	HUỲNH THỊ MỸ	DIỆU	18/01/91	CD09CA															
8	12122114	BÙI NGUYỄN HOÀNG	DUY	24/05/91	DH12TM															
9	12363021	ĐINH THỊ MỸ	DUYÊN	08/12/94	CD12CA															
10	12123014	NGUYỄN NGỌC KỲ	DUYÊN	18/11/94	DH12KE															
11	12122122	TRẦN THỊ THÙY	DƯƠNG	17/09/94	DH12TM															
12	12123018	NGUYỄN THỊ HỒNG	GIÀU	11/11/94	DH12KE															
13	12123113	NGUYỄN THỊ NGỌC	GIÀU	26/06/94	DH12KE															
14	12123020	TẠ THỊ	HÀ	04/08/94	DH12KE															
15	12122300	ĐẶNG THỊ	HẰNG	13/08/93	DH12TC															
16	12122133	NGUYỄN THỊ THANH	HẰNG	13/05/94	DH12QT															
17	12123071	LÊ THỊ NGỌC	HÂN	01/01/94	DH12KE															
18	12122134	HỒ THỊ	HẬU	13/04/93	DH12TM															
19	12123122	NGUYỄN THỊ DIỆU	HIỀN	26/01/94	DH12KE															
20	12122020	PHÙNG THỊ TUYẾT	HOA	10/06/94	DH12QT															
21	10122063	ĐỖ PHƯỚC	HÒA	03/04/92	DH10QT															
22	12123027	ĐẶNG HỮU	HÙNG	15/08/94	DH12KE															
23	12122146	TRẦN THỊ NGỌC	HUYỀN	20/10/93	DH12QT															
24	12122150	NGUYỄN THỊ THU	HƯƠNG	10/07/94	DH12TM															
25	12123130	NGUYỄN THỊ VÂN	KHANH	14/11/94	DH12KE															
26	09223028	HỒNG THIÊN	KHÔI	03/05/84	TC09KETD															
27	11122016	TRẦN MINH	KHƯƠNG	20/10/87	DH11QT															
28	12123132	HỒ THỊ	LÀNH	15/12/94	DH12KE															
29	12122159	NGUYỄN VĂN THỦY	LÂM	24/03/94	DH12QT															
30	12122030	ĐẶNG THỊ TRÚC	LỆ	25/08/94	DH12TC															
31	09223033	TRẦN THANH	LIÊM	19/12/84	TC09KETD															
32	12130900	LÊ THỊ	LINH	/ /	DH12KE															
33	12123137	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	LINH	10/11/94	DH12KE															
34	12123138	NGUYỄN TẤN THANH	LỈNH	07/06/94	DH12KE															
35	12123032	MAI NGỌC	LONG	15/12/93	DH12KE															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Phân tích kinh doanh (208452) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Trần Minh Huy (298)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	12122079	LÊ PHÚC	LỘC	22/05/94	DH12QT															
37	09223113	NGUYỄN THỊ MỸ	LỢI	21/09/86	TC09KETD															
38	12123141	LÊ TRẦN THIÊN	LÝ	24/11/94	DH12KE															
39	12123143	TRẦN THỊ TUYẾT	MAI	26/03/94	DH12KE															
40	12122177	TRẦN VĂN	MONG	06/03/92	DH12TM															
41	09223046	NGUYỄN THỊ	NGẦN	08/05/87	TC09KETD															
42	12122037	DƯƠNG THỊ BÍCH	NGỌC	14/10/93	DH12QT															
43	12363331	PHAN THỊ QUỲNH	NGỌC	16/09/94	CD12CA															
44	11164008	LÂM THẢO	NGUYÊN	15/03/93	DH11TC															
45	12122186	PHẠM THỊ THẢO	NGUYÊN	23/11/94	DH12TM															
46	09223047	LÊ THỊ ÁNH	NGUYỆT	06/11/88	TC09KETD															
47	12123038	TẠ THỊ ÁNH	NGUYỆT	20/12/93	DH12KE															
48	12122189	MAI THỊ KIM	NHÃ	26/12/94	DH12QT															
49	12123041	HUỲNH THỊ MỸ	NHUNG	08/05/93	DH12KE															
50	11363196	LÊ THỊ MỸ	PHẨM	22/06/93	CD11CA															
51	12123164	NGUYỄN THỊ NHƯ	PHÔI	15/04/94	DH12KE															
52	11164028	NGUYỄN DUY	PHƯƠNG	21/05/93	DH11TC															
53	12123043	DOÃN ĐÌNH	QUANG	08/03/94	DH12KE															
54	09223056	LỤC VƯƠNG	QUẾ	13/03/84	TC09KETD															
55	12123166	HUỲNH THỊ THẢO	QUYÊN	26/07/94	DH12KE															
56	12122214	LÊ THỊ	QUỲNH	06/09/94	DH12TC															
57	12122307	NGUYỄN NHƯ	QUỲNH	23/06/94	DH12TC															
58	12363190	LÊ THỊ	SƯƠNG	10/10/93	CD12CA															
59	12122309	TRẦN THỊ MINH	TÂM	01/06/94	DH12TM															
60	09223069	NGÔ THỊ	THANH	15/12/86	TC09KETD															
61	12123092	NGUYỄN THỊ	THANH	20/11/94	DH12KE															
62	09223071	NGUYỄN THỊ LỆ	THANH	21/12/90	TC09KETD															
63	12123093	LÊ THỊ	THẢO	26/03/94	DH12KE															
64	12122224	NGUYỄN THỊ	THẢO	19/08/94	DH12TM															
65	12123171	PHẠM THỊ PHƯƠNG	THẢO	12/12/93	DH12KE															
66	11164042	NGUYỄN THỊ NGỌC	THIỆU	10/10/93	DH11TC															
67	12122311	ĐỖ THỊ CẨM	THƠ	05/05/94	DH12TM															
68	09223063	PHAN NGỌC	THƠ	10/01/83	TC09KETD															
69	12123242	TRƯƠNG THỊ ANH	THƠ	12/12/94	DH12KE															
70	12123078	MAI THỊ LỆ	THỦY	13/11/94	DH12KEGL															
71	12123175	LÊ THỊ	THUÝ	15/10/94	DH12KE															
72	11164043	LÊ THỊ THU	THÚY	06/04/93	DH11TC															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Phân tích kinh doanh (208452) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Trần Minh Huy (298)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	11164031	PHẠM LÊ THANH	THÚY	06/07/93	DH11TC															
74	12123181	NGUYỄN THỊ THANH	THƯƠNG	19/04/94	DH12KE															
75	12123185	PHAN THỦY	TIÊN	01/01/94	DH12KE															
76	12123188	LÊ THỊ	TÌNH	04/10/94	DH12KE															
77	12122245	ĐỖ HUYỀN	TRANG	15/01/94	DH12TM															
78	09223089	PHÙNG THỊ	TRANG	26/03/87	TC09KETD															
79	12123299	LÊ NGỌC	TRÂM	26/07/94	DH12KE															
80	12122291	TRẦN BẢO	TRÂN	02/09/94	DH12TC															
81	11122038	TRẦN KHÁNH	TRÂN	08/03/93	DH11QT															
82	12122065	HỒ CHÍ	TRUNG	19/06/93	DH12QT															
83	12122091	NGUYỄN BỬU	TRUNG	20/11/94	DH12TC															
84	12123256	NGUYỄN CẨM	TÚ	22/11/94	DH12KE															
85	12123194	LÝ THỊ THANH	TUYỀN	20/11/94	DH12KE															
86	12123195	LÊ THỊ	TUYẾT	28/07/94	DH12KE															
87	12123082	LƯU THỊ ÁNH	TUYẾT	20/08/93	DH12KE															
88	11164038	NGUYỄN THỊ HỒNG	TUYẾT	02/06/93	DH11TC															
89	12123196	PHAN THỊ ÁNH	TUYẾT	01/02/94	DH12KE															
90	12123206	LÊ PHƯƠNG ÁNH	VY	27/04/94	DH12KE															
91	12123212	HÀ KIM	YẾN	22/08/94	DH12KE															
92	12123213	HÀ THỊ HẢI	YẾN	01/04/94	DH12KE															
93	09363269	KỐNG NGỌC	YẾN	21/07/91	CD09CA															
94	09223106	NGUYỄN NGỌC	YẾN	20/07/79	TC09KETD															
95	12123215	NGUYỄN THỊ HẢI	YẾN	28/02/94	DH12KE															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Phân tích kinh doanh (208452) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Trần Minh Huy (298)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	12122095	NGUYỄN NGỌC THÙY	AN	19/05/94	DH12TC															
2	12123008	TRẦN THỊ THANH	CẨM	26/02/94	DH12KE															
3	12123105	VŨ THỊ KIM	CHI	21/02/93	DH12KE															
4	12123230	PHẠM THỊ NGỌC	CHÍNH	08/06/94	DH12KE															
5	12123106	NGUYỄN THỊ	DẬU	20/01/94	DH12KE															
6	09223006	LÊ KIM	DỄ	20/11/86	TC09KETD															
7	12123107	HUỲNH NGỌC	DIỄM	94/ /	DH12KE															
8	11123172	HUỲNH THỊ	DIỄM	20/08/93	DH11KE															
9	12122009	NGUYỄN THỊ THÙY	DUYÊN	07/02/94	DH12QT															
10	12123015	NGUYỄN THỊ LAN	ĐÀI	15/09/94	DH12KE															
11	12122324	HOÀNG THỊ	ĐÀO	06/06/92	DH12QT															
12	12123017	NGUYỄN KINH	ĐÔ	27/03/94	DH12KE															
13	12123114	HOÀNG THỊ KIM	GIÁC	10/12/94	DH12KE															
14	12122012	NGUYỄN HUỲNH	HẠ	22/04/94	DH12TC															
15	12363086	VÕ ĐỖ HOA	HẠ	17/05/94	CD12CA															
16	12123121	TRƯƠNG THỊ	HẬU	02/04/94	DH12KE															
17	12123086	CAO THỊ	HIỀN	01/06/94	DH12KE															
18	12123087	LÊ THỊ	HIỀN	18/02/94	DH12KE															
19	12123022	ĐỖ KIM	HOA	02/02/94	DH12KE															
20	12123124	NGUYỄN THỊ LỆ	HOA	28/06/94	DH12KE															
21	12123023	NGUYỄN THỊ KHÁNH	HÒA	05/07/94	DH12KE															
22	12123125	LÊ MINH	HOÀNG	07/06/94	DH12KE															
23	12123126	TRẦN NHƯ NGỌC	HỒNG	11/07/93	DH12KE															
24	12363271	TRƯƠNG KIM	HỒNG	19/10/94	CD12CA															
25	12123127	TRẦN THỊ KIM	HUÊ	07/01/94	DH12KE															
26	12123025	DƯƠNG THỊ	HUYỀN	05/11/94	DH12KE															
27	11164017	TRẦN NGỌC	HUYỀN	23/09/93	DH11TC															
28	09223014	CAO THỊ THIÊN	HƯƠNG	12/10/79	TC09KETD															
29	09223016	VŨ THỊ LIÊN	HƯƠNG	12/12/90	TC09KETD															
30	12123072	NEÁNG CUNG BÔ LY	KA	18/12/94	DH12KE															
31	12123223	TRẦN CHÍ	KHANG	27/10/92	DH12KE															
32	12123028	NGUYỄN HUỲNH	KHUYÊN	20/12/94	DH12KE															
33	09223031	NGUYỄN THỊ ÁI	LÊ	10/10/82	TC09KETD															
34	12123235	NGUYỄN THỊ NGỌC	LINH	21/10/94	DH12KE															
35	12123089	NGUYỄN YẾN	LINH	21/12/94	DH12KE															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Phân tích kinh doanh (208452) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Trần Minh Huy (298)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	12123139	NGÔ THỊ PHƯỢNG	LOAN	15/04/94	DH12KE															
37	12123090	ĐINH THỊ	LỘC	26/06/94	DH12KE															
38	12123225	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	03/04/94	DH12KE															
39	12123035	PHAN THỊ KIM	NGÂN	21/10/94	DH12KE															
40	12123236	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂU	20/05/94	DH12KE															
41	12363075	ĐẶNG THỊ THẢO	NGUYÊN	08/07/93	CD12CA															
42	09223111	HỒ THỊ THANH	NGUYÊN	08/07/83	TC09KETD															
43	12123037	NGUYỄN VĂN	NGUYÊN	19/03/94	DH12KE															
44	12123154	PHAN TRẦN THẢO	NGUYÊN	26/07/94	DH12KE															
45	10122107	NGUYỄN THỊ	NGUYỆT	16/08/92	DH10QT															
46	12123155	TRẦN THANH	NHÀN	27/04/94	DH12KE															
47	09223050	NGUYỄN THỊ ÁNH	NHUNG	20/02/88	TC09KETD															
48	12123163	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	08/01/94	DH12KE															
49	12363290	VÕ HOÀI BẢO	NHƯ	29/07/94	CD12CA															
50	09223054	NGÔ QUỲNH	PHA	13/11/90	TC09KETD															
51	09122104	NGÔ THANH	PHONG	23/02/91	DH09QT															
52	12123165	HOÀNG THỊ BÍCH	PHƯƠNG	17/12/94	DH12KE															
53	12122210	NGUYỄN THỊ	PHƯỢNG	18/10/94	DH12QT															
54	12123281	ĐÀNG PHÚ NỮ	SAMAN	20/03/93	DH12KE															
55	12122049	NGUYỄN VĂN	SÁU	28/02/91	DH12QT															
56	11123143	NGUYỄN PHÚ	TÂM	27/06/93	DH11KE															
57	12123168	LỮ HOÀNG MINH	TÂN	22/12/94	DH12KE															
58	12123239	NGUYỄN THỊ KIM	THẮM	29/07/93	DH12KE															
59	09223067	LÊ THỊ	THẮNG	07/01/82	TC09KETD															
60	12123172	NGUYỄN CHIẾN	THẮNG	19/08/94	DH12KE															
61	12123257	MAI	THI	16/08/92	DH12KE															
62	11123170	NGUYỄN THỊ DIỆU	THU	23/01/93	DH11KE															
63	12123178	NGÔ THANH	THÚY	06/10/94	DH12KE															
64	12123180	NGUYỄN VÂN ANH	THƯ	05/04/94	DH12KE															
65	12123079	PHAN THỊ THANH	THƯƠNG	26/11/94	DH12KE															
66	12123054	HUỲNH THỊ MỸ	TIÊN	15/07/94	DH12KE															
67	12122243	NGUYỄN NGỌC	TIẾN	11/12/94	DH12QT															
68	12123187	VY THỊ	TIN	08/09/94	DH12KE															
69	12123189	BÙI THỊ	TRANG	26/08/94	DH12KE															
70	12123244	ĐẶNG LƯU PHƯƠNG	TRANG	20/06/94	DH12KE															
71	12123056	LÊ THỊ CHÂU	TRANG	05/07/94	DH12KE															
72	09223088	PHẠM HỒNG	TRANG	10/01/82	TC09KETD															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Phân tích kinh doanh (208452) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Trần Minh Huy (298)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	12123080	VŨ THỊ	TRANG	17/01/94	DH12KE															
74	12122252	NGUYỄN THỊ BÍCH	TRÂM	02/04/94	DH12TC															
75	12122255	LƯU PHƯƠNG	TRINH	30/04/94	DH12TC															
76	12123059	NGUYỄN HOÀI HƯNG	TRINH	15/07/94	DH12KE															
77	11123084	TRẦN XUÂN	TÙNG	10/11/90	DH11KE															
78	12123197	VÕ THỊ THANH	TÙNG	17/12/94	DH12KE															
79	12123061	LÊ THỊ THANH	TUYỀN	07/11/94	DH12KE															
80	12123062	NGUYỄN THỊ MỸ	TUYẾT	20/10/94	DH12KE															
81	12122263	NGUYỄN THỊ KIM	VÀNG	03/11/94	DH12TC															
82	12123204	LÂM TRẦN CẨM	VI	04/01/94	DH12KE															
83	12123063	NGUYỄN THỊ	VI	08/05/94	DH12KE															
84	12122071	ĐINH HOÀNG	VŨ	01/01/94	DH12TC															
85	12122072	PHAN NGỌC	VY	20/10/94	DH12TM															
86	12123065	TRƯƠNG KIM	XUÂN	26/12/93	DH12KE															
87	12122276	VÕ THỊ BẢO	XUÂN	03/04/94	DH12QT															
88	09223103	VÕ THỊ MINH	XUYẾN	24/02/87	TC09KETD															
89	12122279	NGUYỄN THỊ HẢI	YẾN	19/05/94	DH12QT															
90	12123229	NGUYỄN THỊ HẢI	YẾN	20/10/93	DH12KE															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Phân tích kinh doanh (208452) - Nhóm 03 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Trần Minh Huy (298)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	12123001	NGUYỄN HẠNH	AN	22/03/94	DH12KE															
2	12122099	VŨ CAO TUẤN	ANH	23/12/94	DH12TM															
3	12122105	NGUYỄN DUY	BÌNH	08/03/94	DH12TM															
4	12123074	VÕ THỊ SƠN	CA	20/02/94	DH12KE															
5	12123100	NGUYỄN HUỲNH NGỌC	CẨM	28/08/94	DH12KE															
6	12363256	NGUYỄN LÊ HỒNG	CHÂU	15/02/94	CD12CA															
7	12122295	LÊ THỊ QUÍ	CHUNG	04/07/94	DH12QT															
8	12122005	NGUYỄN TRỌNG	CÔNG	24/11/93	DH12QT															
9	12122083	NGUYỄN VĂN	CƯỜNG	19/09/93	DH12QT															
10	12122111	TRẦN THỊ	DIỄM	12/12/94	DH12QT															
11	12122297	NGUYỄN THỊ THANH	DIỆU	08/01/94	DH12QT															
12	12122112	TRẦN THỊ	DIỆU	07/06/94	DH12TM															
13	12123070	PHẠM THỊ DUNG	DINH	02/11/94	DH12KE															
14	12122007	BÙI THỊ	DUNG	15/09/93	DH12QT															
15	12122008	LÊ THỊ	DUNG	26/01/94	DH12QT															
16	12363155	HOÀNG THỊ MỸ	DUYÊN	06/08/94	CD12CA															
17	12122323	TRIỆU THỊ	GIANG	26/12/93	DH12QT															
18	12122128	PHẠM THỊ THU	HÀ	17/09/94	DH12TM															
19	12122283	TRẦN THỊ THANH	HÀ	25/08/94	DH12QT															
20	12363162	NGÔ THỊ	HẰNG	25/03/93	CD12CA															
21	12363206	NGUYỄN THỊ MỸ	HẬU	18/10/93	CD12CA															
22	12122016	TRỊNH THẾ	HIỀN	19/11/94	DH12QT															
23	11150085	VÕ THỊ	HIỀN	19/02/93	DH11TM															
24	12123247	NGUYỄN THỊ	HOA	13/07/94	DH12KE															
25	12122142	HỒNG THANH	HÒA	31/12/94	DH12TC															
26	12122021	LƯU HỮU	HUỆ	01/02/92	DH12QT															
27	12123128	THÔNG THỊ NGỌC	HUYỀN	01/09/94	DH12KE															
28	12122155	NGUYỄN THỊ THUỲ	KHUYÊN	15/03/94	DH12QT															
29	12122156	NGUYỄN THỊ THU	KIỀU	16/06/94	DH12QT															
30	12122078	PHAN THỊ MỸ	KIM	24/05/94	DH12QT															
31	12122158	TRẦN THỊ TUYẾT	LAN	10/11/94	DH12QT															
32	12123136	HUỲNH THỊ KHÁNH	LINH	24/01/94	DH12KE															
33	12122163	NGUYỄN THỊ	LINH	21/06/93	DH12TC															
34	12122168	NGUYỄN THỊ THANH	LOAN	14/04/93	DH12TM															
35	12122170	HUỲNH THỊ ĐỨC	LỘC	10/06/94	DH12QT															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Phân tích kinh doanh (208452) - Nhóm 03 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Trần Minh Huy (298)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	11123022	NGUYỄN THỊ	LỘC	26/12/93	DH11KE															
37	12122173	HOÀNG CÔNG	LỰC	01/07/94	DH12TM															
38	12122031	LÊ THỊ KIM	LÝ	16/03/94	DH12QT															
39	12122033	DƯƠNG THỊ PHƯỢNG	MAI	13/07/94	DH12QT															
40	12122174	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	MAI	13/07/93	DH12TM															
41	12122175	TRẦN HUỲNH TRÀ	MI	11/08/94	DH12TM															
42	12123145	HUỲNH THỊ ÁNH	MINH	18/09/94	DH12KE															
43	12122034	HUỲNH THANH	NAM	03/05/93	DH12TM															
44	12122178	LÊ HOÀI	NAM	22/12/94	DH12QT															
45	09123089	TRẦN CAO PHƯƠNG	NAM	02/11/91	DH09KE															
46	12123148	NGUYỄN HUỲNH BẠCH	NGA	10/09/94	DH12KE															
47	12363098	HOÀNG THỊ KIM	NGÂN	25/12/94	CD12CA															
48	12123149	HUỲNH HUYỀN	NGÂN	09/10/94	DH12KE															
49	12122036	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	05/06/94	DH12QT															
50	12123034	NGUYỄN THỊ THU	NGÂN	09/12/94	DH12KE															
51	12122333	NGUYỄN THỊ	NGỌC	10/01/94	DH12QT															
52	12122185	PHẠM PHƯƠNG	NGUYÊN	16/10/94	DH12QT															
53	12122188	NGUYỄN THỊ	NGUYỆT	04/10/94	DH12TM															
54	12122190	LUẬN THÀNH	NHÂN	30/05/94	DH12QT															
55	12122191	TRẦN THỊ ÁI	NHÂN	25/05/94	DH12TM															
56	12122192	VÕ CÔNG	NHÂN	23/04/94	DH12QT															
57	12122193	NGUYỄN THỊ MAI	NHI	26/02/93	DH12QT															
58	12123162	LÊ THỊ HỒNG	NHUNG	15/06/94	DH12KE															
59	12122039	LÊ THỊ ÁI	NHƯ	10/11/94	DH12TC															
60	12122306	NGUYỄN THỊ THÚY	NHY	01/07/94	DH12QT															
61	12122201	TRƯƠNG THỊ KIỀU	NI	25/04/94	DH12QT															
62	12122203	HỒ NHÌN	PHÓN	19/04/93	DH12QT															
63	12122040	NGUYỄN TẤN	PHÚ	18/07/94	DH12QT															
64	11123211	HOÀNG THỊ TUYẾT	PHƯƠNG	09/04/93	DH11KE															
65	12123167	LÊ THỊ THÚY	QUỲNH	10/01/94	DH12KE															
66	12122308	NGUYỄN THỊ THU	SƯƠNG	10/10/94	DH12TM															
67	12123046	ĐỒNG THỊ THU	THẢO	20/07/93	DH12KE															
68	11150097	HUỲNH THỊ PHƯƠNG	THẢO	05/03/93	DH11TM															
69	12123047	LÊ THỊ HỒNG	THẢO	30/06/94	DH12KE															
70	12123238	LÊ THỊ THU	THẢO	19/02/94	DH12KE															
71	12122225	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	03/01/94	DH12TM															
72	12122228	PHẠM THỊ NGỌC	THẮM	04/03/94	DH12QT															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Phân tích kinh doanh (208452) - Nhóm 03 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Trần Minh Huy (298)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	12122053	KIỀU QUỐC	THẮNG	01/01/93	DH12QT															
74	09143900	NGUYỄN THỊ NGỌC	THÔNG	/ /	DH12KE															
75	12123094	NGUYỄN THỊ TUYẾT	THƠ	22/09/94	DH12KE															
76	11122141	NGUYỄN THỊ	THU	24/02/93	DH11QT															
77	12363118	BÙI THỊ	THỦY	15/07/94	CD12CA															
78	12123250	ĐÀO THỊ	THUÝ	23/09/94	DH12KE															
79	12122235	NGUYỄN THỊ ANH	THƯ	27/05/94	DH12TM															
80	12122236	NGUYỄN THỊ ANH	THƯ	01/03/94	DH12TC															
81	12122058	BÙI THỊ TRIỀU	TIÊN	07/08/93	DH12TC															
82	12122059	NGUYỄN THỊ KIỀU	TIÊN	01/11/94	DH12QT															
83	12122240	TRẦN PHẠM THỦY	TIÊN	03/06/94	DH12TC															
84	12122289	HUỲNH THỊ HỒNG	TIẾN	17/04/94	DH12QT															
85	12122061	NGUYỄN HỮU	TÍN	27/03/94	DH12QT															
86	12122063	HÀ THỊ	TRANG	13/06/94	DH12QT															
87	12363076	LÊ THỊ	TRANG	21/11/94	CD12CA															
88	12122247	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	30/01/94	DH12QT															
89	12122313	PHAN THỊ THUỲ	TRANG	27/08/94	DH12TC															
90	12122064	THÁI DƯƠNG HUỲNH	TRÂN	08/04/93	DH12TM															
91	12122314	ĐINH THỊ NGỌC	TRINH	24/04/94	DH12QT															
92	12122066	TRẦN THẾ	TRUNG	08/12/94	DH12TC															
93	12122264	NGUYỄN THỊ	VÂN	30/06/94	DH12QT															
94	11122126	ĐIỀU THỊ TƯỜNG	VI	16/10/93	DH11QT															
95	12122266	HOÀNG NGUYÊN	VI	14/10/94	DH12QT															
96	12122070	KIỀU VŨ THÚY	VI	19/11/94	DH12TM															
97	12122273	NGUYỄN THỊ HOÀI	XUÂN	05/03/94	DH12TM															
98	12122320	HOÀNG THỊ	XUYÊN	18/02/94	DH12QT															
99	12123067	NGUYỄN MỸ	Ý	07/06/94	DH12KE															
100	12123211	ĐẶNG THỊ HỒNG	YẾN	07/04/94	DH12KE															
101	12363150	TRẦN THỊ	YẾN	10/10/94	CD12CA															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Phân tích kinh doanh (208452) - Nhóm 04 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Trần Minh Huy (298)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	12122001	LÊ ĐỨC	AN	16/05/94	DH12QT															
2	12123098	NGUYỄN THỊ THÚY	AN	04/01/94	DH12KE															
3	12122293	ĐÀO PHƯƠNG	ANH	28/07/94	DH12QT															
4	12122097	LÊ THỊ	ANH	01/10/94	DH12QT															
5	11150028	TRẦN NGỌC LAN	ANH	25/11/93	DH11TM															
6	12122098	TRẦN THỊ KIM	ANH	29/06/94	DH12QT															
7	12123006	HÀ NGỌC	ÁNH	19/11/94	DH12KE															
8	12123084	NGUYỄN THỊ KIM	CÚC	02/10/94	DH12KE															
9	11164002	PHẠM THỊ BÍCH	DÂNG	18/01/93	DH11TC															
10	12122296	MAI THỊ	DIỄM	30/07/94	DH12TM															
11	12122084	PHẠM THỊ BẢO	DUNG	15/07/94	DH12QT															
12	12122115	TRẦN HỮU	DUY	08/11/92	DH12QT															
13	11150033	TRẦN THỊ THÚY	DUY	19/08/93	DH11TM															
14	11123212	ĐOÀN THỊ MỸ	DUYÊN	25/05/92	DH11KE															
15	12122118	PHẠM THỊ MỸ	DUYÊN	01/03/94	DH12TM															
16	12122282	TRẦN MỸ	DUYÊN	19/10/94	DH12QT															
17	12122011	NGUYỄN HUY	DƯƠNG	21/01/93	DH12TM															
18	12122325	ĐÀO VĂN	ĐẠO	05/03/93	DH12QT															
19	12122123	NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	20/10/94	DH12TM															
20	11150036	BÙI THỊ	ĐẬM	15/08/93	DH11TM															
21	12123246	CAO THỊ HÀ	GIANG	29/06/94	DH12KE															
22	12123117	NGUYỄN THỊ	HÀ	25/02/94	DH12KE															
23	12122130	NGUYỄN VĂN	HẢI	28/12/94	DH12QT															
24	11123100	TẠ NGỌC	HẠNH	28/12/93	DH11KE															
25	12122013	ĐINH THỊ THANH	HẰNG	31/07/94	DH12TC															
26	11122069	NGUYỄN THỊ THÚY	HẰNG	09/05/93	DH11QT															
27	12123120	NGUYỄN PHÚC	HẬU	28/08/94	DH12KE															
28	12122017	PHẠM ĐĂNG	HIỄN	08/08/94	DH12TM															
29	12123088	HỒ THỊ	HIẾU	01/10/94	DH12KE															
30	12122138	NGUYỄN VĂN	HIẾU	06/01/93	DH12TM															
31	11122008	NGUYỄN THỊ	HOA	23/02/93	DH11QT															
32	12122104	NGUYỄN THỊ	HOA	10/07/94	DH12TM															
33	12122317	NGUYỄN VĂN	HOÀI	21/11/94	DH12QT															
34	12122022	LÊ THANH	HUY	30/03/94	DH12QT															
35	12123024	TRỊNH ĐỨC	HUY	28/01/94	DH12KE															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Phân tích kinh doanh (208452) - Nhóm 04 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Trần Minh Huy (298)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	11122077	TRỊNH NGUYỄN THU	HUYỀN	03/09/93	DH11QT															
37	11122013	HUỲNH THỊ MỸ	HƯƠNG	24/02/93	DH11QT															
38	12122152	ĐOÀN THỊ THANH	HƯỜNG	26/10/94	DH12TM															
39	12122024	NGUYỄN BẢO	KHÁNH	22/10/94	DH12TC															
40	12122301	NGUYỄN HƯNG	KHƯƠNG	23/08/94	DH12QT															
41	12122027	BÙI MINH	KIỆT	20/10/94	DH12QT															
42	12122029	PHẠM THỊ KIM	LÀNH	15/09/94	DH12QT															
43	12122285	SƠN TỪ THÁI MỸ	LĂNG	05/01/94	DH12TM															
44	10122080	CAO VĂN	LÂM	25/11/92	DH10QT															
45	12123134	HOÀNG VIỆT	LIÊN	23/01/94	DH12KE															
46	12122164	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	24/11/94	DH12QT															
47	12122087	NGÔ THÀNH	LỘC	23/04/93	DH12QT															
48	12122032	NGUYỄN DẠ	LÝ	08/05/94	DH12QT															
49	10164020	HUỲNH THANH	MAI	02/09/92	DH10TC															
50	12122080	PHẠM THÀNH	NAM	29/03/93	DH12QT															
51	12122182	NGUYỄN VĂN	NGHĨA	20/01/94	DH12QT															
52	11150052	NGUYỄN PHẠM HỒNG	NGỌC	03/08/93	DH11TM															
53	12122184	LÊ ĐẶNG THẢO	NGUYÊN	15/12/94	DH12QT															
54	12123153	NGUYỄN NGỌC THẢO	NGUYÊN	16/02/94	DH12KE															
55	12122038	TRẦN THỊ THẢO	NGUYÊN	10/09/94	DH12TC															
56	12122304	HỒ THỊ TUYẾT	NGUYỆT	20/02/94	DH12TM															
57	12122305	TRẦN THỊ	NGUYỆT	30/11/94	DH12TM															
58	12123157	MAI HOÀNG	NHÂN	07/11/94	DH12KE															
59	12123158	HỒ THANH	NHẬT	13/07/94	DH12KE															
60	12123161	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHI	06/02/94	DH12KE															
61	11122095	NGUYỄN THỊ HUỲNH	NHƯ	19/05/93	DH11QT															
62	12122200	VÕ THỊ NGỌC	NHƯ	15/04/93	DH12QT															
63	11150087	TÔ YẾN	OANH	19/05/93	DH11TM															
64	12122205	ĐẶNG HOÀNG	PHÚC	18/09/94	DH12QT															
65	10164028	NGUYỄN HOÀNG	PHÚC	17/08/92	DH10TC															
66	12123042	PHẠM HỒNG	PHÚC	04/08/94	DH12KE															
67	11164027	TRƯƠNG TẤN	PHÚC	13/05/93	DH11TC															
68	11150096	HUỲNH THỊ BÍCH	PHƯƠNG	28/06/93	DH11TM															
69	12122207	NGUYỄN PHAN ANH	PHƯƠNG	22/01/94	DH12TC															
70	12122209	HUỲNH THỊ NHƯ	PHƯỢNG	06/12/94	DH12TC															
71	12122045	LÊ VĂN	QUYẾT	12/01/94	DH12TM															
72	12122046	LƯƠNG TRỌNG	QUỲNH	03/03/93	DH12QT															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Phân tích kinh doanh (208452) - Nhóm 04 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Trần Minh Huy (298)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	12122215	NGUYỄN BẢO	QUỲNH	20/06/94	DH12TM															
74	12122047	VŨ THÚY	QUỲNH	22/01/94	DH12QT															
75	12123044	NGUYỄN ĐÌNH	SƠN	18/11/93	DH12KE															
76	12122288	TẠ NGUYỄN THẢO	SƯƠNG	08/08/94	DH12QT															
77	12122050	GIẢNG NGỌC PHƯƠNG	TÂN	16/06/94	DH12QT															
78	10122139	GIÒNG VY	TÂN	23/04/91	DH10QT															
79	12122052	TRẦN NGỌC DUY	TÂN	29/03/94	DH12QT															
80	12122310	LÊ THỊ	THẢO	06/11/94	DH12QT															
81	12122226	NGUYỄN THỊ THANH	THẢO	30/08/94	DH12QT															
82	11164010	SƠN THỊ THANH	THẢO	06/04/93	DH11TC															
83	12122227	PHẠM THỊ HỒNG	THẮM	17/10/94	DH12QT															
84	11164004	PHẠM THỊ NHƯ	THẤM	02/09/93	DH11TC															
85	11150068	TRẦN ĐỨC	THỌ	12/10/93	DH11TM															
86	12122056	HUỲNH THỊ THANH	THUẬN	07/01/94	DH12QT															
87	12122057	HOÀNG THỊ MINH	THUỲ	15/09/94	DH12QT															
88	12122233	PHẠM THỊ BÍCH	THỦY	28/02/94	DH12QT															
89	12122312	CÙ THỊ CẨM	THƯƠNG	29/03/94	DH12QT															
90	11150073	PHẠM GIANG THỦY	TIÊN	01/10/93	DH11TM															
91	12122242	ĐỖ VIẾT	TIẾN	18/02/94	DH12QT															
92	12123186	TRẦN HOÀNG	TIẾN	31/07/94	DH12KE															
93	12122060	TRẦN MINH	TIẾN	16/10/94	DH12QT															
94	12122290	HỒ HỮU	TOÀN	28/02/94	DH12TM															
95	12122062	TRẦN MINH	TOÀN	27/03/94	DH12QT															
96	12123057	NGUYỄN THỊ THANH	TRÀ	27/12/94	DH12KE															
97	12122253	TRẦN THỊ BÍCH	TRÂM	27/12/94	DH12TC															
98	11123166	VŨ THỊ THANH	TRÂM	20/07/93	DH11KE															
99	12122254	NGUYỄN HỒ BẢO	TRÂN	14/11/94	DH12QT															
100	12122292	NGUYỄN THỊ TUYẾT	TRINH	17/04/94	DH12QT															
101	12122257	TRẦN KỲ	TRUNG	19/10/94	DH12TC															
102	12122068	NGUYỄN MINH	TUẤN	22/04/94	DH12QT															
103	10164042	NGUYỄN THỊ NGÂN	TUYỀN	08/08/92	DH10TC															
104	12122092	NGUYỄN HOÀNG THÚY	VÂN	20/10/94	DH12QT															
105	12122093	AN THỊ THẢO	VI	20/10/94	DH12TC															
106	12123210	PHAN THỊ THANH	XUÂN	18/10/93	DH12KE															
107	12122277	PHẠM VĂN	YÊN	08/02/94	DH12QT															
108	12122074	NGUYỄN THỊ HẢI	YẾN	15/04/94	DH12QT															
109	12122280	NGUYỄN THỊ KIM	YẾN	05/08/94	DH12QT															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Phân tích kinh doanh (208452) - Nhóm 04 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Trần Minh Huy (298)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
110	12123096	PHAN THỊ NGỌC	YẾN	10/06/94	DH12KE															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Marketing căn bản (208453) - Nhóm 04 Số Tín Chỉ: 2
CBGD TS. Trần Đắc Dân (321)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	12125001	HỒNG TỨ	ÂN	/ /93	DH12DD															
2	10122018	NGUYỄN CHÍ	BỀN	26/07/92	DH10QT															
3	12329138	KHỔNG MINH	CƯỜNG	20/09/94	CD12TH															
4	12329100	NGUYỄN TRÍ	ĐỨC	01/12/94	CD12TH															
5	12123118	ĐINH THỊ MỸ	HẠNH	04/07/94	DH12KE															
6	12120257	LÊ THỊ DIỆU	HẬU	27/04/94	DH12KT															
7	11130064	LẠI TIẾN SỸ	HIẾN	26/11/93	DH11DT															
8	12125524	NGUYỄN THỊ THANH	HƯƠNG	12/11/93	DH12BQ															
9	12125525	NGUYỄN THỊ	HƯỜNG	10/11/94	DH12BQ															
10	12125190	VI THỊ	KHANH	12/10/94	DH12DD															
11	12329070	LÊ THỊ	LAN	15/07/94	CD12TH															
12	12111117	BÙI THỊ THUÝ	MAI	20/11/94	DH12TA															
13	12125471	NGUYỄN PHƯƠNG	NAM	14/08/94	DH12DD															
14	12132094	TRỊNH LÊ	NAM	12/11/94	DH12SP															
15	12329181	ĐOÀN HỮU	NGHĨA	18/02/94	CD12TH															
16	12123152	ĐOÀN THỊ THANH	NGUYÊN	10/11/94	DH12KE															
17	12125030	NGUYỄN HẠ	NGUYÊN	18/11/94	DH12DD															
18	12329183	TRẦN TẤN	NHẬT	20/03/94	CD12TH															
19	12132181	NGUYỄN THỊ	OANH	01/08/94	DH12SP															
20	12125038	ĐÀNG TẤN	PHIÊN	21/06/94	DH12BQ															
21	10158046	QUÁCH CAO	QUÝ	01/08/92	DH10SK															
22	12112195	TRẦN PHẠM	TÂN	27/09/89	DH12TY															
23	10111038	TRẦN QUỐC	THẮNG	10/11/92	DH10CN															
24	11329104	PHẠM VĂN	TIẾN	15/06/93	CD11TH															
25	12112052	LÊ ĐĂNG	TRỌNG	23/07/94	DH12TY															
26	12132129	NGUYỄN KHÁNH	TUYỀN	30/01/94	DH12SP															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Marketing căn bản (208453) - Nhóm 05 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Lê Văn Mến (286)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	12123097	LÊ THỊ HOÀI	AN	14/02/94	DH12KE															
2	12123003	NGUYỄN HỒ TRÂM	ANH	20/09/94	DH12KE															
3	12125100	NGUYỄN LÂM QUỐC	ANH	23/01/94	DH12BQ															
4	12112083	PHẠM TRINH NGỌC TR	ANH	21/01/94	DH12TY															
5	11329014	TRƯƠNG TUẤN	ANH	28/03/93	CD11TH															
6	12111026	TRẦN LƯU NGỌC	ÁNH	25/04/94	DH12TA															
7	12111316	LÊ PHỐI	BÁCH	08/01/94	DH12TA															
8	12111123	NGUYỄN THẠCH GIANG	BĂNG	13/06/91	DH12TA															
9	12112094	PHAN THỊ KIM	CHI	31/07/94	DH12TY															
10	12111020	TRẦN NGUYÊN PHƯƠNG	CƠ	17/02/94	DH12TA															
11	12130139	ĐẶNG NGỌC	CỪ	23/08/93	DH12DT															
12	12155030	LÊ DƯƠNG	DEN	01/03/94	DH12KN															
13	12112007	NGUYỄN THỊ NGỌC	DIỄM	12/05/94	DH12TY															
14	12130006	NGUYỄN VŨ	DOANH	01/01/94	DH12DT															
15	11125041	LÊ VĂN	DŨNG	01/10/90	DH11BQ															
16	11125042	TRẦN VĂN	DŨNG	09/03/93	DH11BQ															
17	11329024	NGUYỄN KHÁNH	DUY	05/09/93	CD11TH															
18	12111097	NGUYỄN NGỌC MỸ	DUYÊN	10/05/94	DH12TA															
19	12112106	NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	08/10/94	DH12TY															
20	12130037	TRẦN VĂN	ĐẠT	23/03/94	DH12DT															
21	12120578	TRẦN LỘC	ĐỨC	03/05/94	DH12KM															
22	12122127	HOÀNG THỊ NGỌC	HÀ	03/11/94	DH12TM															
23	12123117	NGUYỄN THỊ	HÀ	25/02/94	DH12KE															
24	12112016	NGUYỄN THỊ HỒNG	HẠNH	12/12/94	DH12TY															
25	12123087	LÊ THỊ	HIỀN	18/02/94	DH12KE															
26	11329046	LÂM CHÍ	HIẾU	31/07/93	CD11TH															
27	12123124	NGUYỄN THỊ LỆ	HOA	28/06/94	DH12KE															
28	12111268	HUỲNH THỊ	HOANH	22/03/93	DH12TA															
29	12112068	PHẠM THỊ THANH	HỒNG	13/02/94	DH12DY															
30	08161074	LÊ PHẠM	HÙNG	16/07/89	DH08TA															
31	12130011	NGUYỄN HOÀNG PHI	HÙNG	18/07/94	DH12DT															
32	12123025	DƯƠNG THỊ	HUYỀN	05/11/94	DH12KE															
33	12112132	NGUYỄN VIỆT	HƯNG	06/02/94	DH12TY															
34	12329152	TỐNG HỮU	HƯNG	27/06/94	CD12TH															
35	12125184	NGUYỄN THỊ LAN	HƯƠNG	28/07/94	DH12BQ															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Marketing căn bản (208453) - Nhóm 05 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Lê Văn Mến (286)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	12130073	NGUYỄN	HỮU	30/04/94	DH12DT															
37	12112281	LÊ ĐÀO DIỄM	KHA	11/06/94	DH12TY															
38	12130353	NGUYỄN HOÀNG ANH	KHOA	24/05/93	DH12DT															
39	12329076	ĐỖ HOÀI	KHƯƠNG	15/07/93	CD12TH															
40	12123029	PHẠM THỊ HOÀNG	KIM	03/09/94	DH12KE															
41	12111320	PHAN NHẤT	LINH	20/06/94	DH12CN															
42	12130078	VÕ DUY	LINH	21/06/94	DH12DT															
43	12329037	NGUYỄN TẤN	LỢI	20/02/94	CD12TH															
44	12123143	TRẦN THỊ TUYẾT	MAI	26/03/94	DH12KE															
45	12111280	NGUYỄN ĐỨC	MẠNH	20/05/94	DH12CN															
46	12125027	TRẦN PHAN QUANG	MINH	19/09/94	DH12BQ															
47	12130082	VÕ THANH	MINH	09/04/94	DH12DT															
48	12112155	VÕ THỊ TRÚC	MỘNG	14/08/94	DH12TY															
49	12125229	HUỲNH THANH	NAM	11/06/94	DH12VT															
50	12124379	DƯƠNG VĂN	NĂM	11/06/93	DH12QL															
51	12112159	ĐẶNG HƯƠNG	NGÂN	17/09/94	DH12TY															
52	12112161	BÙI VIẾT	NGHĨA	30/10/93	DH12TY															
53	11329140	ĐẶNG THỊ KIM	NGOAN	06/06/93	CD11TH															
54	12155064	NGUYỄN THỊ XUÂN	NGUYỆN	24/02/93	DH12KN															
55	11111012	LÂM VĂN	NHẤT	15/07/93	DH11CN															
56	12130021	NGUYỄN	NHƠN	21/12/94	DH12DT															
57	11155040	HUỲNH	NHƯ	01/07/93	DH11KN															
58	12125271	CAO MINH	NHỰT	30/01/94	DH12DD															
59	12112175	TRẦN KIỀU	OANH	17/02/94	DH12TY															
60	12130136	LÊ TẤN	PHÁP	05/02/94	DH12DT															
61	11329122	NGUYỄN PHƯƠNG	QUAN	16/12/92	CD11TH															
62	12130099	GÌN ĐỨC	QUÂN	08/11/94	DH12DT															
63	12130209	TRẦN ĐĂNG	QUÝ	10/01/93	DH12DT															
64	12123281	ĐÀNG PHÚ NỮ	SAMAN	20/03/93	DH12KE															
65	12120018	VÒNG ĐÌNH	SANG	28/10/94	DH12KT															
66	12112194	MAI HỒNG	SƯƠNG	27/01/92	DH12TY															
67	08112237	NGUYỄN HỮU	TÂM	15/10/88	DH08TY															
68	12111022	TRẦN THỊ CẨM	THẠCH	26/04/94	DH12TA															
69	12130108	NGUYỄN TUẤN	THANH	07/03/94	DH12DT															
70	12125048	TRẦN THỊ	THANH	09/03/94	DH12DD															
71	12112198	HUỲNH TRUNG	THÀNH	27/08/94	DH12TY															
72	12112200	NGUYỄN ĐỨC	THÀNH	18/07/94	DH12TY															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Marketing căn bản (208453) - Nhóm 05 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Lê Văn Mến (286)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	12112071	NGUYỄN THỊ XUÂN	THẢO	24/11/94	DH12TY															
74	09112153	PHẠM THỊ	THẢO	27/01/91	DH09TY															
75	12112307	THÁI THẠCH	THẢO	21/07/94	DH12TY															
76	10161165	TRÀ VĂN THỊ	THẮM	22/02/91	DH10TA															
77	11125095	PHẠM THỊ THANH	THI	26/04/93	DH11BQ															
78	12329030	NGUYỄN QUỐC	THIỆN	28/03/93	CD12TH															
79	10329031	HÀ TIẾN	THỊNH	22/10/92	CD10TH															
80	12363113	LÊ THỊ MỸ	THUẬN	12/10/94	CD12CA															
81	12125327	ĐÀO THỊ THU	THỦY	07/09/94	DH12VT															
82	12111016	LÊ THỊ	THUÝ	16/02/94	DH12TA															
83	12123175	LÊ THỊ	THUÝ	15/10/94	DH12KE															
84	12111296	NGUYỄN MINH	THỨ	01/08/94	DH12CN															
85	12125086	NGUYỄN THỊ DIỆU	THƯƠNG	12/05/94	DH12BQ															
86	12123188	LÊ THỊ	TÌNH	04/10/94	DH12KE															
87	12111084	PHAN THỊ KIỀU	TRANG	28/07/94	DH12TA															
88	12155156	NGUYỄN THỊ NGỌC	TRINH	08/06/94	DH12KN															
89	12111133	PHAN THỊ KHÁNH	TRINH	15/10/93	DH12TA															
90	12111115	LÊ THỊ NGỌC	TRÚC	22/11/94	DH12TA															
91	12120032	HUỲNH THẾ	TRUNG	11/07/94	DH12KT															
92	12130295	ĐẶNG TRUNG	TUẤN	06/09/93	DH12DT															
93	12123197	VÕ THỊ THANH	TÙNG	17/12/94	DH12KE															
94	12125375	HOÀNG NGỌC	TUYỀN	12/06/94	DH12DD															
95	12123195	LÊ THỊ	TUYẾT	28/07/94	DH12KE															
96	11142171	LỮ THỊ CẨM	UYÊN	05/10/93	DH11DY															
97	12112245	VÕ THỊ HỒNG	VÂN	07/02/94	DH12TY															
98	12111161	ĐÀO THỊ TƯỜNG	VI	10/01/93	DH12TA															
99	11112257	NGUYỄN HOÀNG	Ý	10/04/93	DH11TY															
100	12111162	PHAN THỊ HẢI	YẾN	10/03/93	DH12TA															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Marketing căn bản (208453) - Nhóm 06 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Lê Văn Mến (286)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	11161084	HUỲNH THANH	AN	17/10/93	DH11TA															
2	12123001	NGUYỄN HẠNH	AN	22/03/94	DH12KE															
3	12112076	VŨ KIỀU THÚY	AN	05/09/94	DH12TY															
4	12329005	PHẠM HỮU TRUNG	ANH	28/04/94	CD12TH															
5	12122103	TRƯƠNG TRẦN HOÀNG	BẢO	20/10/94	DH12QT															
6	11161002	NGUYỄN THANH	BÌNH	28/06/93	DH11TA															
7	11148069	PHẠM THỊ KIM	CHI	15/08/93	DH11DD															
8	12155129	HỒ THỊ CẨM	DUNG	08/02/94	DH12KN															
9	11329021	PHẠM QUỐC	DUY	09/04/93	CD11TH															
10	11112006	LÊ VĂN	DƯƠNG	15/04/92	DH11TY															
11	12122125	TRẦN PHÚC	ĐẠT	14/01/94	DH12TM															
12	12111033	NGUYỄN THỊ	ĐIỆP	15/09/93	DH12CN															
13	12130009	VÕ THỊ KIM	HẠNH	05/10/94	DH12DT															
14	12363164	NGUYỄN THỊ THÚY	HẰNG	25/07/94	CD12CA															
15	12112116	NGUYỄN THỊ	HẬU	02/05/94	DH12TY															
16	12123086	CAO THỊ	HIỀN	01/06/94	DH12KE															
17	12329054	NGUYỄN PHƯƠNG	HOA	15/09/94	CD12TH															
18	12112121	NGUYỄN THỊ KHÁNH	HOÀ	17/02/94	DH12TY															
19	12111100	NGUYỄN CÔNG	HUY	25/04/94	DH12TA															
20	12111042	NGUYỄN QUANG	HUY	11/07/93	DH12TA															
21	12123024	TRỊNH ĐỨC	HUY	28/01/94	DH12KE															
22	12130140	TRẦN THỊ	HƯƠNG	19/05/94	DH12DT															
23	12155149	PHẠM HỒNG	KHANG	17/09/94	DH12KN															
24	12123130	NGUYỄN THỊ VÂN	KHANH	14/11/94	DH12KE															
25	12123028	NGUYỄN HUỲNH	KHUYÊN	20/12/94	DH12KE															
26	12123132	HỒ THỊ	LÀNH	15/12/94	DH12KE															
27	12130013	NGUYỄN THỊ BÍCH	LỆ	12/12/94	DH12DT															
28	12329096	NGUYỄN THỊ	LINH	27/06/93	CD12TH															
29	12120090	TRẦN BẢO	LONG	26/03/93	DH12KM															
30	12329180	VÕ ĐẠI	LỘC	22/07/94	CD12TH															
31	11130012	PHẠM QUAN KHIẾT	LUÂN	07/10/93	DH11DT															
32	12155151	NGUYỄN THỊ	MỘNG	26/02/94	DH12KN															
33	12111103	PHAN THỊ HÀN	MY	24/05/94	DH12CN															
34	11161099	NGUYỄN HOÀI	NAM	20/11/92	DH11TA															
35	08111023	NGUYỄN SƠN	NAM	09/12/90	DH08CN															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Marketing căn bản (208453) - Nhóm 06 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Lê Văn Mến (286)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	12123034	NGUYỄN THỊ THU	NGÂN	09/12/94	DH12KE															
37	12111052	NGUYỄN THỊ MAI	NGỌC	04/01/94	DH12TA															
38	09329061	MAI VĂN	NGUYỆN	20/07/91	CD09TH															
39	11148182	BÙI VĂN	PHÁT	31/10/93	DH11DD															
40	12130096	LÊ THU	PHƯƠNG	06/10/94	DH12DT															
41	12130246	NGUYỄN THANH	PHƯƠNG	29/08/94	DH12DT															
42	12130284	TRẦN MINH	PHƯƠNG	14/10/94	DH12DT															
43	11161047	TRẦN NGỌC	PHƯƠNG	28/09/93	DH11TA															
44	11130052	PHẠM PHÚ MINH	QUÂN	27/04/93	DH11DT															
45	11148202	NGUYỄN VĂN	QUÝ	12/08/93	DH11DD															
46	12125042	LÊ THỊ	QUYẾN	30/04/93	DH12DD															
47	12123091	HỒ NHƯ	QUỲNH	20/12/94	DH12KE															
48	12122049	NGUYỄN VĂN	SÁU	28/02/91	DH12QT															
49	10122134	ĐẶNG VĂN	SỰ	01/01/92	DH10QT															
50	12130105	ĐỖ QUANG DUY	TÀI	07/10/94	DH12DT															
51	09112144	TRẦN XUÂN	TÂN	25/09/89	DH09TY															
52	12130042	NGUYỄN NGỌC	THẠCH	22/01/94	DH12DT															
53	12123047	LÊ THỊ HỒNG	THẢO	30/06/94	DH12KE															
54	12130191	TRẦN LÊ HOÀNG	THẢO	21/08/94	DH12DT															
55	12130370	TRỊNH THỊ THANH	THẢO	16/04/94	DH12DT															
56	12123241	HUỲNH THỊ BÍCH	THI	17/02/94	DH12KE															
57	12329115	ĐÀO VĂN	THIÊN	21/02/93	CD12TH															
58	12130361	NGUYỄN THỊ BÍCH	THIỆT	18/03/93	DH12DT															
59	11155014	HÀ NGỌC	THỊNH	21/05/92	DH11KN															
60	11161111	NGUYỄN CÔNG	THỊNH	25/03/93	DH11TA															
61	12123301	TRẦN THỊ KIM	THOA	/ /	DH12KE															
62	12130030	PHẠM THỊ HỒNG	THƠ	20/01/94	DH12DT															
63	12130287	TRƯƠNG THỊ NGỌC	THƯƠNG	27/08/94	DH12DT															
64	12123056	LÊ THỊ CHÂU	TRANG	05/07/94	DH12KE															
65	12123299	LÊ NGỌC	TRÂM	26/07/94	DH12KE															
66	12155003	NGÔ VÕ HUYỀN	TRÂM	04/12/94	DH12KN															
67	12112051	VÕ THỊ VIỆT	TRINH	12/10/94	DH12TY															
68	12130118	TRƯƠNG KIM	TRỌNG	29/04/94	DH12DT															
69	12130289	LÊ HUỲNH ANH	TUẤN	17/11/94	DH12DT															
70	09111046	NGUYỄN THANH	TUẤN	23/09/91	DH09CN															
71	12111219	TRẦN THỊ THU	TUYỀN	09/02/94	DH12TA															
72	11112238	BÙI VĂN	TƯ	13/03/91	DH11TY															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Marketing căn bản (208453) - Nhóm 06 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Lê Văn Mến (286)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	12130324	BÙI TIẾN	VIỂN	25/10/94	DH12DT															
74	12111255	HOÀNG QUỐC	VIỆT	08/01/94	DH12CN															
75	12130262	TRẦN THỊNH	VƯỢNG	12/09/94	DH12DT															
76	12111310	VÕ THỊ TRÚC	VY	09/06/94	DH12TA															
77	12123067	NGUYỄN MỸ	Ý	07/06/94	DH12KE															
78	12130268	LÊ THỊ HẢI	YẾN	15/10/93	DH12DT															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Marketing căn bản (208453) - Nhóm 07 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Lê Văn Mến (286)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	12130254	NGUYỄN THẾ	ANH	11/10/94	DH12DT															
2	12123006	HÀ NGỌC	ÁNH	19/11/94	DH12KE															
3	09112012	TRẦN A	BẨU	14/08/91	DH09TY															
4	12123084	NGUYỄN THỊ KIM	CÚC	02/10/94	DH12KE															
5	11148074	PHẠM CAO	CƯỜNG	10/02/92	DH11DD															
6	12155037	DƯƠNG VĨNH	DANH	10/02/93	DH12KN															
7	11111068	NGUYỄN THỊ THANH	DIỆU	08/01/93	DH11CN															
8	12111001	MAI NGUYÊN	DUY	18/09/94	DH12CN															
9	12130054	PHẠM DUY	ĐẠT	22/03/94	DH12DT															
10	12123113	NGUYỄN THỊ NGỌC	GIÀU	26/06/94	DH12KE															
11	11111007	TRẦN HỮU	HÀ	18/07/92	DH11CN															
12	12112338	HOÀNG THỊ	HẰNG	17/04/93	DH12TY															
13	12111195	NGUYỄN THỊ	HẰNG	04/04/93	DH12CN															
14	12123121	TRƯƠNG THỊ	HẬU	02/04/94	DH12KE															
15	12120548	NGÔ THỊ	HIỀN	20/09/94	DH12KT															
16	12112120	NGÔ ĐỨC	HIỆP	13/05/93	DH12TY															
17	12123247	NGUYỄN THỊ	HOA	13/07/94	DH12KE															
18	12130331	NGUYỄN THỊ	HỒNG	15/09/94	DH12DT															
19	11142059	NGUYỄN THỊ DIỄM	HUYỀN	15/11/93	DH11DY															
20	12111167	PHẠM THỊ	HUYỀN	02/11/93	DH12CN															
21	12130250	ĐỖ THỊ THANH	HƯƠNG	01/07/94	DH12DT															
22	12120006	NGUYỄN THỊ LAN	HƯƠNG	12/07/94	DH12KT															
23	12363181	PHẠM THỊ LY	LA	20/05/94	CD12CA															
24	12130319	HỒ THỊ	LAN	29/06/94	DH12DT															
25	12112335	ĐẶNG THỊ BÍCH	LIÊN	24/06/93	DH12TY															
26	12155076	NGUYỄN THỊ THÚY	LIỄU	01/01/94	DH12KN															
27	12130900	LÊ THỊ	LINH	/ /	DH12KE															
28	12123235	NGUYỄN THỊ NGỌC	LINH	21/10/94	DH12KE															
29	12120327	LÊ ĐÌNH PHI	LONG	28/02/94	DH12KT															
30	12112339	NGUYỄN THỊ	LUYẾN	04/07/93	DH12TY															
31	12125232	NGUYỄN THỊ NGỌC	NGA	12/12/94	DH12DD															
32	12111051	LÊ THỊ NGỌC	NGÂN	22/05/94	DH12TA															
33	12130089	ĐẶNG HỮU	NGHĨA	03/09/94	DH12DT															
34	10329015	TRẦN NHƯ	NGỌC	18/07/92	CD10TH															
35	12155021	BÀNH QUỐC	NHÃ	10/11/94	DH12KN															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Marketing căn bản (208453) - Nhóm 07 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Lê Văn Mến (286)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	12111291	NGUYỄN MINH HỒNG	PHÚC	04/03/94	DH12TA															
37	12111187	VŨ HOÀNG	PHƯỚC	05/12/93	DH12CN															
38	12329151	NGUYỄN VĂN	PHƯƠNG	15/10/94	CD12TH															
39	12329185	MAI VĂN	QUANG	10/02/93	CD12TH															
40	12130103	TRẦN MINH	SANG	01/01/94	DH12DT															
41	12125091	LƯƠNG THỊ	TÂM	06/12/94	DH12DD															
42	10161107	TRẦN VĂN	TÂM	12/04/92	DH10TA															
43	12132131	TRẦN THỊ KIM	THANH	26/06/94	DH12SP															
44	12111014	NGUYỄN TẤN	THÀNH	04/12/92	DH12CN															
45	12329116	VŨ NGỌC	THIỆN	28/07/94	CD12TH															
46	12111206	LÊ VĂN	THUẬN	08/05/93	DH12CN															
47	12125050	NGUYỄN THỊ	THUẬN	10/01/94	DH12DD															
48	12130031	NGUYỄN VIẾT	THỤY	01/01/94	DH12DT															
49	12123181	NGUYỄN THỊ THANH	THƯƠNG	19/04/94	DH12KE															
50	12123054	HUỲNH THỊ MỸ	TIÊN	15/07/94	DH12KE															
51	12132116	HUỲNH MINH	TOÀN	06/06/94	DH12SP															
52	12122063	HÀ THỊ	TRANG	13/06/94	DH12QT															
53	07142097	PHẠM THỊ BÍCH	TRANG	29/09/88	DH08DY															
54	12329190	TRẦN TRỌNG	TRÍ	11/03/94	CD12TH															
55	12112317	NGUYỄN VĂN	TRỊ	18/10/94	DH12TY															
56	12363304	NGUYỄN ĐẶNG PHƯƠNG	TRINH	08/11/94	CD12CA															
57	12123245	NGUYỄN THỊ	TRINH	10/08/94	DH12KE															
58	12130117	NGUYỄN ĐỨC	TRỌNG	28/12/93	DH12DT															
59	12132171	DƯƠNG HOÀNG THANH	TRÚC	19/11/94	DH12SP															
60	12112320	HOÀNG ANH	TUẤN	09/03/94	DH12TY															
61	12125423	PHAN THANH	TÙNG	06/05/94	DH12DD															
62	12123194	LÝ THỊ THANH	TUYỀN	20/11/94	DH12KE															
63	12125376	NGUYỄN THỊ MỘNG	TUYỀN	15/02/94	DH12DD															
64	12112337	HOÀNG THỊ	TUYẾT	24/09/89	DH12TY															
65	12130335	NGUYỄN KHẮC	TƯỜNG	01/07/94	DH12DT															
66	12130123	LÊ ĐÌNH	VĂN	27/07/94	DH12DT															
67	08223211	NGUYỄN THỊ THÚY	VÂN	18/09/82	TC08KETD															
68	12329194	NGUYỄN HOÀNG	VŨ	20/10/93	CD12TH															
69	09112216	VÕ THỊ HOÀNG	VY	01/05/91	DH09TY															
70	12123215	NGUYỄN THỊ HẢI	YẾN	28/02/94	DH12KE															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Marketing căn bản (208453) - Nhóm 08 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Lê Văn Mến (286)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	12125093	HUỲNH NHỊ DIỄM	AN	16/06/94	DH12BQ															
2	12130150	ĐINH VIẾT	ANH	11/09/94	DH12DT															
3	12123005	ĐỒNG THỊ HỒNG	ÁNH	09/05/94	DH12KE															
4	12112005	PHAN BẢO	ÂN	03/11/94	DH12TY															
5	12155001	ĐÔNG THỊ NGỌC	ẨN	28/03/94	DH12KN															
6	12123101	NGUYỄN THỊ NGỌC	CẨM	10/10/93	DH12KE															
7	11164002	PHẠM THỊ BÍCH	DÂNG	18/01/93	DH11TC															
8	12111293	ĐẶNG THỊ	DUNG	20/09/94	DH12CN															
9	12130235	NGUYỄN VĂN	DUY	22/12/93	DH12DT															
10	12130350	VÕ THÀNH	DUY	10/07/94	DH12DT															
11	12112105	HỒ TẤN	ĐẠT	23/04/94	DH12DY															
12	12130053	LÊ MINH	ĐẠT	06/09/94	DH12DT															
13	12155125	TRẦN QUANG	ĐỘ	19/06/94	DH12KN															
14	12123114	HOÀNG THỊ KIM	GIÁC	10/12/94	DH12KE															
15	12123018	NGUYỄN THỊ HỒNG	GIÀU	11/11/94	DH12KE															
16	12111002	LÊ ĐỨC	HẢI	04/09/94	DH12CN															
17	12111319	DƯƠNG THÚY	HẰNG	09/11/94	DH12TA															
18	12112340	VI THỊ THÚY	HẰNG	20/10/93	DH12TY															
19	12155034	LÊ CÔNG	HẬU	12/08/93	DH12KN															
20	12130147	BÙI PHÚ THANH	HIỀN	14/04/93	DH12DT															
21	12155127	HỒ THỊ	HIỀN	06/12/94	DH12KN															
22	12130308	LƯU HÀO	HIỆP	08/11/94	DH12DT															
23	12132012	TRẦN ĐÌNH	HIẾU	01/10/94	DH12SP															
24	12112275	NGUYỄN HÀ	HOÀNG	02/02/94	DH12TY															
25	12130199	LÊ HUỲNH KHẮC	HUY	28/10/94	DH12DT															
26	11329142	VÕ HOÀNG	HUY	17/02/93	CD11TH															
27	12329149	NGUYỄN ĐẠI	HƯNG	20/08/94	CD12TH															
28	12111274	LÊ VĂN	HƯỜNG	01/03/93	DH12TA															
29	12329083	TRẦN VIẾT	KHÁNH	18/05/93	CD12TH															
30	11158031	VÕ VĂN	KIÊN	25/09/91	DH11SK															
31	12112285	LÊ THỊ THANH	KIỀU	08/10/94	DH12TY															
32	12132132	ĐẬU VĂN	LINH	02/10/94	DH12SP															
33	10148127	NGUYỄN THỊ YẾN	LINH	27/09/92	DH10DD															
34	12111009	TRẦN MINH	LUÂN	21/06/94	DH12TA															
35	12155007	ĐẶNG THỊ XUÂN	MAI	10/12/93	DH12KN															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Marketing căn bản (208453) - Nhóm 08 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Lê Văn Mến (286)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	10146903	NGÔ THỊ	MIÊN	/ /	DH12TY															
37	12112152	LÊ HOÀNG	MINH	23/10/94	DH12TY															
38	12125470	PHẠM THỊ	MY	25/12/94	DH12DD															
39	12112069	PHẠM THỊ	NGA	30/11/94	DH12DY															
40	12112292	BÙI HOÀNG	NGÂN	12/07/94	DH12TY															
41	12123150	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	30/08/94	DH12KE															
42	12111021	NGUYỄN VĂN	NGHỊ	17/02/94	DH12CN															
43	12155019	VÕ TRỌNG	NGHĨA	01/01/94	DH12KN															
44	12125247	LÊ THỊ	NGUYÊN	03/02/94	DH12VT															
45	12122185	PHẠM PHƯƠNG	NGUYÊN	16/10/94	DH12QT															
46	12112165	TRẦN HỒNG	NGUYÊN	15/10/94	DH12TY															
47	12112295	HỒ THANH	NHÂN	06/10/94	DH12TY															
48	12130357	KHƯU TRỌNG	NHÂN	23/04/94	DH12DT															
49	12123157	MAI HOÀNG	NHÂN	07/11/94	DH12KE															
50	12112168	VÕ HOÀNG HOÀI	NHÂN	30/08/94	DH12TY															
51	09158048	TRẦN ĐỨC	NHƠN	30/01/91	DH09SK															
52	12155088	LÊ THỊ HỒNG	NHUNG	07/11/94	DH12KN															
53	12125270	NGUYỄN THỊ BÍCH	NHƯ	20/08/94	DH12DD															
54	12112298	PHẠM THỊ	NHƯ	12/03/94	DH12TY															
55	12111253	NGUYỄN THỊ MINH	OANH	15/11/94	DH12CN															
56	12111331	TRƯƠNG THỊ KIM	OANH	23/09/94	DH12CN															
57	09130065	TRẦN CHÂU	PHI	07/03/90	DH09DT															
58	12111061	PHẠM TUẤN	PHƯƠNG	28/10/89	DH12TA															
59	10112139	VÕ THỊ	PHƯƠNG	13/02/92	DH10TY															
60	12112189	PHẨM VĂN	QUỐC	03/10/94	DH12TY															
61	12123166	HUỲNH THỊ THẢO	QUYÊN	26/07/94	DH12KE															
62	12112070	NGUYỄN THỊ NHƯ	QUỲNH	10/10/93	DH12TY															
63	12130174	VÒNG LỒNG	TẮC	01/01/94	DH12DT															
64	08111038	NGUYỄN HOÀNG	THÁI	07/05/90	DH08CN															
65	12329188	NGUYỄN XUÂN	THÀNH	10/10/94	CD12TH															
66	12111071	NGUYỄN THANH THU	THẢO	22/04/94	DH12TA															
67	12363242	VÕ THỊ	THẢO	19/11/94	CD12CA															
68	12111095	TRẦN QUỐC	THẮNG	08/09/94	DH12TA															
69	12123257	MAI	THI	16/08/92	DH12KE															
70	12111205	NGUYỄN HOÀNG	THỊNH	10/04/94	DH12CN															
71	12111107	NGUYỄN THỊ KIM	THOA	09/10/94	DH12TA															
72	11130023	NGÔ MINH	THỐNG	26/12/93	DH11DT															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Marketing căn bản (208453) - Nhóm 08 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Lê Văn Mến (286)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	12112308	NGUYỄN THỊ	THỦY	08/08/94	DH12TY															
74	12155101	LÊ NGỌC ANH	THƯ	24/01/94	DH12KN															
75	12111110	TRẦN ĐÀO THANH	THƯ	12/02/94	DH12TA															
76	12111111	HUỲNH VĂN	THƯƠNG	01/01/94	DH12TA															
77	12155036	CAO LÊ HOÀNG	THY	05/05/93	DH12KN															
78	12112072	NGUYỄN NGỌC	TÍN	24/02/94	DH12TY															
79	12111241	TRƯƠNG THỊ THIÊN	TRANG	12/03/94	DH12CN															
80	12112221	HUỲNH NGỌC MAI	TRÂM	23/01/94	DH12TY															
81	12111086	TRẦN NGUYÊN BẢO	TRÂN	30/09/94	DH12TA															
82	12111301	NGUYỄN MINH	TRÍ	01/02/93	DH12CN															
83	12112228	TRƯƠNG NHẬT	TRINH	02/10/94	DH12TY															
84	12112238	THÂN THỊ THANH	TRÚC	14/04/93	DH12TY															
85	12123256	NGUYỄN CẨM	TÚ	22/11/94	DH12KE															
86	12155004	NGUYỄN ANH	TUẤN	08/08/92	DH12KN															
87	12130122	ĐỖ THANH	TÙNG	01/10/94	DH12DT															
88	12125060	NGÔ THỊ	TUYẾT	10/03/94	DH12DD															
89	10148301	NGUYỄN THẢO	UYÊN	03/12/92	DH10DD															
90	12130040	TRANG QUỐC	VĂN	21/12/94	DH12DT															
91	12125384	LÊ THỊ HỒNG	VÂN	01/05/94	DH12DD															
92	11112243	ĐỘ THẾ	VIỆN	03/03/93	DH11TY															
93	12112247	NGUYỄN QUANG	VINH	05/12/94	DH12TY															
94	08112337	PHẠM XUÂN	VINH	21/10/90	DH08TY															
95	12111140	TRỊNH KHẮC	VINH	02/04/94	DH12TA															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Marketing căn bản (208453) - Nhóm 11 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Lê Văn Mến (286)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	12155080	NGÔ NGỌC TRÂM	ANH	25/11/94	DH12KN															
2	12130001	NGUYỄN ĐỨC	ANH	16/08/94	DH12DT															
3	11123002	TRẦN QUỐC	ANH	08/06/93	DH11KE															
4	10329003	NGUYỄN ĐÌNH	CẢM	16/06/92	CD10TH															
5	12130310	TRẦN THẾ	CƯỜNG	07/02/94	DH12DT															
6	12112065	NGUYỄN THÀNH	DANH	30/04/94	DH12TY															
7	12123110	PHẠM THÚY	DUYÊN	11/02/94	DH12KE															
8	12122011	NGUYỄN HUY	DƯƠNG	21/01/93	DH12TM															
9	11329034	ĐẶNG PHƯƠNG NHẬT	ĐỒNG	21/10/92	CD11TH															
10	10125045	NGUYỄN THỊ	ĐỨC	02/04/92	DH10BQ															
11	12123246	CAO THỊ HÀ	GIANG	29/06/94	DH12KE															
12	12112015	BÙI THỊ BÍCH	HẠNH	17/09/92	DH12TY															
13	12112113	LÊ HỒNG	HẠNH	25/02/94	DH12TY															
14	09124900	PHẠM TRUNG	HIẾU	01/07/91	DH11TM															
15	11142144	NGUYỄN KIỀU	HOÀI	28/09/93	DH11DY															
16	12155095	LƯU MINH	HOÀNG	08/12/93	DH12KN															
17	12130224	PHẠM THỊ DIỄM	HƯƠNG	28/09/94	DH12DT															
18	07112307	HỒ TRUNG	KIÊN	10/04/88	DH08TY															
19	12122028	ĐINH QUANG	KIỆT	28/03/94	DH12QT															
20	09112078	CAO VĂN	LẠC	17/05/91	DH09TY															
21	10130047	LÂM NHẬT	MINH	07/10/92	DH10DT															
22	12120518	NGUYỄN MINH	NHẬT	13/06/94	DH12KT															
23	12155096	PHẠM HUỲNH	NHƯ	09/04/94	DH12KN															
24	12124258	NGUYỄN THỊ	NỮ	12/02/94	DH12QL															
25	12329184	PHAN KIỀU	OANH	03/03/94	CD12TH															
26	11363131	TRẦN THỊ KIM	OANH	25/03/93	CD11CA															
27	08112208	HỒ LONG	PHÚC	08/05/89	DH08TY															
28	12130023	LÂM THỊ	PHƯỢNG	06/11/94	DH12DT															
29	12329020	MAI THÀNH	QUÂN	28/08/92	CD12TH															
30	11142091	HUỲNH PHÚ	QUÝ	17/08/93	DH11DY															
31	12111011	TRẦN NGỌC PHƯƠNG	QUYÊN	14/02/94	DH12TA															
32	12130109	NGUYỄN MINH	THÀNH	19/10/94	DH12DT															
33	12123093	LÊ THỊ	THẢO	26/03/94	DH12KE															
34	12125314	NGUYỄN HỒNG	THẮM	12/04/94	DH12DD															
35	10130083	GIÁP QUANG	THỊNH	01/02/92	DH10DT															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Marketing căn bản (208453) - Nhóm 11 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Lê Văn Mến (286)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	11142106	HUỲNH THỊ KIM	THU	06/09/93	DH11DY															
37	12111209	PHẠM THỊ THU	THỦY	12/11/94	DH12TA															
38	08112272	BÙI XUÂN	THƯƠNG	06/10/90	DH08TY															
39	12111297	NGUYỄN MẠNH	TIẾN	25/08/93	DH12CN															
40	12112048	NGUYỄN THANH	TÍN	15/02/94	DH12TY															
41	12112222	LÊ THỊ NGỌC	TRÂM	11/01/94	DH12TY															
42	12111088	VŨ MINH	TRÍ	15/09/94	DH12CN															
43	12329133	NGUYỄN THỊ TUYẾT	TRINH	25/12/93	CD12TH															
44	10329034	NGUYỄN VĂN	TRỌNG	22/07/91	CD10TH															
45	12329139	TRẦN HOÀNG	TRUNG	24/09/94	CD12TH															
46	12111090	CHU NGUYỄN HUY	TUẤN	10/06/94	DH12TA															
47	11111062	TRẦN VĂN	TUẤN	09/02/93	DH11CN															
48	11161083	LÊ THỊ THANH	TUYỀN	20/03/92	DH11TA															
49	12112056	PHẠM THỊ THÚY	VÂN	18/08/93	DH12TY															
50	12125515	VÕ VĂN	VIÊN	12/06/93	DH12BQ															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Quản trị doanh nghiệp (208454) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Mai Hoàng Giang (285)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	11123001	HOÀNG THỊ KIM	ANH	09/10/92	DH11KE															
2	11158064	HỒ THỊ NGỌC	ÁNH	26/03/93	DH11SK															
3	11123071	HUỲNH THỊ	ÁNH	02/02/93	DH11KE															
4	10158002	LÊ QUANG GIA	BẢO	14/06/92	DH10SK															
5	11134006	LÂM NGỌC	BÍCH	21/10/93	DH11GB															
6	11123072	TÔ THỊ HỒNG	CẨM	01/01/93	DH11KE															
7	11134003	VÕ THỊ THU	CÚC	20/12/93	DH11GB															
8	11123073	NGUYỄN THỊ THÚY	DIỄM	30/04/93	DH11KE															
9	11123004	TRƯƠNG KHẮC	DUY	11/08/92	DH11KE															
10	11158085	NGUYỄN THỊ HỒNG	HẠNH	15/10/93	DH11SK															
11	11123104	TRƯƠNG THANH	HẬU	01/03/93	DH11KE															
12	11123106	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	HIỀN	27/08/93	DH11KE															
13	10363122	LÊ THỊ	HOA	09/01/92	CD10CA															
14	11363036	TRẦN THỊ PHƯƠNG	HOA	23/03/93	CD11CA															
15	11123110	HÀ THỊ MINH	HOẠT	02/06/93	DH11KE															
16	11123013	TRỊNH THỊ	HỒNG	02/07/93	DH11KE															
17	11158079	NGUYỄN MINH	KHƯƠNG	20/06/92	DH11SK															
18	11158087	ĐẶNG THỊ ÁNH	KIỀU	08/07/93	DH11SK															
19	11363050	TRẦN THỊ HOÀI THAN	LANH	20/02/93	CD11CA															
20	10123003	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	16/06/92	DH10KE															
21	11123123	TRẦN THỊ MỸ	LOAN	16/09/93	DH11KE															
22	10134011	NGUYỄN PHÚC	LONG	02/01/91	DH10GB															
23	11363053	HÀ THỊ MỸ	LỘC	10/10/91	CD11CA															
24	12115049	TRẦN HỮU	LỰC	09/05/94	DH12CB															
25	11123023	TRỊNH THỊ	LÝ	01/07/93	DH11KE															
26	11158073	CAO THỊ LÊ	MAI	28/02/92	DH11SK															
27	10134021	NGUYỄN THỊ	MAI	12/02/92	DH10GB															
28	11134013	NGUYỄN THỊ	MAI	25/02/93	DH11GB															
29	11329083	HỒ NHƯ	NGỌC	19/10/93	CD11CA															
30	11123131	PHAN THỊ BÍCH	NGỌC	25/11/93	DH11KE															
31	11123133	NGUYỄN THỊ	NHẬT	02/09/93	DH11KE															
32	11123176	LƯƠNG THỊ Ý	NHI	08/12/93	DH11KE															
33	11123135	PHẠM HỒ YẾN	NHI	09/09/93	DH11KE															
34	11363213	PHẠM THỊ HỒNG	NHI	01/01/93	CD11CA															
35	11123031	TRẦN HUỲNH YẾN	NHI	18/03/93	DH11KE															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Quản trị doanh nghiệp (208454) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Mai Hoàng Giang (285)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	11123136	HỒ NGỌC QUỲNH	NHƯ	14/04/93	DH11KE															
37	11123211	HOÀNG THỊ TUYẾT	PHƯƠNG	09/04/93	DH11KE															
38	11123038	ĐỖ THỊ THÚY	PHƯỢNG	23/05/93	DH11KE															
39	11134012	HUỲNH NGỌC	PHƯỢNG	24/12/93	DH11GB															
40	10123153	TẠ HỒNG	PHƯỢNG	22/06/92	DH10KE															
41	11123144	NGUYỄN THỊ	TÂM	15/04/93	DH11KE															
42	10363099	VÕ THỊ THU	THẢO	24/06/92	CD10CA															
43	11123046	VÕ THỊ	THOẠI	15/02/93	DH11KE															
44	11123150	HỒ THỊ	THƠ	12/01/93	DH11KE															
45	11123152	NGUYỄN NGỌC DIỄM	THU	03/01/93	DH11KE															
46	12123177	HUỲNH THƯƠNG LƯ	THỦY	28/03/94	DH12KE															
47	11123155	NGUYỄN THỊ KIM	THỦY	13/10/93	DH11KE															
48	10123184	NGUYỄN THỊ THANH	THỦY	10/11/92	DH10KE															
49	11123157	PHẠM ĐOAN	THỤY	27/05/93	DH11KE															
50	12123180	NGUYỄN VÂN ANH	THƯ	05/04/94	DH12KE															
51	11158039	NGUYỄN THỊ THỦY	TIÊN	05/10/93	DH11SK															
52	11363206	ĐINH THỊ	TRANG	10/07/90	CD11CA															
53	11123159	NGUYỄN THỊ MAI	TRANG	19/03/93	DH11KE															
54	12123058	NGUYỄN THỊ LƯU	TRÂM	15/01/94	DH12KE															
55	11363116	LÊ BẢO	TRÂN	26/04/93	CD11CA															
56	11123051	NGUYỄN THỊ BÍCH	TRÂN	25/10/93	DH11KE															
57	11363047	NGUYỄN THỊ MỘNG	TRINH	08/03/93	CD11CA															
58	11123167	NGUYỄN THỊ BÍCH	VÂN	01/06/93	DH11KE															
59	11123057	TRẦN THANH	VÂN	14/12/93	DH11KE															
60	12123207	LÊ THỊ THANH	VY	08/12/94	DH12KE															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Quản trị doanh nghiệp (208454) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Mai Hoàng Giang (285)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	12123006	HÀ NGỌC	ÁNH	19/11/94	DH12KE															
2	12363011	NGUYỄN THỊ NGỌC	ÁNH	08/03/93	CD12CA															
3	12123074	VÕ THỊ SƠN	CA	20/02/94	DH12KE															
4	12123101	NGUYỄN THỊ NGỌC	CẨM	10/10/93	DH12KE															
5	12123069	ĐẬU ĐỨC	CHÂU	27/08/94	DH12KE															
6	12123103	ĐAN CHÂU HẠNH	CHI	05/09/94	DH12KE															
7	12123105	VŨ THỊ KIM	CHI	21/02/93	DH12KE															
8	12363326	HOÀNG THỊ	CÚC	10/06/94	CD12CA															
9	12363313	HUỲNH THỊ THÚY	DIỄM	10/05/94	CD12CA															
10	12363259	TRƯƠNG THỊ LỆ	DIỄM	02/02/94	CD12CA															
11	12363260	NGUYỄN MINH	DUNG	07/12/94	CD12CA															
12	12363314	TRẦN KIM	DŨNG	06/01/94	CD12CA															
13	12363335	VŨ THỊ THÙY	DƯƠNG	23/12/93	CD12CA															
14	12363006	HUỲNH PHÚC	ĐÔNG	19/07/94	CD12CA															
15	12363028	CHU THÚY	HÀ	04/01/94	CD12CA															
16	12123020	TẠ THỊ	HÀ	04/08/94	DH12KE															
17	11123096	NGÔ THỊ	HẢI	10/06/93	DH11KE															
18	12115287	TRẦN THỊ THU	HẢI	27/04/94	DH12CB															
19	12132141	NGUYỄN THỊ MỸ	HẠNH	06/11/93	DH12SP															
20	12123071	LÊ THỊ NGỌC	HÂN	01/01/94	DH12KE															
21	12363206	NGUYỄN THỊ MỸ	HẬU	18/10/93	CD12CA															
22	12123121	TRƯƠNG THỊ	HẬU	02/04/94	DH12KE															
23	12132012	TRẦN ĐÌNH	HIẾU	01/10/94	DH12SP															
24	12123023	NGUYỄN THỊ KHÁNH	HÒA	05/07/94	DH12KE															
25	12363062	LÊ THỊ KIM	HỒNG	04/05/94	CD12CA															
26	12363038	NGÔ THỊ KIM	HỒNG	14/02/94	CD12CA															
27	12132073	LÊ MỸ	HUẤN	27/02/94	DH12SP															
28	12363272	TRẦN THỊ	HUỆ	13/04/94	CD12CA															
29	12363171	NGUYỄN VŨ THÙY	HƯƠNG	30/09/94	CD12CA															
30	12363216	NGUYỄN QUỐC	HY	02/03/94	CD12CA															
31	12123130	NGUYỄN THỊ VÂN	KHANH	14/11/94	DH12KE															
32	12363174	BÙI NGUYỄN THIÊN	KIM	06/10/94	CD12CA															
33	12363044	ĐOÀN THỊ CẨM	LINH	18/09/94	CD12CA															
34	12123137	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	LINH	10/11/94	DH12KE															
35	12363218	THÁI THỊ THÙY	LINH	22/12/94	CD12CA															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Quản trị doanh nghiệp (208454) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Mai Hoàng Giang (285)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	12123139	NGÔ THỊ PHƯỢNG	LOAN	15/04/94	DH12KE															
37	12115249	PHẠM THỊ KIM	LOAN	08/02/93	DH12CB															
38	12132002	HOÀNG PHI	LONG	02/08/94	DH12SP															
39	12123090	ĐINH THỊ	LỘC	26/06/94	DH12KE															
40	12363078	NGUYỄN THỊ	LỤA	23/10/94	CD12CA															
41	12363015	BÙI THỊ	LÝ	05/05/92	CD12CA															
42	12123141	LÊ TRẦN THIÊN	LÝ	24/11/94	DH12KE															
43	11363087	PHAN THỊ THANH	MAI	08/09/92	CD11CA															
44	12363187	VŨ THỊ	NGA	16/01/94	CD12CA															
45	12123150	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	30/08/94	DH12KE															
46	12123038	TẠ THỊ ÁNH	NGUYỆT	20/12/93	DH12KE															
47	12363079	NGUYỄN KHÁNH	NHI	23/10/94	CD12CA															
48	12123041	HUỲNH THỊ MỸ	NHUNG	08/05/93	DH12KE															
49	12363070	NGUYỄN THỊ	NHUNG	04/08/94	CD12CA															
50	12132067	NGUYỄN THỊ KIM	NHUNG	27/07/94	DH12SP															
51	12363087	ĐỒNG THỊ	NƯƠNG	12/07/94	CD12CA															
52	11123177	VÕ THỊ DIỄM	PHÚC	16/10/93	DH11KE															
53	12123165	HOÀNG THỊ BÍCH	PHƯƠNG	17/12/94	DH12KE															
54	12132023	NGUYỄN THỊ BÍCH	PHƯƠNG	10/03/93	DH12SP															
55	12123043	DOÃN ĐÌNH	QUANG	08/03/94	DH12KE															
56	12132175	LÊ THỊ	RA	12/04/93	DH12SP															
57	12132117	VŨ THỊ	SÂM	01/08/91	DH12SP															
58	12363340	TRẦN THỊ	TÂM	02/07/94	CD12CA															
59	12363048	ĐẶNG THỊ MỸ	THẠCH	03/10/94	CD12CA															
60	12123092	NGUYỄN THỊ	THANH	20/11/94	DH12KE															
61	12123046	ĐỒNG THỊ THU	THẢO	20/07/93	DH12KE															
62	12123239	NGUYỄN THỊ KIM	THẮM	29/07/93	DH12KE															
63	12363109	NGUYỄN THỊ MỸ	THẮM	08/08/94	CD12CA															
64	12123257	MAI	THI	16/08/92	DH12KE															
65	11123149	NGUYỄN THỊ	THIỆU	05/02/93	DH11KE															
66	12123301	TRẦN THỊ KIM	THOA	/ /	DH12KE															
67	12123094	NGUYỄN THỊ TUYẾT	THƠ	22/09/94	DH12KE															
68	12123242	TRƯƠNG THỊ ANH	THƠ	12/12/94	DH12KE															
69	12363297	LÊ MINH	THÙY	18/10/93	CD12CA															
70	12363217	TRƯƠNG ÁNH	THÙY	25/10/94	CD12CA															
71	11123183	QUÁCH MINH	THỦY	27/05/93	DH11KE															
72	12363244	NGUYỄN THỊ	THUYÊN	25/01/94	CD12CA															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Quản trị doanh nghiệp (208454) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Mai Hoàng Giang (285)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	12363043	HOÀNG THỊ THU	THƯƠNG	24/05/94	CD12CA															
74	11123184	TRẦN THỊ THU	THƯỜNG	21/06/93	DH11KE															
75	11123049	ĐẶNG XUÂN	TIẾN	11/09/93	DH11KE															
76	12123187	VY THỊ	TIN	08/09/94	DH12KE															
77	12123057	NGUYỄN THỊ THANH	TRÀ	27/12/94	DH12KE															
78	12363108	ĐẶNG THỊ HUYỀN	TRANG	29/10/94	CD12CA															
79	11123050	LÊ THỊ QUỲNH	TRANG	29/08/92	DH11KE															
80	12115308	NGUYỄN NỮ THIÊN	TRANG	12/09/94	DH12CB															
81	12123080	VŨ THỊ	TRANG	17/01/94	DH12KE															
82	12363137	NGUYỄN BẢO	TRÂN	28/09/93	CD12CA															
83	12363232	PHAN THỊ BẢO	TRÂN	20/11/93	CD12CA															
84	11123186	PHAN THỊ MỸ	TRINH	16/08/93	DH11KE															
85	12363307	NGUYỄN THẢO	TRÚC	19/02/93	CD12CA															
86	12132075	PHẠM ANH	TUẤN	05/01/94	DH12SP															
87	12123195	LÊ THỊ	TUYẾT	28/07/94	DH12KE															
88	12363214	NGUYỄN HOÀNG ÁNH	TUYẾT	10/12/94	CD12CA															
89	12123196	PHAN THỊ ÁNH	TUYẾT	01/02/94	DH12KE															
90	12132167	ĐOÀN HỒNG	TƯỜNG	30/04/94	DH12SP															
91	11123054	PHẠM THỊ THU	TƯỜNG	17/08/93	DH11KE															
92	12363144	ĐINH THỊ THÚY	VÂN	01/12/94	CD12CA															
93	12123204	LÂM TRẦN CẨM	VI	04/01/94	DH12KE															
94	12132031	PHAN CÔNG	VỊNH	06/10/94	DH12SP															
95	11123061	LƯU HOÀN	VŨ	17/06/93	DH11KE															
96	12115130	NGUYỄN HOÀNG	VŨ	28/03/93	DH12CB															
97	12123065	TRƯƠNG KIM	XUÂN	26/12/93	DH12KE															
98	12123211	ĐẶNG THỊ HỒNG	YẾN	07/04/94	DH12KE															
99	12123096	PHAN THỊ NGỌC	YẾN	10/06/94	DH12KE															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Quản trị doanh nghiệp (208454) - Nhóm 03 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Mai Hoàng Giang (285)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	11123002	TRẦN QUỐC	ANH	08/06/93	DH11KE															
2	12123068	VŨ THỊ NGỌC	BÍCH	16/10/94	DH12KE															
3	12115075	BÙI THỊ MINH	BÚT	27/10/94	DH12GB															
4	12363226	PHAN THÚY	CẨM	19/04/94	CD12CA															
5	12123102	VÕ THỊ MỸ	CHÂU	18/06/94	DH12KE															
6	12115230	ĐINH THỊ KIỀU	DIỄM	10/04/94	DH12CB															
7	12123107	HUỲNH NGỌC	DIỄM	94/ /	DH12KE															
8	12363166	NGUYỄN THỊ	DUNG	22/11/94	CD12CA															
9	11123210	PHẠM THỊ THÙY	DUNG	01/04/93	DH11KE															
10	12363033	VÕ THỊ KIM	DUNG	09/09/93	CD12CA															
11	12363021	ĐINH THỊ MỸ	DUYÊN	08/12/94	CD12CA															
12	12115071	LÊ THỊ TRÚC	ĐÀO	17/04/94	DH12CB															
13	11123007	NGUYỄN THỊ NGỌC	ĐẸP	19/10/93	DH11KE															
14	12132139	ĐÀM VĂN	ĐÔ	30/08/93	DH12SP															
15	12132008	NGUYỄN LÂM	ĐÔ	07/09/94	DH12SP															
16	12363086	VÕ ĐỖ HOA	HẠ	17/05/94	CD12CA															
17	12132100	VŨ ANH	HÀO	18/06/92	DH12SP															
18	12123232	ĐỖ THỊ THÚY	HẰNG	19/09/94	DH12KE															
19	10123054	NGUYỄN THỊ	HẰNG	12/06/91	DH10KE															
20	12363042	TRƯƠNG THỊ BÍCH	HÂN	08/03/94	CD12CA															
21	12123086	CAO THỊ	HIỀN	01/06/94	DH12KE															
22	12123087	LÊ THỊ	HIỀN	18/02/94	DH12KE															
23	10123062	NGÔ THỊ THÚY	HIẾU	27/10/92	DH10KE															
24	11158065	NGUYỄN VIẾT TRUNG	HIẾU	28/08/92	DH11SK															
25	12123247	NGUYỄN THỊ	HOA	13/07/94	DH12KE															
26	10123069	PHẠM THỊ HIỀN	HÒA	26/01/92	DH10KE															
27	12363035	LÊ THỊ THÚY	HỒNG	16/10/93	CD12CA															
28	12363271	TRƯƠNG KIM	HỒNG	19/10/94	CD12CA															
29	12123027	ĐẶNG HỮU	HÙNG	15/08/94	DH12KE															
30	12363169	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	24/05/93	CD12CA															
31	12123072	NEÁNG CUNG BÔ LY	KA	18/12/94	DH12KE															
32	11158086	TRƯƠNG VĂN	KHOA	20/07/93	DH11SK															
33	12363082	ĐẶNG THỊ THANH	LAM	10/10/94	CD12CA															
34	12123132	HỒ THỊ	LÀNH	15/12/94	DH12KE															
35	12115318	HỒ THÙY	LINH	03/09/94	DH12CB															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Quản trị doanh nghiệp (208454) - Nhóm 03 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Mai Hoàng Giang (285)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	12123136	HUỲNH THỊ KHÁNH	LINH	24/01/94	DH12KE															
37	12363208	LƯƠNG THỊ MỸ	LINH	07/09/94	CD12CA															
38	12123235	NGUYỄN THỊ NGỌC	LINH	21/10/94	DH12KE															
39	12115084	TRẦN THỊ	LỢI	19/11/93	DH12CB															
40	12363317	NGUYỄN THỊ	LƯỜNG	27/04/93	CD12CA															
41	12363234	BÙI THỊ CẨM	LY	28/12/94	CD12CA															
42	12363318	NGUYỄN NỮ KHÁNH	LY	02/04/94	CD12CA															
43	12363237	BÙI THỊ DIỄM	MY	09/08/93	CD12CA															
44	12363103	CHU THỊ	NA	05/01/94	CD12CA															
45	10123111	VÕ THỊ HỒNG	NGA	12/12/92	DH10KE															
46	12132078	ĐỖ THỊ THANH	NGÂN	22/12/94	DH12SP															
47	11123075	NGUYỄN BÍCH	NGÂN	07/03/93	DH11KE															
48	12132088	LÃ MINH	NGỌC	12/09/94	DH12SP															
49	12132126	LÊ THỊ KIM	NGỌC	13/07/94	DH12SP															
50	12132149	TRẦN THỊ VƯƠNG	NGỌC	10/09/93	DH12SP															
51	12123158	HỒ THANH	NHẬT	13/07/94	DH12KE															
52	11123033	NGUYỄN KIỀU	OANH	19/03/93	DH11KE															
53	12363241	TRỊNH THỊ THÚY	OANH	18/04/94	CD12CA															
54	12132128	NGUYỄN TIẾN	PHÁT	10/06/94	DH12SP															
55	12363292	DƯƠNG KIM	PHỤNG	20/04/94	CD12CA															
56	12132089	NGUYỄN THÀNH	PHƯỚC	12/04/94	DH12SP															
57	10123005	NGUYỄN THỊ BÍCH	PHƯƠNG	19/12/92	DH10KE															
58	11123179	LÝ TỐ	SEN	08/05/93	DH11KE															
59	12115027	BÙI VĂN	TÂM	12/04/94	DH12CB															
60	12132062	NGUYỄN THỊ THANH	TÂM	23/02/94	DH12SP															
61	12115028	LÊ NHẬT	THANH	22/11/94	DH12GB															
62	12115257	TRẦN THỊ LAN	THANH	10/12/94	DH12CB															
63	12363025	NGUYỄN THỊ THU	THẢO	16/11/94	CD12CA															
64	10158083	NGUYỄN VĂN	THẾ	20/02/89	DH10SK															
65	08158158	ĐỖ CÔNG SỸ	THOẢNG	16/08/90	DH08SK															
66	12363113	LÊ THỊ MỸ	THUẬN	12/10/94	CD12CA															
67	12132053	TRẦN THỊ	THUẬN	04/04/94	DH12SP															
68	12363173	LÊ THỊ	THÙY	01/06/94	CD12CA															
69	12132029	NGUYỄN THỊ THANH	THỦY	21/08/93	DH12SP															
70	12123181	NGUYỄN THỊ THANH	THƯƠNG	19/04/94	DH12KE															
71	12123185	PHAN THỦY	TIÊN	01/01/94	DH12KE															
72	12123188	LÊ THỊ	TÌNH	04/10/94	DH12KE															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Quản trị doanh nghiệp (208454) - Nhóm 03 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Mai Hoàng Giang (285)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	12115306	NGUYỄN VĂN	TÌNH	16/11/94	DH12CB															
74	11123162	TRẦN THỊ HUYỀN	TRANG	24/01/93	DH11KE															
75	12363050	HUỲNH THỊ	TRÍ	15/05/94	CD12CA															
76	12115100	NGUYỄN XUÂN	TRÍ	13/04/94	DH12CB															
77	12132171	DƯƠNG HOÀNG THANH	TRÚC	19/11/94	DH12SP															
78	10123217	PHAN HOÀNG	TÚ	31/05/92	DH10KE															
79	12132071	NGUYỄN NGỌC	TUỆ	15/02/93	DH12SP															
80	12123197	VÕ THỊ THANH	TÙNG	17/12/94	DH12KE															
81	12123194	LÝ THỊ THANH	TUYỀN	20/11/94	DH12KE															
82	12115248	ĐINH QUANG	TUYẾN	04/07/94	DH12CB															
83	12132072	TRẦN KIM	TUYẾN	12/04/94	DH12SP															
84	11123053	LƯU THỊ YẾN	TUYẾT	15/09/93	DH11KE															
85	12363128	NGUYỄN HỒNG	TUYẾT	22/05/94	CD12CA															
86	12363323	TRẦN THỊ	TỨ	24/03/94	CD12CA															
87	12123215	NGUYỄN THỊ HẢI	YẾN	28/02/94	DH12KE															
88	10123232	PHẠM THỊ	YẾN	15/07/92	DH10KE															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Nghiệp vụ ngoại thương (208456) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Nguyễn Thị Bích Phương (295)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	12123098	NGUYỄN THỊ THÚY	AN	04/01/94	DH12KE															
2	12363001	HOÀNG THỊ TƯỜNG	ANH	16/03/94	CD12CA															
3	12122098	TRẦN THỊ KIM	ANH	29/06/94	DH12QT															
4	10122010	VÕ THỊ TUYẾT	ANH	12/05/92	DH10QT															
5	11123003	NGUYỄN THIÊN	ÂN	14/09/93	DH11KE															
6	12363256	NGUYỄN LÊ HỒNG	CHÂU	15/02/94	CD12CA															
7	11122048	VÕ THỊ KIM	CHI	28/08/93	DH11QT															
8	10123022	NGUYỄN LÊ KIỀU	DIỄM	18/09/91	DH10KE															
9	12122297	NGUYỄN THỊ THANH	DIỆU	08/01/94	DH12QT															
10	10123027	PHẠM THỊ	DỊU	08/03/92	DH10KE															
11	12122115	TRẦN HỮU	DUY	08/11/92	DH12QT															
12	11164039	NGUYỄN TRƯƠNG KỲ	DUYÊN	25/04/93	DH11TC															
13	12123015	NGUYỄN THỊ LAN	ĐÀI	15/09/94	DH12KE															
14	12122324	HOÀNG THỊ	ĐÀO	06/06/92	DH12QT															
15	11164015	TRẦN THANH	GIANG	/ /92	DH11TC															
16	12122283	TRẦN THỊ THANH	HÀ	25/08/94	DH12QT															
17	09122024	NGUYỄN HOÀNG	HAI	16/12/89	DH09QT															
18	12122130	NGUYỄN VĂN	HẢI	28/12/94	DH12QT															
19	12363207	PHẠM THỊ HỒNG	HẠNH	30/11/94	CD12CA															
20	12122017	PHẠM ĐĂNG	HIỄN	08/08/94	DH12TM															
21	12122138	NGUYỄN VĂN	HIẾU	06/01/93	DH12TM															
22	12123123	NGUYỄN XUÂN	HIẾU	30/03/94	DH12KE															
23	12155002	NGUYỄN VĂN	HÙNG	29/04/93	DH12KN															
24	12122146	TRẦN THỊ NGỌC	HUYỀN	20/10/93	DH12QT															
25	12363072	VŨ THỊ LAN	HƯƠNG	18/07/93	CD12CA															
26	12122153	HỒ PHẠM VIỆT	KHANH	20/10/94	DH12TC															
27	12122025	ĐẶNG ĐĂNG	KHOA	10/05/87	DH12TC															
28	12122027	BÙI MINH	KIỆT	20/10/94	DH12QT															
29	12363181	PHẠM THỊ LY	LA	20/05/94	CD12CA															
30	12122030	ĐẶNG THỊ TRÚC	LỆ	25/08/94	DH12TC															
31	12363044	ĐOÀN THỊ CẨM	LINH	18/09/94	CD12CA															
32	12363286	NGUYỄN THỊ HỒNG	LOAN	02/04/94	CD12CA															
33	11164041	NGUYỄN THỊ QUỲNH	LOAN	24/09/93	DH11TC															
34	10164019	TRƯƠNG BÁ	LƯU	05/09/92	DH10TC															
35	12363281	TRẦN LÊ PHƯỚC	LY	03/06/93	CD12CA															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Nghiệp vụ ngoại thương (208456) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Nguyễn Thị Bích Phương (295)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	12363235	VÕ THỊ	LY	16/02/94	CD12CA															
37	12122108	NGUYỄN THỊ TUYẾT	MINH	01/09/94	DH12TC															
38	12122080	PHẠM THÀNH	NAM	29/03/93	DH12QT															
39	10123115	ĐẶNG KIM	NGÂN	11/11/92	DH10KE															
40	12122191	TRẦN THỊ ÁI	NHÂN	25/05/94	DH12TM															
41	12155096	PHẠM HUỲNH	NHƯ	09/04/94	DH12KN															
42	12123164	NGUYỄN THỊ NHƯ	PHÔI	15/04/94	DH12KE															
43	12122044	NGUYỄN XUÂN	QUANG	11/06/94	DH12QT															
44	12122213	LÊ NGỌC PHƯƠNG	QUỲNH	09/12/94	DH12TM															
45	12122046	LƯƠNG TRỌNG	QUỲNH	03/03/93	DH12QT															
46	12122215	NGUYỄN BẢO	QUỲNH	20/06/94	DH12TM															
47	12122047	VŨ THÚY	QUỲNH	22/01/94	DH12QT															
48	12363293	VÕ THỊ	SANG	06/02/93	CD12CA															
49	12122049	NGUYỄN VĂN	SÁU	28/02/91	DH12QT															
50	12122216	ĐÀO LƯU HỮU	TÀI	14/11/94	DH12QT															
51	10123161	LÂM THỊ	TÂM	28/10/92	DH10KE															
52	12122219	LÊ HOÀNG ANH	THAO	05/10/94	DH12TM															
53	12122221	ĐOÀN THỊ XUÂN	THẢO	13/01/94	DH12QT															
54	11122109	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	THẢO	31/08/93	DH11QT															
55	12363242	VÕ THỊ	THẢO	19/11/94	CD12CA															
56	12122227	PHẠM THỊ HỒNG	THẮM	17/10/94	DH12QT															
57	12122228	PHẠM THỊ NGỌC	THẮM	04/03/94	DH12QT															
58	12363212	TRẦN THỊ	THỂ	08/02/94	CD12CA															
59	10123174	PHẠM MINH	THIỆN	30/10/92	DH10KE															
60	12122055	NGUYỄN VĂN	THÔNG	16/08/93	DH12TM															
61	12155136	NGUYỄN LÊ MINH	THÙY	15/03/94	DH12KN															
62	12123177	HUỲNH THƯƠNG LƯ	THỦY	28/03/94	DH12KE															
63	12363122	NGÔ THỊ BÍCH	THỦY	08/07/93	CD12CA															
64	12122233	PHẠM THỊ BÍCH	THỦY	28/02/94	DH12QT															
65	12122236	NGUYỄN THỊ ANH	THƯ	01/03/94	DH12TC															
66	12363224	NGUYỄN THỊ	THƯƠNG	09/06/94	CD12CA															
67	12363298	TRẦN THY	THY	27/09/94	CD12CA															
68	12123054	HUỲNH THỊ MỸ	TIÊN	15/07/94	DH12KE															
69	12363301	LÊ NGỌC	TRANG	23/12/94	CD12CA															
70	12123059	NGUYỄN HOÀI HƯNG	TRINH	15/07/94	DH12KE															
71	12363305	NGUYỄN THỊ TỐ	TRINH	21/06/94	CD12CA															
72	12122292	NGUYỄN THỊ TUYẾT	TRINH	17/04/94	DH12QT															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Nghiệp vụ ngoại thương (208456) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Nguyễn Thị Bích Phương (295)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	12363306	TRẦN CAO DIỄM	TRINH	21/04/93	CD12CA															
74	12363307	NGUYỄN THẢO	TRÚC	19/02/93	CD12CA															
75	12123082	LƯU THỊ ÁNH	TUYẾT	20/08/93	DH12KE															
76	10123224	NGUYỄN THỊ BÍCH	VÂN	28/06/92	DH10KE															
77	10122200	PHAN XUÂN	VI	23/11/90	DH10QT															
78	12123207	LÊ THỊ THANH	VY	08/12/94	DH12KE															
79	12363148	NGÔ THỊ HẢI	YẾN	12/06/94	CD12CA															
80	12122074	NGUYỄN THỊ HẢI	YẾN	15/04/94	DH12QT															
81	10123231	NGUYỄN THỊ HOÀNG	YẾN	12/09/92	DH10KE															
82	12122280	NGUYỄN THỊ KIM	YẾN	05/08/94	DH12QT															
83	12363149	NGUYỄN THỊ NGỌC	YẾN	19/02/91	CD12CA															
84	12122281	NGUYỄN THỊ PHI	YẾN	27/11/94	DH12QT															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Nghiệp vụ ngoại thương (208456) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Nguyễn Thị Bích Phương (295)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	10123002	ĐẶNG THỊ TUYẾT	AN	26/03/92	DH10KE															
2	12122095	NGUYỄN NGỌC THÙY	AN	19/05/94	DH12TC															
3	10123255	PHAN THỊ MỸ	AN	02/02/92	DH10KE															
4	10123007	TRẦN THỊ LAN	ANH	04/02/92	DH10KE															
5	10123009	ĐỖ THỊ KIM	BẢO	08/08/92	DH10KE															
6	12123008	TRẦN THỊ THANH	CẨM	26/02/94	DH12KE															
7	12155037	DƯƠNG VĨNH	DANH	10/02/93	DH12KN															
8	12155142	KIỀU THỊ QUỲNH	DAO	27/04/94	DH12KN															
9	11122003	LÊ TIẾN	DÂNG	20/12/90	DH11QT															
10	12122296	MAI THỊ	DIỄM	30/07/94	DH12TM															
11	12123014	NGUYỄN NGỌC KỲ	DUYÊN	18/11/94	DH12KE															
12	12122118	PHẠM THỊ MỸ	DUYÊN	01/03/94	DH12TM															
13	12122010	LÊ NGỌC	DƯ	20/11/94	DH12QT															
14	12122122	TRẦN THỊ THÙY	DƯƠNG	17/09/94	DH12TM															
15	12155040	TRẦN THỊ	ĐÀO	10/03/93	DH12KN															
16	12363336	TRẦN THANH	ĐOAN	16/04/94	CD12CA															
17	10123039	PHẠM THỊ NGỌC	GIÀU	12/01/92	DH10KE															
18	12122127	HOÀNG THỊ NGỌC	HÀ	03/11/94	DH12TM															
19	12123117	NGUYỄN THỊ	HÀ	25/02/94	DH12KE															
20	12122012	NGUYỄN HUỲNH	HẠ	22/04/94	DH12TC															
21	10123049	ĐỖ THỊ	HẠNH	22/02/92	DH10KE															
22	11122068	CHU THỊ MINH	HẰNG	05/08/93	DH11QT															
23	12122133	NGUYỄN THỊ THANH	HẰNG	13/05/94	DH12QT															
24	10123059	TRẦN THỊ NGỌC	HÂN	25/01/92	DH10KE															
25	10123062	NGÔ THỊ THÚY	HIẾU	27/10/92	DH10KE															
26	09124900	PHẠM TRUNG	HIẾU	01/07/91	DH11TM															
27	12123233	BÙI THỊ ÁNH	HOA	20/02/94	DH12KE															
28	12122104	NGUYỄN THỊ	HOA	10/07/94	DH12TM															
29	11122072	NGUYỄN THỊ	HOÀI	24/04/93	DH11QT															
30	12122318	NGUYỄN THỊ	HỒNG	29/09/94	DH12QT															
31	10122067	HOÀNG XUÂN	HỢP	27/04/91	DH10QT															
32	12363100	ĐỖ XUÂN	HUẤN	01/01/92	CD12CA															
33	11122074	HOÀNG THI KIM	HUỆ	01/11/93	DH11QT															
34	12122143	NGUYỄN ĐỨC	HUY	01/04/94	DH12TC															
35	11122076	TRỊNH MINH	HUY	24/11/93	DH11QT															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Nghiệp vụ ngoại thương (208456) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Nguyễn Thị Bích Phương (295)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	10123071	LƯU THỊ	HUYỀN	01/02/92	DH10KE															
37	12122150	NGUYỄN THỊ THU	HƯƠNG	10/07/94	DH12TM															
38	12363171	NGUYỄN VŨ THÙY	HƯƠNG	30/09/94	CD12CA															
39	10123081	LÊ THỊ LONG	KHÁNH	08/09/92	DH10KE															
40	12363077	NGUYỄN THỊ	LAN	16/09/94	CD12CA															
41	12155074	NGÔ THANH	LÂM	17/08/94	DH12KN															
42	11122019	THÁI THANH	LÂM	17/10/91	DH11QT															
43	12122164	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	24/11/94	DH12QT															
44	10123098	QUẢNG THỊ MỸ	LINH	11/03/92	DH10KE															
45	12155128	MAI THỊ KIM	LOAN	09/03/91	DH12KN															
46	11122083	PHẠM NGUYỄN PHI	LONG	18/08/93	DH11QT															
47	12122173	HOÀNG CÔNG	LỰC	01/07/94	DH12TM															
48	12122031	LÊ THỊ KIM	LÝ	16/03/94	DH12QT															
49	10363058	LƯƠNG QUỲNH	MAI	23/10/92	CD10CA															
50	12155099	NGUYỄN NHỰT	MINH	09/05/92	DH12KN															
51	11363066	HUỲNH THỊ THANH	NGA	29/09/93	CD11CA															
52	10123114	ĐÀM THỊ THANH	NGÂN	13/03/92	DH10KE															
53	10123119	HUỲNH KIM	NGÂN	10/11/92	DH10KE															
54	12122036	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	05/06/94	DH12QT															
55	11122087	LƯU THỊ BÍCH	NGỌC	07/02/93	DH11QT															
56	12155119	NGUYỄN CHÂU BÍCH	NGỌC	22/02/94	DH12KN															
57	12122038	TRẦN THỊ THẢO	NGUYÊN	10/09/94	DH12TC															
58	12122305	TRẦN THỊ	NGUYỆT	30/11/94	DH12TM															
59	11155048	NGUYỄN THỊ LINH	NHÂM	23/02/93	DH11KN															
60	12155055	LÊ THỊ	PHÒNG	25/02/94	DH12KN															
61	12122043	NGUYỄN NGỌC KIM	PHƯƠNG	25/03/94	DH12TM															
62	12122207	NGUYỄN PHAN ANH	PHƯƠNG	22/01/94	DH12TC															
63	10123147	PHẠM THỊ NGỌC	PHƯƠNG	22/07/91	DH10KE															
64	12122209	HUỲNH THỊ NHƯ	PHƯỢNG	06/12/94	DH12TC															
65	12122214	LÊ THỊ	QUỲNH	06/09/94	DH12TC															
66	12122309	TRẦN THỊ MINH	TÂM	01/06/94	DH12TM															
67	12122050	GIẢNG NGỌC PHƯƠNG	TÂN	16/06/94	DH12QT															
68	12363110	NGUYỄN THÀNH	TÂN	29/06/94	CD12CA															
69	12122052	TRẦN NGỌC DUY	TÂN	29/03/94	DH12QT															
70	11122107	TỐNG NGỌC HỒNG	THANH	18/04/93	DH11QT															
71	12363141	ĐỖ HOÀNG NHẬT	THÀNH	20/10/94	CD12CA															
72	10123167	LÊ THỊ BÍCH	THẢO	17/12/92	DH10KE															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Nghiệp vụ ngoại thương (208456) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Nguyễn Thị Bích Phương (295)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	11150066	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	05/11/93	DH11TM															
74	12363025	NGUYỄN THỊ THU	THẢO	16/11/94	CD12CA															
75	10123171	VŨ THU	THẢO	19/01/92	DH10KE															
76	12123050	NGUYỄN THỊ CẨM	THU	24/10/94	DH12KE															
77	12363297	LÊ MINH	THÙY	18/10/93	CD12CA															
78	11123155	NGUYỄN THỊ KIM	THỦY	13/10/93	DH11KE															
79	12155122	HUỲNH ANH	THƯ	01/02/94	DH12KN															
80	12122235	NGUYỄN THỊ ANH	THƯ	27/05/94	DH12TM															
81	12122244	NGUYỄN TRỌNG	TÍN	02/03/94	DH12TM															
82	11363163	ĐẶNG NGỌC PHƯƠNG	TRANG	05/10/93	CD11CA															
83	12122247	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	30/01/94	DH12QT															
84	12122250	TRẦN THỊ THÙY	TRANG	22/07/94	DH12TM															
85	10123198	BÙI THỊ BÍCH	TRÂM	24/07/92	DH10KE															
86	12122252	NGUYỄN THỊ BÍCH	TRÂM	02/04/94	DH12TC															
87	12122255	LƯU PHƯƠNG	TRINH	30/04/94	DH12TC															
88	12122257	TRẦN KỲ	TRUNG	19/10/94	DH12TC															
89	12122066	TRẦN THẾ	TRUNG	08/12/94	DH12TC															
90	12123198	QUÃNG MINH KHẢ	TÚ	16/04/94	DH12KE															
91	11122122	BÙI KIM	TÙNG	15/08/93	DH11QT															
92	12363322	PHẠM THỊ ÁNH	TUYẾT	01/12/93	CD12CA															
93	08223211	NGUYỄN THỊ THÚY	VÂN	18/09/82	TC08KETD															
94	12363039	PHẠM THỊ THU	VÂN	17/08/93	CD12CA															
95	12122093	AN THỊ THẢO	VI	20/10/94	DH12TC															
96	12122071	ĐINH HOÀNG	VŨ	01/01/94	DH12TC															
97	12122272	LÊ THỊ TƯỜNG	VY	30/06/94	DH12TM															
98	12122274	NGUYỄN THỊ THANH	XUÂN	02/06/94	DH12TM															
99	10123262	ĐÀM NGỌC	XUYẾN	15/11/91	DH10KE															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Nghiệp vụ ngoại thương (208456) - Nhóm 03 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Vũ Thanh Liêm (300)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	10164003	TRẦN THỊ VÂN	ANH	09/01/92	DH10TC															
2	12122105	NGUYỄN DUY	BÌNH	08/03/94	DH12TM															
3	12122106	BÙI THỊ	CẨM	02/02/93	DH12TM															
4	11122002	HUỲNH THỊ LAN	CHI	18/06/93	DH11QT															
5	11122059	NGÔ THỊ	CHUYÊN	25/09/93	DH11QT															
6	12122076	NGUYỄN THỊ HỒNG	DIỄM	22/12/94	DH12QT															
7	12122008	LÊ THỊ	DUNG	26/01/94	DH12QT															
8	11122060	PHAN THỊ	DUNG	25/02/93	DH11QT															
9	11122061	VÕ THỊ XUÂN	DUNG	24/08/93	DH11QT															
10	11122063	LÊ HOÀNG THỤY MỸ	DUYÊN	17/09/93	DH11QT															
11	11122005	LÊ VĂN	ĐỨC	28/09/91	DH11QT															
12	12122126	BÙI THỊ THU	HÀ	10/10/94	DH12TM															
13	12363086	VÕ ĐỖ HOA	HẠ	17/05/94	CD12CA															
14	12122013	ĐINH THỊ THANH	HẰNG	31/07/94	DH12TC															
15	12123121	TRƯƠNG THỊ	HẬU	02/04/94	DH12KE															
16	12123086	CAO THỊ	HIỀN	01/06/94	DH12KE															
17	11122041	TRÀ THỊ MỸ	HIỀN	20/04/93	DH11QT															
18	12122016	TRỊNH THẾ	HIỀN	19/11/94	DH12QT															
19	12155073	KIM QUỐC	HIỂN	12/02/91	DH12KN															
20	11122137	ĐẶNG THỊ	HÒA	02/04/93	DH11QT															
21	12363271	TRƯƠNG KIM	HỒNG	19/10/94	CD12CA															
22	12155144	ĐẶNG THỊ THU	HƯƠNG	21/02/94	DH12KN															
23	12123072	NEÁNG CUNG BÔ LY	KA	18/12/94	DH12KE															
24	11122021	NGUYỄN THỊ MỸ	LINH	22/10/93	DH11QT															
25	11122081	PHẠM HÀ KIM	LINH	17/06/93	DH11QT															
26	11150048	BÙI TUẤN	LỘC	02/09/93	DH11TM															
27	11123124	NGUYỄN THỊ	LƯƠNG	07/08/92	DH11KE															
28	12123140	TRẦN THỊ	LY	06/11/92	DH12KE															
29	12122034	HUỲNH THANH	NAM	03/05/93	DH12TM															
30	10123112	VÕ THỊ THANH	NGA	02/09/92	DH10KE															
31	11363155	VÕ THỊ THÙY	NGÂN	20/01/93	CD11CA															
32	12155083	NGUYỄN THỊ KIM	NGỌC	06/12/94	DH12KN															
33	11122028	THÁI NHƯ	NGỌC	19/01/93	DH11QT															
34	12122183	THOÒNG KIM	NGỌC	09/04/94	DH12TM															
35	11164008	LÂM THẢO	NGUYÊN	15/03/93	DH11TC															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Nghiệp vụ ngoại thương (208456) - Nhóm 03 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Vũ Thanh Liêm (300)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	12123154	PHAN TRẦN THẢO	NGUYÊN	26/07/94	DH12KE															
37	11122089	LÊ THỊ THANH	NHÀN	15/07/93	DH11QT															
38	12122190	LUẬN THÀNH	NHÂN	30/05/94	DH12QT															
39	12122306	NGUYỄN THỊ THÚY	NHY	01/07/94	DH12QT															
40	12122201	TRƯƠNG THỊ KIỀU	NI	25/04/94	DH12QT															
41	12155052	NGUYỄN THỊ	NỮ	15/08/94	DH12KN															
42	12122203	HỒ NHÌN	PHÓN	19/04/93	DH12QT															
43	12123165	HOÀNG THỊ BÍCH	PHƯƠNG	17/12/94	DH12KE															
44	11122098	PHAN THỊ	PHƯƠNG	12/06/93	DH11QT															
45	11122099	TRẦN THỊ HÀ	PHƯƠNG	25/03/93	DH11QT															
46	11122111	PHẠM QUỐC	THÁI	05/04/93	DH11QT															
47	11122112	TRẦN QUỐC	THÁI	12/10/93	DH11QT															
48	12123046	ĐỒNG THỊ THU	THẢO	20/07/93	DH12KE															
49	12122225	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	03/01/94	DH12TM															
50	11122035	NGUYỄN KHÂM	THIÊN	06/03/93	DH11QT															
51	11155014	HÀ NGỌC	THỊNH	21/05/92	DH11KN															
52	12155098	ĐẶNG THỊ PHƯƠNG	THOẠI	13/06/94	DH12KN															
53	12122311	ĐỖ THỊ CẨM	THƠ	05/05/94	DH12TM															
54	11123048	LÊ THỊ THƯƠNG	THƯƠNG	06/08/93	DH11KE															
55	12122289	HUỲNH THỊ HỒNG	TIẾN	17/04/94	DH12QT															
56	12363300	TĂNG THỊ THU	TỈNH	10/03/94	CD12CA															
57	12122290	HỒ HỮU	TOÀN	28/02/94	DH12TM															
58	11122117	LÊ THÙY	TRANG	24/08/93	DH11QT															
59	12122313	PHAN THỊ THUỲ	TRANG	27/08/94	DH12TC															
60	11363170	NGUYỄN THỊ DIỄM	TRINH	12/10/93	CD11CA															
61	12363203	TRẦN THỊ PHƯỢNG	TUYẾN	03/02/94	CD12CA															
62	12123195	LÊ THỊ	TUYẾT	28/07/94	DH12KE															
63	12122263	NGUYỄN THỊ KIM	VÀNG	03/11/94	DH12TC															
64	12122273	NGUYỄN THỊ HOÀI	XUÂN	05/03/94	DH12TM															
65	11122129	NGUYỄN HÀM	YÊN	06/08/92	DH11QT															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Nghiệp vụ ngoại thương (208456) - Nhóm 04 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Vũ Thanh Liêm (300)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	12122293	ĐÀO PHƯƠNG	ANH	28/07/94	DH12QT															
2	12123006	HÀ NGỌC	ÁNH	19/11/94	DH12KE															
3	12155035	CHUNG THỊ THẢO	CHI	05/09/94	DH12KN															
4	12122294	ĐÀO BÍCH	CHI	09/04/94	DH12TM															
5	12123084	NGUYỄN THỊ KIM	CÚC	02/10/94	DH12KE															
6	12123107	HUỲNH NGỌC	DIỄM	94/ /	DH12KE															
7	11123172	HUỲNH THỊ	DIỄM	20/08/93	DH11KE															
8	12122110	LÊ HOÀNG TRIỆU	DIỄM	10/11/94	DH12TM															
9	12155129	HỒ THỊ CẨM	DUNG	08/02/94	DH12KN															
10	12363260	NGUYỄN MINH	DUNG	07/12/94	CD12CA															
11	12363314	TRẦN KIM	DŨNG	06/01/94	CD12CA															
12	12122123	NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	20/10/94	DH12TM															
13	12122129	TRẦN THỊ	HÀ	09/01/94	DH12TM															
14	10122046	BÙI THỊ MỸ	HẠNH	06/07/92	DH10QT															
15	12122142	HỒNG THANH	HÒA	31/12/94	DH12TC															
16	12122141	NGUYỄN THỊ	HOÀ	18/08/94	DH12TM															
17	12155086	NGUYỄN THỊ	HOÀI	24/05/94	DH12KN															
18	11123013	TRỊNH THỊ	HỒNG	02/07/93	DH11KE															
19	12363272	TRẦN THỊ	HUỆ	13/04/94	CD12CA															
20	12122085	NGUYỄN QUANG	HUY	19/05/94	DH12TC															
21	10122071	NGUYỄN THỊNH	HƯNG	16/04/92	DH10QT															
22	11123016	VŨ THỊ THU	HƯƠNG	01/04/92	DH11KE															
23	12122152	ĐOÀN THỊ THANH	HƯỜNG	26/10/94	DH12TM															
24	12123223	TRẦN CHÍ	KHANG	27/10/92	DH12KE															
25	10155054	VÕ NGUYÊN	KHANG	30/09/91	DH10KN															
26	12122301	NGUYỄN HƯNG	KHƯƠNG	23/08/94	DH12QT															
27	12122156	NGUYỄN THỊ THU	KIỀU	16/06/94	DH12QT															
28	12363174	BÙI NGUYỄN THIÊN	KIM	06/10/94	CD12CA															
29	12155076	NGUYỄN THỊ THÚY	LIỄU	01/01/94	DH12KN															
30	12363218	THÁI THỊ THÙY	LINH	22/12/94	CD12CA															
31	12122167	TỐNG ÁI	LINH	05/04/94	DH12TC															
32	12122168	NGUYỄN THỊ THANH	LOAN	14/04/93	DH12TM															
33	11123123	TRẦN THỊ MỸ	LOAN	16/09/93	DH11KE															
34	11150049	ĐẬU HOÀNG LY	LY	02/06/93	DH11TM															
35	12363236	TIÊU THỊ THANH	LY	29/01/94	CD12CA															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Nghiệp vụ ngoại thương (208456) - Nhóm 04 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Vũ Thanh Liêm (300)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	12363015	BÙI THỊ	LÝ	05/05/92	CD12CA															
37	12122033	DƯƠNG THỊ PHƯỢNG	MAI	13/07/94	DH12QT															
38	12155151	NGUYỄN THỊ	MỘNG	26/02/94	DH12KN															
39	12363068	TRẦN THỊ THÚY	MY	19/10/92	CD12CA															
40	12122181	LÊ THỊ TUYẾT	NGÂN	17/05/94	DH12TM															
41	12122182	NGUYỄN VĂN	NGHĨA	20/01/94	DH12QT															
42	12363319	ĐÀM THỊ ÁNH	NGỌC	30/10/94	CD12CA															
43	12122304	HỒ THỊ TUYẾT	NGUYỆT	20/02/94	DH12TM															
44	12122188	NGUYỄN THỊ	NGUYỆT	04/10/94	DH12TM															
45	12122189	MAI THỊ KIM	NHÃ	26/12/94	DH12QT															
46	12123155	TRẦN THANH	NHÀN	27/04/94	DH12KE															
47	12122192	VÕ CÔNG	NHÂN	23/04/94	DH12QT															
48	12123158	HỒ THANH	NHẬT	13/07/94	DH12KE															
49	11123176	LƯƠNG THỊ Ý	NHI	08/12/93	DH11KE															
50	12122193	NGUYỄN THỊ MAI	NHI	26/02/93	DH12QT															
51	12363070	NGUYỄN THỊ	NHUNG	04/08/94	CD12CA															
52	12122039	LÊ THỊ ÁI	NHƯ	10/11/94	DH12TC															
53	12122200	VÕ THỊ NGỌC	NHƯ	15/04/93	DH12QT															
54	12363241	TRỊNH THỊ THÚY	OANH	18/04/94	CD12CA															
55	12122040	NGUYỄN TẤN	PHÚ	18/07/94	DH12QT															
56	12122205	ĐẶNG HOÀNG	PHÚC	18/09/94	DH12QT															
57	11150063	BÙI LÊ BÍCH	PHƯỢNG	05/10/93	DH11TM															
58	12155072	NGUYỄN THỊ	PHƯỢNG	05/01/94	DH12KN															
59	12122307	NGUYỄN NHƯ	QUỲNH	23/06/94	DH12TC															
60	12122308	NGUYỄN THỊ THU	SƯƠNG	10/10/94	DH12TM															
61	11164029	TRẦN HOÀNG	THANH	09/10/93	DH11TC															
62	12122222	HỒ THỊ PHƯƠNG	THẢO	14/10/94	DH12QT															
63	12123241	HUỲNH THỊ BÍCH	THI	17/02/94	DH12KE															
64	11123149	NGUYỄN THỊ	THIỆU	05/02/93	DH11KE															
65	12122058	BÙI THỊ TRIỀU	TIÊN	07/08/93	DH12TC															
66	12122240	TRẦN PHẠM THỦY	TIÊN	03/06/94	DH12TC															
67	12122246	LÊ NGỌC PHƯƠNG	TRANG	10/06/94	DH12QT															
68	12122248	NGUYỄN THÙY	TRANG	13/02/94	DH12TM															
69	11123163	TRẦN THỊ HUYỀN	TRANG	02/09/93	DH11KE															
70	12122251	LÊ HUỲNH NGỌC	TRÂM	22/05/94	DH12TM															
71	11164044	NGÔ THỊ HUYỀN	TRÂM	15/08/93	DH11TC															
72	12122253	TRẦN THỊ BÍCH	TRÂM	27/12/94	DH12TC															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Nghiệp vụ ngoại thương (208456) - Nhóm 04 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Vũ Thanh Liêm (300)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	11123051	NGUYỄN THỊ BÍCH	TRÂN	25/10/93	DH11KE															
74	12122291	TRẦN BẢO	TRÂN	02/09/94	DH12TC															
75	12123245	NGUYỄN THỊ	TRINH	10/08/94	DH12KE															
76	11150078	NGUYỄN BẢO	TRUNG	08/05/93	DH11TM															
77	12122068	NGUYỄN MINH	TUẤN	22/04/94	DH12QT															
78	11164038	NGUYỄN THỊ HỒNG	TUYẾT	02/06/93	DH11TC															
79	11123167	NGUYỄN THỊ BÍCH	VÂN	01/06/93	DH11KE															
80	12122277	PHẠM VĂN	YÊN	08/02/94	DH12QT															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Động thái khách hàng (208461) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Vũ Thanh Liêm (300)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	11150028	TRẦN NGỌC LAN	ANH	25/11/93	DH11TM															
2	11122055	VÕ THỊ NGỌC	ANH	06/12/93	DH11QT															
3	10122015	TRẦN HUỲNH	BÁCH	13/02/92	DH10QT															
4	11150032	TRƯƠNG GIA	BẢO	22/08/93	DH11TM															
5	10122018	NGUYỄN CHÍ	BỀN	26/07/92	DH10QT															
6	11122057	TRỊNH ĐỨC	CHÂU	01/03/93	DH11QT															
7	11122058	NGUYỄN VŨ DIỄM	CHI	25/01/92	DH11QT															
8	11122059	NGÔ THỊ	CHUYÊN	25/09/93	DH11QT															
9	11122003	LÊ TIẾN	DÂNG	20/12/90	DH11QT															
10	11122060	PHAN THỊ	DUNG	25/02/93	DH11QT															
11	10122029	HUỲNH KHƯƠNG	DUY	30/01/92	DH10QT															
12	11150033	TRẦN THỊ THÚY	DUY	19/08/93	DH11TM															
13	11122064	PHẠM THỊ MỸ	DUYÊN	22/11/93	DH11QT															
14	12122010	LÊ NGỌC	DƯ	20/11/94	DH12QT															
15	11122065	HÀ THỊ HỒNG	ĐÀO	19/07/93	DH11QT															
16	10122039	ĐỖ HOÀNG	ĐẠT	18/12/92	DH10QT															
17	11122005	LÊ VĂN	ĐỨC	28/09/91	DH11QT															
18	12122126	BÙI THỊ THU	HÀ	10/10/94	DH12TM															
19	11155018	ĐOÀN THANH	HẢI	16/04/93	DH11KN															
20	10122046	BÙI THỊ MỸ	HẠNH	06/07/92	DH10QT															
21	10122054	TRẦN THỊ NGỌC	HẬU	24/07/91	DH10QT															
22	11122041	TRÀ THỊ MỸ	HIỀN	20/04/93	DH11QT															
23	11122137	ĐẶNG THỊ	HÒA	02/04/93	DH11QT															
24	10122063	ĐỖ PHƯỚC	HÒA	03/04/92	DH10QT															
25	11122072	NGUYỄN THỊ	HOÀI	24/04/93	DH11QT															
26	11122009	LÊ THỊ KIM	HUỆ	10/07/93	DH11QT															
27	10150022	NGUYỄN QUỐC	HUY	12/02/92	DH10TM															
28	11122075	TRẦN ĐỨC	HUY	12/04/93	DH11QT															
29	11122011	ĐÀO ĐẶNG THANH	HUYỀN	15/01/93	DH11QT															
30	11150043	NGUYỄN NGỌC THANH	HUYỀN	05/08/93	DH11TM															
31	11122012	BÙI THỊ MỸ	HƯƠNG	07/07/93	DH11QT															
32	10155030	LƯƠNG THỊ	HƯƠNG	01/01/91	DH10KN															
33	11122078	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	02/05/93	DH11QT															
34	11122014	PHẠM THỊ MỸ	HƯƠNG	30/07/93	DH11QT															
35	11122015	NGUYỄN TRỊNH XUÂN	KHOA	23/03/93	DH11QT															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Động thái khách hàng (208461) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Vũ Thanh Liêm (300)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	11122018	TRẦN ĐỨC	LÃM	10/09/93	DH11QT															
37	11122017	NGÔ HƯƠNG	LAN	07/06/93	DH11QT															
38	11122020	NGUYỄN THỊ	LÊ	02/10/93	DH11QT															
39	11150046	PHẠM THỊ KIM	LIÊN	04/08/93	DH11TM															
40	11150049	ĐẬU HOÀNG LY	LY	02/06/93	DH11TM															
41	11150091	LƯƠNG THỊ BÍCH	LY	15/07/93	DH11TM															
42	12155151	NGUYỄN THỊ	MỘNG	26/02/94	DH12KN															
43	12155018	NGUYỄN THỊ HẰNG	NGA	05/04/92	DH12KN															
44	11122086	NGUYỄN THỊ NGỌC	NGÂN	09/09/93	DH11QT															
45	11150052	NGUYỄN PHẠM HỒNG	NGỌC	03/08/93	DH11TM															
46	10122104	NGUYỄN THỊ BẢO	NGỌC	21/04/92	DH10QT															
47	11122138	TĂNG THỊ	NGUYÊN	18/12/93	DH11QT															
48	10150054	NGUYỄN THỊ	NHÀNH	19/10/92	DH10TM															
49	11150054	ĐỖ QUANG	NHẬT	17/03/92	DH11TM															
50	12155154	NGUYỄN KIM	NHUNG	19/05/94	DH12KN															
51	11155054	NGUYỄN THỊ KIỀU	OANH	12/05/93	DH11KN															
52	10122118	NGUYỄN SƯ	PHONG	30/01/92	DH10QT															
53	11150063	BÙI LÊ BÍCH	PHƯỢNG	05/10/93	DH11TM															
54	11122102	NGUYỄN THỊ NGỌC	QUYÊN	18/11/93	DH11QT															
55	11122051	NGUYỄN THỊ TRÚC	QUỲNH	26/07/93	DH11QT															
56	11155052	VŨ THỊ HẠNH	TÂM	24/11/93	DH11KN															
57	11122034	NGUYỄN VĂN	THÁI	13/01/93	DH11QT															
58	11122106	NGUYỄN THỊ	THANH	10/04/93	DH11QT															
59	11122107	TỐNG NGỌC HỒNG	THANH	18/04/93	DH11QT															
60	11122043	TRẦN THỊ	THANH	20/07/93	DH11QT															
61	11155023	NGUYỄN THÁI	THÀNH	20/04/93	DH11KN															
62	11122109	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	THẢO	31/08/93	DH11QT															
63	11150066	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	05/11/93	DH11TM															
64	11150008	HUỲNH THỊ HỒNG	THẮM	18/12/93	DH11TM															
65	11150067	NGUYỄN BẢO	THI	09/11/93	DH11TM															
66	11122035	NGUYỄN KHÂM	THIÊN	06/03/93	DH11QT															
67	11150010	PHẠM THỊ KIM	THOA	15/09/93	DH11TM															
68	11122141	NGUYỄN THỊ	THU	24/02/93	DH11QT															
69	10122161	ĐẶNG THỊ THANH	THÚY	16/05/92	DH10QT															
70	11122037	TRẦN VĂN	TÍ	10/09/92	DH11QT															
71	11122117	LÊ THÙY	TRANG	24/08/93	DH11QT															
72	11150074	TRẦN NGỌC MAI	TRANG	21/11/92	DH11TM															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Động thái khách hàng (208461) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Vũ Thanh Liêm (300)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	11122120	ĐẶNG TRẦN THÙY	TRÂM	06/07/93	DH11QT															
74	11155039	TRIỆU THỊ NGỌC	TRÂM	18/08/93	DH11KN															
75	11150076	TRẦN THỊ BẢO	TRÂN	15/04/93	DH11TM															
76	11150078	NGUYỄN BẢO	TRUNG	08/05/93	DH11TM															
77	10122198	PHAN THỊ TUYẾT	VÂN	06/01/92	DH10QT															
78	11150016	NGUYỄN THỊ	VĨ	03/04/93	DH11TM															
79	11122039	LA HOÀNG	VŨ	24/03/93	DH11QT															
80	11122145	TRẦN THỊ TOÀN	VY	15/09/93	DH11QT															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Kinh doanh kho vận (208467) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Hoàng Thế Vinh (021)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	11173006	HUỲNH PHƯƠNG	ANH	31/12/93	DH11TM															
2	11150028	TRẦN NGỌC LAN	ANH	25/11/93	DH11TM															
3	11150029	TRẦN PHƯƠNG	ANH	14/12/93	DH11TM															
4	11150099	TRƯƠNG ĐOÀN TÚ	ANH	22/11/93	DH11TM															
5	11150032	TRƯƠNG GIA	BẢO	22/08/93	DH11TM															
6	11150017	NGUYỄN THỊ DIỄM	CHI	10/07/93	DH11TM															
7	10150004	HUỲNH ĐỨC	CƯỜNG	17/07/92	DH10TM															
8	11150019	PHAN THỊ	DIỆU	28/04/93	DH11TM															
9	11150020	TRẦN NGỌC TRUNG	DU	10/01/93	DH11TM															
10	11150034	NGUYỄN VĂN	DŨNG	25/10/92	DH11TM															
11	11150033	TRẦN THỊ THÚY	DUY	19/08/93	DH11TM															
12	11150036	BÙI THỊ	ĐẬM	15/08/93	DH11TM															
13	11150001	DƯƠNG XUÂN	ĐIỀU	10/03/92	DH11TM															
14	11150037	LÊ THỊ THU	HÀ	17/09/93	DH11TM															
15	12122129	TRẦN THỊ	HÀ	09/01/94	DH12TM															
16	11150039	NGUYỄN THỊ	HẰNG	03/03/93	DH11TM															
17	11150085	VÕ THỊ	HIỀN	19/02/93	DH11TM															
18	11150042	HUỲNH MINH	HIẾU	21/12/93	DH11TM															
19	12122138	NGUYỄN VĂN	HIẾU	06/01/93	DH12TM															
20	11150043	NGUYỄN NGỌC THANH	HUYỀN	05/08/93	DH11TM															
21	10150023	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	29/12/92	DH10TM															
22	11150045	NGUYỄN THỊ NGỌC	LAN	30/08/93	DH11TM															
23	11150046	PHẠM THỊ KIM	LIÊN	04/08/93	DH11TM															
24	11150090	HUỲNH NGỌC	LIẾNG	06/09/93	DH11TM															
25	11150047	NGÔ NGỌC KHÁNH	LINH	24/12/93	DH11TM															
26	11150048	BÙI TUẤN	LỘC	02/09/93	DH11TM															
27	11150049	ĐẬU HOÀNG LY	LY	02/06/93	DH11TM															
28	11150091	LƯƠNG THỊ BÍCH	LY	15/07/93	DH11TM															
29	10150045	NGUYỄN THỊ THANH	NGA	03/02/91	DH10TM															
30	11150051	NGUYỄN KHÁNH	NGÂN	02/02/93	DH11TM															
31	11150052	NGUYỄN PHẠM HỒNG	NGỌC	03/08/93	DH11TM															
32	11150053	ĐÀM THỊ THẢO	NGUYÊN	03/06/93	DH11TM															
33	11150094	PHẠM THÁI	NGUYÊN	13/01/93	DH11TM															
34	11150007	ĐỖ TRỌNG	NHÂN	12/10/93	DH11TM															
35	11150054	ĐỖ QUANG	NHẬT	17/03/92	DH11TM															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kinh doanh kho vận (208467) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Hoàng Thế Vinh (021)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	10150056	TRẦN TUẤN	NHI	22/11/92	DH10TM															
37	11150056	LÊ THỊ TUYẾT	NHUNG	13/05/92	DH11TM															
38	11150087	TÔ YẾN	OANH	19/05/93	DH11TM															
39	12122042	TRẦN QUANG	PHÚC	17/10/87	DH12TM															
40	11150059	TRẦN THỊ KIM	PHỤNG	15/09/93	DH11TM															
41	11150096	HUỲNH THỊ BÍCH	PHƯƠNG	28/06/93	DH11TM															
42	11150063	BÙI LÊ BÍCH	PHƯỢNG	05/10/93	DH11TM															
43	11150065	ĐINH THANH	SƠN	24/02/92	DH11TM															
44	10150076	HUỲNH THANH	THẢO	27/02/92	DH10TM															
45	11150097	HUỲNH THỊ PHƯƠNG	THẢO	05/03/93	DH11TM															
46	11150066	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	05/11/93	DH11TM															
47	11150008	HUỲNH THỊ HỒNG	THẮM	18/12/93	DH11TM															
48	10150078	NGUYỄN CAO	THIÊN	02/10/92	DH10TM															
49	11150068	TRẦN ĐỨC	THỌ	12/10/93	DH11TM															
50	11150022	DƯƠNG THỊ	THOA	28/10/93	DH11TM															
51	11150010	PHẠM THỊ KIM	THOA	15/09/93	DH11TM															
52	12122311	ĐỖ THỊ CẨM	THƠ	05/05/94	DH12TM															
53	11150011	HOÀNG KIM	THU	05/06/93	DH11TM															
54	10150082	HOÀNG THỊ	THỦY	03/09/92	DH10TM															
55	11150069	ĐÀO THỊ PHƯƠNG	THÚY	27/08/93	DH11TM															
56	11150070	LÊ NGỌC ANH	THƯ	22/08/93	DH11TM															
57	11150072	ĐẶNG THỊ CẨM	TIÊN	17/03/93	DH11TM															
58	11150073	PHẠM GIANG THỦY	TIÊN	01/10/93	DH11TM															
59	12122248	NGUYỄN THÙY	TRANG	13/02/94	DH12TM															
60	11150074	TRẦN NGỌC MAI	TRANG	21/11/92	DH11TM															
61	09150104	HUỲNH NGỌC THÙY	TRÂM	07/05/91	DH09TM															
62	07150179	BÙI NGỌC BẢO	TRÂN	15/01/88	DH08TM															
63	11150088	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRÂN	15/01/92	DH11TM															
64	11150076	TRẦN THỊ BẢO	TRÂN	15/04/93	DH11TM															
65	11150014	LÃ BÍCH	TRI	03/04/93	DH11TM															
66	10150089	NGUYỄN THỊ THÙY	TRINH	12/11/92	DH10TM															
67	11150077	DƯƠNG VĂN	TRỌNG	28/02/93	DH11TM															
68	11150079	ĐẶNG THANH	TRÚC	01/01/93	DH11TM															
69	11150025	NGÔ CHÍ	TRUNG	19/05/93	DH11TM															
70	11150078	NGUYỄN BẢO	TRUNG	08/05/93	DH11TM															
71	11150080	NGUYỄN ANH	TUẤN	10/05/93	DH11TM															
72	10150093	PHẠM MỸ	TUYÊN	14/11/92	DH10TM															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kinh doanh kho vận (208467) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Hoàng Thế Vinh (021)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	09150111	HUỲNH TRUNG	TUYỂN	20/03/91	DH09TM															
74	11150082	HUỲNH THỊ BÍCH	VÂN	06/08/93	DH11TM															
75	11150016	NGUYỄN THỊ	VĨ	03/04/93	DH11TM															
76	11150098	TRẦN THỤY NHƯ	Ý	07/11/93	DH11TM															
77	10150104	BÙI THỊ HOÀNG	YẾN	26/05/92	DH10TM															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Phương pháp nghiên cứu KH (208468) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Tiêu Nguyên Thảo (813)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	10123002	ĐẶNG THỊ TUYẾT	AN	26/03/92	DH10KE															
2	12123098	NGUYỄN THỊ THÚY	AN	04/01/94	DH12KE															
3	11123255	VILAYSON	BOULETH	05/07/89	DH11KE															
4	12123069	ĐẬU ĐỨC	CHÂU	27/08/94	DH12KE															
5	12123102	VÕ THỊ MỸ	CHÂU	18/06/94	DH12KE															
6	12123230	PHẠM THỊ NGỌC	CHÍNH	08/06/94	DH12KE															
7	10123021	LÙ THỊ	DIỄM	29/10/92	DH10KE															
8	11123006	NGUYỄN BÌNH	DƯƠNG	18/07/93	DH11KE															
9	12111264	ĐẶNG VĂN	ĐẠI	25/03/94	DH12TA															
10	12123017	NGUYỄN KINH	ĐÔ	27/03/94	DH12KE															
11	10123037	VŨ THỊ	GIANG	03/05/92	DH10KE															
12	12123116	NGUYỄN HUỲNH TRÚC	HÀ	30/09/94	DH12KE															
13	10123042	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	14/04/91	DH10KE															
14	10123043	TẠ THỊ	HÀ	24/02/91	DH10KE															
15	12123020	TẠ THỊ	HÀ	04/08/94	DH12KE															
16	11123096	NGÔ THỊ	HẢI	10/06/93	DH11KE															
17	11123008	LÊ THỊ ĐÔNG	HÀN	02/11/93	DH11KE															
18	10123049	ĐỖ THỊ	HẠNH	22/02/92	DH10KE															
19	12123232	ĐỖ THỊ THÚY	HẰNG	19/09/94	DH12KE															
20	12123071	LÊ THỊ NGỌC	HÂN	01/01/94	DH12KE															
21	10123059	TRẦN THỊ NGỌC	HÂN	25/01/92	DH10KE															
22	12123088	HỒ THỊ	HIẾU	01/10/94	DH12KE															
23	10123063	NGUYỄN THỊ NGỌC	HIẾU	19/04/92	DH10KE															
24	12123247	NGUYỄN THỊ	HOA	13/07/94	DH12KE															
25	12123023	NGUYỄN THỊ KHÁNH	HÒA	05/07/94	DH12KE															
26	10123069	PHẠM THỊ HIỀN	HÒA	26/01/92	DH10KE															
27	12123024	TRỊNH ĐỨC	HUY	28/01/94	DH12KE															
28	12333141	TRẦN VĂN	HƯNG	16/02/94	CD12CQ															
29	10123079	PHẠM THỊ	HƯỜNG	22/10/92	DH10KE															
30	12123130	NGUYỄN THỊ VÂN	KHANH	14/11/94	DH12KE															
31	11123115	LÊ THỊ HỒNG	KHÁNH	26/03/93	DH11KE															
32	10123081	LÊ THỊ LONG	KHÁNH	08/09/92	DH10KE															
33	12123136	HUỲNH THỊ KHÁNH	LINH	24/01/94	DH12KE															
34	12130900	LÊ THỊ	LINH	/ /	DH12KE															
35	12123138	NGUYỄN TẤN THANH	LỈNH	07/06/94	DH12KE															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Phương pháp nghiên cứu KH (208468) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Tiêu Nguyên Thảo (813)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	12123032	MAI NGỌC	LONG	15/12/93	DH12KE															
37	12123090	ĐINH THỊ	LỘC	26/06/94	DH12KE															
38	11123124	NGUYỄN THỊ	LƯƠNG	07/08/92	DH11KE															
39	12123141	LÊ TRẦN THIÊN	LÝ	24/11/94	DH12KE															
40	12123143	TRẦN THỊ TUYẾT	MAI	26/03/94	DH12KE															
41	10123107	VÕ THỊ TUYẾT	MAI	07/02/91	DH10KE															
42	12123144	NGUYỄN THỊ	MẾN	30/08/94	DH12KE															
43	12123145	HUỲNH THỊ ÁNH	MINH	18/09/94	DH12KE															
44	12123148	NGUYỄN HUỲNH BẠCH	NGA	10/09/94	DH12KE															
45	12123150	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	30/08/94	DH12KE															
46	10123127	TRẦN THỊ	NGỌC	25/06/91	DH10KE															
47	12123163	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	08/01/94	DH12KE															
48	11123140	NGUYỄN THỊ MAI	PHƯƠNG	20/07/93	DH11KE															
49	12123043	DOÃN ĐÌNH	QUANG	08/03/94	DH12KE															
50	10123159	CHÂU THỊ	QUỲNH	20/02/91	DH10KE															
51	12123281	ĐÀNG PHÚ NỮ	SAMAN	20/03/93	DH12KE															
52	11123043	NGUYỄN THỊ	SOA	28/09/93	DH11KE															
53	12123168	LỮ HOÀNG MINH	TÂN	22/12/94	DH12KE															
54	12123171	PHẠM THỊ PHƯƠNG	THẢO	12/12/93	DH12KE															
55	12123239	NGUYỄN THỊ KIM	THẮM	29/07/93	DH12KE															
56	11123148	MAI THỊ TÚ	THI	28/12/93	DH11KE															
57	10123175	NGUYỄN THỊ	THÍA	26/11/92	DH10KE															
58	12123178	NGÔ THANH	THÚY	06/10/94	DH12KE															
59	10123187	NGUYỄN YẾN	THƯ	05/11/92	DH10KE															
60	12123079	PHAN THỊ THANH	THƯƠNG	26/11/94	DH12KE															
61	12123185	PHAN THỦY	TIÊN	01/01/94	DH12KE															
62	10123190	BÙI NGỌC	TIỀN	28/02/92	DH10KE															
63	12123095	TRẦN THỊ NGHỆ	TÔNG	05/07/94	DH12KE															
64	12123189	BÙI THỊ	TRANG	26/08/94	DH12KE															
65	12123244	ĐẶNG LƯU PHƯƠNG	TRANG	20/06/94	DH12KE															
66	11123050	LÊ THỊ QUỲNH	TRANG	29/08/92	DH11KE															
67	11123162	TRẦN THỊ HUYỀN	TRANG	24/01/93	DH11KE															
68	12123080	VŨ THỊ	TRANG	17/01/94	DH12KE															
69	10123198	BÙI THỊ BÍCH	TRÂM	24/07/92	DH10KE															
70	12123058	NGUYỄN THỊ LƯU	TRÂM	15/01/94	DH12KE															
71	11123186	PHAN THỊ MỸ	TRINH	16/08/93	DH11KE															
72	10123217	PHAN HOÀNG	TÚ	31/05/92	DH10KE															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Phương pháp nghiên cứu KH (208468) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Tiêu Nguyên Thảo (813)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	12123061	LÊ THỊ THANH	TUYỀN	07/11/94	DH12KE															
74	12123195	LÊ THỊ	TUYẾT	28/07/94	DH12KE															
75	12123062	NGUYỄN THỊ MỸ	TUYẾT	20/10/94	DH12KE															
76	12123196	PHAN THỊ ÁNH	TUYẾT	01/02/94	DH12KE															
77	12123209	NGUYỄN THỊ THÚY	VY	02/01/94	DH12KE															
78	12123065	TRƯƠNG KIM	XUÂN	26/12/93	DH12KE															
79	12123229	NGUYỄN THỊ HẢI	YẾN	20/10/93	DH12KE															
80	12123096	PHAN THỊ NGỌC	YẾN	10/06/94	DH12KE															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Phương pháp nghiên cứu KH (208468) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Tiêu Nguyên Thảo (813)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	11123088	UNG THỤY NGỌC	ANH	17/02/93	DH11KE															
2	11123003	NGUYỄN THIÊN	ÂN	14/09/93	DH11KE															
3	12123068	VŨ THỊ NGỌC	BÍCH	16/10/94	DH12KE															
4	12123221	NGUYỄN THỊ MỘNG	CẦM	25/07/94	DH12KE															
5	12123100	NGUYỄN HUỲNH NGỌC	CẨM	28/08/94	DH12KE															
6	12123101	NGUYỄN THỊ NGỌC	CẨM	10/10/93	DH12KE															
7	12123106	NGUYỄN THỊ	DẬU	20/01/94	DH12KE															
8	11123169	NGUYỄN HẠNH	DUNG	26/07/93	DH11KE															
9	11123210	PHẠM THỊ THÙY	DUNG	01/04/93	DH11KE															
10	11123065	TRỊNH HUỲNH MỸ	HẠNH	04/09/93	DH11KE															
11	12123120	NGUYỄN PHÚC	HẬU	28/08/94	DH12KE															
12	11123105	VŨ THỊ	HẬU	10/09/92	DH11KE															
13	10123060	CHÂU THỊ THANH	HIỀN	12/06/92	DH10KE															
14	10123065	TRẦN THỊ	HÒA	26/08/92	DH10KE															
15	10123066	VŨ THỊ	HOÀI	20/05/91	DH10KE															
16	12123125	LÊ MINH	HOÀNG	07/06/94	DH12KE															
17	11123012	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	HỒNG	10/03/93	DH11KE															
18	12123128	THÔNG THỊ NGỌC	HUYỀN	01/09/94	DH12KE															
19	12123028	NGUYỄN HUỲNH	KHUYÊN	20/12/94	DH12KE															
20	12123029	PHẠM THỊ HOÀNG	KIM	03/09/94	DH12KE															
21	11123117	NGUYỄN THANH	LAN	15/04/93	DH11KE															
22	12123137	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	LINH	10/11/94	DH12KE															
23	11123021	TÔ KHÁNH	LINH	16/08/93	DH11KE															
24	12123139	NGÔ THỊ PHƯỢNG	LOAN	15/04/94	DH12KE															
25	12123140	TRẦN THỊ	LY	06/11/92	DH12KE															
26	11123024	NGUYỄN THỊ	MAI	19/11/93	DH11KE															
27	11123025	PHAN THỊ	MAI	04/08/92	DH11KE															
28	11123028	ĐỒNG THỊ	NGA	05/01/93	DH11KE															
29	10123111	VÕ THỊ HỒNG	NGA	12/12/92	DH10KE															
30	11123128	NGUYỄN THỊ NGỌC	NGÂN	19/12/93	DH11KE															
31	12123154	PHAN TRẦN THẢO	NGUYÊN	26/07/94	DH12KE															
32	12123038	TẠ THỊ ÁNH	NGUYỆT	20/12/93	DH12KE															
33	11123133	NGUYỄN THỊ	NHẬT	02/09/93	DH11KE															
34	11123176	LƯƠNG THỊ Ý	NHI	08/12/93	DH11KE															
35	12123041	HUỲNH THỊ MỸ	NHUNG	08/05/93	DH12KE															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Phương pháp nghiên cứu KH (208468) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Tiêu Nguyên Thảo (813)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	11123077	PHẠM THỊ XUÂN	NỮ	10/10/93	DH11KE															
37	10123139	LÊ THỊ MỶ	NƯƠNG	31/08/92	DH10KE															
38	12123164	NGUYỄN THỊ NHƯ	PHÔI	15/04/94	DH12KE															
39	11123211	HOÀNG THỊ TUYẾT	PHƯƠNG	09/04/93	DH11KE															
40	11123139	NGUYỄN THỊ LỆ	PHƯƠNG	12/02/93	DH11KE															
41	12123237	NGUYỄN THỊ THANH	PHƯƠNG	19/03/94	DH12KE															
42	10123148	TRẦN DUY	PHƯƠNG	01/05/91	DH10KE															
43	11123040	NGÔ MINH	QUÂN	17/02/93	DH11KE															
44	10123161	LÂM THỊ	TÂM	28/10/92	DH10KE															
45	11123143	NGUYỄN PHÚ	TÂM	27/06/93	DH11KE															
46	12123046	ĐỒNG THỊ THU	THẢO	20/07/93	DH12KE															
47	11123146	LÊ THỊ PHƯƠNG	THẢO	29/06/93	DH11KE															
48	11123147	PHẠM THỊ THU	THẢO	10/02/92	DH11KE															
49	10123169	TRẦN THỊ THU	THẢO	12/01/92	DH10KE															
50	12123257	MAI	THI	16/08/92	DH12KE															
51	12123301	TRẦN THỊ KIM	THOA	/ /	DH12KE															
52	12123242	TRƯƠNG THỊ ANH	THƠ	12/12/94	DH12KE															
53	12123177	HUỲNH THƯƠNG LƯ	THỦY	28/03/94	DH12KE															
54	11123155	NGUYỄN THỊ KIM	THỦY	13/10/93	DH11KE															
55	12123250	ĐÀO THỊ	THUÝ	23/09/94	DH12KE															
56	11123048	LÊ THỊ THƯƠNG	THƯƠNG	06/08/93	DH11KE															
57	10123188	NGUYỄN THANH	THƯƠNG	18/01/92	DH10KE															
58	11123184	TRẦN THỊ THU	THƯỜNG	21/06/93	DH11KE															
59	12123054	HUỲNH THỊ MỸ	TIÊN	15/07/94	DH12KE															
60	11123158	BÙI MINH	TIẾN	17/07/93	DH11KE															
61	11123049	ĐẶNG XUÂN	TIẾN	11/09/93	DH11KE															
62	12123186	TRẦN HOÀNG	TIẾN	31/07/94	DH12KE															
63	12123187	VY THỊ	TIN	08/09/94	DH12KE															
64	11123079	LƯU THỊ	TÌNH	15/05/93	DH11KE															
65	12123057	NGUYỄN THỊ THANH	TRÀ	27/12/94	DH12KE															
66	12123190	ĐINH THÙY	TRANG	08/09/94	DH12KE															
67	12123056	LÊ THỊ CHÂU	TRANG	05/07/94	DH12KE															
68	12123299	LÊ NGỌC	TRÂM	26/07/94	DH12KE															
69	10123006	NGUYỄN THỊ BÍCH	TRÂM	02/01/92	DH10KE															
70	11123166	VŨ THỊ THANH	TRÂM	20/07/93	DH11KE															
71	09123184	LÊ SƠN	TRIỀU	08/03/91	DH09KE															
72	11123052	ĐẶNG THỊ HUYỀN	TRINH	/ /93	DH11KE															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Phương pháp nghiên cứu KH (208468) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Tiêu Nguyên Thảo (813)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	11123068	LÊ NGUYỄN DIỄM	TRINH	04/10/93	DH11KE															
74	12123059	NGUYỄN HOÀI HƯNG	TRINH	15/07/94	DH12KE															
75	10123213	HOÀNG THỊ KIM	TÚ	21/07/92	DH10KE															
76	11123084	TRẦN XUÂN	TÙNG	10/11/90	DH11KE															
77	11123061	LƯU HOÀN	VŨ	17/06/93	DH11KE															
78	11123069	NGUYỄN ÁNH	XUÂN	23/10/93	DH11KE															
79	11123062	VÕ THỊ TRƯỜNG	XUÂN	31/10/93	DH11KE															
80	12123211	ĐẶNG THỊ HỒNG	YẾN	07/04/94	DH12KE															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Quản trị kinh doanh NN (208470) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 3
CBGD TS. Thái Anh Hòa (273)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	11120058	NGUYỄN THỊ	ANH	26/07/93	DH11KT															
2	11150099	TRƯƠNG ĐOÀN TÚ	ANH	22/11/93	DH11TM															
3	11155028	NGUYỄN HẢI	BẰNG	07/08/92	DH11KN															
4	11120052	NGUYỄN THỊ ÁI	DIỄM	26/07/93	DH11KT															
5	11155041	VŨ THỊ THÙY	DUNG	10/03/93	DH11KN															
6	11120067	NGUYỄN ĐÌNH	DUY	10/10/93	DH11KT															
7	11155002	PHAN ANH	DUY	02/12/93	DH11KN															
8	11120003	HUỲNH THỊ MỸ	DUYÊN	24/01/93	DH11KT															
9	11155013	THÁI THỊ	HÀ	16/02/92	DH11KN															
10	11155018	ĐOÀN THANH	HẢI	16/04/93	DH11KN															
11	11120096	PHAN THỊ BÍCH	HẠNH	10/10/93	DH11KT															
12	11120030	NGUYỄN THỊ THANH	HẰNG	/ /93	DH11KT															
13	11120031	NGUYỄN THỊ THU	HIỀN	01/01/92	DH11KT															
14	11120062	NGUYỄN LƯU	HOÀNG	20/11/93	DH11KT															
15	11120084	NGUYỄN VIỆT	HÙNG	25/05/93	DH11KT															
16	11155042	HUỲNH NGỌC	HUYỀN	06/06/93	DH11KN															
17	11155022	TRẦN THỊ DIỄM	HƯƠNG	06/01/93	DH11KN															
18	11120032	LÊ ANH	KHOA	11/12/93	DH11KT															
19	11155051	NGUYỄN PHAN HOÀNG	KIM	16/01/93	DH11KN															
20	11120035	NGÔ THỊ	LAN	04/02/93	DH11KT															
21	12122161	ĐINH THÙY	LINH	09/11/94	DH12TM															
22	11120008	ĐINH VIỆT PHƯƠNG	LINH	24/04/93	DH11KT															
23	11120056	LƯƠNG THỊ	LINH	27/12/92	DH11KT															
24	11121018	PHẠM QUANG	LINH	02/03/93	DH11KT															
25	11155029	TRẦN NGỌC NHẬT	LINH	27/05/93	DH11KN															
26	11120009	PHẠM QUỲNH	LOAN	26/11/93	DH11KT															
27	11120036	NGUYỄN ĐÌNH	LONG	21/02/93	DH11KT															
28	12122175	TRẦN HUỲNH TRÀ	MI	11/08/94	DH12TM															
29	11150051	NGUYỄN KHÁNH	NGÂN	02/02/93	DH11TM															
30	11150052	NGUYỄN PHẠM HỒNG	NGỌC	03/08/93	DH11TM															
31	11120038	TRẦN THỊ MINH	NGỌC	04/09/93	DH11KT															
32	11120039	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	17/05/93	DH11KT															
33	11120121	HỒ PHẠM CẨM	NHUNG	05/10/93	DH11KT															
34	11155024	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	14/02/93	DH11KN															
35	11155054	NGUYỄN THỊ KIỀU	OANH	12/05/93	DH11KN															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Quản trị kinh doanh NN (208470) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 3
CBGD TS. Thái Anh Hòa (273)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	11155025	CHÂU THỊ KIM	PHỤNG	24/01/93	DH11KN															
37	10150062	NGUYỄN CAO	PHƯƠNG	02/10/92	DH10TM															
38	11120040	BÙI THỊ THANH	PHƯƠNG	04/05/93	DH11KT															
39	11120095	PHẠM HÀ	PHƯƠNG	05/10/93	DH11KT															
40	11121003	ĐOÀN THỊ KIM	PHƯỢNG	01/08/93	DH11KT															
41	11155010	LÊ THỊ PHƯƠNG	QUYÊN	17/11/93	DH11KN															
42	11120060	TRẦN DUY	SƠN	09/08/92	DH11KT															
43	11155047	NGUYỄN MINH	TÂM	10/09/93	DH11KN															
44	11120122	TRẦN THỊ THANH THA	TÂM	25/08/93	DH11KT															
45	11120015	LÊ CÔNG	THẠCH	01/05/93	DH11KT															
46	11155023	NGUYỄN THÁI	THÀNH	20/04/93	DH11KN															
47	11120086	PHAN THỊ THANH	THẢO	22/12/93	DH11KT															
48	11150008	HUỲNH THỊ HỒNG	THẮM	18/12/93	DH11TM															
49	11155045	PHAN THỊ	THẮM	21/08/93	DH11KN															
50	11120053	VÕ THỊ HỒNG	THẮM	12/05/93	DH11KT															
51	11120125	NGUYỄN THỊ	THÂN	04/03/92	DH11KT															
52	11150067	NGUYỄN BẢO	THI	09/11/93	DH11TM															
53	11150068	TRẦN ĐỨC	THỌ	12/10/93	DH11TM															
54	11155015	NGÔ PHAN VŨ GIA	THUẬN	12/01/93	DH11KN															
55	11155036	LÊ THỊ	THÚY	07/11/93	DH11KN															
56	11121017	TRẦN THANH	THÚY	29/01/93	DH11KT															
57	11120017	ĐỖ MINH	TIẾN	16/11/93	DH11KT															
58	11155016	VÕ THỊ LỢI	TIẾN	17/03/93	DH11KN															
59	11120107	NGUYỄN NGỌC	TÍN	16/02/93	DH11KT															
60	11120123	PHẠM THỊ BÍCH	TRÂM	17/07/93	DH11KT															
61	11120100	TÔ THỊ TUYẾT	TRINH	16/07/92	DH11KT															
62	11155027	DƯƠNG THỦY	TRÚC	05/07/92	DH11KN															
63	11155009	HUỲNH NHẬT	TRƯỜNG	12/09/92	DH11KN															
64	11120077	NGUYỄN XUÂN	VIỆT	12/02/93	DH11KT															
65	11155021	ĐINH THỊ	YẾN	06/10/92	DH11KN															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Quản trị chuỗi cung ứng (208472) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Trần Hoài Nam (478)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	10120001	KHỔNG THỊ LAN	ANH	23/12/92	DH10KT															
2	10155049	NGUYỄN THỊ VÂN	ANH	10/03/92	DH10KN															
3	11120026	LÊ THỊ NGỌC	BÍCH	23/08/93	DH11KT															
4	11120103	NGÔ THỊ THANH	CẨM	25/08/92	DH11KT															
5	11122002	HUỲNH THỊ LAN	CHI	18/06/93	DH11QT															
6	11122048	VÕ THỊ KIM	CHI	28/08/93	DH11QT															
7	11120052	NGUYỄN THỊ ÁI	DIỄM	26/07/93	DH11KT															
8	11122064	PHẠM THỊ MỸ	DUYÊN	22/11/93	DH11QT															
9	11122049	MAN MINH	ĐẢO	20/04/93	DH11QT															
10	11155003	BÙI TẤN	ĐẠT	21/06/93	DH11KN															
11	11150036	BÙI THỊ	ĐẬM	15/08/93	DH11TM															
12	10120014	NGUYỄN THỊ MỸ	HẠNH	24/08/92	DH10KT															
13	11120030	NGUYỄN THỊ THANH	HẰNG	/ /93	DH11KT															
14	11120004	NGUYỄN THỊ THU	HIỀN	25/11/93	DH11KT															
15	10155002	NGUYỄN ĐÌNH	HUY	12/02/92	DH10KN															
16	11120073	NGUYỄN THỊ NGỌC	HUYỀN	08/09/93	DH11KT															
17	11155022	TRẦN THỊ DIỄM	HƯƠNG	06/01/93	DH11KN															
18	11155051	NGUYỄN PHAN HOÀNG	KIM	16/01/93	DH11KN															
19	11122017	NGÔ HƯƠNG	LAN	07/06/93	DH11QT															
20	11120035	NGÔ THỊ	LAN	04/02/93	DH11KT															
21	10122080	CAO VĂN	LÂM	25/11/92	DH10QT															
22	11155029	TRẦN NGỌC NHẬT	LINH	27/05/93	DH11KN															
23	11122022	TRẦN THÙY	LINH	27/06/93	DH11QT															
24	11120088	TRẦN THỊ ÁNH	LOAN	29/09/93	DH11KT															
25	11120036	NGUYỄN ĐÌNH	LONG	21/02/93	DH11KT															
26	11120121	HỒ PHẠM CẨM	NHUNG	05/10/93	DH11KT															
27	11122094	NGUYỄN THỊ CẨM	NHUNG	02/09/93	DH11QT															
28	11155024	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	14/02/93	DH11KN															
29	11122095	NGUYỄN THỊ HUỲNH	NHƯ	19/05/93	DH11QT															
30	11155054	NGUYỄN THỊ KIỀU	OANH	12/05/93	DH11KN															
31	11150087	TÔ YẾN	OANH	19/05/93	DH11TM															
32	11120023	PHẠM THỊ THU	PHƯƠNG	14/08/93	DH11KT															
33	11121003	ĐOÀN THỊ KIM	PHƯỢNG	01/08/93	DH11KT															
34	11120117	PHAN THANH	SANG	15/09/93	DH11KT															
35	11120012	BÙI VĂN	TÀI	20/05/93	DH11KT															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Quản trị chuỗi cung ứng (208472) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Trần Hoài Nam (478)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	11122109	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	THẢO	31/08/93	DH11QT															
37	11150066	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	05/11/93	DH11TM															
38	11120086	PHAN THỊ THANH	THẢO	22/12/93	DH11KT															
39	11120125	NGUYỄN THỊ	THÂN	04/03/92	DH11KT															
40	09122130	BÙI THỊ MAI	THI	22/11/91	DH09QT															
41	11120045	HUỲNH THỊ	THOẠI	01/01/93	DH11KT															
42	11122114	ĐẶNG THỊ NGỌC	THỌI	27/12/92	DH11QT															
43	11120016	NGŨ NỮ YẾN	THU	06/06/91	DH11KT															
44	11122141	NGUYỄN THỊ	THU	24/02/93	DH11QT															
45	10120040	NGUYỄN THỊ NGỌC	THỦY	24/01/92	DH10KT															
46	11120094	NGÔ THỊ	THÚY	11/07/93	DH11KT															
47	11121017	TRẦN THANH	THÚY	29/01/93	DH11KT															
48	11121006	PHẠM THỊ	THƯ	18/01/92	DH11KT															
49	11121010	NGUYỄN THỊ THƯƠNG	THƯƠNG	09/06/92	DH11KT															
50	11155016	VÕ THỊ LỢI	TIẾN	17/03/93	DH11KN															
51	10122164	ĐÀO ĐỨC	TÍN	23/05/92	DH10QT															
52	11120107	NGUYỄN NGỌC	TÍN	16/02/93	DH11KT															
53	11150074	TRẦN NGỌC MAI	TRANG	21/11/92	DH11TM															
54	11150088	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRÂN	15/01/92	DH11TM															
55	11120113	NGUYỄN THỊ THANH	TRÚC	12/10/93	DH11KT															
56	08222174	TRẦN VĂN	TUẤN	15/09/89	TC08QTTD															
57	10122198	PHAN THỊ TUYẾT	VÂN	06/01/92	DH10QT															
58	11122126	ĐIỀU THỊ TƯỜNG	VI	16/10/93	DH11QT															
59	11120077	NGUYỄN XUÂN	VIỆT	12/02/93	DH11KT															
60	11120055	LÂM THỊ	VĨNH	/ /92	DH11KT															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Quản trị chuỗi cung ứng (208472) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Trần Hoài Nam (478)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	10150105	TRẦN NGỌC TUẤN	ANH	21/07/92	DH10TM															
2	11122055	VÕ THỊ NGỌC	ANH	06/12/93	DH11QT															
3	10122010	VÕ THỊ TUYẾT	ANH	12/05/92	DH10QT															
4	10122015	TRẦN HUỲNH	BÁCH	13/02/92	DH10QT															
5	10155014	NGUYỄN THỊ VIỆT	BÌNH	28/04/92	DH10KN															
6	11122057	TRỊNH ĐỨC	CHÂU	01/03/93	DH11QT															
7	10120005	VŨ KIM	CHI	13/04/92	DH10KT															
8	11122059	NGÔ THỊ	CHUYÊN	25/09/93	DH11QT															
9	11120027	NGUYỄN VĂN	DIỆN	10/01/93	DH11KT															
10	11120003	HUỲNH THỊ MỸ	DUYÊN	24/01/93	DH11KT															
11	11122134	HUỲNH THỊ	HẢO	15/02/93	DH11QT															
12	10122052	PHAN THỊ THÚY	HẰNG	18/06/92	DH10QT															
13	11122135	HÀ THỊ HỒNG	HÂN	19/01/93	DH11QT															
14	11120070	ĐẶNG NGỌC	HIỆP	02/09/93	DH11KT															
15	11122072	NGUYỄN THỊ	HOÀI	24/04/93	DH11QT															
16	11121002	NGUYỄN THÚY	HỒNG	29/03/93	DH11KT															
17	11120064	NGUYỄN VIỆT	HÙNG	20/05/93	DH11KT															
18	11120132	TRẦN VIỆT HÙNG	HUY	16/01/93	DH11KT															
19	11122011	ĐÀO ĐẶNG THANH	HUYỀN	15/01/93	DH11QT															
20	11120065	NGUYỄN THỊ	HƯNG	25/02/93	DH11KT															
21	10155030	LƯƠNG THỊ	HƯƠNG	01/01/91	DH10KN															
22	11122078	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	02/05/93	DH11QT															
23	10122073	NGUYỄN THỊ KIM	HƯƠNG	15/08/92	DH10QT															
24	09150041	TRẦN DUY	KHA	11/04/91	DH09TM															
25	10155054	VÕ NGUYÊN	KHANG	30/09/91	DH10KN															
26	11120034	ĐOÀN THỊ KỲ	KỲ	30/10/93	DH11KT															
27	11122020	NGUYỄN THỊ	LÊ	02/10/93	DH11QT															
28	11120008	ĐINH VIỆT PHƯƠNG	LINH	24/04/93	DH11KT															
29	11122081	PHẠM HÀ KIM	LINH	17/06/93	DH11QT															
30	11120133	THÁI THỊ	NA	12/07/91	DH11KT															
31	12122181	LÊ THỊ TUYẾT	NGÂN	17/05/94	DH12TM															
32	11122028	THÁI NHƯ	NGỌC	19/01/93	DH11QT															
33	11120102	NGUYỄN THỤY THẢO	NGUYÊN	05/08/93	DH11KT															
34	10122111	NGÔ THỊ XUÂN	NHI	22/01/92	DH10QT															
35	11122139	HUỲNH NGUYỄN QUỲNH	NHƯ	09/12/93	DH11QT															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Quản trị chuỗi cung ứng (208472) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Trần Hoài Nam (478)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	11120116	PHẠM THANH	NÚI	16/06/93	DH11KT															
37	10150062	NGUYỄN CAO	PHƯƠNG	02/10/92	DH10TM															
38	11122098	PHAN THỊ	PHƯƠNG	12/06/93	DH11QT															
39	10122128	TRẦN THỊ MỸ	PHƯƠNG	02/10/92	DH10QT															
40	12122208	TRƯƠNG THỊ	PHƯƠNG	08/06/93	DH12TM															
41	11120011	TRẦN THỊ	PHƯỢNG	08/01/93	DH11KT															
42	11122051	NGUYỄN THỊ TRÚC	QUỲNH	26/07/93	DH11QT															
43	11120122	TRẦN THỊ THANH THA	TÂM	25/08/93	DH11KT															
44	11120119	NGUYỄN THỊ	THẢO	05/06/93	DH11KT															
45	11120042	NGUYỄN THỊ NGỌC	THẨM	11/08/93	DH11KT															
46	11150067	NGUYỄN BẢO	THI	09/11/93	DH11TM															
47	11122053	NGÔ THỊ NGỌC	THÚY	21/08/93	DH11QT															
48	11122142	TRẦN THỊ HOÀI	THƯƠNG	21/03/93	DH11QT															
49	11120048	NGUYỄN HỮU	TIẾN	09/12/93	DH11KT															
50	11122117	LÊ THÙY	TRANG	24/08/93	DH11QT															
51	12122251	LÊ HUỲNH NGỌC	TRÂM	22/05/94	DH12TM															
52	11120123	PHẠM THỊ BÍCH	TRÂM	17/07/93	DH11KT															
53	11120050	PHẠM MINH	TRÍ	17/10/93	DH11KT															
54	10155010	LÊ THẠCH THẢO	TRINH	18/01/92	DH10KN															
55	11120079	PHAN THANH	TRÚC	02/12/93	DH11KT															
56	11120025	ĐOÀN BẢO	TRƯỜNG	15/07/93	DH11KT															
57	11120101	TRẦN HOÀNG ANH	TUẤN	09/10/93	DH11KT															
58	11122122	BÙI KIM	TÙNG	15/08/93	DH11QT															
59	10122185	TÔ THI KIM	TUYẾN	09/08/92	DH10QT															
60	11122124	NGUYỄN THỊ BẢO	UYÊN	21/08/93	DH11QT															
61	11121022	VÕ THỊ KIM	VI	20/05/93	DH11KT															
62	11122145	TRẦN THỊ TOÀN	VY	15/09/93	DH11QT															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Kinh doanh ngoại hối (208477) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Tiêu Nguyên Thảo (813)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	11164013	NGUYỄN THỊ CẨM	ANH	24/07/93	DH11TC															
2	11164006	ĐÀO THỊ	BÌNH	05/08/93	DH11TC															
3	11164002	PHẠM THỊ BÍCH	DÂNG	18/01/93	DH11TC															
4	11164014	NGUYỄN THỊ MỸ	DUNG	12/12/92	DH11TC															
5	11164007	NGUYỄN ANH	DUY	04/12/93	DH11TC															
6	11164039	NGUYỄN TRƯƠNG KỲ	DUYÊN	25/04/93	DH11TC															
7	11164015	TRẦN THANH	GIANG	/ /92	DH11TC															
8	11164040	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	17/12/93	DH11TC															
9	11164016	NGUYỄN THỊ	HẠNH	11/08/93	DH11TC															
10	11164017	TRẦN NGỌC	HUYỀN	23/09/93	DH11TC															
11	11159006	VÕ THỊ MỸ	KIỀU	26/01/92	DH11TC															
12	11164019	NGUYỄN THỊ	LAN	15/10/93	DH11TC															
13	11164020	HOÀNG NGUYỄN KHÁNH	LINH	20/09/93	DH11TC															
14	11164021	PHẠM MỸ	LINH	10/07/93	DH11TC															
15	11164041	NGUYỄN THỊ QUỲNH	LOAN	24/09/93	DH11TC															
16	10164019	TRƯƠNG BÁ	LƯU	05/09/92	DH10TC															
17	11164022	LÊ THỊ NHƯ	NGỌC	31/08/93	DH11TC															
18	11164023	VƯƠNG THỊ MINH	NGỌC	20/09/93	DH11TC															
19	11164008	LÂM THẢO	NGUYÊN	15/03/93	DH11TC															
20	11164027	TRƯƠNG TẤN	PHÚC	13/05/93	DH11TC															
21	11164028	NGUYỄN DUY	PHƯƠNG	21/05/93	DH11TC															
22	11164009	VÕ THỊ MINH	TÂM	01/01/93	DH11TC															
23	11164029	TRẦN HOÀNG	THANH	09/10/93	DH11TC															
24	11164010	SƠN THỊ THANH	THẢO	06/04/93	DH11TC															
25	11164004	PHẠM THỊ NHƯ	THẤM	02/09/93	DH11TC															
26	11164042	NGUYỄN THỊ NGỌC	THIỆU	10/10/93	DH11TC															
27	11164030	NGUYỄN THỊ THU	THỦY	28/06/93	DH11TC															
28	11164043	LÊ THỊ THU	THÚY	06/04/93	DH11TC															
29	11164031	PHẠM LÊ THANH	THÚY	06/07/93	DH11TC															
30	11164033	PHẠM ĐOÀN MINH	TIÊN	10/05/93	DH11TC															
31	11164044	NGÔ THỊ HUYỀN	TRÂM	15/08/93	DH11TC															
32	11164034	NGUYỄN NGỌC BẢO	TRÂM	25/10/93	DH11TC															
33	11164035	NGUYỄN THỊ NGỌC	TRÂM	/ /93	DH11TC															
34	11164005	HỒ HÀ HUYỀN	TRINH	16/09/93	DH11TC															
35	11164037	NGUYỄN THỊ ÁNH	TUYẾT	25/10/93	DH11TC															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kinh doanh ngoại hối (208477) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Tiêu Nguyên Thảo (813)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	11164038	NGUYỄN THỊ HỒNG	TUYẾT	02/06/93	DH11TC															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Quản trị danh mục đầu tư (208487) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Tiêu Nguyên Thảo (813)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	11164013	NGUYỄN THỊ CẨM	ANH	24/07/93	DH11TC															
2	11164006	ĐÀO THỊ	BÌNH	05/08/93	DH11TC															
3	11164002	PHẠM THỊ BÍCH	DÂNG	18/01/93	DH11TC															
4	11164014	NGUYỄN THỊ MỸ	DUNG	12/12/92	DH11TC															
5	11164007	NGUYỄN ANH	DUY	04/12/93	DH11TC															
6	11164039	NGUYỄN TRƯƠNG KỲ	DUYÊN	25/04/93	DH11TC															
7	11164015	TRẦN THANH	GIANG	/ /92	DH11TC															
8	11164040	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	17/12/93	DH11TC															
9	11164016	NGUYỄN THỊ	HẠNH	11/08/93	DH11TC															
10	11164017	TRẦN NGỌC	HUYỀN	23/09/93	DH11TC															
11	11159006	VÕ THỊ MỸ	KIỀU	26/01/92	DH11TC															
12	11164019	NGUYỄN THỊ	LAN	15/10/93	DH11TC															
13	11164020	HOÀNG NGUYỄN KHÁNH	LINH	20/09/93	DH11TC															
14	11164021	PHẠM MỸ	LINH	10/07/93	DH11TC															
15	10164019	TRƯƠNG BÁ	LƯU	05/09/92	DH10TC															
16	11159007	HOÀNG HẢI	NGÂN	03/12/93	DH11TC															
17	11164022	LÊ THỊ NHƯ	NGỌC	31/08/93	DH11TC															
18	11164023	VƯƠNG THỊ MINH	NGỌC	20/09/93	DH11TC															
19	11164008	LÂM THẢO	NGUYÊN	15/03/93	DH11TC															
20	11164027	TRƯƠNG TẤN	PHÚC	13/05/93	DH11TC															
21	11164028	NGUYỄN DUY	PHƯƠNG	21/05/93	DH11TC															
22	11164009	VÕ THỊ MINH	TÂM	01/01/93	DH11TC															
23	11164029	TRẦN HOÀNG	THANH	09/10/93	DH11TC															
24	11164010	SƠN THỊ THANH	THẢO	06/04/93	DH11TC															
25	11164004	PHẠM THỊ NHƯ	THẤM	02/09/93	DH11TC															
26	11164042	NGUYỄN THỊ NGỌC	THIỆU	10/10/93	DH11TC															
27	11164030	NGUYỄN THỊ THU	THỦY	28/06/93	DH11TC															
28	11164043	LÊ THỊ THU	THÚY	06/04/93	DH11TC															
29	11164031	PHẠM LÊ THANH	THÚY	06/07/93	DH11TC															
30	11164033	PHẠM ĐOÀN MINH	TIÊN	10/05/93	DH11TC															
31	11164044	NGÔ THỊ HUYỀN	TRÂM	15/08/93	DH11TC															
32	11164034	NGUYỄN NGỌC BẢO	TRÂM	25/10/93	DH11TC															
33	11164035	NGUYỄN THỊ NGỌC	TRÂM	/ /93	DH11TC															
34	11164005	HỒ HÀ HUYỀN	TRINH	16/09/93	DH11TC															
35	11164037	NGUYỄN THỊ ÁNH	TUYẾT	25/10/93	DH11TC															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Quản trị danh mục đầu tư (208487) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Tiêu Nguyên Thảo (813)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	11164038	NGUYỄN THỊ HỒNG	TUYẾT	02/06/93	DH11TC															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Kiến tập tài chính DN (208490) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Trần Minh Huy (298)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	11164013	NGUYỄN THỊ CẨM	ANH	24/07/93	DH11TC															
2	11164006	ĐÀO THỊ	BÌNH	05/08/93	DH11TC															
3	11164016	NGUYỄN THỊ	HẠNH	11/08/93	DH11TC															
4	11159006	VÕ THỊ MỸ	KIỀU	26/01/92	DH11TC															
5	11164019	NGUYỄN THỊ	LAN	15/10/93	DH11TC															
6	11164008	LÂM THẢO	NGUYÊN	15/03/93	DH11TC															
7	11164009	VÕ THỊ MINH	TÂM	01/01/93	DH11TC															
8	11164010	SƠN THỊ THANH	THẢO	06/04/93	DH11TC															
9	11164004	PHẠM THỊ NHƯ	THẤM	02/09/93	DH11TC															
10	11164042	NGUYỄN THỊ NGỌC	THIỆU	10/10/93	DH11TC															
11	11164033	PHẠM ĐOÀN MINH	TIÊN	10/05/93	DH11TC															
12	11164044	NGÔ THỊ HUYỀN	TRÂM	15/08/93	DH11TC															
13	11164034	NGUYỄN NGỌC BẢO	TRÂM	25/10/93	DH11TC															
14	11164038	NGUYỄN THỊ HỒNG	TUYẾT	02/06/93	DH11TC															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Giáo dục khuyến nông (208503) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Nguyễn Văn Năm (294)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	11121011	BÙI HỮU	ÁI	06/10/92	DH11KT															
2	11120058	NGUYỄN THỊ	ANH	26/07/93	DH11KT															
3	12132006	ĐỒNG VĂN	BẢO	07/08/94	DH12SP															
4	11120103	NGÔ THỊ THANH	CẨM	25/08/92	DH11KT															
5	08161018	HỒ VĂN TRƯỜNG	CHINH	22/11/90	DH08TA															
6	12111134	LÊ THỊ THU	DỊ	04/07/94	DH12CN															
7	12111125	TRẦN THỊ THÚY	DIỄM	14/02/94	DH12TA															
8	11120027	NGUYỄN VĂN	DIỆN	10/01/93	DH11KT															
9	11120099	PHẠM THÀNH	ĐẠT	29/02/92	DH11KT															
10	12120547	NGUYỄN MINH	ĐỨC	12/08/94	DH12KT															
11	11120004	NGUYỄN THỊ THU	HIỀN	25/11/93	DH11KT															
12	12132074	NGUYỄN THỊ HỒNG	HÒA	26/04/94	DH12SP															
13	11120062	NGUYỄN LƯU	HOÀNG	20/11/93	DH11KT															
14	12111270	NGUYỄN MẠNH	HỔ	25/12/91	DH12CN															
15	11120132	TRẦN VIỆT HÙNG	HUY	16/01/93	DH11KT															
16	11120073	NGUYỄN THỊ NGỌC	HUYỀN	08/09/93	DH11KT															
17	11120032	LÊ ANH	KHOA	11/12/93	DH11KT															
18	11120007	KA SĂ HA	KHUY	27/05/91	DH11KT															
19	12120381	NGUYỄN THỊ NHƯ	KHUYẾN	18/12/94	DH12KT															
20	11132028	PHẠM THỊ	LÀI	04/01/93	DH11SP															
21	12132016	TRỊNH THỊ	LAN	07/07/94	DH12SP															
22	12120543	NGUYỄN TÙNG	LÂM	19/01/94	DH12KT															
23	11120056	LƯƠNG THỊ	LINH	27/12/92	DH11KT															
24	11121018	PHẠM QUANG	LINH	02/03/93	DH11KT															
25	12120420	NGUYỄN THỊ PHƯỢNG	LOAN	31/01/94	DH12KT															
26	12132002	HOÀNG PHI	LONG	02/08/94	DH12SP															
27	12112147	TRẦN TẤN	LỘC	25/05/93	DH12TY															
28	11120010	NGUYỄN VĂN	NAM	24/12/92	DH11KT															
29	12120349	LÊ THỊ	NGA	05/05/94	DH12KT															
30	12120212	NGUYỄN THỊ	NGA	29/12/94	DH12KT															
31	12111321	NGUYỄN THỊ THÚY	NGA	27/11/94	DH12TA															
32	12120034	TRẦN THỊ	NGA	17/02/94	DH12KT															
33	12120377	ĐẶNG THỊ TUYẾT	NGÂN	24/11/93	DH12KT															
34	12132078	ĐỖ THỊ THANH	NGÂN	22/12/94	DH12SP															
35	11120129	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	24/02/92	DH11KT															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Giáo dục khuyến nông (208503) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Nguyễn Văn Năm (294)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	12132092	ĐOÀN HIẾU	NGHĨA	10/01/94	DH12SP															
37	12132126	LÊ THỊ KIM	NGỌC	13/07/94	DH12SP															
38	11120038	TRẦN THỊ MINH	NGỌC	04/09/93	DH11KT															
39	12120477	NGUYỄN THỊ THANH	NHÃ	03/12/94	DH12KT															
40	07112170	NGUYỄN HỮU MINH	NHẬT	18/08/89	DH08TY															
41	11120118	ĐẶNG HỬU	NHƠN	04/06/93	DH11KT															
42	12111322	LÊ THỊ TỐ	NỮ	07/04/94	DH12TA															
43	12132181	NGUYỄN THỊ	OANH	01/08/94	DH12SP															
44	12132128	NGUYỄN TIẾN	PHÁT	10/06/94	DH12SP															
45	11130019	NGUYỄN QUỐC	PHÚ	03/08/93	DH11DT															
46	12132023	NGUYỄN THỊ BÍCH	PHƯƠNG	10/03/93	DH12SP															
47	11120023	PHẠM THỊ THU	PHƯƠNG	14/08/93	DH11KT															
48	12120522	LÊ THỊ KIM	QUÝ	02/04/94	DH12KT															
49	12112039	TRẦN THỊ NHƯ	QUỲNH	02/02/94	DH12DY															
50	12132175	LÊ THỊ	RA	12/04/93	DH12SP															
51	12111178	NGUYỄN THỊ TUYẾT	SƯƠNG	22/06/94	DH12CN															
52	11132014	CAO THỊ	THANH	05/09/93	DH11SP															
53	12111015	TRƯƠNG VIẾT	THÀNH	28/01/94	DH12CN															
54	11120014	LƯỜNG THANH	THẢO	20/08/93	DH11KT															
55	12120021	PHẠM THỊ	THẢO	17/09/94	DH12KT															
56	12120200	NGUYỄN THỊ	THẮM	07/12/94	DH12KT															
57	12132027	ĐINH VĂN	THỊNH	02/04/93	DH12SP															
58	10158900	LÊ VĂN	THÔNG	/ /	DH12CN															
59	12120385	ĐẶNG THỊ	THU	20/02/93	DH12KT															
60	12111206	LÊ VĂN	THUẬN	08/05/93	DH12CN															
61	12132053	TRẦN THỊ	THUẬN	04/04/94	DH12SP															
62	12120523	NGUYỄN THỊ	THÚY	02/02/94	DH12KT															
63	11121006	PHẠM THỊ	THƯ	18/01/92	DH11KT															
64	12132158	BÙI MINH	TIẾN	02/03/94	DH12SP															
65	11120018	VÕ THỊ THU	TRANG	10/08/93	DH11KT															
66	11120100	TÔ THỊ TUYẾT	TRINH	16/07/92	DH11KT															
67	12132071	NGUYỄN NGỌC	TUỆ	15/02/93	DH12SP															
68	12132072	TRẦN KIM	TUYẾN	12/04/94	DH12SP															
69	12132167	ĐOÀN HỒNG	TƯỜNG	30/04/94	DH12SP															
70	12120163	TRỊNH BÍCH	VÂN	01/04/94	DH12KT															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Phân tích chính sách NN (208508) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Trang Thị Huy Nhất (288)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	10121010	NGUYỄN PHƯỚC	BẢN	22/04/91	DH10PT															
2	10121009	MAI HÙNG	CƯỜNG	19/05/92	DH10PT															
3	11120028	NGUYỄN KHƯƠNG	DUY	21/11/93	DH11KT															
4	11120003	HUỲNH THỊ MỸ	DUYÊN	24/01/93	DH11KT															
5	11120085	NGÔ VĂN	DƯƠNG	28/09/86	DH11KT															
6	11120078	PHẠM MINH	DƯƠNG	15/03/93	DH11KT															
7	10120009	NGUYỄN VĂN	ĐẠO	07/08/92	DH10KT															
8	10120014	NGUYỄN THỊ MỸ	HẠNH	24/08/92	DH10KT															
9	11120021	HUỲNH THỊ LỆ	HẰNG	16/11/93	DH11KT															
10	10121007	ĐẶNG THỊ MỸ	HIỀN	09/07/91	DH10PT															
11	10121014	TỐNG THỊ	HỒNG	02/09/92	DH10PT															
12	11120084	NGUYỄN VIỆT	HÙNG	25/05/93	DH11KT															
13	11120032	LÊ ANH	KHOA	11/12/93	DH11KT															
14	11120035	NGÔ THỊ	LAN	04/02/93	DH11KT															
15	11120008	ĐINH VIỆT PHƯƠNG	LINH	24/04/93	DH11KT															
16	11120056	LƯƠNG THỊ	LINH	27/12/92	DH11KT															
17	11120090	NGUYỄN THỊ THU	LINH	11/12/92	DH11KT															
18	10120024	LÊ THỊ KIM	LOAN	22/02/92	DH10KT															
19	11120009	PHẠM QUỲNH	LOAN	26/11/93	DH11KT															
20	11120036	NGUYỄN ĐÌNH	LONG	21/02/93	DH11KT															
21	10121006	HOÀNG THỊ	NGA	02/04/91	DH10PT															
22	11120083	NGUYỄN THỊ THẢO	NGUYÊN	04/09/92	DH11KT															
23	11120102	NGUYỄN THỤY THẢO	NGUYÊN	05/08/93	DH11KT															
24	11120039	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	17/05/93	DH11KT															
25	10120029	VÕ THỊ THANH	NHỊ	01/01/92	DH10KT															
26	10121003	PHÙNG XUÂN	NHƯỢNG	10/11/91	DH10PT															
27	11120116	PHẠM THANH	NÚI	16/06/93	DH11KT															
28	10121008	PHẠM HỮU	PHẤN	24/06/86	DH10PT															
29	11120023	PHẠM THỊ THU	PHƯƠNG	14/08/93	DH11KT															
30	11120104	BÙI THỊ TÚY	PHƯỢNG	20/10/92	DH11KT															
31	11121003	ĐOÀN THỊ KIM	PHƯỢNG	01/08/93	DH11KT															
32	11120011	TRẦN THỊ	PHƯỢNG	08/01/93	DH11KT															
33	11120024	TRƯƠNG THỊ THÚY	SANG	28/10/92	DH11KT															
34	10120035	TRẦN THỊ	SƯƠNG	12/08/92	DH10KT															
35	11120015	LÊ CÔNG	THẠCH	01/05/93	DH11KT															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Phân tích chính sách NN (208508) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Trang Thị Huy Nhất (288)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	10120038	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	12/04/91	DH10KT															
37	11120086	PHAN THỊ THANH	THẢO	22/12/93	DH11KT															
38	11120053	VÕ THỊ HỒNG	THẮM	12/05/93	DH11KT															
39	11120046	TRƯƠNG THỊ	THU	10/08/93	DH11KT															
40	10120041	TRẦN THỊ	THÚY	24/01/92	DH10KT															
41	11120074	BÙI THỊ MINH	THƯ	05/12/93	DH11KT															
42	11121010	NGUYỄN THỊ THƯƠNG	THƯƠNG	09/06/92	DH11KT															
43	11120107	NGUYỄN NGỌC	TÍN	16/02/93	DH11KT															
44	11120123	PHẠM THỊ BÍCH	TRÂM	17/07/93	DH11KT															
45	11120100	TÔ THỊ TUYẾT	TRINH	16/07/92	DH11KT															
46	11120113	NGUYỄN THỊ THANH	TRÚC	12/10/93	DH11KT															
47	11120079	PHAN THANH	TRÚC	02/12/93	DH11KT															
48	11120051	NGUYỄN VĂN	TRUNG	25/06/93	DH11KT															
49	11120077	NGUYỄN XUÂN	VIỆT	12/02/93	DH11KT															
50	11120055	LÂM THỊ	VĨNH	/ /92	DH11KT															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Kiến tập chuyên ngành (208529) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Trần Độc Lập (297)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	11121011	BÙI HỮU	ÁI	06/10/92	DH11KT															
2	11120058	NGUYỄN THỊ	ANH	26/07/93	DH11KT															
3	11120001	TRẦN THỊ KIM	ANH	12/01/93	DH11KT															
4	11155028	NGUYỄN HẢI	BẰNG	07/08/92	DH11KN															
5	11120026	LÊ THỊ NGỌC	BÍCH	23/08/93	DH11KT															
6	11155011	NGUYỄN PHÚC	CẢNH	12/06/92	DH11KN															
7	11120103	NGÔ THỊ THANH	CẨM	25/08/92	DH11KT															
8	11155012	TRẦN HỮU	CHÍ	21/01/92	DH11KN															
9	11155001	PHẠM THỊ	CHUNG	30/09/93	DH11KN															
10	11120052	NGUYỄN THỊ ÁI	DIỄM	26/07/93	DH11KT															
11	11120027	NGUYỄN VĂN	DIỆN	10/01/93	DH11KT															
12	11155041	VŨ THỊ THÙY	DUNG	10/03/93	DH11KN															
13	11120067	NGUYỄN ĐÌNH	DUY	10/10/93	DH11KT															
14	11120028	NGUYỄN KHƯƠNG	DUY	21/11/93	DH11KT															
15	11155002	PHAN ANH	DUY	02/12/93	DH11KN															
16	11120127	TRẦN	DUY	18/08/93	DH11KT															
17	11120003	HUỲNH THỊ MỸ	DUYÊN	24/01/93	DH11KT															
18	11120085	NGÔ VĂN	DƯƠNG	28/09/86	DH11KT															
19	11120078	PHẠM MINH	DƯƠNG	15/03/93	DH11KT															
20	11120068	TRẦN XUÂN	ĐẠI	17/06/91	DH11KT															
21	11155003	BÙI TẤN	ĐẠT	21/06/93	DH11KN															
22	11120099	PHẠM THÀNH	ĐẠT	29/02/92	DH11KT															
23	11120020	NGUYỄN PHÚC	ĐỊNH	28/02/93	DH11KT															
24	11155013	THÁI THỊ	HÀ	16/02/92	DH11KN															
25	11155018	ĐOÀN THANH	HẢI	16/04/93	DH11KN															
26	11155005	NGUYỄN THỊ	HẠNH	27/06/92	DH11KN															
27	11120096	PHAN THỊ BÍCH	HẠNH	10/10/93	DH11KT															
28	11120021	HUỲNH THỊ LỆ	HẰNG	16/11/93	DH11KT															
29	11120030	NGUYỄN THỊ THANH	HẰNG	/ /93	DH11KT															
30	11120004	NGUYỄN THỊ THU	HIỀN	25/11/93	DH11KT															
31	11120031	NGUYỄN THỊ THU	HIỀN	01/01/92	DH11KT															
32	11120070	ĐẶNG NGỌC	HIỆP	02/09/93	DH11KT															
33	11120062	NGUYỄN LƯU	HOÀNG	20/11/93	DH11KT															
34	11121002	NGUYỄN THÚY	HỒNG	29/03/93	DH11KT															
35	11120064	NGUYỄN VIỆT	HÙNG	20/05/93	DH11KT															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kiến tập chuyên ngành (208529) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Trần Độc Lập (297)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	11120084	NGUYỄN VIỆT	HÙNG	25/05/93	DH11KT															
37	11120132	TRẦN VIỆT HÙNG	HUY	16/01/93	DH11KT															
38	11155042	HUỲNH NGỌC	HUYỀN	06/06/93	DH11KN															
39	11120073	NGUYỄN THỊ NGỌC	HUYỀN	08/09/93	DH11KT															
40	11120065	NGUYỄN THỊ	HƯNG	25/02/93	DH11KT															
41	11120005	DƯƠNG THỊ MỸ	HƯƠNG	17/06/93	DH11KT															
42	11155022	TRẦN THỊ DIỄM	HƯƠNG	06/01/93	DH11KN															
43	11120098	LÊ HOÀNG	KHẢI	15/06/93	DH11KT															
44	11120032	LÊ ANH	KHOA	11/12/93	DH11KT															
45	11120007	KA SĂ HA	KHUY	27/05/91	DH11KT															
46	11155051	NGUYỄN PHAN HOÀNG	KIM	16/01/93	DH11KN															
47	11120034	ĐOÀN THỊ KỲ	KỲ	30/10/93	DH11KT															
48	11120081	MAI VĂN	KỲ	11/12/93	DH11KT															
49	11120035	NGÔ THỊ	LAN	04/02/93	DH11KT															
50	11120008	ĐINH VIỆT PHƯƠNG	LINH	24/04/93	DH11KT															
51	11120056	LƯƠNG THỊ	LINH	27/12/92	DH11KT															
52	11120090	NGUYỄN THỊ THU	LINH	11/12/92	DH11KT															
53	11121018	PHẠM QUANG	LINH	02/03/93	DH11KT															
54	11155029	TRẦN NGỌC NHẬT	LINH	27/05/93	DH11KN															
55	11120009	PHẠM QUỲNH	LOAN	26/11/93	DH11KT															
56	11120088	TRẦN THỊ ÁNH	LOAN	29/09/93	DH11KT															
57	11120036	NGUYỄN ĐÌNH	LONG	21/02/93	DH11KT															
58	11120069	NGUYỄN TIẾN	LONG	14/02/93	DH11KT															
59	11120076	TRẦN SẮC	LƯU	16/11/92	DH11KT															
60	11120037	VÕ THỊ NGỌC	MỸ	17/09/93	DH11KT															
61	11120082	NGUYỄN THỊ ÁNH	NA	09/08/92	DH11KT															
62	11120133	THÁI THỊ	NA	12/07/91	DH11KT															
63	11120010	NGUYỄN VĂN	NAM	24/12/92	DH11KT															
64	11120022	NGÔ THỊ THU	NGÂN	10/03/93	DH11KT															
65	11120129	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	24/02/92	DH11KT															
66	11121009	NGUYỄN PHƯỚC NGUYÊ	NGỌC	05/08/93	DH11KT															
67	11120038	TRẦN THỊ MINH	NGỌC	04/09/93	DH11KT															
68	11120083	NGUYỄN THỊ THẢO	NGUYÊN	04/09/92	DH11KT															
69	11120102	NGUYỄN THỤY THẢO	NGUYÊN	05/08/93	DH11KT															
70	11120089	NGUYỄN HIỀN	NHÂN	/ /92	DH11KT															
71	11120039	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	17/05/93	DH11KT															
72	11120118	ĐẶNG HỮU	NHƠN	04/06/93	DH11KT															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kiến tập chuyên ngành (208529) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Trần Độc Lập (297)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	11120121	HỒ PHẠM CẨM	NHUNG	05/10/93	DH11KT															
74	11120112	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	22/11/93	DH11KT															
75	11155024	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	14/02/93	DH11KN															
76	11155040	HUỲNH	NHƯ	01/07/93	DH11KN															
77	11120111	HUỲNH THỊ THẢO	NHƯ	28/10/92	DH11KT															
78	11120109	NGUYỄN THỊ HUỲNH	NHƯ	02/02/93	DH11KT															
79	11120116	PHẠM THANH	NÚI	16/06/93	DH11KT															
80	11155054	NGUYỄN THỊ KIỀU	OANH	12/05/93	DH11KN															
81	11121025	HOÀNG XUÂN	PHÚC	14/03/93	DH11KT															
82	11155025	CHÂU THỊ KIM	PHỤNG	24/01/93	DH11KN															
83	11120040	BÙI THỊ THANH	PHƯƠNG	04/05/93	DH11KT															
84	11120072	NGUYỄN THỊ THU	PHƯƠNG	21/05/93	DH11KT															
85	11120095	PHẠM HÀ	PHƯƠNG	05/10/93	DH11KT															
86	11120023	PHẠM THỊ THU	PHƯƠNG	14/08/93	DH11KT															
87	11155007	VĂN THỊ	PHƯƠNG	05/03/93	DH11KN															
88	11120104	BÙI THỊ TÚY	PHƯỢNG	20/10/92	DH11KT															
89	11121003	ĐOÀN THỊ KIM	PHƯỢNG	01/08/93	DH11KT															
90	11120011	TRẦN THỊ	PHƯỢNG	08/01/93	DH11KT															
91	11155031	PHẠM HỒNG	QUÂN	26/10/93	DH11KN															
92	11120114	BÙI THỊ	QUYÊN	20/04/91	DH11KT															
93	11155010	LÊ THỊ PHƯƠNG	QUYÊN	17/11/93	DH11KN															
94	11155030	NGUYỄN THỊ NGỌC	QUYÊN	04/11/93	DH11KN															
95	11120117	PHAN THANH	SANG	15/09/93	DH11KT															
96	11120024	TRƯƠNG THỊ THÚY	SANG	28/10/92	DH11KT															
97	11120060	TRẦN DUY	SƠN	09/08/92	DH11KT															
98	11120012	BÙI VĂN	TÀI	20/05/93	DH11KT															
99	11155047	NGUYỄN MINH	TÂM	10/09/93	DH11KN															
100	11120122	TRẦN THỊ THANH THA	TÂM	25/08/93	DH11KT															
101	11155052	VŨ THỊ HẠNH	TÂM	24/11/93	DH11KN															
102	11120015	LÊ CÔNG	THẠCH	01/05/93	DH11KT															
103	11155023	NGUYỄN THÁI	THÀNH	20/04/93	DH11KN															
104	11155037	ĐINH THỊ PHƯƠNG	THẢO	14/12/92	DH11KN															
105	11120014	LƯỜNG THANH	THẢO	20/08/93	DH11KT															
106	11120119	NGUYỄN THỊ	THẢO	05/06/93	DH11KT															
107	11120086	PHAN THỊ THANH	THẢO	22/12/93	DH11KT															
108	11155049	VŨ THU	THẢO	27/11/93	DH11KN															
109	11155045	PHAN THỊ	THẮM	21/08/93	DH11KN															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kiến tập chuyên ngành (208529) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Trần Độc Lập (297)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
110	11120053	VÕ THỊ HỒNG	THẮM	12/05/93	DH11KT															
111	11120042	NGUYỄN THỊ NGỌC	THẨM	11/08/93	DH11KT															
112	11120125	NGUYỄN THỊ	THÂN	04/03/92	DH11KT															
113	11120044	LÊ VĂN	THIẾT	16/10/92	DH11KT															
114	11155014	HÀ NGỌC	THỊNH	21/05/92	DH11KN															
115	11120045	HUỲNH THỊ	THOẠI	01/01/93	DH11KT															
116	11120075	PHẠM ANH	THƠ	13/07/93	DH11KT															
117	11120016	NGŨ NỮ YẾN	THU	06/06/91	DH11KT															
118	11120046	TRƯƠNG THỊ	THU	10/08/93	DH11KT															
119	11155015	NGÔ PHAN VŨ GIA	THUẬN	12/01/93	DH11KN															
120	11155036	LÊ THỊ	THÚY	07/11/93	DH11KN															
121	11120094	NGÔ THỊ	THÚY	11/07/93	DH11KT															
122	11121017	TRẦN THANH	THÚY	29/01/93	DH11KT															
123	11120074	BÙI THỊ MINH	THƯ	05/12/93	DH11KT															
124	11121006	PHẠM THỊ	THƯ	18/01/92	DH11KT															
125	11121010	NGUYỄN THỊ THƯƠNG	THƯƠNG	09/06/92	DH11KT															
126	11120047	HUỲNH NGỌC MAI	THY	25/06/93	DH11KT															
127	11120017	ĐỖ MINH	TIẾN	16/11/93	DH11KT															
128	11120048	NGUYỄN HỮU	TIẾN	09/12/93	DH11KT															
129	11155016	VÕ THỊ LỢI	TIẾN	17/03/93	DH11KN															
130	11120107	NGUYỄN NGỌC	TÍN	16/02/93	DH11KT															
131	11120018	VÕ THỊ THU	TRANG	10/08/93	DH11KT															
132	11120123	PHẠM THỊ BÍCH	TRÂM	17/07/93	DH11KT															
133	11155039	TRIỆU THỊ NGỌC	TRÂM	18/08/93	DH11KN															
134	11155008	VÕ THỊ NGỌC	TRÂM	15/12/93	DH11KN															
135	11120050	PHẠM MINH	TRÍ	17/10/93	DH11KT															
136	11120093	ĐOÀN VIỆT	TRINH	03/01/93	DH11KT															
137	11120100	TÔ THỊ TUYẾT	TRINH	16/07/92	DH11KT															
138	11155027	DƯƠNG THỦY	TRÚC	05/07/92	DH11KN															
139	11120113	NGUYỄN THỊ THANH	TRÚC	12/10/93	DH11KT															
140	11120079	PHAN THANH	TRÚC	02/12/93	DH11KT															
141	11120051	NGUYỄN VĂN	TRUNG	25/06/93	DH11KT															
142	11120025	ĐOÀN BẢO	TRƯỜNG	15/07/93	DH11KT															
143	11155009	HUỲNH NHẬT	TRƯỜNG	12/09/92	DH11KN															
144	11120101	TRẦN HOÀNG ANH	TUẤN	09/10/93	DH11KT															
145	11121022	VÕ THỊ KIM	VI	20/05/93	DH11KT															
146	11120077	NGUYỄN XUÂN	VIỆT	12/02/93	DH11KT															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kiến tập chuyên ngành (208529) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Trần Độc Lập (297)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
147	11120055	LÂM THỊ	VĨNH	/ /92	DH11KT															
148	11155053	HUỲNH LÊ	VY	13/04/93	DH11KN															
149	11155021	ĐINH THỊ	YẾN	06/10/92	DH11KN															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Phân tích lợi ích chi phí (208602) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Mai Đình Quý (709)

Nhóm TH 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	11143037	NGUYỄN PHƯƠNG	BÌNH	30/12/93	DH11KM															
2	10143007	VŨ MẠNH	CƯỜNG	10/05/92	DH10KM															
3	12120585	NGUYỄN KIM	HUYỀN	26/05/94	DH12KM															
4	11143010	TRẦN THỊ THU	HƯƠNG	11/12/93	DH11KM															
5	11143158	VÕ NGỌC BẢO	KHUYÊN	10/07/93	DH11KM															
6	11143065	NGUYỄN HỒNG	KIM	29/12/93	DH11KM															
7	12120389	ĐỖ THỊ MỸ	LỆ	13/04/94	DH12KM															
8	11143012	QUÁCH LAN	LINH	30/06/93	DH11KM															
9	11143013	LƯƠNG THỊ KIM	LOAN	05/07/93	DH11KM															
10	11143015	VŨ HÀ	MY	03/07/93	DH11KM															
11	11143075	NGUYỄN THỊ NHƯ	NGỌC	17/03/93	DH11KM															
12	11143077	HOÀNG THỊ THU	NGUYÊN	11/12/93	DH11KM															
13	10121003	PHÙNG XUÂN	NHƯỢNG	10/11/91	DH10PT															
14	11143139	TRẦN THỊ	NHỰT	21/06/93	DH11KM															
15	11143084	NGUYỄN SO	NI	20/07/93	DH11KM															
16	11143018	NGUYỄN THỊ THÚY	OANH	17/08/93	DH11KM															
17	11143127	PHAN DIỄM	PHÚC	23/11/93	DH11KM															
18	11143088	NGUYỄN THẾ	QUYỀN	07/03/92	DH11KM															
19	11143209	NGUYỄN ĐOÀN HỒNG	THANH	14/06/93	DH11KM															
20	11143092	NGUYỄN THỊ	THÀNH	06/04/93	DH11KM															
21	11143173	HUỲNH THỊ BÍCH	THẢO	25/08/93	DH11KM															
22	11143022	TRẦN LÊ PHƯƠNG	THẢO	17/01/93	DH11KM															
23	11143097	VÕ THỊ THU	THẢO	07/01/93	DH11KM															
24	10143076	TRẦN THỊ THANH	THỦY	02/12/92	DH10KM															
25	11143213	TRẦN NGUYỄN ANH	THƯ	17/03/93	DH11KM															
26	11143104	ĐINH NGUYỄN HOÀI	THƯƠNG	29/06/93	DH11KM															
27	11143130	NGUYỄN THỊ KIỀU	TIÊN	27/03/93	DH11KM															
28	11143110	NGUYỄN THỊ	TRANG	20/02/93	DH11KM															
29	11143111	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	06/09/93	DH11KM															
30	12120314	TRẦN THỊ NGỌC	TRANG	28/12/93	DH12KM															
31	10143088	TRẦN THỊ NGỌC	TRÂM	18/03/91	DH10KM															
32	10159005	ĐÀO THỊ KIM	TRING	20/10/92	DH10KM															
33	10143090	VÕ THỊ VI	TRINH	06/01/92	DH10KM															
34	12120500	HỒ THỊ THANH	TUYỀN	07/10/94	DH12KM															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Phân tích lợi ích chi phí (208602) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Mai Đình Quý (709)

Nhóm TH 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	11143001	HUỲNH NHẤT	ANH	07/12/93	DH11KM															
2	11143148	VŨ THỊ NGỌC	ÁNH	20/07/92	DH11KM															
3	11143181	PHAN THỊ	CHÂU	06/02/93	DH11KM															
4	11143152	HỒ LÊ YẾN	CHI	05/04/93	DH11KM															
5	11143223	NGUYỄN QUỐC	CƯỜNG	09/09/93	DH11KM															
6	11143136	NGUYỄN THỊ	DOANH	20/03/93	DH11KM															
7	11143161	TRƯƠNG VĨNH	DUY	19/07/93	DH11KM															
8	11143185	NGUYỄN THỊ NGỌC	DUYÊN	31/07/93	DH11KM															
9	11143046	LÊ THỊ HỒNG	GẤM	13/09/92	DH11KM															
10	11143003	TRẦN HOÀNG LINH	GIANG	25/03/93	DH11KM															
11	11143166	PHẠM THỊ ĐA	GIÀU	30/04/93	DH11KM															
12	11143051	NGUYỄN THỊ THÚY	HẰNG	20/11/93	DH11KM															
13	11143246	PHẠM THANH	HẰNG	14/08/93	DH11KM															
14	11143005	HÀ THỊ THU	HẬU	28/05/93	DH11KM															
15	11143007	LÊ THỊ	HOA	25/03/93	DH11KM															
16	12120004	NGUYỄN THỊ	HOA	23/08/94	DH12KM															
17	11143009	ĐINH THẾ	HÒA	18/04/92	DH11KM															
18	11143057	HOÀNG THỊ	HỒNG	10/02/93	DH11KM															
19	12120079	TỐNG AN	KHANG	25/11/94	DH12KM															
20	12120088	HUỲNH THỊ MỸ	LOAN	27/12/93	DH12KM															
21	12120275	TẠ SIÊU	MINH	16/08/93	DH12KM															
22	11143125	PHẠM THỊ DIỄM	MY	21/03/93	DH11KM															
23	11143076	TRẦN THỊ HỒNG	NGỌC	18/11/93	DH11KM															
24	11143016	NGUYỄN THỊ THANH	NHÃ	01/08/93	DH11KM															
25	11143082	KHA MINH	NHẬT	09/09/93	DH11KM															
26	11143251	TRẦN THỊ QUỲNH	NHƯ	01/06/92	DH11KM															
27	11143238	NGUYỄN THỊ TUYẾT	SƯƠNG	22/12/93	DH11KM															
28	11143194	BÙI THỊ	THÁI	24/12/93	DH11KM															
29	11143241	DƯƠNG THỊ THANH	THẢO	04/01/93	DH11KM															
30	11143129	LÊ PHƯƠNG	THẢO	30/03/93	DH11KM															
31	11143095	TRẦN NGỌC PHƯƠNG	THẢO	13/12/93	DH11KM															
32	11143023	PHẠM NGỌC	THẮNG	06/05/93	DH11KM															
33	12120413	HUỲNH TRÚC	THIÊN	23/06/94	DH12KM															
34	09143031	NGUYỄN THỊ NGỌC	THÔNG	09/01/91	DH09KM															
35	11143197	ĐÀO THỊ THU	THỦY	14/05/93	DH11KM															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Phân tích lợi ích chi phí (208602) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Mai Đình Quý (709)

Nhóm TH 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	11143141	NGUYỄN THỊ HỒNG	THƯ	13/01/93	DH11KM															
37	12120139	TRẦN HOÀI	THƯƠNG	23/10/94	DH12KM															
38	11143131	HỒ KIỀU	TRANG	27/05/93	DH11KM															
39	11143109	NGUYỄN THÁI HỒNG	TRANG	17/08/93	DH11KM															
40	12120147	THÁI NGUYỄN MINH	TRANG	01/01/94	DH12KM															
41	11143245	KHỔNG MINH	TRUNG	18/03/93	DH11KM															
42	11143244	HUỲNH MINH	TÙNG	07/03/93	DH11KM															
43	11143224	PHẠM THANH	TÙNG	11/11/92	DH11KM															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Phân tích lợi ích chi phí (208602) - Nhóm 03 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Mai Đình Quý (709)

Nhóm TH 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	11143184	HOÀNG THỊ NGỌC	ANH	10/04/93	DH11KM															
2	11173002	LÊ THỊ PHƯƠNG	ANH	09/04/92	DH11KM															
3	12120581	PHẠM THỊ BẢO	ANH	11/09/94	DH12KM															
4	12120455	VŨ THỊ LAN	ANH	28/02/93	DH12KM															
5	12120243	TRƯƠNG THỊ KIỀU	DIỄM	22/12/93	DH12KM															
6	12120263	LÊ NGỌC	DIỆP	08/01/93	DH12KM															
7	11143187	ĐOÀN THỊ THÙY	DUNG	17/09/93	DH11KM															
8	12120270	NGUYỄN THỊ	DUNG	15/03/94	DH12KM															
9	12120183	PHAN VŨ LÊ	DUY	22/05/94	DH12KM															
10	10143012	TRẦN VĨNH	DUY	06/08/92	DH10KM															
11	12120056	HUỲNH THỊ THÙY	DƯƠNG	10/07/94	DH12KM															
12	11143045	TRẦN THỊ THÙY	DƯƠNG	26/03/93	DH11KM															
13	11143160	HỒ PHƯỚC	ĐẠI	31/01/93	DH11KM															
14	12120259	HÀ THỊ CẨM	HẰNG	06/08/94	DH12KM															
15	11143231	NGUYỄN THU	HẰNG	08/05/93	DH11KM															
16	11143240	NGUYỄN HOÀNG MỸ	HÂN	22/09/93	DH11KM															
17	12120293	NGUYỄN HOÀNG THỤC	HÂN	25/11/94	DH12KM															
18	11143216	TRẦN THỊ	HIỀN	12/06/93	DH11KM															
19	12120188	NGUYỄN THỊ NGỌC	HIỆP	01/03/94	DH12KM															
20	11143215	TÔ MINH	HIẾU	23/07/93	DH11KM															
21	12120209	LƯƠNG THỊ	HÒA	10/10/94	DH12KM															
22	11143056	NGUYỄN THỊ	HÒA	20/10/93	DH11KM															
23	11143059	TRẦN THỊ KIM	HUỆ	22/10/93	DH11KM															
24	11143061	ĐỖ THỊ	HUYỀN	01/02/93	DH11KM															
25	11143155	TRẦN THỊ	HUYỀN	03/04/93	DH11KM															
26	12120387	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	19/11/94	DH12KM															
27	11143156	NGUYỄN HOÀNG DUY	KHANH	21/07/93	DH11KM															
28	11143220	TRẦN NGÔ MỸ	LAN	14/07/89	DH11KM															
29	11143070	NGUYỄN BẢO	LÂM	11/03/93	DH11KM															
30	11143190	LÊ KHÁNH	LINH	09/09/93	DH11KM															
31	11143221	HOÀNG THỊ	LỤA	12/08/93	DH11KM															
32	12120476	ĐẶNG THỊ TUYẾT	MINH	15/01/93	DH12KM															
33	11143033	NGUYỄN THỊ	NA	19/05/93	DH11KM															
34	12120508	HÀ MINH	NGHI	02/09/94	DH12KM															
35	12120102	LÊ THỊ NHƯ	NGỌC	13/10/94	DH12KM															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Phân tích lợi ích chi phí (208602) - Nhóm 03 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Mai Đình Quý (709)

Nhóm TH 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	11143078	LƯƠNG TRẦN ĐÀI	NGUYÊN	20/09/93	DH11KM															
37	11143248	NGUYỄN NGỌC THẢO	NGUYÊN	28/03/93	DH11KM															
38	10121008	PHẠM HỮU	PHẤN	24/06/86	DH10PT															
39	11143085	HUỲNH TẤN	PHÚC	14/07/93	DH11KM															
40	12120482	ĐINH UYÊN	PHƯƠNG	26/10/94	DH12KM															
41	11143086	TRƯƠNG THỊ LIÊN	PHƯƠNG	13/03/93	DH11KM															
42	11143087	MAI THỊ	PHƯỢNG	10/12/92	DH11KM															
43	11143154	LÊ VĂN	QUANG	05/07/93	DH11KM															
44	12120487	BÙI HIỀN	QUYÊN	20/05/94	DH12KM															
45	11143189	LÊ NGỌC	SƠN	09/10/92	DH11KM															
46	11143214	LÊ THỊ HỒNG	THANH	10/02/93	DH11KM															
47	12120321	TRẦN THỊ	THANH	03/07/94	DH12KM															
48	11143210	TRẦN THỊ KIM	THANH	09/11/93	DH11KM															
49	12120373	LÝ THU	THẢO	15/11/94	DH12KM															
50	11143094	PHẠM THỊ PHƯƠNG	THẢO	08/08/93	DH11KM															
51	11143096	TRỊNH THỊ THU	THẢO	/ /93	DH11KM															
52	11143171	NGUYỄN HUỲNH	THI	07/10/93	DH11KM															
53	11143101	LÊ ĐAN	THÙY	14/07/91	DH11KM															
54	10143078	VÕ NGUYÊN	THỦY	21/12/92	DH10KM															
55	12120536	NGUYỄN THỊ	THÚY	28/01/94	DH12KM															
56	11143103	PHẠM ĐAN	THƯ	14/10/93	DH11KM															
57	11143106	NGÔ NGỌC	TOÀN	17/02/93	DH11KM															
58	11143202	ĐÀO HỮU	TRÍ	29/05/93	DH11KM															
59	11143174	LÊ THỊ MINH	TRÍ	15/10/93	DH11KM															
60	11143183	BÙI THỊ	TRINH	02/04/93	DH11KM															
61	11143228	NGUYỄN THỊ TÚ	TRINH	03/12/92	DH11KM															
62	11143144	NGUYỄN THỊ KIM	TUYỀN	28/04/93	DH11KM															
63	11143207	BẠCH THỊ PHƯƠNG	UYÊN	22/01/93	DH11KM															
64	11143119	LÊ	VŨ	04/09/92	DH11KM															
65	11143222	TRƯƠNG VĂN	VƯƠNG	20/10/93	DH11KM															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Định giá môi trường tài nguyên (208604) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 3
CBGD TS. Phan Thị Giác Tâm (278)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	11143002	LÊ TUẤN	ANH	09/01/93	DH11KM															
2	11143029	LÊ XUÂN	ANH	06/09/93	DH11KM															
3	11143191	HÀ THỊ THANH	CHI	01/10/93	DH11KM															
4	11143149	CAO THỊ MINH	CHÚC	28/04/93	DH11KM															
5	11143122	ĐÀO THỊ THANH	CHUNG	14/01/92	DH11KM															
6	10143007	VŨ MẠNH	CƯỜNG	10/05/92	DH10KM															
7	11143042	TRẦN THỊ KIM	DUNG	10/07/93	DH11KM															
8	10143011	NGUYỄN NGỌC MINH	DUY	04/10/92	DH10KM															
9	11143160	HỒ PHƯỚC	ĐẠI	31/01/93	DH11KM															
10	11143046	LÊ THỊ HỒNG	GẤM	13/09/92	DH11KM															
11	11143003	TRẦN HOÀNG LINH	GIANG	25/03/93	DH11KM															
12	11143168	LÊ THỊ	HÀ	26/09/93	DH11KM															
13	11143048	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	26/12/93	DH11KM															
14	11143004	NGUYỄN THỊ THU	HẰNG	08/05/93	DH11KM															
15	11143162	TRẦN KIM	HẰNG	25/05/93	DH11KM															
16	11143212	NGUYỄN THỊ	HIỀN	25/04/93	DH11KM															
17	11143006	NÔNG THỊ	HIỀN	17/09/93	DH11KM															
18	11143216	TRẦN THỊ	HIỀN	12/06/93	DH11KM															
19	11143215	TÔ MINH	HIẾU	23/07/93	DH11KM															
20	11143007	LÊ THỊ	HOA	25/03/93	DH11KM															
21	11143056	NGUYỄN THỊ	HÒA	20/10/93	DH11KM															
22	11143180	LÊ THỊ MỸ	HUYỀN	04/12/92	DH11KM															
23	11143155	TRẦN THỊ	HUYỀN	03/04/93	DH11KM															
24	11143011	NÔNG THỊ	HƯỜNG	07/06/92	DH11KM															
25	11143156	NGUYỄN HOÀNG DUY	KHANH	21/07/93	DH11KM															
26	11143065	NGUYỄN HỒNG	KIM	29/12/93	DH11KM															
27	11143067	HUỲNH THỊ HOÀNG	LAN	03/02/92	DH11KM															
28	11143153	NGÔ HOÀI	LINH	18/07/93	DH11KM															
29	11143013	LƯƠNG THỊ KIM	LOAN	05/07/93	DH11KM															
30	11143072	TRƯƠNG NGUYỄN PHƯƠ	LỘC	28/03/91	DH11KM															
31	11143236	NGUYỄN THỊ	MAI	12/12/92	DH11KM															
32	11143234	LÊ THỊ	MY	15/03/93	DH11KM															
33	11143015	VŨ HÀ	MY	03/07/93	DH11KM															
34	11143033	NGUYỄN THỊ	NA	19/05/93	DH11KM															
35	11143237	ĐẶNG THỊ	NGA	10/08/93	DH11KM															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Định giá môi trường tài nguyên (208604) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 3
CBGD TS. Phan Thị Giác Tâm (278)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	11143073	LƯƠNG TRỌNG	NGHĨA	08/10/93	DH11KM															
37	11143074	NGUYỄN THỊ	NGỌC	17/08/93	DH11KM															
38	11143075	NGUYỄN THỊ NHƯ	NGỌC	17/03/93	DH11KM															
39	11143076	TRẦN THỊ HỒNG	NGỌC	18/11/93	DH11KM															
40	11143077	HOÀNG THỊ THU	NGUYÊN	11/12/93	DH11KM															
41	11143078	LƯƠNG TRẦN ĐÀI	NGUYÊN	20/09/93	DH11KM															
42	11143248	NGUYỄN NGỌC THẢO	NGUYÊN	28/03/93	DH11KM															
43	11143083	PHẠM THỊ HÀ	NHƯ	03/08/93	DH11KM															
44	11143251	TRẦN THỊ QUỲNH	NHƯ	01/06/92	DH11KM															
45	11143139	TRẦN THỊ	NHỰT	21/06/93	DH11KM															
46	11143018	NGUYỄN THỊ THÚY	OANH	17/08/93	DH11KM															
47	11143140	NGUYỄN THỊ HOÀI	PHÚ	03/06/93	DH11KM															
48	11143127	PHAN DIỄM	PHÚC	23/11/93	DH11KM															
49	11143177	NGUYỄN THỊ NGỌC	PHƯỢNG	13/06/93	DH11KM															
50	11143154	LÊ VĂN	QUANG	05/07/93	DH11KM															
51	11143167	LÊ THỊ	QUYÊN	28/06/93	DH11KM															
52	11143020	NGUYỄN THỊ TRÚC	QUYỀN	06/07/93	DH11KM															
53	11143188	DIỆP NHƯ	QUỲNH	10/12/93	DH11KM															
54	11143194	BÙI THỊ	THÁI	24/12/93	DH11KM															
55	11143209	NGUYỄN ĐOÀN HỒNG	THANH	14/06/93	DH11KM															
56	11143092	NGUYỄN THỊ	THÀNH	06/04/93	DH11KM															
57	11143241	DƯƠNG THỊ THANH	THẢO	04/01/93	DH11KM															
58	11143129	LÊ PHƯƠNG	THẢO	30/03/93	DH11KM															
59	11143095	TRẦN NGỌC PHƯƠNG	THẢO	13/12/93	DH11KM															
60	11143098	NGÔ NGỌC	THẮM	28/12/93	DH11KM															
61	11143099	CAO THỊ LỆ	THU	10/05/93	DH11KM															
62	11143141	NGUYỄN THỊ HỒNG	THƯ	13/01/93	DH11KM															
63	11143198	TÔ DUY	TIẾN	15/08/93	DH11KM															
64	11143106	NGÔ NGỌC	TOÀN	17/02/93	DH11KM															
65	11143110	NGUYỄN THỊ	TRANG	20/02/93	DH11KM															
66	11143142	TRẦN THỊ KIỀU	TRANG	20/05/93	DH11KM															
67	11143112	TRẦN THỊ THU	TRANG	06/07/93	DH11KM															
68	11143026	NGUYỄN THỊ BẢO	TRÂM	07/10/93	DH11KM															
69	11143174	LÊ THỊ MINH	TRÍ	15/10/93	DH11KM															
70	11143183	BÙI THỊ	TRINH	02/04/93	DH11KM															
71	10143090	VÕ THỊ VI	TRINH	06/01/92	DH10KM															
72	11143242	PHẠM THỊ THANH	TRÚC	10/02/93	DH11KM															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Định giá môi trường tài nguyên (208604) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 3
CBGD TS. Phan Thị Giác Tâm (278)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	11143114	NGUYỄN THỊ THU	TUYỀN	22/10/93	DH11KM															
74	11143116	LÊ THỊ	TUYẾT	12/01/93	DH11KM															
75	11143207	BẠCH THỊ PHƯƠNG	UYÊN	22/01/93	DH11KM															
76	11143233	NGUYỄN THU	VÂN	05/08/93	DH11KM															
77	11143118	PHẠM THỊ	VÓC	10/09/93	DH11KM															
78	11143222	TRƯƠNG VĂN	VƯƠNG	20/10/93	DH11KM															
79	11143146	ĐẶNG KIỀU THÚY	VY	15/01/93	DH11KM															
80	11143133	TRƯƠNG HỒNG	YẾN	24/06/93	DH11KM															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Định giá môi trường tài nguyên (208604) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 3
CBGD TS. Đặng Thanh Hà (272)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	11143147	ĐỖ QUỲNH	ANH	24/05/93	DH11KM															
2	11143184	HOÀNG THỊ NGỌC	ANH	10/04/93	DH11KM															
3	11173002	LÊ THỊ PHƯƠNG	ANH	09/04/92	DH11KM															
4	11143148	VŨ THỊ NGỌC	ÁNH	20/07/92	DH11KM															
5	11143036	TRẦN QUỐC	BẢO	02/03/93	DH11KM															
6	11143037	NGUYỄN PHƯƠNG	BÌNH	30/12/93	DH11KM															
7	11143181	PHAN THỊ	CHÂU	06/02/93	DH11KM															
8	11143152	HỒ LÊ YẾN	CHI	05/04/93	DH11KM															
9	11143039	VĂN THỊ THÁI	CHI	04/07/93	DH11KM															
10	11143223	NGUYỄN QUỐC	CƯỜNG	09/09/93	DH11KM															
11	11143136	NGUYỄN THỊ	DOANH	20/03/93	DH11KM															
12	11143187	ĐOÀN THỊ THÙY	DUNG	17/09/93	DH11KM															
13	10143012	TRẦN VĨNH	DUY	06/08/92	DH10KM															
14	11143161	TRƯƠNG VĨNH	DUY	19/07/93	DH11KM															
15	11143226	LÊ PHAN HUYỀN	DUYÊN	24/04/93	DH11KM															
16	11143185	NGUYỄN THỊ NGỌC	DUYÊN	31/07/93	DH11KM															
17	11143044	NGUYỄN THỊ THÙY	DƯƠNG	14/08/93	DH11KM															
18	11143045	TRẦN THỊ THÙY	DƯƠNG	26/03/93	DH11KM															
19	11143166	PHẠM THỊ ĐA	GIÀU	30/04/93	DH11KM															
20	11143047	ĐỒNG THỊ VŨ	HÀ	11/01/93	DH11KM															
21	11143051	NGUYỄN THỊ THÚY	HẰNG	20/11/93	DH11KM															
22	11143231	NGUYỄN THU	HẰNG	08/05/93	DH11KM															
23	11143240	NGUYỄN HOÀNG MỸ	HÂN	22/09/93	DH11KM															
24	11143052	BÙI NGỌC	HIỀN	15/01/93	DH11KM															
25	11143055	TRẦN THỊ	HIỀN	19/12/93	DH11KM															
26	11143009	ĐINH THẾ	HÒA	18/04/92	DH11KM															
27	11143057	HOÀNG THỊ	HỒNG	10/02/93	DH11KM															
28	11143178	TRẦN THỊ MINH	HỒNG	01/06/93	DH11KM															
29	11143059	TRẦN THỊ KIM	HUỆ	22/10/93	DH11KM															
30	11143061	ĐỖ THỊ	HUYỀN	01/02/93	DH11KM															
31	11143229	BÙI THU	HƯƠNG	10/07/93	DH11KM															
32	11143158	VÕ NGỌC BẢO	KHUYÊN	10/07/93	DH11KM															
33	11143220	TRẦN NGÔ MỸ	LAN	14/07/89	DH11KM															
34	11143070	NGUYỄN BẢO	LÂM	11/03/93	DH11KM															
35	11143170	TRẦN THỊ KIM	LIÊN	10/07/92	DH11KM															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Định giá môi trường tài nguyên (208604) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 3
CBGD TS. Đặng Thanh Hà (272)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	11143190	LÊ KHÁNH	LINH	09/09/93	DH11KM															
37	11143193	NGUYỄN TRẦN BẢO	LINH	21/11/93	DH11KM															
38	11143012	QUÁCH LAN	LINH	30/06/93	DH11KM															
39	11143221	HOÀNG THỊ	LỤA	12/08/93	DH11KM															
40	11143125	PHẠM THỊ DIỄM	MY	21/03/93	DH11KM															
41	11143126	LƯU NGỌC	MỸ	06/09/92	DH11KM															
42	11143138	NGUYỄN THỊ MỸ	NGUYỆT	25/09/93	DH11KM															
43	11143016	NGUYỄN THỊ THANH	NHÃ	01/08/93	DH11KM															
44	11143082	KHA MINH	NHẬT	09/09/93	DH11KM															
45	11143084	NGUYỄN SO	NI	20/07/93	DH11KM															
46	11143085	HUỲNH TẤN	PHÚC	14/07/93	DH11KM															
47	11143086	TRƯƠNG THỊ LIÊN	PHƯƠNG	13/03/93	DH11KM															
48	11143087	MAI THỊ	PHƯỢNG	10/12/92	DH11KM															
49	08143056	TRƯƠNG THỊ HOA	PHƯỢNG	19/05/90	DH08KM															
50	11143089	NGUYỄN THỊ	SÂM	12/02/92	DH11KM															
51	11143189	LÊ NGỌC	SƠN	09/10/92	DH11KM															
52	11143238	NGUYỄN THỊ TUYẾT	SƯƠNG	22/12/93	DH11KM															
53	11143090	NGUYỄN THỊ MINH	TÂM	12/09/93	DH11KM															
54	11143210	TRẦN THỊ KIM	THANH	09/11/93	DH11KM															
55	11143094	PHẠM THỊ PHƯƠNG	THẢO	08/08/93	DH11KM															
56	11143022	TRẦN LÊ PHƯƠNG	THẢO	17/01/93	DH11KM															
57	11143096	TRỊNH THỊ THU	THẢO	/ /93	DH11KM															
58	11143172	TRẦN THANH KIM	THUẬN	15/02/92	DH11KM															
59	11143101	LÊ ĐAN	THÙY	14/07/91	DH11KM															
60	11143247	ĐOÀN THỊ THANH	THÚY	01/01/93	DH11KM															
61	11143103	PHẠM ĐAN	THƯ	14/10/93	DH11KM															
62	11143196	TRẦN THỊ HƯƠNG	TRÀ	21/03/93	DH11KM															
63	11143131	HỒ KIỀU	TRANG	27/05/93	DH11KM															
64	11143108	NGUYỄN HUYỀN	TRANG	26/05/93	DH11KM															
65	11143109	NGUYỄN THÁI HỒNG	TRANG	17/08/93	DH11KM															
66	11143132	TRƯƠNG DIỄM	TRANG	22/03/92	DH11KM															
67	11143211	VŨ THỊ MINH	TRANG	16/03/92	DH11KM															
68	11143204	ĐINH NGỌC BẢO	TRÂM	11/01/93	DH11KM															
69	11143202	ĐÀO HỮU	TRÍ	29/05/93	DH11KM															
70	11143143	LÊ THỊ MỸ	TRINH	18/08/93	DH11KM															
71	11143245	KHỔNG MINH	TRUNG	18/03/93	DH11KM															
72	11143028	PHẠM MINH	TUẤN	21/11/93	DH11KM															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Định giá môi trường tài nguyên (208604) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 3
CBGD TS. Đặng Thanh Hà (272)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	11143244	HUỲNH MINH	TÙNG	07/03/93	DH11KM															
74	11143224	PHẠM THANH	TÙNG	11/11/92	DH11KM															
75	11143144	NGUYỄN THỊ KIM	TUYỀN	28/04/93	DH11KM															
76	11143115	HỒ THỊ MINH	TUYẾT	10/07/93	DH11KM															
77	11143239	NGUYỄN THỊ	VIỆT	29/03/93	DH11KM															
78	11143119	LÊ	VŨ	04/09/92	DH11KM															
79	11143151	PHẠM NHƯ	Ý	15/08/93	DH11KM															
80	11143120	PHAN THỊ	YẾN	20/12/93	DH11KM															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Kinh tế QL khoáng sản N lượng (208608) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD TS. Đặng Minh Phương (287)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	11143002	LÊ TUẤN	ANH	09/01/93	DH11KM															
2	11143148	VŨ THỊ NGỌC	ÁNH	20/07/92	DH11KM															
3	11143036	TRẦN QUỐC	BẢO	02/03/93	DH11KM															
4	11143037	NGUYỄN PHƯƠNG	BÌNH	30/12/93	DH11KM															
5	11143152	HỒ LÊ YẾN	CHI	05/04/93	DH11KM															
6	11143122	ĐÀO THỊ THANH	CHUNG	14/01/92	DH11KM															
7	11143223	NGUYỄN QUỐC	CƯỜNG	09/09/93	DH11KM															
8	11143042	TRẦN THỊ KIM	DUNG	10/07/93	DH11KM															
9	11143226	LÊ PHAN HUYỀN	DUYÊN	24/04/93	DH11KM															
10	11143003	TRẦN HOÀNG LINH	GIANG	25/03/93	DH11KM															
11	11143166	PHẠM THỊ ĐA	GIÀU	30/04/93	DH11KM															
12	11143047	ĐỒNG THỊ VŨ	HÀ	11/01/93	DH11KM															
13	11143004	NGUYỄN THỊ THU	HẰNG	08/05/93	DH11KM															
14	11143246	PHẠM THANH	HẰNG	14/08/93	DH11KM															
15	11143162	TRẦN KIM	HẰNG	25/05/93	DH11KM															
16	11143052	BÙI NGỌC	HIỀN	15/01/93	DH11KM															
17	11143212	NGUYỄN THỊ	HIỀN	25/04/93	DH11KM															
18	11143216	TRẦN THỊ	HIỀN	12/06/93	DH11KM															
19	11143031	TRẦN NGỌC	HIỆP	26/12/92	DH11KM															
20	11143007	LÊ THỊ	HOA	25/03/93	DH11KM															
21	11143061	ĐỖ THỊ	HUYỀN	01/02/93	DH11KM															
22	11143180	LÊ THỊ MỸ	HUYỀN	04/12/92	DH11KM															
23	11143010	TRẦN THỊ THU	HƯƠNG	11/12/93	DH11KM															
24	11143158	VÕ NGỌC BẢO	KHUYÊN	10/07/93	DH11KM															
25	12120210	LÔ THỊ THANH	LÂM	10/08/94	DH12KM															
26	11143013	LƯƠNG THỊ KIM	LOAN	05/07/93	DH11KM															
27	11143032	HỒ NGỌC BẢO	LY	14/11/93	DH11KM															
28	11143236	NGUYỄN THỊ	MAI	12/12/92	DH11KM															
29	11143234	LÊ THỊ	MY	15/03/93	DH11KM															
30	11143126	LƯU NGỌC	MỸ	06/09/92	DH11KM															
31	11143033	NGUYỄN THỊ	NA	19/05/93	DH11KM															
32	12120524	PHAN THỊ KIM	NGÂN	14/09/94	DH12KM															
33	11143073	LƯƠNG TRỌNG	NGHĨA	08/10/93	DH11KM															
34	11143076	TRẦN THỊ HỒNG	NGỌC	18/11/93	DH11KM															
35	11143077	HOÀNG THỊ THU	NGUYÊN	11/12/93	DH11KM															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kinh tế QL khoáng sản N lượng (208608) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD TS. Đặng Minh Phương (287)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	11143182	HUỲNH THỊ ANH	NHÀN	19/10/93	DH11KM															
37	11143139	TRẦN THỊ	NHỰT	21/06/93	DH11KM															
38	11143018	NGUYỄN THỊ THÚY	OANH	17/08/93	DH11KM															
39	11143086	TRƯƠNG THỊ LIÊN	PHƯƠNG	13/03/93	DH11KM															
40	11143177	NGUYỄN THỊ NGỌC	PHƯỢNG	13/06/93	DH11KM															
41	11143154	LÊ VĂN	QUANG	05/07/93	DH11KM															
42	11143167	LÊ THỊ	QUYÊN	28/06/93	DH11KM															
43	11143020	NGUYỄN THỊ TRÚC	QUYỀN	06/07/93	DH11KM															
44	11143089	NGUYỄN THỊ	SÂM	12/02/92	DH11KM															
45	11143189	LÊ NGỌC	SƠN	09/10/92	DH11KM															
46	11143238	NGUYỄN THỊ TUYẾT	SƯƠNG	22/12/93	DH11KM															
47	11143214	LÊ THỊ HỒNG	THANH	10/02/93	DH11KM															
48	11143209	NGUYỄN ĐOÀN HỒNG	THANH	14/06/93	DH11KM															
49	12120321	TRẦN THỊ	THANH	03/07/94	DH12KM															
50	11143210	TRẦN THỊ KIM	THANH	09/11/93	DH11KM															
51	11143092	NGUYỄN THỊ	THÀNH	06/04/93	DH11KM															
52	11143129	LÊ PHƯƠNG	THẢO	30/03/93	DH11KM															
53	12120373	LÝ THU	THẢO	15/11/94	DH12KM															
54	11143094	PHẠM THỊ PHƯƠNG	THẢO	08/08/93	DH11KM															
55	11143022	TRẦN LÊ PHƯƠNG	THẢO	17/01/93	DH11KM															
56	11143096	TRỊNH THỊ THU	THẢO	/ /93	DH11KM															
57	11143023	PHẠM NGỌC	THẮNG	06/05/93	DH11KM															
58	11143171	NGUYỄN HUỲNH	THI	07/10/93	DH11KM															
59	11143101	LÊ ĐAN	THÙY	14/07/91	DH11KM															
60	10143076	TRẦN THỊ THANH	THỦY	02/12/92	DH10KM															
61	12120136	TRẦN THỊ XUÂN	THỦY	21/09/94	DH12KM															
62	11143103	PHẠM ĐAN	THƯ	14/10/93	DH11KM															
63	11143213	TRẦN NGUYỄN ANH	THƯ	17/03/93	DH11KM															
64	11143025	NGUYỄN THỊ THỦY	TIÊN	24/03/93	DH11KM															
65	11143109	NGUYỄN THÁI HỒNG	TRANG	17/08/93	DH11KM															
66	11143211	VŨ THỊ MINH	TRANG	16/03/92	DH11KM															
67	11143027	NGUYỄN TRỌNG	TRÍ	08/05/93	DH11KM															
68	11143183	BÙI THỊ	TRINH	02/04/93	DH11KM															
69	11143228	NGUYỄN THỊ TÚ	TRINH	03/12/92	DH11KM															
70	11143245	KHỔNG MINH	TRUNG	18/03/93	DH11KM															
71	11143028	PHẠM MINH	TUẤN	21/11/93	DH11KM															
72	11143244	HUỲNH MINH	TÙNG	07/03/93	DH11KM															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kinh tế QL khoáng sản N lượng (208608) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD TS. Đặng Minh Phương (287)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	11143224	PHẠM THANH	TÙNG	11/11/92	DH11KM															
74	11143114	NGUYỄN THỊ THU	TUYỀN	22/10/93	DH11KM															
75	11143115	HỒ THỊ MINH	TUYẾT	10/07/93	DH11KM															
76	11143233	NGUYỄN THU	VÂN	05/08/93	DH11KM															
77	11143222	TRƯƠNG VĂN	VƯƠNG	20/10/93	DH11KM															
78	11143146	ĐẶNG KIỀU THÚY	VY	15/01/93	DH11KM															
79	11143151	PHẠM NHƯ	Ý	15/08/93	DH11KM															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Kinh tế QL khoáng sản N lượng (208608) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 2
CBGD TS. Đặng Minh Phương (287)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	11143184	HOÀNG THỊ NGỌC	ANH	10/04/93	DH11KM															
2	11173002	LÊ THỊ PHƯƠNG	ANH	09/04/92	DH11KM															
3	11143029	LÊ XUÂN	ANH	06/09/93	DH11KM															
4	11143191	HÀ THỊ THANH	CHI	01/10/93	DH11KM															
5	10143004	ĐOÀN VĂN	CHIẾN	06/03/92	DH10KM															
6	11143149	CAO THỊ MINH	CHÚC	28/04/93	DH11KM															
7	11143136	NGUYỄN THỊ	DOANH	20/03/93	DH11KM															
8	11143187	ĐOÀN THỊ THÙY	DUNG	17/09/93	DH11KM															
9	10143011	NGUYỄN NGỌC MINH	DUY	04/10/92	DH10KM															
10	11143161	TRƯƠNG VĨNH	DUY	19/07/93	DH11KM															
11	11143185	NGUYỄN THỊ NGỌC	DUYÊN	31/07/93	DH11KM															
12	11143044	NGUYỄN THỊ THÙY	DƯƠNG	14/08/93	DH11KM															
13	11143045	TRẦN THỊ THÙY	DƯƠNG	26/03/93	DH11KM															
14	11143160	HỒ PHƯỚC	ĐẠI	31/01/93	DH11KM															
15	11143046	LÊ THỊ HỒNG	GẤM	13/09/92	DH11KM															
16	11143168	LÊ THỊ	HÀ	26/09/93	DH11KM															
17	11143048	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	26/12/93	DH11KM															
18	11143051	NGUYỄN THỊ THÚY	HẰNG	20/11/93	DH11KM															
19	11143231	NGUYỄN THU	HẰNG	08/05/93	DH11KM															
20	11143240	NGUYỄN HOÀNG MỸ	HÂN	22/09/93	DH11KM															
21	10143027	DƯƠNG HOÀNG	HẬN	09/04/92	DH10KM															
22	11143005	HÀ THỊ THU	HẬU	28/05/93	DH11KM															
23	11143006	NÔNG THỊ	HIỀN	17/09/93	DH11KM															
24	11143055	TRẦN THỊ	HIỀN	19/12/93	DH11KM															
25	11143215	TÔ MINH	HIẾU	23/07/93	DH11KM															
26	11143056	NGUYỄN THỊ	HÒA	20/10/93	DH11KM															
27	11143057	HOÀNG THỊ	HỒNG	10/02/93	DH11KM															
28	11143178	TRẦN THỊ MINH	HỒNG	01/06/93	DH11KM															
29	11143059	TRẦN THỊ KIM	HUỆ	22/10/93	DH11KM															
30	11143155	TRẦN THỊ	HUYỀN	03/04/93	DH11KM															
31	11143011	NÔNG THỊ	HƯỜNG	07/06/92	DH11KM															
32	11143156	NGUYỄN HOÀNG DUY	KHANH	21/07/93	DH11KM															
33	11143065	NGUYỄN HỒNG	KIM	29/12/93	DH11KM															
34	11143067	HUỲNH THỊ HOÀNG	LAN	03/02/92	DH11KM															
35	11143220	TRẦN NGÔ MỸ	LAN	14/07/89	DH11KM															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kinh tế QL khoáng sản N lượng (208608) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 2
CBGD TS. Đặng Minh Phương (287)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	11143170	TRẦN THỊ KIM	LIÊN	10/07/92	DH11KM															
37	11143190	LÊ KHÁNH	LINH	09/09/93	DH11KM															
38	11143153	NGÔ HOÀI	LINH	18/07/93	DH11KM															
39	11143193	NGUYỄN TRẦN BẢO	LINH	21/11/93	DH11KM															
40	11143232	PHAN VỦ	LINH	/ /92	DH11KM															
41	11143072	TRƯƠNG NGUYỄN PHƯƠ	LỘC	28/03/91	DH11KM															
42	11143221	HOÀNG THỊ	LỤA	12/08/93	DH11KM															
43	10143040	LÊ TRÁC TUẤN	MINH	15/05/91	DH10KM															
44	11143125	PHẠM THỊ DIỄM	MY	21/03/93	DH11KM															
45	11143237	ĐẶNG THỊ	NGA	10/08/93	DH11KM															
46	12120362	ĐỖ LƯƠNG NHƯ	NGỌC	10/10/94	DH12KM															
47	11143074	NGUYỄN THỊ	NGỌC	17/08/93	DH11KM															
48	11143248	NGUYỄN NGỌC THẢO	NGUYÊN	28/03/93	DH11KM															
49	11143138	NGUYỄN THỊ MỸ	NGUYỆT	25/09/93	DH11KM															
50	11143082	KHA MINH	NHẬT	09/09/93	DH11KM															
51	11143083	PHẠM THỊ HÀ	NHƯ	03/08/93	DH11KM															
52	11143251	TRẦN THỊ QUỲNH	NHƯ	01/06/92	DH11KM															
53	11143140	NGUYỄN THỊ HOÀI	PHÚ	03/06/93	DH11KM															
54	10143054	ĐOÀN VĂN	PHÚC	06/06/92	DH10KM															
55	11143087	MAI THỊ	PHƯỢNG	10/12/92	DH11KM															
56	11143186	NGUYỄN HY	QUÂN	20/02/93	DH11KM															
57	11143088	NGUYỄN THẾ	QUYỀN	07/03/92	DH11KM															
58	11143188	DIỆP NHƯ	QUỲNH	10/12/93	DH11KM															
59	11143090	NGUYỄN THỊ MINH	TÂM	12/09/93	DH11KM															
60	11143241	DƯƠNG THỊ THANH	THẢO	04/01/93	DH11KM															
61	11143173	HUỲNH THỊ BÍCH	THẢO	25/08/93	DH11KM															
62	11143093	NGUYỄN NGỌC	THẢO	19/09/93	DH11KM															
63	11143021	NGUYỄN THỊ	THẢO	26/07/93	DH11KM															
64	11143095	TRẦN NGỌC PHƯƠNG	THẢO	13/12/93	DH11KM															
65	11143097	VÕ THỊ THU	THẢO	07/01/93	DH11KM															
66	11143098	NGÔ NGỌC	THẮM	28/12/93	DH11KM															
67	11143201	TRẦN THỊ	THỊNH	10/09/93	DH11KM															
68	09143031	NGUYỄN THỊ NGỌC	THÔNG	09/01/91	DH09KM															
69	11143099	CAO THỊ LỆ	THU	10/05/93	DH11KM															
70	11143172	TRẦN THANH KIM	THUẬN	15/02/92	DH11KM															
71	11143247	ĐOÀN THỊ THANH	THÚY	01/01/93	DH11KM															
72	11143024	PHẠM THỊ HỒNG	THÚY	24/12/93	DH11KM															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kinh tế QL khoáng sản N lượng (208608) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 2
CBGD TS. Đặng Minh Phương (287)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	11143141	NGUYỄN THỊ HỒNG	THƯ	13/01/93	DH11KM															
74	11143203	NGUYỄN THỊ TRANG	THƯ	24/02/93	DH11KM															
75	11143104	ĐINH NGUYỄN HOÀI	THƯƠNG	29/06/93	DH11KM															
76	11143130	NGUYỄN THỊ KIỀU	TIÊN	27/03/93	DH11KM															
77	11143198	TÔ DUY	TIẾN	15/08/93	DH11KM															
78	11143131	HỒ KIỀU	TRANG	27/05/93	DH11KM															
79	11143110	NGUYỄN THỊ	TRANG	20/02/93	DH11KM															
80	11143142	TRẦN THỊ KIỀU	TRANG	20/05/93	DH11KM															
81	11143112	TRẦN THỊ THU	TRANG	06/07/93	DH11KM															
82	11143132	TRƯƠNG DIỄM	TRANG	22/03/92	DH11KM															
83	11143204	ĐINH NGỌC BẢO	TRÂM	11/01/93	DH11KM															
84	11143026	NGUYỄN THỊ BẢO	TRÂM	07/10/93	DH11KM															
85	11143202	ĐÀO HỮU	TRÍ	29/05/93	DH11KM															
86	11143174	LÊ THỊ MINH	TRÍ	15/10/93	DH11KM															
87	11143143	LÊ THỊ MỸ	TRINH	18/08/93	DH11KM															
88	11143242	PHẠM THỊ THANH	TRÚC	10/02/93	DH11KM															
89	11143144	NGUYỄN THỊ KIM	TUYỀN	28/04/93	DH11KM															
90	11143116	LÊ THỊ	TUYẾT	12/01/93	DH11KM															
91	11143207	BẠCH THỊ PHƯƠNG	UYÊN	22/01/93	DH11KM															
92	11143239	NGUYỄN THỊ	VIỆT	29/03/93	DH11KM															
93	11143118	PHẠM THỊ	VÓC	10/09/93	DH11KM															
94	11143119	LÊ	VŨ	04/09/92	DH11KM															
95	11143133	TRƯƠNG HỒNG	YẾN	24/06/93	DH11KM															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Kinh tế QL tài nguyên nước (208609) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD TS. Phan Thị Giác Tâm (278)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	11143147	ĐỖ QUỲNH	ANH	24/05/93	DH11KM															
2	11173002	LÊ THỊ PHƯƠNG	ANH	09/04/92	DH11KM															
3	11143002	LÊ TUẤN	ANH	09/01/93	DH11KM															
4	12120246	LÊ THỊ HỒNG	ÁNH	22/08/94	DH12KM															
5	11143037	NGUYỄN PHƯƠNG	BÌNH	30/12/93	DH11KM															
6	11143191	HÀ THỊ THANH	CHI	01/10/93	DH11KM															
7	11143039	VĂN THỊ THÁI	CHI	04/07/93	DH11KM															
8	11143149	CAO THỊ MINH	CHÚC	28/04/93	DH11KM															
9	12120580	ĐỒNG THỊ	CHUNG	14/05/94	DH12KM															
10	12120054	PHẠM NGUYỄN CẨM	DUNG	27/08/94	DH12KM															
11	12120183	PHAN VŨ LÊ	DUY	22/05/94	DH12KM															
12	12120529	TRẦN VŨ NHẬT	DUY	11/03/94	DH12KM															
13	11143044	NGUYỄN THỊ THÙY	DƯƠNG	14/08/93	DH11KM															
14	12120400	ĐỒNG ĐƠN	ĐỊNH	24/07/94	DH12KM															
15	12120401	NGUYỄN QUỐC TRẦN	ĐỨC	15/10/93	DH12KM															
16	11143051	NGUYỄN THỊ THÚY	HẰNG	20/11/93	DH11KM															
17	11143005	HÀ THỊ THU	HẬU	28/05/93	DH11KM															
18	11143216	TRẦN THỊ	HIỀN	12/06/93	DH11KM															
19	12120188	NGUYỄN THỊ NGỌC	HIỆP	01/03/94	DH12KM															
20	11143215	TÔ MINH	HIẾU	23/07/93	DH11KM															
21	12120075	NGUYỄN THỊ	HUYỀN	13/07/94	DH12KM															
22	11143155	TRẦN THỊ	HUYỀN	03/04/93	DH11KM															
23	12120007	NGÔ NGUYỄN CHÂU	KHANH	22/05/94	DH12KM															
24	12120080	NGÔ HỮU	KHIÊM	24/08/93	DH12KM															
25	12120083	PHAN THỊ	LÀI	20/09/94	DH12KM															
26	11143220	TRẦN NGÔ MỸ	LAN	14/07/89	DH11KM															
27	12120389	ĐỖ THỊ MỸ	LỆ	13/04/94	DH12KM															
28	12120493	BÙI HUỆ ĐỨC MỸ	LINH	31/10/94	DH12KM															
29	12120085	LÊ DIỆU TUYẾT	LINH	09/02/94	DH12KM															
30	11143153	NGÔ HOÀI	LINH	18/07/93	DH11KM															
31	11143012	QUÁCH LAN	LINH	30/06/93	DH11KM															
32	12120087	TRẦN THỊ NHẠN	LINH	07/04/94	DH12KM															
33	12120088	HUỲNH THỊ MỸ	LOAN	27/12/93	DH12KM															
34	11143013	LƯƠNG THỊ KIM	LOAN	05/07/93	DH11KM															
35	11143032	HỒ NGỌC BẢO	LY	14/11/93	DH11KM															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kinh tế QL tài nguyên nước (208609) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD TS. Phan Thị Giác Tâm (278)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	12120175	NGUYỄN THỊ THU	LÝ	02/10/94	DH12KM															
37	12120399	LÊ THỊ NGỌC	MINH	23/12/94	DH12KM															
38	12120098	PHẠM PHÙNG TIỂU	MY	28/02/94	DH12KM															
39	12120590	LÊ THỊ THANH	NA	19/07/94	DH12KM															
40	12120010	PHAN HOÀNG	NAM	27/05/94	DH12KM															
41	12120398	NGUYỄN THỊ CHỨC	NĂNG	11/05/93	DH12KM															
42	12120422	NGUYỄN ĐỖ LINH THÀ	NGỌC	31/10/94	DH12KM															
43	11143248	NGUYỄN NGỌC THẢO	NGUYÊN	28/03/93	DH11KM															
44	12120557	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	24/10/94	DH12KM															
45	12120393	PHẠM VÂN	NHI	08/10/94	DH12KM															
46	12120197	VĂN THỊ THÙY	NHIÊN	30/12/94	DH12KM															
47	12120596	LÊ HOÀNG UYỂN	NHƯ	11/09/94	DH12KM															
48	12120199	NGUYỄN THỊ	NỞ	20/09/93	DH12KM															
49	11143127	PHAN DIỄM	PHÚC	23/11/93	DH11KM															
50	12120115	MAI THỊ KIM	PHỤNG	19/08/94	DH12KM															
51	12120118	HỒ THỊ	PHƯỚC	12/11/94	DH12KM															
52	11143167	LÊ THỊ	QUYÊN	28/06/93	DH11KM															
53	11143088	NGUYỄN THẾ	QUYỀN	07/03/92	DH11KM															
54	11143188	DIỆP NHƯ	QUỲNH	10/12/93	DH11KM															
55	12120035	NGUYỄN NGỌC	SƠN	12/06/94	DH12KM															
56	11143214	LÊ THỊ HỒNG	THANH	10/02/93	DH11KM															
57	11143129	LÊ PHƯƠNG	THẢO	30/03/93	DH11KM															
58	12120373	LÝ THU	THẢO	15/11/94	DH12KM															
59	11143021	NGUYỄN THỊ	THẢO	26/07/93	DH11KM															
60	11143094	PHẠM THỊ PHƯƠNG	THẢO	08/08/93	DH11KM															
61	12120544	BÙI THỊ HỒNG	THẮM	14/07/93	DH12KM															
62	11143098	NGÔ NGỌC	THẮM	28/12/93	DH11KM															
63	11143171	NGUYỄN HUỲNH	THI	07/10/93	DH11KM															
64	12120441	NGUYỄN THỊ	THU	08/08/94	DH12KM															
65	11143024	PHẠM THỊ HỒNG	THÚY	24/12/93	DH11KM															
66	11143025	NGUYỄN THỊ THỦY	TIÊN	24/03/93	DH11KM															
67	11143196	TRẦN THỊ HƯƠNG	TRÀ	21/03/93	DH11KM															
68	11143108	NGUYỄN HUYỀN	TRANG	26/05/93	DH11KM															
69	11143142	TRẦN THỊ KIỀU	TRANG	20/05/93	DH11KM															
70	11143112	TRẦN THỊ THU	TRANG	06/07/93	DH11KM															
71	11143026	NGUYỄN THỊ BẢO	TRÂM	07/10/93	DH11KM															
72	12120149	NGUYỄN THÙY THƯƠNG	TRÂM	30/06/94	DH12KM															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kinh tế QL tài nguyên nước (208609) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD TS. Phan Thị Giác Tâm (278)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	10143088	TRẦN THỊ NGỌC	TRÂM	18/03/91	DH10KM															
74	11143174	LÊ THỊ MINH	TRÍ	15/10/93	DH11KM															
75	11143207	BẠCH THỊ PHƯƠNG	UYÊN	22/01/93	DH11KM															
76	12120160	TRẦN THỊ THU	UYÊN	18/10/94	DH12KM															
77	12120161	TRẦN THẾ	VĂN	10/07/94	DH12KM															
78	12120505	PHAN THỊ THANH	XUÂN	25/05/94	DH12KM															
79	12120409	LÊ HOÀNG	YẾN	04/10/94	DH12KM															
80	12120602	TRẦN THỊ KIM	YẾN	08/11/92	DH12KM															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Kinh tế quản lý tài nguyên đất (208610) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD TS. Lê Quang Thông (275)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	11143147	ĐỖ QUỲNH	ANH	24/05/93	DH11KM															
2	11143001	HUỲNH NHẤT	ANH	07/12/93	DH11KM															
3	11143029	LÊ XUÂN	ANH	06/09/93	DH11KM															
4	12120045	ĐỒNG THỊ MỸ	BÌNH	05/02/94	DH12KM															
5	11143037	NGUYỄN PHƯƠNG	BÌNH	30/12/93	DH11KM															
6	11143181	PHAN THỊ	CHÂU	06/02/93	DH11KM															
7	11143039	VĂN THỊ THÁI	CHI	04/07/93	DH11KM															
8	10143007	VŨ MẠNH	CƯỜNG	10/05/92	DH10KM															
9	12120050	CAO THỊ HUỲNH	DAO	30/01/94	DH12KM															
10	11143136	NGUYỄN THỊ	DOANH	20/03/93	DH11KM															
11	11143044	NGUYỄN THỊ THÙY	DƯƠNG	14/08/93	DH11KM															
12	11143047	ĐỒNG THỊ VŨ	HÀ	11/01/93	DH11KM															
13	11143168	LÊ THỊ	HÀ	26/09/93	DH11KM															
14	11143048	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	26/12/93	DH11KM															
15	11143246	PHẠM THANH	HẰNG	14/08/93	DH11KM															
16	11143212	NGUYỄN THỊ	HIỀN	25/04/93	DH11KM															
17	11143031	TRẦN NGỌC	HIỆP	26/12/92	DH11KM															
18	11143009	ĐINH THẾ	HÒA	18/04/92	DH11KM															
19	11143057	HOÀNG THỊ	HỒNG	10/02/93	DH11KM															
20	11143229	BÙI THU	HƯƠNG	10/07/93	DH11KM															
21	12120306	NGUYỄN THỊ QUẾ	HƯƠNG	16/09/94	DH12KM															
22	11143010	TRẦN THỊ THU	HƯƠNG	11/12/93	DH11KM															
23	11143158	VÕ NGỌC BẢO	KHUYÊN	10/07/93	DH11KM															
24	12120081	NGUYỄN THẾ	KIỆT	03/12/94	DH12KM															
25	11143065	NGUYỄN HỒNG	KIM	29/12/93	DH11KM															
26	11143193	NGUYỄN TRẦN BẢO	LINH	21/11/93	DH11KM															
27	11143232	PHAN VỦ	LINH	/ /92	DH11KM															
28	11143012	QUÁCH LAN	LINH	30/06/93	DH11KM															
29	11143013	LƯƠNG THỊ KIM	LOAN	05/07/93	DH11KM															
30	11143072	TRƯƠNG NGUYỄN PHƯƠ	LỘC	28/03/91	DH11KM															
31	12120399	LÊ THỊ NGỌC	MINH	23/12/94	DH12KM															
32	11143125	PHẠM THỊ DIỄM	MY	21/03/93	DH11KM															
33	11143015	VŨ HÀ	MY	03/07/93	DH11KM															
34	10143046	VŨ NGỌC KIM	NGÂN	22/09/92	DH10KM															
35	11143073	LƯƠNG TRỌNG	NGHĨA	08/10/93	DH11KM															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kinh tế quản lý tài nguyên đất (208610) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD TS. Lê Quang Thông (275)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	11143075	NGUYỄN THỊ NHƯ	NGỌC	17/03/93	DH11KM															
37	11143076	TRẦN THỊ HỒNG	NGỌC	18/11/93	DH11KM															
38	11143138	NGUYỄN THỊ MỸ	NGUYỆT	25/09/93	DH11KM															
39	11143016	NGUYỄN THỊ THANH	NHÃ	01/08/93	DH11KM															
40	11143182	HUỲNH THỊ ANH	NHÀN	19/10/93	DH11KM															
41	11143082	KHA MINH	NHẬT	09/09/93	DH11KM															
42	12120557	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	24/10/94	DH12KM															
43	12120596	LÊ HOÀNG UYỂN	NHƯ	11/09/94	DH12KM															
44	11143251	TRẦN THỊ QUỲNH	NHƯ	01/06/92	DH11KM															
45	11143018	NGUYỄN THỊ THÚY	OANH	17/08/93	DH11KM															
46	11143140	NGUYỄN THỊ HOÀI	PHÚ	03/06/93	DH11KM															
47	11143127	PHAN DIỄM	PHÚC	23/11/93	DH11KM															
48	11143167	LÊ THỊ	QUYÊN	28/06/93	DH11KM															
49	11143088	NGUYỄN THẾ	QUYỀN	07/03/92	DH11KM															
50	11143188	DIỆP NHƯ	QUỲNH	10/12/93	DH11KM															
51	11143089	NGUYỄN THỊ	SÂM	12/02/92	DH11KM															
52	11143090	NGUYỄN THỊ MINH	TÂM	12/09/93	DH11KM															
53	11143209	NGUYỄN ĐOÀN HỒNG	THANH	14/06/93	DH11KM															
54	11143092	NGUYỄN THỊ	THÀNH	06/04/93	DH11KM															
55	11143129	LÊ PHƯƠNG	THẢO	30/03/93	DH11KM															
56	11143097	VÕ THỊ THU	THẢO	07/01/93	DH11KM															
57	11143201	TRẦN THỊ	THỊNH	10/09/93	DH11KM															
58	11143099	CAO THỊ LỆ	THU	10/05/93	DH11KM															
59	11143141	NGUYỄN THỊ HỒNG	THƯ	13/01/93	DH11KM															
60	11143203	NGUYỄN THỊ TRANG	THƯ	24/02/93	DH11KM															
61	11143213	TRẦN NGUYỄN ANH	THƯ	17/03/93	DH11KM															
62	11143104	ĐINH NGUYỄN HOÀI	THƯƠNG	29/06/93	DH11KM															
63	11143130	NGUYỄN THỊ KIỀU	TIÊN	27/03/93	DH11KM															
64	11143198	TÔ DUY	TIẾN	15/08/93	DH11KM															
65	11143196	TRẦN THỊ HƯƠNG	TRÀ	21/03/93	DH11KM															
66	11143131	HỒ KIỀU	TRANG	27/05/93	DH11KM															
67	11143108	NGUYỄN HUYỀN	TRANG	26/05/93	DH11KM															
68	11143110	NGUYỄN THỊ	TRANG	20/02/93	DH11KM															
69	11143142	TRẦN THỊ KIỀU	TRANG	20/05/93	DH11KM															
70	11143204	ĐINH NGỌC BẢO	TRÂM	11/01/93	DH11KM															
71	12120623	CAO THỊ BỬU	TRÂN	30/07/93	DH12KM															
72	11143143	LÊ THỊ MỸ	TRINH	18/08/93	DH11KM															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kinh tế quản lý tài nguyên đất (208610) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD TS. Lê Quang Thông (275)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	11143242	PHẠM THỊ THANH	TRÚC	10/02/93	DH11KM															
74	11143114	NGUYỄN THỊ THU	TUYỀN	22/10/93	DH11KM															
75	11143116	LÊ THỊ	TUYẾT	12/01/93	DH11KM															
76	11143239	NGUYỄN THỊ	VIỆT	29/03/93	DH11KM															
77	12120180	ĐẶNG THANH	VỦ	19/11/94	DH12KM															
78	12120505	PHAN THỊ THANH	XUÂN	25/05/94	DH12KM															
79	11143120	PHAN THỊ	YẾN	20/12/93	DH11KM															
80	11143133	TRƯƠNG HỒNG	YẾN	24/06/93	DH11KM															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Luật môi trường tài nguyên (208611) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Ngô Quang Cảnh (T731)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	12120038	ĐẶNG XUÂN	AN	01/01/94	DH12KM															
2	12120249	MAI THỊ TRÂM	ANH	10/06/94	DH12KM															
3	12120365	TRẦN VÂN	ANH	01/05/93	DH12KM															
4	12120580	ĐỒNG THỊ	CHUNG	14/05/94	DH12KM															
5	12120182	NGUYỄN MAI	CƯỜNG	17/09/94	DH12KM															
6	12120050	CAO THỊ HUỲNH	DAO	30/01/94	DH12KM															
7	12120270	NGUYỄN THỊ	DUNG	15/03/94	DH12KM															
8	12120184	MAI NGUYỄN PHẨM	DUYÊN	01/07/94	DH12KM															
9	12120400	ĐỒNG ĐƠN	ĐỊNH	24/07/94	DH12KM															
10	12120401	NGUYỄN QUỐC TRẦN	ĐỨC	15/10/93	DH12KM															
11	12120464	NGUYỄN THỊ HỒNG	HẢI	11/03/94	DH12KM															
12	12120063	NGUYỄN THỊ	HẠNH	15/07/94	DH12KM															
13	12120299	NGUYỄN NGỌC PHƯỢNG	HẰNG	26/12/94	DH12KM															
14	12120612	LÊ NHƯ	HÂN	28/05/94	DH12KM															
15	12120549	LÊ THỊ	HIỀN	10/03/94	DH12KM															
16	12120004	NGUYỄN THỊ	HOA	23/08/94	DH12KM															
17	12120584	NGUYỄN THỊ	HOÀI	26/11/93	DH12KM															
18	12120585	NGUYỄN KIM	HUYỀN	26/05/94	DH12KM															
19	12120076	NGUYỄN THỊ THANH	HUYỀN	07/03/94	DH12KM															
20	12120387	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	19/11/94	DH12KM															
21	12120042	LÝ THỊ PHI	KHANH	07/11/94	DH12KM															
22	12120007	NGÔ NGUYỄN CHÂU	KHANH	22/05/94	DH12KM															
23	12120081	NGUYỄN THẾ	KIỆT	03/12/94	DH12KM															
24	12120313	LÊ THỊ MỸ	KIM	20/08/94	DH12KM															
25	12120410	NGUYỄN THỊ	LỆ	11/02/94	DH12KM															
26	12120172	NGUYỄN THỊ NGỌC	LIÊN	28/09/94	DH12KM															
27	12120087	TRẦN THỊ NHẠN	LINH	07/04/94	DH12KM															
28	12120192	TRIỆU THỊ YẾN	LINH	11/06/94	DH12KM															
29	12120088	HUỲNH THỊ MỸ	LOAN	27/12/93	DH12KM															
30	11143013	LƯƠNG THỊ KIM	LOAN	05/07/93	DH11KM															
31	12120618	NGUYỄN TẤN	LỘC	04/05/93	DH12KM															
32	12120476	ĐẶNG THỊ TUYẾT	MINH	15/01/93	DH12KM															
33	12120275	TẠ SIÊU	MINH	16/08/93	DH12KM															
34	12120398	NGUYỄN THỊ CHỨC	NĂNG	11/05/93	DH12KM															
35	11143237	ĐẶNG THỊ	NGA	10/08/93	DH11KM															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Luật môi trường tài nguyên (208611) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Ngô Quang Cảnh (T731)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	12120194	LÊ THỊ DIỆU	NGÂN	14/02/94	DH12KM															
37	12120100	VÕ NHẬT KIM	NGÂN	06/12/94	DH12KM															
38	12120508	HÀ MINH	NGHI	02/09/94	DH12KM															
39	12120107	NGUYỄN THỊ UYỂN	NHI	03/01/94	DH12KM															
40	12120108	TRẦN THỊ HUỲNH	NHƯ	12/02/94	DH12KM															
41	12120199	NGUYỄN THỊ	NỞ	20/09/93	DH12KM															
42	12120111	LÊ THỊ KIM	OANH	25/08/94	DH12KM															
43	12120118	HỒ THỊ	PHƯỚC	12/11/94	DH12KM															
44	11143086	TRƯƠNG THỊ LIÊN	PHƯƠNG	13/03/93	DH11KM															
45	12120120	QUÁCH THỊ HỒNG	PHƯỢNG	09/04/94	DH12KM															
46	12120429	TRẦN THỊ HỒNG	RIÊNG	07/09/94	DH12KM															
47	12120122	ĐỖ THỊ HỒNG	SƯƠNG	13/03/94	DH12KM															
48	11143238	NGUYỄN THỊ TUYẾT	SƯƠNG	22/12/93	DH11KM															
49	12120123	NGUYỄN CÔNG	TÀI	13/05/94	DH12KM															
50	12120300	NGUYỄN LINH	TÂM	18/05/94	DH12KM															
51	12120490	ĐẶNG THỊ THU	THẢO	01/09/94	DH12KM															
52	11143129	LÊ PHƯƠNG	THẢO	30/03/93	DH11KM															
53	12120560	NGUYỄN THỊ	THẢO	06/02/94	DH12KM															
54	12120403	TRẦN THỊ	THẢO	10/05/93	DH12KM															
55	12120544	BÙI THỊ HỒNG	THẮM	14/07/93	DH12KM															
56	12120128	TRƯƠNG NGUYỄN KIM	THOA	06/01/94	DH12KM															
57	12120177	BÙI THỊ XUÂN	THU	15/11/94	DH12KM															
58	12120202	NGUYỄN THỊ MỘNG	THUÝ	08/06/94	DH12KM															
59	12120604	PHAN THANH	THÚY	22/09/94	DH12KM															
60	12120178	HUỲNH THỊ	THƯƠNG	14/04/94	DH12KM															
61	12120139	TRẦN HOÀI	THƯƠNG	23/10/94	DH12KM															
62	12120141	TRẦN ĐỨC	TIẾN	07/02/94	DH12KM															
63	12120143	LÊ THỊ HUYỀN	TRANG	11/03/94	DH12KM															
64	12120145	NGÔ NGỌC HUYỀN	TRANG	02/06/94	DH12KM															
65	12120147	THÁI NGUYỄN MINH	TRANG	01/01/94	DH12KM															
66	11143132	TRƯƠNG DIỄM	TRANG	22/03/92	DH11KM															
67	12120576	NGUYỄN HOÀNG	TRÂM	21/06/94	DH12KM															
68	12120149	NGUYỄN THÙY THƯƠNG	TRÂM	30/06/94	DH12KM															
69	12120341	ĐINH THỊ THẢO	TRÂN	28/06/94	DH12KM															
70	11143183	BÙI THỊ	TRINH	02/04/93	DH11KM															
71	12120457	PHẠM THỊ CẨM	TRINH	20/10/94	DH12KM															
72	12120156	ĐẶNG QUỐC	TUẤN	29/07/94	DH12KM															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Luật môi trường tài nguyên (208611) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Ngô Quang Cảnh (T731)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	12120500	HỒ THỊ THANH	TUYỀN	07/10/94	DH12KM															
74	12120542	NGUYỄN THỊ THANH	TUYỀN	14/11/94	DH12KM															
75	12120160	TRẦN THỊ THU	UYÊN	18/10/94	DH12KM															
76	12120161	TRẦN THẾ	VĂN	10/07/94	DH12KM															
77	12120456	HÀ THỊ KIỀU	VIÊN	26/01/94	DH12KM															
78	12120180	ĐẶNG THANH	VỦ	19/11/94	DH12KM															
79	12120326	ĐÀO THỊ MINH	VY	27/04/94	DH12KM															
80	12120505	PHAN THỊ THANH	XUÂN	25/05/94	DH12KM															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Chính sách QL TNMT (208612) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 3
CBGD TS. Đặng Minh Phương (287)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	11143002	LÊ TUẤN	ANH	09/01/93	DH11KM															
2	11143148	VŨ THỊ NGỌC	ÁNH	20/07/92	DH11KM															
3	11143036	TRẦN QUỐC	BẢO	02/03/93	DH11KM															
4	11143037	NGUYỄN PHƯƠNG	BÌNH	30/12/93	DH11KM															
5	11143152	HỒ LÊ YẾN	CHI	05/04/93	DH11KM															
6	12120243	TRƯƠNG THỊ KIỀU	DIỄM	22/12/93	DH12KM															
7	11143187	ĐOÀN THỊ THÙY	DUNG	17/09/93	DH11KM															
8	10143011	NGUYỄN NGỌC MINH	DUY	04/10/92	DH10KM															
9	11143226	LÊ PHAN HUYỀN	DUYÊN	24/04/93	DH11KM															
10	11143185	NGUYỄN THỊ NGỌC	DUYÊN	31/07/93	DH11KM															
11	11143166	PHẠM THỊ ĐA	GIÀU	30/04/93	DH11KM															
12	11143047	ĐỒNG THỊ VŨ	HÀ	11/01/93	DH11KM															
13	11143168	LÊ THỊ	HÀ	26/09/93	DH11KM															
14	11143231	NGUYỄN THU	HẰNG	08/05/93	DH11KM															
15	11143246	PHẠM THANH	HẰNG	14/08/93	DH11KM															
16	11143240	NGUYỄN HOÀNG MỸ	HÂN	22/09/93	DH11KM															
17	11143005	HÀ THỊ THU	HẬU	28/05/93	DH11KM															
18	11143052	BÙI NGỌC	HIỀN	15/01/93	DH11KM															
19	11143212	NGUYỄN THỊ	HIỀN	25/04/93	DH11KM															
20	11143055	TRẦN THỊ	HIỀN	19/12/93	DH11KM															
21	11143216	TRẦN THỊ	HIỀN	12/06/93	DH11KM															
22	11143031	TRẦN NGỌC	HIỆP	26/12/92	DH11KM															
23	11143009	ĐINH THẾ	HÒA	18/04/92	DH11KM															
24	10143029	VÕ THỊ MỸ	HÒA	09/08/92	DH10KM															
25	11143180	LÊ THỊ MỸ	HUYỀN	04/12/92	DH11KM															
26	11143155	TRẦN THỊ	HUYỀN	03/04/93	DH11KM															
27	11143229	BÙI THU	HƯƠNG	10/07/93	DH11KM															
28	11143156	NGUYỄN HOÀNG DUY	KHANH	21/07/93	DH11KM															
29	11143158	VÕ NGỌC BẢO	KHUYÊN	10/07/93	DH11KM															
30	10143036	LÊ TUẤN	KIỆT	19/01/92	DH10KM															
31	11143065	NGUYỄN HỒNG	KIM	29/12/93	DH11KM															
32	11143067	HUỲNH THỊ HOÀNG	LAN	03/02/92	DH11KM															
33	11143070	NGUYỄN BẢO	LÂM	11/03/93	DH11KM															
34	11143190	LÊ KHÁNH	LINH	09/09/93	DH11KM															
35	11143193	NGUYỄN TRẦN BẢO	LINH	21/11/93	DH11KM															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Chính sách QL TNMT (208612) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 3
CBGD TS. Đặng Minh Phương (287)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	11143072	TRƯƠNG NGUYỄN PHƯƠ	LỘC	28/03/91	DH11KM															
37	11143236	NGUYỄN THỊ	MAI	12/12/92	DH11KM															
38	11143234	LÊ THỊ	MY	15/03/93	DH11KM															
39	11143125	PHẠM THỊ DIỄM	MY	21/03/93	DH11KM															
40	11143126	LƯU NGỌC	MỸ	06/09/92	DH11KM															
41	10143044	NGUYỄN NGỌC	NGÂN	11/01/92	DH10KM															
42	11143073	LƯƠNG TRỌNG	NGHĨA	08/10/93	DH11KM															
43	11143076	TRẦN THỊ HỒNG	NGỌC	18/11/93	DH11KM															
44	11143082	KHA MINH	NHẬT	09/09/93	DH11KM															
45	12120274	LÊ THỊ QUỲNH	NHƯ	04/06/93	DH12KM															
46	11143083	PHẠM THỊ HÀ	NHƯ	03/08/93	DH11KM															
47	11143140	NGUYỄN THỊ HOÀI	PHÚ	03/06/93	DH11KM															
48	11143085	HUỲNH TẤN	PHÚC	14/07/93	DH11KM															
49	11143086	TRƯƠNG THỊ LIÊN	PHƯƠNG	13/03/93	DH11KM															
50	11143177	NGUYỄN THỊ NGỌC	PHƯỢNG	13/06/93	DH11KM															
51	08143056	TRƯƠNG THỊ HOA	PHƯỢNG	19/05/90	DH08KM															
52	11143167	LÊ THỊ	QUYÊN	28/06/93	DH11KM															
53	11143089	NGUYỄN THỊ	SÂM	12/02/92	DH11KM															
54	11143189	LÊ NGỌC	SƠN	09/10/92	DH11KM															
55	11143238	NGUYỄN THỊ TUYẾT	SƯƠNG	22/12/93	DH11KM															
56	11143194	BÙI THỊ	THÁI	24/12/93	DH11KM															
57	11143209	NGUYỄN ĐOÀN HỒNG	THANH	14/06/93	DH11KM															
58	11143093	NGUYỄN NGỌC	THẢO	19/09/93	DH11KM															
59	11143094	PHẠM THỊ PHƯƠNG	THẢO	08/08/93	DH11KM															
60	11143095	TRẦN NGỌC PHƯƠNG	THẢO	13/12/93	DH11KM															
61	11143023	PHẠM NGỌC	THẮNG	06/05/93	DH11KM															
62	11143201	TRẦN THỊ	THỊNH	10/09/93	DH11KM															
63	09143031	NGUYỄN THỊ NGỌC	THÔNG	09/01/91	DH09KM															
64	11143197	ĐÀO THỊ THU	THỦY	14/05/93	DH11KM															
65	12120136	TRẦN THỊ XUÂN	THỦY	21/09/94	DH12KM															
66	10143078	VÕ NGUYÊN	THỦY	21/12/92	DH10KM															
67	11143247	ĐOÀN THỊ THANH	THÚY	01/01/93	DH11KM															
68	11143103	PHẠM ĐAN	THƯ	14/10/93	DH11KM															
69	11143213	TRẦN NGUYỄN ANH	THƯ	17/03/93	DH11KM															
70	11143130	NGUYỄN THỊ KIỀU	TIÊN	27/03/93	DH11KM															
71	11143110	NGUYỄN THỊ	TRANG	20/02/93	DH11KM															
72	11143142	TRẦN THỊ KIỀU	TRANG	20/05/93	DH11KM															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Chính sách QL TNMT (208612) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 3
CBGD TS. Đặng Minh Phương (287)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	11143112	TRẦN THỊ THU	TRANG	06/07/93	DH11KM															
74	11143132	TRƯƠNG DIỄM	TRANG	22/03/92	DH11KM															
75	11143211	VŨ THỊ MINH	TRANG	16/03/92	DH11KM															
76	11143204	ĐINH NGỌC BẢO	TRÂM	11/01/93	DH11KM															
77	10143088	TRẦN THỊ NGỌC	TRÂM	18/03/91	DH10KM															
78	11143202	ĐÀO HỮU	TRÍ	29/05/93	DH11KM															
79	11143174	LÊ THỊ MINH	TRÍ	15/10/93	DH11KM															
80	11143027	NGUYỄN TRỌNG	TRÍ	08/05/93	DH11KM															
81	11143242	PHẠM THỊ THANH	TRÚC	10/02/93	DH11KM															
82	11143224	PHẠM THANH	TÙNG	11/11/92	DH11KM															
83	11143144	NGUYỄN THỊ KIM	TUYỀN	28/04/93	DH11KM															
84	11143115	HỒ THỊ MINH	TUYẾT	10/07/93	DH11KM															
85	11143116	LÊ THỊ	TUYẾT	12/01/93	DH11KM															
86	11143118	PHẠM THỊ	VÓC	10/09/93	DH11KM															
87	11143133	TRƯƠNG HỒNG	YẾN	24/06/93	DH11KM															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Chính sách QL TNMT (208612) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 3
CBGD TS. Đặng Minh Phương (287)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	11143184	HOÀNG THỊ NGỌC	ANH	10/04/93	DH11KM															
2	11143001	HUỲNH NHẤT	ANH	07/12/93	DH11KM															
3	11173002	LÊ THỊ PHƯƠNG	ANH	09/04/92	DH11KM															
4	11143029	LÊ XUÂN	ANH	06/09/93	DH11KM															
5	11143191	HÀ THỊ THANH	CHI	01/10/93	DH11KM															
6	10143004	ĐOÀN VĂN	CHIẾN	06/03/92	DH10KM															
7	11143149	CAO THỊ MINH	CHÚC	28/04/93	DH11KM															
8	11143122	ĐÀO THỊ THANH	CHUNG	14/01/92	DH11KM															
9	11143223	NGUYỄN QUỐC	CƯỜNG	09/09/93	DH11KM															
10	10143007	VŨ MẠNH	CƯỜNG	10/05/92	DH10KM															
11	11143136	NGUYỄN THỊ	DOANH	20/03/93	DH11KM															
12	11143042	TRẦN THỊ KIM	DUNG	10/07/93	DH11KM															
13	10143012	TRẦN VĨNH	DUY	06/08/92	DH10KM															
14	11143161	TRƯƠNG VĨNH	DUY	19/07/93	DH11KM															
15	11143044	NGUYỄN THỊ THÙY	DƯƠNG	14/08/93	DH11KM															
16	11143045	TRẦN THỊ THÙY	DƯƠNG	26/03/93	DH11KM															
17	11143160	HỒ PHƯỚC	ĐẠI	31/01/93	DH11KM															
18	10143022	PHẠM VĂN	ĐẠI	28/02/92	DH10KM															
19	11143046	LÊ THỊ HỒNG	GẤM	13/09/92	DH11KM															
20	11143048	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	26/12/93	DH11KM															
21	11143004	NGUYỄN THỊ THU	HẰNG	08/05/93	DH11KM															
22	11143051	NGUYỄN THỊ THÚY	HẰNG	20/11/93	DH11KM															
23	11143006	NÔNG THỊ	HIỀN	17/09/93	DH11KM															
24	11143215	TÔ MINH	HIẾU	23/07/93	DH11KM															
25	11143056	NGUYỄN THỊ	HÒA	20/10/93	DH11KM															
26	10143030	LÊ THANH	HOÀNG	19/02/92	DH10KM															
27	11143057	HOÀNG THỊ	HỒNG	10/02/93	DH11KM															
28	11143178	TRẦN THỊ MINH	HỒNG	01/06/93	DH11KM															
29	11143059	TRẦN THỊ KIM	HUỆ	22/10/93	DH11KM															
30	11143061	ĐỖ THỊ	HUYỀN	01/02/93	DH11KM															
31	12120387	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	19/11/94	DH12KM															
32	11143011	NÔNG THỊ	HƯỜNG	07/06/92	DH11KM															
33	10143035	HOÀNG VĂN	KIÊM	27/02/92	DH10KM															
34	11143220	TRẦN NGÔ MỸ	LAN	14/07/89	DH11KM															
35	11143170	TRẦN THỊ KIM	LIÊN	10/07/92	DH11KM															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Chính sách QL TNMT (208612) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 3
CBGD TS. Đặng Minh Phương (287)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	11143153	NGÔ HOÀI	LINH	18/07/93	DH11KM															
37	11143232	PHAN VỦ	LINH	/ /92	DH11KM															
38	11143013	LƯƠNG THỊ KIM	LOAN	05/07/93	DH11KM															
39	10143040	LÊ TRÁC TUẤN	MINH	15/05/91	DH10KM															
40	11143033	NGUYỄN THỊ	NA	19/05/93	DH11KM															
41	11143074	NGUYỄN THỊ	NGỌC	17/08/93	DH11KM															
42	11143077	HOÀNG THỊ THU	NGUYÊN	11/12/93	DH11KM															
43	11143248	NGUYỄN NGỌC THẢO	NGUYÊN	28/03/93	DH11KM															
44	11143138	NGUYỄN THỊ MỸ	NGUYỆT	25/09/93	DH11KM															
45	11143016	NGUYỄN THỊ THANH	NHÃ	01/08/93	DH11KM															
46	11143182	HUỲNH THỊ ANH	NHÀN	19/10/93	DH11KM															
47	11143139	TRẦN THỊ	NHỰT	21/06/93	DH11KM															
48	11143018	NGUYỄN THỊ THÚY	OANH	17/08/93	DH11KM															
49	10143054	ĐOÀN VĂN	PHÚC	06/06/92	DH10KM															
50	11143087	MAI THỊ	PHƯỢNG	10/12/92	DH11KM															
51	11143154	LÊ VĂN	QUANG	05/07/93	DH11KM															
52	11143186	NGUYỄN HY	QUÂN	20/02/93	DH11KM															
53	11143088	NGUYỄN THẾ	QUYỀN	07/03/92	DH11KM															
54	11143020	NGUYỄN THỊ TRÚC	QUYỀN	06/07/93	DH11KM															
55	11143188	DIỆP NHƯ	QUỲNH	10/12/93	DH11KM															
56	11143090	NGUYỄN THỊ MINH	TÂM	12/09/93	DH11KM															
57	11143210	TRẦN THỊ KIM	THANH	09/11/93	DH11KM															
58	11143092	NGUYỄN THỊ	THÀNH	06/04/93	DH11KM															
59	11143241	DƯƠNG THỊ THANH	THẢO	04/01/93	DH11KM															
60	11143173	HUỲNH THỊ BÍCH	THẢO	25/08/93	DH11KM															
61	11143129	LÊ PHƯƠNG	THẢO	30/03/93	DH11KM															
62	11143021	NGUYỄN THỊ	THẢO	26/07/93	DH11KM															
63	11143096	TRỊNH THỊ THU	THẢO	/ /93	DH11KM															
64	11143097	VÕ THỊ THU	THẢO	07/01/93	DH11KM															
65	11143098	NGÔ NGỌC	THẮM	28/12/93	DH11KM															
66	10143070	LÊ THỊ BÍCH	THI	19/02/92	DH10KM															
67	11143171	NGUYỄN HUỲNH	THI	07/10/93	DH11KM															
68	11143099	CAO THỊ LỆ	THU	10/05/93	DH11KM															
69	11143172	TRẦN THANH KIM	THUẬN	15/02/92	DH11KM															
70	11143101	LÊ ĐAN	THÙY	14/07/91	DH11KM															
71	11143024	PHẠM THỊ HỒNG	THÚY	24/12/93	DH11KM															
72	11143141	NGUYỄN THỊ HỒNG	THƯ	13/01/93	DH11KM															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Chính sách QL TNMT (208612) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 3
CBGD TS. Đặng Minh Phương (287)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	11143203	NGUYỄN THỊ TRANG	THƯ	24/02/93	DH11KM															
74	11143104	ĐINH NGUYỄN HOÀI	THƯƠNG	29/06/93	DH11KM															
75	11143198	TÔ DUY	TIẾN	15/08/93	DH11KM															
76	11143106	NGÔ NGỌC	TOÀN	17/02/93	DH11KM															
77	11143131	HỒ KIỀU	TRANG	27/05/93	DH11KM															
78	11143109	NGUYỄN THÁI HỒNG	TRANG	17/08/93	DH11KM															
79	11143026	NGUYỄN THỊ BẢO	TRÂM	07/10/93	DH11KM															
80	11143183	BÙI THỊ	TRINH	02/04/93	DH11KM															
81	11143143	LÊ THỊ MỸ	TRINH	18/08/93	DH11KM															
82	11143228	NGUYỄN THỊ TÚ	TRINH	03/12/92	DH11KM															
83	10143091	LÊ	TRỌNG	08/08/92	DH10KM															
84	11143245	KHỔNG MINH	TRUNG	18/03/93	DH11KM															
85	11143028	PHẠM MINH	TUẤN	21/11/93	DH11KM															
86	11143244	HUỲNH MINH	TÙNG	07/03/93	DH11KM															
87	11143114	NGUYỄN THỊ THU	TUYỀN	22/10/93	DH11KM															
88	11143207	BẠCH THỊ PHƯƠNG	UYÊN	22/01/93	DH11KM															
89	11143233	NGUYỄN THU	VÂN	05/08/93	DH11KM															
90	11143239	NGUYỄN THỊ	VIỆT	29/03/93	DH11KM															
91	11143119	LÊ	VŨ	04/09/92	DH11KM															
92	11143146	ĐẶNG KIỀU THÚY	VY	15/01/93	DH11KM															
93	11143151	PHẠM NHƯ	Ý	15/08/93	DH11KM															
94	11143120	PHAN THỊ	YẾN	20/12/93	DH11KM															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Kinh tế quản lý môi trường DN (208613) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 3
CBGD TS. Đặng Thanh Hà (272)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	11143001	HUỲNH NHẤT	ANH	07/12/93	DH11KM															
2	12120392	TRẦN VÂN	ANH	01/11/94	DH12KM															
3	11143037	NGUYỄN PHƯƠNG	BÌNH	30/12/93	DH11KM															
4	11143191	HÀ THỊ THANH	CHI	01/10/93	DH11KM															
5	11143039	VĂN THỊ THÁI	CHI	04/07/93	DH11KM															
6	12120243	TRƯƠNG THỊ KIỀU	DIỄM	22/12/93	DH12KM															
7	12120263	LÊ NGỌC	DIỆP	08/01/93	DH12KM															
8	11143136	NGUYỄN THỊ	DOANH	20/03/93	DH11KM															
9	11143187	ĐOÀN THỊ THÙY	DUNG	17/09/93	DH11KM															
10	12120270	NGUYỄN THỊ	DUNG	15/03/94	DH12KM															
11	11143185	NGUYỄN THỊ NGỌC	DUYÊN	31/07/93	DH11KM															
12	12120247	HUỲNH DŨNG	DƯƠNG	02/09/94	DH12KM															
13	11143160	HỒ PHƯỚC	ĐẠI	31/01/93	DH11KM															
14	11143046	LÊ THỊ HỒNG	GẤM	13/09/92	DH11KM															
15	11143003	TRẦN HOÀNG LINH	GIANG	25/03/93	DH11KM															
16	11143166	PHẠM THỊ ĐA	GIÀU	30/04/93	DH11KM															
17	12120259	HÀ THỊ CẨM	HẰNG	06/08/94	DH12KM															
18	12120299	NGUYỄN NGỌC PHƯỢNG	HẰNG	26/12/94	DH12KM															
19	12120066	DƯƠNG NGỌC BẢO	HÂN	15/08/94	DH12KM															
20	12120592	ĐẶNG CÔNG	HẬU	04/04/94	DH12KM															
21	11143005	HÀ THỊ THU	HẬU	28/05/93	DH11KM															
22	12120549	LÊ THỊ	HIỀN	10/03/94	DH12KM															
23	11143031	TRẦN NGỌC	HIỆP	26/12/92	DH11KM															
24	11143007	LÊ THỊ	HOA	25/03/93	DH11KM															
25	12120209	LƯƠNG THỊ	HÒA	10/10/94	DH12KM															
26	11143056	NGUYỄN THỊ	HÒA	20/10/93	DH11KM															
27	12120258	NGUYỄN NHƯ	HOÀNG	12/12/93	DH12KM															
28	12120296	NGUYỄN THANH	HOÀNG	05/04/94	DH12KM															
29	12120189	BÙI THỊ	HUYỀN	19/11/94	DH12KM															
30	11143061	ĐỖ THỊ	HUYỀN	01/02/93	DH11KM															
31	11143229	BÙI THU	HƯƠNG	10/07/93	DH11KM															
32	11143010	TRẦN THỊ THU	HƯƠNG	11/12/93	DH11KM															
33	12120042	LÝ THỊ PHI	KHANH	07/11/94	DH12KM															
34	11143067	HUỲNH THỊ HOÀNG	LAN	03/02/92	DH11KM															
35	12120493	BÙI HUỆ ĐỨC MỸ	LINH	31/10/94	DH12KM															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kinh tế quản lý môi trường DN (208613) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 3
CBGD TS. Đặng Thanh Hà (272)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	11143190	LÊ KHÁNH	LINH	09/09/93	DH11KM															
37	11143232	PHAN VỦ	LINH	/ /92	DH11KM															
38	12120211	TRẦN THỊ	LỢI	04/12/94	DH12KM															
39	12120267	PHAN THÀNH	LỰC	24/07/94	DH12KM															
40	12120589	NGUYỄN THỊ THÙY	MỴ	07/02/94	DH12KM															
41	12120519	KIỀU MINH	NAM	10/11/94	DH12KM															
42	11143073	LƯƠNG TRỌNG	NGHĨA	08/10/93	DH11KM															
43	11143074	NGUYỄN THỊ	NGỌC	17/08/93	DH11KM															
44	11143076	TRẦN THỊ HỒNG	NGỌC	18/11/93	DH11KM															
45	11143016	NGUYỄN THỊ THANH	NHÃ	01/08/93	DH11KM															
46	11143082	KHA MINH	NHẬT	09/09/93	DH11KM															
47	12120199	NGUYỄN THỊ	NỞ	20/09/93	DH12KM															
48	12120111	LÊ THỊ KIM	OANH	25/08/94	DH12KM															
49	12120114	TRƯƠNG VĂN	PHÚC	09/08/94	DH12KM															
50	11143087	MAI THỊ	PHƯỢNG	10/12/92	DH11KM															
51	12120487	BÙI HIỀN	QUYÊN	20/05/94	DH12KM															
52	12120035	NGUYỄN NGỌC	SƠN	12/06/94	DH12KM															
53	12120488	TRẦN THỊ THANH	TÂM	02/01/94	DH12KM															
54	11143209	NGUYỄN ĐOÀN HỒNG	THANH	14/06/93	DH11KM															
55	11143093	NGUYỄN NGỌC	THẢO	19/09/93	DH11KM															
56	11143095	TRẦN NGỌC PHƯƠNG	THẢO	13/12/93	DH11KM															
57	11143096	TRỊNH THỊ THU	THẢO	/ /93	DH11KM															
58	11143023	PHẠM NGỌC	THẮNG	06/05/93	DH11KM															
59	11143099	CAO THỊ LỆ	THU	10/05/93	DH11KM															
60	11143197	ĐÀO THỊ THU	THỦY	14/05/93	DH11KM															
61	12120136	TRẦN THỊ XUÂN	THỦY	21/09/94	DH12KM															
62	12120527	LÊ THỊ THANH	THÚY	05/09/94	DH12KM															
63	11143213	TRẦN NGUYỄN ANH	THƯ	17/03/93	DH11KM															
64	12120138	HỒ THỊ	THƯƠNG	26/12/94	DH12KM															
65	12120140	NGUYỄN THỊ THỦY	TIÊN	03/05/94	DH12KM															
66	11143198	TÔ DUY	TIẾN	15/08/93	DH11KM															
67	12120509	LÊ THỊ	TÌNH	28/02/93	DH12KM															
68	12120143	LÊ THỊ HUYỀN	TRANG	11/03/94	DH12KM															
69	11143108	NGUYỄN HUYỀN	TRANG	26/05/93	DH11KM															
70	11143112	TRẦN THỊ THU	TRANG	06/07/93	DH11KM															
71	11143026	NGUYỄN THỊ BẢO	TRÂM	07/10/93	DH11KM															
72	11143027	NGUYỄN TRỌNG	TRÍ	08/05/93	DH11KM															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kinh tế quản lý môi trường DN (208613) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 3
CBGD TS. Đặng Thanh Hà (272)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	12120205	TRẦN THỊ THANH	TUYỀN	01/11/94	DH12KM															
74	11143116	LÊ THỊ	TUYẾT	12/01/93	DH11KM															
75	12120160	TRẦN THỊ THU	UYÊN	18/10/94	DH12KM															
76	12120625	NGUYỄN THỊ CẨM	VÂN	15/09/94	DH12KM															
77	11143233	NGUYỄN THU	VÂN	05/08/93	DH11KM															
78	11143146	ĐẶNG KIỀU THÚY	VY	15/01/93	DH11KM															
79	12120320	ĐẶNG THỊ TUYẾT	XUÂN	20/12/94	DH12KM															
80	12120166	NGUYỄN THỊ HOÀNG	YẾN	28/02/94	DH12KM															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Kiến tập sinh thái (208619) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 1
CBGD TS. Đặng Thanh Hà (272)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	12120038	ĐẶNG XUÂN	AN	01/01/94	DH12KM															
2	12120039	ĐOÀN HOÀNG	AN	02/10/94	DH12KM															
3	12120249	MAI THỊ TRÂM	ANH	10/06/94	DH12KM															
4	12120043	TRẦN THỊ TÚ	ANH	01/08/92	DH12KM															
5	12120365	TRẦN VÂN	ANH	01/05/93	DH12KM															
6	12120392	TRẦN VÂN	ANH	01/11/94	DH12KM															
7	12120246	LÊ THỊ HỒNG	ÁNH	22/08/94	DH12KM															
8	12120046	NGUYỄN HUY	BÌNH	18/04/94	DH12KM															
9	12120254	NGUYỄN THỊ MỸ	CHÂU	23/01/94	DH12KM															
10	12120361	NGUYỄN THỊ	CHI	19/02/94	DH12KM															
11	12120049	NGUYỄN THỊ KIM	CHI	07/05/94	DH12KM															
12	12120396	TRẦN MINH	CHIẾN	27/03/92	DH12KM															
13	12120580	ĐỒNG THỊ	CHUNG	14/05/94	DH12KM															
14	12120182	NGUYỄN MAI	CƯỜNG	17/09/94	DH12KM															
15	12120050	CAO THỊ HUỲNH	DAO	30/01/94	DH12KM															
16	12120243	TRƯƠNG THỊ KIỀU	DIỄM	22/12/93	DH12KM															
17	12120263	LÊ NGỌC	DIỆP	08/01/93	DH12KM															
18	12120054	PHẠM NGUYỄN CẨM	DUNG	27/08/94	DH12KM															
19	12120265	PHẠM ĐĂNG	DUY	05/10/94	DH12KM															
20	12120529	TRẦN VŨ NHẬT	DUY	11/03/94	DH12KM															
21	12120184	MAI NGUYỄN PHẨM	DUYÊN	01/07/94	DH12KM															
22	12120400	ĐỒNG ĐƠN	ĐỊNH	24/07/94	DH12KM															
23	12120582	LÊ BÁ TRỌNG	ĐỨC	15/09/92	DH12KM															
24	12120401	NGUYỄN QUỐC TRẦN	ĐỨC	15/10/93	DH12KM															
25	12120578	TRẦN LỘC	ĐỨC	03/05/94	DH12KM															
26	12120063	NGUYỄN THỊ	HẠNH	15/07/94	DH12KM															
27	12120282	NGUYỄN ĐỨC	HÀO	21/09/93	DH12KM															
28	12120256	BÙI THỊ THANH	HẰNG	15/05/94	DH12KM															
29	12120252	DƯƠNG THU	HẰNG	16/04/94	DH12KM															
30	12120259	HÀ THỊ CẨM	HẰNG	06/08/94	DH12KM															
31	12120064	HUỲNH THỊ THANH	HẰNG	20/10/94	DH12KM															
32	12120299	NGUYỄN NGỌC PHƯỢNG	HẰNG	26/12/94	DH12KM															
33	12120066	DƯƠNG NGỌC BẢO	HÂN	15/08/94	DH12KM															
34	12120612	LÊ NHƯ	HÂN	28/05/94	DH12KM															
35	12120293	NGUYỄN HOÀNG THỤC	HÂN	25/11/94	DH12KM															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kiến tập sinh thái (208619) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 1
CBGD TS. Đặng Thanh Hà (272)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	12120583	HOÀNG VĂN	HẬU	06/08/94	DH12KM															
37	12120069	TRẦN MỸ	HIỀN	24/03/94	DH12KM															
38	12120003	PHẠM CHÍ	HIẾU	16/04/94	DH12KM															
39	12120004	NGUYỄN THỊ	HOA	23/08/94	DH12KM															
40	12120209	LƯƠNG THỊ	HÒA	10/10/94	DH12KM															
41	12120584	NGUYỄN THỊ	HOÀI	26/11/93	DH12KM															
42	12120076	NGUYỄN THỊ THANH	HUYỀN	07/03/94	DH12KM															
43	12120586	TRẦN LÊ MỸ	HUYỀN	05/08/94	DH12KM															
44	12120514	HUỲNH THỊ HUẾ	HƯƠNG	01/05/94	DH12KM															
45	12120306	NGUYỄN THỊ QUẾ	HƯƠNG	16/09/94	DH12KM															
46	12120077	NGUYỄN THỊ THU	HƯƠNG	07/05/94	DH12KM															
47	12120390	TRẦN TRÚC	HƯƠNG	16/12/94	DH12KM															
48	12120170	PHẠM THỊ THU	HƯỜNG	07/05/94	DH12KM															
49	12120007	NGÔ NGUYỄN CHÂU	KHANH	22/05/94	DH12KM															
50	12120080	NGÔ HỮU	KHIÊM	24/08/93	DH12KM															
51	12120081	NGUYỄN THẾ	KIỆT	03/12/94	DH12KM															
52	12120008	NGUYỄN THỊ THÚY	KIỀU	01/04/94	DH12KM															
53	12120473	HUỲNH THỊ	LÀNH	23/04/94	DH12KM															
54	12120210	LÔ THỊ THANH	LÂM	10/08/94	DH12KM															
55	12120389	ĐỖ THỊ MỸ	LỆ	13/04/94	DH12KM															
56	12120410	NGUYỄN THỊ	LỆ	11/02/94	DH12KM															
57	12120084	NGUYỄN THỊ THÙY	LIÊN	24/11/94	DH12KM															
58	12120588	LÊ THỊ BÍCH	LIỄU	09/05/94	DH12KM															
59	12120466	TRẦN THỊ KIM	LINH	15/01/94	DH12KM															
60	12120087	TRẦN THỊ NHẠN	LINH	07/04/94	DH12KM															
61	12120394	VÕ NGỌC TRÚC	LINH	19/03/94	DH12KM															
62	12120618	NGUYỄN TẤN	LỘC	04/05/93	DH12KM															
63	12120092	NGUYỄN HOÀNG DUY	LUYN	10/10/93	DH12KM															
64	12120093	PHẠM PHƯƠNG	MAI	25/06/94	DH12KM															
65	12120324	ĐẶNG LÊ	MINH	10/12/94	DH12KM															
66	12120476	ĐẶNG THỊ TUYẾT	MINH	15/01/93	DH12KM															
67	12120399	LÊ THỊ NGỌC	MINH	23/12/94	DH12KM															
68	12120275	TẠ SIÊU	MINH	16/08/93	DH12KM															
69	12120555	NGUYỄN THỊ DIỄM	MY	02/06/94	DH12KM															
70	12120097	NGUYỄN THỊ LỆ	MY	21/07/94	DH12KM															
71	12120590	LÊ THỊ THANH	NA	19/07/94	DH12KM															
72	12120010	PHAN HOÀNG	NAM	27/05/94	DH12KM															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kiến tập sinh thái (208619) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 1
CBGD TS. Đặng Thanh Hà (272)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	12120099	PHẠM THỊ HỒNG	NGÂN	17/02/94	DH12KM															
74	12120239	NGUYỄN THỊ THÙY	NGOAN	21/07/93	DH12KM															
75	12120337	ĐOÀN THỊ HỒNG	NGỌC	26/11/94	DH12KM															
76	12120362	ĐỖ LƯƠNG NHƯ	NGỌC	10/10/94	DH12KM															
77	12120031	LÊ THỊ MỸ	NGỌC	27/01/93	DH12KM															
78	12120459	LÊ THỊ THANH	NGỌC	10/10/94	DH12KM															
79	12120422	NGUYỄN ĐỖ LINH THÀ	NGỌC	31/10/94	DH12KM															
80	12120012	LÂM THỊ THU	NGUYÊN	04/12/94	DH12KM															
81	12120556	NGUYỄN THANH THẢO	NGUYÊN	11/12/94	DH12KM															
82	12120302	VÕ VĂN	NGUYÊN	11/08/91	DH12KM															
83	12120338	PHẠM THỊ THANH	NHÀN	05/03/94	DH12KM															
84	12120557	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	24/10/94	DH12KM															
85	12120416	NGUYỄN YẾN	NHI	04/12/94	DH12KM															
86	12120596	LÊ HOÀNG UYỂN	NHƯ	11/09/94	DH12KM															
87	12120274	LÊ THỊ QUỲNH	NHƯ	04/06/93	DH12KM															
88	12120108	TRẦN THỊ HUỲNH	NHƯ	12/02/94	DH12KM															
89	12120111	LÊ THỊ KIM	OANH	25/08/94	DH12KM															
90	12120245	K' ANH	PHÚC	07/10/93	DH12KM															
91	12120114	TRƯƠNG VĂN	PHÚC	09/08/94	DH12KM															
92	12120115	MAI THỊ KIM	PHỤNG	19/08/94	DH12KM															
93	12120017	NGUYỄN THỊ	PHƯỢNG	25/06/94	DH12KM															
94	12120331	VÕ TRUNG	QUYỀN	24/09/94	DH12KM															
95	12120035	NGUYỄN NGỌC	SƠN	12/06/94	DH12KM															
96	12120122	ĐỖ THỊ HỒNG	SƯƠNG	13/03/94	DH12KM															
97	12120485	LƯƠNG THỊ NGỌC	SƯƠNG	11/05/93	DH12KM															
98	12120123	NGUYỄN CÔNG	TÀI	13/05/94	DH12KM															
99	12120304	HUỲNH HỒ THIỆN	TÂM	17/10/94	DH12KM															
100	12120300	NGUYỄN LINH	TÂM	18/05/94	DH12KM															
101	12120125	TRẦN THỊ BĂNG	TÂM	15/12/94	DH12KM															
102	12120285	PHAN NGUYỄN NHỰT	TÂN	01/05/94	DH12KM															
103	12120373	LÝ THU	THẢO	15/11/94	DH12KM															
104	12120355	TẠ THỊ THU	THẢO	08/10/94	DH12KM															
105	12120579	TRƯƠNG THỊ THANH	THẢO	04/11/94	DH12KM															
106	12120288	NGUYỄN CHIẾN	THẮNG	20/03/93	DH12KM															
107	12120201	PHAN THỊ ANH	THI	19/11/94	DH12KM															
108	12120177	BÙI THỊ XUÂN	THU	15/11/94	DH12KM															
109	12120441	NGUYỄN THỊ	THU	08/08/94	DH12KM															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kiến tập sinh thái (208619) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 1
CBGD TS. Đặng Thanh Hà (272)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
110	12120130	TRIỆU THỊ	THU	08/08/94	DH12KM															
111	12120434	PHẠM LÃ TRỌNG	THUẬN	11/12/93	DH12KM															
112	12120536	NGUYỄN THỊ	THÚY	28/01/94	DH12KM															
113	12120202	NGUYỄN THỊ MỘNG	THUÝ	08/06/94	DH12KM															
114	12120133	TRẦN THỊ	THUÝ	01/11/94	DH12KM															
115	12120439	PHAN THỊ MINH	THƯ	26/07/94	DH12KM															
116	12120494	HOÀNG NGUYỄN HOÀI	THƯƠNG	18/09/94	DH12KM															
117	12120303	ĐẶNG THỊ CẨM	TIÊN	10/10/94	DH12KM															
118	12120465	LÊ THỊ CẨM	TIÊN	15/09/94	DH12KM															
119	12120566	TRẦN THỊ CẨM	TIÊN	15/11/94	DH12KM															
120	12120251	NGUYỄN TRỊNH	TIỀN	27/12/93	DH12KM															
121	12120509	LÊ THỊ	TÌNH	28/02/93	DH12KM															
122	12120145	NGÔ NGỌC HUYỀN	TRANG	02/06/94	DH12KM															
123	12120622	NGUYỄN THỊ KIỀU	TRANG	28/05/94	DH12KM															
124	12120314	TRẦN THỊ NGỌC	TRANG	28/12/93	DH12KM															
125	12120350	VŨ THỊ HẢI	TRANG	28/12/94	DH12KM															
126	12120148	VŨ THIÊN	TRANG	12/12/94	DH12KM															
127	12120149	NGUYỄN THÙY THƯƠNG	TRÂM	30/06/94	DH12KM															
128	12120204	PHAN VÕ BẢO	TRÂM	31/05/94	DH12KM															
129	12120150	VÕ THỊ NGỌC	TRÂM	24/04/94	DH12KM															
130	12120623	CAO THỊ BỬU	TRÂN	30/07/93	DH12KM															
131	12120341	ĐINH THỊ THẢO	TRÂN	28/06/94	DH12KM															
132	12120153	NGUYỄN THỊ LAN	TRINH	08/08/94	DH12KM															
133	12120155	ĐỖ THÀNH	TRUNG	24/02/94	DH12KM															
134	12120500	HỒ THỊ THANH	TUYỀN	07/10/94	DH12KM															
135	12120205	TRẦN THỊ THANH	TUYỀN	01/11/94	DH12KM															
136	12120158	HỒ NGỌC	TUYẾN	03/10/93	DH12KM															
137	12120445	BÙI THỊ	TUYẾT	09/02/94	DH12KM															
138	12120037	NGUYỄN THỊ	TUYẾT	06/06/94	DH12KM															
139	12120206	CHU PHƯƠNG	UYÊN	10/11/94	DH12KM															
140	12120160	TRẦN THỊ THU	UYÊN	18/10/94	DH12KM															
141	12120161	TRẦN THẾ	VĂN	10/07/94	DH12KM															
142	12120162	HỒ THỊ THU	VÂN	13/10/94	DH12KM															
143	12120625	NGUYỄN THỊ CẨM	VÂN	15/09/94	DH12KM															
144	12120506	NGUYỄN THỊ TRÚC	VI	28/07/94	DH12KM															
145	12120180	ĐẶNG THANH	VỦ	19/11/94	DH12KM															
146	12120486	PHẠM THIÊN	VŨ	16/10/94	DH12KM															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kiến tập sinh thái (208619) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 1
CBGD TS. Đặng Thanh Hà (272)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
147	12120320	ĐẶNG THỊ TUYẾT	XUÂN	20/12/94	DH12KM															
148	12120505	PHAN THỊ THANH	XUÂN	25/05/94	DH12KM															
149	12120444	TRẦN THỊ	XUÂN	28/01/94	DH12KM															
150	12120602	TRẦN THỊ KIM	YẾN	08/11/92	DH12KM															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Kiến tập sinh thái (208619) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 1
CBGD TS. Đặng Thanh Hà (272)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	12120040	LÊ THỊ THÚY	AN	12/06/94	DH12KM															
2	12120233	LÊ CÔNG BẢO	ANH	09/08/94	DH12KM															
3	12120581	PHẠM THỊ BẢO	ANH	11/09/94	DH12KM															
4	12120455	VŨ THỊ LAN	ANH	28/02/93	DH12KM															
5	12120448	NGUYỄN THỊ NGỌC	ÁNH	13/03/94	DH12KM															
6	12120498	NGUYỄN TẤN	BẢO	04/06/94	DH12KM															
7	12120045	ĐỒNG THỊ MỸ	BÌNH	05/02/94	DH12KM															
8	12120359	NGUYỄN THÁI	BÌNH	20/03/94	DH12KM															
9	12120260	PHẠM KHÁNH	DĂN	20/09/94	DH12KM															
10	12120363	HUỲNH THỊ THÚY	DIỄM	02/08/94	DH12KM															
11	12120270	NGUYỄN THỊ	DUNG	15/03/94	DH12KM															
12	10143011	NGUYỄN NGỌC MINH	DUY	04/10/92	DH10KM															
13	12120183	PHAN VŨ LÊ	DUY	22/05/94	DH12KM															
14	12120480	ĐỖ THỊ BÍCH	DUYÊN	17/02/93	DH12KM															
15	12120247	HUỲNH DŨNG	DƯƠNG	02/09/94	DH12KM															
16	12120056	HUỲNH THỊ THÙY	DƯƠNG	10/07/94	DH12KM															
17	12120281	TRƯƠNG THỊ THÙY	DƯƠNG	01/02/94	DH12KM															
18	12120060	LÔ THỊ	ĐIỆP	05/02/94	DH12KM															
19	12120405	LÊ THỊ MỸ	HẠNH	02/08/94	DH12KM															
20	12120283	TRẦN THỊ MỸ	HẠNH	10/07/94	DH12KM															
21	12120269	MAI THỊ KIM	HẰNG	26/04/94	DH12KM															
22	12120187	DƯƠNG THỊ MỸ	HÂN	17/03/94	DH12KM															
23	12120592	ĐẶNG CÔNG	HẬU	04/04/94	DH12KM															
24	12120549	LÊ THỊ	HIỀN	10/03/94	DH12KM															
25	12120188	NGUYỄN THỊ NGỌC	HIỆP	01/03/94	DH12KM															
26	12120258	NGUYỄN NHƯ	HOÀNG	12/12/93	DH12KM															
27	12120296	NGUYỄN THANH	HOÀNG	05/04/94	DH12KM															
28	12120613	NGUYỄN LÊ	HUY	25/10/94	DH12KM															
29	12120189	BÙI THỊ	HUYỀN	19/11/94	DH12KM															
30	12120075	NGUYỄN THỊ	HUYỀN	13/07/94	DH12KM															
31	12120261	NGUYỄN THANH	HƯNG	19/02/94	DH12KM															
32	12120289	HOÀNG THỊ DIỄM	HƯƠNG	02/05/93	DH12KM															
33	12120387	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	19/11/94	DH12KM															
34	12120079	TỐNG AN	KHANG	25/11/94	DH12KM															
35	12120042	LÝ THỊ PHI	KHANH	07/11/94	DH12KM															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kiến tập sinh thái (208619) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 1
CBGD TS. Đặng Thanh Hà (272)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	12120313	LÊ THỊ MỸ	KIM	20/08/94	DH12KM															
37	12120082	NGUYỄN THỊ NGỌC	LA	05/08/94	DH12KM															
38	12120083	PHAN THỊ	LÀI	20/09/94	DH12KM															
39	12120367	NGUYỄN THỊ MỸ	LỆ	05/09/94	DH12KM															
40	12120172	NGUYỄN THỊ NGỌC	LIÊN	28/09/94	DH12KM															
41	12120493	BÙI HUỆ ĐỨC MỸ	LINH	31/10/94	DH12KM															
42	12120526	HỒNG THỊ PHƯƠNG	LINH	14/09/94	DH12KM															
43	12120085	LÊ DIỆU TUYẾT	LINH	09/02/94	DH12KM															
44	12120192	TRIỆU THỊ YẾN	LINH	11/06/94	DH12KM															
45	12120088	HUỲNH THỊ MỸ	LOAN	27/12/93	DH12KM															
46	12120626	NGUYỄN THỊ KIỀU	LOAN	26/12/94	DH12KM															
47	12120090	TRẦN BẢO	LONG	26/03/93	DH12KM															
48	12120211	TRẦN THỊ	LỢI	04/12/94	DH12KM															
49	12120091	NGUYỄN THỊ LƯU	LUYẾN	21/05/94	DH12KM															
50	12120267	PHAN THÀNH	LỰC	24/07/94	DH12KM															
51	12120175	NGUYỄN THỊ THU	LÝ	02/10/94	DH12KM															
52	12120094	LÊ NGUYỄN NGỌC	MẪN	15/07/94	DH12KM															
53	12120421	NGUYỄN THỊ	MẾN	12/10/93	DH12KM															
54	12120096	PHẠM THU	MINH	21/08/94	DH12KM															
55	12120475	TRẦN NGỌC BÌNH	MINH	18/06/94	DH12KM															
56	12120594	TRƯƠNG THỊ MY	MY	02/12/94	DH12KM															
57	12120589	NGUYỄN THỊ THÙY	MỴ	07/02/94	DH12KM															
58	12120519	KIỀU MINH	NAM	10/11/94	DH12KM															
59	12120591	NGUYỄN TRẤN	NAM	28/09/94	DH12KM															
60	12120398	NGUYỄN THỊ CHỨC	NĂNG	11/05/93	DH12KM															
61	12120194	LÊ THỊ DIỆU	NGÂN	14/02/94	DH12KM															
62	12120524	PHAN THỊ KIM	NGÂN	14/09/94	DH12KM															
63	12120100	VÕ NHẬT KIM	NGÂN	06/12/94	DH12KM															
64	12120508	HÀ MINH	NGHI	02/09/94	DH12KM															
65	12120627	HOÀNG THỊ ÁNH	NGỌC	28/10/93	DH12KM															
66	12120102	LÊ THỊ NHƯ	NGỌC	13/10/94	DH12KM															
67	12120013	BÙI THỊ ÁNH	NGUYỆT	26/12/94	DH12KM															
68	12120106	BÙI YẾN	NHI	01/10/94	DH12KM															
69	12120107	NGUYỄN THỊ UYỂN	NHI	03/01/94	DH12KM															
70	12120393	PHẠM VÂN	NHI	08/10/94	DH12KM															
71	12120558	NGUYỄN TẤT	NHIÊN	28/08/94	DH12KM															
72	12120197	VĂN THỊ THÙY	NHIÊN	30/12/94	DH12KM															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kiến tập sinh thái (208619) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 1
CBGD TS. Đặng Thanh Hà (272)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	12120014	PHAN THỊ MỸ	NHUNG	27/08/94	DH12KM															
74	12120199	NGUYỄN THỊ	NỞ	20/09/93	DH12KM															
75	12120118	HỒ THỊ	PHƯỚC	12/11/94	DH12KM															
76	12120482	ĐINH UYÊN	PHƯƠNG	26/10/94	DH12KM															
77	12120120	QUÁCH THỊ HỒNG	PHƯỢNG	09/04/94	DH12KM															
78	12120121	HỒ THỊ MỸ	QUY	02/08/94	DH12KM															
79	12120487	BÙI HIỀN	QUYÊN	20/05/94	DH12KM															
80	12120451	NGUYỄN LỆ	QUYÊN	01/01/94	DH12KM															
81	12120429	TRẦN THỊ HỒNG	RIÊNG	07/09/94	DH12KM															
82	12120488	TRẦN THỊ THANH	TÂM	02/01/94	DH12KM															
83	12120321	TRẦN THỊ	THANH	03/07/94	DH12KM															
84	12120436	TRẦN THỊ THANH	THANH	30/11/94	DH12KM															
85	12120323	BÙI NGỌC	THẢO	29/06/94	DH12KM															
86	12120490	ĐẶNG THỊ THU	THẢO	01/09/94	DH12KM															
87	12120560	NGUYỄN THỊ	THẢO	06/02/94	DH12KM															
88	12120432	NGUYỄN THỊ THU	THẢO	24/10/94	DH12KM															
89	12120403	TRẦN THỊ	THẢO	10/05/93	DH12KM															
90	12120544	BÙI THỊ HỒNG	THẮM	14/07/93	DH12KM															
91	11143171	NGUYỄN HUỲNH	THI	07/10/93	DH11KM															
92	12120413	HUỲNH TRÚC	THIÊN	23/06/94	DH12KM															
93	12120128	TRƯƠNG NGUYỄN KIM	THOA	06/01/94	DH12KM															
94	12120129	ĐÀO THỊ	THU	02/05/94	DH12KM															
95	12120601	NGUYỄN THỊ MỘNG	THÙY	09/05/94	DH12KM															
96	12120271	NGUYỄN THỊ THANH	THỦY	16/02/94	DH12KM															
97	12120563	PHẠM THỊ NHƯ	THỦY	06/06/94	DH12KM															
98	12120382	TRẦN THỊ THÁI	THỦY	20/12/93	DH12KM															
99	12120527	LÊ THỊ THANH	THÚY	05/09/94	DH12KM															
100	12120307	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THÚY	10/10/94	DH12KM															
101	12120604	PHAN THANH	THÚY	22/09/94	DH12KM															
102	12120438	NGUYỄN MINH	THƯ	29/09/94	DH12KM															
103	12120138	HỒ THỊ	THƯƠNG	26/12/94	DH12KM															
104	12120178	HUỲNH THỊ	THƯƠNG	14/04/94	DH12KM															
105	12120139	TRẦN HOÀI	THƯƠNG	23/10/94	DH12KM															
106	12120140	NGUYỄN THỊ THỦY	TIÊN	03/05/94	DH12KM															
107	12120141	TRẦN ĐỨC	TIẾN	07/02/94	DH12KM															
108	12120346	ĐẶNG THỊ HUYỀN	TRANG	25/12/93	DH12KM															
109	12120143	LÊ THỊ HUYỀN	TRANG	11/03/94	DH12KM															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Kiến tập sinh thái (208619) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 1
CBGD TS. Đặng Thanh Hà (272)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
110	12120147	THÁI NGUYỄN MINH	TRANG	01/01/94	DH12KM															
111	12120576	NGUYỄN HOÀNG	TRÂM	21/06/94	DH12KM															
112	12120151	NGUYỄN PHAN THỊ BẢ	TRÂN	06/09/94	DH12KM															
113	12120440	VÕ NGỌC	TRÂN	28/10/94	DH12KM															
114	12120534	NGUYỄN PHƯƠNG	TRINH	10/11/94	DH12KM															
115	12120457	PHẠM THỊ CẨM	TRINH	20/10/94	DH12KM															
116	12120312	NGUYỄN THỊ THANH	TRÚC	22/09/94	DH12KM															
117	12120156	ĐẶNG QUỐC	TUẤN	29/07/94	DH12KM															
118	12120159	ĐẶNG THANH	TÙNG	16/10/94	DH12KM															
119	12120542	NGUYỄN THỊ THANH	TUYỀN	14/11/94	DH12KM															
120	12120502	TRẦN LÊ	VÂN	09/05/94	DH12KM															
121	12120458	BẠCH THỊ TƯỜNG	VI	01/10/93	DH12KM															
122	12120456	HÀ THỊ KIỀU	VIÊN	26/01/94	DH12KM															
123	12120453	HUỲNH THÁI NHẬT	VŨ	18/12/93	DH12KM															
124	12120326	ĐÀO THỊ MINH	VY	27/04/94	DH12KM															
125	12120165	MAI BÌNH	YÊN	07/05/94	DH12KM															
126	12120409	LÊ HOÀNG	YẾN	04/10/94	DH12KM															
127	12120166	NGUYỄN THỊ HOÀNG	YẾN	28/02/94	DH12KM															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Phương pháp NCKH TN_MT (208621) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD TS. Đặng Minh Phương (287)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	12120039	ĐOÀN HOÀNG	AN	02/10/94	DH12KM															
2	11173002	LÊ THỊ PHƯƠNG	ANH	09/04/92	DH11KM															
3	11143029	LÊ XUÂN	ANH	06/09/93	DH11KM															
4	11143181	PHAN THỊ	CHÂU	06/02/93	DH11KM															
5	12120361	NGUYỄN THỊ	CHI	19/02/94	DH12KM															
6	12120363	HUỲNH THỊ THÚY	DIỄM	02/08/94	DH12KM															
7	12120054	PHẠM NGUYỄN CẨM	DUNG	27/08/94	DH12KM															
8	12120529	TRẦN VŨ NHẬT	DUY	11/03/94	DH12KM															
9	11143226	LÊ PHAN HUYỀN	DUYÊN	24/04/93	DH11KM															
10	11143185	NGUYỄN THỊ NGỌC	DUYÊN	31/07/93	DH11KM															
11	11143160	HỒ PHƯỚC	ĐẠI	31/01/93	DH11KM															
12	10143022	PHẠM VĂN	ĐẠI	28/02/92	DH10KM															
13	11143046	LÊ THỊ HỒNG	GẤM	13/09/92	DH11KM															
14	12120259	HÀ THỊ CẨM	HẰNG	06/08/94	DH12KM															
15	12120064	HUỲNH THỊ THANH	HẰNG	20/10/94	DH12KM															
16	11143051	NGUYỄN THỊ THÚY	HẰNG	20/11/93	DH11KM															
17	11143246	PHẠM THANH	HẰNG	14/08/93	DH11KM															
18	12120066	DƯƠNG NGỌC BẢO	HÂN	15/08/94	DH12KM															
19	12120069	TRẦN MỸ	HIỀN	24/03/94	DH12KM															
20	11143216	TRẦN THỊ	HIỀN	12/06/93	DH11KM															
21	11143215	TÔ MINH	HIẾU	23/07/93	DH11KM															
22	11143007	LÊ THỊ	HOA	25/03/93	DH11KM															
23	12120258	NGUYỄN NHƯ	HOÀNG	12/12/93	DH12KM															
24	11143178	TRẦN THỊ MINH	HỒNG	01/06/93	DH11KM															
25	11143155	TRẦN THỊ	HUYỀN	03/04/93	DH11KM															
26	12120261	NGUYỄN THANH	HƯNG	19/02/94	DH12KM															
27	12120387	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	19/11/94	DH12KM															
28	11143010	TRẦN THỊ THU	HƯƠNG	11/12/93	DH11KM															
29	11143156	NGUYỄN HOÀNG DUY	KHANH	21/07/93	DH11KM															
30	11143158	VÕ NGỌC BẢO	KHUYÊN	10/07/93	DH11KM															
31	11143065	NGUYỄN HỒNG	KIM	29/12/93	DH11KM															
32	12120083	PHAN THỊ	LÀI	20/09/94	DH12KM															
33	11143067	HUỲNH THỊ HOÀNG	LAN	03/02/92	DH11KM															
34	11143220	TRẦN NGÔ MỸ	LAN	14/07/89	DH11KM															
35	11143170	TRẦN THỊ KIM	LIÊN	10/07/92	DH11KM															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Phương pháp NCKH TN_MT (208621) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD TS. Đặng Minh Phương (287)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	11143232	PHAN VỦ	LINH	/ /92	DH11KM															
37	11143012	QUÁCH LAN	LINH	30/06/93	DH11KM															
38	12120088	HUỲNH THỊ MỸ	LOAN	27/12/93	DH12KM															
39	11143072	TRƯƠNG NGUYỄN PHƯƠ	LỘC	28/03/91	DH11KM															
40	11143221	HOÀNG THỊ	LỤA	12/08/93	DH11KM															
41	11143032	HỒ NGỌC BẢO	LY	14/11/93	DH11KM															
42	12120097	NGUYỄN THỊ LỆ	MY	21/07/94	DH12KM															
43	12120594	TRƯƠNG THỊ MY	MY	02/12/94	DH12KM															
44	11143015	VŨ HÀ	MY	03/07/93	DH11KM															
45	12120519	KIỀU MINH	NAM	10/11/94	DH12KM															
46	12120100	VÕ NHẬT KIM	NGÂN	06/12/94	DH12KM															
47	11143073	LƯƠNG TRỌNG	NGHĨA	08/10/93	DH11KM															
48	11143075	NGUYỄN THỊ NHƯ	NGỌC	17/03/93	DH11KM															
49	11143077	HOÀNG THỊ THU	NGUYÊN	11/12/93	DH11KM															
50	11143078	LƯƠNG TRẦN ĐÀI	NGUYÊN	20/09/93	DH11KM															
51	12120425	NGUYỄN MINH	NGUYÊN	22/07/94	DH12KM															
52	11143248	NGUYỄN NGỌC THẢO	NGUYÊN	28/03/93	DH11KM															
53	11143082	KHA MINH	NHẬT	09/09/93	DH11KM															
54	12120416	NGUYỄN YẾN	NHI	04/12/94	DH12KM															
55	12120596	LÊ HOÀNG UYỂN	NHƯ	11/09/94	DH12KM															
56	11143139	TRẦN THỊ	NHỰT	21/06/93	DH11KM															
57	11143084	NGUYỄN SO	NI	20/07/93	DH11KM															
58	11143177	NGUYỄN THỊ NGỌC	PHƯỢNG	13/06/93	DH11KM															
59	11143154	LÊ VĂN	QUANG	05/07/93	DH11KM															
60	11143186	NGUYỄN HY	QUÂN	20/02/93	DH11KM															
61	11143088	NGUYỄN THẾ	QUYỀN	07/03/92	DH11KM															
62	11143020	NGUYỄN THỊ TRÚC	QUYỀN	06/07/93	DH11KM															
63	11143188	DIỆP NHƯ	QUỲNH	10/12/93	DH11KM															
64	12120285	PHAN NGUYỄN NHỰT	TÂN	01/05/94	DH12KM															
65	11143194	BÙI THỊ	THÁI	24/12/93	DH11KM															
66	11143214	LÊ THỊ HỒNG	THANH	10/02/93	DH11KM															
67	11143209	NGUYỄN ĐOÀN HỒNG	THANH	14/06/93	DH11KM															
68	11143210	TRẦN THỊ KIM	THANH	09/11/93	DH11KM															
69	12120436	TRẦN THỊ THANH	THANH	30/11/94	DH12KM															
70	11143092	NGUYỄN THỊ	THÀNH	06/04/93	DH11KM															
71	11143173	HUỲNH THỊ BÍCH	THẢO	25/08/93	DH11KM															
72	12120373	LÝ THU	THẢO	15/11/94	DH12KM															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Phương pháp NCKH TN_MT (208621) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD TS. Đặng Minh Phương (287)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	11143093	NGUYỄN NGỌC	THẢO	19/09/93	DH11KM															
74	11143094	PHẠM THỊ PHƯƠNG	THẢO	08/08/93	DH11KM															
75	11143022	TRẦN LÊ PHƯƠNG	THẢO	17/01/93	DH11KM															
76	11143095	TRẦN NGỌC PHƯƠNG	THẢO	13/12/93	DH11KM															
77	11143097	VÕ THỊ THU	THẢO	07/01/93	DH11KM															
78	12120288	NGUYỄN CHIẾN	THẮNG	20/03/93	DH12KM															
79	12120434	PHẠM LÃ TRỌNG	THUẬN	11/12/93	DH12KM															
80	12120271	NGUYỄN THỊ THANH	THỦY	16/02/94	DH12KM															
81	11143247	ĐOÀN THỊ THANH	THÚY	01/01/93	DH11KM															
82	12120202	NGUYỄN THỊ MỘNG	THUÝ	08/06/94	DH12KM															
83	12120307	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THÚY	10/10/94	DH12KM															
84	11143141	NGUYỄN THỊ HỒNG	THƯ	13/01/93	DH11KM															
85	11143103	PHẠM ĐAN	THƯ	14/10/93	DH11KM															
86	11143213	TRẦN NGUYỄN ANH	THƯ	17/03/93	DH11KM															
87	11143104	ĐINH NGUYỄN HOÀI	THƯƠNG	29/06/93	DH11KM															
88	12120178	HUỲNH THỊ	THƯƠNG	14/04/94	DH12KM															
89	12120465	LÊ THỊ CẨM	TIÊN	15/09/94	DH12KM															
90	11143130	NGUYỄN THỊ KIỀU	TIÊN	27/03/93	DH11KM															
91	11143025	NGUYỄN THỊ THỦY	TIÊN	24/03/93	DH11KM															
92	12120509	LÊ THỊ	TÌNH	28/02/93	DH12KM															
93	11143108	NGUYỄN HUYỀN	TRANG	26/05/93	DH11KM															
94	11143110	NGUYỄN THỊ	TRANG	20/02/93	DH11KM															
95	11143142	TRẦN THỊ KIỀU	TRANG	20/05/93	DH11KM															
96	11143204	ĐINH NGỌC BẢO	TRÂM	11/01/93	DH11KM															
97	11143026	NGUYỄN THỊ BẢO	TRÂM	07/10/93	DH11KM															
98	11143174	LÊ THỊ MINH	TRÍ	15/10/93	DH11KM															
99	11143027	NGUYỄN TRỌNG	TRÍ	08/05/93	DH11KM															
100	11143183	BÙI THỊ	TRINH	02/04/93	DH11KM															
101	12120153	NGUYỄN THỊ LAN	TRINH	08/08/94	DH12KM															
102	11143228	NGUYỄN THỊ TÚ	TRINH	03/12/92	DH11KM															
103	11143242	PHẠM THỊ THANH	TRÚC	10/02/93	DH11KM															
104	11143114	NGUYỄN THỊ THU	TUYỀN	22/10/93	DH11KM															
105	12120205	TRẦN THỊ THANH	TUYỀN	01/11/94	DH12KM															
106	11143116	LÊ THỊ	TUYẾT	12/01/93	DH11KM															
107	12120160	TRẦN THỊ THU	UYÊN	18/10/94	DH12KM															
108	12120161	TRẦN THẾ	VĂN	10/07/94	DH12KM															
109	12120625	NGUYỄN THỊ CẨM	VÂN	15/09/94	DH12KM															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Phương pháp NCKH TN_MT (208621) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 2
CBGD TS. Đặng Minh Phương (287)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
110	12120456	HÀ THỊ KIỀU	VIÊN	26/01/94	DH12KM															
111	12120486	PHẠM THIÊN	VŨ	16/10/94	DH12KM															
112	11143222	TRƯƠNG VĂN	VƯƠNG	20/10/93	DH11KM															
113	12120320	ĐẶNG THỊ TUYẾT	XUÂN	20/12/94	DH12KM															
114	11143133	TRƯƠNG HỒNG	YẾN	24/06/93	DH11KM															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học/Nhóm Phương pháp NCKH TN_MT (208621) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 2
CBGD TS. Đặng Minh Phương (287)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	11143184	HOÀNG THỊ NGỌC	ANH	10/04/93	DH11KM															
2	11143001	HUỲNH NHẤT	ANH	07/12/93	DH11KM															
3	11143002	LÊ TUẤN	ANH	09/01/93	DH11KM															
4	12120448	NGUYỄN THỊ NGỌC	ÁNH	13/03/94	DH12KM															
5	11143148	VŨ THỊ NGỌC	ÁNH	20/07/92	DH11KM															
6	11143036	TRẦN QUỐC	BẢO	02/03/93	DH11KM															
7	11143191	HÀ THỊ THANH	CHI	01/10/93	DH11KM															
8	11143152	HỒ LÊ YẾN	CHI	05/04/93	DH11KM															
9	11143122	ĐÀO THỊ THANH	CHUNG	14/01/92	DH11KM															
10	11143136	NGUYỄN THỊ	DOANH	20/03/93	DH11KM															
11	11143187	ĐOÀN THỊ THÙY	DUNG	17/09/93	DH11KM															
12	11143042	TRẦN THỊ KIM	DUNG	10/07/93	DH11KM															
13	11143044	NGUYỄN THỊ THÙY	DƯƠNG	14/08/93	DH11KM															
14	11143045	TRẦN THỊ THÙY	DƯƠNG	26/03/93	DH11KM															
15	11143003	TRẦN HOÀNG LINH	GIANG	25/03/93	DH11KM															
16	11143166	PHẠM THỊ ĐA	GIÀU	30/04/93	DH11KM															
17	11143047	ĐỒNG THỊ VŨ	HÀ	11/01/93	DH11KM															
18	11143168	LÊ THỊ	HÀ	26/09/93	DH11KM															
19	11143048	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	26/12/93	DH11KM															
20	12120269	MAI THỊ KIM	HẰNG	26/04/94	DH12KM															
21	11143004	NGUYỄN THỊ THU	HẰNG	08/05/93	DH11KM															
22	11143162	TRẦN KIM	HẰNG	25/05/93	DH11KM															
23	12120612	LÊ NHƯ	HÂN	28/05/94	DH12KM															
24	11143052	BÙI NGỌC	HIỀN	15/01/93	DH11KM															
25	12120549	LÊ THỊ	HIỀN	10/03/94	DH12KM															
26	11143212	NGUYỄN THỊ	HIỀN	25/04/93	DH11KM															
27	11143031	TRẦN NGỌC	HIỆP	26/12/92	DH11KM															
28	11143009	ĐINH THẾ	HÒA	18/04/92	DH11KM															
29	11143057	HOÀNG THỊ	HỒNG	10/02/93	DH11KM															
30	11143059	TRẦN THỊ KIM	HUỆ	22/10/93	DH11KM															
31	11143061	ĐỖ THỊ	HUYỀN	01/02/93	DH11KM															
32	11143011	NÔNG THỊ	HƯỜNG	07/06/92	DH11KM															
33	12120626	NGUYỄN THỊ KIỀU	LOAN	26/12/94	DH12KM															
34	11143236	NGUYỄN THỊ	MAI	12/12/92	DH11KM															
35	12120324	ĐẶNG LÊ	MINH	10/12/94	DH12KM															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Phương pháp NCKH TN_MT (208621) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 2
CBGD TS. Đặng Minh Phương (287)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
36	11143234	LÊ THỊ	MY	15/03/93	DH11KM															
37	11143125	PHẠM THỊ DIỄM	MY	21/03/93	DH11KM															
38	11143126	LƯU NGỌC	MỸ	06/09/92	DH11KM															
39	12123225	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	03/04/94	DH12KE															
40	12120627	HOÀNG THỊ ÁNH	NGỌC	28/10/93	DH12KM															
41	12120031	LÊ THỊ MỸ	NGỌC	27/01/93	DH12KM															
42	11143074	NGUYỄN THỊ	NGỌC	17/08/93	DH11KM															
43	11143138	NGUYỄN THỊ MỸ	NGUYỆT	25/09/93	DH11KM															
44	11143182	HUỲNH THỊ ANH	NHÀN	19/10/93	DH11KM															
45	11143083	PHẠM THỊ HÀ	NHƯ	03/08/93	DH11KM															
46	11143140	NGUYỄN THỊ HOÀI	PHÚ	03/06/93	DH11KM															
47	11143087	MAI THỊ	PHƯỢNG	10/12/92	DH11KM															
48	12120121	HỒ THỊ MỸ	QUY	02/08/94	DH12KM															
49	12120487	BÙI HIỀN	QUYÊN	20/05/94	DH12KM															
50	11143089	NGUYỄN THỊ	SÂM	12/02/92	DH11KM															
51	11143238	NGUYỄN THỊ TUYẾT	SƯƠNG	22/12/93	DH11KM															
52	11143090	NGUYỄN THỊ MINH	TÂM	12/09/93	DH11KM															
53	11143021	NGUYỄN THỊ	THẢO	26/07/93	DH11KM															
54	11143096	TRỊNH THỊ THU	THẢO	/ /93	DH11KM															
55	12120544	BÙI THỊ HỒNG	THẮM	14/07/93	DH12KM															
56	11143098	NGÔ NGỌC	THẮM	28/12/93	DH11KM															
57	11143023	PHẠM NGỌC	THẮNG	06/05/93	DH11KM															
58	11143201	TRẦN THỊ	THỊNH	10/09/93	DH11KM															
59	11143172	TRẦN THANH KIM	THUẬN	15/02/92	DH11KM															
60	11143197	ĐÀO THỊ THU	THỦY	14/05/93	DH11KM															
61	12120536	NGUYỄN THỊ	THÚY	28/01/94	DH12KM															
62	12120133	TRẦN THỊ	THUÝ	01/11/94	DH12KM															
63	11143203	NGUYỄN THỊ TRANG	THƯ	24/02/93	DH11KM															
64	11143198	TÔ DUY	TIẾN	15/08/93	DH11KM															
65	11143196	TRẦN THỊ HƯƠNG	TRÀ	21/03/93	DH11KM															
66	11143131	HỒ KIỀU	TRANG	27/05/93	DH11KM															
67	11143109	NGUYỄN THÁI HỒNG	TRANG	17/08/93	DH11KM															
68	11143112	TRẦN THỊ THU	TRANG	06/07/93	DH11KM															
69	11143132	TRƯƠNG DIỄM	TRANG	22/03/92	DH11KM															
70	11143202	ĐÀO HỮU	TRÍ	29/05/93	DH11KM															
71	11143143	LÊ THỊ MỸ	TRINH	18/08/93	DH11KM															
72	11143144	NGUYỄN THỊ KIM	TUYỀN	28/04/93	DH11KM															

Danh Sách Điểm Danh

Môn Học/Nhóm Phương pháp NCKH TN_MT (208621) - Nhóm 02 Số Tín Chỉ: 2
CBGD TS. Đặng Minh Phương (287)

Nhóm TH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
73	11143115	HỒ THỊ MINH	TUYẾT	10/07/93	DH11KM															
74	11143118	PHẠM THỊ	VÓC	10/09/93	DH11KM															
75	11143119	LÊ	VŨ	04/09/92	DH11KM															
76	11143151	PHẠM NHƯ	Ý	15/08/93	DH11KM															
77	11143120	PHAN THỊ	YẾN	20/12/93	DH11KM															

In Ngày 05/10/2013

TP.HCM, Ngày 05 tháng 10 năm 2013
Người lập biểu